

PHẬT THUYẾT ĐẠI BÁT NÊ HOÀN KINH

Quyển Thứ Nhất

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 376

Hán dịch: Sa-môn Huệ Nghiêm

Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyên Tánh & Nguyên Hiễn

Việt dịch: Thích Nữ Liên Hương (07-2007)

Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 376 《佛說大般泥洹經》

【Kinh văn tu bản】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 376 《Phật thuyết Đại bát nê hoàn Kinh》

【Kinh văn tu bản】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 376 《Phật nói Đại bát nê hoàn Kinh》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1.20 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/14

【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.20 (UTF-8) phổ cập bản, hoàn thành nhật kỳ: 2004/11/14

【bản gốc kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.20 (UTF-8) khắp cùng bản, hoàn thành ngày: 2004/11/14

【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【biên tập thuyết minh】bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【biên tập thuyết minh】gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại-Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung

【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tường tế nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông, rõ ràng nhỏ nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

=====

=====

=====

佛說大般泥洹經卷第一
Phật thuyết Đại bát nê hoàn kinh quyển đệ nhất
PHẬT THUYẾT KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN
QUYỂN THỨ NHẤT
東晉平陽沙門法顯譯
Đông Tấn bình dương Sa Môn Pháp Hiền dịch

Sa-môn Pháp Hiền, người xứ Bình Dương, dịch Kinh này vào thời Đông Tấn

序品第一

Tự phẩm đệ nhất

Phẩm Thứ Nhất: Lời Tựa

如是我聞。一時佛在拘夷城力士生地。

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại câu di thành lục sĩ sanh địa.
Tôi nghe như vậy, một thời đức Phật ở thành Câu-di, chỗ Lục sĩ sanh,
熙連河側堅固林雙樹間。

Hi liên hà trắc kiên cố lâm song thụ gian.
giữa song thụ rừng Kiên Cố bên sông Hi Liên

與八百億比丘前後圍繞。二月十五日臨般泥洹。

Dữ bát bách ức Tỳ-kheo tiền hậu vây quanh, nhị nguyệt thập ngũ nhật lâm bát nê
hoàn。

cùng với tám trăm ức Tỳ-kheo trước sau vây quanh, nhằm ngày rằm tháng hai, lúc
sáng sớm bát Nê-hoàn.

時諸眾生各各悅樂。自計清淨無疑厭想。

Thời chư chúng sanh các các duyệt lạc. tự kế thanh tịnh vô nghi yếm tưởng.
Lúc ấy, các chúng sanh mỗi mỗi đều vui mừng, tự giữ thanh tịnh không còn tu
tưởng nhàm chán nghi ngờ.

忽自覺悟今日如來應供等正覺。哀愍世間覆護世間為世間。

Hốt tự giác ngộ kim nhật Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác. ai mãn thế gian phúc
hộ thế gian vi thế gian.

Hôm nay bỗng nhiên họ giác ngộ rằng Như Lai Ứng cúng đẳng chánh giác thương xót
thế gian, hộ trì che chở thế gian, vì thế gian

歸等觀眾生如視一子。恬淡寂滅大牟尼尊。

Quy đẳng quán chúng sanh như thị nhất tử. điềm đạm tịch diệt Đại Mâu Ni tôn.
mà làm chỗ nương về, xem chúng sanh như con một. Đại Mâu Ni Tôn mặc nhiên yên
lặng

告諸眾生今當滅度。諸有疑難皆應來問。

Cáo chư chúng sanh kim đương diệt độ. chư hữu nghi nan giai ứng lai vấn.
báo các chúng sanh rằng: Hôm nay Ta sẽ diệt độ, nếu có chỗ nghi đều nên bạch
hỏi,

為最後問。如是覺已各懷憂感。

Vi tối hậu vấn. như thị giác dĩ các hoài ưu thích
là lần hỏi sau cùng! Biết như vậy rồi tất cả đều rất đau buồn.

爾時世尊從其面門放種種光青黃赤白頗梨紅色。

Nhĩ thời Thế tôn tông kỳ diện môn phóng chủng chủng quang thanh hoàng xích bạch
pha-lê hồng sắc.

Lúc đó, Thế Tôn từ trước mặt phóng ra các thứ ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ,
trắng, pha lê, hồng.

明耀殊特普照三千大千世界乃至十方一切佛土。

Minh diệu thù đặc phổ chiếu tam Thiên Đại Thiên thế giới nãi chí thập phương
nhất thiết Phật độ

Ánh sáng thù thắng ấy chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới cho đến tất cả cõi
Phật trong mười phương.

六趣眾生其蒙光者。罪垢諸惱皆悉除滅。

Lục thú chúng sanh kỳ mông quang giả. tội cấu chư não giai tất trừ diệt
Chúng sanh trong sáu đường, ai gặp được ánh sáng này thì các tội cấu phiền não
đều tiêu trừ.

咸皆悲慟淚下如雨。更相謂言。

Hàm giai bi đống lệ hạ như vũ. canh tương vị ngôn.

Tất cả mọi người đều buồn khóc lệ rơi như mưa, liền bảo nhau rằng:

怪哉仁者世間虛空。怪哉仁者眾生福盡。

Quái tai nhân giả thế gian hư không. quái tai nhân giả chúng sanh phúc tận.
Lạ thay Nhân giả! Thế gian trống rỗng! lạ thay Nhân giả! Chúng sanh phước hết!

怪哉仁者苦法增長。如來不久當般泥洹。

Quái tai nhân giả khổ Pháp tăng trưởng. Như Lai bất cửu đương bát nê hoàn.
Lạ thay Nhân giả! Pháp khổ tăng trưởng. Như Lai không lâu sẽ bát Nê-hoàn.

一何駛哉世間虛空。一何駛哉世間眼滅。

Nhất hà quyết tai thế gian hư không. nhất quyết tai thế gian nhãn diệt.
Thế gian trống rỗng một cách sao mau quá! Con mắt của thế gian diệt mất một cách sao mau quá!

我等當共疾往詣佛禮拜供養。勸請世尊不般泥洹。

Ngã đẳng đương cộng tậ vãng nghê Phật lễ bái cung dưỡng. khuyên thỉnh Thế tôn
bất bát nê hoàn.

Chúng ta phải mau đến chỗ Phật để lễ bái cúng dường, thỉnh Thế Tôn không nhập
bát Nê-hoàn mà

住壽一劫若過一劫。若佛泥洹誰為我等親善慈導。

Trụ thọ nhất kiếp nhược quá nhất kiếp. nhược Phật nê hoàn thù vi ngã đẳng thân
thiện từ tôn.

ở đời thêm một kiếp hoặc hơn một kiếp. Nếu Phật Nê-hoàn thì còn ai là bậc Đạo sư
thân thiện dẫn dắt chúng ta?

誰為我等救諸厄難。是故仁等。

Thù vi ngã đẳng cứu chu ách nạn. thị cố nhân đẳng.

Ai cứu hộ các ách nạn cho chúng ta? Vì vậy, này các nhân giả!

有所不了當詣如來諮決所疑。爾時大地六種震動。

Hữu sở bất liễu đương nghê Như Lai ti quyết sở nghi. nhĩ thời Đại địa lục chủng
chấn động.

Ai có điều gì không rõ nên đến Như Lai để giải quyết chỗ nghi ngờ. Lúc đó, mặt
đất sáu loại chấn động.

時八百億比丘皆阿羅漢心得自在。

Thời bát bách ức Tỳ-kheo giai A La Hán tâm đắc tự-tại.

Bây giờ, có tám trăm ức Tỳ-kheo đều là những bậc A-la-hán tâm được tự tại,
所作已辦離諸煩惱。降伏諸根譬如大龍。

Sở tác dĩ bần ly chu phiền não. hàng phục chu căn thí như Đại long.

chỗ làm đã xong, lìa các phiền não, hàng phục các căn dường như đại long,
成就空慧速得己利。如梅檀林以為眷屬。

Thành tựu không tuệ đãi đắc kỳ lợi. như chiêm đàn lâm dĩ vi quyền thuộc.

thành tựu không tuệ, sớm được lợi mình như rừng chiêm đàn dùng làm quyền thuộc,
功德具足為佛真子。其名曰尊者迦旃延。尊者薄拘羅。

Công đức cụ túc vi Phật chân tử. kỳ danh viết Tôn-Giả ca chiêm duyên. Tôn-Giả
Bạc câu la.

công đức đầy đủ, đều là chân thật đệ tử Phật. Tên của các vị đó là Tôn giả Ca-
chiên-diên, Tôn giả Bạc-câu-la,

尊者優波難陀等。是諸比丘晨用楊枝澡漱清淨。

Tôn-Giả ưu ba Nan đà đẳng. thị chu Tỳ-kheo Thần dụng dương chi tảo sáu thanh
tịnh.

Tôn giả Ưu-ba-nan-đà. Sáng sớm, các Tỳ-kheo này đang nhậm nhành dương, súc miệng
sạch sẽ,

時有妙光來照其身。

Thời hữu diệu quang lai chiếu kỳ thân.

lúc có ánh sáng vi diệu chiếu đến nơi thân

如日初出照青樹葉赤脈悉現。此諸比丘亦復如是。

Như nhật sơ xuất chiếu thanh thụ diệp xích mạch tất hiện. thử chư Tỳ-kheo diệp phục như thị.

như lúc mặt trời mới mọc chiếu lá cây xanh nổi lên kẻ màu đỏ, các Tỳ-kheo này cũng lại như vậy.

舉身支節一切毛孔血流如雨心大苦痛。

Cử thân chi tiết nhất thiết mao khổng huyết lưu như vũ tâm Đại khổ thống.

Tất cả các lỗ chân lông trên thân máu chảy như mưa, tâm rất buồn đau.

哀愍安樂諸眾生故。欲發大乘方便密教故。教化因緣故。

Ai mẫn an lạc chư chúng sanh cố. dục phát Đại thừa phương tiện Mật Giáo cố. giáo hóa nhân duyên cố.

Vì thương xót an lạc cho các chúng sanh, vì muốn hiển phát giáo pháp Đại thừa phương tiện, vì muốn làm nhân duyên giáo hóa chúng sanh nên

疾澡漱訖來詣佛所。稽首禮足繞百千匝。

Tật táo sấu cật lai nghê Phật sở. khê thủ lễ túc nhiều bách thiên tạp.

các ngài tắm gội xong, mau đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng,

恭敬問訊於一面住。復有二十五億比丘尼。

Cung kính vấn tân ư nhất diện trụ. phục hữu nhị thập ngũ ức Tỳ-kheo-ni.

cung kính thăm hỏi rồi đứng qua một bên. Lại có hai mươi lăm ức Tỳ-kheo-ni

皆阿羅漢心得自在。所作已辦離諸煩惱。

Giai A La Hán tâm đắc tự-tại. sở tác dĩ bần ly chư phiền não.

đều là những bậc A-la-hán tâm được tự tại, chỗ làm đã làm xong, lìa các phiền não,

降伏諸根譬如大龍。成就空慧逮得己利。

Hàng phục chư căn thí như Đại long. thành tựu không tuệ đãi đắc kỳ lợi.

hàng phục các căn giống như Đại long, thành tựu không tuệ, mau được lợi mình.

其名曰拘隣女須跋陀羅比丘尼。優婆難陀比丘尼。

Kỳ danh viết câu lân nữ tu bạt Đà-la Tỳ-kheo-ni. ưu bà Nan đà Tỳ-kheo-ni.

Tên các vị đó là Tỳ-kheo-ni Câu-lân-nữ-tu-bạt-đà-la, Tỳ-kheo-ni Ưu-bà-nan-đà
海智比丘尼等。

Hải trí Tỳ-kheo-ni đẳng.

Tỳ-kheo-ni Hải-trí v.v..

如日初出照青樹葉赤脈悉現。此諸比丘尼亦復如是。

Như nhật sơ xuất chiếu thanh thụ diệp xích mạch tất hiện. thử chư Tỳ-kheo-ni diệp phục như thị.

Như mặt trời mới mọc chiếu lá cây xanh nổi lên kẻ màu đỏ. Các Tỳ-kheo-ni này cũng lại như vậy,

舉身支節一切毛孔血流如雨心大苦痛。

Cử thân chi tiết nhất thiết mao khổng huyết lưu như vũ tâm Đại khổ thống.

tất cả các lỗ chân lông trên thân máu tuôn như mưa, tâm rất đau khổ.

哀愍安樂諸眾生故。欲發大乘方便密教故。教化因緣故。

Ai mẫn an lạc chư chúng sanh cố. dục phát Đại thừa phương tiện Mật giáo cố. giáo hóa nhân duyên cố.

Vì thương xót an lạc cho chúng sanh, vì muốn hiển phát giáo pháp Đại thừa phương tiện, vì muốn làm nhân duyên giáo hóa chúng sanh,

來詣佛所稽首禮足繞百千匝。

Lai nghê Phật sở khê thủ lễ túc nhiều bách thiên tạp.

các Tỳ-kheo-ni này đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng,

恭敬問訊於一面住。復有諸比丘尼。

Cung kính vãn tẩn ư nhất diện trụ. phục hữu chư Tỳ-kheo-ni.

cung kính thăm hỏi rồi đứng qua một bên. Lại có các Tỳ-kheo-ni

皆是菩薩人中雄猛得十地行。教化因緣故現為女身。

Giai thị Bồ Tát nhân trung hùng mãnh đắc thập địa hành. giáo hóa nhân duyên cố hiện vi nữ thân.

đều là Bồ-tát hùng mãnh trong loài người được bậc Thập địa. Vì nhân duyên giáo hóa nên thị hiện làm thân nữ,

遊四無量能現為佛種種變化。

Du tứ vô lượng năng hiện vi Phật chủng chủng biến hoá.

đạo khắp bốn tâm vô lượng, có thể biến hóa làm các thân Phật.

復有一恒河沙菩薩摩訶薩。人中雄猛一切功德皆已具足。

Phục hữu nhất hằng hà sa Bồ-tát Ma-ha-tát. nhân trung hùng mãnh nhất thiết công đức giai dĩ cụ túc.

Lại có một hằng hà sa đại Bồ-tát hùng mãnh trong loài người đều đầy đủ tất cả các công đức,

以方便身深樂大乘。正向大乘飢虛大乘。

Dĩ phương tiện thân thâm lạc Đại thừa. chánh hướng Đại thừa cơ hư Đại thừa.

dùng thân phương tiện, rất thích Đại thừa, chánh hướng Đại thừa, khao khát Đại thừa,

貪求大乘渴仰大乘。善能隨順一切世間。

tham cầu Đại thừa khát ngưỡng Đại thừa. thiện năng tùy thuận nhất thiết thế gian.

tham cầu Đại thừa, khát ngưỡng Đại thừa, khéo có thể tùy thuận tất cả thế gian, 未度者度未脫者脫。

Vị độ giả độ vị thoát giả thoát.

người chưa độ được độ, người chưa giải thoát được giải thoát,

於無數劫修習淨戒度脫眾生。於無數劫修習淨戒安慰眾生。

Ư vô số kiếp tu tập tịnh giới độ thoát chúng sanh. ư vô số kiếp tu tập tịnh giới an ủi chúng sanh.

ở trong vô số kiếp tu tập tịnh giới độ thoát chúng sanh, ở trong vô số kiếp tu tập tịnh giới an ủi chúng sanh,

於無數劫修習淨戒興隆三寶。

Ư vô số kiếp tu tập tịnh giới hưng long Tam Bảo.

ở trong vô số kiếp tu tập tịnh giới làm hưng thịnh Tam bảo,

於無數劫修習淨戒轉正法輪。於無數劫修習淨戒成大莊嚴。

ư vô số kiếp tu tập tịnh giới chuyển chánh Pháp luân. ư vô số kiếp tu tập tịnh giới thành Đại trang nghiêm.

ở trong vô số kiếp tu tập tịnh giới chuyển bánh xe chánh pháp, ở trong vô số kiếp tu tập tịnh giới thành tựu đại trang nghiêm,

於無數劫修習淨戒行處堅固。

Ư vô số kiếp tu tập tịnh giới hành xử kiên cố.

ở trong vô số kiếp tu tập tịnh giới hành xử kiên cố,

如是等無量功德皆悉成就。等觀眾生如視一子。

Như thị đẳng vô lượng công đức giai tất thành tựu. đẳng quán chúng sanh như thị nhất tử.

xem chúng sanh như con một. Các vị ấy đều thành tựu vô lượng công đức như vậy.

其名曰海德菩薩。無盡智菩薩等。

Kỳ danh viết hải đức Bồ Tát. vô tận trí Bồ Tát đấng.

Tên các vị đó là Bồ-tát Hải Đức, Bồ-tát Vô Tận Trí v.v..

如日初出照青樹葉赤脈悉現。此諸菩薩亦復如是。

Như nhật sơ xuất chiếu thanh thụ diệp xích mạch tất hiện. thử chư Bồ Tát diệp phục như thị.

Như lúc mặt trời mới mọc chiếu lá cây xanh nổi lên kẻ màu đỏ. Các vị Bồ-tát này cũng lại như vậy.

舉身支節一切毛孔血流如雨心大苦痛。

Cử thân chi tiết nhất thiết mao khổng huyết lưu như vũ tâm Đại khổ thống.

Tất cả các lỗ chân lông trên thân máu tuôn như mưa, tâm rất đau buồn.

愍念安樂諸眾生故。欲發大乘方便密教故。教化因緣故。

Mẫn niệm an lạc chư chúng sanh cố. dục phát Đại thừa phương tiện Mật Giáo cố. giáo hóa nhân duyên cố.

Vì thương xót an vui cho chúng sanh, vì muốn hiển phát giáo pháp Đại thừa phương tiện, vì muốn làm nhân duyên giáo hóa chúng sanh, các vị

來詣佛所稽首禮足繞百千匝。

Lai nghê Phật sở khê thủ lễ túc nhiều bách thiên tạp.

đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng,

恭敬問訊於一面住。復有二恒河沙五戒優婆塞。

Cung kính vấn tẩn ư nhất diện trụ. phục hữu nhị hằng hà sa ngũ giới Ưu bà tặc.

cung kính thăm hỏi rồi đứng qua một bên. Lại có hai hằng hà sa Ưu-bà-tắc thọ trì năm giới,

深樂一切諸對治法苦樂常無常。

Thâm lạc nhất thiết chư đối trì Pháp khổ lạc thường vô thường.

rất thích tất cả các pháp đối trị như khổ và lạc, thường và vô thường,

我非我空非空依無依。眾生非眾生。恒非恒吉非吉。

Ngã phi ngã không phi không y vô y. chúng sanh phi chúng sanh. hằng phi hằng cát phi cát.

ngã và phi ngã, không phi không, y vô y, chúng sanh phi chúng sanh, hằng phi hằng, cát phi cát,

有為無為泥洹非泥洹。深樂如是對治之法。

Hữu vi vô vi nê hoàn phi nê hoàn. thâm lạc như thị đối trì chi Pháp.

hữu vi vô vi, Nê-hoàn phi Nê-hoàn, rất thích các pháp đối trị như vậy,

欲聞妙義闡揚大法。於無數劫淨修梵行而無毀失。

Dục văn diệu nghĩa xiển dương Đại Pháp. ư vô số kiếp tịnh tu phạm hạnh nhi vô hủy thất.

muốn nghe nghĩa lý vi diệu, xiển dương pháp lớn, ở trong vô lượng kiếp tịnh tu phạm hạnh không để hủy mất,

欲行大乘為人廣說。

Dục hành Đại thừa vị nhân quảng thuyết.

muốn hành Đại thừa, vì người rộng nói,

修習淨戒欲學堅固大乘。欲學隨順世間。欲學度脫世間。

Tu tập tịnh giới dục học kiên cố Đại thừa. dục học tùy thuận thế gian. dục học độ thoát thế gian.

tu tập tịnh giới, muốn học Đại thừa kiên cố, muốn học tùy thuận thế gian, muốn học độ thoát thế gian,

欲學興隆三寶。欲學轉法輪。欲學大莊嚴。

Dục học hưng long Tam bảo. dục học chuyển Pháp luân. dục học Đại trang nghiêm.

muốn học hung long Tam bảo, muốn học chuyển bánh xe pháp, muốn học đại trang
nghiêm,

如是無量功德具足。等觀眾生如視一子。

Như thị vô lượng công đức cụ túc. đẳng quán chúng sanh như thị nhất tử.
xem các chúng sanh như con một, đầy đủ vô lượng công đức như vậy.

其名曰光無垢稱王優婆塞。善德優婆塞。

Kỳ danh viết quang vô cấu xưng Vương Ưu bà tặc. thiện đức Ưu bà tặc.

Tên các vị ấy là Ưu-bà-tặc Quang Vô Cấu Xưng Vương, Ưu-bà-tặc Thiện Đức.

如是等二恒河沙優婆塞。於晨朝時為供養如來故。

Như thị đẳng nhị hằng hà sa Ưu bà tặc. ư Thần triều thời vi cung dưỡng Như Lai
cổ.

Hai hằng hà sa Ưu-bà-tặc như vậy, vì cúng dường Như Lai

人人各作五千栴檀床帳沈水床帳。

Nhân nhân các tác ngũ thiên chiên đàn sàng trướng trầm thủy sàng trướng.

nên mọi người sớm tối cùng làm năm ngàn giường màn bằng chiên đàn, giường màn
bằng trầm thủy,

眾寶床帳天香床帳。鬱金香華床帳等。

Chúng bảo sàng trướng Thiên hương sàng trướng. uất kim hương hoa sàng trướng
đẳng.

giường màn bằng các báu, giường màn bằng thiên hương, giường màn bằng hương hoa
Uất-kim v.v..

其諸床帳悉以牛頭栴檀香薰莊嚴種種奇妙七寶。

Kỳ chư sàng trướng tất dĩ ngưu đầu chiên đàn hương huân trang nghiêm chủng chủng
kì diệu thất bảo.

Các giường màn đó đều là dùng hương ngưu đầu chiên đàn để xông ướp và bày báu kỳ
diệu để trang nghiêm,

校飾金繩羅網以覆其上。

Giáo sức kim thằng la võng dĩ phúc kỳ thượng.

dây vàng đan thất dùng làm màn lưới để che lên trên:

青色青光黃色黃光赤色赤光白色白光紅色紅光。頗梨色頗梨光。

Thanh sắc thanh quang hoàng sắc hoàng quang xích sắc xích quang bạch sắc bạch

Sắc xanh sáng xanh, sắc vàng sáng vàng, sắc đỏ sáng đỏ, sắc trắng sáng trắng,

sắc hồng sáng hồng, sắc pha lê sáng pha lê,

如意珠色如意珠光。以如是等雜色莊嚴。

Như ý châu sắc như ý châu quang. dĩ như thị đẳng tạp sắc trang nghiêm.

sắc như ý châu sáng như ý châu, các sắc xen lẫn như vậy dùng để trang nghiêm.

殊勝希有周匝障幔。皆以七寶羅網羅覆其上。

Thù thắng hi hữu châu tạp chướng mạn. giai dĩ thất bảo la võng la phúc kỳ
thượng.

Màn che xung quanh rất thù thắng hy hữu đều dùng màn lưới bảy báu để che lên
trên.

周迴四面懸眾寶幡。種種雜香以塗其上。

Châu hồi tứ diện huyền chúng bảo phiên. chủng chủng tạp hương dĩ đồ kỳ thượng.

Giáp vòng bốn mặt treo tràng phan bằng các thứ báu, dùng nhiều thứ hương để thoa
lên trên.

金鏤織成以為垂帶。

Kim lữ chức thành dĩ vi thùy đới.

Vàng dệt thành chỉ dùng làm giải buộc.

其實帳內種種異色莊嚴如上。七寶織成以為茵蓐。

Kỳ bảo trang nội chùng chùng dị sắc trang nghiêm như thượng, thất bảo chúc thành dĩ vi nhân nhục.

Trong các trang đó có đủ màu sắc như trên dùng để trang nghiêm, bảy báu dệt thành chỉ dùng làm nệm lót,

柔軟香薰以敷其內。一一床帳各載以寶車。

nhu nhuyễn hương huân dĩ phu kỳ nội. nhất nhất sàng trang các tái dĩ bảo xa. hương xông mềm mại dùng lót bên trong. Mỗi mỗi giường màn đều dùng xe báu để chở.

其車嚴好七寶莊嚴。前後皆有寶幢幡蓋。

Kỳ xa nghiêm hảo thất bảo trang nghiêm. tiền hậu giai hữu bảo tràng phiên cái. Xe đó được trang nghiêm bằng bảy báu tốt đẹp, trước sau đều có tràng phan lọng báu.

一一幡蓋皆以七寶羅網。青黃赤白七寶莊嚴。

Nhất nhất phiên cái giai dĩ thất bảo la võng. thanh hoàng xích bạch thất bảo trang nghiêm.

Mỗi mỗi phan lọng đều bằng màn lưới bảy báu. Bảy báu màu xanh, vàng, đỏ, trắng để trang nghiêm,

及四種華優鉢羅鉢曇摩拘牟頭分陀利。亦以七寶校飾如前。

Cập tứ chủng hoa Ưu bát la bát đàm ma câu mưu đầu phân đà lợi. diệp dĩ thất bảo giáo súc như tiền.

và bốn thứ hoa như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-vân, hoa Ma-ni-câu-đầu, hoa Phân-đà-lợi, cũng dùng bảy báu trang sức như trước,

結眾雜寶以為華鬘。

Kết chúng tạp bảo dĩ vi hoa man.

kết các thứ báu dùng làm tràng hoa.

鮮好白[疊*毛]圖畫如來本生之像。表現菩薩從初發意至于成佛。

Tiên hảo bạch điệp đồ họa Như Lai bốn sanh chi tượng. biểu hiện Bồ Tát tông sơ phát ý chí vu thành Phật.

Lụa trắng tươi sáng vẽ tượng Như Lai bốn sanh, biểu hiện Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật,

中間受身種種苦行無不記列。

Trung gian thọ thân chùng chùng khổ hạnh vô bất kí liệt.

khoảng thời gian thân thọ đủ thứ khổ hạnh không gì không được ghi ra.

俠道兩邊作眾伎樂。其諸樂器皆用七寶。

Hiệp đạo lưỡng biên tác chúng kỹ nhạc. kỳ cụ lạc khí giai dụng thất bảo.

Hai bên đường trở lên các thứ kỹ nhạc, các nhạc khí đó đều làm bằng bảy thứ báu,

其音和雅皆出無常苦空之音。咸言怪哉世間虛空。

Kỳ âm hòa nhã giai xuất vô thường khổ không chi âm. hàm ngôn quái tai thể gian hư không

âm thanh hoà nhã phát ra tiếng vô thường, khổ, không; hoặc nói: Lạ thay! Thế gian trống rỗng!

悲號泣淚聲振天地。

Bi hiệu khắp lệ thanh chấn Thiên địa.

Các Ưu-bà-tắc này buồn khóc lệ rơi dàn dựa, âm thanh chấn động trời đất.

為供養故各齎名華細末雜香又辦種種上味之食。用山澗水然以香薪。

vì cung dưỡng cố các tê danh hoa tế mật tạp hương hựu bạn chùng chùng thượng vị chi thực. dụng sơn gián thủy nhiên dĩ hương tân.

Vì cúng dường nên mỗi vị đều đem các thứ bột hương bột hoa, lại bày biện đủ loại thức ăn thượng vị, lấy nước suối đầu nguồn dùng củi thơm để nấu

令食細軟香味具足。

Linh thực tế nhuyễn hương vị cụ túc.

làm cho thức ăn thêm mềm mại và đầy đủ hương vị;

又於堅固林內外掃灑布七寶沙。香薰寶衣以覆其上。

Hựu u kiên cố lâm nội ngoại tảo sái bố thất bảo sa. hương huân bảo y dĩ phúc kỳ thượng.

trong rừng Kiên Cố quét dọn trong ngoài sạch sẽ, rải cát bằng bảy thứ báu, y báu ướp hương dùng che lên trên.

周迴敷置三十二行師子之座。皆以七寶莊嚴。

Châu hồi phu trí tam thập nhị hành Sư-tử chi tọa. giai dĩ thất bảo trang nghiêm.

Quanh rừng, đặt ba mươi hai tòa sư tử đều dùng bảy thứ báu để trang nghiêm, điêu khắc màu sắc rực rỡ. 眾妙雜香用薰其座。

Điêu văn khắc lữ ngũ sắc hoàng diệu. chúng diệu tạp hương dụng huân kỳ tọa.

điêu khắc chạm trổ năm màu sáng chói, dùng đủ thứ hương thơm để xông tòa ấy.

七寶茵蓐以敷其上。眾事辦已而作是念。

Thất bảo nhân nhục dĩ phu kỳ thượng. chúng sự辦 dĩ nhi tác thị niệm.

Nệm bằng bảy báu dùng trải trên tòa. Bảy biện mọi thứ xong xuôi, các vị nghĩ rằng:

一切眾生有所須欲我悉施與。衣服飲食財物珍寶國城妻子。

Nhất thiết chúng sanh hữu sở tu dục ngã tất thí dĩ. y phục ẩm thực tài vật trân bảo quốc thành thê tử.

Tất cả chúng sanh nếu có người nào muốn cần thực phẩm, y phục, thức ăn vật uống, tài vật, trân bảo, quốc thành, vợ con,

頭目髓腦血肉肌體。

đầu mục tủy não huyết nhục cơ thể.

đầu mắt, tủy não, máu thịt, thân thể ta đều bố thí cho.

貧富貴賤隨其所須各令充足。

Bần phú quý tiện tùy kỳ sở tu các lệnh sung túc.

Bất luận giàu nghèo hay sang hèn, tùy chỗ muốn của họ ta đều làm cho được đầy đủ,

唯除色欲毒藥及害生等不淨之施。是諸優婆塞發菩薩心而作是念。

Duy trừ sắc dục độc dược cập hại sanh đẳng bất tịnh chi thí. thị chư Ưu-bà-tắc phát Bồ Tát tâm nhi tác thị niệm.

chỉ trừ bố thí sắc dục, thuốc độc và những vật bất tịnh hại sanh. Các Ưu-bà-tắc này tâm nghĩ rằng:

我等持是床帳寶車眾物供具。

Ngã đẳng trì thị sàng trương bảo xa chúng vật cung cụ.

Chúng ta đem giường màn, xe báu, các vật này để cúng dường

施佛及僧是為最後供養大施。各作是念。佛及大眾受我供已。

Thí Phật cập tăng thị vi tối hậu cung dưỡng Đại thí. các tác thị niệm. Phật cập Đại chúng thọ ngã cung dĩ.

Phật và Tăng đây là sự bố thí cúng dường lớn sau cùng. Lại nghĩ rằng: Đức Phật và đại chúng thọ sự cúng dường của ta rồi,

今日如來當般泥洹。作是念已其心悲亂。

Kim nhật Như Lai đương bát nê hoàn. tác thị niệm dĩ kỳ tâm bi loạn.

hôm nay Như Lai sẽ bát Nê-hoàn. Nghĩ như vậy xong tâm họ buồn sầu tán loạn.

譬如日出照青樹葉赤脈悉現。

Thí như nhật xuất chiếu thanh thụ diệp xích mạch tất hiện.

Như mặt trời mới mọc chiếu vào lá cây xanh nổi lên kẻ lá màu đỏ,
 諸優婆塞亦復如是。舉身毛孔血流如雨。
 Chư Ưu bà tặc diệc phục như thị. cử thân mao khổng huyết lưu như vũ.
 các Ưu-bà-tặc này cũng lại như vậy, các lỗ chân lông trên thân máu tuôn như mưa,
 thân tâm độc thống bi khắp lưu lệ. hựu u kiên cố lâm trác thí Đại trưởng mạn
 thất bảo trang giáo.
 thân tâm đau đớn, khóc lóc rơi lệ; lại ở bên rừng Kiên Cố giảng màn trướng bảy
 báu
 高廣嚴好上際虛空。
 Cao quảng nghiêm hảo thượng tế hư không.
 cao rộng trang nghiêm đẹp đẽ lên giáp hư không.
 於其帳內立七寶舍饌具畢已。來詣佛所稽首佛足。
 Ư kỳ trướng nội lập thất bảo xá soạn cụ tất dĩ. lai nghê Phật sở khê thủ Phật
 túc.
 Dựng lên ngôi nhà bảy báu bên trong bức màn trướng rồi sửa soạn đầy đủ xong, các
 vị đến chỗ Phật cúi đầu lễ chân Phật,
 幢蓋供養遍滿虛空。燒香散華猶如雲雨。
 Tràng cái cung dưỡng biên mãn hư không. thiêu hương tán hoa do như vân vũ.
 cúng dường tràng phan bảo cái đầy khắp hư không, đốt hương, rải hoa giống như
 mây mưa.
 咸皆悲慕哀動天地。撫臆號叫淚下如雨。更相謂言。
 Hàm giai bi mộ ai động Thiên địa. phủ ức hiệu khiêu lệ hạ như vũ. canh tướng vị
 ngôn.
 Tất cả đều khóc lóc, buồn thương chấn động trời đất, đấm ngực kêu khóc lệ rơi
 như mưa; lại bảo nhau rằng:
 怪哉仁者世間虛空。一何駛哉世間眼滅。
 Quái tai nhân giả thế gian hư không. nhất hà quyết tai thế gian nhãn diệt.
 lạ thay Nhân giả! Thế gian trống rỗng! Con mắt của thế gian diệt mất một cách
 sao mau quá!
 頭面著地同聲請佛。願佛及僧哀愍我等。
 đầu diện trước địa đồng thanh thỉnh Phật. nguyện Phật cập tăng ai mẫn ngã đẳng
 Rồi họ đầu mặt sát đất đồng thanh thỉnh Phật rằng: Cúi xin Phật và Tăng thương
 xót chúng con
 與諸大眾俱受我請。受我請已當般泥洹。
 Dữ chư Đại chúng câu thọ ngã thỉnh. thọ ngã thỉnh dĩ đương bát nê hoàn.
 và đại chúng mà nhận sự thỉnh cầu của chúng con! Nhận sự thỉnh cầu của chúng con
 rồi sẽ bát Nê-hoàn,
 令我等飯佛大眾得最後施福。世尊知時默然不受。
 Linh ngã đẳng phạn Phật Đại chúng đắc tối hậu thí phúc. Thế tôn tri thời mặc
 nhiên bất thọ.
 cho chúng con được phước bố thí cúng dường Phật và đại chúng bữa cơm lần sau
 cùng. Thế Tôn biết thời nhưng vẫn im lặng không nhận.
 如是三請佛亦默然。
 Như thị tam thỉnh Phật diệc mặc nhiên.
 Thỉnh ba lần như vậy, đức Phật cũng im lặng.
 時諸優婆塞一切望絕愁憂苦惱。猶如慈父唯一子。
 Thời chư Ưu bà tặc nhất thiết vọng tuyệt sầu ưu khổ não. do như Từ Phụ duy hữu
 nhất tử.

Lúc đó, tất cả các Ưu-bà-tắc này đều tuyệt vọng buồn rầu khổ não. Như cha mẹ chỉ có một đứa con

卒病命終送殯而還愁憂苦惱。

Tốt bệnh mạng chung tổng tấn nhi hoàn sầu ưu khổ não.

bị bệnh mà chết, chôn cất xong trở về buồn rầu khổ não.

諸優婆塞愁憂苦惱亦復如是。作禮而起於一面住。

Chư Ưu bà tặc sầu ưu khổ não diệc phục như thị. tác lễ nhi khởi u nhất diện trụ.

Các Ưu-bà-tắc này buồn rầu khổ não cũng lại như vậy, đánh lễ rồi đứng qua một bên.

復有三恒河沙優婆夷。皆持五戒功德具足。

Phục hữu tam hằng hà sa Ưu bà di. giai trì ngũ giới công đức cụ túc.

Lại có ba hằng hà sa Ưu-bà-di đều trì năm giới công đức đầy đủ.

現為女像化度眾生。呵責己身猶如四蛇。八萬戶蟲侵食其體。

Hiện vi nữ tượng hóa độ chúng sanh. ha trách kỷ thân do như tứ xà. bát vạn hộ trùng xâm thực kỳ thể.

Vì hóa độ chúng sanh nên hiện làm thân nữ: Quả trách thân mình giống như bốn con rắn, tám vạn cửa để vi trùng xâm nhập ăn uống trong thân thể đó.

是身嗅穢貪欲所惑。譬如死尸無一可樂。

Thị thân khứu uế tham dục sở hoặc. thí như tử thi vô nhất khả lạc.

Thân này hôi thối uế tạp, bị tham dục làm mê hoặc. Thân này giống như thân chết không có gì đáng thích.

是身不淨九孔常漏。

Thị thân bất tịnh cửu khổng thường lậu.

Thân này bất tịnh chín lỗ thường chảy ra,

血肉筋骨共相依假以為偽城。手足支節以為却敵。

Huyết nhục cân cốt cộng tương y giả dĩ vi ngụy thành. thủ túc chi tiết dĩ vi khước địch.

máu thịt, xương cốt đều nương nhau giả hợp hư ngụy mà thành, tay chân lóng đốt dùng làm chống địch.

爪齒耳目以為寮孔。幻偽心法以為寮障。

Trảo xỉ nhĩ mục dĩ vi liêu khổng. huyền ngụy tâm Pháp dĩ vi liêu chướng.

Móng, răng, tai, mắt dùng làm lỗ hông. Tâm và pháp huyền ngụy dùng làm liêu phòng che chắn.

放逸調慢以為樓觀。惡賊意王居其城內。

Phóng dật điều mạn dĩ vi lâu quán. ác tặc ý Vương cư kỳ thành nội.

Phóng dật kiêu mạn dùng làm lầu quán, ác tặc tâm vương cư trú bên trong thành đó,

貪利蕩逸馳騁六境。如此賊城諸佛所棄愚夫所樂。

Tham lợi đãng dật trì sinh lục cảnh. như thử tặc thành chư Phật sở khí ngu phu sở lạc.

tham lam lợi dưỡng, phóng đãng chạy theo sáu cảnh. Thành giặc này là chỗ chư Phật xả bỏ, người ngu thì ưa thích;

貪欲瞋恚愚癡羅刹依止其中。

Tham dục sân nhuế ngu si La sát y chỉ kỳ trung.

La-sát tham dục, sân giận, ngu si nương ở trong đó.

如伊蘭叢林無可愛樂聚沫芭蕉無有堅固。電光野馬呼聲之響。

Như y lan tùng lâm vô khả ái lạc tụ mật ba tiêu vô hữu kiên cố. điện quang dã mã hô thanh chi hưởng.

Thành này như y lan trong lùm rừng không có gì đáng ưa thích, như cây chuối, như bọt nước không có bền chắc, như điện chớp, như âm vang tiếng ngựa kêu ngoài đồng,

水月幻化如海濤波。駛流立草須臾不住。

Thủy nguyệt huyền hóa như hải đào ba. quyết lưu lập thảo tu du bất trụ.
như bóng trăng dưới nước huyền hoá không thật, như bọt nước ngoài biển khơi, như nước trên cỏ chỉ dùng chốc lát không ở lâu,

丘塚叢林穢惡充滿。狐狼鵙鷲鳥鴟餓狗。

khâu trùng tùng lâm uế ô sung mãn. hồ lang điều thú điều xi ngựa cầu.

như gò má trong lùm rừng đầy đầy sự ô uế, như hổ, chó sói, chim cắt, điều hâu, chó đói v.v..

諸惡虫輩競止其中如此穢身安可堪處。

Chư ác trùng bối cạnh chỉ kỳ trung như thử uế thân an khả kham xử.

Các loại ác trùng như vậy tranh nhau nương ở trong đó giống như thân ô uế này là chỗ đáng nhận chịu.

若以一毛滲大海水尚可知數。此毒樹身四百四病。

Nhược dĩ nhất mao để Đại hải thủy thượng khả tri số. thử độc thụ thân tứ bách tứ bệnh.

Nếu dùng một máy lông chấm vào biển cả, nước ấy còn có thể đếm biết được. Thân cây độc này bao gồm bốn trăm lẽ bốn bệnh,

無量眾穢不可稱計。如世尊說譬喻。

Vô lượng chúng uế bất khả xung kê. như Thế tôn thuyết thí dụ.

vô lượng các thứ nhơ uế không thể tính đếm được. Như đức Thế Tôn đã thí dụ:

天下草木斬以為籌。大地土石末為微塵猶可知數。

Thiên hạ thảo mộc trảm dĩ vi trù. Đại địa thổ thạch mạt vi vi trần do khả tri số.

Chặt cây cối trong thiên hạ dùng làm thẻ đếm, đất đá trên địa cầu nghiền làm bột như vi trần còn có thể đếm được.

此身不淨無量雜惡其數過是。

Thử thân bất tịnh vô lượng tạp ác kỳ số quá thị.

Thân này vô lượng bất tịnh uế tạp số ấy quá hơn như vậy.

是身暴害滅諸善法。是等優婆夷。能捨此身猶如棄唾。

Thị thân bạo hại diệt chư thiện Pháp. thị đẳng Ưu bà di. năng xả thử thân do như khí thóa.

Thân này bạo ác, giết hại các pháp lành. Các Ưu-bà-di ấy có thể xả bỏ thân này giống như bỏ nước miếng,

習行空行無相無作。深樂大乘常為人說。

Tập hành không hạnh vô tướng vô tác. thâm lạc Đại thừa thường vị nhân thuyết.

tu tập hạnh Không, Vô tướng, Vô tác, ưa thích Đại thừa, thường vì người mà diễn thuyết.

其名曰耆婆尸利優婆夷。勝鬘優婆夷。

Kỳ danh viết kì bà thi lợi Ưu bà di. thắng man Ưu bà di.

Tên các vị đó là: Ưu-bà-di Kỳ-bà-thi-lợi, Ưu-bà-di Thắng-man,

毘舍佉優婆夷等。於晨朝時光明照已即覺斯瑞。

Tì xá khu Ưu bà di đẳng. ư Thần triêu thời quang-minh chiếu dĩ tức giác tu thụ.

Ưu-bà-di Tì-xá-khu v.v.. Sáng sớm, lúc mặt trời mới mọc, các Ưu-bà-di này tự sửa soạn chỉnh tề,

便各疾辦眾供養具倍勝於前。

Tiện các tật bạn chúng cung dưỡng cụ bội thắng ư tiền.

liền vội vàng bày biện các thứ cúng dường đầy đủ hơn gấp bội trước;

來詣佛所頭面著地。請佛及僧世尊不受。

Lại nghệ Phật sờ đầu diện trước địa. thỉnh Phật cập tăng Thế tôn bắt thọ.
đến chỗ Phật đầu mặt sát đất thỉnh Phật và Tăng. Thế Tôn không nhận.

愁憂苦惱在一面住。復有四恒河沙諸離車童子。

Sầu ưu khổ não tại nhất diện trụ. phục hữu tứ hằng hà sa chu ly xa Đồng tử.
Các Ưu-bà-di này buồn rầu khổ não đứng qua một bên. Lại có bốn hằng hà sa đồng
tử Ly-xa

在毘舍離城內并外來者。及閻浮提邊國諸王大臣。

Tại Tì-xá ly thành nội tinh ngoại lai giả. cập Diêm-phù-đề biên quốc chư Vương
Đại Thần.

ở trong thành Tỳ-xá-ly và từ bên ngoài đến cùng các vị Quốc vương và đại thần
của các nước ở cõi Diêm-phù-đề

俱樂正法淳修戒行。眾德成就。

Câu lạc chánh Pháp thuần tu giới hạnh. chúng đức thành tựu.

đều thích chánh pháp, thuần tu giới hạnh, thành tựu các công đức,

伏諸異學及亂法者。普能惠施無畏之法。

phục chư dị học cập loạn Pháp giả. phổ năng huệ thí vô úy chi Pháp.

hàng phục các học phái khác và người bị loạn pháp. Các Ly-xa này đều có thể ban
bố rộng khắp pháp vô úy,

為眾演說無盡法藏。悉能修習諸佛所說甘露妙法。

vì chúng diễn thuyết vô tận Pháp tạng. tất năng tu tập chư Phật sở thuyết cam lộ
diệu Pháp.

vì mọi người diễn thuyết vô tận pháp tạng, đều có thể tu tập diệu pháp cam lộ
của chư Phật nói,

摧伏眾魔外道邪論。自持律行令持戒僧得力安隱。

Tồi phục chúng ma ngoại đạo tà luận. tự trì luật hành linh trì giới tăng đắc lực
an ổn.

hàng phục các ma và ngoại đạo tà luận, tự hành trì giới luật làm cho giới thể
của Tăng được thêm sức lực an ổn,

自持律行樂聽大乘為人廣說。

Tự trì luật hành lạc thính Đại thừa vị nhân quảng thuyết.

tự hành trì giới luật và thích nghe Đại thừa, vì người diễn thuyết,

普慈愍傷一切眾生德皆如上。

Phổ từ mẫn thương nhất thiết chúng sanh đức giai như thượng.

thương xót khắp tất cả chúng sanh, công đức đều được như trên.

其名曰淨離垢藏離車童子常快淨離車童子。

Kỳ danh viết tịnh ly cấu tạng ly xa Đồng tử thường khoái tịnh ly xa Đồng tử.

Tên các vị đó là đồng tử Ly-xa Tịnh-ly-cấu-tạng, đồng tử Ly-xa Thường-khoái-
tịnh,

恒水離垢淨離車童子等。是諸離車各辦八十四億栴檀床帳。

Hằng thủy ly cấu tịnh ly xa Đồng tử đẳng. thị chư ly xa các bạn bát thập tứ ức
chiên đàn sàng trưởng.

đồng tử Ly-xa Hằng-thủy-ly-cấu-tịnh. Các đồng tử Ly-xa này mỗi vị bày biện tám
mươi bốn ức giường màn bằng Chiên đàn,

沈水床帳。鬱金床帳。栴檀木床帳。兜樓香木床帳。

Trầm thủy sàng trưởng. uất kim sàng trưởng. bách mộc sàng trưởng. đầu lâu hương
mộc sàng trưởng.

giường màn bằng Trầm thủy, giường màn bằng Uất-kim, giường màn bằng bách mộc,
giường màn bằng gỗ hương Đầu-lâu.

亦各八十四億雕文刻鏤。

Diệc các bát thập tứ ức điều văn khắc lữ.

Mỗi vị cũng bày biện tám mươi bốn ức bức điều khắc chạm trổ

七寶莊嚴五色光耀嚴飾如前。各辦八萬四千寶馬。

Thất bảo trang nghiêm ngũ sắc quang diệu nghiêm sức như tiền. các bạn bát vạn tứ thiên bảo mã.

bằng bảy báu, sắc sáng năm màu trang nghiêm rực rỡ như trước. Mỗi vị bày biện tám vạn bốn ngàn ngựa báu,

八萬四千大象王。八萬四千四馬寶車。

Bát vạn tứ thiên Đại Tượng Vương. bát vạn tứ thiên tứ mã bảo xa.

tám vạn bốn ngàn đại tượng vương, tám vạn bốn ngàn bốn trăm xe ngựa báu

悉以神珠明寶絞絡莊飾。端嚴殊妙行如疾風。

Tất dĩ Thần châu minh bảo giảo lạc trang sức. đoan nghiêm xu diệu hành như tạt phong.

đều dùng thần châu, minh bảo quấn quanh để trang sức, đoan nghiêm đẹp để chạy nhanh như gió.

又辦八萬四千明月神珠晝夜常明。幢蓋幡華大寶帳幔。

Hựu bạn bát vạn tứ thiên minh nguyệt Thần châu trú dạ thường minh. tràng cái phiên hoa Đại bảo trướng幔。

Mỗi vị Ly-xa lại bày biện tám vạn bốn ngàn minh nguyệt, thần châu đêm ngày thường sáng. Tràng phan, bảo cái, trướng màn đại bảo,

白疊圖像次第如前。其寶華蓋廣一由旬。

Bạch điệp đồ tượng thứ đệ như tiền. kỳ bảo hoa cái quảng nhất do-tuần.

vải lụa trắng và tranh vẽ lần lược như trước. Hoa báu đó phủ rộng một do tuần
彩畫細疊以為圖像三十二由旬。

Thải họa tế điệp dĩ vi đồ tượng tam thập nhị do-tuần.

Vải mịn nhuộm dùng để vẽ tranh rộng ba mươi hai do tuần.

其幔高顯各百由旬。其幡各長一千由旬。

Kỳ幔 cao hiển các bách do-tuần. kỳ phiên các trường nhất thiên do-tuần.

Mỗi bức màn cao một trăm do tuần, tràng phan dài một ngàn do tuần,

七寶莊校嚴飾如前。其飯香氣薰一由旬。

Thất bảo trang giáo nghiêm sức như tiền. kỳ phạn hương khí huân nhất do-tuần.

bảy báu đan thất trang sức như trước. Mùi hương của cơm đó bay xa một do tuần.

敷置床座於堅固林供具悉備。來詣佛所稽首請佛。

Phu trí sàng tọa ư kiên cố lâm cung cụ tất bị. lai nghê Phật sở khê thủ thỉnh Phật.

Các Ly-xa này sắp đặt các sàng tòa trong rừng Kiên Cố để cúng dường xong, đến chỗ Phật cúi đầu thỉnh Phật,

頭面禮訖於一面住。復有閻浮提內大長者五恒河沙。

Đầu diện lễ cật ư nhất diện trụ. phục hữu Diêm-phù-đề nội Đại Trưởng giả ngũ hằng hà sa.

đầu mặt lễ Phật xong đứng qua một bên. Lại có năm hằng hà sa đại Trưởng giả trong cõi Diêm-phù-đề

深樂正法淳修戒行眾德成就。

Thâm lạc chánh Pháp thuần tu giới hạnh chúng đức thành tựu.

ua thích chánh pháp, thuần tu giới hạnh, thành tựu các công đức,

伏諸異學及亂法者深樂大乘。

Phục chư dị học cập loạn Pháp giả thâm lạc Đại thừa.

hàng phục các học phái khác và người bị loạn pháp, ưa thích Đại thừa.

其名日月光王薔薇華首長者。法首長者。

kỳ danh nhật nguyệt quang Vương đảm bạc hoa thủ Trưởng giả. Pháp thủ Trưởng giả.

Tên các vị đó là Trưởng giả Nhật-nguyệt-quang-vương-đảm-bạc-hoa-thủ, Trưởng giả Pháp-thủ.

如是等長者子及長者女五恒河沙。於晨朝時承佛威神。

Như thị đẳng Trưởng Giả Tử cập Trưởng giả nữ ngũ hằng hà sa. ư Thần triều thời thừa Phật uy Thần.

Năm hằng hà sa các Trưởng giả nam và Trưởng giả nữ như vậy vào lúc sáng sớm, nương oai thần Phật,

辦眾供具倍復勝前。

Bạn chúng cung cụ bội phục thắng tiền.

bày biện nhiều đồ cúng dường hơn gấp bội trước,

來詣佛所稽首請佛頭面禮足於一面住。復有毘舍離王內外眷屬。

Lai nghê Phật sở khê thủ thỉnh Phật đầu diện lễ túc ư nhất diện trụ. phục hữu Tì-xá ly Vương nội ngoại quyến thuộc.

đến chỗ Phật, cúi đầu thỉnh Phật, đầu mặt lễ chân Phật rồi đứng qua một bên. Lại có vua thành Tỳ-xá-ly và nội ngoại quyến thuộc

及閻浮提主大小城邑聚落野人君主。

cập Diêm-phù-đề chủ Đại tiểu thành ấp tụ lạc dã nhân quân chủ.

cùng các vua khác trong các thành ấp tụ lạc lớn nhỏ chủ cõi Diêm-phù-đề,

除阿闍世其餘諸王。月離垢藏王日離垢王等。

Trừ A-xà-thế kỳ dư chư Vương. nguyệt ly cầu tạng Vương nhật ly cầu Vương đẳng. như vua Nguyệt Ly Cầu Tạng, vua Nhật Ly Cầu v.v., trừ vua A-xà-thế.

六恒河沙各將一百八十萬億眷屬。

Lục hằng hà sa các tướng nhất bách bát thập vạn ức quyến thuộc.

Sáu hằng hà sa người đều dẫn theo một trăm tám mươi vạn ức quyến thuộc,

皆悉勇健力如龍象行如疾風。深樂正法淳修戒行。

giai tất dũng kiện lực như long tượng hành như tạt phong. thâm lạc chánh Pháp thuần tu giới hạnh.

đều là những người sức lực mạnh mẽ như Long tượng đi mau như gió, rất thích chánh pháp, thuần tu giới hạnh,

眾德成就伏諸異學及亂法者。所作供具轉倍勝前。

Chúng đức thành tựu phục chư dị học cập loạn Pháp giả. sở tác cung cụ chuyển bội thắng tiền.

thành tựu các đức, hàng phục các học phái khác và những người bị loạn pháp. Chỗ cúng dường của các Quốc vương nhiều hơn gấp bội trước.

來詣佛所稽首請佛。頭面禮足於一面住。

Lai nghê Phật sở khê thủ thỉnh Phật. đầu diện lễ túc ư nhất diện trụ.

Các vị đến chỗ Phật cúi đầu thỉnh Phật, đầu mặt lễ chân rồi đứng qua một bên.

復有閻浮提主大小諸王。夫人媠女七恒河沙。

Phục hữu Diêm-phù-đề chủ Đại tiểu chư Vương. phu nhân thể nữ thất hằng hà sa.

Lại có bảy hằng hà sa phu nhân và thể nữ của các đại tiểu Quốc vương chủ cõi Diêm-phù-đề,

除阿闍世王。夫人媠女皆厭患女身。

Trừ A-xà-thế Vương. phu nhân thể nữ giai yếm hoạn nữ thân.

trừ vua A-xà-thế. Các vị phu nhân và thể nữ này đều nhàm chán thân nữ,

修行空行深樂大乘。廣為人說所修功德悉如前說。

Tu hành không hạnh thâm lạc Đại thừa. quảng vị nhân thuyết sở tu công đức tất như tiền thuyết.

tu hành hạnh Không, ưa thích Đại thừa, vì người rộng nói, chỗ công đức tu tập đều như trước đã nói.

諸優婆夷其名曰三界妙夫人念德夫人等。

Chư Ưu bà di kỳ danh viết tam giới diệu phu nhân niệm đức phu nhân đẳng. Tên các vị Ưu-bà-di đó là phu nhân Tam Giới Diệu, phu nhân Niệm Đức v.v..

所作供具倍復勝前。

sở tác cung cụ bội phục thắng tiền.

Chỗ cúng dường của họ lại nhiều hơn gấp bội trước.

於晨朝時來詣佛所稽首請佛。頭面禮足於一面住。

Ư Thần triều thời lai nghê Phật sở khể thủ thỉnh Phật. đầu diện lễ túc ư nhất diện trụ.

Vào lúc sáng sớm, các bà đến chỗ Phật, cúi đầu thỉnh Phật, đầu mặt sát đất lễ chân Phật rồi đứng qua một bên.

復有八恒河沙諸天眾俱普明天子等。

Phục hữu bát hằng hà sa chư Thiên chúng câu phổ minh Thiên tử đẳng.

Lại có tám hằng hà sa Thiên chúng cùng các Thiên tử như Phổ Minh Thiên tử v.v..

皆樂大乘廣為人說。修行淨戒渴仰大乘。

Giai lạc Đại thừa quảng vị nhân thuyết. tu hành tịnh giới khát ngưỡng Đại thừa. đều ưa thích Đại thừa, vì người rộng nói, tu hành tịnh giới, khát ngưỡng Đại thừa;

諸眾生類樂大乘者。以大乘法斷其渴仰。

Chư chúng sanh loại lạc Đại thừa giả. dĩ Đại thừa Pháp đoạn kỳ khát ngưỡng.

đối với các hàng chúng sanh ưa thích Đại thừa thì dùng pháp Đại thừa dứt lòng khát ngưỡng nơi họ;

修行淨戒貪樂大乘。堅固大乘覺悟大乘。

Tu hành tịnh giới tham lạc Đại thừa. kiên cố Đại thừa giác ngộ Đại thừa.

với chúng sanh tu hành tịnh giới, ham thích Đại thừa thì làm cho họ có lòng kiên cố đối với Đại thừa, giác ngộ Đại thừa,

於大乘法不起嫉慢。伏諸異學及亂法者。

Ư Đại thừa Pháp bất khởi tật mạn. phục chư dị học cập loạn Pháp giả.

không còn sanh lòng tật đố kiêu mạn đối với pháp Đại thừa; hàng phục được các học phái khác và những người bị loạn pháp;

護持正法修行淨戒。隨順世間。未度者度未脫者脫。

Hộ trì chánh Pháp tu hành tịnh giới. tùy thuận thế gian. vị độ giả độ vị thoát giả thoát.

hộ trì chánh pháp, tu hành tịnh giới, tùy thuận thế gian, người chưa độ được độ, người chưa giải thoát được giải thoát,

欲轉法輪欲興隆三寶永使不絕。欲建大莊嚴。

Dục chuyển Pháp luân dục hưng long Tam Bảo vĩnh sử bất tuyệt. dục kiến Đại trang nghiêm.

muốn chuyển bánh xe pháp, muốn hưng long Tam bảo làm cho mãi mãi không bị diệt mất, muốn kiến lập đại trang nghiêm,

如是等無量功德皆悉具足。等慈眾生猶如一子。

Như thị đẳng vô lượng công đức giai tất cụ túc. đẳng từ chúng sanh do như nhất tử.

thương chúng sanh bình đẳng như con một, đầy đủ vô lượng công đức như vậy.

是諸天等於晨朝時。光明照已覺斯瑞相。

Thị chu Thiên đặng ư Thần triêu thời. quang-minh chiếu dĩ giác tu thụ tướng.
Các vị trời này vào lúc sáng sớm, ánh sáng chiếu soi tướng mạo tốt lành
咸作是念。如來不久當般泥洹。

Hàm tác thị niệm. Như Lai bắt cừ đương bát nê hoàn.
đều cùng nghĩ rằng: Như Lai không lâu sẽ bát Nê-hoàn.

來詣佛所見眾供具各相謂言。汝等觀彼人間供養。

Lai nghê Phật sở kiến chúng cung cụ các tướng vị ngôn. nhữ đặng quán bi nhân
gian cung dưỡng.

Họ đến chỗ Phật thấy nhiều thứ cúng dường lại bảo nhau rằng: Các ông xem người
thế gian cúng dường

莊嚴殊特與天無異。供養如來為最後供。

Trang nghiêm thù đặc dữ Thiên vô dị. cung dưỡng Như Lai vi tối hậu cung.

trang nghiêm thù thắng không khác chư Thiên. Họ cúng dường Như Lai lần sau cùng
種種飯食供佛及僧最後大施。而今世尊悉皆不受。

Chúng chúng phạn thực cung Phật cập tăng tối hậu Đại thí. nhi kim Thế tôn tất
giai bất thọ.

đủ thứ thực phẩm cho Phật cùng Tăng là sự bố thí cúng dường lớn lần sau cùng
nhưng nay Thế Tôn đều không nhận.

諸仁者。我等今日亦當為佛及僧并諸眷屬。

Chư nhân giả. ngã đặng kim nhật diệc đương vị Phật cập tăng tinh chư quyến
thuộc.

Này các nhân giả! Hôm nay chúng ta cũng sẽ vì Phật, chúng Tăng và các quyến
thuộc của Ngài mà

為最後施成大施度。如來及僧并諸眷屬。

Vi tối hậu thí thành Đại thí độ. Như Lai cập tăng tinh chư quyến thuộc.

làm sự bố thí cúng dường lớn lần sau cùng. Như Lai cùng chúng Tăng và các quyến
thuộc

哀受我等最後供施當般泥洹。

Ai thọ ngã đặng tối hậu cung thí đương bát nê hoàn.

sẽ thương xót mà nhận sự cúng dường sau cùng của chúng ta rồi sẽ bát Nê-hoàn.

佛世難值最後施度倍復甚難。怪哉仁者世間虛空。

Phật thế nan trị tối hậu thí độ bội phục thậm nan. quái tai nhân giả thế gian hư
không.

Phật ở đời khó gặp, bố thí lần sau cùng lại càng khó hơn. Lạ thay nhân giả! Thế
gian trống rỗng!

一何駛哉世間眼滅。是諸天眾咸作是念。

Nhất hà quyết tai thế gian nhãn diệt. thị chu Thiên chúng hàm tác thị niệm.

Con mắt của thế gian diệt mất một cách sao mau quá! Các vị trời này đều nghĩ
rằng:

我等亦當供養如來。即辦供具倍勝人間。

Ngã đặng diệc đương cung dưỡng Như Lai. tức辦 cung cụ bội thắng nhân gian.

Chúng ta cũng phải cúng dường Như Lai! Rồi họ bày biện nhiều thứ cúng dường hơn
gấp bội người thế gian:

床帳車乘幢幡華蓋圖像帳幔。

Sàng trướng xa thừa tràng phiên hoa cái đồ tượng trướng幔。

Giường幔, xe cộ, tràng phan, lọng hoa, tranh tượng, trướng幔

悉以天香天繒天寶莊嚴校飾供具辦已。

Tất dĩ Thiên hương Thiên tăng Thiên bảo trang nghiêm giáo súc cung cụ辦 dĩ.

đều bằng hương trời, lụa trời, báu trời để trang sức.

來詣佛所稽首禮足繞百千匝。恭敬問訊於一面住。

Lai nghệ Phật sở khê thủ lễ túc nhiều bách thiên tạp. cung kính vắn tẩn u nhất diện trụ.

Các Thiên chúng này đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng, cung kính thăm hỏi rồi đứng qua một bên.

復有九恒河沙諸龍王從四方來。其名曰和修吉龍王。

Phục hữu cửu hằng hà sa chư long Vương tòng tứ phương lai. kỳ danh viết hòa tu cát long Vương.

Lại có chín hằng hà sa các long vương từ bốn phương đến. Tên các vị đó là Hòa-tu-cát long vương,

難頭優鉢難陀龍王等。眾德具足哀愍世間。

Nan đầu ưu bát Nan đà long Vương đẳng. chúng đức cụ túc ai mẫn thế gian.

Nan-đầu-ưu-bát-nan-đà long vương, đầy đủ các đức, thương xót thế gian.

於晨朝時光明照已。各作是念。如來不久當般泥洹。

Ư Thần triều thời quang-minh chiếu dĩ. các tác thị niệm. Như Lai bất cửu đương bát nê hoàn.

Sáng sớm lúc ánh sáng mặt trời mới soi chiếu, các long vương đều nghĩ rằng: Như Lai không lâu sẽ bát Nê-hoàn!

辦眾供具倍勝人天。來詣佛所稽首請佛。

bạn chúng cung cụ bội thắng nhân Thiên. lai nghệ Phật sở khê thủ thỉnh Phật.

Rồi họ bày biện nhiều đồ cúng dường hơn gấp bội người trời, đi đến chỗ Phật, cúi đầu thỉnh Phật,

繞百千匝於一面住。

nhiều bách thiên tạp u nhất diện trụ.

nhiều quanh trăm ngàn vòng và đứng qua một bên.

復有十恒河沙諸鬼神王毘沙門等。一切鬼王。所作供養悉皆如前。

Phục hữu thập hằng hà sa chư quỷ Thần Vương tì Sa Môn đẳng. nhất thiết quý Vương. sở tác cung dưỡng tất giai như tiền.

Lại có mười hằng hà sa các vua quỷ thần như Tỳ-sa-môn quý vương v.v.. Chỗ cúng dường của tất cả quý vương này đều như trước.

來詣佛所稽首請佛。繞百千匝於一面住。

Lai nghệ Phật sở khê thủ thỉnh Phật. nhiều bách thiên tạp u nhất diện trụ.

Họ đi đến chỗ Phật, cúi đầu thỉnh Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng rồi đứng qua một bên.

復有二十恒河沙伽留羅王。龍怨伽留羅王等。

Phục hữu nhị thập hằng hà sa già lưu la Vương. long oán dà lưu la Vương đẳng.

Lại có hai mươi hằng hà sa Già-lưu-la vương như Long Oán Già-lưu-la vương v.v..

三十恒河沙撻闍婆王。那羅達撻闍婆王等。

Tam thập hằng hà sa kiền thát bà Vương. na la đạt kiền thát bà Vương đẳng.

Lại có ba mươi hằng hà sa Kiền-thát-bà vương như Na-la Kiền-thát-bà vương v.v..

四十恒河沙緊那羅王。快見緊那羅王等。

Tứ thập hằng hà sa khản na la Vương. khoái kiền khản na la Vương đẳng.

Bốn mươi hằng hà sa Khản-na-la vương như Khoái-kiền Khản-na-la vương v.v..

五十恒河沙摩睺羅伽王。

Ngũ thập hằng hà sa Ma hầu la già Vương.

Năm mươi hằng hà sa Ma-hầu-la-già vương như

大快見摩睺羅伽王等。六十恒河沙阿修羅王。

Đại khoái kiền Ma hầu la dà Vương đẳng. lục thập hằng hà sa A-tu-La Vương.

Đại-khoái-kiền Ma-hầu-la-già vương v.v.. Sáu mươi hằng hà sa A-tu-la vương 遊空阿修羅王等。七十恒河沙陀那婆王。

Du không A-tu-La Vương đẳng. thất thập hằng hà sa đà na bà Vương.

như Du-không A-tu-la vương v.v.. Bảy mươi hằng hà sa Đà-na-bà vương như
法水離垢勝王等。八十恒河沙羅剎王。廣怖畏羅剎王等。

Pháp thủy ly cầu thắng Vương đẳng. bát thập hằng hà sa La sát Vương. quảng bố úy
La sát Vương đẳng.

Pháp-thủy-ly-cầu-thắng vương v.v.. Tám mươi hằng hà sa La-sát vương như Quảng-
bố-úy La-sát vương v.v..

九十恒河沙叢林主王樂香叢林主王等。

Cửu thập hằng hà sa tùng lâm chủ Vương lạc hương tùng lâm chủ Vương đẳng.

Chín mươi hằng hà sa chủ vương tông lâm như Lạc Hương chủ vương tông lâm v.v..

千恒河沙持呪王。大幻持呪王等。

Thiên hằng hà sa trì chú Vương. Đại huyền trì chú Vương đẳng.

Ngàn hằng hà sa trì chú vương như Đại Huyền trì chú vương v.v..

一億恒河沙欲色眾善現欲色等。

Nhất úc hằng hà sa dục sắc chúng thiện hiện dục sắc đẳng.

Một úc hằng hà sa chúng cõi Dục sắc như Thiện Hiện cõi Dục sắc v.v..

百億恒河沙天女眾藍婆天女等。

Bách úc hằng hà sa Thiên nữ chúng Lam bà Thiên nữ đẳng.

Trăm úc hằng hà sa chúng Thiên nữ như Lam Bà Thiên nữ v.v..

千億恒河沙負多王宿君坻負多王等。百千億恒河沙天子四天王等。

Thiên úc hằng hà sa phụ đa Vương tú quân chỉ phụ đa Vương đẳng. bách thiên úc
hằng hà sa Thiên tử tứ Thiên Vương đẳng.

Ngàn úc hằng hà sa Phụ-đa vương như Túc Quân Chỉ Phụ-đa vương v.v.. Trăm ngàn úc
hằng hà sa Thiên tử, Tứ thiên vương v.v..

百千億恒河沙風神王。一億恒河沙樂雲雨神王。

bách thiên úc hằng hà sa phong Thần Vương. nhất úc hằng hà sa lạc vân vũ Thần
Vương.

Trăm ngàn úc hằng hà sa vua Thần gió. Một úc hằng hà sa vua Thần mây mưa như
一切世間寂靜雲雨王。

Nhất thiết thế gian tịch tĩnh vân vũ Vương.

vua Thần mây mưa Nhất Thiết Thế Gian Tịch Tĩnh v.v..

是諸王等於晨朝時光明照已覺斯瑞相。各作是念。

Thị chư Vương đẳng ư Thần triêu thời quang-minh chiếu dĩ giác tu thụ tướng. các
tác thị niệm.

Vào lúc sáng sớm, ánh sáng chiếu tướng tốt lành, các vua Thần này đều nghĩ rằng:

如來不久當般泥洹。雨眾供具倍勝人天。來詣佛所稽首請佛。

Như Lai bất cửu đương bát nê hoàn. vũ chúng cung cụ bội thắng nhân Thiên. lai
nghệ Phật sở khê thủ thỉnh Phật.

Như Lai không lâu sẽ bát Nê-hoàn, phải rưới mưa cúng dường nhiều hơn gấp bội
người trời! Rồi các vị đi đến chỗ Phật, cúi đầu thỉnh Phật,

繞百千匝於一面住。

Nhiều bách thiên tạp ư nhất diện trụ.

nhiều quanh trăm ngàn vòng rồi đứng qua một bên.

復有二十恒河沙香象王金色紺眼象王等。

Phục hữu nhị thập hằng hà sa hương Tượng Vương kim sắc cảm nhãn Tượng Vương
đẳng.

Lại có hai mươi hằng hà sa Hương tượng vương như Kim Sắc Cảm Nhãn tượng vương
v.v..

是諸象王隨其力能於雪山中取眾香藥草。

Thị chư Tượng Vương tùy kỳ lực năng ư tuyết sơn trung thủ chúng hương dược thảo.

Các tượng vương này tùy theo sức lực của mình mà vào trong núi Tuyết lấy các cỏ thuốc thơm

及諸名華優鉢羅鉢曇摩拘牟頭分陀利華等大如車輪。

Cập chư danh hoa Ưu bát la bát đàm ma câu mưu đầu phân đà lợi hoa đẳng Đại như xa luân.

cùng các loài hoa danh tiếng như hoa Ưu-bát-la-bát-dàm, hoa Ma-câu-mưu-đầu, hoa Phân-đà-lợi v.v.. lớn như bánh xe,

及山川水陸所生諸華。以用莊嚴床帳供具。

Cập sơn xuyên thủy lục sở sanh chư hoa. dĩ dụng trang nghiêm sàng trướng cung cụ.

cùng các loài hoa mọc trên đất dưới nước và trong núi dùng làm trang nghiêm giường màn để cúng dường.

悲鳴號吼聲震天地。一何駛哉世間虛空。

Bi minh hiệu hồng thanh chấn Thiên địa. nhất hà quyết tai thể gian hư không.

Các tượng vương này buồn thương kêu khóc tiếng vang chấn động trời đất: Thế gian trống rỗng một cách sao mau quá!

一何駛哉世間眼滅。來詣佛所頭面禮足於一面住。

nhất hà quyết tai thể gian nhãn diệt. lai nghệ Phật sở đầu diện lễ túc ư nhất diện trụ.

Con mắt của thế gian diệt mất một cách sao mau quá! Rồi họ đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật và đứng qua một bên.

復有三恒河沙師子王大震吼師子王等。

Phục hữu tam hằng hà sa Sư-tử Vương Đại chấn hồng Sư-tử Vương đẳng.

Lại có ba hằng hà sa Sư tử vương như Đại Chấn Hồng sư tử vương v.v..

皆於眾生普施無畏。

Giai ư chúng sanh phổ thí vô úy.

đều ban bố sự vô úy khắp trong chúng sanh

及諸鳥王迦蘭陀鳥迦陵頻伽鳥王等。所作供養悉如象王。復有諸牛羊王。

Cập chư điều Vương ca lan đà điều Ca-lăng-tần-già điều Vương đẳng. sở tác cung dưỡng tất như Tượng Vương. phục hữu chư ngưu dương Vương.

cùng vua các loài chim như chim Ca-lan-đà, Ca-lăng-tần-già v.v.. chỗ cúng dường đều như Tượng vương. Lại có các vua bò dê

詣堅固林出好香乳。一切坑池乳皆流溢。

Nghệ kiên cố lâm xuất hảo hương nhũ. nhất thiết khanh trì nhũ giai lưu dật.

đến rừng Kiên Cố xuất ra chất sữa thơm ngon chảy tràn đầy tất cả ao hầm.

復有諸蜜蜂王皆以香蜜盈滿其中。

Phục hữu chư mật phong Vương giai dĩ hương mật doanh mãn kỳ trung.

Lại có các loài chúa ong mật đều lấy mật thơm chất đầy trong rừng,

如是等比數如恒河沙。悉詣佛所頭面禮足於一面住。

Như thị đẳng tỷ số như hằng hà sa. tất nghệ Phật sở đầu diện lễ túc ư nhất diện trụ.

số ấy nhiều như cát sông Hằng. Các chúa ong mật này đều đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật rồi đứng qua một bên.

復有萬恒河沙五通神仙。

Phục hữu vạn hằng hà sa ngũ thông Thần tiên.

Lại có vạn hằng hà sa Thần tiên ngũ thông

與四天下一切眾仙俱。忍辱仙人等作種種神力。

Dữ tứ Thiên hạ nhất thiết chúng tiên câu. Nhẫn nhục tiên nhân đẳng tác chúng
chúng Thần lục.
cùng tất cả các vị Tiên trong tứ thiên hạ như Tiên nhân Nhẫn nhục v.v.. biến hóa
nhiều loại thân lục,

所作供養悉倍勝前。來詣佛所以髮布地。

Sở tác cung dưỡng tất bội thắng tiên. lai nghệ Phật sở dĩ phát bố địa.
chỗ cúng dường hơn gấp bội trước. Các Tiên đi đến chỗ Phật, lấy tóc trải đất,
稽首佛足於一面住。爾時十六大國比丘比丘尼。

Khê thù Phật túc ư nhất diện trụ. nhĩ thời thập lục Đại quốc Tỳ-kheo Tỳ-kheo-
ni。

cúi đầu lễ chân Phật rồi đứng qua một bên. Bảy giờ chu vị Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni
của mười sáu nước lớn,

唯除尊者大迦葉尊者阿難二眾。

Duy trừ Tôn-Giả Đại ca diệp Tôn-Giả A Nan nhị chúng。

chỉ trừ hai chúng của Tôn giả Đại Ca-diệp và Tôn giả A-nan.

餘者悉集滿一由旬悉皆如前。比丘比丘尼眾於晨朝時。

Dư giả tất tập mãn nhất do-tuần tất giai như tiên. Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni chúng ư
Thần triều thời。

Ngoài ra, tất cả đều tập trung đầy chật một do tuần như trước. Các vị Tỳ-kheo và
Tỳ-kheo-ni này vào lúc sáng sớm

來詣佛所稽首佛足繞百千匝於一面住。

lai nghệ Phật sở kê thù Phật túc nhiều bách thiên tạp ư nhất diện trụ。

đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng rồi đứng qua một
bên。

復有萬恒河沙諸小山神王大山神王。

Phục hữu vạn hằng hà sa chư tiểu sơn Thần Vương Đại sơn Thần Vương。

Lại có vạn hằng hà sa các vua Thần núi nhỏ, vua Thần núi lớn,

世界中間諸鬼神王須彌山神王。食諸樹葉華果種種生類。

Thế giới trung gian chư quý Thần Vương Tu-Di sơn Thần Vương. thực chư thụ diệp
hoa quả chủng chủng sanh loại。

các vua quý Thần trong các thế giới, vua Thần núi Tu Di ăn lá, hoa, quả của cây
cối và các loài chúng sanh khác。

皆有神力放大光明。

Giai hữu Thần lục phóng Đại quang-minh。

Các vua Thần này đều có thần lục phóng ra ánh sáng lớn,

來詣佛所稽首禮足於一面住。

Lai nghệ Phật sở kê thù lễ túc ư nhất diện trụ。

đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi đứng qua một bên。

復有百千萬恒河沙八大河大海大地諸神天子。大小諸王皆有神力。

Phục hữu bách thiên vạn hằng hà sa bát Đại hà Đại hải Đại địa chư Thần Thiên tử。Đại tiểu chư Vương giai hữu Thần lục。

Lại có trăm ngàn vạn hằng hà sa các Thần Thiên tử của tám sông lớn, biển lớn,
địa cầu lớn. Các vua lớn nhỏ đều có thần lục

放大光明蔽於日月。於堅固林出甘露水。

Phóng Đại quang-minh tế ư nhật nguyệt. ư kiên cố lâm xuất cam lộ thủy。

phóng ánh sáng lớn che lấp mặt trời, mặt trăng. Họ ở trong rừng Kiên Cố xuất ra
nước cam lồ

滿熙連河微流清徹。處處皆作七寶階道。

Mãn Hy liên hà vi lưu thanh triệt. xú xú giai tác thất bảo giai đạo。

trong suốt mát mẽ tràn đầy sông Hy Liên cùng các nơi chỗ thêm đường bảy báu

令諸會眾飲之無厭。爾時力士生地北面南向。

Linh chur hội chúng ẩm chi vô yếm. nhĩ thời lục sĩ sanh địa Bắc diện Nam hướng.
làm cho chúng hội uống không chán. Lúc bấy giờ, phía Bắc đất Lục sĩ sanh, mặt
phía Nam

有自然善法重閣講堂。文飾刻畫七寶莊嚴五色光耀。

Hữu tự nhiên thiện Pháp trọng các giảng đường. văn sức khắc họa thất bảo trang
nghiêm ngũ sắc quang diệu.

có lầu gác và giảng đường Thiện pháp tự nhiên, đường nét khắc họa trang nghiêm
bằng bảy báu năm màu sáng chói.

清泉浴池華果園林亦自化成。

thanh tuyền dục trì hoa quả viên lâm diệc tự hóa thành

Suối trong, ao tắm, hoa quả, vườn rừng cũng tự nhiên hóa thành

譬如忉利天歡喜之園甚可愛樂。

Thí như đao lợi Thiên hoan hỉ chi viên thậm khả ái lạc.

như vườn Hoan Hỷ của cõi trời Đao Lợi rất đáng ưa thích.

其諸天人阿修羅悉觀如來泥洹之相。咸皆悲感愁憂歎息。

Kỳ chur Thiên nhân A-tu-La tất đồ Như Lai nê hoàn chi tướng. hàm giai bi cảm sâu
ưu thán tức.

Chư Thiên, loài người, A-tu-la thấy tướng Như Lai Nê-hoàn, tất cả đều buồn
thương, sâu não than thở.

復有一億阿僧祇四天王諸天子皆悉來會各相謂言。

Phục hữu nhất ức a tăng kỳ tứ Thiên Vương chur Thiên tử giai tất lai hội các
tướng vị ngôn.

Lại có một ức a tăng kỳ các Thiên tử trong Tứ Thiên Vương đều đến hội họp, cùng
bảo nhau rằng:

汝等觀此天人阿修羅。為最後供養如來故。

Nhữ đẳng quán thử Thiên Nhơn A-tu-La. vi tối hậu cung dưỡng Như Lai cố.

Các ông xem người, trời và A-tu-la kia vì cúng dường Như Lai lần sau cùng nên
作此勝妙殊特供具種種飲食。

Tác thử thắng diệu thù đặc cung cụ chúng chúng ẩm thực.

bày biện nhiều thứ thức ăn vật uống thù thắng vi diệu như vậy.

佛與大眾受彼施已當般泥洹。我等亦當辦眾供具倍勝於彼。

Phật dữ Đại chúng thọ bi thí dĩ đương bát nê hoàn. ngã đẳng diệc đương bạn chúng
cung cụ bội thắng ư bi.

Phật và đại chúng nhận sự cúng dường ấy xong sẽ bát Nê-hoàn. Chúng ta cũng nên
sắm sửa nhiều đồ cúng dường hơn gấp bội họ.

皆用天華天香天食。

Giai dụng Thiên hoa Thiên hương Thiên thực.

Các Thiên tử đều dùng hoa trời, hương trời, đồ ăn trời,

曼陀羅華摩訶曼陀羅華。迦拘羅花摩訶迦拘羅華。

Mạn-đà-la hoa Ma-Ha mạn-đà-la hoa. ca câu la hoa Ma-Ha ca câu la hoa.

hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha-mạn-đà-la, hoa Ca-câu-la, Ma-ha Ca-câu-la,

曼殊沙花摩訶曼殊沙花。散多那華摩訶散多那華。

Mạn thù sa hoa Ma-Ha mạn thù sa hoa. tán đa na hoa Ma-Ha tán đa na hoa.

hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha Mạn-thù-sa, hoa Tán-đa-na, hoa Ma-ha Tán-đa-na,

如是等種種天花及諸天香。以成供具來詣佛所。

Như thị đẳng chủng chủng Thiên hoa cập chur Thiên hương. dĩ thành cung cụ lai
nghệ Phật sở.

nhiều loài hoa trời cùng hương trời như vậy đến chỗ Phật để cúng dường,

稽首請佛於一面住。

Khê thủ thỉnh Phật ư nhất diện trụ.

cúi đầu thỉnh Phật rồi đứng qua một bên.

釋提桓因與阿僧祇三十三天眾所作供養。

Thích đề hoàn nhân dữ a tăng kì tam thập tam Thiên chúng sở tác cung dưỡng.

Thích Đề Hoàn Nhân cùng A-tăng-kỳ chúng Tam thập tam thiên làm đồ cúng dường,

乃至第六天王與諸眷屬所作供養轉倍勝前。

Nãi chí đệ lục Thiên Vương dữ chư quyền thuộc sở tác cung dưỡng chuyển bội thắng tiên.

cho đến vua cõi trời thứ sáu cùng các quyền cúng dường nhiều hơn gấp bội trước.

除四無色及色有無想天。其餘諸天亦辦供具轉倍勝前。

Trừ tứ vô sắc cập sắc hữu vô tưởng Thiên. kỳ dư chư Thiên diệc bần cung cụ chuyển bội thắng tiên.

Trừ bốn cõi Vô sắc, cõi Sắc và cõi trời Vô Tưởng, ngoài ra các cõi trời khác cũng sắm sửa nhiều đồ cúng dường nhiều hơn gấp bội trước.

爾時娑婆世界主梵天王。與諸梵天子無量眷屬。

Nhĩ thời Sa Bà thế giới chủ Phạm Thiên Vương. dữ chư phạm Thiên tử vô lượng quyền thuộc.

Lúc bấy giờ, Phạm Thiên Vương chủ thế giới Ta-bà cùng các Phạm Thiên tử và vô lượng quyền thuộc,

各放身光遍四天下。

Các phóng thân quang biến tứ Thiên hạ.

thân phóng ra ánh sáng tỏa khắp bốn thiên hạ.

欲界人天身諸光明皆蔽不現。普雨天衣及天名華供辦天食。

Dục giới nhân Thiên thân chư quang-minh giai tế bất hiện. phổ vũ Thiên y cập Thiên danh hoa cung bần Thiên thực.

Ánh sáng của thân người trời cõi Dục đều bị che lấp không hiển hiện được. Các Phạm Thiên tử này rưới mưa y trời, hoa trời và thực phẩm trời danh tiếng để sửa soạn cúng dường.

一一天幢天幡天蓋。從堅固林上至梵天。

nhất nhất Thiên tràng Thiên phiên Thiên cái. tông kiên cố lâm thượng chí Phạm Thiên.

Mỗi mỗi tràng trời, phan trời, lọng trời từ rừng Kiên Cố lên đến Phạm thiên.

辦眾具已來詣佛所。稽首請佛於一面住。

Bần chúng cụ dĩ lai nghê Phật sở. kê thủ thỉnh Phật ư nhất diện trụ.

Sửa soạn đầy đủ xong, họ lại đến chỗ Phật, cúi đầu thỉnh Phật rồi đứng qua một bên.

復有毘摩質多羅阿修羅王。與無量阿修羅眷屬俱。

Phục hữu tì ma chất đa la A-tu-La Vương. dữ vô lượng A-tu-La quyền thuộc câu.

Lại có A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la và vô lượng quyền thuộc của A-tu-la đều đến hội họp,

放身光明遍四天下。

Phóng thân quang-minh biến tứ Thiên hạ.

thân phóng ánh sáng khắp bốn châu thiên hạ.

釋提桓因及諸梵王身諸光明皆蔽不現。亦辦飯食及眾供具。

Thích đề hoàn nhân cập chư Phạm Vương thân chư quang-minh giai tế bất hiện. diệc bần phạm thực cập chúng cung câu

Ánh sáng của thân Thích Đề Hoàn Nhân và các Phạm Vương đều bị che khuất không hiển hiện được. Các A-tu-la này cũng sắm sửa thực phẩm cùng nhiều đồ cúng dường:

其諸寶蓋悉皆彌覆小千世界辦眾供已來詣佛所。

Kỳ chú bảo cái tất giai di phúc tiểu thiên thể giới bạn chúng cung dĩ lai nghệ Phật sở.

Các lọng báu đều che khắp một Tiểu thiên thể giới. Sửa soạn đồ cúng dường xong, họ đi đến chỗ Phật,

稽首請佛於一面住。

Khê thủ thỉnh Phật ư nhất diện trụ。

cúi đầu thỉnh Phật rồi đứng qua một bên.

爾時天魔波旬與無量魔天女眾俱。即以神力普開一切諸地獄門。

Nhĩ thời Thiên Ma ba tuần dữ vô lượng Ma Thiên nữ chúng câu. tức dĩ Thần lực phổ khai nhất thiết chu Địa-ngục môn.

Lúc đó, Thiên ma Ba Tuần và vô lượng Thiên ma nữ đều đến hội họp, liền dùng thần lực mở khắp tất cả các cửa ngục,

隨彼地獄眾生有所願樂皆給濟之。

Tùy bi Địa-ngục chúng sanh hữu sở nguyện lạc giai cấp tế chi。

tùy chỗ mong cầu của chúng sanh trong địa ngục kia mà cung cấp đầy đủ cho họ.

又復普告地獄眾生言。汝等。

Hựu phục phổ cáo Địa-ngục chúng sanh ngôn. nhữ đẳng。

Lại bảo khắp chúng sanh trong địa ngục rằng: Các người

當念如來應供等正覺作最後隨喜。此是汝等力所堪能修行福利。

Đương niệm Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác tác tối hậu tùy hỉ. thử thị nhữ đẳng lực sở kham năng tu hành phúc lợi。

phải nên tùy hỷ niệm Như Lai Ứng cúng, Đẳng chánh giác lần sau cùng. Nhờ phước lợi năng lực tu hành này của các người

當令汝等長獲安樂。永得解脫地獄楚毒。

Đương linh nhữ đẳng trường hoạch an lạc. vĩnh đắc giải thoát Địa-ngục sở độc。

sẽ làm cho các người được an lạc lâu dài, mãi mãi được thoát khỏi địa ngục khổ độc.

以如來威神故。令魔波旬心轉調伏。

Dĩ Như Lai uy Thần cố. linh Ma ba tuần tâm chuyển điều phục。

Do oai thần của Như Lai làm xoay chuyển và điều phục được tâm của ma Ba tuần 與眷屬俱皆悉莊嚴兵仗刀劍弓箭金鉞鉞斧繩索長鉤鬪戰眾具

Dữ quyển thuộc câu giai tất trang nghiêm binh trượng đao kiếm cung tiễn kim chùy viết phù quyển tác trường câu đầu chiến chúng cụ。

và quyển thuộc đều trang bị các binh cụ như gậy gộc, đao, kiếm, cung tên, kềm, chùy, búa, rìu, móc câu dài để đánh nhau;

地獄眾生長夜癡冥。遠離正法受諸苦痛。

Địa-ngục chúng sanh trường dạ si minh. viễn li chánh Pháp thọ chu khổ thống。

chúng sanh trong địa ngục đêm dài ngu si tăm tối, xa lìa chánh pháp, thọ các khổ não,

城郭門戶盛火熾然。興雲大雨令火悉滅。

Thành quách môn hộ thịnh hỏa si nhiên. hưng vân Đại vũ linh hỏa tất diệt。

thành quách của nẻo bị lửa dữ thiêu đốt, liền nổi mây mưa lớn khiến lửa đều tắt.

爾時地獄眾生離苦獲安。

Nhĩ thời Địa-ngục chúng sanh ly khổ hoạch an。

Lúc đó, chúng sanh trong địa ngục liền lìa khổ mà được an vui。

離苦獲安已一一諸魔與其眷屬。辦眾供具倍勝於前。

Ly khổ hoạch an dĩ nhất nhất chu ma dữ kỳ quyển thuộc. bạn chúng cung cụ bội thắng ư tiền。

Lìa khổ được vui rồi, mỗi mỗi các ma và quyển thuộc của chúng sắm sửa đồ cúng dường nhiều hơn gấp bội trước,

來詣佛所稽首請佛。唯願世尊。哀受我供。受我供已。

Lai nghê Phật sở khê thủ thỉnh Phật. duy nguyện Thế tôn. ai thọ ngã cung. thọ ngã cung dĩ.

đến chỗ Phật cúi đầu thỉnh Phật: Cúi xin Thế Tôn thương xót thọ nhận sự cúng dường của chúng con. Thọ nhận sự cúng dường của chúng con rồi,

其有善男子善女人。稱摩訶衍名者若真若偽。

Kỳ hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. xưng Ma-Ha diển danh giả nhược chân nhược ngụy.

có người trai lành gái lành nào xưng danh Ma-ha-diển hoặc thật hoặc giả,我等皆當為是人等作無畏之護。

Ngã đẳng giai đương vị thị nhân đẳng tác vô úy chi hộ.

chúng con đều sẽ vì người này giúp cho họ không sợ hãi

而說是呪佉吒吒羅。佉吒魯樓麗。

nhi thuyết thị chú sá sí trá trá la. đà sí lỗ lâu lệ.

mà nói thần chú rằng Sá-sí-trá-trá-la, Đà-sí-lỗ-lâu-lệ,

摩訶魯樓麗。阿邏。摩邏。多羅。

Ma-Ha lỗ lâu lệ. a lá. ma lá. đa-la.

Ma-ha Lỗ-lâu-lệ, A-la, Ma-la, Đa-la,

悉波呵是呪能令諸亂心者得深妙定。

tất ba ha thị chú năng linh chư loạn tâm giả đắc thâm diệu định.

Tất-ba-ha. Chú này có thể làm cho những người tâm bị tán loạn được tâm định sâu xa nhiệm mầu.

是呪能令諸恐怖者離諸恐怖。

Thị chú năng linh chư khủng phổ giả ly chư khủng phổ.

Chú này có thể làm cho người sợ hãi lìa được sự sợ hãi.

是呪能令為法師者辯才無斷。是呪悉能降伏外道。諸有能護正法者。

Thị chú năng linh vi Pháp sư giả biện tài vô đoạn. thị chú tất năng hàng phục ngoại đạo. chư hữu năng hộ chánh Pháp giả.

Chú này có thể làm cho vị Pháp sư được biện tài vô ngại. Chú này đều có thể hàng phục được ngoại đạo. Những người hay hộ trì chánh pháp,

為是呪所護如佩神。我此呪術所說誠諦。

Vi thị chú sở hộ như bội Thần. ngã thủ chú thuật sở thuyết thành đế.

chú này như vị Thần theo bên đế ủng hộ. Chú thuật chúng tôi nói đây là đúng sự thật.

其有人能持此呪者。

kỳ hữu nhân năng trì thủ chú giả.

Nếu có người nào hay trì chú này,

若在曠野凶害毒獸水火難等。若持若說眾難悉除如龜藏六。

Nhược tại khoáng dã hung hại độc thú thủy hỏa nạn đẳng. nhược trì nhược thuyết chúng nan tất trừ như quy tạng lục.

hoặc ở giữa đồng trống, hoặc gặp các nạn hung dữ độc hại như cầm thú, lửa, nước v.v.. hoặc trì hoặc nói lên chú này thì tất cả các nạn đều trừ diệt như rùa che sáu chi.

我等今日皆悉以離諸魔詔曲。

ngã đẳng kim nhật giai tất dĩ ly chư ma siểm khúc.

Hôm nay chúng con đều được xa lìa các ma nịnh hót.

惟願世尊哀受我供。願并印可所說神呪。爾時世尊即告魔言。

Duy nguyện Thế tôn ai thọ ngã cung. nguyện tinh ấn khả sở thuyết Thần chú. nhĩ thời Thế tôn tức cáo ma ngôn.

Cúi xin Thế Tôn thương xót mà thọ nhận sự cúng dường và hứa nhận lời thần chú này của chúng con. Lúc đó Thế Tôn liền bảo ma rằng:

我不受汝飯食供養。為安隱一切眾生故。

Ngã bất thọ nhữ phạn thực cung dưỡng, vị an ổn nhất thiết chúng sanh cố.

Ta không nhận thực phẩm cúng dường của các ông. Vì muốn an ổn cho tất cả chúng sanh nên

今當受汝神呪法施。如是三請。

Kim đương thọ nhữ Thần chú Pháp thí, như thị tam thỉnh.

nay sẽ nhận pháp thí thần chú của ông. Ba lần thưa thỉnh như vậy,

世尊亦三默然不受。時魔波旬及魔天女。

Thế tôn diệc tam mặc nhiên bất thọ, thời Ma ba tuần cập Ma Thiên nữ.

Thế Tôn cũng ba lần lặng yên không nhận. Lúc đó ma Ba tuần và ma Thiên nữ

稽首佛足於一面住。復有大自在天王。與無量大力諸天子俱。

Khê thủ Phật túc ư nhất diện trụ, phục hữu Đại Tự Tại Thiên Vương, dữ vô lượng

Đại lực chư Thiên tử câu.

cúi đầu lễ chân Phật rồi đứng qua một bên. Lại có Đại Tự Tại Thiên Vương cùng vô lượng các Thiên tử có thể lực lớn đều

放大光明遍照三千大千世界。

Phóng Đại quang-minh biến chiếu tam Thiên Đại Thiên thế giới.

phóng ánh sáng lớn chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

梵釋諸天乃至阿修羅眾身諸光明悉蔽不現。

phạm thích chư Thiên nãi chí A-tu-La chúng thân chư quang-minh tất tế bất hiện.

Ánh sáng trên thân của Phạm Thích và các trời cho đến A-tu-la đều bị che khuất không hiển hiện được.

辦眾供具倍勝於前。華蓋光明遍照三千大千世界。

Bạn chúng cung cụ bội thắng ư tiền, hoa cái quang-minh biến chiếu tam Thiên Đại Thiên thế giới.

Họ sắm sửa đồ cúng dường nhiều hơn gấp bội trước. Lọng hoa ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

百億日月悉如聚墨光明不現。

Bách ức nhật nguyệt tất như tụ mặc quang-minh bất hiện.

Ánh sáng của trăm ức mặt trời, mặt trăng đều nhóm lại như đốm đen, không hiển hiện được.

大般泥洹經大身菩薩品第二

Đại bát nê hoàn Kinh Đại thân Bồ Tát phẩm đệ nhị

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN - BỒ TÁT ĐẠI THÂN PHẨM THỨ HAI

東方去此無數阿僧祇恒河沙佛土微塵佛刹

Đông phương khứ thử vô số a tăng kì hằng hà sa Phật độ vi trần Phật sát

Ở phương Đông cách đây vô số a tăng kỳ hằng hà sa cõi Phật, cõi Phật nhiều như vi trần,

有世界名意樂美音。

Hữu thế giới danh ý lạc mỹ âm.

có một thế giới tên là Ý Lạc Mỹ Âm.

佛號虛空等如來應供等正覺。

Phật hiệu hư không đẳng Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác.

Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác

在世教授告第一聲聞菩薩名曰大身。善男子。西方有世界名曰娑婆。

tại thế giáo thọ cáo đệ nhất thanh văn Bồ Tát danh viết Đại thân. thiện nam tử. Tây phương hữu thế giới danh viết Sa Bà.

hiện đang làm giáo thọ ở đời, bảo vị Thanh văn Bồ-tát đệ nhất tên là Đại Thân
rằng: Này thiện nam tử! Ở phương Tây có thế giới tên là Sa-bà,
佛號釋迦牟尼如來應供等正覺。臨當滅度。

Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng-Cúng đấng chánh giác. lâm đương diệt độ.
Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng cúng, Đấng chánh giác sắp diệt độ,
持此國土滿鉢香飯。香徹三千大千世界。

Trì thờ quốc độ mãn bát hương phạn. hương triệt tam Thiên Đại Thiên thế giới.
hãy đem bát đầy cơm thơm bay khắp ba ngàn đại thiên thế giới của cõi nước này
并以我心現彼大眾。彼如來受我飯已當般泥洹。

Tình dĩ ngã tâm hiện bỉ Đại chúng. bỉ Như Lai thọ ngã phạn dĩ đương bát nê
hoàn。

cùng tâm lòng của Ta mà đến trong đại chúng kia. Như Lai kia thọ nhận bát cơm
của Ta xong sẽ bát Nê-hoàn,

又持眾寶床帳供具獻彼如來。

Hựu trì chúng bảo sàng trướng cung cụ hiến bỉ Như Lai.
đem thêm các thứ giường màn báu hiến cúng Như Lai kia.

汝等并自請決所疑。是時大身菩薩。

nhữ đẳng tình tự thỉnh quyết sở nghi. thị thời Đại thân Bồ Tát.

Các ông cũng nên thưa thỉnh những chỗ nghi ngờ của mình. Lúc đó Bồ-tát Đại Thân
稽首佛足右繞訖合掌受教。與無數阿僧祇菩薩摩訶薩俱。

Khê thủ Phật túc hữu nhiều cật hợp chưởng thọ giáo. dữ vô số a tăng kì Bồ Tát
Ma-Ha tát câu。

cúi đầu lễ chân Phật, nhiều quanh bên phải xong, chấp tay thọ giáo, cùng vô số a
tăng kỳ đại Bồ-tát

來向此娑婆世界。爾時三千大千世界地普大動。

Lai hướng thủ Sa Bà thế giới. nhĩ thời tam Thiên Đại Thiên thế giới địa phổ Đại
động。

hướng đến thế giới Ta-bà này. Bây giờ, khắp Tam thiên đại thiên thế giới mặt đất
chấn động。

時會大眾釋梵四天王魔王阿修羅。

Thời hội Đại chúng thích phạm tứ Thiên Vương ma Vương A-tu-La.

Lúc đó, đại chúng Thích Phạm, Tứ Thiên Vương, A-tu-la

及大力諸天見此地動舉身毛豎。

Cập Đại lực chư Thiên kiến thủ địa động cử thân mao thọ.

và chư Thiên đại lực thấy mặt đất chấn động như vậy, lông tóc dựng đứng,

各自見身光明不現悉如聚墨。爾時大眾一切驚起。

Các tự kiến thân quang-minh bất hiện tất như tụ mực. nhĩ thời Đại chúng nhất
thiết kinh khởi。

tự thấy ánh sáng trên thân mình không hiển hiện mà như đóm đen. Lúc đó, tất cả
đại chúng sợ hãi đứng dậy。

文殊師利童子。告諸釋梵護世魔王諸天王言。

Văn Thù Sư Lợi đồng tử. cáo chư thích phạm hộ thế ma Vương chư Thiên Vương
ngôn。

Văn-thù-sư-lợi đồng tử bảo các Thích Phạm hộ đời, Ma Vương và các vua trời rằng:
汝等勿怖汝等勿怖。

Nhữ đẳng vật phổ nhữ đẳng vật phổ。

Các ông đừng sợ! Các ông đừng sợ!

東方去此無數阿僧祇恒河沙國土微塵佛刹。有世界名意樂美音。

Đông phương khú thử vô số a tăng kì hằng hà sa quốc độ vi trần Phật sát. hữu thể giới danh ý lạc mỹ âm.

Phương Đông cách đây vô số a tăng kỳ hằng hà sa cõi nước, cõi Phật nhiều như vi trần, có một thể giới tên là Ý Lạc Mỹ Âm,

佛號虛空等如來應供等正覺。

Phật hiệu hư không đẳng Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác.

Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác,

告第一聲聞菩薩汝行詣娑婆世界。

cáo đệ nhất thanh văn Bồ Tát nữ hành nghệ Sa Bà thế giới.

báo đệ nhất Thanh văn Bồ-tát rằng ông đến thế giới Ta-bà

有佛號釋迦牟尼如來應供等正覺臨當滅度。供飯彼佛及比丘僧。

hữu Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác lâm đương diệt

độ. cung phạn bi Phật cập Tỳ-kheo tăng.

có Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác sắp diệt độ.

汝等并自請決所疑。

Nhữ đẳng tinh tự thỉnh quyết sở nghi.

Các ông đều nên thưa thỉnh những chỗ nghi ngờ của mình.

即時大身菩薩稽首佛足右繞訖合掌受教。

Tức thời Đại thân Bồ Tát khể thủ Phật tức hữu nhiều cập hợp chưởng thọ giáo.

Lúc đó, Bồ-tát Đại Thân cúi đầu lễ chân Phật, nhiều quanh bên phải xong, chấp tay thọ giáo

與無央數阿僧祇菩薩摩訶薩俱來詣此娑婆世界。

dữ vô ương số a tăng kì Bồ Tát Ma-Ha tát câu lai nghệ thử Sa Bà thế giới.

cùng vô ương số a tăng kỳ đại Bồ-tát đều đến thế giới Ta-bà này.

放身光明故令汝等光明悉蔽不現。彼虛空等如來應供等正覺。

Phóng thân quang-minh cố lệnh nữ đẳng quang-minh tất tế bất hiện. bi hư không

đẳng Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác.

Vì thân các vị ấy phóng ánh sáng nên làm cho ánh sáng của các ông bị che khuất không hiển hiện được. Phật Hư Không Đẳng Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác kia

供養世尊故遣菩薩來。汝等皆當一心隨喜。

cúng dưỡng Thế tôn cố khiến Bồ Tát lai. nữ đẳng giai đương nhất tâm tùy hi.

vì cúng dưỡng Thế Tôn nên sai Bồ-tát đến nên các ông đều phải nhất tâm tùy hỷ.

時釋梵天王及諸大眾即復歎曰。

Thời thích Phạm Thiên Vương cập chư Đại chúng tức phục thán viết.

Lúc đó, Thích Phạm, Thiên Vương cùng đại chúng lại than thở rằng:

何其怪哉世間虛空。如來不久當般泥洹。

Hà kỳ quái tai thế gian hư không. Như Lai bất cử đương bát nê hoàn.

Lạ thay thế gian trống rỗng! Như Lai không lâu sẽ bát Nê-hoàn!

一何駛哉世間眼滅。皆悉舉聲哀號悲哭。

Nhất hà quyết tai thế gian nhãn diệt. giai tất cử thanh ai hiệu bi khốc.

Con mắt của thế gian diệt mất một cách sao mau quá! Tất cả đều cất tiếng khóc thê thảm.

時彼大身菩薩摩訶薩。

Thời bi Đại thân Bồ Tát Ma-Ha tát.

Lúc đó, đại Bồ-tát Đại Thân

與無量阿僧祇諸菩薩俱從意樂美音佛土。各各遍身放大光明來詣娑婆世界。

Dữ vô lượng a tăng kì chư Bồ Tát câu tông ý lạc mỹ âm Phật độ. các các biến thân

phóng Đại quang-minh lai nghệ Sa Bà thế giới.

cùng vô lượng a tăng kì các Bồ-tát đều từ cõi nước của Phật Ý Lạc Mỹ Âm, mỗi mỗi trong thân đều phóng ánh sáng lớn đến khắp thế giới Ta-bà.

其大身菩薩舉身毛孔光明。

Kỳ Đại thân Bồ Tát cử thân mao khổng quang-minh.

Bồ-tát Đại Thân cử thân, các lỗ chân lông phóng ra ánh sáng

化為無量雜種蓮華。一一華上各有七百八十萬城。

Hóa vi vô lượng tạp chủng liên hoa. nhất nhất hoa thượng các hữu thất bách bát thập vạn thành.

hóa làm vô lượng các loại hoa sen. Trên mỗi mỗi hoa sen đều có bảy trăm tám mươi vạn thành.

高廣嚴好其城七重。

Cao quảng nghiêm hảo kỳ thành thất trọng.

Thành ấy bảy lớp, cao rộng nghiêm đẹp

城各七寶閻浮檀金以為却敵。其却敵上列植寶樹。

Thành các thất bảo diêm-phù-đàn kim dĩ vi khước địch. kỳ khước địch thượng liệt thực bảo thụ.

đều bằng bảy báu, vàng Diêm-phù-đàn dùng làm gậy ngăn địch. Trên gậy ngăn địch trồng các cây báu.

其樹悉生眾寶蓮果。皆以金繩連綿樹間。以七寶網重羅樹外。

Kỳ thụ tất sanh chúng bảo liên quả. giai dĩ kim thăng liên miên thụ gian. dĩ thất bảo võng trọng la thụ ngoại.

Cây báu đó đều sanh các quả sen báu, dây vàng làm lùa nối liền giữa các cây, lưới bảy báu giăng ở ngoài cây,

微風吹動作五音聲。其音和雅猶如天樂。

Vi phong xuy động tác ngũ âm thanh. kỳ âm hòa nhã do như Thiên nhạc.

gió nhẹ thổi động phát ra năm thứ tiếng, tiếng đó hòa nhã giống như nhạc trời.

人民安隱快樂自在。

Nhân dân an ổn khoái lạc tự-tại.

Nhân dân an ổn, khoái lạc tự tại.

其城外有七寶池周匝圍繞。八功德水湛然充滿。

kỳ thành ngoại hữu thất bảo trì châu tạp vây quanh. bát công đức thủy trạm nhiên sung mãn.

Bên ngoài thành đó, giáp vòng xung quanh có ao bảy báu, nước tám công đức trong trẻo tràn đầy,

不冷不熱微流清淨皆生四種七寶蓮華大如車輪。

Bất lạnh bất nhiệt vi lưu thanh tịnh giai sanh tứ chủng thất bảo liên hoa Đại như xa luân.

không lạnh, không nóng, êm ả nhẹ chảy. Trong ao mọc lên bốn thứ hoa sen bảy báu lớn như bánh xe:

青黃赤白五色光耀。乘七寶船遊戲其中。

Thanh hoàng xích bạch ngũ sắc quang diệu. thừa thất bảo thuyền du hí kỳ trung. xanh, vàng, đỏ, trắng năm màu sáng rực, nương thuyền bảy báu dạo chơi trong ao đó.

又其城內亦有浴池。四種蓮華大如車輪。

Hựu kỳ thành nội diệc hữu dục trì. tứ chủng liên hoa Đại như xa luân.

Lại trong thành đó cũng có ao tắm, có bốn thứ hoa sen lớn như bánh xe

五色嚴好其池四邊。以黃金白銀琉璃頗梨。

Ngũ sắc nghiêm hảo kỳ trì tứ biên. dĩ hoàng kim bạch ngân lưu ly pha-lê.

năm màu nghiêm đẹp. Bốn bên ao đó đều bằng huỳnh kim, bạch ngân, lưu ly, xa cừ.

面各一寶互相映發。玫瑰為底布以金沙。

Diện các nhất bảo hỗ tương ánh phát. mai khôi vi để bồ dĩ kim sa.

Bề mặt của ao đều dùng một thứ báu kết xen lẫn nhau phát ra ánh sáng. Mai khôi làm đáy, vàng dùng làm cát để trải.

一一浴池各有十八黃金梯陛。

Nhất nhất dục trì các hữu thập bát hoàng kim thê bệ.

Mỗi mỗi ao tắm đều có mười tám bậc thềm bằng huỳnh kim,

種種雜寶校飾莊嚴梯陛中間皆以閻浮檀金。為芭蕉樹列植道側。

Chủng chủng tạp bảo giáo sức trang nghiêm thê bệ trung gian giai dĩ diêm-phù-đàn kim. vì ba tiêu thụ liệt thực đạo trắc.

đủ thứ các báu xen lẫn để trang sức rất trang nghiêm đẹp đẽ. Giữa các thềm thang đều dùng vàng Diêm-phù-đàn làm cây chuối trồng ở hai bên đường,

天優鉢羅鉢曇摩拘牟頭分陀利華。

Thiên Ưu bát la bát đàm ma câu mưu đầu phân đà lợi hoa.

hoa trời như Ưu-bát-la, hoa Bát-đàm-ma, hoa Câu-mưu-đầu, hoa Phân-đà-lợi

大如車輪遍覆池上。異類眾鳥遊戲其中。

Đại như xa luân biến phúc trì thượng. dị loại chúng điều du hí kỳ trung.

lớn như bánh xe phủ khắp trên ao. Có các loài chim bay liệng trong ao.

其浴池上悉有種種天香華樹。四方風吹遍散池上。

Kỳ dục trì thượng tất hữu chủng chủng Thiên hương hoa thụ. tứ phương phong xuy biến tán trì thượng.

Trên các ao tắm đều có các loại cây cối, hoa thơm của trời, bốn phương gió thổi hoa rải khắp trên ao.

其水香淨如天梅檀。

Kỳ thủy hương tịnh như Thiên chiên đàn.

Nước ao thơm sạch như Chiên-đàn trời.

其城內外有八萬四千大王。

Kỳ thành nội ngoại hữu bát vạn tứ thiên Đại Vương.

Trong ngoài thành này có tám vạn bốn ngàn vua lớn.

一一諸王各有無量夫人媵女五欲自娛。人民舍宅各四由旬。垣牆七重悉皆七寶

Nhất nhất chư Vương các hữu vô lượng phu nhân thê nữ ngũ dục tự ngu. nhân dân xá trạch các tứ do-tuần. viên tường thất trọng tất giai thất bảo.

Mỗi mỗi đức vua đều có vô lượng phu nhân, thê nữ vui chơi năm dục. Nhà cửa nhân dân đều rộng bốn do tuần, bảy lớp tường vách đều bằng bảy báu,

亦各自有園觀浴池。

diệc các tự hữu viên quán dục trì

cũng đều tự có vườn ngắm ao tắm,

五欲快樂隨意遊居無有適主。其地柔軟散五色華薰以天香。

Ngũ dục khoái lạc tùy ý du cư vô hữu thích chủ. kỳ địa nhu nhuyễn tán ngũ sắc hoa huân dĩ Thiên hương.

năm dục khoái lạc tùy ý dạo ở không có chủ giữ. Đất đó mềm mại rải hoa năm màu, hương trời dùng để xông ướp.

又復彼處無有聲聞緣覺之名淳一大乘。

Hựu phục bỉ xứ vô hữu thanh văn duyên giác chi danh thuần nhất Đại thừa.

Lại nữa, nơi ấy không có tên Thanh văn, Duyên giác chi thuần nhất Đại thừa.

一一華上皆有大王。處師子座寶机承足。

Nhất nhất hoa thượng giai hữu Đại Vương. xử Sư-tử tọa bảo ngột thừa túc.

Trên mỗi mỗi hoa đều có vua lớn ngồi tòa sư tử, ghế báu đỡ chân,

眾寶帳幔彌覆其上。以大乘法化度眾生。

Chủng bảo trướng幔 di phúc kỳ thượng. dĩ Đại thừa Pháp hóa độ chúng sanh.

các幔 trướng báu giăng che bên trên. Các vị vua ấy, dùng pháp Đại thừa hóa độ chúng sanh.

其諸眾生悉在華上聽受大乘。書持誦念如說修行。

Kỳ chư chúng sanh tất tại hoa thượng thính thọ Đại thừa. thư trì tụng niệm như thuyết tu hành.

Những chúng sanh đó, ngồi trên hoa sen nghe thọ Đại thừa, sao chép tụng niệm như thuyết tu hành.

大身菩薩毛孔光明神通變化。

Đại thân Bồ Tát mao khổng quang-minh Thần thông biến hoá.

Bồ-tát Đại Thân các lỗ chân lông phát ra ánh sáng thần thông biến hoá.

其餘菩薩亦復如是。時諸眾生無有欲樂。但有憂惱悲泣。

Kỳ dư Bồ Tát diệc phục như thị. thời chư chúng sanh vô hữu dục lạc. đản hữu ưu não bi khấp.

Các Bồ-tát khác cũng lại như vậy. Lúc đó, các chúng sanh không có ai ham thích, chỉ có buồn sầu khóc lóc,

隨路漸漸行詣拘夷大城各相謂言。

Tùy lộ tiệm tiệm hành nghê câu di Đại thành các tướng vị ngôn.

men đường dần dần đi đến đại thành Câu-di, cùng bảo nhau rằng:

汝等觀此天人供養殊特之事。諸來菩薩亦辦供具。

Nhữ đẳng quán thử Thiên Nhơn cung dưỡng thù đặc chi sự. chư lai Bồ Tát diệc bạn cung cụ.

Các ông xem người trời này đang làm sự cúng dường rất thù đặc. Các vị Bồ-tát mới đến cũng sắm sửa đồ để cúng dường

眾味飯食鮮潔香美無可為喻。大身菩薩與諸眷屬。

Chúng vị phạn thực tiên khiết hương mỹ vô khả vi dụ. Đại thân Bồ Tát dữ chư quyền thuộc.

các thứ cơm ăn hương vị tươi ngon tinh khiết không thể lấy gì thí dụ. Bồ-tát Đại Thân cùng các quyền thuộc,

從身毛孔出寶蓮華。所齋飯食供佛及僧。

Tòng thân mao khổng xuất bảo liên hoa. sở tề phạn thực cung Phật cập tăng.

từ các lỗ chân lông nơi thân xuất ra hoa sen báu, dâng cơm thơm lên cúng dường Phật và Tăng.

其飯香氣普薰三千大千世界。

Kỳ phạn hương khí phổ huân tam Thiên Đại Thiên thế giới.

Cơm ấy hương thơm xông khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

眾生聞者一切煩惱皆悉除滅。蓮華寶帳幢幡華蓋。

Chúng sanh văn giả nhất thiết phiền não giai tất trừ diệt. liên hoa bảo trướng tràng phiên hoa cái.

Chúng sanh nghe được hương ấy, tất cả phiền não đều tiêu trừ. Hoa sen, màn trướng, tràng phan, lọng hoa báu

一切供具無可為喻。從其本國來向此土。

Nhất thiết cung cụ vô khả vi dụ. tòng kỳ bản quốc lai hướng thử độ.

đầy đủ tất cả không thể lấy gì thí dụ. Từ nơi nước mình đi đến cõi này,

乘虛而至猶若高臺。一切眾生無不悉見。

Thừa hư nhi chí do nhược cao đài. nhất thiết chúng sanh vô bất tất kiến.

Bồ-tát Đại Thân nương nơi hư không mà đến dường như đài cao, tất cả chúng sanh không ai không thấy.

大身菩薩及諸眷屬設眾供養倍過諸天。

Đại thân Bồ Tát cập chư quyền thuộc thiết chúng cung dưỡng bội quá chư Thiên.

Bồ-tát Đại Thân cùng các quyền thuộc thiết bày cúng dường hơn gấp bội chư thiên.

唯除如來光明。梵釋諸天光蔽不現。

Duy trừ Như Lai quang-minh, phạm thích chu Thiên quang tế bất hiện。
Chỉ trừ ánh sáng của Như Lai, ánh sáng của Phạm Thích và chu Thiên đều bị che khuất không hiển hiện được。

彼諸菩薩其身毛孔皆雨蓮華。其花香薰普遍三千大千世界。
Bỉ chu Bồ Tát kỳ thân mao khổng giai vũ liên hoa. kỳ hoa hương huân phổ biến tam Thiên Đại Thiên thế giới。
Các Bồ-tát kia những lỗ chân lông nơi thân đều rưới mưa hoa sen. Hoa ấy hương thơm xông khắp ba ngàn đại thiên thế giới。

諸聞香者罪垢消除發菩提心。
Chu văn hương giả tội cấu tiêu trừ phát bồ đề tâm。
Người nào ngửi được hương đó tội cấu tiêu trừ, phát tâm Bồ-đề。

大身菩薩身大無量遍滿虛空。自捨如來餘無能測。
Đại thân Bồ Tát thân Đại vô lượng biến mãn hư không. tự xả Như Lai dư vô năng trắc。

Bồ-tát Đại Thân thân lớn vô lượng đầy khắp hư không, chỉ trừ Như Lai, ngoài ra không ai có thể so sánh được。

稽首奉獻飯食眾供於一面住。
Khê thủ phụng hiến phạn thực chúng cung ư nhất diện trụ。
Các vị Bồ-tát này cúi đầu dâng đồ ăn lên cúng dường rồi đứng qua một bên。

南方世界諸來菩薩其身毛孔出寶蓮華。
Nam phương thế giới chu lai Bồ Tát kỳ thân mao khổng xuất bảo liên hoa。
Các vị Bồ-tát từ thế giới phương Tây đến, các lỗ chân lông trên thân xuất ra hoa sen báu

如閻浮提從蓮華上起七寶城倍勝。東方西方世界諸來菩薩。
Như Diêm-phù-đề tòng liên hoa thượng khởi thất bảo thành bội thắng。Đông phương Tây phương thế giới chu lai Bồ Tát。
nhiều hơn gấp bội như từ trên hoa sen mọc ra các thành bảy báu ở cõi Diêm-phù-đề。 Các vị Bồ-tát từ thế giới phương Đông đến,

毛孔蓮花如四天下。
Mao khổng liên hoa như tứ Thiên hạ。
các lỗ chân lông xuất ra hoa sen bằng bốn thiên hạ,

城等眾具轉倍勝前北方世界諸來菩薩。毛孔蓮華如小千世界。
Thành đẳng chúng cụ chuyển bội thắng tiền Bắc phương thế giới chu lai Bồ Tát。 mao khổng liên hoa như tiểu thiên thế giới。
thành quách v.v... các vật nhiều hơn gấp bội trước。 Các vị Bồ-tát từ thế giới phương Bắc đến, các lỗ chân lông xuất ra hoa sen bằng tiểu thiên thế giới。

城郭浴池亦倍勝前乃至十方世界無量阿僧祇諸來菩薩
thành quách dục trì diệc bội thắng tiền nãi chí thập phương thế giới vô lượng a tăng kỳ chu lai Bồ-tát
Thành quách, ao tắm cũng nhiều hơn gấp bội trước。 Cho đến vô lượng a tăng kỳ Bồ-tát từ mười phương thế giới đến

皆如大身菩薩身滿虛空。
Giai như Đại thân Bồ Tát thân mãn hư không
thân đều đầy khắp hư không như Bồ-tát Đại Thân,

毛孔蓮花猶如三千大千世界。雨種種花及眾供具。
Mao khổng liên hoa do như tam Thiên Đại Thiên thế giới。 vũ chủng chủng hoa cập chúng cung cụ。
các lỗ chân lông xuất ra hoa sen bằng ba ngàn đại thiên thế giới, mưa các thứ hoa và nhiều đồ cúng dường。

自捨如來其身光明悉蔽眾會。

tự xả Như Lai kỳ thân quang-minh tất tế chúng hội.
 Chỉ trừ Như Lai, còn chúng hội đều bị ánh sáng thân các Bồ-tát này che khuất.
 稽首奉獻於一面住。爾時堅固林側為大吉祥地。
 Khê thù phụng hiến ưu nhất diện trụ. nhĩ thời kiên cố lâm trắc vi Đại cát tường
 địa.
 Các Bồ-tát cúi đầu dâng cúng rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, bên rừng Kiên Cố đất
 đai rất tốt lành,
 周迴敷座三十二行。
 Châu hồi phu tọa tam thập nhị hàng.
 chung quanh trải bày ba mươi hai hàng tòa ngồi.
 其處狹小而諸菩薩身大無量諸天世人皆悉雲集而不迫迮。有座如鍼鋒處者。
 Kỳ xứ hiệp tiểu nhi chu Bồ Tát thân Đại vô lượng chu Thiên thế nhân giai tất vân
 tập nhi bất bách trách. hữu tọa như châm phong xứ giả.
 Chỗ ấy thì hẹp nhỏ nhưng thân các Bồ-tát thì lớn vô lượng. Chu thiên và loài
 người đều vân tập đến mà không thấy chật chội. Có tòa chỗ ngồi bằng mũi kim,
 有座如毛端處者。有座如豪鉞處者。
 Hữu tọa như mao đoan xứ giả. hữu tọa như hào mang xứ giả.
 có tòa chỗ ngồi bằng mây lông, có tòa chỗ ngồi như đầu mũi nhọn,
 有座如微塵處者。隨身大小各得安立而不苦患。
 Hữu tọa như vi trần xứ giả. tùy thân Đại tiểu các đắc an lập nhi bất khổ hoạn.
 có tòa chỗ ngồi như hạt bụi, tùy thân lớn nhỏ đều được an tọa mà không bức khổ.
 乃至十方微塵數世界六種大動。
 Nãi chí thập phương vi trần số thế giới lục chủng Đại động.
 Cho đến mười phương thế giới số như vi trần sáu loại chấn động,
 神通變化現希有相。各各隨力設供如前。
 Thần thông biến hoá hiện hi hữu tướng. các các tùy lực thiết cung như tiền.
 thần thông biến hóa hiện tướng hy hữu, mỗi mỗi tùy theo sức lực của mình mà
 thiết bày cúng dường như trước.
 時閻浮提唯除尊者大迦葉眷屬尊者阿難眷屬阿闍世
 Thời Diêm-phù-đề duy trừ Tôn-Giả Đại ca diệp quyến thuộc Tôn-Giả A Nan quyến
 thuộc A-xà-thế
 Lúc đó, ở cõi Diêm-phù-đề chỉ trừ quyến thuộc của Tôn giả đại Ca-diệp, quyến
 thuộc Tôn giả A-nan và
 王眷屬。其餘眾生無不來會。
 Vương quyến thuộc. kỳ dư chúng sanh vô Bất-lai hội.
 quyến thuộc vua A-xà-thế, còn các chúng sanh khác không ai không đến hội họp.
 爾時虺蛇毒螫諸惡蟲類。魔鬼羅刹雜呪蟲道。
 Nhĩ thời hủi xà độc thích chư ác trùng loại. ma quỷ La sát tạp chú cô đạo.
 Lúc đó, các loài rắn nọc độc, trùng độc, ma quỷ, la sát, chú độc
 皆生慈心不相侵害如視一子。唯除一闍提輩。
 Đai sanh từ tâm bất tương xâm hại như thị nhất tử. duy trừ nhất xiển đề bối.
 đều sanh từ tâm không còn xâm hại lẫn nhau, xem nhau như con một, chỉ trừ hàng
 Nhất-xiển-đề.
 爾時佛威神故。此三千大千世界地皆柔軟。
 Nhĩ thời Phật uy Thần cố. thử tam Thiên Đại Thiên thế giới địa giai nhu nhuyễn.
 Lúc đó, nhờ oai thần của Phật, ba ngàn đại thiên thế giới này đất đai đều mềm
 mại,
 無有丘墟沙礫荆棘毒草。
 Vô hữu khâu khu sa lịch kinh súc độc thảo.
 không có gò nong, cát ngói, gai góc, cây cỏ độc hại,

眾寶莊嚴猶如西方極樂國土。時會天人阿修羅眾。

chúng bảo trang nghiêm do như Tây phương Cực-Lạc quốc thổ. thời hội Thiên Nhơn A-tu-La chúng.

các báu trang nghiêm như cõi nước Cực Lạc ở phương Tây. Lúc đó, hội chúng trời, người, A-tu-la

盡見十方微塵數世界。其中所有悉在目前如觀鏡像。

Tận kiến thập phương vi trần số thế giới. kỳ trung sở hữu tất tại mục tiền như quán kính tượng.

đều thấy rõ mười phương thế giới số như vi trần. Những gì có trong các thế giới ấy đều thấy rõ trước mắt như xem mặt mình trong gương.

爾時如來從其面門出種種光明耀殊特。

Nhĩ thời Như Lai tòng kỳ diện môn xuất chủng chủng quang-minh diệu thù đặc.

Lúc đó, từ trước mặt Như Lai phóng ra các loại ánh sáng thù thắng vi diệu.

諸來會者其身光明皆蔽不現。一切眾生稽首勸請。

chư lai hội giả kỳ thân quang-minh giai tế bất hiện. nhất thiết chúng sanh khê thù khuyến thỉnh.

Ánh sáng trên thân những người đến trong hội chúng đều bị che khuất không hiển hiện được. Tất cả chúng sanh cúi đầu khuyến thỉnh.

所應作已還從口入。時諸天人阿修羅等。

Sở ứng tác dĩ hoàn tòng khẩu nhập. thời chư Thiên nhân A-tu-La đẳng.

Ánh sáng Như Lai hiện xong rồi trở vào lại trong miệng. Lúc đó, trời, người, A-tu-la v.v...

即大恐怖身毛皆豎各相謂言。

Tức Đại khủng phổ thân mao giai thọ các tương vị ngôn.

liền rất lo sợ, lông tóc trên thân mình đều dựng đứng, cùng bảo nhau rằng:

如來光明遍照十方無量世界。

Như Lai quang-minh biến chiếu thập phương vô lượng thế giới.

Ánh sáng của Như Lai chiếu khắp vô lượng thế giới trong mười phương,

所應作已還從口入更無餘事。必是最後泥洹之相。

Sở ứng tác dĩ hoàn tòng khẩu nhập canh vô dư sự. tất thị tối hậu nê hoàn chi tướng.

ứng hiện xong trở vào lại trong miệng. Không còn điều gì nữa, đây chắc chắn là tướng Nê-hoàn sau cùng!

天人奉獻皆悉不受何其怪哉。四功德牙一旦廢捨。

Thiên Nhơn phụng hiến giai tất bất thọ hà kỳ quái tai. tứ công đức nha nhất đán phế xả.

Trời và người dâng cúng đều không nhận, sao kỳ lạ như vậy! Mầm bốn công đức một sớm vứt bỏ,

聖慧日光從今永滅。慈悲寶船於斯沈沒。

Thánh tuệ nhật quang tòng kim vĩnh diệt. từ bi bảo thuyền ư tu trầm một.

ánh sáng mặt trời Thánh tuệ từ nay mãi mãi diệt mất, thuyền báu Từ bi từ đây chìm đắm.

嗚呼痛哉眾生望絕。悲號啼哭血淚如雨。

Ô hô thống tai chúng sanh vọng tuyệt. bi hiệu đề khốc huyết lệ như vũ.

Than ôi! Đau đớn thay! Mọi người tuyệt vọng, đau buồn khóc lóc lệ tuôn như mưa.

譬如大雲普雨世界。時諸大眾啼哭流淚。亦復如是。

Thí như Đại vân phổ vũ thế giới. thời chư Đại chúng đề khốc lưu lệ. diệc phục như thị.

Thí như mây lớn mưa khắp thế giới, lúc đó đại chúng khóc lóc rơi lệ cũng lại như vậy.

大般泥洹經長者純陀品第三

Đại bát nê hoàn kinh Trưởng giả Thuần-đà phẩm đệ tam
KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN - TRƯỞNG GIẢ THUẦN ĐÀ PHẨM THỨ BA

爾時會中有拘夷城長者名曰純陀。

Nhĩ thời hội trung hữu câu di thành Trưởng giả danh viết Thuần-đà。

Lúc đó, trong hội chúng có Trưởng giả tên là Thuần-đà ở thành Câu-di

與五百長者子俱威儀庠序。觀察眾會皆已來集。

Dữ ngũ bách Trưởng Giả Tử câu uy nghi tường tự。quan sát chúng hội giai dĩ lai tập。

cùng năm trăm Trưởng giả đầy đủ oai nghi, quán sát trong chúng hội đều đã đến hội họp,

更整衣服為佛作禮心懷憂感。

Canh chỉnh y phục vị Phật tác lễ tâm hoài ưu thích。

liền sửa lại y phục chỉnh, đánh lễ Phật lòng rất buồn sầu。

如日初出照青樹葉赤脈悉現。時彼長者亦復如是。

Như nhật sơ xuất chiếu thanh thụ diệp xích mạch tất hiện。thời bi Trưởng giả diệc phục như thị。

Như mặt trời mới mọc chiếu vào lá cây xanh nổi lên kẻ lá màu đỏ。Lúc đó, Trưởng giả kia cũng lại như vậy,

舉身血出淚下如雨。繞百千匝合掌白佛。唯願世尊。

Cử thân huyết xuất lệ hạ như vũ。nhiều bách thiên tạp hợp chưởng bạch Phật。duy nguyện Thế tôn。

trên thân máu chảy, lệ tuôn như mưa, nhiều quanh trăm ngàn vòng chấp tay mà bạch Phật rằng: Ngưỡng mong Thế Tôn

與諸大眾哀受我等最後供養。

Dữ chư Đại chúng ai thọ ngã đặng tối hậu cung dưỡng。

và đại chúng xót thương mà thọ nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con, 當令我及一切眾生悉蒙解脫。

Đương linh ngã cập nhất thiết chúng sanh tất môn giải thoát。

làm cho con và tất cả chúng sanh đều nhờ đó mà được giải thoát!

譬如田家貧子仲春之節耕田下種仰憐天雨。

Thí như điền gia bần tử trọng xuân chi tiết canh điền hạ chủng ngưỡng hi Thiên vũ。

Thí như con nhà nghèo làm ruộng, tiết trọng Xuân cày ruộng, gieo giống trông mong trời mưa。

今我如是身口意患煩惱眾垢。始蒙少習厭離之想。唯願世尊。

Kim ngã như thị thân khẩu ý hoạn phiền não chúng cấu。thủy môn thiếu tập yêm ly chi tướng。duy nguyện Thế tôn。

Nay thân miệng ý bị các cấu nhiễm phiền não làm bệnh hoạn của chúng con đây mới nhờ chút ít tu tập về tướng yêm ly。Ngưỡng mong Thế Tôn

當惠法雨與諸大眾哀受我請。

Đương huệ Pháp vũ dữ chư Đại chúng ai thọ ngã thỉnh。

và đại chúng thương xót nhận sự thỉnh cầu của con mà sẽ ban bố mưa pháp 枯旱之田得蒙慈澤。

Khô hạn chi điền đắc môn từ trạch。

cho đám ruộng khô được được nhuận tươi mát。

爾時世尊一切種智知一切時告淳陀言。

nhĩ thời Thế tôn nhất thiết chúng trí tri nhất thiết thời cáo Thuần-đà ngôn。

Lúc đó, Thế Tôn bậc Nhất thiết chúng trí biết tất cả thời bảo Thuần-đà rằng:

如來應供等正覺與諸大眾當受汝請最後供養。時諸天人阿修羅。

Như Lai Ứng-Cúng đấng chánh giác dữ chư Đại chúng đương thọ nữ thỉnh tối hậu dưỡng. thời chư Thiên nhân A-tu-La.

Như Lai Ứng cúng, Đấng chánh giác và đại chúng sẽ nhận sự cúng dường sau cùng của ông. Lúc đó, trời, người và A-tu-la

聞如來應供等正覺受長者純陀最後供養。

Văn Như Lai Ứng-Cúng đấng chánh giác thọ Trưởng giả Thuần-đà tối hậu cung dưỡng.

nghe Như Lai Ứng cúng, Đấng chánh giác nhận sự cúng dường sau cùng của Thuần-đà, 一切大眾內懷歡喜。異口同聲歎未曾有。善哉善哉。

Nhất thiết Đại chúng nội hoài hoan hỉ. dị khẩu đồng thanh tán vị tăng

hữu. Thiện tai Thiện tai.

tất cả đại chúng lòng rất vui sướng, khác miệng đồng thanh tán thán chưa từng có. Hay thay! Hay thay

純陀長者。德願滿足。甚奇純陀。

Thuần-đà Trưởng giả. đức nguyện mãn túc. thậm kì Thuần-đà.

Trưởng giả Thuần-đà đức nguyện đầy đủ! Lại thay Thuần-đà!

生人道中難得之利汝今已得。如優曇鉢華世間希有。

Sanh nhân đạo trung nan đắc chi lợi nữ kim dĩ đắc. như ưu đàm bát hoa thế gian hi hữu.

Sanh trong loài người là lợi khó được, nay ông đã được. Như hoa Ưu-đàm-bát thế gian hiếm có,

佛出於世難值於此。信心難得聞法亦難。

Phật xuất u thế nan trị u thù. tín tâm nan đắc văn Pháp diệc nan.

Phật xuất hiện ở đời khó gặp, nay ông được gặp, tín tâm khó được, nghe pháp cũng khó.

佛臨泥洹最後供養復難於彼。又復純陀。

Phật lâm nê hoàn tối hậu cung dưỡng phục nan u bỉ. hựu phục Thuần-đà.

Phật sắp bát Nê-hoàn cúng dường lần sau cùng lại còn khó hơn kia. Lại nữa Thuần-đà!

譬如春月十五日夜。純淨圓滿無諸雲翳。

Thí như xuân nguyệt thập ngũ nhật dạ. thuần tịnh viên mãn vô chư vân ế.

Thí như mùa Xuân, đêm trăng rằm tròn đầy trong sáng không có các đám mây che,

一切眾生莫不瞻仰。汝亦如是。如來應供等正覺。

Nhất thiết chúng sanh mạc bất chiêm ngưỡng. nữ diệc như thị. Như Lai Ứng-Cúng đấng chánh giác.

tất cả chúng sanh không ai không chiêm ngưỡng. Ông cũng như vậy, Như Lai Ứng cúng, Đấng chánh giác

與諸大眾受汝最後檀波羅蜜。善哉純陀。

Dữ chư Đại chúng thọ nữ tối hậu Đàn-ba-la-mật. Thiện tai Thuần-đà.

và chư đại chúng thọ nhận Đàn Ba-la-mật sau cùng của ông. Hay thay Thuần-đà!

是故說汝如月盛滿。一切眾生無不瞻仰。奇哉純陀。

Thị cố thuyết nữ như nguyệt thịnh mãn. nhất thiết chúng sanh vô bất chiêm ngưỡng. kì tai Thuần-đà.

Vì thế nói ông như mặt trăng tròn đầy, tất cả chúng sanh không ai không chiêm ngưỡng. Hay thay Thuần-đà

為佛真子。雖生人道今皆謂汝為天中天。

Vì Phật chân tử. tuy sanh nhân đạo kim giai vị nữ vi Thiên trung Thiên

là chân thật đệ tử của Phật, tuy sanh trong loài người nhưng nay đều gọi ông là Thiên Trung Thiên.

是故我等當稽首禮。咸共舉聲。而讚頌曰。

Thị cố ngã đẳng đương khê thủ lễ. hàm cộng cử thanh. nhi tán tụng viết.

Vì thế chúng tôi phải cúi đầu đánh lễ! Rồi mọi người đồng thanh tán tụng rằng:

雖生人道中

Tuy sanh nhân đạo trung

Tuy sanh trong loài người

我及一切眾

Ngã cập nhất thiết chúng

Tôi và tất cả chúng

今若哀許者

Kim nhược ai hứa giả

Nay nếu thương hứa khả

若欲度眾生

Nhược dục độ chúng sanh

Nếu muốn độ chúng sanh

今日天中天

Kim nhật Thiên trung Thiên

Hôm nay Thiên Trung Thiên

圓應神通眼

Viên ứng Thần thông nhãn

Thần thông nhãn tròn đủ

為眾生哀請

Vi chúng sanh ai thỉnh

Vì chúng sanh thương thỉnh

天中天住世

Thiên trung Thiên trụ thế

Thiên Trung Thiên trụ thế

久遠生死苦

Cửu viễn sanh tử khổ

Xa lìa khổ sanh tử

爾時純陀長者歡喜踊躍。

Nhĩ thời Thuần-đà Trưởng giả hoan hỉ dũng dục.

Lúc đó, Trưởng giả Thuần-đà vui mừng hớn hở

猶如有人卒喪父母憂悲頓至。臨送墓所忽然還活。

Do như hữu nhân tốt tang phụ mẫu ưu bi đốn chí. lâm tống mộ sở hốt nhiên hoàn hoạt.

như người có cha mẹ mất mà buồn sâu thối chí, vừa mới chôn cất bỗng nhiên sống trở lại,

瞻奉悲喜倍增敬情。純陀長者及諸眷屬。

Chiêm phụng bi hỉ bội tăng kính tình. Thuần-đà Trưởng giả cập chu quyến thuộc. buồn vui lẫn lộn và càng thêm cung kính. Trưởng giả Thuần-đà và quyến thuộc

歡喜踊躍亦復如是。五體投地叉手合掌。以偈頌曰。

Hoan hỉ dũng dục diệc phục như thị. ngũ thể đầu địa xoa thủ hợp chưởng. dĩ kệ tụng viết.

vui mừng hớn hở cũng lại như vậy, nắm vóc sát đất chấp tay nói bài kệ rằng:

快哉我今得大利

Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi

Vui thay! Con nay được lợi lớn

快哉我今得大利

Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi

天相悉具足

Thiên tướng tất cụ túc

Thiên tướng đều đầy đủ

今當稽首請

Kim đương khê thủ thỉnh

Nay sẽ cúi đầu thỉnh

當宣微心願

Đương tuyên vi tâm nguyện

Nên nói rõ tâm nguyện

唯應速勸請

Duy ứng tốc khuyến thỉnh

Phải nên mau khuyến thỉnh

人中調御士

Nhân trung điều ngự sĩ

Điều Ngự Sĩ loài người

無量功德相

Vô lượng công đức tướng

Vô lượng tướng công đức

捨涅槃方便

Xả Niết-Bàn phương tiện

Xả Niết-bàn phương tiện

廣說甘露法

Quảng thuyết cam lộ Pháp

Rộng nói Pháp cam lộ

從是獲安隱

Tòng thị hoạch an ổn

Từ đây được an ổn.

Vui thay! Con nay được lợi lớn
快哉我今得大利
Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
Vui thay! Con nay được lợi lớn
猶如沙中求妙寶
Do như sa trung cầu diệu bảo
Nhu trong cát tìm diệu bảo
快哉我今得善離
Khoái tai ngã kim đắc thiện ly
Vui thay! Con nay khéo xa lìa
快哉我今得大利
Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
Vui thay! Con nay được lợi lớn
快哉我今得善離
Khoái tai ngã kim đắc thiện ly
Vui thay! Con nay khéo xa lìa
快哉我今得大利
Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
Vui thay! Con nay được lợi lớn
從今永閉諸惡趣
Tòng kim vĩnh bế chư ác thú
Từ nay dứt hẳn các đường ác
快哉我今得大利
Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
Vui thay! Con nay được lợi lớn
憂曇鉢華今得值
Ưu đàm bát hoa kim đắc trị
Nhu hoa Ưu-đàm nay được gặp
快哉我今得善離
Khoái tai ngã kim đắc thiện ly
Vui thay! Con nay được khéo lìa
快哉我今得大利
Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
Vui thay! Con nay được lợi lớn
乃至欲天十生處
Nãi chí dục Thiên thập sanh xứ
Dục thiên cho đến mười loài sanh
快哉我今得大利
Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
Vui thay! Con nay được lợi lớn
猶如芥子投針鋒
Do như giới tử đầu châm phong
Giống như hạt cải ghim đầu kim
盡三界源二十五
Tận tam giới nguyên nhị thập ngũ
Cùng tận tam giới hai lăm cõi
快哉我今得大利
Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
Vui thay! Con nay được lợi lớn
摧滅一切諸凶惡
Tồi diệt nhất thiết chư hung ác
Dẹp bỏ tất cả các hung ác
快哉我今得大利

Dứt hẳn cửa địa ngục ác thú
生世得值無上果
sinh thế đắc trị vô thượng quả
Sống đời được quả gặp Vô thượng
忽遇金剛大歡喜
Hốt ngộ Kim cương Đại hoan hỉ
Bỗng gặp được kim cương rất mừng
在在處處畜生惑
Tại tại xứ xứ súc sanh hoặc
Các nơi chỗ súc sanh lắm mê
優曇鉢華堅固信
Ưu đàm bát hoa kiên cố tín
Tin kiên cố như Ưu-đàm-bát
餓鬼慳貪飢渴苦
Ngạ quỷ khan tham cơ khát khổ
Khổ ngạ quỷ xan tham đói khát
難得施度到彼岸
Nan đắc thí độ đáo bỉ ngạn
Được thí độ đến bờ kia rất khó
阿修羅王究竟離
A-tu-La Vương cứu cánh ly
A-tu-la rốt ráo xa lìa
如來出世甚難遇
Nhu Lai xuất thế thậm nan ngộ
Nhu Lai ra đời rất khó gặp
亦如芥子投針鋒
Diệc như giới tử đầu châm phong
Cũng như hạt cải ghim đầu kim
四天大王計常想
tứ Thiên Đại Vương kế thường tưởng
Tứ đại thiên vương chấp thường tưởng
法王大寶今悉見
Pháp Vương Đại bảo kim tất kiến
Đại Bảo Pháp Vương nay đều thấy
諦了分明不染著
Đề liễu phân minh bất nhiễm trước
Thấu rõ tường tận không nhiễm trước
世雄難遇今奉觀
Thế hùng nan ngộ kim phụng cận
Thế Hùng khó gặp nay thân cận
值佛甚難復過是
Trị Phật thậm nan phục quá thị
Gặp Phật lại càng rất khó hơn
針鋒為喻亦復然
Châm phong vi dụ diệc phục nhiên
Mũi kim làm dụ cũng như vậy
值遇如來願滿足
Trị ngộ Như Lai nguyện mãn túc
Gặp được Như Lai nguyện tròn đủ
無量癡冥無知賊
Vô lượng si minh vô tri tặc
Vô lượng giặc tối tăm vô tri
生值離垢蓮華尊

Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
 Vui thay! Con nay được lợi lớn
 快哉我今永得離
 Khoái tai ngã kim vĩnh đắc ly
 Vui thay! Con nay được lợi lớn
 快哉生世值如來
 Khoái tai sanh thế trị Như Lai
 Vui thay sống đời gặp Như Lai!
 快哉我今永得離
 Khoái tai ngã kim vĩnh đắc ly
 Vui thay con nay được xa lìa!
 快哉我今得大利
 Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
 Vui thay! Con nay được lợi lớn
 天人哀請悉不受
 Thiên Nhơn ai thỉnh tất bất thọ
 Trời người cầu thỉnh đều không nhận
 快哉我今得大利
 Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
 Vui thay! Con nay được lợi lớn
 哉今得現法果
 Khoái tai kim đắc hiện Pháp quả
 Vui thay! Nay được hiện pháp quả
 快哉我今得大利
 Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
 Vui thay! Con nay được lợi lớn
 捨彼天人上妙饌
 Xả bi Thiên Nhơn thượng diệu soạn
 Bỏ đồ ăn thượng diệu trời người
 快哉我今得大利
 Khoái tai ngã kim đắc Đại lợi
 Vui thay! Con nay được lợi lớn
 我供餽澁如伊蘭
 Ngã cung thô sáp như y lan
 Con cúng đồ thô như Y lan
 諸天人民阿修羅
 Chư Thiên nhân dân A-tu-La
 Trời người nhân dân A-tu-la
 悲普慈愍
 Như Lai Đại bi phổ từ mẫn
 Như Lai đại bi thương cùng khắp
 假令不受眾飯供
 Giả linh bất thọ chúng phạn cung
 Như không thọ cơm chúng cúng dường
 彼諸天人無餘求
 Bỉ chư Thiên nhân vô dư cầu
 Trời người kia không cầu chi khác
 猶如須彌處大海
 Do như Tu-Di xứ Đại hải
 Cũng như Tu Di đối biển lớn
 山水映發端巖好
 Sơn thủy ánh phát đoạn nghiêm hảo
 Sông núi phát ánh đẹp trang nghiêm

Sanh trị ly cầu liên hoa tôn
 Sanh gặp bậc Liên Hoa lia cầu
 彌淪濤波生死海
 Di luân đào ba sanh tử hải
 Phù kín sóng cả biển sanh tử
 如海盲龜遇浮木
 Như hải manh quy ngộ phù mộc
 Như rùa mù gặp bọng cây nổi
 生死大海盲龜惑
 Sanh tử Đại hải manh quy hoặc
 Biển lớn sanh tử và rùa mù
 世未曾有無倫匹
 Thế vị tăng hữu vô luân thất
 Bạc đời chưa có ai sánh bằng
 難請之寶我今得
 Nan thỉnh chi bảo ngã kim đắc
 Tôn quý khó thỉnh nay con được
 天人修羅所尊奉
 Thiên Nhơn tu la sở tôn phụng
 快 快
 Chỗ phụng thờ của trời người Tu-la 快
 大仙受我最後請
 Đại tiên thọ ngã tối hậu thỉnh
 Đại Tiên nhận con cúng sau cùng
 與諸天人俱勸請
 Dữ chư Thiên nhân câu khuyến thỉnh
 Cả trời người đều cùng khuyến thỉnh
 哀愍受我餽澁供
 Ai mẫn thọ ngã thô sáp cung
 Thương nhận đồ thô của con cúng
 天人獻供願不果
 Thiên Nhơn hiến cung nguyện bất quả
 Trời người hiến cúng không kết quả
 如來大慈哀愍受
 Như Lai Đại từ ai mẫn thọ
 Như Lai đại từ thương xót nhận
 愁憂號泣稽首請
 Sầu ưu hiệu khấp khể thủ thỉnh
 Buồn sầu khóc lóc cúi đầu thỉnh: 如來大
 等視眾生如一子
 Đẳng thị chúng sanh như nhất tử
 Xem chúng bình đẳng như con một
 願哀天人不滅度
 Nguyện ai Thiên Nhơn bất diệt độ
 Xin thương trời người không diệt độ
 唯願如來永住世
 Duy nguyện Như Lai vĩnh trụ thế
 Chỉ mong Như Lai mãi ở đời
 時金剛輪安不動
 Thời Kim cương luân an bất động
 Lúc Kim cương luân yên không động
 如來如是處大會
 Như Lai như thị xứ Đại hội
 Như Lai đối đại hội cũng vậy

法王威光曜四眾
Pháp Vương uy quang diệu Tứ Chúng
Oai quang Pháp vương chiếu bốn chúng

日光顯出除眾冥
Nhật quang hiển xuất trừ chúng minh
Ánh nhật hiện trừ diệt tối tăm

久遠憂悲癡冥闇
Cửu viễn ưu bi si minh ám
Lâu ngày si ám cùng buồn khổ

聖慧日光悉除滅
Thánh tuệ nhật quang tất trừ diệt
Mặt trời Thánh tuệ đều trừ diệt

願長住世大雄士
Nguyện trường trụ thế Đại hùng sĩ
Mong bậc Đại Hùng mãi ở đời!

猶若須彌安不動
Do nhược Tu-Di an bất động
An ổn bất động như Tu Di.

爾時世尊告純陀曰。如是純陀。

Nhĩ thời Thế tôn cáo Thuần-đà viết. như thị Thuần-đà.

Lúc đó, Thế Tôn bảo Thuần-đà rằng:

佛興於世甚難得值。猶如海沙一金剛粟。

Phật hưng ư thế thậm nan đắc trị. do như hải sa nhất Kim cương túc.
Phật ra đời rất khó được gặp như cát trong biển mà tìm được một hạt kim cương.

人身難得又復過是。具足信心心亦復甚難。

Nhân thân nan đắc hựu phục quá thị. cụ túc tín tâm tâm diệt phục thậm nan.
Thân người khó được lại còn hơn vậy. Đầy đủ tín tâm cũng lại rất khó

猶如盲龜值浮木孔。得遇如來臨般泥洹。

Do như manh quy trị phù mộc không. đắc ngộ Như Lai lâm bát nê hoàn.
như rùa mù gặp được bọng cây nổi. Được gặp Như Lai sắp bát Nê-hoàn,

最後所供檀波羅蜜復難於彼。如優曇鉢華時一現耳。汝今純陀。

Tối hậu sở cung Đàn-ba-la-mật phục nan ư bỉ. như ưu đàm bát hoa thời nhật hiện
nhĩ. nữ kim Thuần-đà.

cúng dường Đàn Ba-la-mật sau cùng lại càng khó hơn kia như hoa Ưu-đàm-bát lâu
lắm mới hiện một lần. Nay Thuần-đà! Nay ông

莫生憂惱應大歡喜。所以者何。當作是念。

Mạc sanh ưu não ứng Đại hoan hỷ. sở dĩ giả hà. đương tác thị niệm.
chớ sanh buồn khổ mà phải rất vui mừng. Vì sao vậy? Vì ông nên nghĩ như vậy:

今日如來與諸大眾受我最後大施供養。

Kim nhật Như Lai dĩ chư Đại chúng thọ ngã tối hậu Đại thí cung dưỡng.
Hôm nay Như Lai và đại chúng thọ sự bố thí cúng dường lớn sau cùng của tôi.

以是善利故應歡喜。汝今純陀。

Dĩ thị thiện lợi cố ứng hoan hỷ. nữ kim Thuần-đà.

Vì đây là sự lợi lành nên tôi phải vui mừng. Nay Thuần-đà! Nay ông

勿請如來長住此世。當觀世間皆悉無常。

Vật thỉnh Như Lai trường trụ thử thế. đương quán thế gian giai tất vô thường.
chớ thỉnh Như Lai trụ ở đời này lâu dài, phải xem thế gian đều là vô thường,

一切眾行性亦如是。爾時世尊即為純陀。而說偈言。

Nhất thiết chúng hành tánh diệt như thị. nhĩ thời Thế tôn túc vị Thuần-đà. nhi
thuyết kệ ngôn.

猶如重雲舉世闇
Do như trọng vân cử thế ám
Giống như mây nổi thế gian tối

今諸天人亦如是
Kim chư Thiên nhân diệt như thị
Nay trời người này cũng như vậy

唯願如來久住世
Duy nguyện Như Lai cửu trụ thế
Ngưỡng mong Như Lai mãi ở đời!

願長住世大智尊
Nguyện trường trụ thế Đại trí tôn
Mong bậc Đại Trí mãi ở đời!

令我等心離憂怖
Linh ngã đẳng tâm ly ưu phổ
Cho lòng chúng con khỏi sợ hãi

tất cả các hành tánh nó cũng như vậy. Lúc đó, Thế Tôn liền vì Thuần-đà mà nói kệ rằng:

正使久在世
Chánh sử cừu tại thế
Giả sử ở đời lâu
雖生長壽天
Tuy sanh trường thọ Thiên
Tuy sanh trời Trường Thọ
事成皆當敗
Sự thành giai đương bại
Việc thành rồi phải bại
壯為老所壞
Tráng vi lão sở hoại
Trẻ rồi già hư hoại
人生皆有死
Nhân sanh giai hữu tử
Người sống đều có chết
無色無強力
Vô sắc vô cường lực
Không sắc không sức mạnh
妻子及象馬
Thê tử cập tượng mã
Vợ con cùng voi ngựa
世間諸親戚
Thế gian chư thân thích
Thế gian các thân thích
三界大恐怖
Tam giới Đại khủng phố
Ba cõi rất đáng sợ
斯等悉歸滅
Tư đẳng tất quy diệt
Chung quy rồi cũng diệt
有有生老相
Hữu hữu sanh lão tướng
Có sanh thì có già
計常所侵欺
Kế thường sở xâm khi
Giả dối chấp là thường
清涼殊勝法
Thanh lương thù thắng Pháp
Pháp tốt lành trong mát
亦得離生老
Diệc đắc ly sanh lão
Cũng lìa được sanh già
亂心愚癡垢
Loạn tâm ngu si cấu
Ngu si tâm loạn động
無量無有餘
Vô lượng vô hữu dư
Vô lượng không còn thừa
其義實無常
Kỳ nghĩa thật vô thường
Nghĩa thật là vô thường
但是眾苦聚

終歸會當滅
Chung quy hội đương diệt
Rốt cuộc rồi phải chết
命亦要之盡
Mạng diệc yếu chi tận
Mạng sống rồi cũng hết
有者悉磨滅
Hữu giả tất ma diệt
Có rồi cũng phải mất
強者病所困
Cường giả bệnh sở khốn
Mạnh khỏe rồi bệnh khổ
無常安可久
Vô thường an khả cừu
Vô thường đâu thể lâu
亦無有壽命
Diệc vô hữu thọ mạng
Cũng không có thọ mạng
錢財悉復然
Tiền tài tất phục nhiên
Tiền tài cũng như vậy
眷屬皆別離
Quyến thuộc giai biệt ly
Quyến thuộc đều biệt ly
乃至惡道苦
Nãi chí ác đạo khổ
Cho đến ác đạo khổ
安可不厭患
An khả bất yếm hoạn
Đâu đáng không nhàm chán
所謂慚恥法
Sở vị tàm si Pháp
Đó là pháp hổ thẹn
而謂為長存
Nhi vị vi trường tồn
Cho rằng là trường tồn
遠離於恐怖
Viễn li ư khủng phố
Xa lìa sự sợ hãi
病死之大患
Bệnh tử chi Đại hoạn
Bệnh chết các khổ lớn
此等謂皆度
Thử đẳng vị giai độ
Tất cả đều được độ
妙勝之寂滅
Diệu thắng chi tịch diệt
Tịch diệt thù thắng diệu
亦非蔭護法
Diệc phi âm hộ Pháp
Cũng không pháp che chở
虛偽非堅固

Đã thị chúng khổ tự
Chỉ là nhóm các khổ
無堪無所忍
Vô kham vô sở nhẫn
Không kham không nhẫn chịu
斯等如蠶虫
Tu đẳng như tằm trùng
Đây như loài trùng độc
輪迴三界中
Luân hồi tam giới trung
Luân hồi trong ba cõi
唯有生老苦
Duy hữu sanh lão khổ
Chỉ có sanh già khổ
知義者能見
Tri nghĩa giả năng kiến
Người thấy biết nghĩa ấy
衰減欺誑法
Suy giảm khi cuống Pháp
Pháp khi dối suy giảm
疾病憂悲惱
Tật bệnh ưu bi não
Tật bệnh sầu khổ não
欲火輪熾然
Dục hỏa luân si nhiên
Lửa dục luôn thiêu đốt
智者永不住
Trí giả vĩnh bất trụ
Người trí dứt không ở
曉了五欲患
Hiểu liễu ngũ dục hoạn
Rõ năm dục tội lỗi
離欲無所食
Ly dục vô sở tham
Lìa dục không chỗ tham
是為解脫觀
Thị vi giải thoát quán
Chính là quán giải thoát
呵責害結怨
Ha trách hại kết oán
Quở trách hại oán kết
從此疾離一切數
Tòng thử tật ly nhất thiết số
Từ đây mau lìa tất cả số
妙色湛然常安隱
Diệu sắc trạm nhiên thường an ổn
Diệu sắc lắng trong thường an ổn
無量疾苦不逼迫
Vô lượng tật khổ bất bức bách
Vô lượng tật khổ chẳng bức bách
無邊苦海悉已度
Vô biên khổ hải tất dĩ độ
Biên khổ vô biên đều độ sạch
快哉如來超三界

Hư nguy phi kiên cố
Giả dối không bền chắc
亦非可常保
Diệc phi khả thường bảo
Cũng không thể thường còn
結網而自纏
Kết võng nhi tự triền
Kết lưới tự quấn mình
無一可樂處
Vô nhất khả lạc xử
Không một chỗ đáng thích
病死之大患
Bệnh tử chi Đại hoạn
Bệnh chết các đại nạn.
壽命日夜流
thọ mạng nhật dạ lưu
Thì đêm ngày an ổn
恐怖無暫歡
Khủng phổ vô tạm hoan
Khủng phổ vô tạm hoan
Sợ hãi không còn ưa.
諸非義盈滿
chư phi nghĩa doanh mãn
Các phi nghĩa đầy đầy
眾難競來集
Chúng nạn cạnh lai tập
Các nạn tranh nhau đến
受斯大苦痛
Thọ tu Đại khổ thống
Nơi thọ đại khổ này
是非功德利
thị phi công đức lợi
Chẳng phải công đức lợi
明了見真實
minh liễu kiến chân thật
Thấy rõ ràng chân thật
捨除諸生者
Xả trừ chư sanh giả
Dứt trừ các sanh tử
究竟棄諸有
cứu cánh khí chư hữu
Rốt ráo bỏ các hữu
猶如薪盡盛火滅
Do như tân tận thịnh hỏa diệt
Nhu củi hết lửa dữ tắt
不為衰老所滅磨
Bất vi suy lão sở diệt ma
Không bị già suy diệt tiêu mòn
壽命長存無終極
thọ mạng trường tồn vô chung cực
Thọ mạng dài lâu không cùng cực
不隨時節劫數遷
Bất tùy thời tiết kiếp số Thiên
Không còn chuyển đổi theo số kiếp
生死輪迴不復惑

Khoái tai Như Lai siêu tam giới
Vui thay Như Lai siêu ba cõi

汝莫觀我永滅度

Nhữ mạc quán ngã vĩnh diệt độ
Ông chớ xem Ta diệt độ hẳn

純陀我今當泥洹

Thuần-đà ngã kim đương nê hoàn
Thuần-đà nay Ta phải Nê-hoàn

諸明智者聞斯義

Chư minh trí giả văn tu nghĩa
Các bậc minh trí nghe nghĩa này

莫以生死危脆身

Mạc dĩ sanh tử nguy thúy thân
Chớ dùng thân sanh tử tạm bợ

我身真實處安隱

Ngã thân chân thật xử an ổn
Vớ thân chân an ổn của Ta

爾時純陀白佛言。善哉善哉。世尊。

Nhĩ thời Thuần-đà bạch Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai. Thế tôn.

Lúc đó Thuần-đà bạch Phật rằng: Hay thay! Hay thay! Bạch Thế Tôn!

我等凡劣得知如來泥洹不可思議。世尊。

Ngã đẳng phàm liệt đắc tri Như Lai nê hoàn bất khả tư nghị. Thế tôn.

Hàng phàm phu hèn kém chúng con nay biết được Như Lai Nê-hoàn không thể nghĩ bàn! Bạch Thế Tôn!

我今便得與彼大人諸菩薩眾及諸羅漢等無有異。

Ngã kim tiện đắc dĩ bi Đại nhân chư Bồ Tát chúng cập chư la hán đẳng vô hữu dị.
Con nay được cùng với các Đại Nhân, các vị Bồ-tát và A-la-hán kia không có khác
如文殊師利童子及阿羅漢。

Như Văn Thù Sư Lợi Đồng tử cập A La Hán.

như ngài Văn-thù-sư-lợi đồng tử và các A-la-hán vậy.

此等眾中若有最初受戒。即受戒日得在僧數。

Thử đẳng chúng trung nhược hữu tối sơ thọ giới. tức thọ giới viết đắc tại tăng số.

Trong đại chúng đây, nếu có người nào mới thọ giới, vừa thọ giới liền được ở trong Tăng số.

我今凡劣亦復如是。蒙佛威神得同斯等大賢眾數。

Ngã kim phàm liệt diệc phục như thị. mông Phật uy Thần đắc đồng tu đẳng Đại hiền chúng số.

Con nay phàm phu hèn kém cũng lại như vậy, nhờ oai thần của Phật mà được ở trong số các bậc Đại hiền.

唯然世尊。願使如來長存於世不願泥洹如焦敗種。

Duy nhiên Thế tôn. nguyện sử Như Lai trường tồn ư thế bất nguyện nê hoàn như tiêu bại chủng.

Ngưỡng mong Thế Tôn! Cúi xin Như Lai thường còn ở đời không muốn Nê-hoàn như hạt giống hư hoại.

文殊師利語純陀言。莫作是願。所以者何。

Văn Thù Sư Lợi ngữ Thuần-đà ngôn. mạc tác thị nguyện. sở dĩ giả hà.

Văn-thù-sư-lợi bảo Thuần-đà rằng: Ông đừng cầu xin như thế. Vì sao vậy?

當作是觀。有為行法性自如是。

Đương tác thị quán. hữu vi hành Pháp tánh tự như thị.

Ông phải quán rằng các pháp hành hữu vi tánh nó tự như vậy.

Sanh tử Luân-hồi bất phục hoặc
Sanh tử luân hồi không còn mê.

猶如須彌時大海

Do như Tu-Di trì Đại hải

Như Tu di đứng trơ biển lớn

平等正法永安樂

Bình đẳng chánh Pháp vĩnh an lạc

Chánh pháp bình đẳng luôn an lạc

諦了分明不憂感

đế liễu phân minh bất ưu thích

Rõ ràng sáng suốt không sầu muộn

微淺智慧測量佛

Vi thiên trí tuệ trắc lượng Phật

Trí tuệ cạn hèn so lường Phật

唯是天尊能諦了

Duy thị Thiên tôn năng đế liễu

Chỉ bậc Thiên Tôn mới hiểu rõ.

如是觀者空慧具足。欲求正法當作是覺。純陀答曰。

Nhu thị quán giả không tuệ cụ túc. dục cầu chánh Pháp đương tác thị giác. Thuần-
đà đáp viết.

Người muốn đầy đủ Không tuệ phải quán như vậy, muốn cầu chánh pháp phải quán như
vậy. Thuần-đà đáp rằng:

文殊師利。夫如來者是人中尊為天中天。

Văn Thù Sư Lợi. phu Như Lai giả thị nhân trung tôn vi Thiên trung Thiên

Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Phạm Như Lai ấy là bậc Thiên Trung Thiên tôn quý trong
loài người,

名為應供豈是行耶。若是行者為生滅法。

Danh vi Ứng-Cúng khởi thị hành da. nhược thị hành giả vi sanh diệt Pháp.

gọi là Ứng cúng, đâu phải là các hành ư? Nếu là các hành thì chính là pháp sanh
diệt

譬如水泡速起速滅。往來流轉猶如車輪。

Thí như thủy phao tốc khởi tốc diệt. vãng lai lưu chuyển do nhu xa luân.

giống như bọt nước chọt nổi chọt chìm, tới lui lưu chuyển giống như bánh xe.

若使如來是行數者。終不得出人天之上。

Nhuộc sử Như Lai thị hành số giả. chung bất đắc xuất nhân Thiên chi thượng.

Giả sử Như Lai là trong số hành ấy thì trọn không được vượt hơn trời người,

非天中天亦非應供。復次文殊師利。汝豈不聞有天長壽。

Phi Thiên trung Thiên diệc phi Ứng-Cúng. phục thứ Văn Thù Sư Lợi. nhữ khởi bất

văn hữu Thiên trường thọ.

cũng không phải Thiên Trung Thiên, cũng không phải Ứng cúng. Lại nữa, thưa ngài
Văn-thù-sư-lợi! Ông há chẳng nghe có cõi trời Trường Thọ

而今如來不滿百歲。云何生死之法。

Nhi kim Như Lai bất mãn bách tuế. vân hà sanh tử chi Pháp.

mà nay Như Lai chẳng đủ trăm tuổi, bị pháp sanh tử mà sao lại

稱人天上為天中天名曰應供。文殊師利。

xung nhân Thiên thượng vi Thiên trung Thiên danh viết Ứng-Cúng. Văn Thù Sư Lợi.

xung là bậc Thiên Trung Thiên vượt trên trời người, lại gọi là Ứng cúng? Thưa
ngài Văn-thù-sư-lợi!

譬如有人作聚落主。隨其功勳漸漸遷轉得為高位。

Thí như hữu nhân tác tụ lạc chủ. tùy kỳ công huân tiệm tiệm Thiên chuyển đắc vi
cao vị.

Thí như có người làm chủ một tụ lạc, tùy theo công sức mà dần dần chuyển lên
được ngôi vị cao,

眾人所敬財力自在。

Chúng nhân sở kính tài lực tự-tại.

mọi người cung kính, tiền tài sức lực tự tại,

受福既盡還為貧賤人不齒錄。若使如來是行數者。亦復如是。

Thọ phúc ký tận hoàn vi bản tiện nhân bất xỉ lục. nhược sử Như Lai thị hành số
giả. diệc phục như thị.

phước hết trở lại làm người nghèo hèn không ai nghĩ đến. Giả sử Như Lai là hành
số ấy thì cũng lại như vậy,

非人中上非天中天。亦非應供轉為下劣。所以者何。

Phi nhân trung thượng phi Thiên trung Thiên. diệc phi Ứng-Cúng chuyển vi hạ
liệt. sở dĩ giả hà.

không phải bậc vượt trên trời người, không phải bậc Thiên Trung Thiên, cũng
chẳng phải Ứng cúng mà chuyển xuống làm người hạ liệt. Vì sao vậy?

起滅法故。是故文殊師利。莫作是觀。

Khởi diệt Pháp cố. thị cố Văn Thù Sư Lợi. mạc tác thị quán.

Vì là pháp sanh diệt. Vì thế, thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Ông chớ quán rằng

如來應供等正覺是行數也。復次文殊師利。

Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác thị hành số dã. phục thứ Văn Thù Sư Lợi.

Như Lai Ứng cúng, Đẳng chánh giác là hành số này. Lại nữa, ngài Văn-thù-sư-lợi
為知而說為不知而說。

vị tri nhi thuyết vị bất tri nhi thuyết.

vì biết mà nói hay vì không biết mà nói?

如何妄想而謂如來是行數耶。若如來是行數者。不名三界自在法王。

Như hà vọng tưởng nhi vị Như Lai thị hành số da. nhược Như Lai thị hành số
giả. bất danh tam giới tự-tại Pháp Vương.

Vì vọng tưởng gì mà cho Như Lai là hành số ư? Nếu Như Lai là hành số thì không
còn gọi là đấng Pháp vương tự tại của ba cõi.

所以者何。譬如有王勇猛多力一人當千。

Sở dĩ giả hà. thí như hữu Vương dũng mãnh đa lực nhất nhân đương thiên.

Vì sao vậy? Thí như có vua khỏe mạnh nhiều sức lực một người địch cả ngàn người.

時人號名千力士王。以能降伏千力士故。

Thời nhân hiệu danh thiên lực sĩ Vương. dĩ năng hàng phục thiên lực sĩ cố.

Bây giờ người này có danh hiệu là vua ngàn lực sĩ, vì có thể hàng phục ngàn lực
sĩ.

如來應供等正覺。亦復如是。

Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác. diệt phục như thị.

Như Lai Ứng cúng, Đẳng chánh giác cũng lại như vậy,

降伏煩惱魔陰魔死魔自在天魔。如是諸魔力士憍慢悉伏。

Hàng phục phiền não ma uẩn ma tử ma Tự Tại Thiên ma. như thị chư ma lực sĩ kiêu
mạn tất phục.

hàng phục ma phiền não, ma ngũ âm, ma tử, ma Tự Tại Thiên. Các ma lực sĩ kiêu mạn
như vậy đều được hàng phục.

是故如來應供等正覺。得為三界自在法王。

Thị cố Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác. đắc vi tam giới tự-tại Pháp Vương.

Vì vậy, Như Lai Ứng cúng, Đẳng chánh giác được làm Pháp vương tự tại của ba cõi.

若使如來是死法者。無實功德如千力士王也。

Nhược sử Như Lai thị tử Pháp giả. vô thật công đức như thiên lực sĩ Vương dã.

Giả sử Như Lai là pháp chết thì thật không có công đức bằng vua ngàn lực sĩ vậy.

是故文殊師利。汝莫於如來起行數妄想。

Thị cố Văn Thù Sư Lợi. nhữ mạc ư Như Lai khởi hành số vọng tưởng.

Vì thế, thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Ông chớ khởi lên vọng tưởng cho rằng Như Lai
là hành số.

復次文殊師利。譬如巨富長者唯生一子。

Phục thứ Văn Thù Sư Lợi. thí như cự phú Trưởng giả duy sanh nhất tử.

Lại nữa, thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Thí như Trưởng giả giàu có chỉ sanh được một
đứa con trai.

相師占子有短壽相。父母聞之心大愁感。

Tướng sư chiêm tử hữu đoản thọ tướng. phụ mẫu văn chi tâm Đại sầu thích.

Thầy tướng xem biết đứa con này có tướng tuổi thọ ngắn ngủi. Cha mẹ nghe tin này
lòng rất buồn rầu lo lắng:

我等薄相居門不吉。生短壽子不復愛重。

Ngã đẳng bạc tướng cư môn bất cát. sanh đoản thọ tử bất phục ái trọng.

Chúng tôi bạc phước, nhà cửa không tốt lành nên sanh con tuổi thọ ngắn ngủi. Rồi họ không còn thương yêu quý trọng nó nữa.

所以者何。夫天人婆羅門中有短壽者。

Sở dĩ già hà. phu Thiên Nhơn Bà-la-môn trung hữu đoàn thọ giả.

Vì sao vậy? Vì phạm ở trong cõi trời, loài người, Bà-la-môn nếu có người thọ mạng ngắn ngủi

斯等同輩自不愛敬以短壽故。如是文殊師利。

Tu đẳng đồng bối tự bất ái kính dĩ đoàn thọ cố. như thị Văn Thù Sư Lợi.

thì từ đó họ đều không còn thương kính nữa bởi do thọ mạng ngắn ngủi. Như vậy, thua ngài Văn-thù-sư-lợi!

若當如來同世人壽者。亦如世人不為父母之所愛敬。

Nhuộc đương Như Lai đồng thể nhân thọ giả. diệc như thể nhân bất vi phụ mẫu chi sở ái kính.

Nếu Như Lai đồng với thọ mạng của người thế gian thì cũng như người thế gian là bị cha mẹ không còn thương kính nữa.

如來應供等正覺是行數者。

Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác thị hành số giả.

Như Lai Ứng cúng, Đẳng chánh giác là hành số

亦復不為人天阿修羅之所愛敬。現見轉變故。所以者何。

Diệc phục bất vi nhân Thiên A-tu-La chi sở ái kính. hiện kiến chuyển biến cố. sở dĩ già hà.

thì cũng không còn được trời, người và A-tu-la thương kính, do hiện tại thấy chuyển biến. Vì sao vậy?

同一切法退敗知見。而為眾生說解脫教。

Đồng nhất thiết Pháp thối bại tri kiến. nhi vi chúng sanh thuyết giải thoát giáo.

Vì Như Lai đồng với tất cả các pháp thấy biết thối bại nhưng vì chúng sanh nên giảng nói giáo lý giải thoát.

如是義者何名正覺。是故文殊師利。

Như thị nghĩa giả hà danh chánh giác. thị cố Văn Thù Sư Lợi.

Nghĩa như vậy thì sao còn gọi là Chánh giác? Vì thế, ngài Văn-thù-sư-lợi

莫於如來起行數妄想也。

Mạc ư Như Lai khởi hành số vọng tưởng dã.

chớ khởi lên vọng tưởng cho rằng Như Lai là hành số vậy.

復次文殊師利如貧女人無有居止加復疾病。

Phục thứ Văn Thù Sư Lợi như bần nữ nhân vô hữu cư chi gia phục tật bệnh.

Lại nữa, thua ngài Văn-thù-sư-lợi! Như có người con gái nghèo khổ không có chỗ ở lại thêm bệnh tật,

遊行乞匄止他客舍寄生一子。其客舍主驅遣令出。抱兒隨道向豐樂國。

Du hành khất cái chỉ tha khách xá kí sanh nhất tử. kỳ khách xá chủ khu khiến lệnh xuất. bảo nhi tùy đạo hướng phong lạc quốc.

đi khắp nơi xin ăn, dừng lại nương ở nơi nhà một người khách khác tối sanh một đứa con và bị người chủ đuổi ra khỏi nhà. Cô gái nghèo bỗng con men đường qua đến nước an lạc thịnh vượng khác.

於路困乏蚊虻毒虫啖食其身。

Ư lộ khốn phạp văn manh độc trùng xiệp thực kỳ thân.

Đọc đường, cô gái bị thiếu thốn đói khát, muỗi mòng, trùng độc cắn chích thân thể;

經由恒水抱子而渡。水流漂急不放其子。

Kinh do hằng thủy bảo tử nhi độ. thủy lưu phiêu cấp bất phóng kỳ tử.

bồng con lội qua sông Hằng, nước sông chảy mạnh nhưng vẫn không bỏ con
遂至沒溺母子俱死。由是慈心救子功德。

Toại chí một nịch mẫu tử câu tử. do thị từ tâm cứu tử công đức.
cho đến lúc cả mẹ lẫn con đều bị chết chìm. Do công đức của lòng từ cứu con nên
身壞命終生淨妙天。所以者何。以不惜命救護子故。

Thân hoại mạng chung sanh tịnh diệu Thiên. sở dĩ giả hà. dĩ bất tích mạng cứu hộ
từ cố.

người mẹ sau khi chết sanh lên cõi trời Tịnh Diệu. Vì sao vậy? Vì người mẹ đó
không tiếc thân mạng để cứu hộ con.

文殊師利。菩薩如是欲護正法者。

Văn Thù Sư Lợi. Bồ Tát như thị dục hộ chánh Pháp giả.

Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát muốn hộ trì chánh pháp

不於如來而造行觀。造行觀者當知是人盲無慧眼。

Bất ư Như Lai nhi tạo hành quán. tạo hành quán giả đương tri thị nhân manh vô
tuệ nhãn.

thì không nên quán Như Lai là các hành như vậy. Người quán Như Lai là các hành,
nên biết người này là người đui mù không có mắt tuệ.

於世尊所應正觀察不可思議。當知如來非有為法。

Ư Thế tôn sở ứng chánh quán sát bất khả tư nghị. đương tri Như Lai phi hữu vi
Pháp.

Đối với Thế Tôn phải nên quán sát đúng đắn là không thể nghĩ bàn. Nên biết Như
Lai chẳng phải là pháp hữu vi,

以是現化安樂眾生。彼貧女人救護其子。

Dĩ thị hiện hóa an lạc chúng sanh. bi bần nữ nhân cứu hộ kỳ tử.

vì sự an lạc của chúng sanh nên thị hiện giáo hóa như vậy. Như cô gái nghèo khổ
kia vì cứu hộ con mình

不惜身命故生淨妙天。護法菩薩亦復如是。

Bất tích thân mạng cố sanh tịnh diệu Thiên. hộ Pháp Bồ Tát diệc phục như thị.
nên không tiếc thân mạng mà được sanh lên cõi trời Tịnh Diệu. Bồ-tát hộ Pháp
cũng lại như vậy,

能知如來非有為法。是長存法是久住法。

Năng tri Như Lai phi hữu vi Pháp. thị trường tồn Pháp thị cửu trụ Pháp.
thường biết Như Lai không phải là pháp hữu vi mà là pháp trường tồn, là pháp
thường trụ lâu dài.

因此護法得現法果速成解脫。復次文殊師利。

Nhân thử hộ Pháp đắc hiện Pháp quả tốc thành giải thoát. phục thứ Văn Thù Sư
Lợi.

Do nhân hộ pháp này mà được pháp quả hiện tại là mau thành giải thoát. Lại nữa,
thưa ngài Văn-thù-sư-lợi!

譬如丈夫遠行寄止他舍疲極而臥。

Thí như trượng phu viễn hành kí chỉ tha xá bì cực nhi ngọa.

Thí như người trượng phu đi xa dừng lại nơi nhà người khác mỗi một nằm nghỉ.

大火卒起焚燒此家。驚覺見火燒逼其身欲出火難。

Đại hỏa tứ khởi phẫn thiêu thử gia. kinh giác kiến hỏa thiêu bức kỳ thân dục
xuất hỏa nan.

Lửa dữ bốc cháy thiêu đốt căn nhà này. Tỉnh dậy thấy lửa thiêu đốt thân mình,
người kia bức bách muốn thoát nạn lửa nhưng

衣服燒盡自愧裸身。不出火宅遂至燒死。

y phục thiêu tận tự quý lỏa thân. bất xuất hỏa trạch toại chí thiêu tử.

y phục đều bị cháy hết chỉ còn thân mình trần trụi nên không ra khỏi nhà lửa và cuối cùng bị chết cháy.

以慚愧功德故。身壞命終。八十千返為三十三天王。

Dĩ tâm quý công đức cố. thân hoại mạng chung. bát thập thiên phản vi tam thập tam Thiên Vương.

Người này do công đức tâm quý nên sau khi thân hoại mạng chung, tám mươi ngàn đời trở lại làm vua cõi trời Tam Thập Tam Thiên,

復百千返為梵天王。

Phục bách thiên phản vi Phạm Thiên Vương.

lại trăm ngàn đời trở lại làm Phạm Thiên Vương,

來生人中常為轉輪聖王。不墮惡趣永處安樂因慚愧故如是。

Lai sanh nhân trung thường vi Chuyển luân Thánh Vương. bất đọa ác thú vĩnh xử an lạc nhân tâm quý cố như thị.

đến sanh trong loài người thường làm Chuyển Luân Thánh vương, không đọa ác thú mãi mãi ở nơi an lạc, do tâm quý nên được như vậy.

文殊師利。當知如來是方便行。

Văn Thù Sư Lợi. đương tri Như Lai thị phương tiện hành.

Văn-thù-sư-lợi nên biết Như Lai là làm phương tiện,

應如彼丈夫慚愧而死。寧同外道翫習邪見。

ứng như bĩ trượng phu tâm quý nhi tử. ninh đồng ngoại đạo ngoạn tập tà kiến. như trượng phu kia tâm quý mà chết. Thà cùng ngoại đạo tu tập tà kiến,

不為持戒比丘於無為如來作有為想知而妄語。

Bất vi trì giới Tỳ-kheo u vô vi Như Lai tác hữu vi tưởng tri nhi vọng ngữ.

không nên làm Tỳ-kheo trì giới đối với Như Lai vô vi mà vọng tưởng cho là hữu vi, biết mà vọng ngữ.

若於如來作有為想者。當知是人阿鼻地獄常為室宅。

Nhuộc u Như Lai tác hữu vi tưởng giả. đương tri thị nhân A-tì Địa-ngục thường vi thất trạch.

Người có vọng tưởng cho Như Lai là hữu vi, nên biết người này địa ngục A-tỳ thường làm nhà cửa.

是故莫於如來作有為數。

Thị cố mạc u Như Lai tác hữu vi số.

Vì thế, chớ cho Như Lai ở trong số hữu vi

能於如來作無為想者。從是得度智慧大海。

Năng u Như Lai tác vô vi tưởng giả. tông thị đắc độ trí tuệ Đại hải.

mà phải luôn quán tưởng Như Lai là vô vi, do đây được trí tuệ vượt qua biển lớn không bị tử thi chi mê hoặc. là của thâm độ thành tựu.

Bất vi tử thi chi mê hoặc. thị vi thậm thâm trí độ thành tựu.

không bị tử thi mê hoặc. Đó chính là thành tựu trí độ thậm thâm.

以此智果疾速如來具足相好。

Dĩ thử trí quả tật đãi Như Lai cụ túc tướng hảo.

Do quả trí tuệ này mà mau thành Như Lai đầy đủ tướng tốt.

爾時文殊師利謂純陀言。善哉。善男子。

Nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi vị Thuần-đà ngôn. Thiện tai. thiện nam tử.

Lúc đó Văn-thù-sư-lợi khen Thuần-đà rằng: Hay thay! Này thiện nam tử!

應如是知。如來常住無為非變易法。汝善男子。

ứng như thị tri. Như Lai thường trụ vô vi phi biến dịch Pháp. nhữ thiện nam tử. Nên biết như vậy! Như Lai là thường trụ vô vi chẳng phải là pháp biến đổi. Này thiện nam tử!

有是智者亦能如佛隱覆有為方便示現。

Hữu thị trí giả diệc năng như Phật ần phúc hữu vi phương tiện thị hiện.
Ông là người có trí, cũng có thể như Phật, ần dẫu hữu vi phương tiện thị hiện.
汝今不久當成佛道。如此勝妙奇特功德。

Nhữ kim bất cừ đương thành Phật đạo. như thử thắng diệu kì đặc công đức.
Ông nay không lâu sẽ thành Phật đạo. Như công đức thù thắng kỳ diệu này
唯佛世尊乃能歎說。復次純陀。應時施及法施。

Duy Phật Thế tôn nãi năng thán thuyết. phục thứ Thuần-đà. ứng thời thí cập Pháp thí.

Chỉ Phật Thế Tôn mới có thể luận bàn hay khen ngợi được. Lại nữa, này Thuần-đà!
Đúng thời bố thí và pháp bố thí

出於一切眾施之上應時施者。

Xuất ư nhất thiết chúng thí chi thượng ứng thời thí giả.
cho tất cả chúng sanh, bố thí trên là sự bố thí đúng thời.

若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。若遠行來若在道路。

Nhược Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni Ưu bà tặc Ưu bà di. nhược viễn hành lai nhược tại đạo lộ.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tặc, Ưu-bà-di hoặc đi xa đến, hoặc ở trên đường
隨其力能疾應所須。是檀波羅蜜種子生大果報。

Tùy kỳ lực năng tật ứng sở tu. thị Đản-ba-la-mật chủng tử sanh Đại quả báo.
tùy theo sức mình có thể mau ứng thí kịp thời, hạt giống Đản Ba-la-mật này sẽ
sanh quả báo lớn.

純陀汝今隨其力能為佛及僧施最後供。

Thuần-đà như kim tùy kỳ lực năng vị Phật cập tăng thí tối hậu cung.

Thuần-đà! Ông nay tùy theo sức mình có thể vì Phật và Tăng mà cúng dường lần sau cùng.

宜知是時。世尊滅度垂至。純陀答曰。文殊師利。

Nghi tri thị thời. Thế tôn diệt độ thùy chí. Thuần-đà đáp viết. Văn Thù Sư Lợi.

Nên biết đây là phải thời, Thế Tôn diệt độ sắp đến. Thuần-đà đáp: Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi!

何煩催此垢穢食為。如來寧當待此食耶。

Hà phiền thôi thử cấu ế thực vi. Như Lai ninh đương đãi thử thực da

Ngài có phiền gì mà thúc hối thức ăn cấu ế này? Như Lai đang đợi thức ăn này ư?

如來六年在道樹下難行苦行。

Như Lai lục niên tại đạo thụ hạ nan hành khổ hạnh.

Như Lai sáu năm khổ hạnh khó làm ở dưới cội cây,

日食麻米猶自支持。況今須臾豈不能耶。

Nhật thực ma mễ do tự chi trì. hưởng kim tu du khởi bất năng da.

mỗi ngày ăn một hột mè để tự duy trì, hưởng nay đợi trong chốc lát há không thể
được ư?

汝謂如來食此食乎。如來法身非穢食身。

Nhữ vị Như Lai thực thử thực hồ. Như Lai Pháp thân phi ế thực thân.

Ông cho rằng Như Lai ăn thức ăn này ư? Pháp thân của Như Lai chẳng phải thân ăn
thức ăn tạp nhạp.

爾時世尊告文殊師利。純陀所說真實說也。又語純陀。

Nhĩ thời Thế tôn cáo Văn Thù Sư Lợi. Thuần-đà sở thuyết chân thật thuyết dã. hựu
ngữ Thuần-đà.

Lúc đó Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi rằng lời Thuần-đà nói đúng là chân thật.

Lại nói với Thuần-đà:

汝成大智明解大乘。文殊師利謂純陀言。

nhữ thành Đại trí minh giải Đại thừa. Văn Thù Sư Lợi vị Thuần-đà ngôn.

Ông đã thành tựu đại trí hiểu rõ Đại thừa. Văn-thù-su-lợi bảo Thuần-đà rằng:
汝今便為稱可如來為佛所念。純陀答言。如來。

Nhũ kim tiện vi xung khả Như Lai vi Phật sở niệm. Thuần-đà đáp ngôn. Như Lai.
Ông nay nên xưng tán Như Lai vì được Phật nhớ nghĩ đến. Thuần-đà đáp rằng: Như
Lai

豈偏念耶。一切眾生悉平等念。汝莫作此顛倒想說。

Khởi Thiên niệm da. nhất thiết chúng sanh tất bình đẳng niệm. nhũ mạc tác thù
điên đảo tưởng thuyết.

có riêng nhớ nghĩ u? Tất cả chúng sanh đều bình đẳng được Phật nhớ nghĩ. Ông chớ
có tưởng điên đảo nói lời như vậy.

念可念者是二悉無當作是行。夫愛念者。

Niệm khả niệm giả thị nhị tất vô đương tác thị hành. phu ái niệm giả.

Sự nhớ nghĩ và người đáng nhớ nghĩ cả hai việc này đều không chống đối nhau.

Phàm nhớ nghĩ ấy là như

譬如乳牛雖復飢渴行求水草。

Thí như nhũ ngưu tuy phục cơ khát hành cầu thủy thảo.

bò sữa tuy lại đói khát đi tìm cỏ nước,

若足未足忽念其子便疾還歸。諸佛世尊無此苦念。

Nhuộc túc vị túc hốt niệm kỳ tử tiện tậ hoàn quy. chư Phật Thế tôn vô thù khổ
niệm.

hoặc đủ chưa đủ bỗng nhớ nghĩ đến con liền mau trở về. Chư Phật Thế Tôn không có
niệm khổ như vậy,

視一切眾生皆如一子。是智慧念諸佛境界。

Thị nhất thiết chúng sanh giai như nhất tử. thị trí tuệ niệm chư Phật cảnh
giới.

xem tất cả chúng sanh như con một, niệm này là cảnh giới trí tuệ của chư Phật.

又文殊師利。譬如象馬寶車遲速不同。

Hựu Văn Thù Sư Lợi. thí như tượng mã bảo xa trì tốc bất đồng.

Lại nữa, thưa ngài Văn-thù-su-lợi! Thí như voi, ngựa, xe báu chạy mau chậm không
đồng nhau.

如是我等九部之乘。不能等間如來智慧。又文殊師利。

Như thị ngã đẳng cửu bộ chi thừa. bất năng đẳng văn Như Lai trí tuệ. hựu Văn Thù
Sư Lợi.

Cũng vậy, chín bộ thừa của chúng ta không thể ngang bằng để hỏi với trí tuệ của
Như Lai. Lại nữa, thưa ngài Văn-thù-su-lợi!

譬如金翅鳥王陵虛而飛。

Thí như kim sí điểu Vương lăng hư nhi phi.

Thí như Kim sí điểu vượt hư không mà bay,

經由大海影現水中其身長大。水性之類莫能測量其形大小。

Kinh do Đại hải ảnh hiện thủy trung kỳ thân trường Đại. thủy tánh chi loại mạc
năng trắc lượng kỳ hình Đại tiểu.

trái qua biển lớn, thân hình dài lớn hiện lên trong nước, tánh của nước không
thể đo lường được hình ảnh lớn nhỏ của Kim sí điểu

如嬰兒病不堪大藥。文殊師利言。

Như anh nhi bệnh bất kham Đại dược. Văn Thù Sư Lợi ngôn.

như đứa trẻ bị bệnh không thể chịu nổi thuốc lớn. Văn-thù-su-lợi nói:

如純陀所說然。我為諸菩薩故。於甚深功德而立此論。

Như Thuần-đà sở thuyết nhiên. ngã vi chư Bồ Tát cố. u thậm thâm công đức nhi lập
thù luận

Đúng như lời Thuần-đà nói nhưng tôi vì công đức thậm thâm của chư Bồ-tát mà lập lời bàn này.

爾時世尊。從其面門復放種種色光。

Nhĩ thời Thế tôn. tòng kỳ diện môn phục phóng chủng chủng sắc quang.

Lúc đó, Thế Tôn từ trước mặt phóng ra đủ loại sắc sáng.

文殊師利童子。見此光明如來泥洹時至。

Văn Thù Sư Lợi Đồng tử. kiến thử quang-minh tri Như Lai nê hoàn thời chí.

Văn-thù-sư-lợi đồng tử thấy ánh sáng này biết Như Lai đến lúc Nê-hoàn,

便告長者純陀言。汝為如來臨般泥洹施最後供。

Tiên cáo Trưởng giả Thuần-đà ngôn. nữ vị Như Lai lâm bát nê hoàn thí tối hậu cung.

liên báo Trưởng giả Thuần-đà rằng: Ông vì Như Lai sắp bát Nê-hoàn mà cúng dường lần sau cùng,

其時已到宜應速設。純陀。

Kỳ thời dĩ đáo nghi ứng tốc thiết. Thuần-đà.

ấy thời xong đến nơi nên nên nhanh chóng sắp bày. Thuần-đà.

đã đến thời phải nên mau thiết bày đồ cúng. Thuần-đà

當知如來不以無事而放光明。其義有以。宜速宜速。

đương tri Như Lai bất dĩ vô sự nhi phóng quang-minh. kỳ nghĩa hữu dĩ. nghi tốc nghi tốc.

nên biết Như Lai phóng ánh sáng không phải không có duyên có. Do nghĩa như vậy nên phải mau mau

莫令失時如過採之華。長者純陀默然而住。

Mạc lệnh thất thời như quá thái chi hoa. Trưởng giả Thuần-đà mặc nhiên nhi trụ. chó để mất thời gian như hái hoa quá thời. Trưởng giả Thuần-đà vẫn đứng lặng yên.

佛告純陀。如來須臾泥洹。汝供養僧今正是時。

Phật cáo Thuần-đà. Như Lai tu du nê hoàn. nữ cung dưỡng tăng kim chánh thị thời.

Phật bảo Thuần-đà: Như Lai lát nữa Nê-hoàn. Nay đã đúng thời cho ông cúng dường Tăng.

如是再三。純陀悵悵舉聲歎曰。

Như thị tái tam. Thuần-đà trưởng hận cử thanh thân viết.

Như Lai lập lại ba lần như vậy. Thuần-đà buồn bã cất tiếng than rằng:

何其怪哉世間虛空。如來長逝悲號流淚。

Hà kỳ quái tai thế gian hư không. Như Lai trường thệ bi hiệu lưu lệ.

Sao kỳ lạ thay! Thế gian trống rỗng! Như Lai vĩnh viễn ra đi! Rồi Thuần-đà khóc lóc rơi lệ,

而復啟請願哀久住。世尊告曰。純陀。汝莫啼哭自亂其心。

Nhi phục khải thỉnh nguyện ai cử trụ. Thế tôn cáo viết. Thuần-đà. nữ mạc đề khóc tự loạn kỳ tâm.

lại cầu thỉnh Như Lai trụ lâu ở đời. Thế Tôn bảo rằng: Nay Thuần-đà! Ông chó khóc lóc tự làm rối loạn tâm mình,

當正思惟修野馬觀。

đương chánh tư duy tu dã mã quán.

phải chánh tư duy, quán sát như ngựa ngoài đồng nội,

芭蕉夢幻電光坏器等無有堅實。當知有為災患宅。純陀白佛。

Ba tiêu mộng huyền điện quang hoại器等無有堅實。đương tri hữu vi tai họa trạch. Thuần-đà bạch Phật.

như cây chuối, như mộng huyễn, như điện chớp, như bình sành không có bền chắc, nên biết hữu vi là ngôi nhà tai họa. Thuần-đà bạch Phật:

如來。不哀住世。世間虛空。

Như Lai. bắt ai trụ thế. thế gian hư không.

Như Lai không thương xót mà ở lại đời, thế gian trống rỗng

我等焉得而不啼哭。佛言。純陀。

Ngã đẳng yên đắc nhi bất đề khóc. Phật ngôn. Thuần-đà.

làm sao chúng con không khóc được! Phật bảo: Này Thuần-đà!

今我哀汝及一切眾生而般泥洹。諸佛法爾。有為之法性亦復然。

Kim ngã ai nhữ cập nhất thiết chúng sanh nhi bất nê hoàn. chu Phật Pháp nhĩ. hữu vi chi Pháp tánh diệc phục nhiên.

Ta nay vì thương xót ông và tất cả chúng sanh mà bát Nê-hoàn. Pháp của chu Phật là như vậy. Pháp hữu vi tánh nó cũng lại như vậy.

汝於一切諸有為行。

Nhữ u nhất thiết chu hữu vi hành.

Đối với tất cả pháp hành hữu vi

當思我昔說無常偈苦偈空偈非我之偈。我說此身為災患偈。

Đương tư ngã tích thuyết vô thường kệ khổ kệ không kệ phi ngã chi kệ. ngã thuyết thử thân vi tai họa kệ.

ông phải nhớ nghĩ các bài kệ vô thường, kệ khổ, kệ không, kệ phi ngã Ta nói trước đây. Ta nói kệ thân này là tai họa,

如水上泡生滅之偈。莫但憂悲如凡人法。純陀白佛。

như thủy thượng phao sanh diệt chi kệ. mạc dẫn ưu bi như phàm nhân Pháp. Thuần-đà bạch Phật.

kệ như bọt nước sanh diệt, chớ quá đau buồn như cách phàm phu. Thuần-đà bạch Phật:

如是世尊。誠知如來方便泥洹。

Như thị Thế tôn. thành tri Như Lai phương tiện nê hoàn.

Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Con thật sự biết Như Lai phương tiện Nê-hoàn

我故悲惱不能自持。佛告純陀。善哉善哉。善男子。

Ngã cố bi não bất năng tự trì. Phật cáo Thuần-đà. Thiện tai Thiện tai. thiện nam tử.

nhưng vì quá đau buồn nên không thể tự giữ được mình. Phật bảo Thuần-đà: Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử!

應知如來方便泥洹。當知佛經如涉大海。長壽非長壽

Ứng tri Như Lai phương tiện nê hoàn. đương tri Phật kinh như thiệp Đại

hải. trường thọ phi trường thọ.

Nên biết Như Lai phương tiện Nê-hoàn, nên biết Phật trải qua như lội qua biển lớn: Trường thọ phi trường thọ,

起法滅法幻法方便法。時非時性非性。

Khởi Pháp diệt Pháp huyễn Pháp phương tiện Pháp. thời phi thời tánh phi tánh. pháp sanh, pháp diệt, pháp huyễn, pháp phương tiện, thời phi thời, tánh phi tánh,

如是等盡應知。純陀。汝欲疾度三有海者。

Như thị đẳng tận ứng tri. Thuần-đà. nhữ dục tật độ tam hữu hải giả

Các pháp như vậy đều biết hết. Này Thuần-đà! Ông muốn mau vượt qua biển ba cõi
可速設供諸天人阿修羅所齎供具。

Khả tốc thiết cung chu Thiên nhân A-tu-La sở tê cung cụ.

phải mau sắp bày vật thực để cúng dường các trời, người và A-tu-la.

今當得為最後供養。令一切眾生從我得不動快樂。

Kim đương đắc vi tối hậu cung dưỡng. lệnh nhất thiết chúng sanh tòng ngã đắc bất động khoái lạc.

Được cúng dường lần sau cùng hôm nay sẽ làm cho tất cả chúng sanh từ nơi Ta mà được sự khoái lạc bất động.

汝及餘人值良福田。

Nhữ cập dư nhân trị lương phúc điền.

Ông và những người khác gặp được ruộng phước tốt lành.

汝於如來等正覺所設檀波羅蜜。不留難者亦當自成如來福田。

Nhữ ư Như Lai đẳng chánh giác sở thiết Đản-ba-la-mật. bất lưu nạn giả diệc đương tự thành Như Lai phúc điền.

Chỗ cúng dường Đản Ba-la-mật đối với Như Lai đẳng chánh giác ấy, ông không còn khổ nạn và cũng sẽ tự thành tựu ruộng phước Như Lai.

時純陀長者欲度一切眾生故。

Thời Thuần-đà Trưởng giả dục độ nhất thiết chúng sanh cố.

Lúc đó, Trưởng giả Thuần-đà vì muốn độ tất cả chúng sanh nên

低頭泣淚猶如雨下。譬如日出照青樹葉赤脈悉現。

Đê đầu khấp lệ do như vũ hạ. thí như nhật xuất chiếu thanh thụ diệp xích mạch tất hiện.

cúi đầu khóc lóc lệ rơi như mưa. Thí như mặt trời mới mọc chiếu lá cây xanh nổi lên kẻ lá màu đỏ.

純陀長者亦復如是。血淚俱下而白佛言。

Thuần-đà Trưởng giả diệc phục như thị. huyết lệ câu hạ nhi bạch Phật ngôn.

Trưởng giả Thuần-đà cũng lại như vậy, máu và nước mắt đều rơi mà bạch Phật rằng: 唯然世尊。今當從教。然如來泥洹甚深之義。

Duy nhiên Thế tôn. kim đương tòng giáo. nhiên Như Lai nê hoàn thậm thâm chi nghĩa.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Nay con sẽ vâng lời Phật dạy. Đúng là Như Lai Nê-hoàn nghĩa ấy rất thâm sâu,

非我凡細所能測量。亦非聲聞緣覺所知。

Phi ngã phàm tế sở năng trắc lượng. diệc phi thanh văn duyên giác sở tri.

chẳng phải phàm phu hèn kém chúng con có thể đo lường được, cũng chẳng phải chỗ của Thanh văn và Duyên giác biết được.

唯佛世尊智慧境界。

Duy Phật Thế tôn trí tuệ cảnh giới.

Đó là cảnh giới mà chỉ có trí tuệ của Phật Thế Tôn mới biết được.

爾時純陀與諸眷屬。為度一切眾生故。

Nhĩ thời Thuần-đà dữ chư quyến thuộc. vị độ nhất thiết chúng sanh cố.

Lúc đó, Thuần-đà cùng các quyến thuộc vì độ tất cả chúng sanh nên

稽首佛足右繞畢燒香散華供養世尊。

Khê thủ Phật túc hữu nhiều tất thiêu hương tán hoa cung dưỡng Thế tôn.

cúi đầu lễ chân Phật, nhiều phải xông, đốt hương, rải hoa cúng dường Thế Tôn,

并復供養文殊師利。以供辦飯故還歸其家。

Tinh phục cung dưỡng Văn Thù Sư Lợi. dĩ cung bạn phạn cố hoàn quy kỳ gia.

lại cúng dường Văn-thù-sư-lợi, sửa soạn cơm nước cúng dường rồi trở về nhà.

大般泥洹經卷第一

Đại bát nê hoàn Kinh quyển đệ nhất

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN - QUYỂN THỨ NHẤT

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

ĐẠI BÁT NÊ HOÀN KINH

Quyển Thứ Hai

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 376

Hán dịch: Sa-môn Pháp Hiển
Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiễn
Hiệu đính: Thích Nữ Tuệ Quang (11-2007)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation
PO Box 91748, Henderson, NV 89009
Website <http://www.daitangvietnam.com>
Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 376 《佛說大般泥洹經》CBETA 電子佛典 V1.20 普及版
【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 376 《Phật thuyết Đại bát nê hoàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.20 phổ cập bản
【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 376 《Phật nói Đại bát nê hoàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.20 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 佛說大般泥洹經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 Phật thuyết Đại bát nê hoàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 Phật nói Đại bát nê hoàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version

大般泥洹經卷第二
Đại Bát Nê Hoàn Kinh quyển đệ nhị
KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN
QUYỂN THỨ HAI
東晉平陽沙門法顯譯
Đông Tấn bình dương Sa-môn Pháp Hiền dịch
Sa-môn Pháp Hiền, người xứ Bình Dương, dịch vào đời Đông Tấn
哀歎品第四
ai thán phẩm đệ tứ
PHẨM THỨ TƯ: AI THÁN

是時普地六種震動。其中聚落城邑山海。
thị thì phổ địa lục chủng chấn động。 kỳ trung tụ lạc thành ấp sơn hải。
Khi ấy đất sáu loại chấn động khắp các nơi, các tụ lạc, thành ấp, núi biển
乃至十方皆悉大動。時諸眾生各大恐怖。
nãi chí thập phương giai tất Đại động。 thì chư chúng sanh các Đại khủng phố。
cho đến mười phương đều chấn động lớn。 Lúc bấy giờ chúng sanh đều rất sợ hãi,
天人阿修羅舉聲悲歎。稽首禮足供養畢。
Thiên Nhơn A-tu-La cử thanh bi thán。 khê thủ lễ túc cung dưỡng tất。
trời, người, A-tu-la khóc lên tiếng kêu bi thương, cúi đầu lễ chân Phật và cúng
dường xong

咸皆同時以偈頌曰。
hàm giai đồng thì dĩ kệ tụng viết。
cùng lúc tán bài kệ rằng:

稽首人中雄
khê thủ nhân trung hùng
Cúi đầu bậc Trung Hùng
投身尊足下
Đầu thân tôn túc hạ
Gieo người dưới chân Phật
聽我說生死

哀我今孤露
ai ngã kim cô lộ
Thương con nay cô độc
眷仰妙功德
Quyển ngưỡng diệu công đức
Kính ngưỡng công đức diệu
種種無量苦

Thính ngã thuyết sanh tử
Dạy cho con sanh tử
諸天人聞者
Chư Thiên nhân văn giả
Trời người nghe xong rồi
譬如孤癯子
Thí như cô quỳnh tử
Thí như con cô cút
雖遇良醫治
Tuy ngộ lương y trị
Tuy gặp lương y trị
而醫忽中道
nhì y hốt trung đạo
Lương y bỗng giữa chừng
我等及一切
ngã đẳng cập nhất thiết
Chúng con cùng tất cả
始蒙方便治
thủy mông phương tiện trị
Lúc đầu phương tiện trị
世尊大醫王
Thế Tôn Đại Y Vương
Thế Tôn Đại Y Vương
便如窮病子
tiện như cùng bệnh tử
Liên như trẻ nghèo bệnh
嗚呼此世間
ô hô thử thế gian
Than ôi thế gian này
亦如國荒亂
diệt như quốc hoang loạn
Cũng như nước loạn lạc
哀哉諸天人
ai tai chư Thiên nhân
Thương thay loài trời người
猶如穀貴劫
do như cốc quý kiếp
Nhu lúa kiếp quý hiếm
哀哉諸天人
ai tai chư Thiên nhân
Thương thay loài trời người
譬如盛火起
thí như thịnh hỏa khởi
Thí như lửa bùng cháy
哀哉諸天人
ai tai chư Thiên nhân
Thương thay loài trời người
哀哉諸天人
ai tai chư Thiên nhân
Thương thay loài trời người
輪轉生死流
luân chuyển sanh tử lưu
Xoay vẫn dòng sanh tử

Chúng chúng vô lượng khổ
Đù thú vô lượng khổ
莫不生厭離
Mạc bất sanh yếm ly
Không ai không xa tránh
困病自嬰身
Khốn bệnh tự anh thân
Bệnh khổ tự thân lo
其疾猶未差
Kỳ tật do vị sai
Bệnh ấy vẫn chưa lành
捨之適他方
xả chi thích tha phương
Bỏ đi đến phương khác
窮苦亦如是
cùng khổ diệt như thị
Nghèo khổ cũng như vậy
眾邪煩惱見
chúng tà phiền não kiến
Các phiền não tà kiến
忽當捨我去
hốt đương xả ngã khứ
Bỗng bỏ chúng con đi
失醫無所怙
thất y vô sở hữ
Mất thầy không chỗ nương
從今永虛空
tùng kim vĩnh hư không
Từ nay mãi trống không
復失賢明主
phục thất hiền minh chúa
Lại mất chúa minh hiền
皆當羅剎患
giai đương La sát hoạn
Đều bị La-sát hại
民遭飢饉苦
dân tao cơ cận khổ
Gặp khi dân đói khát
永失甘露味
vĩnh thất cam lộ vị
Dứt mất vị cam lộ
眾生皆燒死
chúng sanh giai thiêu tử
Chúng sanh đều chết thiêu
惡道永熾然
ác đạo vĩnh sí nhiên
Đường ác mãi hung thịnh
長夜受大苦
trường dạ thọ Đại khổ
Đêm dài chịu khổ lớn
如象溺深泥
như tượng nịch thâm nê
Như voi lún bùn sâu

哀哉今天人
ai tai kim Thiên Nhơn
Thương thay loài trời người

憂悲增苦惱
ưu bi tăng khổ não
Sầu khổ càng tăng thêm

世尊猶滅度
Thế Tôn do diệt độ
Nếu Thế Tôn diệt độ

日月隱重雲
nhật nguyệt ẩn trọng vân
Trời trăng ẩn tầng mây

哀哉天人眾
ai tai Thiên Nhơn chúng
Thương thay chúng trời người

是故懷憂苦
thị cố hoài ưu khổ
Nên chúng con sầu khổ

視身無可樂
thị thân vô khả lạc
Thấy thân không đáng ưa

不欲常在世
bất dục thường tại thế
Không muốn thường ở đời

唯願大智尊
duy nguyện Đại trí tôn
Mong Thế Tôn Đại Trí

雲除日光顯
vân trừ nhật quang hiển
Mây tan mặt trời rõ

如來慧日光
Nhu-Lai tuệ nhật quang
Mặt trời tuệ Như Lai

爾時世尊告諸比丘。汝等比丘。

nhĩ thì Thế Tôn cáo chư Tỳ-kheo. nhữ đẳng Tỳ-kheo.
Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: Này các Tỳ-kheo!

莫如凡夫諸天人輩愁憂啼哭。

mạc như phàm phu chư Thiên nhân bối sầu ưu đề khóc.
Chớ sầu khổ khóc lóc như hàng trời người phàm phu kia.

當勤精進奉持如來所說實法專念守行。時諸天人阿修羅等。

đương cần tinh tấn phụng trì Như-Lai sở thuyết thật Pháp chuyên niệm thủ
hành. thì chư Thiên nhân A-tu-La đẳng.

Các thầy phải siêng năng tinh tấn giữ vững chánh niệm. Khi ấy chư Thiên, người, A-tu-la v.v.

聞佛為諸比丘說法已。願請望斷忍割悲戀。

văn Phật vị chư Tỳ-kheo thuyết Pháp dĩ. nguyện thỉnh vọng đoạn nhẫn cắt bi
luyến.

nghe Phật nói pháp cho các Tỳ-kheo xong, họ cũng mong kham nhẫn dứt lòng luyến
thương.

譬如孝子慈母新喪祖送丘墓長訣而還。

thí như hiếu tử từ từ mẫu tân tang tổ tống khâu mộ trường quyết nhi hoàn.

Thí như đứa con hiếu thảo đem mẹ hiền đi đến chỗ chôn cất xong rồi trở về nhà,

血流從身出
huyết lưu tùng thân xuất
Dòng máu từ thân chảy

戀慕心如是
luyến mộ tâm như thị
Lòng luyến tiếc như vậy

行業難復測
hành nghiệp nan phục trắc
Hạnh nghiệp lại khó tránh

慧光從此滅
tuệ quang tùng thủ diệt
Đuốc tuệ từ đây diệt

長夜處幽冥
trường dạ xứ u minh
Đêm dài trong tăm tối

非物所能喻
phi vật sở năng dụ
Không vật gì ví được.

欲捨如棄唾
dục xả như khí thóa
Muốn bỏ như nước giải

聞佛泥洹聲
văn Phật nê hoàn thanh
Khi nghe Phật Nê-hoàn

住世說甘露
trụ thế thuyết cam lộ
Ở đời nói cam lồ

重冥皆悉滅
trọng minh giai tất diệt
Tăm tối đều diệt mất

永消生死障
vĩnh tiêu sanh tử chướng
Tiêu dứt chướng sanh tử

哀感懊惱強自抑止。於是世尊。而說偈言。

ai cảm áo não cường tự ức chí. u thị Thế Tôn. nhi thuyết kệ ngôn.
tự òn nòn lòng sâu thương áo não. Lúc ấy Thế Tôn liền nói kệ rằng:

汝等當開意

nhữ đởng đưong khai ý
Các ông phải sáng suốt

各各還復坐

các các hoàn phục tọa
Mọi người về chỗ ngồi

攝心莫放逸

nhập tâm mạc phóng dật
Nhiếp tâm chớ phóng dật

定諸亂意想

định chư loạn ý tưởng
Giữ định các loạn tưởng

復次諸比丘。若有疑惑今皆當問。

phục thứ chư Tỳ-kheo. nhược hữu nghi hoặc kim giai đưong vấn.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Nếu có điều gì nghi ngờ, nay nên hỏi ra hết:

若空不空常無常。歸無歸依無依。恒無恒眾生非眾生。

nhược không bất không thường vô thường. quy vô quy y vô y. hằng vô hằng chúng
sanh phi chúng sanh.

Hoặc không hoặc bất không, hoặc thường hoặc vô thường, quy hoặc không quy, y
hoặc không y, hằng hoặc không hằng, chúng sanh hoặc không phải chúng sanh,

實不實諦不諦。泥洹非泥洹。

thật bất thật đế bất đế. Nê-hoàn phi Nê-hoàn.

thật không thật, đế không đế, Nê-hoàn không Nê-hoàn,

密不密二法不二法。如是等種種法中諸有疑惑今皆應問。

mật bất mật nhị Pháp bất nhị Pháp. như thị đởng chúng chúng Pháp trung chư hữu
nghi hoặc kim giai ứng vấn.

mật không mật, nhị pháp bất nhị pháp. Trong những pháp như vậy, có điều gì nghi
ngờ, nay đều nên bạch hỏi,

當為汝等隨順說之。

đưong vị nhữ đởng tùy thuận thuyết chi.

Ta sẽ tùy thuận các ông mà trả lời,

當為汝等開不死門然後滅度。是故汝今現心所疑各各當問。

đưong vị nhữ đởng khai bất tử môn nhiên hậu diệt độ. thị cố nhữ kim hiện tâm sở
nghi các các đưong vấn.

sẽ vì các ông mà mở cửa bất tử, sau đó sẽ diệt độ. Vì vậy trong lòng các ông có
thấy hiện điều gì còn nghi ngờ, nay đều nên hỏi.

所以者何。佛興難值人身難得信亦難。

sở dĩ giả hà. Phật hưng nan trị nhân thân nan đắc đắc tín diệt nan.

Vì sao? Vì gặp Phật ra đời là khó, được thân người là khó, tin Phật cũng là khó,
離八難處及持戒具足此復益難。

ly bát nan xứ cập trì giới cụ túc thử phục ích nan.

xa lìa tám nạn cùng giữ giới cụ túc lại càng khó hơn.

猶恒沙求金粟。亦如優曇華。復次比丘。

do hằng sa cầu kim túc. diệt như ưu đàm hoa. phục thứ Tỳ-kheo.

Như cát sông Hằng cầu thành vàng bạc, thành lúa gạo, cũng như hoa Ưu-đàm. Lại
nữa, này các Tỳ-kheo!

百穀藥木及諸珍寶皆從地出。一切眾生依得生長如。

bách cốc được mọc chụ trên bảo giai từng địa xuất. nhất thiết chúng sanh y
đắc sanh trưởng như.

Trăm thứ thóc lúa, cây thuốc cùng những đồ trên bảo đều từ nơi đất mà có ra. Hết
thầy chúng sanh nương vào

來如是出生妙善諸甘露法。眾生因此長養法身。

lai như thị xuất sanh diệu thiện chụ cam lộ Pháp. chúng sanh nhân thủ trưởng
dưỡng Pháp thân.

pháp cam lộ tốt lành của Như Lai mà được tăng trưởng cũng lại như vậy. Chúng
sanh do nơi đây mà được nuôi lớn Pháp thân,

是故比丘當問所疑。

thị cố Tỳ-kheo đương vấn sở nghi.

vì vậy các thầy Tỳ-kheo phải nên hỏi những chỗ nghi ngờ.

如來悉為說決定義然後泥洹。安樂一切諸眾生故。

Nhu-Lai tất vị thuyết quyết định nghĩa nhiên hậu nê hoàn. an lạc nhất thiết chụ
chúng sanh cố.

Vì sự an lạc của hết thầy chúng sanh, Như Lai sẽ vì các ông mà nói nghĩa quyết
định, sau đó sẽ Nê-hoàn.

時諸比丘聞如來決定泥洹已。心懷悲怖身毛皆豎。

thì chụ Tỳ-kheo văn Nhu-Lai quyết định Nê-hoàn dĩ. tâm hoài bi phở thân mao giai
thọ.

Khi ấy các Tỳ-kheo nghe Thế Tôn quyết định Nê-hoàn, lòng lo lắng sợ hãi, cả mình
rờn ốc,

如日初出照青樹葉赤脈悉現。

như nhật sơ xuất chiếu thanh thụ diệp xích mạch tất hiện.

như mặt trời mới mọc chiếu rõ những đường gân mạch xanh của cây lá đều hiện bày,
其身如是舉體支節血淚交流。稽首佛足右繞畢白佛言。善哉世尊。

kỳ thân như thị cử thể chi tiết huyết lệ giao lưu. khể thủ Phật túc hữu nhiều
tất bạch Phật ngôn. Thiện tai Thế Tôn.

thân thể, tay chân máu huyết và nước mắt chan hòa. Các Tỳ-kheo cúi đầu lễ chân
Phật, nhiều bên phải xong liền bạch Phật rằng: Hay thay Thế Tôn!

快說非常苦空之教。

khoái thuyết phi thường khổ không chi giáo.

Xin Phật hãy vui chỉ dạy về vô thường, khổ, không.

如一切眾生跡象跡為上。如是世尊。

như nhất thiết chúng sanh tích tượng tích vi thượng. như thị Thế Tôn.

Như dấu chân của hết thầy chúng sanh, dấu chân voi là hơn hết. Thế Tôn nói

說無常想於諸想中最高第一。精勤修習能離一切欲界貪愛色愛有愛。

thuyết vô thường tưởng ư chụ tưởng trung tối vi đệ nhất. cần tu tập năng ly nhất
thiết dục giới tham ái sắc ái hữu ái.

quán về vô thường là hơn hết trong các quán tưởng, nếu ai tinh tấn tu hành pháp
này thì có thể xa lìa hết thầy sự ái nhiễm cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc thì
無明憍慢從此永滅。又復世尊。

vô minh kiêu mạn từng thủ vĩnh diệt. hựu phục Thế Tôn.

vô minh và kiêu mạn cũng dứt hẳn từ đây. Lại nữa, bạch Thế Tôn!

譬如田夫於秋月時。草實未熟深耕其地。

thí như điền phu ư thu nguyệt thì. thảo thật vị thực thâm canh kỳ địa.

Thí như khi mùa Thu, người nông phu chưa cày đất sâu nên cỏ mọc,

春殖五穀草穢不生。行者如是深念無常想精勤修習。

xuân thực ngũ cốc thảo uế bất sanh. hành giả như thị thâm niệm vô thường tưởng
cần tu tập.

đến mùa Xuân gieo ngũ cốc nên cỏ như uế không sanh. Người tu hành nhớ kỹ về vô
thường tưởng này để tinh tấn tu tập

能離一切欲界貪愛色愛有愛。

năng ly nhất thiết dục giới tham ái sắc ái hữu ái.

thì có thể xa lìa tất cả sự ái nhiễm cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc thì

無明憍慢永不復生。夫田家子以秋耕為上。世尊。

vô minh kiêu mạn vĩnh bất phục sanh. phu điền gia tử dĩ thu canh vi thượng. Thế
Tôn.

Vô minh và kiêu mạn vĩnh viễn không sanh trở lại. Nhà nông phu nên lấy mùa Thu
để cày bừa là trên hết. Bạch Thế Tôn!

法中以無常想為第一。又如帝王知命將終。

Pháp trung dĩ vô thường tưởng vi đệ nhất. hựu như đế Vương tri mạng tướng chung
Trong Phật pháp, lấy vô thường tưởng làm hơn hết. Lại như Đế Vương biết mình sắp
chết,

恩赦天下獄囚閉繫。悉蒙解脫然後命終。

ân xá Thiên hạ ngục tù bế hệ. tất mông giải thoát nhiên hậu mạng chung.

liên ân xá ngục tù trong thiên hạ rồi sau mới chết.

今日世尊亦復如是。臨欲滅度說甘露法惠利眾生。

kim nhật Thế Tôn diệc phục như thị. lâm dục diệt độ thuyết cam lộ Pháp huệ lợi
chúng sanh.

Thế Tôn hôm nay cũng lại như vậy, sắp diệt độ nên nói Pháp cam lộ để lợi ích cho
chúng sanh

貪愛牢獄皆悉解脫然後泥洹。如人為惡鬼所持。

tham ái lao ngục giai tất giải thoát nhiên hậu Nê-hoàn. như nhân vi ác quỷ sở
trì.

bị giam nhốt trong ngục tù tham ái đều được giải thoát rồi sau mới Nê-hoàn. Như
người bị ác quỷ nhập,

遭遇呪師便得解脫。

tao ngộ chú sư tiện đắc giải thoát.

gặp chú thuật sư liền được giải thoát.

如是眾生為貪愛羅刹所持。幸蒙如來聖慧大呪。

như thị chúng sanh vi tham ái La sát sở trì. hạnh mông Như-Lai Thánh tuệ Đại
chú.

Như chúng sanh bị quỷ La-sát tham ái bắt giữ, gặp được đại thần chú Thánh tuệ
của Như Lai

得脫眾邪恩愛羅刹。如人瘡病遇良醫藥苦患悉除。我等亦然。

đắc thoát chúng tà ân ái La sát. như nhân ngược bệnh ngộ lương y dược khổ hoạn
tất trừ. ngã đẳng diệc nhiên.

được thoát khỏi tà ân ái của La-sát. Như người bệnh sốt gặp thuốc đắng của lương
y, bệnh liền được lành. Chúng con cũng như vậy,

無量身病邪見煩惱。得世尊法藥皆蒙除愈。

vô lượng thân bệnh tà kiến phiền não. đắc Thế Tôn Pháp dược giai mông trừ dữ.
thân có vô lượng bệnh tà kiến phiền não, được pháp dược của Thế Tôn thầy đều
lành bệnh.

如人醉酒不識親疎尊卑長幼。

như nhân túy tửu bất thức thân sơ tôn ti trường ấu.

Như người say rượu mê loạn không biết thân sơ, trên dưới, lớn nhỏ,

尋後醒悟心懷慚愧深自剋責。我等如是於無邊生死中。

tâm hậu tỉnh ngộ tâm hoài tàm quý thâm tự khắc trách. ngã đẳng như thị u vô biên sanh tử trung.

sau khi tỉnh thức lòng sanh hổ thẹn rất tự trách mình. Chúng con cũng thế, ở trong biển sanh tử không bờ bến,

醉於情欲迷于邪見始蒙醒悟。

túy u tình dục mê vu tà kiến thủy mộng tỉnh ngộ.

tình sắc làm say mê tham đắm trong ngũ dục, tà kiến nay mới tỉnh ngộ.

猶如蘆草及伊蘭樹無有堅實。

do như lô thảo cập y lan thụ vô hữu kiên thật.

Như cỏ lau và cây Y lan không có bền chắc,

此身如是我人壽命等無有堅固。佛告比丘。汝等如是修無我想耶。

thử thân như thị ngã nhân thọ mạng đẳng vô hữu kiên cố. Phật cáo Tỳ-kheo. như đẳng như thị tu vô ngã tưởng da.

thân mạng của tôi đây không có bền chắc. Phật bảo các Tỳ-kheo: Các ông tu vô ngã tưởng ư?

諸比丘答曰。唯然世尊。我等常修無我想。

chư Tỳ-kheo đáp viết. duy nhiên Thế Tôn. ngã đẳng thường tu vô ngã tưởng.

Chư Tỳ-kheo đáp rằng: Đúng vậy bạch Thế Tôn! Chúng con thường tu vô ngã tưởng.

餘人亦修無常苦空非我之想。世尊。

du nhân diệc tu vô thường khổ không phi ngã chi tưởng. Thế Tôn.

Những người khác cũng tu vô thường, khổ, không, vô ngã tưởng. Bạch Thế Tôn!

如人言日月星宿山地轉。

như nhân ngôn nhật nguyệt tinh tú sơn địa chuyển.

Như người ta nói rằng mặt trời, mặt trăng, sao, tinh tú, núi, trái đất chuyển động

此非為轉但眾生眩惑謂之為轉。如是人言無常苦空非我。

thử phi vi chuyển đãn chúng sanh huyền hoặc vị chi vi chuyển. như thị nhân ngôn vô thường khổ không phi ngã.

nhưng những vật này không phải chuyển động. Chỉ vì chúng sanh hoa mắt nên cho là có chuyển động, nếu những người này nói vô thường, khổ, không, vô ngã,

當知此等眾生亦是世俗眩惑。我等所修是平等修。

đương tri thử đẳng chúng sanh diệc thị thế tục huyền hoặc. ngã đẳng sở tu thị bình đẳng tu.

nên biết, đây cũng là những chúng sanh thế tục bị hoa mắt. Sự tu hành của chúng con là tu bình đẳng.

佛告比丘。如汝說喻此譬喻中說味說義汝猶未解。

Phật cáo Tỳ-kheo. như như thuyết dụ thử thí dụ trung thuyết vị thuyết nghĩa như do vị giải.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Như những thí dụ các ông nói, trong những thí dụ này, nói về vị, nói về nghĩa, các ông còn chưa hiểu rõ.

我當更說如人言日月山地轉。

ngã đương canh thuyết như nhân ngôn nhật nguyệt sơn địa chuyển.

Ta sẽ nói thêm rằng: Như có người cho rằng mặt trời, mặt trăng, núi non, trái đất có chuyển động,

此非為轉但眩惑謂之為轉。

thử phi vi chuyển đãn huyền hoặc vị chi vi chuyển.

nhưng những vật này thật không phải chuyển động, mà chỉ vì hoa mắt nên cho là có chuyển động.

如是眾生愚癡顛倒計我計常計樂計淨。然彼佛者是我義。

như thị chúng sanh ngu si điên đảo kế ngã kế thường kế lạc kế tịnh. nhiên bi Phật giả thị ngã nghĩa.

Những chúng sanh này ngu si, điên đảo chấp ngã, chấp thường, chấp lạc, chấp tịnh. Phật chính là nghĩa của ngã,

法身是常義。泥洹是樂義。假名諸法是淨義。

Pháp thân thị thường nghĩa. Nê-hoàn thị lạc nghĩa. giả danh chư Pháp thị tịnh nghĩa.

Pháp thân là nghĩa của thường, Nê-hoàn là nghĩa của lạc, giả danh các pháp là nghĩa của tịnh.

汝等比丘。莫眩惑想而言我於一切法。

nhũ đẳng Tỳ-kheo. mạc huyền hoặc tưởng nhi ngôn ngã ư nhất thiết Pháp.

Này các Tỳ-kheo! Chớ có hoa mắt mà cho rằng ngã là ở trong tất cả pháp,

修無常苦空不淨想也。比丘白佛言。世尊。

tu vô thường khổ không bất tịnh tưởng dã. Tỳ-kheo bạch Phật ngôn. Thế Tôn. mà phải tu vô thường tưởng, khổ, không, bất tịnh tưởng. Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

我等亦修三種修淨佛告比丘。

ngã đẳng diệc tu tam chủng tu tịnh Phật cáo Tỳ-kheo.

Chúng con cũng tu ba thứ tu tịnh đó. Phật bảo các Tỳ-kheo:

此三種修於我法中亦無實義。間間苦修性昇降故。

thử tam chủng tu ư ngã Pháp trung diệc vô thật nghĩa. gian gian khổ tu tánh thăng giáng cố.

Ba thứ tu này trong giáo pháp của Ta cũng không thật nghĩa, trong giai đoạn tu khổ hạnh, tánh thường có thăng có giáng.

苦樂想顛倒樂苦想顛倒。無常常想顛倒。常無常想顛倒。

khổ lạc tưởng điên đảo lạc khổ tưởng điên đảo. vô thường thường tưởng điên đảo. thường vô thường tưởng điên đảo.

Khổ cho là vui tức là điên đảo; vui cho là khổ tức là điên đảo; vô thường cho là thường tức là điên đảo; thường cho là vô thường tức là điên đảo;

非我我想顛倒。我非我想顛倒。不淨淨想顛倒。

phi ngã ngã tưởng điên đảo. ngã phi ngã tưởng điên đảo. bất tịnh tịnh tưởng điên đảo.

vô ngã cho là ngã tức là điên đảo; ngã cho là vô ngã tức là điên đảo; bất tịnh cho là tịnh tức là điên đảo;

淨不淨想顛倒。如是四顛倒想者。

tịnh bất tịnh tưởng điên đảo. như thị tứ điên đảo tưởng giả.

tịnh cho là bất tịnh tức là điên đảo. Vì bốn tưởng điên đảo này

不識平等於此所修非為正修。苦不苦修。無常常修。

bất thức bình đẳng ư thử sở tu phi vi chánh tu. khổ bất khổ tu. vô thường thường tu.

nên không biết rõ pháp tu chân chánh: Khổ tu không khổ, vô thường tu thường, 非我我修。不淨淨修。

phi ngã ngã tu. bất tịnh tịnh tu.

không phải ngã tu ngã, bất tịnh tu tịnh.

此四種修是世間樂常我淨。離世間亦有四種樂常我淨。

thử tứ chủng tu thị thế gian lạc thường ngã tịnh. ly thế gian diệc hữu tứ chủng lạc thường ngã tịnh.

Thế gian cũng có bốn pháp tu thường, lạc, ngã, tịnh. Xuất thế gian cũng có bốn pháp tu thường, lạc, ngã, tịnh.

汝等當知名味者世間法。義者出世間法。

nhữ đẳng đương tri danh vị giả thế gian Pháp. nghĩa giả xuất thế gian Pháp.
Các ông nên biết, pháp thế gian có danh vị, pháp xuất thế gian có thật nghĩa.

時諸比丘白佛名。世尊。我當云何如世尊教。

thì chư Tỳ-kheo bạch Phật danh. Thế Tôn. ngã đương vân hà như Thế Tôn giáo.

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con phải nên

修三想見四顛倒者。唯願如來住世一劫若過一劫。

tu tam tưởng kiến tứ điên đảo giả. duy nguyện Như-Lai trụ thế nhất kiếp nhược
quá nhất kiếp.

tu ba tưởng, thấy bốn điên đảo thế nào mới như lời Phật dạy? Chỉ xin Như Lai trụ
ở đời thêm một kiếp, hoặc hơn một kiếp.

如世尊教我當修行。若當如來不住世者。

như Thế Tôn giáo ngã đương tu hành. nhược đương Như-Lai bất trụ thế giả.

Nếu Thế Tôn dạy dạy bảo, chúng con sẽ hết lòng tuân lời tu hành. Nếu Như Lai
không trụ ở đời,

我等何能久與毒蛇同其窟宅永違如來。

ngã đẳng hà năng cửu dữ độc xà đồng kỳ quật trạch vĩnh vi Như-Lai.

chúng con làm sao có thể cùng ở chung nhà với rắn độc lâu dài trái hẳn với Như
Lai?

誰當住世任持正法。當隨如來入於泥洹。佛告比丘。

thùy đương trụ thế nhiệm trì Chánh pháp. đương tùy Như-Lai nhập u Nê-hoàn. Phật
cáo Tỳ-kheo.

Ai sẽ ở đời gánh vác, giữ gìn Chánh pháp? Chúng con sẽ theo Như Lai nhập Nê-
hoàn. Phật bảo các Tỳ-kheo:

莫作是語莫作是語。比丘當知。

mạc tác thị ngữ mạc tác thị ngữ. Tỳ-kheo đương tri.

Chớ có nói lên những lời như vậy! Các Tỳ-kheo nên biết!

如來正法付大迦葉。大迦葉者當為汝等作歸依處。

Như-Lai Chánh pháp phó Đại Ca-diếp. Đại Ca-diếp giả đương vị nhữ đẳng tác quy y
xứ.

Chánh pháp của Như Lai sẽ giao phó cho đại Ca-diếp. Đại Ca-diếp sẽ vì các ông mà
làm chỗ nương tựa,

亦普救護一切眾生如佛無異。比丘當知。

diệc phổ cứu hộ nhất thiết chúng sanh như Phật vô dị. Tỳ-kheo đương tri.

cũng như Phật cứu hộ hết thảy chúng sanh không khác. Các Tỳ-kheo nên biết!

譬如大王典領諸國。若欲遊行餘國。

thí như Đại Vương điển lĩnh chư quốc. nhược dục du hành dư quốc.

Thí như đại vương thông lãnh các nước. Nếu muốn đi tuần du,

要立一大臣兼知國事如王在時。

yếu lập nhất Đại Thần kiêm tri quốc sự như Vương tại thì.

cần phải giao phó cho một vị đại thần biết nhiều việc trong nước như vua hiện
thì.

我亦如是於此世界尋當安立摩訶迦葉。但汝等比丘。

ngã diệc như thị u thử thế giới tầm đương an lập Ma ha Ca-diếp. đản nhữ đẳng bi
khâu.

Ta cũng như vậy, sẽ giao phó cõi này cho đại Ca-diếp. Nay các Tỳ-kheo!

先所修習無常苦空非我想者非真實修。

tiên sở tu tập vô thường khổ không phi ngã tưởng giả phi chân thật tu.

chỗ tu tập những pháp vô thường, khổ, không, vô ngã tưởng trước kia không phải
là pháp tu chân thật.

譬如春月諸商人輩至歡會時遊戲水邊。

thí như xuân nguyệt chư thương nhân bối chí hoan hội thì du hí thủy biên.
Thí như mùa Xuân, có những thương nhân chơi thuyền trong hồ lớn.

眾中一人有失瑠璃墮深水底。

chúng trung nhất nhân hữu thất lưu ly đọa thâm thủy để.
Trong chúng, có một người đánh rơi hạt lưu ly chìm xuống đáy nước.

時諸商人各各入水為求寶故。或得瓦石沈木謂為是寶。

thì chư thương nhân các các nhập thủy vi cầu bảo cố. hoặc đắc ngõa thạch trầm
mộc vị vi thị bảo.

Những người ấy, mỗi mỗi đều cùng nhau hụp lặn tìm ngọc: Hoặc bốc được ngói, đá,
cành cây tưởng là thật,

歡喜持出乃知非真。彼瑠璃珠故在水中。

hoan hỉ trì xuất nãi tri phi chân. bi lưu ly châu cố tại thủy trung.
sung sướng đem ra khỏi nước mới rõ là không phải. Lúc ấy, ngọc lưu ly kia vẫn ở
trong nước.

光色徹照明躡日月。眾人見光知是名寶。

quang sắc triệt chiếu minh du nhật nguyệt. chúng nhân kiến quang tri thị danh
bảo.

Màu sắc của ngọc chiếu sáng như mặt trời, mặt trăng. Mọi người thấy ánh sáng
biết đây là ngọc lưu ly,

歎其奇特各欲求取。時有一人巧智方便取得真寶。

thán kỳ kì đặc các dục cầu thủ. thì hữu nhất nhân xảo trí phương tiện thủ đắc
chân bảo.

khen là kỳ lạ và đều muốn tìm lấy. Khi ấy có một người lanh trí dùng phương tiện
lấy được lưu ly thật.

如是比丘。汝於一切苦空無常不淨。

như thị Tỳ-kheo. nhữ u nhất thiết khổ không vô thường bất tịnh.
Này các Tỳ-kheo! Các ông đối với tất cả sự tu tập khổ, không, vô thường, bất
tịnh

作盡想受言我修習。猶如彼人手執非寶而自欺誑。

tác tận tưởng thọ ngôn ngã tu tập. do như bi nhân thủ chấp phi bảo nhi tự khi
cuồng.

như vậy mà cho rằng tôi đã tu tập. Nếu như thế chỉ như người kia tay cầm ngọc
giả mà tự khi dối cho là ngọc thật.

汝等比丘。莫如彼人空自欺誑。

nhữ đẳng Tỳ-kheo. mạc như bi nhân không tự khi cuồng.
Này các Tỳ-kheo! Các ông chớ như người kia tưởng không mà tự khi dối là có,

當如商人有點慧者。比丘。當知有我有常有樂有淨。

đương như thương nhân hữu hiệt tuệ giả. Tỳ-kheo. đương tri hữu ngã hữu thường
hữu lạc hữu tịnh.

mà nên như thương nhân có trí tuệ sáng suốt ấy. Các Tỳ-kheo nên biết, có ngã, có
thường, có lạc, có tịnh.

汝等所修一切攝受皆是顛倒。如彼不識瑠璃寶珠。

nhữ đẳng sở tu nhất thiết nhiếp thọ giai thị điên đảo. như bi bất thức lưu ly
bảo châu.

Chỗ tu nhiếp thọ tất cả của các ông đều là điên đảo. Như người kia không biết
lưu ly thật.

汝等比丘。修真實法如得寶珠。

nhữ đẳng Tỳ-kheo. tu chân thật Pháp như đắc bảo châu.
Này các Tỳ-kheo! Các ông tu pháp chân thật thì sẽ được châu báu chân thật,

於不真實法修無常想。諸比丘言。

ư bất chân thật Pháp tu vô thường tưởng. chư Tỳ-kheo ngôn.

tu pháp vô thường tưởng là pháp không chân thật. Các Tỳ-kheo bạch rằng:

如世尊說一切諸法皆悉無我。當如是修。如是修時我想即滅。

như Thế Tôn thuyết nhất thiết chư Pháp giai tất vô ngã. đương như thị tu. như thị tu thì ngã tưởng tức diệt.

Như lời Thế Tôn nói, hết thầy các pháp đều vô ngã, phải tu như vậy, khi tu như vậy, ngã tưởng liền diệt,

我想滅已正向泥洹。此有何義。

ngã tưởng diệt dĩ chánh hướng Nê-hoàn. thử hữu hà nghĩa.

ngã tưởng diệt rồi sẽ thẳng đến Nê-hoàn. Nghĩa này thế nào?

唯願世尊哀故更說。佛言。善哉善哉。諸比丘。

duy nguyện Thế Tôn ai cố canh thuyết. Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai. chư Tỳ-kheo.

Ngưỡng mong Thế Tôn thương xót nói lại cho. Phật dạy: Hay thay! Hay thay! Nay các Tỳ-kheo!

汝等欲除吾我惑者。應如是問。譬如有王闇鈍少智。

nhữ đẳng dục trừ ngô ngã hoặc giả. ứng như thị vấn. thí như hữu Vương ám độn thiếu trí.

Các ông muốn trừ nghi ngờ về ngã nên mới hỏi Ta như vậy. Thí như có đức vua ám độn ít trí.

時有藥師亦不明了。欺誑天下受王奉祿。

thì hữu Dược sư diệc bất minh liễu. khi cống Thiên hạ thọ Vương phụng lộc.

Khi ấy có một vị thầy thuốc cũng kém hiểu biết, khi dối thiên hạ nhận bổng lộc của vua.

唯知乳藥復不善解。而常以此療治。

duy tri nhũ dược phục bất thiện giải. nhi thường dĩ thử liệu trị.

Phàm trị bệnh gì ông cũng thuận dùng sữa để làm phương thuốc.

國人又復不知風痰涎唾病之所宜。而闇鈍王謂為上醫。

quốc nhân hựu phục bất tri phong đàm tiên thóa bệnh chi sở nghi. nhi ám độn Vương vị vi thượng y.

Lại không biết người trong nước bị bệnh phong, bệnh đàm để cho uống cho thích nghi với bệnh. Nhưng đức vua kém hiểu biết kia lại cho là lương y giỏi.

時有明醫曉八種術。從遠方來語舊醫言。

thì hữu minh y hiểu bát chủng thuật. tùng viễn phương lai ngữ cựu y ngôn.

Một hôm, có một vị lương y thông minh thông cả tám nghề, từ phương xa đến nói với lương y cũ rằng:

汝為我師我為弟子當從汝學。舊醫言。

nhữ vi ngã sư ngã vi đệ-tử đương tùng nhữ học. cựu y ngôn.

Ông là thầy của tôi, tôi sẽ làm đệ tử của ông và theo ông học hỏi. Lương y cũ nói:

善哉當教汝不死藥法。汝當勤學四十八年。

Thiện tai đương giáo nhữ bất tử dược Pháp. nhữ đương cần học tứ thập bát niên.

Hay thay! Ta sẽ vì ông mà dạy phương thuốc không chết. Ông phải siêng năng học tập bốn mươi tám năm,

令汝盡知無上醫術。便將後醫出入王宮。

lệnh nhữ tận tri vô thượng y thuật. tiện tướng hậu y xuất nhập Vương cung.

khiến cho ông biết hết những phép thuốc vô thượng. Xong, lương y cũ liền dắt lương y sau vào trong cung vua.

是闇鈍王亦相愛樂。彼後醫便白王言。大王。

thị ám độn Vương diệc tướng ái lạc. bi hậu y tiện bạch Vương ngôn. Đại Vương. Vua ám độn này cũng rất ái mộ vị lương y sau. Minh y kia bạch vua rằng: Đại Vương

應當學諸技藝。王大歡喜便從受學。

úng đương học chư kĩ nghệ. Vương Đại hoan hỉ tiện tùng thọ học. phải nên học các phương thuốc và những nghệ thuật khác. Vua rất hoan hỷ theo học các phương thuốc.

智慧漸增乃知舊醫無智欺誑。驅令出國加敬後醫。

trí tuệ tiệm tăng nãi trí cựu y vô trí khi cuồng. khu linh xuất quốc gia kính hậu y.

Dần dần trí tuệ khai mở, vua mới biết lương y cũ là kẻ vô trí khi dối, liền đuổi ra khỏi nước và càng kính trọng lương y sau hơn.

彼後醫知時已至復白王言。

bi hậu y tri thì dĩ chí phục bạch Vương ngôn.

Lương y sau biết đã đúng thì nên bạch vua rằng:

欲有所請當隨我意。王答言爾。醫言。大王。先醫乳藥毒害危險。

dục hữu sở thỉnh đương tùy ngã ý. Vương đáp ngôn nhĩ. y ngôn. Đại Vương. tiên y nhũ dược độc hại nguy hiểm.

Xin Đại Vương cho tôi có ý kiến. Vua đáp: Được! Minh y nói: Tâu Đại Vương! Thuốc sữa trước đây là thứ độc hại rất nguy hiểm,

不復可服應捨此法。王即從教普下國內。

bất phục khả phục ứng xả thử Pháp. Vương tức tùng giáo phổ hạ quốc nội.

không nên uống nữa mà hãy bỏ đi. Vua liền nghe lời rao khắp cho mọi người trong nước

自今已後服乳藥者當重罰之。

tự kim dĩ hậu phục nhũ dược giả đương trọng Phật chi.

từ nay về sau ai thuốc sữa sẽ bị Phật.

爾時後醫以五種藥甘酢鹹苦辛等五味用療一切。

nhĩ thì hậu y dĩ ngũ chủng dược cam tạc hàm khổ tân đẳng ngũ vị dụng liệu nhất thiết.

Lúc bấy giờ lương y sau dùng năm thứ thuốc với năm mùi vị: Ngọt, chua, mặn, đắng, cay dùng để trị cho tất cả bệnh.

時王得病請醫治之。醫觀王病應用乳藥。

thì Vương đắc bệnh thỉnh y trị chi. y quán Vương bệnh ứng dụng nhũ dược.

Một hôm, đức Vua phải bệnh nặng nên mời Minh y đến chữa trị. Minh y xem bệnh của vua phải nên dùng thuốc sữa,

便白王言。唯有乳藥能令不死。王語醫言。

tiện bạch Vương ngôn. duy hữu nhũ dược năng linh bất tử. Vương ngữ y ngôn.

liền bạch với vua rằng: Tâu Đại Vương! Đại Vương chỉ có uốc thuốc sữa mới có thể thoát chết. Vua nói với Minh y rằng:

汝今狂耶。先言是毒令我驅彼。

nhũ kim cuồng da. tiên ngôn thị độc linh ngã khu bi.

Nay ông bị cuồng chẳng? Trước đây ông nói thuốc sữa là độc hại khiến ta đuổi lương y cũ đi,

而今復言應服乳藥。後醫答言。不也。大王。此言有意。

nhĩ kim phục ngôn ứng phục nhũ dược. hậu y đáp ngôn. bất dã. Đại Vương. thử ngôn hữu ý.

mà nay lại bảo ta uống thuốc sữa! Lương y sau đáp: Không phải vậy. Tâu Đại Vương! Nói như vậy là có ý của nó.

譬如板木有虫食跡似王名字。不善書者謂是真字。

thí như bản mộc hữu trùng thực tích tự Vương danh tự. bất thiện thu giả vị thị chân tự.

Thí như mỗi ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ, nên vua gọi là chữ. Người không giỏi chữ cho đó là chữ thật.

其善書者乃知非真。先醫如是雖合乳藥。

kỳ thiện thu giả nãi tri phi chân. tiên y như thị tuy hợp nhũ dược.

Người giỏi chữ thì biết đó là không phải chữ thật. Lương y trước kia tuy hòa hợp thuốc sữa như vậy

不知分別時節所應。

bất tri phân biệt thì tiết sở ứng.

nhưng không biết phân biệt thì tiết để cho uống.

當知乳藥有能殺人亦不殺人。

đương tri nhũ dược hữu năng sát nhân diệc bất sát nhân.

Nên biết, thuốc sữa cũng có thể giết hại người, mà cũng không giết hại người.

不殺人者養乳牛時放在曠野無毒草處擇水而飲不加杖捶出入以時。

bất sát nhân giả dưỡng nhũ ngưu thì phóng tại khoáng dã vô độc thảo xử trạch

thùy nhi ẩm bất gia trượng chúy xuất nhập dĩ thì.

Thuốc sữa không giết hại người là con bò cái được thả chăn ở nơi đồng trống, chỗ không có cỏ độc, nước uống trong sạch, đi đứng vừa chừng phải cách,

搆彼乳時泡沫不起。當知此乳救一切病為不。

cấu bỉ nhũ thì phao mặt bất khởi. đương tri thử nhũ cứu nhất thiết bệnh vi bất

khí vắt sữa của con bò mà không nổi bọt thì nên biết sữa này dùng để chữa trị cho tất cả các bệnh

死藥王言。大善便服乳藥。

tử dược Vương ngôn. Đại thiện tiện phục nhũ dược.

không phải là thuốc giết hại. Vua nói: Đại Thiện liền uống thuốc sữa.

時國人民聞王服乳皆悉驚怖。來詣王所咸言。此師將非鬼耶。

thì quốc nhân dân văn Vương phục nhũ giai tất kinh phở. lai nghê Vương sở hàm

ngôn. thử sư tướng phi quý da.

Khi ấy nhân dân trong nước nghe vua uống thuốc sữa ai nấy đều rất kinh hãi, và cùng nhau kéo đến chỗ đúc vua mà rằng: Đây có phải là quỷ chăng?

先言殺人今令大王還服乳藥。

tiên ngôn sát nhân kim linh Đại Vương hoàn phục nhũ dược.

Trước đây bảo là thuốc giết hại người, nay vua lại uống.

時王即為人民廣說乳之昇降。

thì Vương tức vị nhân dân quảng thuyết nhũ chi thăng hàng.

Lúc ấy, vua liền vì nhân dân mà phân tích rộng rãi rạch ròi về thuốc sữa này.

王及人民增加恭敬供養後醫。奉用其法常服乳藥。比丘當知。

Vương cập nhân dân tăng gia cung kính cung dưỡng hậu y. phụng dụng kỳ Pháp

thường phục nhũ dược. Tỷ-kheo đương tri.

Vua cùng với nhân dân càng thêm cung kính vị lương y sau hơn, y theo cách đó để thường uống thuốc sữa. Các Tỷ-kheo nên biết!

如來應供等正覺明行足善逝世間解無上士調御丈夫

Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh Giác minh hạnh túc thiện thế thể gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu

Như Lai, Ứng-cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,

天人師佛世尊。為大醫王出興於世。

Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn. vi Đại y Vương xuất hưng u thế.

Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn là vị Đại Y Vương xuất hiện ở đời

為壞外道邪醫術故。與眾生王漸相習近。

vị hoại ngoại đạo tà y thuật cố. dữ chúng sanh Vương tiệm tướng tập cận.

vì phá hoại tà y ngoại đạo nên gần gũi cùng chúng sanh dần dần

知愛樂已。便教令捨外道邪受而語之言。

tri ái lạc dĩ. tiện giáo linh xả ngoại đạo tà thọ nhi ngữ chi ngôn.

cho họ mến thích rồi mới chỉ dạy cho họ xả bỏ tà giáo ngoại đạo mà nói rằng:

無有吾我眾生壽命。似彼虫食為書。

vô hữu ngô ngã chúng sanh thọ mạng. tự bì trùng thực vi thư.

Không có ngã, không có chúng sanh, không có thọ mạng.

諸異道輩受吾我故而言無我。

chư dị đạo bối thọ ngô ngã cố nhi ngôn vô ngã.

Hàng ngoại đạo bắt chước lời Ta mà nói rằng không có ngã đó, như con mối ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ vậy.

一切眾生承如來言展轉相教皆說無我。此是如來知時方便濟眾生故。

nhất thiết chúng sanh thừa Như-Lai ngôn triển chuyển tướng giáo giai thuyết vô

ngã. thử thị Như-Lai tri thì phương tiện tế chúng sanh cố.

Tất cả chúng sanh nương vào lời nói của Ta, dần dần chỉ dạy cho nhau đều nói

rằng không có ngã. Đây là vì Như Lai biết đúng thì nên phương tiện cứu hộ chúng

sanh

說一切法其性無我。非如世間所受吾我。

thuyết nhất thiết Pháp kỳ tánh vô ngã. phi như thế gian sở thọ ngô ngã.

nên nói tất cả các pháp, tánh là không có ngã, không phải như thế gian bắt chước Ta

故說一切法其性無我。時復說我。

cố thuyết nhất thiết Pháp kỳ tánh vô ngã. thì phục thuyết ngã.

nói tánh của tất cả pháp là không có ngã. Một lúc khác, Ta lại nói có ngã,

如彼良醫明乳藥法。當知我者是實。

như bì lương y minh nhũ dược Pháp. đương tri ngã giả thị thật.

như phương thuốc sữa của vị lương y sáng suốt kia. Nên biết, ngã là chân thật,

我者常住非變易法非磨滅法。我者是德我者自在。如善乳藥醫。

ngã giả thường trụ phi biến dịch Pháp phi ma diệt Pháp. ngã giả thị đức ngã giả

tự-tại. như thiện nhũ dược y.

ngã ấy là pháp thường trụ, không phải pháp thay đổi, không phải pháp tiêu diệt,

ngã ấy là đức, ngã ấy là tự tại, như phương thuốc sữa của thầy lương y giỏi.

如來亦然為諸眾生說真實法。

Như-Lai diệc nhiên vị chư chúng sanh thuyết chân thật Pháp.

Như Lai cũng như vậy, vì các chúng sanh mà nói pháp chân thật.

一切四眾當如是學。爾時世尊復告比丘。

nhất thiết Tứ Chúng đương như thị học. nhĩ thì Thế Tôn phục cáo Tỳ-kheo.

Tất cả bốn chúng phải nên học như vậy. Lúc bấy giờ Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

於諸法律若有疑惑當問如來。諸比丘言。唯然世尊。

ư chư Pháp luật nhược hữu nghi hoặc đương vấn Như-Lai. chư Tỳ-kheo ngôn. duy

nhiên Thế Tôn.

Đối với Pháp và Luật có điều gì nghi ngờ phải nên hỏi Như Lai. Các Tỳ-kheo bạch

rằng: Dạ, bạch Thế Tôn!

我等已修諸修之上。解知身相皆悉空寂。

ngã đẳng dĩ tu chư tu chi thượng. giải tri thân tướng giai tất không tịch.

Chúng con đã tu tập những pháp tu cao hơn, biết rõ thân tướng đều là trống không vắng lặng.

佛告比丘。汝等莫如一切智說而言。

Phật cáo Tỳ-kheo, nữ đấng mặc như nhất thiết trí thuyết nhi ngôn.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Các ông chớ như bậc Nhất thiết trí mà nói:

我修一切身相皆悉空寂。復告比丘。

ngã tu nhất thiết thân tướng giai tất không tịch, phục cáo Tỳ-kheo.

Chúng con tu tập hết thấy thân tướng đều la trống rỗng, vắng lặng. Lại bảo các Tỳ-kheo:

汝於法律猶有疑惑應當更問。諸比丘言。世尊。

nhữ ư Pháp luật do hữu nghi hoặc ứng đương canh vấn, chư Tỳ-kheo ngôn. Thế Tôn
Đối với pháp luật, các ông còn chỗ nào nghi ngờ phải nên hỏi. Các Tỳ-kheo bạch
rằng: Bạch Thế Tôn!

如來應供等正覺平等之義。非我境界豈敢重問。

Nhu-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác bình đẳng chi nghĩa, phi ngã cảnh giới khởi cảm
trọng vấn.

Nghĩa bình đẳng của Nhu Lai, Ứng-cúng, Chánh Đẳng Giác, không phải là cảnh giới
của mình, chúng con lẽ nào dám hỏi được.

諸佛所說不可思議。諸佛所行不可思議。

chư Phật sở thuyết bất khả tu nghị, chư Phật sở hạnh bất khả tu nghị.

Lời chư Phật nói ra không thể nghĩ bàn. Công hạnh của chư Phật không thể nghĩa
bàn.

是故我等及諸眾會。皆悉不堪重問如來。世尊。

thị cố ngã đẳng cập chư chúng hội, giai tất bất kham trọng vấn Nhu-Lai. Thế Tôn.
Vì vậy chúng con cùng pháp hội này thấy đều không ai dám hỏi Nhu Lai. Bạch Thế
Tôn!

譬如有人年百二十。身嬰長疾委在床蓐。

thí như hữu nhân niên bách nhị thập, thân anh trường tật ủy tại sàng nhục.

Thí như có người đã một trăm hai mươi tuổi, thân như đứa trẻ nằm mãi trên giường
bệnh.

有一丈夫無有智慧財富無量。

hữu nhất trượng phu vô hữu trí tuệ tài phú vô lượng.

Có một trượng phu không có trí tuệ nhưng của cải thì vô lượng

來詣其所就彼床上執病人手而語之言。善男子。汝當取我珍寶庫藏。

lai nghệ kỳ sở tựu bỉ sàng thượng chấp bệnh nhân thủ nhi ngữ chi ngôn. Thiện nam
tử, nữ đương thủ ngã thân bảo khổ tạng.

đến bên giường cầm lấy tay người bệnh mà nói rằng: Này Thiện nam tử! Ông phải
nhận lấy kho vàng bạc châu báu của tôi.

我欲餘行遠至他國。或經十年或二十年。

ngã dục dư hành viễn chí tha quốc, hoặc Kinh thập niên hoặc nhị thập niên.

Tôi muốn đi xa đến nước khác, hoặc trải qua mười năm, hoặc hai mươi năm.

我後還時悉當歸我。時彼病人無有子息又無眷屬。

ngã hậu hoàn thì tất đương quy ngã, thì bỉ bệnh nhân vô hữu tử tức hựu vô quyền
chúc.

Sau khi trở về, ông phải trả lại cho tôi. Lúc bấy giờ, người bệnh kia nghĩ mình
không có con lại không có quyền thuộc,

病轉增篤遂便命終。所寄財物皆悉散失。

bệnh chuyển tăng đốc toại tiện mạng chung, sở kí tài vật giai tất tán thất.

bệnh càng thêm nặng mà chết, của cải tài sản được ký thác lại đều mất tiêu tán
hết.

財主後還欲往求索不知所在。

tài chủ hậu hoàn dục vãng cầu tác bất tri sở tại.

Người chủ tài sản ấy sau khi trở về muốn đòi lại nhưng không biết đòi ai.

如是世尊告我等言。於諸法律若有所疑今皆當問。

như thị Thế Tôn cáo ngã đẳng ngôn. u chu Pháp luật nhược hữu sở nghi kim giai đương vấn.

Thế Tôn bảo chúng con như vậy: Đối với pháp luật, nếu có điều gì còn nghi ngờ nay đều phải hỏi.

若使聲聞問如來者。恐此正法不得久住。

nhược sử Thanh văn vấn Như-Lai giả. khủng thử Chánh pháp bất đắc cửu trụ.

Giả sử Thanh văn hỏi Như Lai, sợ Chánh pháp này không trụ được lâu,

又復不知何者應問。能令一切眾生咸蒙其慶。

hựu phục bất tri hà giả ứng vấn. năng lệnh nhất thiết chúng sanh hàm mông kỳ khánh.

lại không biết nên hỏi gì có thể làm cho hết thầy chúng sanh đều vui mừng.

是故世尊。我等今者不堪重問。

thị cố Thế Tôn. ngã đẳng kim giả bất kham trọng vấn.

Bạch Thế Tôn! Vì vậy chúng con nay không dám hỏi thêm.

如有士夫相師占之。年百二十眷屬成就財富無量。

như hữu sĩ phu tương sư chi. niên bách nhị thập quyến thuộc thành tựu tài phú vô lượng.

Như có vị thầy tướng, xem biết vị sĩ phu đến năm hai mươi lăm tuổi sẽ thành tựu quyến thuộc, giàu có vô lượng.

復有人來語士夫言。我有財寶今以寄汝。

phục hữu nhân lai ngữ sĩ phu ngôn. ngã hữu tài bảo kim dĩ kí nhữ.

Lại có người đến nói với sĩ phu rằng: Tôi có tài báu nay xin gửi cho ông.

汝當為我出入息利。或經十年或二十年還悉歸我。

nhữ đương vị ngã xuất nhập tức lợi. hoặc Kinh thập niên hoặc nhị thập niên hoàn tất quy ngã.

Ông sẽ vì tôi mà làm cho của cải này buôn ra thu vào cho có lời thêm. Hoặc qua mười năm, hoặc hai mươi năm đem trả lại cho tôi.

彼時士夫即取財物為其生利。

bỉ thời sĩ phu tức thủ tài vật vi kỳ sanh lợi.

Lúc bấy giờ người sĩ phu kia liền lấy tài bảo kia mà làm lời thêm.

主後來索悉皆還之。如是世尊。尊者阿難諸聲聞等。

chủ hậu lai tác tất giai hoàn chi. như thị Thế Tôn. Tôn-Giả A-nan chu Thanh văn đẳng.

Sau khi người chủ trở về, sĩ phu đều trả lại hết. Bạch Thế Tôn! Như vậy, Tôn giả A-nan và hàng Thanh văn

護持如來所說法藏。欲令長存無有是處。所以者何。

hộ trì Như-Lai sở thuyết Pháp tạng. dục linh trường tồn vô hữu thị xứ. sở dĩ giả hà.

hộ trì Như Lai để nói pháp tạng là muốn cho tồn tại lâu dài, là việc không có. Vì sao?

以聲聞乘故。唯諸菩薩摩訶薩迦葉等。

dĩ thanh văn thừa cố. duy chu Bồ-tát Ma-Ha tát ca diệp đẳng.

Do vì là hàng Thanh văn thừa. Chỉ có Đại Bồ-tát Ca-diệp v.v. mới

應令諮受百千萬劫堪任奉持如來法藏。

ứng linh ti thọ bách thiên vạn kiếp kham nhâm phụng trì Như-Lai Pháp tạng.

có thể kham nhẫn trăm ngàn vạn kiếp để phụng trì gìn giữ pháp tạng của Như Lai.

一切眾生悉當蒙慶。是故世尊。

nhất thiết chúng sanh tất đương mông khánh. thị cố Thế Tôn.

Hết thấy chúng sanh sẽ được vui sướng. Bạch Thế Tôn! Vì vậy

當令菩薩為眾生故請決所疑。非是我等凡品所堪。

đương lệnh Bồ-tát vì chúng sanh cố thỉnh quyết sở nghi. phi thị ngã đẳng phàm phẩm sở kham.

phải nên khiến các vị Bồ-tát vì chúng sanh thỉnh nói chỗ nghi ngờ. Chúng con là hàng phàm phu không dám hỏi.

爾時世尊告諸比丘。善哉善哉。汝等比丘。

nhĩ thì Thế Tôn cáo chư Tỳ-kheo. Thiện tai Thiện tai. nhữ đẳng Tỳ-kheo.

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Hay thay! Hay thay! Này các Tỳ-kheo!

得無漏法成阿羅漢。故能作此真實之說深解我意。

đắc vô lậu Pháp thành A-la-hán. cố năng tác thử chân thật chi thuyết thâm giải ngã ý.

Các ông đã được pháp vô lậu, thành A-la-hán nên mới có thể hiểu được ý nghĩa thâm sâu lời nói chân thật này của Ta.

有二因緣當令菩薩任持正法。

hữu nhị nhân duyên đương linh Bồ-tát nhiệm trì Chánh pháp.

Có hai nhân duyên sẽ khiến Bồ-tát kham nhận Chánh pháp,

能使大乘法藏久住。又使一切眾生悉蒙其慶。

năng sử Đại thừa Pháp tạng cửu trụ. hựu sử nhất thiết chúng sanh tất蒙 kỳ khánh.

có thể làm cho pháp tạng Đại thừa an trụ lâu dài. Lại khiến cho hết thấy chúng sanh đều được vui mừng.

大般泥洹經

長壽品第五

Đại Bát Nê-hoàn Kinh

Trường Thọ phẩm đệ ngũ

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

PHẨM THỨ NĂM: TRƯỜNG THỌ

爾時世尊普告大會。諸善男子善女人。

nhĩ thì Thế Tôn phổ cáo Đại hội. chư Thiện nam tử Thiện Nữ Nhân.

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo khắp Đại hội: Này các trai hiền, gái lành!

於三法中及諸律教有所疑者。

ư tam Pháp trung cập chư luật giáo hữu sở nghi giả.

Trong ba tạng pháp và luật, nếu có chỗ nào nghi ngờ

今皆應問如是至三。爾時座中有那羅聚落菩薩。

kim giai ứng vấn như thị chí tam. nhĩ thì tọa trung hữu Na La Tụ Lạc Bồ-tát.

nay đều nên hỏi, hỏi như vậy đến ba lần. Lúc bấy giờ trong hội có Bồ-tát Na-la Tụ Lạc,

姓迦葉氏婆羅門種。承佛威神從坐起。整衣服偏袒右肩。

tính Ca-diếp thị Bà-la-môn chủng. thừa Phật uy Thần tùng tọa khởi. chỉnh y phục Thiên đàn hữu kiên.

họ Ca-diếp, giòng dõi Bà-la-môn, nương oai thần của Phật đứng dậy, sửa y phục để hở vai phải,

稽首佛足遶百千匝右膝著地。

khê thủ Phật túc nhiểu bách thiên tạp hữu tất trú địa.

cúi đầu lễ chân Phật, nhiểu quanh trăm ngàn vòng rồi quỳ gối phải sát đất,

以天香花供養畢白佛言。世尊。

dĩ Thiên hương hoa cung dưỡng tất bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

dùng hương hoa trời mà cúng dường Phật. Cúng dường xong, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

欲有所問唯願世尊慈愍敷演。佛告迦葉菩薩摩訶薩言。

dục hữu sở vấn duy nguyện Thế Tôn từ mẫn phu diễn. Phật cáo Ca-diếp Bồ-tát Ma-Ha tát ngôn.

Con có chỗ muốn hỏi, ngưỡng mong Thế Tôn rừ lòng thương xót giảng bày. Phật bảo Đại Bồ-tát Ca-diếp rằng:

如來應供等正覺。恣汝所問當為汝說。迦葉菩薩白佛言。

Nhu-Lai Ứng-Cúng đảnh chánh giác. tứ nhữ sở vấn đương vị nhữ. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn.

Nhu Lai Ứng Cúng, Đảnh Chánh Giác cho ông tùy ý hỏi, Ta sẽ vì ông mà giảng nói. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

世尊。我所問者皆承如來威神力故。

Thế Tôn. ngã sở vấn giả giai thừa Nhu-Lai uy Thần lực cố.

Bạch Thế Tôn! Con hỏi được đều vì nương nơi oai thần lực của Nhu Lai,

亦因一切眾生善根故。今日如來四大賢眾以為眷屬。

diệc nhân nhất thiết chúng sanh thiện căn cố. kim nhật Nhu-Lai tứ Đại hiền chúng dĩ vi quyền thuộc.

cũng do nơi căn lành của hết thầy chúng sanh. Hôm nay Nhu Lai do bốn đại hiền dùng làm quyền thuộc,

諸大師子以為眷屬。諸金剛士以為眷屬。

chư Đại Sư-tử dĩ vi quyền thuộc. chư Kim cương sĩ dĩ vi quyền thuộc.

các sư tử lớn dùng làm quyền thuộc, các Kim cương sĩ dùng làm quyền thuộc,

妙智大海以為眷屬。

diệu trí Đại hải dĩ vi quyền thuộc.

trí tuệ vi diệu như biển dùng làm quyền thuộc.

其會菩薩皆悉成就無量功德。如是等眾以為眷屬。

kỳ hội Bồ-tát giai tất thành tựu vô lượng công đức. như thị đảnh chúng dĩ vi quyền thuộc.

Bồ-tát trong hội này thầy đều thành tựu vô lượng công đức, những công đức như vậy dùng làm quyền thuộc.

我等凡劣欲有所問。不蒙如來神力加助不能發問。

ngã đẳng phàm liệt dục hữu sở vấn. bất mông Nhu-Lai Thần lực gia trợ bất năng phát vấn.

Chúng con là những kẻ phàm phu thấp kém, không nhờ thần lực của Nhu Lai nên không thể dám hỏi.

是故我今敢有所問。當知皆是如來神力。即於佛前。

thị cố ngã kim cảm hữu sở vấn. đương tri giai thị Nhu-Lai Thần lực. tức ư Phật tiền.

Vì vậy hôm nay chúng con dám hỏi, nên biết đều là do thần lực của Nhu Lai. Nói xong liền đến trước Phật

以僞問曰。

dĩ kệ vấn viết。

dùng kệ hỏi rằng:

何因得長壽

hà nhân đắc trường thọ

Vì sao được trường thọ

云何受持此

vân hà thọ trì thử

Làm sao trì kinh này

金剛不壞身

Kim cương bất hoại thân

Thân Kim cương không hoại?

契經甚深義

khê kinh thậm thâm nghĩa

Khê kinh nghĩa thâm sâu

菩薩化眾生
Bồ-tát hóa chúng sanh
Bồ-tát hóa chúng sanh
何等人能堪
hà đẳng nhân năng kham
Người nào có thể kham
雖非阿羅漢
tuy phi A-la-hán
Tuy không phải La Hán
天魔如來說
Thiên ma Như-Lai thuyết
Như Lai nói Ma vương
云何知平等
vân hà tri bình đẳng
Làm sao biết bình đẳng
及四顛倒相
cập tứ điên đảo tướng
Cùng tướng bốn điên đảo
云何見菩薩
vân hà kiến Bồ-tát
Bồ-tát làm sao thấy
云何得具足
vân hà đắc cụ túc
Làm sao hiểu được nghĩa
云何善化現
vân hà thiện hóa hiện
Làm sao giỏi hóa hiện
云何得智慧
vân hà đắc trí tuệ
Làm sao được trí tuệ
云何為菩薩
vân hà vi Bồ-tát
Làm sao làm Bồ-tát
如此諸法門
như thử chư Pháp môn
Như các pháp môn này
我等所應知
ngã đẳng sở ứng tri
Chỗ chúng con phải biết
豈敢問如來
khởi cảm vấn Như-Lai
Đâu dám hỏi Như Lai
佛告迦葉。善哉善哉。善男子。

Phật cáo Ca-diếp. Thiện tai. Thiện tai. Thiện nam tử.
Phật bảo Ca-diếp: Hay thay! Hay thay! Này Thiện nam tử!

漸階如來一切種智。乃能問斯甚深經義。

tiệm giai Như-Lai nhất thiết chủng trí. nãi năng vấn tu thậm thâm Kinh nghĩa.
Như Lai đã được Nhất thiết chủng trí, ông dần dần được Nhất thiết chủng trí mới
có thể hỏi nghĩa rất sâu của kinh như vậy.

一一方面阿僧祇恒沙諸佛。

nhất nhất phương diện a tăng kì hằng sa chư Phật.
Hằng sa chư Phật trong A-tăng-kỳ kiếp ở mỗi mỗi phương,

從本已來自於世界坐道樹下成等正覺其數無量。

說法有幾種
thuyết Pháp hữu ki chủng
Nói pháp có mấy thứ
名為真實依
danh vi chân thật y
Đây chỗ nương chân thật
量與羅漢等
lượng dữ la hán đẳng
Chúng cũng bằng La Hán
云何能分別
vân hà năng phân biệt
Sao có thể phân biệt
四聖真諦義
tứ Thánh chân đế nghĩa
Nghĩa thật bốn Thánh đế
苦空非我行
khổ không phi ngã hành
Khổ, không, vô ngã, hành?
如來難見性
Như-Lai nan kiến tánh
Như Lai tánh khó thấy?
曉了半字義
hiểu liễu bán tự nghĩa
Mãn tự, cùng bán tự?
如鴈鶴舍利
như nhạn hạc xá-lợi
Như nhạn, hạc, xá lợi?
如日月宿王
như nhật nguyệt Tú-Vương
Như vua mặt trời trăng?
願哀決定說
nguyện ai quyết định thuyết
Xin thương quyết định nói
無量甚深義
vô lượng thậm thâm nghĩa
Nghĩa thâm sâu vô lượng
故能發斯問
cố năng phát tu vấn
Nên có thể hỏi han
諸佛之境界
chư Phật chi cảnh giới
Cảnh giới của chư Phật.

tùng bốn dĩ lai tự u thể giới tọa đạo thụ hạ thành đẳng chánh giác kỳ số vô lượng.

từ xưa đến nay đều tự mình ngồi dưới cội cây mà thành bậc Đẳng Chánh Giác, số đó đến vô lượng.

本為菩薩得菩提道次第開覺。皆悉因問如來深法藏故。

bôn vi Bồ-tát đắc Bồ-đề đạo thứ đệ khai giác. giai tất nhân văn Như-Lai thâm Pháp tạng cổ.

Vốn là Bồ-tát lần lượt được khai ngộ mà thành đạo Bồ-đề, thầy đều do hỏi tạng pháp rất sâu của Như Lai.

汝等今日亦復如是。能以一切種智境界而問於我。

nhữ đẳng kim nhật diệc phục như thị. năng dĩ nhất thiết chủng trí cảnh giới nhi văn u ngã.

Các ông nay cũng lại như vậy, có thể dùng cảnh giới của Nhất thiết chủng trí mà hỏi Ta

安樂一切眾生。迦葉菩薩白佛言。世尊。

an lạc nhất thiết chúng sanh. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

để làm an lạc cho hết thầy chúng sanh. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

我不堪任請問世尊一切種智境界。

ngã bất kham nhâm thỉnh văn Thế Tôn nhất thiết chủng trí cảnh giới.

Con không dám kham nhận cảnh giới Nhất thiết chủng trí để hỏi Thế Tôn,

譬如蚊蚋不能飛過虛空大海彼岸。亦復不能悉飲海水。

thí như văn nhuế bất năng phi quá hư không Đại hải bi ngạn. diệc phục bất năng tất âm hải thủy.

thí như muỗi mòng không thể bay qua đến bờ kia của biển lớn và lượn khắp hư không. Lại cũng không thể uống cạn nước biển,

我亦如是不堪世尊虛空大海甚深智慧而

ngã diệc như thị bất kham Thế Tôn hư không Đại hải thậm thâm trí tuệ nhi

con cũng như vậy, không thể bạch hỏi Thế Tôn về những nghĩa biển lớn trí tuệ và hư không rất sâu như vậy

得無畏。世尊。又如大王髻中明珠。

đắc vô úy. Thế tôn. hựu như Đại Vương kế trung minh châu.

mà được không sợ sệt. Bạch Thế Tôn! Lại như Đại vương đem minh châu trong búi tóc

其守藏者增加守護如護其頂。

kỳ thủ tạng giả tăng gia thủ hộ như hộ kỳ đỉnh.

giao cho quan giữ kho. Quan giữ kho nhận bảo châu mà hết lòng cung kính giữ gìn,

我亦如是今問如來甚深正法。如來廣說決其疑網。佛告迦葉。

ngã diệc như thị kim văn Như-Lai thậm thâm Chánh pháp. Như-Lai quảng thuyết quyết kỳ nghi võng. Phật cáo Ca-diếp.

con cũng như vậy, nay hỏi Chánh pháp rất sâu của Như Lai. Như Lai rộng quyết định nói những lưới nghi ngờ về Chánh pháp. Phật bảo Ca-diếp:

善男子。

Thiện nam tử。

Này Thiện nam tử!

我今當說長壽之業菩薩摩訶薩行此業者。為等覺因。汝等諦聽善思念之。

ngã kim đương thuyết trường thọ chi nghiệp Bồ-tát Ma-Ha tát hành thử nghiệp giả. vi đẳng giác nhân. nhữ đẳng để thỉnh thiện tu niệm chi.

Nay Ta sẽ nói về nghiệp nhân trường thọ. Đại Bồ-tát do tu hành nghiệp này mà thành bậc Chánh Đẳng Giác. Các ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ!

聽彼行本廣為人說因生等覺。善男子。

thính bi hành bản quảng vị nhân thuyết nhân sanh đẳng giác. Thiện nam tử.
Do chỗ tu hành nghiệp kia rộng vì người khác mà giảng nói nên thành bậc Chánh
Đẳng Giác. Nay Thiện nam tử!

我亦因行彼業廣為人說。故得阿耨多羅三藐三菩提。

ngã diệc nhân hành bi nghiệp quảng vị nhân thuyết. cố đắc a nậu đa la tam miếu
tam Bồ-đề.

Ta cũng do tu hành nghiệp đó, rộng vì người khác mà giảng nói nên được Vô Thượng
Bồ-đề.

譬如大王其子犯罪閉在牢獄。

thí như Đại Vương kỳ tử phạm tội bế tại lao ngục.

Thí như Vương tử phạm tội bị giam vào ngục,

為其子故普赦諸囚以救其子。如是菩薩修長壽業。

vì kỳ tử cố phổ xá chư tù dĩ cứu kỳ tử. như thị Bồ-tát tu trường thọ nghiệp.
vì cứu con nên vua tha tội cho tất cả tù nhân trong ngục. Bồ-tát tu nghiệp
trường thọ này

一切眾生如一子想。於諸眾生大慈大悲大喜大捨。

nhất thiết chúng sanh như nhất tử tưởng. ư chư chúng sanh Đại từ Đại bi Đại hi
Đại xả.

phải có lòng đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả đối với hết thảy chúng sanh,
xem hết thảy chúng sanh đều như con một,

受持淨戒不害眾生。

thọ trì tịnh giới bất hại chúng sanh.

thọ trì tịnh giới không hại chúng sanh

立一切眾生於五戒十善業跡。

lập nhất thiết chúng sanh ư ngũ giới thập thiện nghiệp tích.

để hết thảy chúng sanh ở nơi ngũ giới, thập thiện.

隨其力能濟諸地獄餓鬼畜生為斷一切惡趣業緣。未脫者脫未度者度。

tùy kỳ lực năng tế chư Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh vì đoạn nhất thiết ác thú
nghiệp duyên. vị thoát giả thoát vị độ giả độ.

Bồ-tát tùy năng lực của mình có thể đến nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, làm
dứt nghiệp duyên của tất cả đường ác. Người chưa giải thoát làm cho giải thoát.
Người chưa được độ làm cho được độ,

志念堅強成方便智。因此業行得依果報果。

chí niệm kiên cường thành phương tiện trí. nhân thủ nghiệp hành đắc y quả báo
quả.

chí niệm bền vững thành phương tiện trí. Do tu hành những nghiệp này mà Bồ-tát
được y quả, báo quả

長壽無極成大妙智無畏自在。菩薩如是永離死法。

trường thọ vô cực thành Đại diệu trí vô úy tự-tại. Bồ-tát như thị vĩnh ly tử
Pháp.

sống lâu vô cùng, thành đại diệu trí, vô úy tự-tại. Bồ-tát như vậy lìa hẳn sự
chết.

迦葉菩薩白佛言。如世尊說。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. như Thế Tôn thuyết.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Như lời Thế Tôn nói,

菩薩摩訶薩等視眾生猶如一子此有何義。

Bồ-tát Ma-Ha tát đẳng thị chúng sanh do như nhất tử thủ hữu hà nghĩa.

Đại Bồ-tát xem chúng sanh như con một. Nghĩa này thế nào?

若言菩薩摩訶薩等視眾生如一子者無有是處。所以者何。

nhược ngôn Bồ-tát Ma-Ha tát đấng thị chúng sanh như nhất tử giả vô hữu thị xú. sở dĩ giả hà.

Nếu nói Đại Bồ-tát bình đẳng xem chúng sanh như con một, là việc không có. Vì sao?

於佛法中或有犯戒作五逆罪誹謗正法。

ư Phật Pháp trung hoặc hữu phạm giới tác ngũ nghịch tội phi báng Chánh pháp.

Ở trong Phật pháp, hoặc có người phạm giới, làm năm tội nghịch, phi báng Chánh pháp,

於是眾生皆當修習一子想耶。世尊告曰。

ư thị chúng sanh giai đương tu tập nhất tử tưởng da. Thế Tôn cáo viết.

đối với những chúng sanh này đều phải tu tập xem như con một ư? Phật dạy:

如是迦葉。我視一切眾生如羅睺羅。

như thị ca diệp. ngã thị nhất thiết chúng sanh như La-hầu-la.

Đúng vậy Ca-diệp. Ta xem hết thấy chúng sanh đều như La-hầu-la.

迦葉白佛。若當爾者。

Ca-diệp bạch Phật. nhược đương nhĩ giả.

Ca-diệp bạch Phật: Nếu sẽ như vậy

云何一時月十五日布薩大會眾僧清淨。有一未受具足戒者。盜入聽律。

vân hà nhất thì nguyệt thập ngũ nhật bố tát Đại hội chúng tăng thanh tịnh. hữu

nhất vị thọ cụ túc giới giả. đạo nhập thánh luật.

thì vì sao trước kia, vào ngày rằm chúng Tăng thanh tịnh bố-tát, có một người chưa thọ giới Cụ túc trộm nghe luật.

時金剛力士瞻佛神旨。持金剛杵碎令如塵。

thì Kim cương lực sĩ chiêm Phật Thần chỉ. trì Kim cương xử toái linh như trần

Khi ấy Kim Cang Lực Sĩ nương thần lực của Phật lấy chày kim cang đánh đũa trẻ ấy nát ra như tro bụi?

云何一切等視如子。佛告迦葉。莫作是語。

vân hà nhất thiết đẳng thị như tử. Phật cáo Ca-diệp. mạc tác thị ngữ.

Sao lại nói xem hết thấy bình đẳng như con? Phật bảo Ca-diệp: Chớ có nói lời như vậy.

彼童子者。是化作耳。欲明正法犯罪應棄。

bỉ đồng tử giả. thị hóa tác nhĩ. dục minh Chánh pháp phạm tội ứng khí.

Đũa trẻ kia chính là người biến hóa, không phải người thật. Vì muốn cho Chánh pháp sáng suốt nên xua đuổi những kẻ phá giới ra ngoài,

以肅將來令懷盜心者。及一闍提輩惡心潛伏。

dĩ túc tướng lai linh hoài đạo tâm giả. cập nhất xiển đề bối ác tâm tiềm phục làm cho người có tâm trộm cắp cùng với hàng Nhất-xiển-đề có tâm ác được điều phục trong tương lai.

如王大臣執犯法者。隨罪治之。

như Vương Đại Thần chấp phạm Pháp giả. tùy tội trì chi.

Như vua đối với đại thần phạm pháp, tùy theo tội mà trị.

佛亦如是有壞法人以理懲罰。令犯惡者自見罪報。

Phật diệc như thị hữu hoại Pháp nhân dĩ lý trừng Phật. lệnh phạm ác giả tự kiến tội báo.

Phật cũng như vậy, có người nào phá hoại Chánh pháp thì sẽ dùng lý để trừng Phật, làm cho người phạm tội kia thấy được tội báo của mình.

如來常以自身光明安慰眾生不恐不害。

Như Lai thường dĩ tự thân quang-minh an úy chúng sanh bất khủng bất hại.

Như Lai thường dùng ánh sáng của tự thân để an ủi chúng sanh, không sợ không hại.

雖有眾生不蒙光明而至死者。

tuy hữu chúng sanh bất môn quang-minh nhi chí tử giả。

Mặc tuy cũng có những chúng sanh không nhận được ánh sáng ấy mà đi đến chết.

如來於彼不捨大悲。復次迦葉。汝等若能善解如來微密義者。

Nhu-Lai u bi bất xả Đại bi. phục thứ Ca-diếp. nhữ đẳng nhược năng thiện giải

Nhu-Lai vi mật nghĩa giả。

Nhu Lai vẫn rất thương xót không bỏ rơi đối với những chúng sanh kia. Lại nữa, này Ca-diếp! Các ông nếu có thể khéo hiểu vi mật nghĩa của Nhu Lai

今當更說。譬如迦葉。他方有諸比丘。

kim đương canh thuyết. thí như Ca-diếp. tha phương hữu chư Tỳ-kheo。

nay Ta sẽ nói. Này Ca-diếp! Thí như những Tỳ-kheo ở nước khác có

持戒清淨道德淳一威儀具足。彼方如來已般泥洹。

trì giới thanh tịnh đạo đức thuần nhất uy nghi cụ túc. bỉ phương Nhu-Lai dĩ bát nê hoàn。

trì giới thanh tịnh, đạo đức thuần hậu, đầy đủ oai nghi. Nhu Lai ở cõi đó đã nhập Nê-hoàn.

諸比丘眾無任持者。以彼眾僧無大師故。

chư Tỳ-kheo chúng vô nhậm trì giả. dĩ bi chúng tăng vô Đại sư cố。

Chúng Tỳ-kheo không có ai coi giữ, vì chúng Tăng kia không có vị Đại Sư nên

無道之人惱諸比丘。時有國王好樂佛法。

vô đạo chi nhân nảo chư Tỳ-kheo. thì hữu Quốc Vương hảo lạc Phật Pháp。

bị ngoại đạo nảo hại các Tỳ-kheo. Lúc bấy giờ có một vị quốc vương rất ưa thích Phật pháp,

害彼惡人或逐出國。

hại bi ác nhân hoặc trục xuất quốc。

giết hại người ác kia hoặc đuổi ra khỏi nước。

以逐彼惡人安立正法故獲福無量。所以者何。罰其重過立大法故。

dĩ trục bi ác nhân an lập Chánh pháp cố hoạch phúc vô lượng. sở dĩ giả hà. Phật kỳ trọng quá lập Đại Pháp cố。

Do đuổi người ác kia mà Chánh pháp được an lập nên vua được vô lượng phước. Vì sao? Vì do Phật nặng người kia để an lập đại pháp vậy。

又如人家生諸毒樹應速翦滅。

hựu như nhân gia sanh chư độc thụ ứng tốc tiển diệt。

Lại như nhà người mọc lên những cây gai độc thì phải mau nhổ đốn sạch。

如是法中犯戒亂法。如害主奴皆應逐出。

như thị Pháp trung phạm giới loạn Pháp. như hại chủ nô giai ứng trục xuất。

Trong Phật pháp này, người phạm giới thì sẽ làm loạn Chánh pháp. Như người tội tở hại chủ thì phải đuổi ra khỏi nhà。

若不逐出當知是輩去我法遠。若逐出者是我弟子。

nhược bất trục xuất đương tri thị bối khứ ngã Pháp viễn. nhược trục xuất giả thị ngã đệ-tử。

Nếu không đuổi ra khỏi nhà, nên biết những người này cách xa Ta. Nếu người đuổi ra khỏi nhà thì đây là đệ tử của Ta。

迦葉菩薩白佛言。以是義故。不等眾生同一子也。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. dĩ thị nghĩa cố. bất đẳng chúng sanh đồng nhất tử dã。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Do nghĩa này nên Thế Tôn không bình đẳng xem chúng sanh như con một,

塗割等觀此言乖矣。

đồ cát đẳng quán thù ngôn quai hĩ.

nếu một người thoa, một người cắt, Như Lai đối với hai người này nếu tâm bình đẳng.

若言如來治壞法人何有此義。佛告迦葉。如王大臣長者居士。

nhược ngôn Như-Lai trì hoại Pháp nhân hà hữu thù nghĩa. Phật cáo ca diếp. như Vương Đại Thần Trưởng-Giả Cu-sĩ.

Nếu nói Như Lai trị người phá hoại Chánh pháp thì nghĩa này thế nào? Phật bảo Ca-diếp: Như vua, Đại thần, Trưởng giả, Cu sĩ

生子端正聰明黠慧。舉世無雙眾所愛重。

sanh tử đoan chánh thông minh hiệt tuệ. cử thế vô song chúng sở ái trọng.

sanh con trai diện mạo khôi ngô, thông minh trí tuệ sáng suốt, mọi người mến yêu không ai sánh bằng,

父將其子往詣師門學諸技藝白彼師言。

phụ tướng kỳ tử vãng nghệ sư môn học chư kỹ nghệ bạch bỉ sư ngôn.

người cha đem đứa con giao cho thầy dạy nghề nghiệp và dặn rằng:

我雖生此子福德端正。未學技藝為我教學必令成就。

ngã tuy sanh tử tử phúc đức đoan chánh. vị học kỹ nghệ vị ngã giáo học tất lệnh thành tựu.

Tôi tuy sanh đứa con này phúc đức đoan chánh, nhưng nó chưa học nghề nghiệp, mong thầy vì tôi mà chỉ dạy cho nó được thành tựu,

若不如法勤加杖策。我有四子皆就君學。

nhược bất như Pháp cần gia trượng sách. ngã hữu tứ tử tử giai tựu quân học.

nếu nó ngộ nghịch cần dùng thêm roi vò mà trị. Tôi có bốn đứa con đều là quân học,

正使三子由杖而死。餘有一子故當苦治。

chánh sử tam tử do trượng nhi tử. dư hữu nhất tử tử cố đương khổ trì.

tuy ba đứa bị đòn mà chết, còn một đứa được nên cũng phải khổ công dạy dỗ,

要令成就我猶不恨。佛告迦葉。於意云何。

yếu linh thành tựu ngã do bất hận. Phật cáo Ca-diếp. ư ý vân hà.

làm cho nó thành tựu tôi không có gì ân hận. Phật bảo Ca-diếp: Ý ông nghĩ sao?

父母及師苦教其子乃至失命。父母及師犯殺罪耶。

phụ mẫu cập sư khổ giáo kỳ tử nãi chí thất mạng. phụ mẫu cập sư phạm sát tội da Cha mẹ cùng thầy khổ công dạy dỗ người con cho đến chết. Cha mẹ cùng thầy phạm tội giết hại chăng?

迦葉白佛。不也世尊。愛念子故欲令成就。

Ca-diếp bạch Phật. bất dã Thế Tôn. ái niệm tử cố dục linh thành tựu.

Ca-diếp bạch Phật: Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì thương yêu con nên muốn làm cho nó được thành tựu.

雖加杖楚無憎害意。其福無量無有殺罪。

tuy gia trượng sở vô tăng hại ý. kỳ phúc vô lượng vô hữu sát tội.

Tuy có dùng thêm gậy gộc nhưng không có ý ghét bỏ hay giết hại. Phước của người đó vô lượng mà không có tội giết hại.

如是善男子。如來亦然。其有壞法犯戒之人。

như thị Thiện nam tử. Như-Lai diệc nhiên. kỳ hữu hoại Pháp phạm giới chi nhân

Này Thiện nam tử! Như Lai lại cũng như vậy, nếu có người phạm giới làm phá hoại Chánh pháp,

等視如子慈愍教誡。欲令成就壞法犯戒。

đẳng thị như tử tử tử mẫn giáo giới. dục linh thành tựu hoại Pháp phạm giới.

vẫn bình đẳng thương yêu dạy dỗ xem như con một. Vì muốn cho người phạm giới phá hoại Chánh pháp được thành tựu

應當苦治無有過也。是故當知。

ứng đương khổ trì vô hữu quá dã. thị cố đương trì.
mà phải khổ công cứu trì nên không có tội. Vì vậy nên biết
菩薩摩訶薩等視眾生如一子想。

Bồ-tát Ma-Ha tát đẳng thị chúng sanh như nhất tử tướng.
Đại Bồ-tát bình đẳng xem chúng sanh tướng như con một.

修習如是平等三昧心不懷害。是為菩薩長壽之業智慧自在。

tu tập như thị bình đẳng tam muội tâm bất hoài hại. thị vi Bồ-tát trường thọ chi
nghiệp trí tuệ tự-tại.

Bồ-tát luôn tu tập tâm bình đẳng tam muội như vậy, không có tâm hại. Đây gọi là
Bồ-tát tu tập nghiệp nhân trường thọ, trí tuệ tự tại.

迦葉菩薩白佛言。一切眾生如一子想。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. nhất thiết chúng sanh như nhất tử tướng。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Tất cả chúng sanh tướng như con một。

菩薩摩訶薩修行此想得長壽耶。佛言如是。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu hành thử tướng đắc trường thọ da. Phật ngôn như thị。

Đại Bồ-tát tu hành tướng này được sống lâu ư? Phật dạy: Đúng vậy Ca-diếp!

迦葉菩薩復白佛言。唯願世尊。

Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. duy nguyện Thế Tôn。

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Ngưỡng mong Thế Tôn

勿說此義如戲兒法兩種語也。世尊。譬如戲兒於大會中。

vật thuyết thử nghĩa như hí nhi Pháp lượng chúng ngữ dã. Thế Tôn. thí như hí nhi
ư Đại hội trung。

chớ nói nghĩa này như trẻ con đùa giỡn nói hai lời. Bạch Thế Tôn! Thí như trẻ
con đùa giỡn ở trong đại hội

歎說種種供養父母。自還其家反逆不孝。

thán thuyết chủng chủng cung dưỡng phụ mẫu. tự hoàn kỳ gia phản nghịch bất hiếu
khen và nói cúng dường nhiều thứ cho cha mẹ nhưng khi trở về nhà lại phản
nghịch, không hiếu thuận, lại còn

惱亂二親不報恩養。世尊亦復如是。

não loạn nhị thân bất báo ân dưỡng. Thế Tôn diệc phục như thị。

não loạn cha mẹ, không báo đáp thâm ân nuôi dưỡng. Thế Tôn cũng lại như vậy,
言菩薩摩訶薩視一切眾生如一子想。緣是功德便得長壽。

ngôn Bồ-tát Ma-ha tát thị nhất thiết chúng sanh như nhất tử tướng. duyên thị
công đức tiện đắc trường thọ。

nói Đại Bồ-tát bình đẳng xem hết thầy chúng sanh như con một, do nơi công đức
này mà được sống lâu,

智慧自在常住不死。而今世尊同人間壽。

trí tuệ tự-tại thường trụ bất tử. nhi kim Thế Tôn đồng nhân gian thọ。

trí tuệ tự-tại, thường trụ không chết, nhưng nay Thế Tôn thọ mạng đồng với nhân
gian,

得無世尊無數劫中。常於一切眾生懷刀劍想耶。

đắc vô Thế Tôn vô số kiếp trung. thường ư nhất thiết chúng sanh hoài đao kiếm
tướng da。

hay ở trong vô số kiếp trước Thế Tôn thường sanh tướng đao kiếm đối với hết thầy
chúng sanh ư?

怪哉世尊。

quái tai Thế Tôn。

Lạ thay Thế Tôn!

受斯短壽害眾生果同其世人百歲壽命。尚非菩薩況復如來。佛告迦葉。

thọ tu đoàn thọ hại chúng sanh quả đồng kỳ thể nhân bách tuế thọ mạng. thượng phi Bồ-tát hưởng phục Như-Lai. Phật cáo Ca-diếp.

Hay Thế Tôn giết hại chúng sanh nên phải chịu thọ mạng ngắn ngủi đồng với nhân gian mà sống đủ trăm tuổi, còn không phải là Bồ-tát hưởng lại là Như Lai. Phật bảo Ca-diếp:

莫於如來應供等正覺前發斯僞言。汝善男子。

mạc u Như-Lai Ứng-Cúng đấng chánh giác tiền phát tu thô ngôn. nhữ Thiện nam tử Ông chớ nói lên những lời thô bỉ như vậy đối với Như Lai Đấng Chánh giác! Này Thiện nam tử!

當知如來長壽無量。當知如來是常住法。

đương tri Như-Lai trường thọ vô lượng. đương tri Như-Lai thị thường trụ Pháp. Các ông nên biết Như Lai sống lâu vô lượng, nên biết Như Lai là pháp thường trụ, đương tri Như-Lai phi biến dịch Pháp. đương tri Như-Lai phi ma diệt Pháp.

đương tri Như-Lai phi biến dịch Pháp. đương tri Như-Lai phi ma diệt Pháp. nên biết Như Lai không phải là pháp biến đổi, nên biết Như Lai không phải là tiêu mòn.

迦葉菩薩白佛言。云何得知如來長壽。佛告迦葉。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. vân hà đắc tri Như-Lai trường thọ. Phật cáo Ca-diếp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Làm sao biết được Như Lai trường thọ? Phật bảo Ca-diếp:

如閻浮提八大河及諸泉流悉歸于海無有盡

như Diêm-phù-đề bát Đại hà cập chư tuyền lưu tất quy vu hải vô hữu tận

Như trong cõi Diêm-phù-đề, có tám con sông cùng với các dòng suối đều chảy về biển cả không bao giờ cạn

極。當知大海泉流之器。如來亦然。

cực. đương tri Đại hải tuyền lưu chi khí. Như-Lai diệc nhiên.

nên biết biển cả, dòng suối là bể chứa. Như Lai cũng lại như vậy,

諸天世人一切壽命。皆歸如來壽命大海。以是義故。

chư Thiên thế nhân nhất thiết thọ mạng. giai quy Như-Lai thọ mạng Đại hải. dĩ thị nghĩa cố.

tất cả con sông thọ mạng của trời, người đều chảy vào trong biển lớn thọ mạng của Như Lai. Do nghĩa này

當知如來其壽無量。又復迦葉。

đương tri Như-Lai kỳ thọ vô lượng. hựu phục Ca-diếp.

nên biết thọ mạng của Như Lai là vô lượng. Lại nữa, này Ca-diếp!

譬如虛空常住不變。如來常住亦復如是。

thí như hư không thường trụ bất biến. Như-Lai thường trụ diệc phục như thị.

Thí như hư không là thường trụ không thay đổi. Như Lai cũng lại như vậy, là thường trụ không thay đổi,

亦如醍醐清涼之藥能除熱惱。

diệc như thể hồ thanh lương chi dược năng trừ nhiệt não.

như đề hồ là vị thuốc trong mát có thể trừ sự nóng nẩy.

如來應供等正覺常以清涼醍醐法藥。廣為眾生除諸患難。

Như-Lai Ứng-Cúng đấng chánh giác thường dĩ thanh lương thể hồ Pháp dược. quảng vị chúng sanh trừ chư hoạn nan.

Như Lai Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác cũng thường dùng thuốc pháp đề hồ trong mát, rộng vì chúng sanh mà trừ các ách nạn.

是故如來常住清涼無諸患惱。迦葉菩薩白佛言。世尊。

thị cố Như-Lai thường trụ thanh lương vô chu hoạn não. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Vì vậy Như Lai là thường trụ, trong mát không có các phiền não. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

若當如來長壽無量。又欲安樂一切眾生者。

nhược đương Như-Lai trường thọ vô lượng. hựu dục an lạc nhất thiết chúng sanh giả.

Nếu Như Lai sẽ sống lâu vô lượng như vậy, lại muốn an lạc cho hết thầy chúng sanh.

今日世尊。應當住世一劫若過一劫。

kim nhật Thế Tôn. ứng đương trụ thế nhất kiếp nhược quá nhất kiếp.

Hôm nay Thế Tôn phải nên ở đời một kiếp, hoặc hơn một kiếp

以清涼法水普雨眾生。唯願世尊。哀愍住世。佛告迦葉。

dĩ thanh lương Pháp thủy phổ vũ chúng sanh. duy nguyện Thế Tôn. ai mẫn trụ thế. Phật cáo Ca-diếp.

để dùng nước pháp trong mát đó rưới khắp chúng sanh. Ngưỡng mong Thế Tôn thương xót mà trụ lại ở đời! Phật bảo Ca-diếp:

莫於如來作盡滅想。

mạc ư Như-Lai tác tận diệt tưởng.

Ông không nên tưởng Như Lai sẽ diệt mất,

若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。及諸外道尚有五德。

nhược Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di. cập chu ngoại đạo thượng hữu ngũ đức.

nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tặc, Ưu-bà-di cho đến ngoại đạo có năm công đức

能住壽一劫若過一劫。經行虛空坐臥自在。

năng trụ thọ nhất kiếp nhược quá nhất kiếp. kinh hành hư không tọa ngoại tự-tại có thể sống lâu một kiếp hay hơn một kiếp, ở giữa hư không đi, đứng, nằm, ngồi tự tại,

左脇出火右脇出水從身出煙。能令自身大而無極細入無間。

tả hiệp xuất hỏa hữu hiệp xuất thủy tùng thân xuất yên. năng lệnh tự thân Đại nhi vô cực tế nhập vô gián.

nách trái phun lửa, nách phải phun nước, thân tuôn khói lửa, có thể làm cho thân mình to lớn chui vào chỗ rất nhỏ.

有此五德便得如是自在神力。

hữu thử ngũ đức tiện đắc như thị tự-tại Thần lực.

Người được năm công đức còn được thần lực tự tại như vậy

豈況如來成就一切無量功德。

khởi huống Như-Lai thành tựu nhất thiết vô lượng công đức.

huống là Như Lai thành tựu vô lượng công đức,

而力不能住世一劫若過一劫。是故當知如來常住。

nhi lực bất năng trụ thế nhất kiếp nhược quá nhất kiếp. thị cố đương tri Như-Lai thường trụ.

mà lực ấy không thể trụ ở đời một kiếp hay hơn một kiếp? Vì vậy nên biết Như Lai là pháp thường trụ,

非變易法非磨滅法。當知此身非穢食身。於此世界應化之身。

phi biến dịch Pháp phi ma diệt Pháp. đương tri thử thân phi uế thực thân. ư thử thế giới ứng hóa chi thân.

không biến đổi, không bị tiêu diệt, nên biết thân của Như Lai đây là thân biến hóa, không phải thân ăn uống tạp uế.

如毒藥樹今當捨之。是故迦葉。

như độc dược thụ kim cương xả chi. thị cố Ca-diếp.

Như cây thuốc độc, nay phải nhổ vứt đi. Vì vậy Ca-diếp

當知如來法身常住。非變易法非磨滅法。廣為人說。

đương tri Như-Lai Pháp thân thường trụ. phi biến dịch Pháp phi ma diệt

Pháp. quảng vị nhân thuyết.

nên biết Pháp thân của Như Lai là pháp thường trụ, không biến đổi, không bị tiêu diệt, vì mọi người mà giảng nói rộng rãi.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

世間者出世間者有何等異。佛言。如來常住世人亦言常住。

thế gian giả xuất thế gian giả hữu hà đẳng dị. Phật ngôn. Như-Lai thường trụ thế nhân diệc ngôn thường trụ.

Pháp thế gian và xuất thế gian có gì sai khác? Phật dạy: Như Lai là thường trụ, người thế gian cũng nói thường trụ.

我迦葉種說。先師梵天其神有常周遊往來。

ngã Ca-diếp chủng thuyết. tiên sư Phạm Thiên kỳ Thần hữu thường châu du vãng lai.

Ca-diếp tôi có các thuyết về bậc Tiên Sư, Phạm Thiên đều có thần thông vẫn thường dạo đi qua lại khắp nơi,

若如來常住者。世間法離世間法未見其異。

nhược Như-Lai thường trụ giả. thế gian Pháp ly thế gian Pháp vị kiến kỳ dị.

nếu Như Lai là thường trụ thì pháp thế gian và xuất thế gian chưa thấy gì sai khác cả.

佛告迦葉。譬如長者有一乳牛付牧牛者。

Phật cáo Ca-diếp. thí như Trưởng-Già hữu nhất nữ ngưu phó mục ngưu giả.

Phật bảo Ca-diếp: Thí như Trưởng già có nuôi một con bò sữa, giao phó cho người chăn bò,

令其養飼別放曠野無毒草處。不與群牛共繫一厩。

lệnh kỳ dưỡng tự biệt phóng khoáng dã vô độc thảo xứ. bất dữ quần ngưu cộng hệ nhất cứu.

bảo chăn thả nơi đồng rộng, nơi không có cỏ độc, không cùng nhốt chung với bầy bò,

愛護飼養欲得好酥以給眷屬。

ái hộ tự dưỡng dục đắc hảo tô dĩ cấp quyến thuộc.

thương yêu nuôi nâng cho tốt để lấy sữa cung cấp cho quyến thuộc.

如是不久其人命終。彼牧牛者尋後復死。

như thị bất cửu kỳ nhân mạng chung. bị mục ngưu giả tầm hậu phục tử.

Trưởng già này không bao lâu chết, sau đó người chăn bò cũng chết.

時有野人遊行澤中得此乳牛。便搆其乳以自給活。

thì hữu dã nhân du hành trạch trung đắc thử nữ ngưu. tiện cấu kỳ nhũ dĩ tự cấp hoạt.

Khi ấy có một người dân quê đang dạo đi trong đầm nước bắt được con bò sữa này, liền vắt sữa rồi tự uống.

欲作酪酥不知法用。盛以弊器冷暖不適。

dục tác酪酥不知法用. thịnh dĩ bại khí lãnh noãn bất thích.

Ông ấy lại muốn được chất lạc, chất tô nhưng không biết cách dùng nên đổ đầy nước xấu vào. Cuối cùng lạnh nóng không được,
竟不成酪亦不得酥。

cánh bắt thành lạc diệc bắt đắc tô.
không thành lạc cũng không thành tô,
復壞乳味壞乳凝濁謂是酪酥。作酪酥想而取食之。

phục hoại nhũ vị hoại nhũ ngưng trước vị thị lạc tô. tác lạc tô tương nhi thù thực chi.

lại để mất đi vị sữa bơ mà cho rằng đây là chất lạc chất tô, vì tưởng lạc tô nên lấy ăn.

眾生愚癡亦復如是。正法淳澤深廣妙義。佛既滅度如牛主死。

chúng sanh ngu si diệc phục như thị. Chánh pháp thuần trạch thâm quảng diệu nghĩa. Phật ký diệt độ như ngu chủ tử.

Chúng sanh ngu si đối với Chánh pháp trong sạch vi diệu rất sâu, rộng lớn của Như Lai cũng lại như vậy. Phật diệt độ như chủ con bò sữa chết,

彼諸眾生在生死曠澤如彼野人。

bỉ chư chúng sanh tại sanh tử khoáng trạch như bỉ dã nhân.

Những chúng sanh ở trong đồng rộng sanh tử như người dân quê kia.

以世俗智於佛正法淳澤律儀作顛倒想。

dĩ thế tục trí ư Phật Chánh pháp thuần trạch luật nghi tác điên đảo tưởng

Trí tuệ của người thế tục đối với Chánh pháp và luật nghi trong sáng của Như Lai sanh tưởng điên đảo

言有眾生我人壽命。此是解脫此是常生。

ngôn hữu chúng sanh ngã nhân thọ mạng. thử thị giải thoát thử thị thường sanh cho rằng có chúng sanh, có ngã, có nhân, có thọ mạng, đây là giải thoát, đây là thường trú.

是諸眾生邪惑所覆。不識解脫不識常住。

thị chư chúng sanh tà hoặc sở phục. bất thức giải thoát bất thức thường trụ.

Những chúng sanh này bị tà kiến che đậy nên không biết giải thoát, không biết thường trú,

習諸異見不得出要。遠離真諦律儀行處。

tập chư dị kiến bất đắc xuất yếu. viễn li chân đế luật nghi hành xứ.

huan tập sự thấy biết sai lầm, không được giải thoát, xa lìa chỗ thực hành chân đế luật nghi,

不知如來是常住法。如愚野人不得牛乳五種時味。

bất tri Như-Lai thị thường trụ Pháp. như ngu dã nhân bất đắc ngưu nhũ ngũ chủng thì vị.

không biết Như Lai là pháp thường trú. Như người dân quê ngu si kia không được năm vị sữa bò.

自謂食酥而實不得五種味中一種味也。

tự vị thực tô nhi thật bất đắc ngũ chủng vị trung nhất chủng vị dã.

Tự cho mình đã ăn tô, nhưng thật ra không được một vị nào trong năm vị của sữa.

但著世俗梵天造化。言是常是眾生是解脫。

đãn trước thế tục Phạm Thiên tạo hóa. ngôn thị thường thị chúng sanh thị giải thoát.

chỉ trước thế tục Phạm Thiên tạo hóa. lời thị thường thị chúng sanh thị giải thoát.

Người thế tục chỉ đắm trước vào sự biến hóa của Phạm Thiên, cho rằng đây là thường, là chúng sanh, là giải thoát,

因求梵天修少梵行。離邪婬故孝養父母故。

nhân cầu Phạm Thiên tu thiếu phạm hạnh. ly tà dâm cố hiếu dưỡng phụ mẫu cố.
nhờ cầu tu chút ít phạm hạnh của Phạm Thiên mà lìa tà dâm nên hiếu dưỡng với cha mẹ,

少得生天自然樂食。如彼野人食其壞乳。善男子。

thiếu đắc sanh Thiên tự nhiên lạc thực. như bi dã nhân thực kỳ hoại nhũ. Thiên nam tử.

mới được sanh lên trời tự nhiên hưởng sự sung sướng, như người dân quê kia được ăn sữa hư. Này Thiên nam tử!

世俗梵行供養父母不知三歸。

thế tục phạm hạnh cung dưỡng phụ mẫu bất tri tam quy.

Những người thế tục tu chút ít phạm hạnh và cúng dường cha mẹ nhưng không biết quy y ba ngôi báu

當知此果非有常也。供養父母不邪姪等。

đương tri thử quả phi hữu thường dã. cung dưỡng phụ mẫu bất tà dâm đẳng.

nhên biết quả báo này không phải thường có. Cúng dường cha mẹ và không tà dâm...

可得如佛所化無常糠糲世俗法耳。唯有如來常住不滅。

khả đắc như Phật sở hóa vô thường khang hội thế tục Pháp nhĩ. duy hữu Như-Lai thường trụ bất diệt.

có thể được như chỗ Phật biến hóa là pháp vô thường là pháp cảm trấu, là pháp của thế tục; chỉ có Như Lai là pháp thường trú không thay đổi.

是故善男子。當作方便離諸狐疑。

thị cố Thiên nam tử. đương tác phương tiện ly chu hồ nghi.

Này Thiên nam tử! Vì vậy phải nên phương tiện xa lìa những sự hồ nghi,

勤思如來是常住法。復次善男子。是時野人畜彼乳牛。

cần tư Như-Lai thị thường trụ Pháp. phục thứ Thiên nam tử. thị thì dã nhân súc bi nhũ ngưu.

luôn luôn nghĩ rằng Như Lai là pháp thường trụ. Lại nữa, Thiên nam tử! Khi người dân quê nuôi con bò sữa này,

會遇轉輪聖王出興于世。

hội ngộ Chuyển luân Thánh Vương xuất hưng vu thế.

gặp lúc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện hưng thịnh đời này,

轉輪王法應有乳牛王德力故令彼野人捨牛。

chuyển luân Vương Pháp ứng hữu nhũ ngưu Vương đức lực cố linh bi dã nhân xả ngưu nhờ pháp của Chuyển Luân Thánh Vương mà có sữa của Ngưu vương nên người dân quê kia vắt bỏ con bò,

餘行牛自然往轉輪聖王主藏臣所。

dư hành ngưu tự nhiên vãng Chuyển Luân Thánh Vương chủ tạng Thần sở.

những kẻ chăn bò khác tự nhiên kéo đến chỗ quan giữ kho của Chuyển Luân Thánh Vương.

主寶藏臣知此乳牛必出五時精味之乳。定是聖王福德感應。

chủ bảo tạng Thần tri thử nhũ ngưu tất xuất ngũ thì tinh vị chi nhũ. định thị Thánh Vương phúc đức cảm ứng.

Quan giữ kho báu biết bò sữa sẽ cho ra năm vị sữa tinh khiết thì chắc chắn đây là do phước đức của Thánh Vương cảm ứng.

佛為法王出世之時亦復如是。

Phật vi Pháp Vương xuất thế chi thì diệc phục như thị.

Phật là đấng Pháp vương khi ra đời cũng lại như vậy,

如彼乳牛世間所受常法音聲。遷為如來常法之音。

như bi nhũ ngưu thế gian sở thọ thường Pháp âm thanh. Thiên vi Như-Lai thường Pháp chi âm.

như bò sữa kia mà người đời đang thọ dụng là âm thanh pháp thường trú chuyển làm âm thanh pháp thường trú của Như Lai.

凡俗野人摧伏破散捨牛而去常法乳牛之音。

phàm tục dã nhân tồi phục phá tán xả ngu nhi khứ thường Pháp nữ ngu chi âm. Kẻ phàm phu quê mùa làm hư hỏng lại hoà tan rồi bỏ bò thì gọi là âm thanh pháp thường trú của bò sữa,

便往如來弟子寶臣前往。

tiện vãng Như-Lai đệ-tử bảo Thân tiên trụ.

liền đi đến trước người giữ của báu, đệ tử của Như Lai

眾生福力故令常法乳牛出常香乳。是故善男子。

chúng sanh phúc lực cố linh thường Pháp nữ ngu xuất thường hương nữ. thị cố Thiện nam tử.

nên phước lực của chúng sanh khiến thường pháp bò sữa xuất ra sữa thơm. Này Thiện nam tử! Vì vậy

當知如來常法非變易法。世間凡愚所不能了。

đương tri Như-Lai thường Pháp phi biến dịch Pháp. thế gian phàm ngu sở bất năng liễu.

nên biết Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi. Những người phàm phu ngu tối không thể biết rõ Như Lai

皆因如來常住音聲故得知耳。彼諸世間應作是念。

giai nhân Như-Lai thường trụ âm thanh cố đặc tri nhĩ. bi chu thế gian ứng tác thị niệm.

đều do nói tiếng thường trú này mà biết được Như Lai. Những người thế gian kia phải nên suy nghĩ thế này:

夫常法音即是如來常法音也。

phu thường Pháp âm tức thị Như-Lai thường Pháp âm dã.

Luận về tiếng thường pháp tức là tiếng thường pháp của Như Lai.

從此音聲當知如來無數無量。如是善男子善女人。

tùng thữ âm thanh đương tri Như-Lai vô số vô lượng. như thị Thiện nam tử Thiện Nữ Nhân.

Từ âm thanh này thì nên biết Như Lai có vô số vô lượng. Người trai lành gái lành này

若持如來常住二字歷劫修習。

nhược trì Như-Lai thường trụ nhị tự lịch kiếp tu tập.

nếu tu tập hai chữ Thường Trú này, trải qua cả kiếp

是等眾生不久當成等正覺道如我無異。汝善男子。

thị đẳng chúng sanh bất cửu đương thành đẳng chánh giác đạo như ngã vô dị. nữ Thiện nam tử.

thì những chúng sanh này không bao lâu sẽ thành Đẳng Chánh Giác như Ta không khác. Này Thiện nam tử!

慎勿放逸常修二字堅固受持。今日如來當般泥洹。

thận vật phóng dật thường tu nhị tự kiên cố thọ trì. kim nhật Như-Lai đương bát Nê-hoàn.

Các ông chó có phóng dật mà hãy thường tu tập, thọ trì bền vững hai chữ Thường Trú này. Hôm nay Như Lai sẽ nhập Nê-hoàn,

此是一切諸佛定法。迦葉菩薩白佛言。世尊。

thử thị nhất thiết chư Phật định Pháp. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn đây là quy luật chắc chắn của hết thầy chư Phật. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: bạch Thế Tôn!

何等為法法有何義。願聞定法其性云何。佛告迦葉。

hà đấng vi Pháp Pháp hữu hà nghĩa, nguyện văn định Pháp kỳ tánh vân hà, Phật cáo Ca-diếp.

Thế nào là Pháp? Pháp có nghĩa gì? Con muốn được Pháp tánh thế nào? Phật bảo Ca-diếp:

汝今欲聞法性耶。迦葉白佛。願聞廣說。佛告迦葉。

nhữ kim dục văn Pháp tánh da, Ca-diếp bạch Phật, nguyện văn quảng thuyết, Phật cáo Ca-diếp.

Nay ông muốn nghe Pháp tánh ư? Ca-diếp bạch Phật: Ngưỡng mong Phật giảng nói rộng rãi về Pháp tánh. Phật bảo Ca-diếp:

法性者捨身。迦葉白佛。捨身者增疑論。

Pháp tánh giả xả thân, Ca-diếp bạch Phật, xả thân giả tăng nghi luận.

Pháp tánh là xả thân. Ca-diếp bạch Phật: Xả thân là tăng thêm sự luận bàn nghi ngờ.

佛告迦葉。莫作是觀謂如來捨身更受身也。

Phật cáo Ca-diếp, mạc tác thị quán vị Như-Lai xả thân canh thọ thân dã.

Phật bảo Ca-diếp: Ông chớ có cho rằng Như Lai xả thân rồi lại thọ thân.

迦葉白佛。不問受身。佛告迦葉。

Ca-diếp bạch Phật, bất vấn thọ thân, Phật cáo Ca-diếp.

Ca-diếp bạch Phật: Con không hỏi thọ thân. Phật bảo Ca-diếp:

莫作是說諸法斷也。復次迦葉。如非想天彼無色陰。

mạc tác thị thuyết chư Pháp đoạn dã, phục thứ Ca-diếp, như phi tưởng Thiên bi vô sắc uẩn.

Ông không nói các pháp là dứt mất. Lại nữa, này Ca-diếp! Như trời Phi Tưởng kia là những chúng sanh ấy thành tựu sắc âm mà không có sắc tướng.

其諸眾生。云何住云何死云何現。

kỳ chư chúng sanh, vân hà trụ vân hà tử vân hà hiện.

Thế nào là trụ? Thế nào là chết? Thế nào là hiện?

彼諸心想云何迴轉。是佛境界汝應當問。

bỉ chư tâm tưởng vân hà hồi chuyển, thị Phật cảnh giới nhữ ứng đương vấn.

Các tâm tưởng kia làm sao xoay chuyển? Đây là cảnh giới của Phật, ông phải nên hỏi,

亦應當問我更受身。

diệc ứng đương vấn ngã canh thọ thân.

cũng phải nên hỏi Ta thọ thân lại thế nào.

若人問汝彼無想眾生形想住處受樂云何。以何答乎。

nhược nhân vấn nhữ bỉ vô tưởng chúng sanh hình tưởng trụ xứ thọ lạc vân hà, dĩ hà đáp hồ.

Nếu có người hỏi ông rằng những chúng sanh vô tưởng kia hình tướng trụ ở nơi nào để thọ lạc? Ông đáp thế nào?

但非聲聞緣覺菩薩境界所及。唯是如來境界行處。又善男子。

đãn phi thanh văn duyên giác Bồ-tát cảnh giới sở cập, duy thị Như-Lai cảnh giới hành xứ, hựu Thiện nam tử.

Đây không phải là cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát mà đó là cảnh giới hành xứ của Như Lai. Lại nữa, Này Thiện nam tử!

如來身者方之於彼倍復難知。

Như-Lai thân giả phương chi ư bỉ bội phục nan tri.

Như-Lai thân phương ở ấy gấp lại nạn biết.

Thân Như Lai thì lại càng khó biết gấp bội lần chỗ hành xứ của Như Lai,

非諸聲聞緣覺菩薩境界所及。如來為何處住云何現。

phi chu thanh văn duyên giác Bồ-tát cảnh giới sở cập. Như-Lai vi hà xứ trụ vân hà hiện.

là cảnh giới không phải Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát biết được. Như Lai ở chỗ nào? Hiện chỗ nào?

如來不可思議方便身。非汝境界。善男子。

Như-Lai bất khả tư nghị phương tiện thân. phi nữ cảnh giới. Thiện nam tử. Thân phương tiện của Như Lai không thể nghĩ bàn, không phải là cảnh giới mà ông biết được. Nay Thiện nam tử!

汝於我所但作是念。如來常住法僧亦然。

nhữ ư ngã sở đản tác thị niệm. Như-Lai thường trụ Pháp tăng diệc nhiên.

Ông đối với Ta chỉ có thể nghĩ rằng: Như Lai là thường trụ, Pháp, Tăng cũng như vậy.

此三事者非無常法。常住不變清涼真實離諸惱患。

thử tam sự giả phi vô thường Pháp. thường trụ bất biến thanh lương chân thật ly chư não hoạn.

Ba việc này không phải là pháp vô thường, mà là pháp thường trụ, không biến đổi, trong mát, chân thật xa lìa các phiền não,

若不爾者。彼善男子善女人清淨三歸悉不成就。

nhược bất nhĩ giả. bi Thiện nam tử Thiện Nữ Nhân thanh tịnh tam quy tất bất thành tựu.

nếu không phải như vậy thì những người trai lành gái lành thanh tịnh kia quy y Tam bảo thầy đều không thành tựu.

應如是修不可思議常住之法。善男子。

ứng như thị tu bất khả tư nghị thường trụ chi Pháp. Thiện nam tử.

Vì vậy phải nên tu tập pháp Thường Trụ không thể nghĩ bàn này. Nay Thiện nam tử!

譬如有此樹者必有此影。若無彼樹亦無彼影。

thí như hữu thử thụ giả tất hữu thử ảnh. nhược vô bi thụ diệc vô bi ảnh.

Thí như có cây ắt phải có bóng, nếu cây kia không có thì bóng kia cũng không có,

若不見樹而言見影。無有是處。

nhược bất kiến thụ nhi ngôn kiến ảnh. vô hữu thị xứ.

nếu không thấy cây mà nói thấy bóng, là việc không có,

如是既有如來必為一切常作大樹。覆護眾生為眾生依。

như thị ký hữu Như-Lai tất vi nhất thiết thường tác Đại thụ. phúc hộ chúng sanh vi chúng sanh y.

Vì vậy đã có Như Lai ắt sẽ làm đại thụ che mát, hộ trì và làm chỗ nương tựa cho hết thầy chúng sanh.

若使如來是無常者。

nhược sử Như-Lai thị vô thường giả.

Giả sử Như Lai là pháp vô thường

不名應供為諸天人作最上依。迦葉白佛言。云何世尊。

bất danh ứng-cúng vi chư Thiên nhân tác tối thượng y. ca diếp bạch Phật ngôn. vân hà Thế tôn.

không tên Ứng-Cúng làm chư Thiên người khởi/xướng tối thượng nương. ca lá bạch Phật rằng. làm sao Thế Tôn.

thì không nên làm bậc Ứng cúng và nương tựa tối thượng của chư Thiên và loài người. Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

夜闍冥中樹影現耶。佛言。有影既有其樹云何無影。

dạ ám minh trung thụ ảnh hiện da. Phật ngôn. hữu ảnh ký hữu kỳ thụ vân hà vô ảnh.

Trong đêm tắm tối bóng cây là sao hiện được? Phật dạy:

但非肉眼所能見耳。是故當知。

đãn phi nhục nhãn sở năng kiến nhĩ. thị cố đương tri.

Mắt thịt không thể thấy được. Vì vậy nên biết

既有如來則為常住。非變易法非磨滅法。

ký hữu Như-Lai tắc vi thường trụ. phi biến dịch Pháp phi ma diệt Pháp.

đã có Như Lai thì là thường trụ, không phải pháp biến đổi, không phải pháp diệt mất.

如彼樹影闇冥之中肉眼不見。佛泥洹已常住不變。

như bỉ thụ ảnh ám minh chi trung nhục nhãn bất kiến. Phật nê hoàn dĩ thường trụ bất biến.

Như bóng cây kia trong đêm tắm tối mắt thịt không thể thấy được. Phật đã nhập Nê-hoàn mà vẫn là thường trụ không biến đổi,

肉眼不見亦復如是。而彼妄想於如來所作無常念。

nhục nhãn bất kiến diệc phục như thị. nhi bỉ vọng tưởng ư Như-Lai sở tác vô thường niệm.

mắt thịt không thấy cũng lại như vậy nhưng những người kia vì vọng tưởng nên nghĩ rằng Như Lai là pháp vô thường.

若善男子。汝等父母及所尊重。

nhược Thiện nam tử. nữ đẳng phụ mẫu cập sở tôn trọng.

Này Thiện nam tử! Nếu cha mẹ của ông tôn trọng

於佛法僧作非常想者。悉於三歸皆不清淨。

ư Phật Pháp tăng tác phi thường tưởng giả. tất ư tam quy giai bất thanh tịnh.

đối với Phật, Pháp và Tăng mà không thường nghĩ đến thì chỗ quy y Tam bảo của họ thay đều không thanh tịnh.

汝今當以三法常住而勸教之。

nhữ kim đương dĩ tam Pháp thường trụ nhi khuyến giáo chi.

Nay ông phải dùng ba pháp thường trú này mà khuyến dạy họ,

令於三法得成菩薩三歸之名。迦葉白佛。唯然世尊。

linh ư tam Pháp đắc thành Bồ-tát tam quy chi danh. Ca-diếp bạch Phật. duy nhiên Thế Tôn.

Khiến cho họ được thành tên là Bồ-tát quy y Tam bảo. Ca-diếp bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

我從今日始當以佛法僧三法常住。啟悟父母乃至七世。

ngã tùng kim nhật thủy đương dĩ Phật Pháp tăng tam Pháp thường trụ. khai ngộ phụ mẫu nãi chí thất thế.

Bắt đầu từ ngày hôm nay, con sẽ đem ba pháp thường trú Phật, Pháp và Tăng này để khai ngộ cho cha mẹ, cho đến cha mẹ trong bảy đời

皆令奉持常住之法。奇哉世尊。

giai linh phụng trì thường trụ chi Pháp. kì tai Thế Tôn.

đều khiến phụng trì pháp thường trú này. Lạ thay Thế Tôn!

三法常住我當受學廣為人說。若彼不受此真妙教。

tam Pháp thường trụ ngã đương thọ học quảng vị nhân thuyết. nhược bỉ bất thọ thử chân diệu giáo.

Đối với Ba pháp thường trú này nay con phải học và giảng khắp cho mọi người, nếu những người kia không thọ học lời dạy Chân chánh mẫu nhiệm này thì

當知是等無常惑者。

đương tri thị đặng vô thường hoặc giả.
nên biết những người này còn nghi ngờ về pháp vô thường,
然我當日日三時為說令其親近。佛言。善哉善哉。善男子。
nhiên ngã đương nhật nhật tam thì vị thuyết linh kỳ thân cận。 Phật ngôn。 Thiện
tai Thiện tai。 Thiện nam tử。
tuy nhiên con sẽ mỗi ngày ba lần vì họ mà giảng nói làm cho họ ngày một gần gũi
Tam bảo。 Phật dạy: Hay thay! Hay thay! Nay Thiện nam tử!
護持正法應當如是。亦常修習不害慈心。
hộ trì Chánh pháp ứng đương như thị。 diệc thường tu tập bất hại từ tâm。
Người hộ trì Chánh pháp phải nên như vậy, cũng phải thường tu tập tâm từ bi
không làm hại thì
彼不害果便得菩薩長壽無極智慧自在。
bi bất hại quả tiện đắc Bồ-tát trường thọ vô cực trí tuệ tự-tại。
quả báo của tâm không hại kia sẽ được thành Bồ-tát, sống lâu vô cùng, trí tuệ
tự tại。

大般泥洹經
金剛身品第六
Đại Bát Nê-hoàn Kinh
Kim Cang thân phẩm đệ lục
KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN
PHẨM THỨ SÁU: THÂN KIM CANG

爾時世尊復告迦葉。善男子。如來身者。
nhĩ thì Thế Tôn phục cáo Ca-diếp。 Thiện nam tử。 Như-Lai thân giả。
Lúc bấy giờ Thế Tôn lại bảo Ca-diếp: Nay Thiện nam tử! Thân của Như Lai
是常住身是不壞身是金剛身非穢食身。
thị thường trụ thân thị bất hoại thân thị Kim cương thân phi uế thực thân。
là thân thường trụ, là thân không hư hoại, là thân kim cang, là không phải thân
ăn những thức ăn bình thường。
是則法身當作是觀。迦葉菩薩白佛言。世尊。
thị tắc Pháp thân đương tác thị quán。 Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。
Đây là pháp thân, phải nên quán như vậy。 Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế
Tôn!
非我凡品所能觀也。所以者何。若當如來般泥洹者。
phi ngã phàm phẩm sở năng quán dã。 sở dĩ giả hà。 nhược đương Như-Lai bát Nê-
hoàn giả。
Những thân Phật nói đó hàng phàm phu chúng con không thể quán thấy được。 Vì sao?
Nếu Như Lai sẽ nhập Nê-hoàn
便是破壞身塵土身穢食身。
tiện thị phá hoại thân trần độ thân uế thực thân。
thì đây là thân vô thường, thân phá hoại, thân bụi đất, thân uế thực;
若當如來永不泥洹。應當隨順修平等觀。佛告迦葉。善男子。
nhược đương Như-Lai vĩnh bất nê hoàn。 ứng đương tùy thuận tu bình đẳng
quán。 Phật cáo Ca-diếp。 Thiện nam tử。
nếu Như Lai mãi mãi không nhập Nê-hoàn thì phải nên tùy thuận tu Bình đẳng quán。
Phật bảo Ca-diếp: Nay Thiện nam tử!
莫謂我身與世人同危脆破壞。

mạc vị ngã thân dữ thể nhân đồng nguy thúy phá hoại.
 Ông chó nên cho rằng thân của Ta hư hoại không bền như thân người thế gian
 長夜劫數輪轉生死。如來身者是不壞身。非世人身亦非。
 trường dạ kiếp số luân chuyển sanh tử. Như-Lai thân giả thị bất hoại thân. phi
 thể nhân thân diệc phi.
 luân chuyển nhiều kiếp trong đêm dài sanh tử. Thân của Như Lai là thân không hư
 hoại, không phải thân của người thế gian, cũng không phải thân
 天身。非穢食身是非身身。亦不生亦不滅。
 Thiên thân. phi uế thực thân thị phi thân thân. diệc bất sanh diệc bất diệt.
 thân trời, không phải thân uế thực, không phải thân mà là thân, cũng không sinh,
 cũng không diệt,
 不集起不流轉。無邊際無足。
 bất tập khởi bất lưu chuyển. vô biên tế vô túc.
 không tập khởi, không lưu chuyển, vô lượng vô biên, không dấu vết,
 非智非行本性清淨。
 phi trí phi hành bản tánh thanh tịnh.
 không phải trí, không phải hành, tánh vốn thanh tịnh,
 無所有無所受無來去不住不動不味不觸。無識無思無等無上。
 vô sở hữu vô sở thọ vô lai khứ bất trụ bất động bất vị bất xúc. vô thức vô tu vô
 đẳng vô thượng.
 không chỗ có, không chỗ thọ, không đến, không đi, không dừng, không động, không
 vị, không xúc, không thức, không tu, không đẳng, không thượng,
 非趣趣趣永斷非斷法。非事非實非覺非想。
 phi thú thú thú vĩnh đoạn phi đoạn Pháp. phi sự phi thật phi giác phi tưởng.
 không phải thú hướng mà cũng thú hướng, dứt hẳn thú hướng mà cũng không phải
 pháp dứt, không phải việc, không phải thật, không phải giác, không phải tưởng,
 非始造非終成非建立非盈滿非方處非舍宅非止息非寂靜。
 phi thủy tạo phi chung thành phi kiến lập phi doanh mãn phi phương xứ phi xá
 trạch phi chỉ túc phi tịch tĩnh.
 không phải an đầu tạo, không phải sau cùng thành, không phải xây dựng, không
 phải thành tựu, không phải nơi chốn, không phải nhà cửa, không phải dừng nghỉ,
 không phải vắng lặng
 廣淨離諸煩惱。非取非染著非靜離靜。
 quảng tịnh ly chư phiền não. phi thủ phi nhiễm trước phi tránh ly tránh.
 mà là rộng rãi thanh tịnh, lia các phiền não; không phải thủ, không phải nhiễm
 trước, không phải tranh đua, lia tranh đua,
 常住非住故不伏不死。
 thường trụ phi trụ cố bất phục bất tử.
 thường trụ không phải trụ nên không phục không chết,
 非法非非法非田非非田非可盡。非比丘非非比丘。離名字離讚歎。
 phi Pháp phi phi Pháp phi điền phi phi điền phi khả tận. phi Tỳ-kheo phi phi Tỳ-
 kheo. ly danh tự ly tán thán.
 phi trụ cố bất phục bất tử.
 không phải pháp, không phải phi pháp, không phải ruộng phước, không phải phi
 ruộng phước, không phải có thể hết, không phải Tỳ-kheo, không phải phi Tỳ-kheo,
 mà là lia danh tự, lia tán thán,
 離言說離修習離思願。非和合非不和合。
 ly ngôn thuyết ly tu tập ly tư nguyện. phi hòa hợp phi bất hòa hợp.
 lia lời nói, lia sự tu tập, lia sự mong nghĩ; không phải hòa hợp, không phải
 không hòa hợp,

非量非非量。非到非不到。

phi lượng phi phi lượng. phi đảo phi bất đảo.

phi lượng phi phi lượng. phi đến nơi phi không đến nơi.

không phải suy lường, không phải không suy lường, không phải đến, không phải không đến,

非通非礙非相離相。相相莊嚴非持非有離有。

phi thông phi ngại phi tướng ly tướng. tướng tướng trang nghiêm phi trì phi hữu ly hữu.

không phải thông suốt, không phải ngăn ngại, không phải tướng mà lia tướng, tướng mà tướng trang nghiêm, không phải giữ, không phải có mà lia có,

能為福田實不可見不可示如如真實。

năng vi phúc điền thật bất khả kiến bất khả thị như như chân thật.

có thể làm ruộng phúc chân thật nhưng không thể thấy, không thể chỉ bày, mà như như chân thật,

度一切眾生而無所度。脫一切眾生而無所脫。

độ nhất thiết chúng sanh nhi vô sở độ. thoát nhất thiết chúng sanh nhi vô sở thoát.

độ hết thầy chúng sanh mà không thấy ai được độ, giải thoát hết thầy chúng sanh mà không thấy ai được giải thoát,

淨一切眾生而無所淨。覆一切眾生而無所覆。

tịnh nhất thiết chúng sanh nhi vô sở tịnh. phúc nhất thiết chúng sanh nhi vô sở phúc.

thanh tịnh cho hết thầy chúng sanh mà không thấy ai được làm thanh tịnh, che chở cho hết thầy chúng sanh mà không thấy ai được che chở,

教授眾生而無有二。無等無等等。

giáo thọ chúng sanh nhi vô hữu nhị. vô đẳng vô đẳng đẳng.

giáo thọ chúng sanh mà không có hai, vô đẳng, vô đẳng đẳng,

無量等虛空等無處等無生等。無所有等無等離等。

vô lượng đẳng, hư không đẳng, vô xứ đẳng, vô sanh đẳng, vô sở hữu đẳng, vô đẳng, ly đẳng,

vô lượng đẳng, hư không đẳng, vô xứ đẳng, vô sanh đẳng, vô sở hữu đẳng, vô đẳng, ly đẳng,

寂滅非斷行不轉轉究竟。一切攝受斷甚深妙。

tịch diệt phi đoạn hành bất chuyển chuyển cứu cánh. nhất thiết nhiếp thọ đoạn thậm thâm diệu.

tịch diệt, phi đoạn, đi không chuyển động nhưng chuyển động, rất ráo; nhiếp thọ và dứt bỏ tất cả thì thậm thâm vi diệu;

現不二教不捨自性。非成非長非短。非陰非界非入。

hiện bất nhị giáo bất xả tự tánh. phi thành phi trường phi đoàn. phi uẩn phi giới phi nhập.

hiện bất nhị giáo nhưng không làm mất tự tánh, không phải thành, không phải dài, không phải ngắn, không phải âm, không phải giới, không phải nhập,

非有為相非無為處非長養。不高不下。

phi hữu vi tướng phi vô vi xứ phi trường dưỡng. bất cao bất hạ.

không phải tướng hữu vi, không phải chốn vô vi, không phải nuôi lớn, không phải cao, không phải thấp,

非藏積非非藏積。非地非非地。

phi tạng tích phi phi tạng tích. phi địa phi phi địa.

không phải chứa góp, không phải không chứa góp, không phải đất, không phải không phải đất.

如是無量不可思議功德為如來身。無有知者無有見者。

như thị vô lượng bất khả tư nghị công đức vi Như-Lai thân. vô hữu tri giả vô hữu kiến giả.

Vô lượng công đức không thể nghĩ bàn như vậy là thân Như Lai, không ai biết, không ai thấy,

無有說者無有論者。非世間所攝受。非因非無因。

vô hữu thuyết giả vô hữu luận giả. phi thể gian sở nhiếp thọ. phi nhân phi vô nhân.

không ai nói, không ai bàn, không phải chỗ nhiếp thọ của thể gian, không phải nhân, không phải không nhân;

一切妄想取相言泥洹無以為比。

nhất thiết vọng tưởng thủ tướng ngôn Nê-hoàn vô dĩ vi bi.

tất cả những vọng tưởng chấp tướng nói về Nê-hoàn thì đều không dùng ở đây.

如是無量功德成就名如來身。如是迦葉。如來身相者。

như thị vô lượng công đức thành tựu danh Như-Lai thân. như thị ca diệp. Như-Lai thân tướng giả.

Vô lượng công đức không thể nghĩ bàn như vậy là thân Như Lai. Này Ca-diếp! thân tướng của Như Lai này,

作聲聞辟支佛所知。如是成就如來身者。

tác Thanh văn Bích-chi-phật sở tri. như thị thành tựu Như Lai thân giả.

hàng Thanh văn và Bích-chi-phật nên biết thành tựu như vậy của thân Như Lai

是為法身非穢食身。

thị vi Pháp thân phi ế thực thân.

chính là pháp thân chứ không phải là ế thực thân

云何當有若病若惱若壞如坏器耶。隨受化者現老病死。如來法身金剛難壞。

vân hà đương hữu nhược bệnh nhược não nhược hoại như hoại khí da. tùy thọ hóa giả hiện lão bệnh tử. Như-Lai Pháp thân Kim cương nan hoại.

thì làm sao mà có bệnh hoại, có phiền não, có hư hoại như bình đất được ư? Pháp thân của Như Lai là kim cương, khó hư hoại, chỉ vì muốn hóa độ chúng sanh nên thị hiện có già bệnh chết vậy thôi.

迦葉。汝從今日當作是知。

Ca-diếp. nữ tùng kim nhật đương tác thị tri.

Này Ca-diếp! Từ nay về sau ông phải biết rằng

如來身者非穢食身。廣為人說從妙因生則為法身。

Như-Lai thân giả phi ế thực thân. quảng vi nhân thuyết tùng diệu nhân sanh tác vi Pháp thân.

thân của Như Lai không phải là thân ế thực, nên vì người khác mà rộng giảng nói thân Như Lai từ nơi diệu nhân mà có Pháp thân

為金剛身為淳厚身。當作是知常住法也。

vi Kim cương thân vi thuần hậu thân. đương tác thị tri thường trụ Pháp dã.

là thân Kim Cang, là thân thuần hậu, nên biết đây là pháp thường trụ vậy.

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來功德具足如是。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn. Như-Lai công đức cụ túc như thị.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như Lai đầy đủ công đức như vậy

云何當有若病若死。

vân hà đương hữu nhược bệnh nhược tử.

làm sao có bệnh có chết được.

我從今日當觀如來法身常住非變易法。善勝寂滅為人廣說。唯然世尊。

ngã từng kim nhật đương quán Nhu-Lai Pháp thân thường trụ phi biến dịch
Pháp. thiện thắng tịch diệt vi nhân quảng thuyết. duy nhiên Thế Tôn.
Từ nay con sẽ quán pháp thân của Nhu Lai là thường trụ, chẳng phải là pháp biến
đổi, là tốt đẹp, là tịch diệt mà vì người rộng nói. Kính bạch Thế Tôn!

如來法身金剛不壞。而未能知所因云何。佛告迦葉。

Nhu-Lai Pháp thân Kim cương bất hoại. nhi vị năng tri sở nhân vân hà. Phật cáo
Ca-diếp.

Pháp thân Kim Cang của Nhu Lai không hư hoại nhưng chưa có thể biết tại sao?
Phật bảo Ca-diếp:

護持正法功德為因。迦葉白佛。云何護法。

hộ trì Chánh pháp công đức vi nhân. Ca-diếp bạch Phật. vân hà hộ Pháp.

Vì nhân hộ trì Chánh pháp nên được công đức này. Ca-diếp bạch Phật: Thế nào là
hộ pháp?

佛告迦葉。其護法者。

Phật cáo Ca-diếp. kỳ hộ Pháp giả.

Phật dạy Ca-diếp: Người hộ trì Chánh pháp

非為五戒亦非習行賢者律儀。於惡世中不惜身命。

phi vi ngũ giới diệc phi tập hành hiền giả luật nghi. ư ác thế trung bất tích
thân mạng.

không phải thọ năm giới, không phải tu hành luật nghi của Thánh hiền mà là ở
trong đời xấu ác không tiếc thân mạng,

執持利器防護法師諸持戒者是為護法。迦葉白佛。

chấp trì lợi khí phòng hộ Pháp sư chư trì giới giả thị vi hộ Pháp. Ca-diếp bạch
Phật.

giữ gìn lợi khí, hộ trì Pháp sư và người trì giới, đây gọi là hộ Pháp. Ca-diếp
bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

比丘與彼持器仗人共俱行止。將無非比丘耶。

Tỳ-kheo dữ bi trì khí trượng nhân cộng câu hành chỉ. tương vô phi Tỳ-kheo da.
Nếu có Tỳ-kheo cùng với cư sĩ cả hai cùng đi cùng dừng, đây không phải là Tỳ-
kheo ư?

佛言不也。迦葉菩薩復白佛言。

Phật ngôn bất dã. Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn.

Phật dạy: Không phải như vậy. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

此則剃頭居士耳。佛告迦葉。莫作是語。所以者何。

thử tắc thế đầu Cư-sĩ nhĩ. Phật cáo Ca-diếp. mạc tác thị ngữ. sở dĩ giả hà.

đây thì gọi là cư sĩ trọc đầu ư? Phật bảo Ca-diếp: Ông chớ nói lời như vậy. Vì
sao?

若有獨處閑居修行頭陀九法。

nhược hữu độc xử nhàn cư tu hành Đầu-đà cửu Pháp.

Nếu có Tỳ-kheo riêng ở một mình nơi thanh vắng tu hành chín pháp Đầu-đà:

乞食少欲靜默禪思觀身經行。

khất thực thiểu dục tĩnh mặc Thiền tư quán thân kinh hành.

Khất thực, ít muốn, im lặng, thiền định, tu duy, quán thân, kinh hành,

亦為人說施戒修德行業因果。而不能廣宣無畏。

diệc vị nhân thuyết thí giới tu đức hành nghiệp nhân quả. nhi bất năng quảng
tuyên vô úy.

cũng vì người khác mà nói công đức, hạnh nghiệp, nhân quả của việc tu bồ thí,
trì giới, nhưng không thể rộng nói sự vô úy

亦復不能降化詐偽惡人。當知是人不能自度。

diệc phục bất năng hàng hóa trá ngụy ác nhân. đương tri thị nhân bất năng tự độ

lại cũng không thể hàng phục được người tà ngụy xấu ác, nên biết người này không thể tự độ mình

亦不度彼修持梵行獨善而已。若復比丘行頭陀法兼得無畏。

diệc bất độ bi tu trì phạm hạnh độc thiện nhi dĩ. nhược phục Tỳ-kheo hành Đầu-đà Pháp kiêm đắc vô úy.

cũng không độ được người; tu trì phạm hạnh như vậy thì chỉ có những sự tốt đẹp riêng mình mà thôi. Nếu có Tỳ-kheo hành pháp Đầu-đà, được cả sự không sợ,

廣宣九部修多羅祇夜授記伽陀因緣如是語

quảng tuyên cửu bộ tu đa-la kì dạ thọ kí dà đà nhân duyên như thị ngữ

rộng giảng nói chín bộ kinh: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ Ký, Già-đà, Nhân Duyên,

本生方廣未曾有。以化眾生自度度彼。

bổn sanh phương quảng vị tăng hữu. dĩ hóa chúng sanh tự độ độ bi.

gốc sanh phương rộng vị tăng hữu. do hóa chúng sanh tự độ độ ấy.

Bổn Sanh, Vị Tăng Hữu, do đây mà giáo hóa được chúng sanh, tự độ mình và độ được người.

又為人說契經要句。

hựu vị nhân thuyết khế Kinh yếu cú.

Lại vì người giảng nói những câu chính yếu trong khế kinh.

言某經所說不畜奴婢牛馬畜生及不應法物。若當畜者非出家法。

ngôn mỗ Kinh sở thuyết bất súc nô tì ngu mã súc sanh cập bất ứng Pháp

vật. nhược đương súc giả phi xuất gia Pháp.

Trong kinh dạy Tỳ-kheo không nên nuôi chứa tôi tớ và những súc sanh như bò, ngựa cùng với những vật phi pháp, nếu người Tỳ-kheo nào nuôi chứa thì không phải là pháp xuất gia.

是人犯制罷道驅出。諸犯戒者聞作是說。

thị nhân phạm chế bãi đạo khu xuất. chư phạm giới giả văn tác thị thuyết.

Người này vi phạm cấm chế sẽ bị trừng phạt, đuổi ra khỏi đạo. Những người phạm giới nghe nói như vậy

群黨瞋恚害彼法師。彼雖命終猶能自度亦能度彼。

quần đảng sân nhuế hại bi Pháp sư. bi tuy mạng chung do năng tự độ diệc năng độ bi.

liền nổi sân giận giết hại vị Pháp sư kia. Pháp sư kia tuy bị giết chết nhưng cũng có thể tự độ và độ người khác.

是故迦葉。諸優婆塞若王大臣當護持法。

thị cố Ca-diếp. chư Ưu bà tắc nhược Vương Đại Thần đương hộ Trì Pháp.

Vì vậy Ca-diếp! Các Ưu-bà-tắc hoặc là vua, hoặc là quan đại thần hộ trì Chánh pháp

亦當降伏剃頭居士。復次迦葉。

diệc đương hàng phục thể đầu Cư-sĩ. phục thứ Ca-diếp.

cũng có thể hàng phục được những người cư sĩ tọt đầu kia. Lại nữa, này Ca-diếp!
過去久遠阿僧祇劫時。

quá khứ cửu viễn a tăng kì kiếp thì.

Về đời quá khứ lâu xa A-tăng-kỳ kiếp,

世有佛名難提跋檀如來應供等正覺出興于世。亦常於此拘夷城住。

thế hữu Phật danh Nan Đề Bạt Đàn Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác xuất hưng vu thế. diệc thường ư thử Câu Di thành trụ.

có Phật ra đời hiệu là Nan-đề-bạt-đàn Như Lai, Ứng cúng, Đẳng Chánh Giác, thường ở tại thành Câu-di.

時此世界廣博嚴淨。譬如西方極樂國土。

thì thử thế giới quảng bác nghiêm tịnh. thí như Tây phương Cực-Lạc quốc độ.

Lúc ấy, cõi nước rộng lớn tốt đẹp giàu vui, giống như cõi nước Cực Lạc ở phương Tây.

其諸眾生皆悉安樂無飢渴想。純諸菩薩。

kỳ chư chúng sanh giai tất an lạc vô cơ khát tưởng. thuần chư Bồ-tát.
Chúng sanh ở cõi nước ấy đều được an lạc, không có các tưởng đói khát, toàn là các vị Bồ-tát.

彼佛在世無量億劫而般泥洹。

bỉ Phật tại thế vô lượng ức kiếp nhi bát Nê-hoàn。

Đức Phật trụ ở đời vô lượng ức kiếp mới nhập Nê-hoàn。

遺法住世亦復無量億劫。如是餘四十年佛法未滅。

di Pháp trụ thế diệc phục vô lượng ức kiếp. như thị du tứ thập niên Phật Pháp vị diệt。

Chánh pháp ở đời cũng vô lượng ức kiếp. Lúc còn lại bốn mươi năm khi Phật pháp chưa diệt,

時有比丘名佛度達多。出於世間大眾眷屬前後圍遶。

thì hữu Tỳ-kheo danh Phật Đệ Đạt Đa. xuất u thế gian Đại chúng quyền thuộc tiền hậu vi nhiểu。

bấy giờ có một Tỳ-kheo tên là Phật-đệ-đạt-đa ra đời, có đông người làm quyền thuộc vây quanh trước sau.

成就無畏而為說法。以九部經教諸比丘言。

thành tựu vô úy nhi vi thuyết Pháp. dĩ cửu bộ Kinh giáo chư Tỳ-kheo ngôn。

Tỳ-kheo này thành tựu sự vô úy, vì người giảng nói Pháp, đem chín bộ kinh dạy cho các vị Tỳ-kheo rằng:

其契經說。不得畜養奴婢畜生及不應法物。

kỳ khế Kinh thuyết. bất đắc súc dưỡng nô tì súc sanh cập bất ứng Pháp vật。

Trong kinh dạy Tỳ-kheo không được nuôi chứa tôi tớ, gia-súc cùng với những vật phi pháp.

諸犯戒者便起瞋恚。群黨相助欲害法師。

chư phạm giới giả tiện khởi sân nhuế. quần đảng tương trợ dục hại Pháp sư。

Những Tỳ-kheo phạm giới nghe nói như vậy liền liền nổi giận, cùng nhau kết bè đảng giết hại Pháp Sư.

時彼國王名婆伽達多。聞彼惡人欲害法師。

thì bỉ Quốc Vương danh Bà-già-đạt-đa. văn bỉ ác nhân dục hại Pháp sư。

Khi ấy quốc Vương nước kia tên là Bà-già-đạt-đa nghe những người xấu ác kia giết hại Pháp sư,

為護法故即執利器。與共苦鬪摧滅惡人。

vì hộ Pháp cố tức chấp lợi khí. dĩ cộng khổ đấu tồi diệt ác nhân。

vì hộ Pháp nên nhà vua cầm những khí giới sắc bén đến chiến đấu để diệt bọn người xấu ác.

王身被瘡詣法師所。法師為王說護法功德。

Vương thân bị sang nghệ Pháp sư sở. Pháp sư vị Vương thuyết hộ Pháp công đức。

Nhà vua cả mình bị thương tích rất nặng và đến chỗ Pháp Sư. Pháp Sư liền vì vua mà nói công đức của việc hộ Pháp.

王聞法已尋便命終生阿閼佛國。

Vương văn Pháp dĩ tâm tiện mạng chung sanh A-súc Phật quốc。

Đức vua nghe Pháp xong liền chết sanh về cõi Phật A-súc.

時王眷屬共護法者。命終次第皆得往生阿閼佛國。

thì Vương quyến thuộc cộng hộ Pháp giả. mạng chung thứ đệ giai đắc vãng sanh A-súc Phật quốc。

Lúc ấy, quyền thuộc của vua cùng những người hộ pháp lần lượt chết đều được sanh về cõi nước Phật A-súc.

發心隨喜者皆成菩提。佛度達多尋復命終。

phát tâm tùy hỷ giả giai thành Bồ-đề. Phật Độ Đạt Đa tầm phục mạng chung.
Những người phát tâm tùy hỷ đều thành Bồ-đề. Pháp Sư Phật-độ-đạt-đa sau đó chết
亦生彼國為阿闍佛第一弟子。

diệc sanh bỉ quốc vi A-súc Phật đệ nhất đệ-tử.
cũng sanh về nước kia làm đệ tử thứ nhất của Phật A-súc.

婆伽達多王為第二弟子。佛告迦葉。

Bà-già-đạt-đa Vương vi đệ nhị đệ-tử. Phật cáo Ca-diếp.
Vua Bà-già-đạt-đa làm đệ tử thứ hai. Phật bảo Ca-diếp:

時國王者豈異人乎我身是也。時法師者迦葉佛是。迦葉。

thì Quốc Vương giả khởi dị nhân hồ ngã thân thị dã. thì Pháp sư giả Ca-diếp Phật
thị. Ca-diếp。

Vị Quốc Vương trước kia đâu phải người nào khác mà chính là thân Ta đây. Pháp Sư
lúc ấy chính là tiền thân của Phật Ca-diếp. Ca-diếp

當知護持正法功德無量。

đương trì hộ trì Chánh pháp công đức vô lượng.
nên biết công đức hộ trì Chánh pháp là vô lượng.

我本以不惜身命護正法故。得此金剛不壞法身。迦葉菩薩白佛言。

ngã bản dĩ bất tích thân mạng hộ Chánh pháp cố. đắc thủ Kim cương bất hoại Pháp
thân. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。

Ta xưa kia do không tiếc thân mạng để hộ trì Chánh pháp nên nay được thân Kim
Cang không hư hoại. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

如世尊說。如來法身真實常住非磨滅法。

như Thế Tôn thuyết. Như-Lai Pháp thân chân thật thường trụ phi ma diệt Pháp.
Như lời Thế Tôn nói, Pháp thân của Như Lai là pháp chân thật, thường trụ, không
bị hư hoại,

我意諦信猶如畫石。佛告迦葉。是故善男子。

ngã ý đế tín do như họa thạch. Phật cáo Ca-diếp. thị cố Thiện nam tử.
con tin rõ như khắc chạm vào đá. Phật dạy Ca-diếp: Này Thiện nam tử! Vì nhân
duyên như vậy nên

若比丘比丘尼優婆塞優婆夷當勤方便護持正

nhược Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di đương cần phương tiện hộ trì
chánh

nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tặc, Ưu-bà-di nào siêng năng hộ trì Chánh pháp
法。亦當廣說護法果報。又復迦葉。

Pháp. diệc đương quảng thuyết hộ Pháp quả báo. hựu phục Ca-diếp。

cũng sẽ giảng nói rộng rãi quả báo của hộ trì Chánh pháp. Lại nữa, này Ca-diếp!

夫為法師持淨戒者常應自護無自防具勿輕舉動。

phu vi Pháp sư trì tịnh giới giả thường ứng tự hộ vô tự phòng cụ vật khinh cử
động。

Luận về Pháp Sư trì giới thì phải thường giữ mình, phòng hộ đầy đủ, các cử động
chớ có khinh xuất.

若優婆塞不受具戒而學大乘。

nhược Ưu bà tặc bất thọ cụ giới nhi học Đại thừa。

Nếu vị Ưu-bà-tặc nào không thọ giới Cụ túc mà học Đại thừa

為護法故持器仗者。當依是等以為伴侶。

vị hộ Pháp cố trì khí trượng giả. đương y thị đẳng dĩ vi bạn lữ。

vì hộ Pháp mà cầm binh khí thì phải nương những vị Pháp sư này dùng làm bạn lữ。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。已說與持杖俱為非律儀。

Ca-diếp Bô-tát phục bạch Phật ngôn. Thế Tôn. dĩ thuyết dĩ trì trượng câu vi phi luật nghi.

Bô-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu chu Tỳ-kheo làm bạn với những người cầm binh khí thì không phải luật nghi.

佛告迦葉。我般泥洹後濁世之中。

Phật cáo Ca-diếp. ngã bát Nê-hoàn hậu trược thế chi trung.

Phật bảo Ca-diếp: Sau khi Ta nhập Nê-hoàn, trong đời xấu ác,

因殺貴疾疫。詐形利養眾多無數。

nhân cốc quý tật dịch. trá hình lợi dưỡng chúng đa vô số.

do lúa thóc quý hiếm nên nhân dân bệnh tật. Bấy giờ có vô số người vì lợi dưỡng nên trá hình xuất gia.

時有法師持戒持律威儀具足。為彼驅逐若害若殺。

thì hữu Pháp sư trì giới trì luật uy nghi cụ túc. vì bị khu trục nhược hại nhược sát.

Những người ấy khi thấy có Pháp Sư trì giới oai nghi đầy đủ, liền xua đuổi hoặc hại, hoặc giết.

當爾之時持戒法師。遊諸城邑險難曠野。

đương nhĩ chi thì trì giới Pháp sư. du chu thành ấp hiểm nan khoáng dã.

Khi ấy Pháp sư trì giới kia đi vào các thành ấp, tụ lạc, đồng trống nguy hiểm

我聽與彼國王大臣野人居士旃陀羅等。

ngã thính dĩ bị Quốc Vương Đại Thần dã nhân Cư-sĩ chiêm đà la đẳng.

thì Ta sẽ cho phép Pháp Sư cùng làm bạn với Quốc Vương, Đại thần, cư sĩ, hàng Chiên-đà-la

不受具戒能護法者以為伴侶。彼諸人等雖不受戒。

bất thọ cụ giới năng hộ Pháp giả dĩ vi bạn lũ. bị chu nhân đẳng tuy bất thọ giới.

và với những người không thọ giới Cụ túc nhưng hộ trì Chánh pháp cùng làm bạn.

Những người kia tuy không thọ giới

護法功德果報無量勝受戒者。

hộ Pháp công đức quả báo vô lượng thắng thọ giới giả.

nhưng quả báo của công đức hộ Pháp hơn người có thọ giới rất nhiều.

其法師者奉持戒行清淨威儀。

kỳ Pháp sư giả phụng trì giới hạnh thanh tịnh uy nghi.

Pháp Sư ấy giữ gìn giới hạnh, oai nghi thanh tịnh,

深樂大乘為人廣說能以香油幡華供具。與諸國王大臣長者。更相獻遺。

thâm lạc Đại thừa vi nhân quảng thuyết năng dĩ hương du phiên hoa cung cụ. dĩ chu Quốc Vương Đại Thần Trưởng-Giả. canh tương hiến di.

rất ưa thích Đại thừa, vì người giảng nói Pháp rộng rãi, có thể dùng hương hoa, tụy, tràng phan của Quốc Vương, Đại thần, Trưởng giả hiến cúng

而不毀失沙門法行。

nhĩ bất hủy thất Sa-môn Pháp hạnh.

mà cũng không mất pháp hạnh Sa-môn.

是名法師持戒者自身攝持真實之法猶如大海。威儀具足是名持戒。

thị danh Pháp sư trì giới giả tự thân nhiếp trì chân thật chi Pháp do như Đại hải. uy nghi cụ túc thị danh trì giới.

Đây gọi là Pháp sư trì giới, tự thân nhiếp trì pháp chân thật như biển lớn; nếu đầy đủ oai nghi gọi là Tỳ-kheo có trì giới.

若復持戒不樂快樂。不喜名譽厭惡利養。

nhược phục trì giới bất lạc khoái lạc. bất hỷ danh dự yếm ô lợi dưỡng.

Tỳ-kheo có trì giới lại không ưa thích hưởng thụ sung sướng, đây gọi là Tỳ-kheo chán ghét lợi dưỡng,
常為人說少欲知足。

thường vị nhân thuyết thiếu dục tri túc.
thường vì người giảng nói hạnh ít muốn biết đủ.

如是等比己利損減眷屬不悅不名法師。於自徒眾起厭倦想。

như thị đẳng bỉ kỷ lợi tổn giảm quyến thuộc bất duyệt bất danh Pháp sư. ư tự đồ chúng khởi yếm quyền tướng.

Những hạng Tỳ-kheo này so với Tỳ-kheo tự lợi làm tổn giảm quyến thuộc, đây không gọi là Pháp Sư. Đối với đồ chúng của mình mà khởi lên ý tưởng rất chán ghét,

自壞眷屬亦名壞僧。僧有三種。犯戒僧。童蒙僧。

tự hoại quyến thuộc diệt danh hoại Tăng. Tăng hữu tam chủng. phạm giới Tăng. đồng môn Tăng.

tự phá hoại quyến thuộc cũng gọi là phá hoại Tăng. Tăng chúng có ba hạng: Một là phạm giới Tăng, hai là ngu si Tăng, 清淨僧。

thanh tịnh Tăng.

ba là thanh tịnh Tăng.

於三種中壞犯戒僧及童蒙僧不壞清淨僧。犯戒僧者。愚駭凡夫順犯戒者。

ư tam chủng trung hoại phạm giới Tăng cập đồng môn Tăng bất hoại thanh tịnh

Tăng. phạm giới Tăng giả. ngu ngãi phạm phu thuận phạm giới giả.

Trong ba hạng chúng Tăng này, hạng phá giới Tăng và ngu si Tăng không phá hoại được thanh tịnh Tăng. Phá giới Tăng là hạng Tỳ-kheo vì tham lam lợi dưỡng nên cùng với người phạm phu ngu si và những Tỳ-kheo phá giới

不相檢察為貪濁故而共和合。是名犯戒僧。

bất tương kiểm sát vi tham trước cố nhi cộng hòa hợp. thị danh phạm giới tăng cùng hòa hợp, đây gọi là phá giới Tăng.

正使自身能持戒者。亦復名為犯戒數也。

chánh sử tự thân năng trì giới giả. diệt phục danh vi phạm giới số dã.

Giả sử Tỳ-kheo này là người tự thân luôn trì giới nhưng cũng lại nằm trong số phá giới Tăng ấy,

如是等僧不應行而行。若能化此諸非法者。名為法師。

như thị đẳng tăng bất ứng hành nhi hành. nhược năng hóa thử chu phi Pháp

giả. danh vi Pháp sư.

không nên làm những hạng Tăng như vậy. Nếu là Pháp Sư có thể giáo hóa người thì những pháp nói ra đây cũng chỉ là phi pháp.

童蒙僧者。習行無事鈍根愚癡。

đồng môn tăng giả. tập hành vô sự độn căn ngu si.

Ngu si Tăng là hạng Tỳ-kheo tu tập những việc không lợi ích, tâm trí tối mờ độn độn.

設得利養自供眷屬各各修立不共和合。

thiết đắc lợi dưỡng tự cung quyến chúc các các tu lập bất-cộng hòa hợp.

Giả sử được lợi dưỡng cũng chỉ cung cấp cho những người quyến thuộc của mình mà không cùng hòa hợp.

自恣布薩亦復不與犯戒者同。若能化此愚癡非法。

tự tứ bố tát diệt phục bất dữ phạm giới giả đồng. nhược năng hóa thử ngu si phi Pháp.

Đến ngày thuyết giới, tự tứ cũng lại không cho những người phá giới đồng thuyết giới tự tứ, nếu những Tỳ-kheo này có thể giáo hóa thì đây cũng chỉ là phi pháp của người ngu si.

是名法師。如法律僧者。

thị danh Pháp sư, như Pháp luật tăng già.

Thanh tịnh Tăng là những vị Tăng đúng pháp đúng luật, đây gọi là Pháp Sư.

如是等僧眾魔百千不能沮壞。若菩薩僧性常清淨。

như thị đẳng tăng chúng ma bách thiên bất năng tự hoại. nhược Bồ-tát tăng tánh thường thanh tịnh.

Những vị Tăng như vậy không thể bị trăm ngàn loài ma phá hoại hay làm trở ngại. Bồ-tát Tăng này tánh thường thanh tịnh,

彼二種僧是師犯戒持律師者。善教化知時知重知輕。

bỉ nhị chủng tăng thị sư phạm giới trì luật sư già. thiện giáo hóa tri thì tri trọng tri khinh.

có thể làm cho những vị Tăng phá giới thành Tăng trì luật, khéo biết thì giáo hóa, biết giới nào là nặng, giới nào là nhẹ,

不斷非律亦不斷當。如法律者。

bất đoạn phi luật diệc bất đoạn đương. như Pháp luật già.

không phải luật thì không chứng biết, còn phải là luật thì liền chứng biết.

云何名為善教化知時。所教化者或是菩薩或是童蒙。

vân hà danh vi thiện giáo hóa tri thì. sở giáo hóa già hoặc thị Bồ-tát hoặc thị đồng môn.

Thế nào gọi là khéo biết lúc giáo hóa? Người giáo hóa hoặc là Bồ-tát hoặc là ngu si Tăng,

若菩薩教者為護法故。亦不觀察時非時餘無餘。

nhược Bồ-tát giáo già vi hộ Pháp cố. diệc bất quan sát thì phi thì dư vô dư nếu là Bồ-tát giáo hóa chúng sanh vì hộ Pháp thì cũng không cần chọn đúng lúc hay không đúng lúc,

若開若制隨其所應。聚落塚間自在遊止。

nhược khai nhược chế tùy kỳ sở ứng. tụ lạc trủng gian tự-tại du chi.

hoặc khai hoặc chế tùy chỗ thích nghi mà giáo hóa. Bồ-tát có thể dạo chơi, dừng nghỉ nơi làng xóm, nhà của góa phụ, dâm nữ, gái nhỏ

護法心故無所違犯。

hộ Pháp tâm cố vô sở vi phạm.

nhưng vì tâm hộ Pháp nên không phạm giới.

唯除伎兒寡歸姪女諸童女家。學聲聞處所不應行。

duy trừ kỹ nhi quả quy dâm nữ chư đồng nữ gia. học Thanh văn xử sở bất ứng hành Còn hàng Thanh văn hữu học thì không nên làm như vậy.

餘一切處護法菩薩。來往周旋終日無過。

dư nhất thiết xử hộ Pháp Bồ-tát. lai vãng châu toàn chung nhật vô quá.

Đối với Bồ-tát vì hộ Pháp nên có thể đi lại khắp nơi suốt ngày mà không có lỗi.

是名法師知時教化。知重者。

thị danh Pháp sư tri thì giáo hóa. tri trọng già.

Đây gọi là Pháp Sư biết lúc giáo hóa. Tri trọng là

若見如來制戒初始所因起事輕慢心犯及四重法不名出家。是名知重。

nhược kiến Như-Lai chế giới sơ thủy sở nhân khởi sự khinh mạn tâm phạm cập tứ trọng Pháp bất danh xuất gia. thị danh tri trọng.

nếu thấy Như Lai chế giới, bà đầu do khởi tâm khinh mạn, phạm Bốn trọng pháp thì không thể gọi là người xuất gia. Đây gọi là tri trọng.

知輕者。若見比丘一一緣起所犯輕戒。

tri khinh già. nhược kiến Tỳ-kheo nhất nhất duyên khởi sở phạm khinh giới.

Tri khinh là nếu thấy Tỳ-kheo tất cả duyên khởi đã phạm giới khinh,

心亦不重或自憶念。如如來戒犯事不滿。是名知輕。

tâm diệc bất trọng hoặc tự ức niệm, như Nhu-Lai giới phạm sự bất mãn, thị danh tri khinh.

tâm cũng không nặng nề hoặc tự nhớ nghĩ, như đối với giới của Nhu Lai mà chưa hoàn toàn phạm. Đây gọi là biết giới khinh.

不斷有餘律者。若畜奴等諸不淨物。

bất đoạn hữu dư luật giả, nhược súc nô đẳng chu bất tịnh vật.

Luật không bỏ đi những điều dư thừa là, nếu nuôi chứa tôi tớ cùng với những vật bất tịnh khác,

於律有餘不應斷。當常不欲與犯戒者諍。

ư luật hữu dư bất ứng đoạn, đương thường bất dục dĩ phạm giới giả tránh.

thì đối với giới luật mà có chỗ dư thừa nhưng không nên bỏ mà thường không muốn cùng với người phạm giới tranh cãi.

是名非律不應斷當。雖非戒律餘經中說與戒律同者。

thị danh phi luật bất ứng đoạn đương, tuy phi giới luật dư Kinh trung thuyết dĩ giới luật đồng giả.

Đây gọi là những điều luật không đúng nhưng không nên cắt bỏ, tuy là những giới luật không đúng nhưng trong các Kinh khác nói là cùng giới luật tương đồng.

是亦名律不應斷當。

thị diệc danh luật bất ứng đoạn đương.

Đây cũng gọi là giới luật không nên cắt bớt,

隨言說者是名守文不解一字。

tùy ngôn thuyết giả thị danh thủ văn bất giải nhất tự.

tùy theo người trình bày thì tên xưng gọi vẫn giữ nguyên văn mà không giải thích một chữ nào hết;

若能解者三世諸佛所說經中心得無畏。如是佛教深廣無量能護持者。

nhược năng giải giả tam thế chu Phật sở thuyết Kinh trung tâm đắc vô úy, như thị Phật giáo thâm quảng vô lượng năng hộ trì giả.

nếu có thể giải thích được thì những Kinh tạng mà ba đời chu Phật đã thuyết thì tâm được sự vô úy,

逮成如來法王不可思議。於是迦葉菩薩白佛言。

đãi thành Như-Lai Pháp Vương bất khả tư nghị, ư thị Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn.

đến khi thành Nhu Lai Pháp vương thì không thể nghĩ bàn. Đối với điều này, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

唯然世尊。如來法王不可思議。

duy nhiên Thế tôn, Nhu-Lai Pháp Vương bất khả tư nghị.

Dạ phải Thế Tôn! Nhu Lai Pháp Vương không thể nghĩ bàn.

如來常住非變易法。我當奉持廣為人說。佛言。善哉善哉。

Nhu-Lai thường trụ phi biến dịch Pháp, ngã đương phụng trì quảng vị nhân thuyết, Phật ngôn, Thiện tai Thiện tai.

Nhu Lai là pháp thường trụ không biến đổi, con sẽ giữ gìn và rộng vì người khác giảng nói. Phật dạy: Hay thay! Hay thay!

迦葉。奉持金剛不壞法身。欲學等觀如來身者。

Ca-diếp, phụng trì Kim cương bất hoại Pháp thân, dục học đẳng quán Nhu-Lai thân giả.

Này Ca-diếp! Muốn phụng trì pháp thân Kim Cang bất hoại thì phải học quán thân Nhu Lai,

當修金剛不壞法觀。菩薩摩訶薩如是修者。

đương tu Kim cương bất hoại Pháp quán, Bồ-tát Ma-Ha tát như thị tu giả.

tu pháp quán Kim Cang bất hoại. Đại Bồ-tát phải tu như vậy

便得等觀無上法身。

tiện đắc đẳng quán vô thượng Pháp thân.
mới chứng được phép quán Pháp thân Vô thượng.

大般泥洹經受持品第七
Đại Bát Nê-hoàn Kinh Thọ Trì Phẩm Đệ Thất
KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN
PHẨM THỨ BẢY: THỌ TRÌ

復次善男子。持此甚深契經功德我今當說。

phục thứ Thiện nam tử. trì thủ thậm thâm khế Kinh công đức ngã kim đương thuyết
Lại nữa, Nay Thiện nam tử! Nay Ta sẽ nói về công đức của việc thọ trì Khế kinh
rất sâu này,

其有眾生聞是經者。生生不墮四趣之中。

kỳ hữu chúng sanh văn thị Kinh giả. sanh sanh bất đọa tứ thú chi trung.
nếu có chúng sanh nào nghe được Kinh này thì đời đời không đọa trong bốn đường
ác,

在所生處常近諸佛。迦葉菩薩白佛言。

tại sở sanh xứ thường cận chư Phật. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn.
thường sanh gần chỗ chư Phật. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

當何名斯經云何奉持。佛告迦葉。

đương hà danh tu Kinh vân hà phụng trì. Phật cáo Ca-diếp.
Kinh này tên là gì? Và phải phụng trì thế nào? Phật bảo Ca-diếp:

是經名為大般泥洹。初語亦善中語亦善後語亦善。

thị Kinh danh vi Đại Bát Nê-hoàn. sơ ngữ diệc thiện trung ngữ diệc thiện hậu ngữ
diệc thiện.

Kinh này tên là Đại Bát-nê-hoàn. Lời nói đầu, phần giữa, phần cuối đều tốt lành,
善義善味淳一滿淨。金剛寶藏我今當說。善男子。

thiện nghĩa thiện vị thuần nhất mãn tịnh. Kim cương bảo tạng ngã kim đương
thuyết. Thiện nam tử.

nghĩa hay, vị tốt thuần nhất thanh tịnh, nay Ta đang nói Kim Cang Bảo Tạng. Nay
Thiện nam tử!

如閻浮提八大河水皆歸大海。

như Diêm-phù-đề bát Đại hà thủy giai quy Đại hải.

Thí như trong cõi Diêm-phù-đề có tám sông lớn, nước đều chảy về biển cả,

其水無盡大般泥洹亦復如是。滅煩惱降眾魔。

kỳ thủy vô tận Đại Bát Nê-hoàn diệc phục như thị. diệt phiền não hàng chúng ma
nước ấy không bao giờ cạn. Kinh Đại Bát-nê-hoàn này cũng lại như vậy, có công
năng diệt trừ phiền não, hàng phục các ma,

背生死捨離化身。故名泥洹。

bối sanh tử xả ly hóa thân. cố danh Nê-hoàn.

xả bỏ sanh tử, xa lìa hóa thân nên gọi là Nê-hoàn.

一切諸佛同此妙法無有盡極。又如醫法有微密術者名為大醫。

nhất thiết chư Phật đồng thủ diệu Pháp vô hữu tận cực. hựu như y Pháp hữu vi mật
thuật giả danh vi Đại y.

Hết thầy chư Phật đều đồng với Diệu pháp này không có cùng tận. Lại như lương y
có phương thuốc bí mật nên gọi là Đại y.

一切方藥悉入其中。

nhất thiết phương dược tất nhập kỳ trung.

Hết thầy phương thuốc đều vào trong phương thuốc bí mật này.

如來所說微密法藏亦復如是。一切九部悉入其中。

Nhu-Lai sờ thuyết vi mật Pháp tạng diệc phục như thị. nhất thiết cừ bộ tất nhập kỳ trung.

Tạng pháp Vi Mật của Nhu Lai nói cũng lại như vậy, hết thảy đều trọn trong Chín bộ kinh

故名大般泥洹譬如夏月耕田下種常有希望。

cổ danh Đại bát Nê-hoàn thí như hạ nguyệt canh điền hạ chủng thường hữu hi vọng nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn. Thí như nông phu, tháng mùa Xuân gieo giống thường có hy vọng,

既收其實眾望都息。行者如是。於一切經修習禪定常有希望。

ký thu kỳ thật chúng vọng đô tức. hành giả như thị. ư nhất thiết Kinh tu tập Thiền định thường hữu hi vọng.

lúc đã gặt hái xong thì không còn hy vọng nữa. Người tu tập thiền định đối với tất cả các kinh thường có hy vọng cũng lại như vậy,

學此經已速成解脫超三界有。復次善男子。

học thử Kinh dĩ tốc thành giải thoát siêu tam giới hữu. phục thứ Thiện nam tử! học kinh này xong mau được giải thoát khỏi ba cõi. Lại nữa, này Thiện nam tử!

如人重病如服醍醐次服八種甘味之藥其

như nhân trọng bệnh như phục thể hồ thứ phục bát chủng cam vị chi dược kỳ

Thí như người bệnh nặng, uống thuốc để hồ là vị thuốc tốt nhất trong tám vị thuốc.

藥最良。如是眾生於佛密教有感亂病。

dược tối lương. như thị chúng sanh ư Phật Mật Giáo hữu hoặc loạn bệnh.

Cũng vậy, nếu có chúng sanh bị bệnh loạn tâm đối với giáo lý Mật tạng của Phật,漸以大乘經而教化之。

tiệm dĩ Đại thừa Kinh nhi giáo hóa chi.

sẽ dùng kinh Đại thừa này mà giáo hóa cho họ dần dần

然後為說大般泥洹八味法藥。八種味者。

nhiên hậu vi thuyết Đại Bát Nê-hoàn bát vị Pháp dược. bát chủng vị giả.

rồi sau rộng nói tám vị thuốc pháp của kinh Đại Bát-nê-hoàn. Tám vị thuốc ấy là

常住法寂滅法不老不死清涼虛通不動快樂。

thường trụ Pháp tịch diệt Pháp bất lão bất tử thanh lương hư thông bất động

khoái lạc.

các pháp thường trụ, vắng lặng, không già, không chết, mát mẻ, thông suốt, không động, vui sướng.

是八種味名大般泥洹。若有菩薩住此大般泥洹者。

thị bát chủng vị danh Đại Bát Nê-hoàn. nhược hữu Bồ-tát trụ thử Đại bát nê hoàn giả.

Tám vị này gọi là Đại Bát-nê-hoàn. Nếu có Bồ-tát nào trụ ở Đại Bát-nê-hoàn này,常能處處示現泥洹。是故名為大般泥洹。

thường năng xứ xứ thị hiện Nê-hoàn. thị cổ danh vi Đại Bát Nê-hoàn.

thì có thể thường thị hiện Nê-hoàn ở nhiều nơi, vì vậy nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

若善男子欲於大般泥洹而般泥洹者。

nhược Thiện nam tử dục ư Đại Bát Nê-hoàn nhi Bát Nê-hoàn giả.

Nếu người trai lành nào muốn ở nơi Đại Bát-nê-hoàn này mà nhập Niết-bàn

當作是學如來常住法僧亦然。其有善男子善女人。

đương tác thị học Nhu-Lai thường trụ Pháp Tăng diệc nhiên. kỳ hữu Thiện nam tử Thiện Nữ Nhân.

thì phải nên học như vậy: Như Lai thường trụ, Pháp và Tăng cũng thường trụ như vậy. Nếu thiện nam, thiện nữ nào

行此大般泥洹經者。當於如來作常住學。

hành thử Đại Bát Nê-hoàn Kinh giả. đương ư Như-Lai tác thường trụ học.

tu hành kinh Đại Bát-nê-hoàn này thì phải học Như Lai là thường trụ.

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來法身不可思議。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn. Như-Lai Pháp thân bất khả tu nghị.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai không thể nghĩ bàn,

所說妙法不可思議。眾僧功德不可思議。此經不可思議。

sở thuyết diệu Pháp bất khả tu nghị. chúng Tăng công đức bất khả tu nghị. thử

Kinh bất khả tu nghị.

Như Lai nói diệu Pháp không thể nghĩ bàn, công đức của chúng Tăng không thể nghĩ bàn, kinh Đại Bát-nê-hoàn này không thể nghĩ bàn.

我從今日其諸眾生心剛強者。

ngã tòng kim nhật kỳ chư chúng sanh tâm cương cường giả.

Kể từ ngày hôm nay con sẽ vì những chúng sanh tâm tánh cương cường kia

當為彼滅長夜生死無知餘冥。

đương vị bị diệt trường dạ sanh tử vô tri du minh.

dứt trừ ngu si vô trí trong đêm dài sanh tử.

大般泥洹經卷第二

Đại Bát Nê-hoàn Kinh quyển đệ nhị

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN, QUYỂN THỨ HAI

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:27:59 2006

ĐẠI BÁT NÊ HOÀN KINH

Quyển Thứ Ba

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 376

Hán dịch: Sa-môn Pháp Hiển
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền
Việt dịch: Thích Nữ Tuệ Quang (11-2008)
Biên tập: Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daiTangvietnam.com>

Email info@daiTangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 376 《佛說大般泥洹經》CBETA 電子佛典 V1.20 普及版

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 376 《Phật thuyết Đại Bát-nê-hoàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.20 phổ cập bản

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 376 《Phật nói Đại Bát-nê-hoàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.20 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 佛說大般泥洹經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 Phật thuyết Đại Bát-nê-hoàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 Phật nói Đại Bát-nê-hoàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version

=====

大般泥洹經卷第三

Đại Bát-nê-hoàn Kinh quyển đệ tam

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN - QUYỂN THỨ BA

東晉平陽沙門法顯譯

Đông Tấn Bình Dương Sa-môn Pháp Hiền dịch

Sa-môn Pháp Hiền, người xứ Bình Dương, dịch vào đời Đông Tấn

四法品第八

Tứ Pháp phẩm đệ bát

PHẨM THỨ TÁM: TỨ PHÁP

佛告迦葉。善男子。菩薩摩訶薩成就四法。

Phật cáo Ca-diếp. thiện nam tử. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu tứ Pháp.

Phật bảo Ca-diếp: Nay thiện nam tử! Vị Đại Bồ-tát thành tựu bốn Pháp

能為人說大般泥洹經。何等為四。能自專正。

năng vị nhân thuyết Đại Bát-nê-hoàn Kinh. hà đẳng vi tứ. năng tự chuyên chánh

có thể vì mọi người mà nói Kinh Đại Bát-nê-hoàn. Những gì là bốn? Đó là:
Năng tự chuyên chánh,

能正他人。能隨問答。善解因緣。是為四法。

năng chánh tha nhân. năng tùy vấn đáp. thiện giải nhân duyên. thị vi tứ Pháp

năng chánh tha nhân, năng tùy vấn đáp, thiện giải nhân duyên, đây gọi là bốn Pháp.

自專正者。聞佛切教能隨厭怖身毛皆豎。

tự chuyên chánh giả. văn Phật thiết giáo năng tùy yếm bố thân mao giai thọ.

Tự chuyên chánh là nghe Phật dạy bèn lo sợ, lông tóc trên thân đều dựng đứng.

如佛所說寧抱熾燃枯樹舉身焦爛。

như Phật sở thuyết ninh bảo sí nhiên khô thụ cử thân tiêu lạn.

Như lời Phật nói, thà tự ôm lấy cụm lửa lớn để thiêu đốt thân này

不於如來方便密教其心未悟。聞說有常便起誹謗。

bất ư Như Lai phương tiện Mật giáo kỳ tâm vị ngộ. văn thuyết hữu thường tiện khởi phi báng

trợn chẳng đối với phương tiện mật giáo của Như Lai mà nói tâm Phật chưa ngộ, nghe nói có thường bèn phi báng

而言魔教世論歌頌。說無常者而謂真實。

nhi ngôn ma giáo thế luận ca tụng. thuyết vô thường giả nhi vị chân thật. rằng đó là lời của ma Ba tuần ca tụng luận bàn việc đời. Nếu có ai nói Như Lai là vô thường mà cho là chân thật,

寧舌舐熾燃枯樹。不說如來真實無常。

ninh dĩ thiết thí sí nhiên khô thụ. bất thuyết Như Lai chân thật vô thường.

thời thà dùng lưỡi liếm cây cháy khô, trợn không nói Như Lai chân thật là vô thường.

若聞他說輒便驚怖。於說法者而起悲念。

nhược văn tha thuyết triếp tiện kinh bố. ư thuyết Pháp giả nhi khởi bi niệm.

Nếu nghe người khác nói liền sợ hãi mà còn thương xót cho người nói pháp ấy.

深信如來法身長存。老病死法所不能壞。

thâm tín Như Lai Pháp thân trường tồn. lão bệnh tử Pháp sở bất năng hoại. Tin chắc pháp thân của Như Lai là trường tồn, già bệnh chết chẳng thể hoại diệt.

當知世尊不可思議。教法亦然。

đương tri Thế Tôn bất khả tư nghị. giáo Pháp diệc nhiên Phải biết Thế Tôn không thể nghĩ bàn, giáo Pháp cũng vậy.

如我所說枯樹經等善自執持。是為菩薩能自專正。能正人者。

như ngã sở thuyết khô thụ Kinh đẳng thiện tự chấp trì. thị vi Bồ-tát năng tự chuyên chánh. năng chánh nhân giả.

Như lời Ta nói cây khô trong các kinh, phải khéo thọ trì. Đây là Bồ-tát có thể tự chuyên chánh. Năng chánh nhân là

如世尊說法。有一女人乳養嬰兒來詣佛所。

như Thế tôn thuyết Pháp. hữu nhất nữ nhân nữ dưỡng anh nhi lai nghê Phật sở.

như lúc Thế Tôn đang thuyết Pháp, có một người nữ bồng đứa bé đến chỗ Phật,

稽首佛足有所顧念。在於一面思惟而住。

khê thủ Phật túc hữu sở cố niệm。 tại u nhất diện tu duy nhi trụ
cúi đầu lạy chân Phật rồi ngồi qua một bên.

爾時世尊知其所念。即以其子為喻而說法言。

nhĩ thời Thế Tôn tri kỳ sở niệm。 tức dĩ kỳ tử vi dụ nhi thuyết Pháp ngôn。
Lúc bấy giờ Thế Tôn biết bèn nghĩ dùng chính đứa con của người nữ này làm
thí dụ mà thuyết pháp rằng:

譬如母人善養其子。初以指爪而含凝蘇。

Thí như mẫu nhân thiện dưỡng kỳ tử。 sơ dĩ chi trảo nhi hàm ngưng tô。
Thí như người mẹ khéo nuôi con trẻ, ban đầu dùng ngón tay cho bú chất bơ,
令其消已漸復更增。時彼女人心即開解。便白佛言。

linh kỳ tiêu dĩ tiệm phục canh tăng。 thời bỉ nữ nhân tâm tức khai
giải。 tiệm bạch Phật ngôn。

chất bơ này tiêu hóa xong, đứa con lớn dần. Lúc đó người nữ kia tâm liền
khai ngộ, bạch Phật rằng:

世尊。大聖知我心念而作是說。

Thế Tôn。 Đại Thánh tri ngã tâm niệm nhi tác thị thuyết
Bạch Thế Tôn! Đại Thánh biết tâm niệm của con mà nói như vậy。

我今晨朝多與兒蘇將無損壽。佛言。不也。

ngã kim Thần triều đa dữ nhi tô tướng vô tổn thọ。 Phật ngôn。 bất dã。
Sáng mai này con cho con trẻ ăn nhiều chất bơ, sợ không tiêu hóa sẽ bị tổn
thọ. Phật dạy: Không đâu!

此兒已大堪食無患。女人歡喜而白佛言。奇哉世尊。

thử nhi dĩ Đại kham thực vô hoạn。 nữ nhân hoan hỉ nhi bạch Phật ngôn。 kì
tai Thế tôn。

Đứa trẻ này đã lớn ăn thức ăn ấy không bệnh. Người nữ vui sướng bạch Phật
rằng: Lạ thay Thế Tôn!

善說隨順消不消法。為受化者先說無常苦空不淨。

thiện thuyết tùy thuận tiêu bất tiêu Pháp。 vị thọ hóa giả tiên thuyết vô
thường khổ không bất tịnh。

Thế Tôn khéo tùy thuận nói pháp tiêu hay chẳng tiêu. Vì muốn giáo hóa mọi
người nên trước nói vô thường, khổ, không, bất tịnh。

若當眾生信心未固。便為彼說常住法者。

nhược đương chúng sanh tín tâm vị cố。 tiệm vị bỉ thuyết thường trụ Pháp
giả。

Nếu đối với những chúng sanh lòng tin chưa vững chắc, Phật liền vì họ nói
pháp thường trụ

壞彼信根。常蘇不消。佛言。善哉。善女人。

hoại bỉ tín căn。 thường tô bất tiêu。 Phật ngôn。 Thiện tai。 Thiện Nữ Nhân。
để phá hoại tín căn kia rằng chất bơ thường không tiêu. Phật dạy: Hay
thay! Nay thiện nữ nhân!

應如是學。初養子法漸與易消柔軟之食。

ứng như thị học。 sơ dưỡng tử Pháp tiệm dữ dịch tiêu nhu nhuyễn chi thực。
Phải nên học như vậy: Pháp ban đầu nuôi con là cho ăn thức ăn mềm dễ tiêu。

年既長大與堅實者能消無患。我亦如是。

niên ký trường Đại dữ kiên thật giả năng tiêu vô hoạn. ngã diệc nhu thị.
Khi con đã lớn khôn bền cho ăn thức ăn cứng, có thể tiêu nhưng không bệnh.
Ta cũng như vậy,

為諸弟子先說不淨無常苦空柔軟之食。

vị chu đệ tử tiên thuyết bất tịnh vô thường khổ không nhu nhuyễn chi thực.
vì các đệ tử trước nói pháp thức ăn mềm bất tịnh, vô thường, khổ, không.
道心既增堪受大乘。然後為說此摩訶衍大般泥洹。

Đạo tâm ký tăng kham thọ Đại thừa. nhiên hậu vị thuyết thủ Ma-ha-diễn Đại
Bát-nê-hoàn.

Khi các đệ tử đạo tâm đã tăng trưởng đủ sức kham nhận Đại thừa, sau mới
nói sáu vị ngọt, đắng, cay, chua, mặn, nhạt Ma-ha-diễn Đại Bát-nê-hoàn
này:

甜苦辛酢鹹淡六味堅實之食。以苦酢味。

điềm khổ tân tạc hàm đạm lục vị kiên thật chi thực. dĩ khổ tạc vị.

Dùng khổ làm vị chua,

無常鹹味。非我苦味。悅樂甜味。吾我淡味。

vô thường hàm vị. phi ngã khổ vị. duyệt lạc. điềm vị. ngô ngã đạm vị.

vô thường làm vị mặn, vô ngã làm vị đắng, lạc làm vị ngọt, ngã làm vị lạt,
常法辛味。以煩惱薪燃幻行火。

thường Pháp tân vị. dĩ phiền não tân nhiên huyễn hành hỏa.

pháp thường làm vị cay, dùng huyễn hành đốt củi phiền não để

熟大般泥洹甘露法食。復次善女人。

thục Đại Bát-nê-hoàn cam lộ Pháp thực. phục thứ Thiện nữ Nhân

nấu chín thức ăn pháp cam lồ Đại Bát-nê-hoàn. Lại nữa, này thiện nữ nhân!

譬如姊妹有諸緣事捨家出行。詣他聚落或久不還。汝有二子。

thí như tỉ muội hữu chư duyên sự xả gia xuất hành. nghệ tha tụ lạc hoặc
cửu Bát hoàn. nữ hữu nhị tử.

Thí như nàng có sự duyên ra khỏi nhà đến xứ khác, nếu lâu không trở về,
hai người con của nàng,

一者純善。一者弊惡。

nhất giả thuần thiện. nhất giả tệ ác.

một người thuần thiện, một người tệ ác,

臨欲行時珍寶祕藏不語惡子而付善子。女人白佛。實爾。世尊。

lâm dục hành thời trân bảo bí tạng bất ngữ ác tử nhi phó thiện tử. nữ nhân
bạch Phật. thật nhĩ. Thế tôn.

lúc sắp đi không nên giao của cải gia nghiệp cho người con tệ ác, mà nên
giao phó cho người con thuần thiện. Người nữ bạch Phật: Thật đúng như lời
Thế Tôn dạy.

佛問女人。何故寶藏不語惡子。女人白佛。

Phật vấn nữ nhân. hà cố bảo tạng bất ngữ ác tử. nữ nhân bạch Phật.

Phật hỏi người nữ: Vì sao chẳng giao kho báu cho người con ác? Người nữ
bạch Phật:

彼惡子者。所作非義為放逸行食用無度。

bỉ ác tử giả. sở tác phi nghĩa vi phóng dật hành thực dụng vô độ.

Vì đứa con ác kia làm việc phi nghĩa, hành vi phóng dật, ăn uống vô độ
是故不語。其善子者。能立門戶榮顯宗族。

thị cố bất ngữ. kỳ thiện tử giả. năng lập môn hộ vinh hiển tông tộc.
nên không giao cho nó. Đứa con thuần thiện kia có thể giữ gìn nhà cửa làm
vinh hiển tổ tông

是以付之。佛言。應爾。我法亦然。

thị dĩ phó chi. Phật ngôn. ứng nhĩ. ngã Pháp diệt nhiên
nên đem gia nghiệp giao phó cho nó. Phật dạy: Đúng thế, Pháp của Ta cũng
vậy,

欲入方便般泥洹時。如來寶藏祕密法要悉付弟子。

dục nhập phương tiện bát Nê-hoàn thời. Như Lai bảo tạng bí mật Pháp yếu
tất phó đệ tử.

lúc sắp phương tiện nhập Đại Nê-hoàn, Pháp bảo tạng bí mật của Như Lai cần
phải giao phó cho các đệ tử

不授犯戒諸邪見者。汝今於我為作滅想為作常想。

bất thụ phạm giới chư tà kiến giả. nhữ kim ư ngã vị tác diệt tướng vi tác
thường tướng.

không phạm giới và các tà kiến. Nay nàng có quan niệm Ta là diệt mất hay
thường trụ?

女人白佛。我於如來作常住想。佛言。姊妹。

nữ nhân bạch Phật. ngã ư Như Lai tác thường trụ tướng. Phật ngôn. tỉ muội.
Người nữ bạch Phật: Con có quan niệm Như Lai là thường trụ. Phật dạy: Này
chị!

如汝所說應作是觀莫作滅想。

như nhữ sở thuyết ứng tác thị quán mạc tác diệt tướng.

Như lời nàng nói, phải nên quán sát như vậy, không nên có quan niệm Như
Lai là diệt mất.

當知如來是常住法。非變易法非磨滅法。

đương tri Như Lai thị thường trụ Pháp. phi biến dịch Pháp phi ma diệt
Pháp.

Phải biết Như Lai là pháp thường trụ, chẳng phải là pháp biến đổi, chẳng
phải là pháp hoại diệt.

其有眾生於如來所修常住想者。當知是等家家有佛。

kỳ hữu chúng sanh ư Như Lai sở tu thường trụ tướng giả. đương tri thị đẳng
gia gia hữu Phật.

Nếu có chúng sanh nào ở chỗ Như Lai mà tu tập pháp quán thường trụ, nên
biết những người này nhà nhà có Phật.

是名能正他人。能隨問答者。猶若有人來問如來。

thị danh năng chánh tha nhân. năng tùy vấn đáp giả. do nhược hữu nhân lai
vấn Như Lai.

Đây gọi là năng chánh tha nhân. Năng tùy vấn đáp là nếu có người đến hỏi
Như Lai rằng:

我當云何得大施之名流聞天下而不捨財。

ngã đương vân hà đắc Đại thí chi danh lưu văn Thiên hạ nhi bất xả tài.
Tôi phải làm thế nào không mất tiền của mà được gọi là đại bố thí?

佛告族姓子。唯有清素不畜童僕修持梵行。

Phật cáo tộc tính tử. duy hữu thanh tố bất súc đồng bộc tu trì phạm hạnh. Phật bảo mọi người rằng: Chỉ có cách là đối với những người tu hành phạm hạnh thanh tịnh, không nuôi chúa tôi tớ

而樂施彼奴婢妻妾。斷除肉味而樂施以肉。

nhi lạc thí bi nô tì thê thiếp. đoạn trừ nhục vị nhi lạc thí dĩ nhục. nên vui bố thí cho những vị kia tôi tớ, vợ con. Người đoạn trừ không ăn thịt thời nên vui bố thí cho họ thịt.

避酒不飲而樂勸以酒。常習時食而施以非時。

tị tửu bất ẩm nhi lạc khuyến dĩ tửu. thường tập thời thực nhi thí dĩ phi thời

Người xa tránh rượu không uống, nên vui khuyên họ dùng rượu. Người có thói quen ăn đúng thời mà vui bố thí cho họ thức ăn phi thời.

離諸香華嚴具器物。

ly chư hương hoa nghiêm cụ khí vật

Người không trang sức hương hoa

悉以香花莊嚴之具而施與之。

tất dĩ hương hoa trang nghiêm cụ khí vật nhi thí dĩ chi.

nên vui bố thí tất cả đồ trang sức hương hoa cho họ.

如是等類隨其所施皆悉歸已為大施主。若如是者便得大施名聞天下。

như thị đẳng loại tùy kỳ sở thí giai tất qui dĩ vi Đại thí chủ. nhưc như thị giả tiện đắc đại thí danh văn Thiên hạ.

Những hạng người như vậy, tùy chỗ để bố thí thời tất cả sẽ quy về đại thí chủ. Nếu bố thí như vậy bèn được gọi là đại thí chủ mà danh tiếng cũng vang khắp thiên hạ

未曾損己一毫之費。如是比說能隨問答。

vị tăng tổn kỷ nhất hào chi phí. như thị bi thuyết năng tùy vấn đáp nhưng chưa từng hao tổn một mảy lông. Như đây gọi là năng tùy vấn đáp.

爾時迦葉菩薩白佛言。如世尊說。不食肉者而以肉施。

nhĩ thời Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. như Thế Tôn thuyết. bất thực nhục giả nhi dĩ nhục thí.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Như lời Thế Tôn nói, người không ăn thịt mà cho thịt.

其食肉者得無大過。豈不增長外道邪見。

kỳ thực nhục giả đắc vô Đại quá. khởi bất tăng trưởng ngoại đạo tà kiến.

Vậy người ăn thịt thời không bị tội lớn, chẳng phải làm tăng trưởng ngoại đạo tà kiến hay sao?

是故應立不食肉法。佛告迦葉。善哉善哉。

thị cố ứng lập bất thực nhục Pháp. Phật cáo Ca-diếp. Thiện tai Thiện tai.

Vì vậy nên lập pháp không ăn thịt. Phật bảo Ca-diếp: Hay thay! Hay thay!

善男子。善察佛意。護法菩薩法應如是。善男子。

thiện nam tử. thiện sát Phật ý. hộ Pháp Bồ-tát Pháp ứng như thị. thiện nam tử

Này thiện nam tử! Ông khéo biết ý của Phật. Bồ-tát hộ pháp phải như vậy. Này thiện nam tử!

我從今日制諸弟子不聽食肉。

ngã tông kim nhật chế chu đệ tử bất thính thực nhục.

Từ ngày hôm nay trở đi, Ta chế không cho phép các đệ tử ăn thịt.

設得餘食常當應作食子肉想。云何弟子而聽食肉。

thiết đắc dư thực thường đương ứng tác thực tử nhục tưởng. vân hà đệ tử nhi thính thực nhục.

Nếu được những thức ăn khác, thường phải quán tưởng như ăn thịt con mình, sao Ta lại cho đệ tử ăn thịt?

諸佛所說其食肉者斷大慈種。迦葉菩薩白佛言。

chư Phật sở thuyết kỳ thực nhục giả đoạn Đại từ chủng. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn.

Chư Phật có nói người ăn thịt kia là dứt trừ hạt giống đại từ. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

云何世尊。聽食三種淨肉。佛告迦葉。

vân hà Thế tôn. thính thực tam chủng tịnh nhục. Phật cáo Ca-diếp.

Vì sao Thế Tôn cho ăn ba thứ tịnh nhục? Phật bảo Ca-diếp:

此三種肉隨事漸制故作是說。迦葉復問何因。佛言。

thử tam chủng nhục tùy sự tiệm chế cố tác thị thuyết. Ca-diếp phục vân hà nhân. Phật ngôn.

Ba thứ tịnh nhục ấy chỉ là theo việc mà lần lượt tạm chế thôi. Ca-diếp lại hỏi do gì. Phật dạy:

有九種受離十種肉。佛告迦葉。此亦漸制。

hữu cửu chủng thọ ly thập chủng nhục. Phật cáo ca diếp. thử diệt tiệm chế.

Vì có chín thứ thọ và lìa mười thứ thịt. Phật bảo Ca-diếp: Đây cũng là dần dần chế ra,

當知則現不食肉也。迦葉菩薩又白佛言。

đương tri tắc hiện bất thực nhục dã. Ca-diếp Bồ-tát hựu bạch Phật ngôn. nên biết hiện tại không được ăn thịt vậy. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

云何世尊。稱歎魚肉以為美食。佛告迦葉。

vân hà Thế tôn. xưng tán ngư nhục dĩ vi mỹ thực. Phật cáo Ca-diếp

Vì sao Thế Tôn khen ngợi thịt cá là món ăn ngon? Phật bảo Ca-diếp:

我不說魚肉以為美食。

ngã bất thuyết ngư nhục dĩ vi mỹ thực.

Ta không nói cá thịt là món ăn ngon.

我說甘蔗粳米石蜜及諸甘果以為美食。如我稱歎種種衣服為莊嚴具。

ngã thuyết cam giá canh mễ thạch mật cập chư cam quả dĩ vi mỹ thực. như ngã xưng tán chủng chủng y phục vi trang nghiêm cụ

Ta nói mía, đường, gạo, đường đen và những trái ngọt là thức ăn ngon. Như Ta khen ngợi các loại y phục để làm trang nghiêm

又歎三種壞色之服。

hựu tán tam chủng hoại sắc chi phục.

nhưng lại tán tán ba thứ y phục hoại sắc

當知魚肉隨順貪欲腥穢食耳。迦葉菩薩白佛言。

đương tri ngư nhục tùy thuận tham dục tinh uế thực nhĩ. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn.

huống là thuận theo cá thịt tanh hôi mà tham ưa ăn! Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

若世尊制不食肉者。彼五種乳麻油繒綿珂貝皮革亦不應受。

nhược Thế tôn chế bất thực nhục giả. bỉ ngũ chủng nhũ ma du tăng miên kha bồi bì cách diệc bất ứng thọ.

Nếu Thế Tôn chế không cho ăn thịt, đối với năm thứ sữa, dầu, lụa là, ngọc kha, da thú cũng không nên nhận lấy.

佛言。異想莫作外道尼犍子見。

Phật ngôn. dị tưởng mạc tác ngoại đạo Ni-kiền-tử kiến.

Phật dạy: Không nên có kiến chấp đồng với ngoại đạo Ni-kiền-tử kia như vậy.

迦葉菩薩白佛言。世尊。今當云何。佛告迦葉。善男子。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn. kim đương vân hà. Phật cáo Ca-diếp. thiện nam tử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nay sẽ thế nào? Phật bảo Ca-diếp: Nay thiện nam tử!

我從今日制諸弟子。不聽食三種淨肉。

ngã tòng kim nhật chế chư đệ tử. bất thính thực tam chủng tịnh nhục.

Từ ngày hôm nay, Ta chế cho các đệ tử không được ăn ba thứ tịnh nhục,

及離九種受十種肉。乃至自死一不得食。所以者何。

cập ly cửu chủng thọ thập chủng nhục. nãi chí tự tử nhất bất đắc thực. sở dĩ giả hà.

cùng lia chín thứ, mười thứ thịt, cho đến con vật tự chết nhất quyết cũng không được ăn. Vì sao vậy?

其食肉者。若行住坐臥一切眾生見皆怖畏。

kỳ thực nhục giả. nhược hành trụ tọa ngọa nhất thiết chúng sanh kiến giai bố úy

Vì người ăn thịt ấy, lúc đi đứng nằm ngồi, tất cả chúng sanh thấy nghe hơi thịt đều sợ hãi.

聞其殺氣如人食興菓及蒜。

văn kỳ sát khí như nhân thực hưng cừ cập toán.

Như người ăn hành tỏi

若入眾會悉皆憎惡。其食肉者亦復如是。

nhược nhập chúng hội tất giai tăng ác. kỳ thực nhục giả diệc phục như thị. nếu vào trong hội chúng, ai cũng chán ghét. Người ăn thịt ấy cũng lại như vậy,

一切眾生聞其殺氣恐怖畏死。水陸空行有命之類見皆馳走。

nhất thiết chúng sanh văn kỳ sát khí khủng bố úy tử. thủy lục không hành hữu mạng chi loại kiến giai trì tẩu

tất cả chúng sanh nghe hơi sát khí đều kinh sợ nghĩ đến sự chết. Các loài dưới nước, trên bộ, trên không thấy đều bỏ chạy.

是故菩薩未曾食肉。為化眾生隨時現食。

thị cố Bồ-tát vị tăng thực nhục. vị hóa chúng sanh tùy thời hiện thực.

Vì thế Bồ-tát chưa từng ăn thịt, vì giáo hóa chúng sanh mà tùy thời thị hiện ăn thịt,

其實不食。復次善男子。

kỳ thật bất thực. phục thứ thiện nam tử.

kỳ thật chẳng ăn thịt. Lại nữa, này thiện nam tử!

我般泥洹後久遠世時。當有比丘雖為學道而自貢高言。

ngã Bát Nê-hoàn hậu cửu viễn thế thời. đương hữu Tỳ-kheo tuy vi học đạo nhi tự cống cao ngôn.

Sau khi Ta nhập Nê-hoàn, ở đời sẽ có những Tỳ-kheo dẫu học đạo mà tự cống cao nói rằng:

我是須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢。

ngã thị Tu-đà-hoàn Tu-đà-hàm A-na-hàm A-la-hán.

Ta là bậc Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

於惡世中流離貧乏困苦出家。種種妄解名字比丘。

ư ác thế trung lưu ly bần phạp khốn khổ xuất gia. chủng chủng vọng giải danh tự Tỳ-kheo

Trong đời xấu ác sẽ có những người nghèo khổ thiếu thôn xuất gia, vọng giải các thứ danh tự Tỳ-kheo,

為利養故恭敬白衣。形狀憔悴如放牧者。

vi lợi dưỡng cố cung kính bạch y. hình trạng tiều tụy như phóng mục giả. vì lợi dưỡng, vì hàng bạch y cung kính, hình dung tiều tụy như người chăn trâu.

身著袈裟如獵師像。惴望世利如猫捕鼠。

thân trú ca sa như liệp sư tượng. hi vọng thế lợi như miêu bộ thử.

Thân mặc Ca-sa mà như thợ săn, mong đợi lợi dưỡng ở đời như mèo rình chuột,

病瘦疥癩身體不淨。而被牟尼賢聖被服。

bệnh sấu giới lại thân thể bất tịnh. nhi bị Mâu-ni hiền thánh bị phục.

thân thể bất tịnh mang nhiều bệnh khổ mà mặc y phục của Hiền thánh Mâu-ni. 形如餓鬼貧窮寒悴。非真沙門為沙門像。

hình như ngạ quỷ bần cùng hàn tụy. phi chân Sa-môn vi Sa-môn tượng.

Hình như ngạ quỷ nghèo khổ đói lạnh, chẳng phải chân Sa-môn mà hiện tướng như Sa-môn.

於當來世正法壞時。於我所制法律行處。經典正論皆悉違反。

ư đương lai thế chánh Pháp hoại thời. ư ngã sở chế Pháp luật hành xứ. Kinh điển chánh luận giai tất vi phản.

Ở đời đương lai, lúc chánh pháp hoại diệt, kinh và luật của Ta chế ra đều ngược lại.

各各自造經論戒律言我戒律食肉清淨是佛所說。

các các tự tạo Kinh luận giới luật ngôn ngã giới luật thực nhục thanh tịnh thị Phật sở thuyết.

Mỗi mỗi đều tự tạo kinh và luật, luận rằng: Giới luật cho chúng tôi ăn thịt là do Phật nói.

自造頌論各相違反。

tự tạo tụng luận các tương vi phản.

Họ tự tạo tụng luận đều phản lại,
 皆稱沙門釋迦弟子。復次善男子。我說教法受生穀米。
 giai xung Sa-môn Thích Ca đệ tử. phục thứ thiện nam tử. ngã thuyết giáo
 Pháp thọ sanh cốc mễ.
 đều tự xưng là Sa-môn, đệ tử của Phật Thích Ca. Lại nữa, này thiện nam tử!
 Giáo Pháp của Ta nói là thọ nhận lúa gạo sống,
 及食魚肉自手作食則非清淨。
 cập thực ngư nhục tự thủ tác thực tắc phi thanh tịnh.
 ăn cá thịt, tự tay nấu ăn chẳng phải thanh tịnh;
 習押油業學諸技術。工巧木匠皮革之師。
 tập áp du nghiệp học chư kĩ thuật. công xảo mộc tượng bì cách chi sư.
 cầm xách bình dầu, học tập các nghề: thợ mộc, thợ giày dép bằng da,
 往來國王觀星曆造醫方。學音聲論巧世文辭。畜奴婢聚錢財。
 vãng lai Quốc Vương quán tinh lịch tạo y phương. học âm thanh luận xảo thể
 văn từ. súc nô tì tự tiền tài.
 thân cận Quốc Vương, xem tướng coi sao, tạo coi phương hướng, học âm
 thanh, khéo luận văn từ ở đời, chứa nuôi tôi tớ, tiền của,
 金銀珊瑚珂貝玉石真珠寶物。
 kim ngân san hô kha bối ngọc thạch chân châu bảo vật.
 vàng bạc, san hô, ngọc kha, ngọc thạch, bảo vật chơn châu,
 畜養師子虎豹[狂-王+由]鼠猫狸。居毒藥持呪術。作畫師造書牒。
 súc dưỡng Sư-tử hổ báo dừ thử miêu li. cư độc dược trì chú thuật. tác họa
 sư tạo thư điệp.
 nuôi các loài thú như sư tử, cọp, báo, chuột, mèo, chồn, tích chứa thuốc
 độc, trì chú thuật, nghề vẽ, làm sách dạy học,
 茂羅業起蠱道。歌舞幻惑掬力。
 mậu la nghiệp khởi cổ đạo. ca vũ huyễn hoặc giác lực.
 nghề có vẻ tốt nhưng lại hại người, ca vũ huyễn hoặc, đo súc,
 染齒香熏塗身。著花鬘治形體。
 nhiễm xỉ hương huân đồ thân. trước hoa man trị hình thể
 nhuộm răng, dùng dầu thơm xoa thân, mang tràng hoa để trang điểm thân
 及餘種種非法像類非法器服。我說斯等非清淨法。迦葉菩薩白佛言。
 cập dư chủng chủng phi pháp tượng loại phi pháp khí phục. ngã thuyết tu
 đẳng phi thanh tịnh Pháp. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn.
 cùng các thứ khác đều là những hình tượng phi pháp, khí cụ pháp phục phi
 pháp. Ta nói những thứ như vậy chẳng phải là pháp thanh tịnh. Bồ-tát Ca-
 diếp bạch Phật rằng:
 世尊。若有國土多食肉者。
 Thế Tôn. nhược hữu quốc độ đa thực nhục giả.
 Bạch Thế Tôn! Nếu trong nước có nhiều người ăn thịt,
 一切乞食皆悉雜肉。諸比丘比丘尼優婆塞優婆夷。
 nhất thiết khất thực giai tất tạp nhục. chư Tỷ-kheo Tỷ-kheo-ni Ưu bà tắc
 Ưu bà di.

lúc đi khát thực tất cả thức ăn đều lộn với thịt, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di

云何於中應清淨命。佛告迦葉。善男子。若食雜肉。

vân hà u trung ứng thanh tịnh mạng. Phật cáo Ca-diếp. thiện nam tử. nhược thực tạp nhục

phải làm cách nào để được mạng thanh tịnh? Phật bảo Ca-diếp: Này thiện nam tử! Nếu trong thức ăn có lẫn thịt,

應著水中食與肉別。然後可食非越比尼。

ứng trước thủy trung thực dữ nhục biệt. nhiên hậu khả thực phi việt tỷ ni. nên lấy nước rửa thức ăn cho sạch thịt, sau có thể ăn mà không trái với luật.

迦葉菩薩復白佛言。若食與肉不可分者。

Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. nhược thực dữ nhục bất khả phân giả Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Nếu thức ăn và thịt lẫn lộn không thể phân biệt,

此當云何。佛告迦葉。善男子。

thử đương vân hà. Phật cáo Ca-diếp. thiện nam tử.

phải làm thế nào? Phật bảo Ca-diếp: Này thiện nam tử!

若常食肉國一切食皆有肉現。我聽却肉去汁壞其本味然後可食。

nhược thường thực nhục quốc nhất thiết thực giai hữu nhục hiện. ngã thính tức nhục khứ trấp hoại kỳ bản vị nhiên hậu khả thực

Nếu trong thức ăn có nhiều thịt, đều có thịt bày ra, Ta cho phép bỏ thịt và nước thịt sau có thể ăn.

若魚鹿肉等自分可知。食者得罪。

nhược ngư lộc nhục đẳng tự phân khả tri. thực giả đắc tội.

Nếu thịt cá, thịt hưu v.v.. biết rõ mà ăn là bị tội.

我今日說有因緣者制不食肉。

ngã kim nhật thuyết hữu nhân duyên giả chế bất thực nhục

Vì có nhân duyên nên Ta chế giới không ăn thịt.

無因緣者因說大般泥洹。亦復制令不應食肉。是名能隨問答。

vô nhân duyên giả nhân thuyết Đại Bát-nê-hoàn. diệc phục chế linh bất ứng thực nhục. thị danh năng tùy vấn đáp.

Hôm nay không có nhân duyên, nhưng do Đại Bát-nê-hoàn, nên Ta cũng chế giới không cho ăn thịt. Đây gọi là năng tùy vấn đáp.

善解因緣者。若比丘優婆塞問如是義。

thiện giải nhân duyên giả. nhược Tỳ-kheo Ưu bà tắc vấn như thị nghĩa.

Thiện giải nhân duyên là nếu có Tỳ-kheo, Ưu-bà-tắc hỏi rằng: Những nghĩa như vậy

云何世尊如來應供等正覺。

vân hà Thế tôn Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác.

Có sao thuở đức Thế Tôn Như Lai Ứng cúng đẳng chánh giác

初出世時不為弟子一一制戒。不一一說如是法門。

sơ xuất thế thời bất vi đệ tử nhất nhất chế giới. bất nhất nhất thuyết như thị Pháp môn

mới ra đời không chế các giới, không nói mỗi mỗi pháp môn như vậy,

不究竟說波羅提木叉者。其義云何比尼有何義。善男子。

bất cứu cánh thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa giả. kỳ nghĩa vân hà tỳ ni hữu hà nghĩa. thiện nam tử.

không nói nghĩa rất ráo của Ba-la-đề-mộc-xoa là thế nào, Tỳ-ni nghĩa là sao cho hàng đệ tử? Nay thiện nam tử!

聽我分別波羅提木叉義。波羅提木叉者。

thính ngã phân biệt Ba-la-đề-mộc-xoa nghĩa. Ba-la-đề-mộc-xoa giả.

Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ phân biệt nghĩa của Ba-la-đề-mộc-xoa. Ba-la-đề-mộc-xoa gọi là

少欲知足成就威儀。不多受畜離諸染著。

thiểu dục tri túc thành tựu uy nghi. bất đa thọ súc ly chu nhiễm trước. thiểu dục tri túc, thành tựu oai nghi, không cất chứa nhiều, xa lìa các nhiễm trước,

於一切淨命墮者。墮四惡趣泥犁燒煮。

ư nhất thiết tịnh mạng đọa giả. đọa tứ ác thú nê lê thiêu chủ và tất cả tịnh mạng. Đọa là đọa vào bốn đường ác, địa ngục thiêu đốt.

彼威儀少欲不受畜一切淨命墮。言非墮者。

bỉ uy nghi thiểu dục bất thọ súc nhất thiết tịnh mạng đọa. ngôn phi đọa giả.

Oai nghi, thiểu dục, không cất chứa, tất cả tịnh mạng kia là nói chẳng phải đọa

墮阿鼻泥犁中。是名為墮。布薩者。長養二種義。

đọa A-tì nê lê trung. thị danh vi đọa. bồ tát giả. trưởng dưỡng nhị chủng nghĩa.

trong địa ngục A-tỳ Nê-lê, đây gọi là đọa. Bồ tát nghĩa là nuôi lớn hai thú:

波羅提木叉者。離於邪說比尼者。

Ba-la-đề-mộc-xoa giả. ly ư tà thuyết tỳ ni giả.

Ba-la-đề-mộc-xoa và lìa tà thuyết. Tỳ-ni là

微細教誡調伏威儀。又不受非法物亦不施人。

vi tế giáo giới điều phục uy nghi. hựu bất thọ phi Pháp vật diệc bất thí nhân

giáo giới vi tế để điều phục oai nghi, lại chẳng nhận lấy vật phi pháp cũng chẳng cho người,

是名比尼。其中有犯四重法者。

thị danh tỳ ni. kỳ trung hữu phạm tứ trọng Pháp giả.

đây gọi là Tỳ-ni. Trong đó có người phạm bốn trọng tội,

有犯十三有餘法。有犯三十捨墮法。有犯九十一墮法。

hữu phạm thập tam hữu dư Pháp. hữu phạm tam thập xả đọa Pháp. hữu phạm cửu thập nhất đọa Pháp.

có người phạm mười ba tội Tăng tàng, có người phạm ba mươi pháp xả đọa, có người phạm chín mươi một pháp đọa,

有犯四悔過法有犯眾學法。有犯二不定法。

hữu phạm tứ hối quá Pháp hữu phạm chúng học Pháp. hữu phạm nhị bất định Pháp.

có người phạm bốn pháp hồi quá, có người phạm một trăm chúng học pháp, có người phạm hai pháp bất định,

有犯七滅諍法。有謗毀經教及一闡提輩。

hữu phạm thất diệt tránh Pháp. hữu báng hủy Kinh giáo cập Nhất-xiển-đề
bồi.

có người phạm bảy pháp diệt tránh, có người hủy báng kinh giáo, cùng nhất-xiển-đề.

有是等罪不向明者發露悔過。一向覆藏如龜藏六。

hữu thị đẳng tội bất hướng minh giả phát lộ hồi quá. nhất hướng phúc tạng
như quy tạng lục.

Những người phạm tội trên đây không hướng đến người sáng suốt phát lộ sám
hối, một mực che giấu như rùa giấu cả sáu chi,

犯戒之罪日夜增長。

phạm giới chi tội nhật dạ tăng trưởng.

tội phạm giới ấy ngày đêm tăng trưởng.

云何世尊知有是罪而不結戒。令彼眾生墮惡趣中。

vân hà Thế Tôn tri hữu thị tội nhi bất kết giới. linh bi chúng sanh đọa ác
thú trung.

Thế Tôn biết người này có tội sao không kết giới, để cho những chúng sanh
kia phải đọa trong đường ác?

猶如有人將多人眾欲至他方示其要路。

do như hữu nhân tướng đa nhân chúng dục chí tha phương kì kỳ yếu lộ

Thí như có nhóm nhiều người muốn đến xứ khác, phải cần người chỉ đường.

其中有人迷失正道墮非道行。彼黠慧者追喚令還得本正路。

kỳ trung hữu nhân mê thất chánh đạo đọa phi đạo hành. bi hiệt tuệ giả truy
hoán linh hoàn đắc bản chánh lộ.

Trong đoàn có người lạc mất đường chính, đi vào đường khác. Có người sáng
suốt đuổi theo bảo đi vào đường chính.

如來教法亦復如是。初說直道。

Như Lai giáo Pháp diệt phục như thị. sơ thuyết trực đạo.

Giáo pháp của Như Lai cũng lại như vậy, trước nói đạo chân chánh.

若諸比丘多作諸過。然後為說犯罪果報。為其制戒。

nhược chư Tỳ-kheo đa tác chư quá. nhiên hậu vị thuyết phạm tội quả báo. vì
kỳ chế giới.

Nếu các Tỳ-kheo phạm nhiều lỗi lầm, sau nói cho họ biết phạm tội là có quả
báo, rồi nhân đó mà chế giới.

如是世尊。示真諦路為眾生說十善功德。

như thị Thế Tôn. kì chân đế lộ vị chúng sanh thuyết Thập thiện công đức.

Rồi Thế Tôn chỉ bày chân đế, vì chúng sanh nói công đức của mười điều
lành.

天中之天正法之王。普哀眾生說十善功德。

Thiên trung chi Thiên chánh Pháp chi Vương. phổ ai chúng sanh thuyết Thập
thiện công đức.

Là bậc trời trong các loài trời, vị vua chánh pháp thương xót tất cả chúng
sanh mà nói công đức của mười điều lành,

等觀眾生如視一子。若一眾生在地獄中。

đẳng quán chúng sanh như thị nhất tử. nhược nhất chúng sanh tại Địa ngục trung

xem các chúng sanh bình đẳng như con một. Nếu có một chúng sanh ở trong địa ngục,

為度其人免地獄故。在地獄中住壽一劫若過一劫。

vị độ kỳ nhân miễn địa ngục cố. tại địa ngục trung trụ thọ nhất kiếp nhược quá nhất kiếp

liền ở trong địa ngục một kiếp hoặc hơn một kiếp để độ cho họ thoát khỏi địa ngục,

云何令彼犯戒比丘長墮惡道。

vân hà linh bì phạm giới Tỳ-kheo trường đọa ác đạo。

Thế Tôn sao lại làm cho các Tỳ-kheo phạm giới kia đọa trong đường ác?

譬如織師織成新衣。後破壞已復更補治。

thí như chức sư chức thành tân y. hậu phá hoại dĩ phục canh bổ trì

Thí như người vá áo, thấy áo có lỗ rách vậy sau mới vá. 譬如轉輪聖王初以十善教化人民。眾生後時惡行轉增。

thí như Chuyển luân Thánh Vương sơ dĩ Thập thiện giáo hóa nhân dân. chúng sanh hậu thời ác hành chuyển tăng。

Thí như Chuyển Luân Thánh Vương trước dạy nhân dân mười điều lành, về sau chúng sanh ngày một làm ác,

復因自在金輪神寶。往制法律令其調伏。

phục nhân Tự tại kim luân thần bảo. vãng chế Pháp luật lệnh kỳ điều phục. lại dùng Tự tại kim luân thần bảo, chế pháp luật để điều phục những người làm ác kia.

世尊亦復如是。初時未結波羅提木叉戒。

Thế Tôn diệc phục như thị. sơ thời vị kết Ba-la-đề-mộc-xoa giới

Thế Tôn cũng lại như vậy, lúc đầu chưa kết giới Ba-la-đề-mộc-xoa,

後諸比丘犯罪轉增。

hậu chư Tỳ-kheo phạm tội chuyển tăng。

sau các Tỳ-kheo ngày một phạm tội,

然後以犯戒因緣為根本已而為制戒。其諸眾生樂修法者。

nhiên hậu dĩ phạm giới nhân duyên vi căn bản dĩ nhi vi chế giới. kỳ chư chúng sanh lạc tu Pháp giả。

lấy nhân duyên phạm giới làm căn bản rồi theo đó mà chế giới. Những chúng sanh thích tu tập chánh pháp,

見彼所起因緣為證信心增長。乃至等觀四諦甚深微妙之義。

kiến bỉ sở khởi nhân duyên vi chúng tín tâm tăng trưởng. nãi chí đẳng quán tứ đế thậm thâm vi diệc chi nghĩa。

thấy nhân duyên chế giới lòng tin càng thêm tăng trưởng, cho đến quán sát sâu kỹ nghĩa thâm diệc của bốn đế.

如轉輪王金輪自在。諸佛法輪亦復如是。

như chuyển luân Vương kim luân tự tại. chư Phật Pháp luân diệc phục như thị。

Như Kim luân tự tại của Chuyển Luân Thánh Vương, Pháp luân của chư Phật cũng lại như vậy.

是則無量諸佛教法。是諸佛不可思議。

thị tắc vô lượng chư Phật giáo Pháp. thị chư Phật bất khả tư nghị. Đây là giáo pháp của vô lượng chư Phật. Chư Phật này không thể nghĩ bàn, 所說教法不可思議。聞此法者不可思議。

sở thuyết giáo Pháp bất khả tư nghị. văn thử Pháp giả bất khả tư nghị. giáo pháp của các Ngài đã nói cũng không thể nghĩ bàn. Người nghe pháp này cũng không thể nghĩ bàn.

能信此經亦不可思議。是名善解因緣。

năng tín thử Kinh diệc bất khả tư nghị. thị danh thiện giải nhân duyên. Người có thể tin kinh này cũng không thể nghĩ bàn. Đây gọi là khéo hiểu nghĩa nhân duyên.

是為菩薩摩訶薩成就四法。能為人說般泥洹經。

thị vi Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu tứ Pháp. năng vị nhân thuyết Bát Nê-hoàn Kinh

Đây gọi là Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, có thể nói kinh Đại Bát-nê-hoàn này cho người khác,

說現因緣及大般泥洹因緣。

thuyết hiện nhân duyên cập Đại Bát-nê-hoàn nhân duyên.

nói nhân duyên hiện tại và nhân duyên Đại Bát-nê-hoàn

是大般泥洹經因是為善解因緣。自專正者。說已誠向自己。

thị Đại Bát-nê-hoàn Kinh nhân thị vi thiện giải nhân duyên. tự chuyên chánh giả. thuyết dĩ thành hướng tự kỷ

chính là kinh Đại Bát-nê-hoàn, đây gọi là khéo hiểu nghĩa nhân duyên. Tự chuyên chánh là Như Lai nói mình xong hướng đến nói

專向此大般泥洹經。當知是名能自專正。

chuyên hướng thử Đại Bát-nê-hoàn Kinh. đương tri thị danh năng tự chuyên chánh

Kinh Đại Bát-nê-hoàn này, nên biết đây gọi là năng tự chuyên chánh.

能正他者。知諸比丘意所誠向。

năng chánh tha giả. tri chư Tỷ-kheo ý sở thành hướng.

Năng chánh tha là Như Lai biết ý của các Tỷ-kheo

而為說此大般泥洹經。言如來長存。當知是為能正他人。

nhi vi thuyết thử Đại Bát-nê-hoàn Kinh. ngôn Như Lai trường tồn. đương tri thị vi năng chánh tha nhân.

mà vì đó nói Kinh Đại Bát-nê-hoàn này, rằng Như Lai là thường còn. Nên biết đây là năng chánh tha nhân.

隨問答者。如我為汝迦葉說。

tùy vấn đáp giả. như ngã vị nhữ Ca-diếp thuyết.

Tùy vấn đáp là như Ta vì ông Ca-diếp là

菩薩摩訶薩微妙利智。種種祕要方便密教。非諸聲聞緣覺所測。

Bồ-tát Ma-ha-tát vi diệu lợi trí. chủng chủng bí yếu phương tiện Mật Giáo. phi chư thanh văn duyên giác sở trắc.

Đại Bồ-tát trí tuệ vi diệu mà nói các loại bí yếu phương tiện mật giáo của kinh Đại Bát-nê-hoàn, chẳng phải hàng Thanh văn và Duyên giác suy lường được.

所謂大般泥洹經。當知是名能隨問答。

sở vị Đại Bát-nê-hoàn Kinh. đương tri thị danh năng tùy vấn đáp
Nên biết, đây gọi là năng tùy vấn đáp.

隨彼眾生心想所應。而為說法非為虛妄。

tùy bỉ chúng sanh tâm tưởng sở ứng. nhi vị thuyết Pháp phi vi hư vọng.
Tùy tâm niệm của chúng sanh mà vì đó nói pháp chẳng phải là hư dối.

譬如有人說虛空多名。為空為虛為無所有為無數。

thí như hữu nhân thuyết hư không đa danh. vi không vi hư vi vô sở hữu vi vô số

Thí như có người nói hư không bằng nhiều tên gọi như rỗng không, hư dối, là không chỗ có, là vô số.

如是等說皆非虛妄如來說法亦復如是。

như thị đẳng thuyết giai phi hư vọng Như Lai thuyết Pháp diệc phục như thị.

Những lời nói như vậy chẳng phải là hư dối. Như Lai thuyết pháp cũng lại như vậy,

大般泥洹經四種說者。悉有所應非為虛妄。

Đại Bát-nê-hoàn Kinh tứ chủng thuyết giả. tất hữu sở ứng phi vi hư vọng.
bốn cách nói về kinh Đại Bát-nê-hoàn ấy, tất cả đều chẳng phải hư dối.

迦葉菩薩白佛言。若當如來長存者。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. nhược đương Như Lai trường tồn giả.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Nếu Như Lai là thường còn,

與佛所說契經相違。

dữ Phật sở thuyết khế Kinh tương vi.

thì lời Phật nói và khế kinh là trái nhau

譬如燒鐵丸

投之於冷水

Thí như thiêu thiết hoàn

Đầu chì ư lãnh thủy

Thí như sắt nung đỏ

Ném vào trong nước lạnh

熱勢漸消滅

莫知所歸處

Nhiệt thế tiệm tiêu diệt

Mạc tri sở quy xứ

Súc nóng dần tiêu mất

Chẳng biết đi về đâu

如是等解脫

度諸生死淵

Như thị đẳng giải thoát

Độ chư sanh tử uyên

Giải thoát cũng như vậy

Qua các vực sanh tử

安快永不動

莫知其所之

An khoái vĩnh bất động

Mạc tri kỳ sở chi

An vui mãi bất động

Không rõ đến chỗ nào.

佛告迦葉。汝善男子。

Phật cáo Ca-diếp. nữ thiện nam tử.

Phật bảo Ca-diếp: Này thiện nam tử!

莫於此偈而作妄解於如來所起永滅想。非鐵丸投水熱勢漸滅。

mạc ư thử kệ nhi tác vọng giải ư Như Lai sở khởi vĩnh diệt tưởng. phi thiết hoàn đầu thủy nhiệt thế tiệm diệt

Chớ đối với bài kệ này mà khởi vọng tưởng rằng Như Lai là diệt mất. Chẳng phải như viên sắt nóng ném vào trong nước, sức nóng sẽ dần dần tiêu mất.

諸佛如來泥洹永滅。亦復如是。

chư Phật Như Lai Nê-hoàn vĩnh diệt. diệt phục như thị.

Chư Phật Như Lai Nê-hoàn vĩnh diệt cũng lại như vậy.

如鐵丸投水熱勢消滅。如來亦然。無量煩惱結患消滅。

như thiết hoàn đầu thủy nhiệt thể tiêu diệt. Như Lai diệt nhiên. vô lượng phiền não kết hoạn tiêu diệt.

Như viên sắt nóng ném vào trong nước, sức nóng tiêu mất. Như Lai cũng vậy, vô lượng phiền não kết sử đều tiêu diệt.

如鐵丸投水火勢雖滅鐵性猶存。

như thiết hoàn đầu thủy hỏa thể tuy diệt thiết tánh do tồn.

Như viên sắt nóng ném vào trong nước, sức nóng dầu mất nhưng tánh của nó vẫn còn.

如是如來無量劫數煩惱盛火皆悉消滅。

như thị Như Lai vô lượng kiếp số phiền não thịnh hỏa giai tất tiêu diệt.

Lửa dữ phiền não như vậy trong vô lượng kiếp số của Như Lai thấy đều tiêu diệt.

如來金剛其性常在。非變易法非磨滅法。

Như Lai Kim cương kỳ tánh thường tại. phi biến dịch Pháp phi ma diệt Pháp.

Như Lai Kim cương tánh của nó thường còn, chẳng phải là pháp biến đổi, chẳng phải là pháp diệt mất.

如是等解脫度諸生死淵者。彼無量劫生死煩惱河。

như thị đẳng giải thoát độ chư sanh tử uyên giả. bỉ vô lượng kiếp sanh tử phiền não hà.

Như lai đã vượt qua các vực sanh tử và giải thoát những pháp như vậy. Sông phiền não sanh tử trong vô lượng kiếp kia

如來已度入於泥洹。諸趣永滅處不可知。是故說言。

Như Lai dĩ độ nhập ư Nê-hoàn. chư thú vĩnh diệt xứ bất khả tri. thị cố thuyết ngôn.

Như Lai đã qua và nhập ở Nê-hoàn, các thú vĩnh diệt, chỗ không thể biết, nên nói rằng:

如是等解脫

度諸生死淵

Như thị đẳng giải thoát

Độ chư sanh tử uyên

Pháp giải thoát như vậy

Qua các vực sanh tử

安快永不動

莫知其所之

An khoái vĩnh bất động

Mạc tri kỳ sở chi

An vui mãi bất động

Không rõ đến chỗ nào.

迦葉菩薩白佛言。云何世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. vân hà Thế Tôn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Thế nào, bạch Thế Tôn!

如鐵丸投水熱勢消滅。猶可更使入於火中。

như thiết hoàn đầu thủy nhiệt thể tiêu diệt. do khả canh sử nhập ư hỏa trung.

Nhu viên sắt nóng ném vào trong nước, sức nóng diệt mất nhưng còn có thể bỏ vào lại trong lửa.

如來泥洹其實常住。更為眾生入於無量生死盛火。

Nhu Lai Nê-hoàn kỳ thật thường trụ. canh vị chúng sanh nhập u vô lượng sanh tử thịnh hỏa

Nhu Lai Nê-hoàn nhưng thật vẫn thường trụ, lại vì chúng sanh vào trong vô lượng lửa dữ sanh tử

斷除一切眾生結患。善哉世尊。如來長存為決定說。

đoạn trừ nhất thiết chúng sanh kết hoạn. Thiện tai Thế Tôn. Nhu Lai trường tồn vi quyết định thuyết.

để dứt trừ tất cả kết sử cho chúng sanh. Hay thay Thế Tôn! Phải quyết định nói rằng Nhu Lai là thường còn.

佛告迦葉。如是如是。善男子。

Phật cáo Ca-diếp. như thị như thị. thiện nam tử.

Phật bảo Ca-diếp: Đúng vậy! Này thiện nam tử!

譬如轉輪聖王入後宮中姝女娛樂。

thí như Chuyển luân Thánh Vương nhập hậu cung trung thể nữ ngu lạc

Thí như Chuyển Luân Thánh Vương vào trong hậu cung vui chơi cùng các thể nữ,

須與復遊園觀浴池快樂自在。宮中不現莫呼永失。

tu du phục du viên quán dục trì khoái lạc tự tại. cung trung bất hiện mạc hô vĩnh thất.

chốc lát lại dạo chơi ngoài vườn, xem ngắm ao tắm tự tại khoái lạc. Dầu vua không có trong cung nhưng không được nói là vua đã chết.

諸佛世尊捨閻浮提示現無常。亦復如是莫呼永滅。

chư Phật Thế Tôn xả Diêm-phù-đề thị hiện vô thường. diệc phục như thị mạc hô vĩnh diệt.

Chư Phật Thế Tôn thị hiện vô thường rời cõi Diêm-phù-đề cũng lại như vậy, không được gọi là vĩnh diệt

如彼國王捨於深宮。遊戲園林快樂自在。如來亦然。

như bĩ Quốc Vương xả u thâm cung. du hí viên lâm khoái lạc tự tại. Nhu Lai diệc nhiên.

như Quốc Vương kia rời khỏi thâm cung, dạo chơi tự tại ngoài vườn. Nhu Lai cũng vậy,

捨於無量煩惱深宮。

xả u vô lượng phiền não thâm cung.

ra khỏi vô lượng thâm cung phiền não,

入總持園七覺華池遊觀快樂。乘方便智自在現化。

nhập tổng trì viên thất giác hoa trì du quán khoái lạc. thừa phương tiện trí tự tại hiện hóa.

dạo chơi vui vẻ nơi các vườn Tổng trì, ao hoa Thất giác, cõi trí tuệ phương tiện, tự tại thị hiện giáo hóa,

無量結患久已消滅。迦葉菩薩白佛言。如世尊說。

vô lượng kết hoạn cửu dĩ tiêu diệt. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. như Thế tôn thuyết.

vô lượng kết sử đã lâu vĩnh diệt. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Như Thế Tôn nói,

無量無數劫生死煩惱患。如來悉磨滅已度五欲海。

vô lượng vô số kiếp sanh tử phiền não hoạn. Như Lai tất ma diệt dĩ độ ngũ dục hải.

Như Lai đã vượt khỏi vô lượng vô số kiếp sanh tử phiền não, qua biển ngũ dục,

何故如來為菩薩時。在於深宮嫪女自娛。

hà cổ Như Lai vì Bồ-tát thời. tại ư thâm cung thể nữ tự ngu.

vì sao Như Lai lúc làm Bồ-tát, lại ở nơi thâm cung vui chơi cùng thể nữ, 為羅睺羅父。是故當知不盡結患度諸欲海。佛告。

vì La-hầu-la phụ. thị cố đương tri bất tận kết hoạn độ chư dục hải. Phật cáo.

làm cha La-hầu-la? Do đây nên biết Như Lai chưa tận trừ hết kết sử và chưa vượt khỏi các biển dục vọng. Phật dạy:

善男子。莫於如來應供等正覺而作是言。

thiện nam tử. mạc ư Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác nhi tác thị ngôn. Nay thiện nam tử! Ông không nên nói Như Lai Ứng cúng, Chánh đẳng Chánh giác những lời như vậy.

所以名大般泥洹者。能建大義。汝今諦聽。

sở dĩ danh Đại Bát-nê-hoàn giả. năng kiến Đại nghĩa. nhữ kim đế thính.

Vì Đại Bát-nê-hoàn đây hay kiến lập sự nghĩa to lớn. Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ,

廣為人說勿生疑怪。

quảng vị nhân thuyết vật sanh nghi quái.

Ta sẽ vì mọi người mà nói chớ có nghi ngờ.

菩薩摩訶薩住是大般泥洹者。能以須彌山王入一粟[禾*會]。

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ thị Đại Bát-nê-hoàn giả. năng dĩ Tu-di sơn Vương nhập nhất túc hồi.

Nếu Đại Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn này có thể đem núi vua Tu-di để vào trong một vỏ lúa.

其諸眾生依須彌山住者無所燒害。來去住止不知誰為。

kỳ chư chúng sanh y Tu-di sơn trụ giả vô sở nhiều hại. lai khứ trụ chỉ bất tri thù vi.

Các chúng sanh ở tại núi Tu-di ấy không bị nhiều hại: Đến, đi, dừng ở không biết ai làm.

其餘眾生有知見者。知是住大般泥洹菩薩。

kỳ dư chúng sanh hữu tri kiến giả. tri thị trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát.

Trong số ấy, có chúng sanh thấy biết, biết rằng Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn

安置須彌在粟[禾*會]中然後還復。

an trí Tu-di tại túc hồi trung nhiên hậu hoàn phục.

đem núi Tu-di để vào trong vỏ lúa, sau đem trở lại chỗ cũ.

住大般泥洹菩薩摩訶薩境界如是。復次善男子。

trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát Ma-ha-tát cảnh giới như thị. phục thứ thiện nam tử

Đại Bồ-tát trụ ở cảnh giới Đại Bát-nê-hoàn là như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử!

住大般泥洹菩薩。

trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát Ma-ha-tát。

Đại Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn

取此三千大千世界大地置粟[禾*會]中。其中眾生無所燒害。

thủ thủ tam Thiên Đại Thiên thế giới đại địa trí túc hồi trung. kỳ trung chúng sanh vô sở nhiều hại。

có thể đem mặt đất của ba ngàn đại thiên thế giới này để vào trong vỏ lúa. Chúng sanh trong đó không bị nhiều hại,

各不自知誰持來去誰安在此。其餘眾生有知見者。

các bất tự tri thùy trì lai khứ thùy an tại thủ. kỳ dư chúng sanh hữu tri kiến giả。

đều chẳng tự biết ai nâng giữ, đến đi, ai để ở đây. Trong số ấy, có chúng sanh thấy biết,

知是住大般泥洹菩薩。

tri thị trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát。

biết là Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn

取此三千大千世界置粟[禾*會]中然後還復。復次善男子。

thủ thủ tam Thiên Đại Thiên thế giới trí túc hồi trung nhiên hậu hoàn phục。 phục thứ thiện nam tử。

đem mặt đất của ba ngàn đại thiên thế giới này để vào trong vỏ lúa, sau đem trở lại chỗ cũ. Lại nữa, này thiện nam tử!

住是大般泥洹菩薩。復取三千大千世界安置己身一毛孔中。

trụ thị Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát. phục thủ tam thiên đại thiên thế giới an trí kỹ thân nhất mao không trung。

Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn, lại đem ba ngàn đại thiên thế giới đặt vào trong một lỗ chân lông trên thân mình。

於彼眾生而無燒害。

ư bỉ chúng sanh nhi vô nhiều hại。

Chúng sanh ở trong ấy không bị nhiều hại,

各不自知誰持來去誰安在此。其餘眾生有知見者。

các bất tự tri thùy trì lai khứ thùy an tại thủ. kỳ dư chúng sanh hữu tri kiến giả。

đều chẳng tự biết ai nâng giữ, đến đi, ai để ở đây. Trong số ấy, có chúng sanh thấy biết,

知是住大般泥洹菩薩。

tri thị trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát。

biết là Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn

取此三千大千世界置於自身毛孔之中然後還復。復次善男子。

thủ thủ tam Thiên Đại Thiên thế giới trí ư tự thân mao không chi trung nhiên hậu hoàn phục。 phục thứ thiện nam tử。

đem ba ngàn đại thiên thế giới để vào trong lỗ chân lông trên thân mình,
sau đem trả lại chỗ cũ. Lại nữa, này thiện nam tử!

住大般泥洹菩薩。住此世界能舉十方諸佛國土置於鍼鋒。

trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát. trụ thủ thế giới năng cử thập phương chư Phật
quốc độ trí u chiêm phong.

Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn, có thể đem mười phương cõi nước chư Phật ở thế
giới này để nơi đầu mũi kim,

如以鍼鋒擊持棗葉。徙著他方異佛國土。

như dĩ chiêm phong kinh trì táo diệp.徙 trước tha phương dị Phật quốc độ.
như ghim lá táo, rồi ném cõi nước Phật để nơi phương khác.

於諸眾生無所燒害。

ư chư chúng sanh vô sở nhiều hại.

Các chúng sanh ở trong đó không bị nhiều hại,

各不自知誰持來去誰安在此。其餘眾生有知見者。

các bất tự tri thùy trì lai khứ thùy an tại thủ. kỳ dư chúng sanh hữu tri
kiến giả.

đều chẳng tự biết ai nâng giữ, đến đi, ai để ở đây. Trong số ấy, có chúng
sanh thấy biết,

知是住大般泥洹菩薩神力所為。復次善男子。

tri thị trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát Thần lực sở vi. phục thứ thiện nam tử.
biết là do thần lực của Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn làm. Lại nữa, này thiện
nam tử!

住大般泥洹菩薩持十方國土。置其右掌如陶家輪。

trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát trì thập phương quốc độ. trí kỳ hữu chuồng như
đào gia luân

Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn đem các cõi nước trong mười phương để trong
lòng bàn tay phải như nhà thợ gốm,

擲著他方微塵世界。於諸眾生無所燒害。

trịch trước tha phương vi trần thế giới. ư chư chúng sanh vô sở nhiều hại.
rồi ném qua thế giới phương khác nhiều như vi trần. Các chúng sanh trong
đó không bị nhiều hại,

各不自知誰持來去誰安在此。其餘眾生有知見者。

các bất tự tri thùy trì lai khứ thùy an tại thủ. kỳ dư chúng sanh hữu tri
kiến giả.

đều chẳng tự biết ai nâng giữ, đến đi, ai để ở đây. Trong số ấy, có chúng
sanh thấy biết,

知是住大般泥洹菩薩神力所為。復次善男子。

tri thị trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát Thần lực sở vi. phục thứ thiện nam tử.
biết là do thần lực của Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn làm. Lại nữa, này thiện
nam tử!

住大般泥洹菩薩者。取十方世界內一塵處。

trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát giả. thủ thập phương thế giới nội nhất trần xá.
Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn, đem mười phương thế giới để vào trong một hạt
bụi.

於諸眾生無所燒害。

ư chư chúng sanh vô sở nhiều hại。
Các chúng sanh trong đó không bị nhiều hại,
各不自知誰持來去誰安在此。其餘眾生有知見者。
các bất tự tri thùy trì lai khứ thùy an tại thử. kỳ dư chúng sanh hữu tri
kiến giả。
đều chẳng tự biết ai nâng giữ, đến đi, ai để ở đây. Trong số ấy, có chúng
sanh thấy biết,
知是住大般泥洹菩薩力之所為。如是善男子。
tri thị trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát lực chi sở vi. như thị thiện nam tử。
biết là do thần lực của Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn làm như vậy. Nay thiện
nam tử!
住此大般泥洹菩薩摩訶薩。有大神力種種示現。
trụ thử Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát Ma-ha-tát. hữu Đại Thần lực chủng chủng thị
hiện
Đại Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn này có thể thị hiện nhiều loại thần lực
是故名為大般泥洹。住大般泥洹菩薩在所為作。
thị cố danh vi Đại Bát-nê-hoàn. trụ Đại Bát-nê-hoàn Bồ-tát tại sở vi tác。
nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn. Chỗ ra làm của Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn
一切眾生不能測量。
nhất thiết chúng sanh bất năng trắc lượng。
tất cả chúng sanh chẳng thể suy lường được。
汝今云何能知如來習近五欲為羅睺羅父。復次善男子。
nhữ kim vân hà năng tri Như Lai tập cận ngũ dục vi La-hầu-la phụ. phục thứ
thiện nam tử
Nay ông làm sao có thể biết được Như Lai gần gũi năm món dục sanh La-hầu-
la? Lại nữa, nay thiện nam tử!
我住此大般泥洹能為大事。
ngã trụ thử Đại Bát-nê-hoàn năng vi đại sự。
Ta trụ Đại Bát-nê-hoàn này hay làm nhiều việc lớn,
於此三千大千世界百億日月百億閻浮提。
ư thử tam Thiên Đại Thiên thế giới bách ức nhật nguyệt bách ức Diêm-phù-
đề。
ở trong ba ngàn Đại Thiên thế giới này, trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm
ức cõi Diêm-phù-đề,
種種現化如首楞嚴三昧所說於三千大千世界閻浮提。
chủng chủng hiện hóa như Thủ Lăng Nghiêm tam muội sở thuyết ư tam Thiên
Đại Thiên thế giới Diêm-phù-đề。
hóa hiện nhiều loại như Thủ Lăng Nghiêm tam muội đã nói. Hoặc ở cõi Diêm-
phù-đề trong ba ngàn đại thiên thế giới,
以大般泥洹示現泥洹。而無畢竟般泥洹者。
dĩ Đại Bát-nê-hoàn thị hiện Nê-hoàn. nhi vô tất cánh bát Nê-hoàn giả。
dùng Đại Bát-nê-hoàn thị hiện Nê-hoàn, nhưng chẳng rốt ráo nhập Nê-hoàn。
復於閻浮提五欲之中現受胎生。其諸父母謂我為子。
phục ư Diêm-phù-đề ngũ dục chi trung hiện thọ thai sanh. kỳ chư phụ mẫu vi
ngã vi tử。

Lại ở trong cõi Diêm-phù-đề thọ dụng năm món dục, thị hiện vào thai mẹ làm cho cha mẹ tưởng Ta là con.

而我過去無數劫來愛欲永盡無染污身無穢食身。

nhi ngã quá khứ vô số kiếp lai ái dục vĩnh tận vô nhiễm ô thân vô ế thực thân

Nhưng trong vô số kiếp quá khứ lâu xa đến nay Ta đã hết ái dục, thân không ô nhiễm, thân không ăn uống tạp ế.

清淨法身諸生已斷。以方便智隨順世間。

thanh tịnh Pháp thân chư sanh dĩ đoạn. dĩ phương tiện trí tùy thuận thế gian.

Thân của Như Lai đây là Pháp thân thanh tịnh, sanh đã diệt tận, vì dùng trí tuệ phương tiện tùy thuận thế gian

於閻浮提生現為童子。北行七步而自稱言。

ư Diêm-phù-đề sanh hiện vi đồng tử. Bắc hành thất bộ nhi tự xưng ngôn.

thị hiện sanh làm Đồng tử ở cõi Diêm-phù-đề, đi bảy bước qua hướng Bắc mà tự xưng rằng:

我於天人阿修羅為無上尊。

ngã ư Thiên Nhơn A-tu-La vi vô thượng tôn.

Ở trong hàng Trời, người, A-tu-la Ta là bậc tôn thượng hơn cả.

父母歡喜舉聲歎曰。我生童子墮地行七步世未曾有。

phụ mẫu hoan hỉ cử thanh thân viết. ngã sanh Đồng tử đọa địa hành thất bộ thế vị tăng hữu.

Cha mẹ vui mừng cao tiếng khen rằng: Con trẻ của ta vừa mới sanh ra, bước xuống đất đi bảy bước, ở đời chưa từng có.

時諸眾生皆言奇特。而我未曾為童子也。

thời chư chúng sanh giai ngôn kì đặc. nhi ngã vị tăng vi Đồng tử dã.

Lúc đó mọi người đều cho là việc kỳ lạ, mà Ta thì chưa từng làm trẻ nhỏ vậy.

無數劫來離嬰兒行。清淨法身非為骨肉穢食所長。

vô số kiếp lai ly anh nhi hành. thanh tịnh Pháp thân phi vi cốt nhục ế thực sở trường.

Vô số kiếp đến nay Ta đã lìa hạnh trẻ nhỏ. Thân của Như Lai là Pháp thân thanh tịnh chẳng phải là thân xương thịt ăn uống ế tạp.

法身示現而為童子隨順世間。

Pháp thân thị hiện nhi vi đồng tử tùy thuận thế gian.

Pháp thân ấy thị hiện làm trẻ nhỏ là vì tùy thuận thế gian.

南行七步現為一切無上福田。

Nam hành thất bộ hiện vi nhất thiết vô thượng phước điền

Đi qua hướng Nam bước bảy bước, thị hiện làm ruộng phước vô thượng cho tất cả chúng sanh.

西行七步現究竟斷生老病死。於一切眾生為最後邊。

Tây hành thất bộ hiện cứu cánh đoạn sanh lão bệnh tử. ư nhất thiết chúng sanh vi tối hậu biên.

Đi qua hướng Tây bước bảy bước thị hiện rốt ráo dứt sanh già bệnh chết, đối với tất cả chúng sanh thân này là thân cuối cùng.

東行七步現為一切眾生前導。向於四維行七步者。

Đông hành thất bộ hiện vị nhất thiết chúng sanh tiền đạo. hướng u tứ duy hành thất bộ giả.

Đi qua hướng Đông bước bảy bước, thị hiện làm Đạo sư cho chúng sanh. Đi qua bốn hướng bước bảy bước,

現斷眾邪煩惱魔行。自在天子皆悉降伏。

hiện đoạn chúng tà phiền não ma hành. Tự Tại Thiên tử giai tất hàng phục. thị hiện dứt các thứ tà kiến phiền não và bốn loài ma, Tự Tại Thiên tử hết thấy đều được hàng phục,

當成應供等正覺道。上方躡虛行七步者。

đương thành Ứng-Cúng đẳng chánh giác đạo. thượng phương niếp hư hành thất bộ giả.

nên thành bậc Ứng Cúng, Đẳng chánh giác. Đi lên bảy bước 現如虛空無能染者。又向下方行七步者。

hiện như hư không vô năng nhiễm giả. hựu hướng hạ phương hành thất bộ giả. thị hiện như hư không, không bị vật dơ làm ô nhiễm. Lại đi xuống bảy bước, 現滅一切泥犁盛火。興大法雲霏大法雨安樂眾生。

hiện diệt nhất thiết nê lê thịnh hỏa. hưng Đại Pháp vân oa Đại Pháp vũ an lạc chúng sanh

thị hiện rưới mưa pháp dập tắt lửa địa ngục cho chúng sanh hưởng an vui; 雨大法雹破諸惡戒。生閻浮提現遺頂髮。

vũ Đại Pháp bạc phá chư ác giới. sanh Diêm-phù-đề hiện di đánh phát。

Rưới mưa đá Pháp lớn phá các giới ác. Nơi cõi Diêm-phù-đề, sau khi sanh bảy ngày, thị hiện cạo tóc,

欲令眾生知此童子頂髮俱生諸天世人無能執刀臨其頂上為剃髮者。

dục linh chúng sanh tri thủ đồng tử đỉnh phát câu sanh chư Thiên thể nhân vô năng chấp đao lâm kỳ đỉnh thượng vi thể phát giả。

mọi người đều cho rằng Như Lai là đứa trẻ mới cạo tóc lần đầu. Kỳ thật, Trời người đều không thể dùng dao cạo được tóc trên đỉnh đầu của Như Lai.

於無數劫已離頂髮現有頂髮。隨順世間現入天祠。

ư vô số kiếp dĩ ly đánh phát hiện hữu đánh phát. tùy thuận thể gian hiện nhập Thiên từ。

Trong vô số kiếp lâu xa về trước, Như Lai đã cạo bỏ râu tóc rồi. Vì muốn tùy thuận thể gian nên thị hiện cạo tóc. Như Lai lại thị hiện vào trong miếu thờ trời.

大力天神釋梵護世稽首奉敬歸命禮足。於無數劫為天人尊。

Đại lực Thiên Thần thích phạm hộ thể khể thủ phụng kính quy mạng lễ túc. ư vô số kiếp vi Thiên Nhơn tôn。

Đại lực Thiên thần, Phạm thích hộ thể cúi đầu cung kính đánh lễ dưới chân Phật. Trong vô số kiếp, Như Lai đã làm thầy của Trời người,

現入天祠隨順世間。於閻浮提或現穿耳。

hiện nhập Thiên từ tùy thuận thể gian. ư Diêm-phù-đề hoặc hiện xuyên nhĩ. nhưng vì tùy thuận thể gian mà vào trong miếu thờ trời. Ở Diêm-phù-đề, Như Lai hoặc thị hiện xỏ tai,

實無有人敢穿其耳。垂髮右旋如師子髮。

thật vô hữu nhân cảm xuyên kỳ nhĩ. thùy phát hữu toàn như Su tử phát.
kỳ thật, không ai dám xỏ lỗ tai Như Lai được. Tóc Như Lai lại xoắn về bên
phải rũ xuống như lông su tử,

一切人民皆見童子垂師子髮。於無數劫已離垂髮。

nhất thiết nhân dân giai kiến Đồng tử thùy Su-tử phát. ư vô số kiếp dĩ ly
thùy phát。

tất cả mọi người thấy trẻ nhỏ tóc rũ xuống như lông su tử. Nhưng trong vô
số kiếp, Ta đã xỏ lìa tóc rũ xuống,

現垂右旋師子之髮隨順世間。

hiện thùy hữu toàn Su tử chi phát tùy thuận thế gian。

vì tùy thuận thế gian mà thị hiện tóc rũ xuống bên phải như lông Su tử。

於閻浮提現入書堂。於三界中莫能為師。

ư Diêm-phù-đề hiện nhập thư đường. ư tam giới trung mạc năng vi sư
Ở Diêm-phù-đề, Như Lai thị hiện vào học đường. Kỳ thật, trong ba cõi không
ai có khả năng làm thầy của Như Lai.

唯我應為天人作師。是故名為一切種智。

duy ngã ứng vi Thiên Nhơn tác sư. thị cố danh vi Nhất thiết chủng trí。
Chỉ có Ta là thầy của Trời và người nên gọi là bậc Nhất thiết chủng trí。

於無數劫已曾學書。成阿耨多羅三藐三菩提。

ư vô số kiếp dĩ tăng học thư. thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。
Trong vô số kiếp, Ta đã từng vào học đường học tập và đã thành A-nậu-đa-la
Tam-miệu-tam-bồ-đề,

現行學書隨順世間。現乘象馬寶車畜諸寶藏。

hiện hành học thư tùy thuận thế gian. hiện thừa tượng mã bảo xa súc chu
bảo tạng。

nhưng vì tùy thuận thế gian mà thị hiện vào học đường. Như Lai lại thị
hiện cõi voi, ngựa, xe báu, cất chứa kho báu,

身處深宮嫪女自娛。領理國事實無染著。

thân xử thâm cung thể nữ tự ngu. lĩnh lý quốc sự thật vô nhiễm trước。
thân ở thâm cung vui chơi cùng thể nữ, thống lĩnh việc nước, nhưng thật
không đắm nhiễm。

久已捨離猶如棄唾。

cửu dĩ xả ly do như khí thóa。

Như Lai đã từ lâu lìa bỏ những thứ ấy như bỏ nước mũi dãi。

現受五欲領理國事為轉輪王王閻浮提。於無數劫已捨王位。能轉無上甘露法輪

hiện thọ ngũ dục lĩnh lý quốc sự vi chuyển luân Vương Vương Diêm-phù-đề. ư
vô số kiếp dĩ xả Vương vị. năng chuyển vô thượng cam lộ Pháp luân

Như Lai lại thị hiện thọ năm món dục lạc, thống lĩnh việc nước, làm Chuyển
Luân vương, làm vua ở cõi Diêm-phù-đề. Kỳ thật, Như Lai thường chuyển bánh
xe pháp Vô thượng cam lộ,

現轉輪王隨順世間。於閻浮提現老病死。

hiện Chuyển Luân Vương tùy thuận thế gian. ư Diêm-phù-đề hiện lão bệnh tử。
vì tùy thuận thế gian mà thị hiện làm Vua Chuyển Luân. Ở trong Diêm-phù-
đề, Như Lai thị hiện già, bệnh, chết,

棄捨中宮種種欲樂。

khí xả trung cung chúng chúng dục lạc.

lìa bỏ các thứ dục lạc ở trong cung,

出家學道眾人皆見童子出家。為度人故而現出家隨順世間。

xuất gia học đạo chúng nhân giai kiến Đồng tử xuất gia. vị độ nhân cố nhi hiện xuất gia tùy thuận thế gian

xuất gia học đạo. Mọi người thấy đều cho rằng đồng tử xuất gia. Vì hóa độ mọi người và tùy thuận thế gian mà Như Lai thị hiện xuất gia;

現為須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢四沙門果。

hiện vị Tu-đà-hoàn Tu-đà-hàm A-na-hàm A-la-hán tứ Sa-môn quả.

Thị hiện làm bốn quả Sa-môn: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán,

九次正受修四真諦。

cửu thứ chánh thọ tu tứ chân đế.

quán cửu tướng, tu tập bốn chân đế,

眾生悉見而我疾成無上羅漢。已無數劫究竟羅漢。為度人故示現初成。

chúng sanh tất kiến nhi ngã tật thành vô thượng La-hán. dĩ vô số kiếp cứu cánh La-hán. vị độ nhân cố thị hiện sơ thành.

chúng sanh thấy đều cho rằng Ta mau thành vô thượng La-hán. Nhưng từ vô số kiếp Ta đã rất ráo thành tựu A-La-hán rồi. Vì hoá độ mọi người, Như Lai thị hiện mới thành,

往詣樹下現坐草蓐。降伏眾魔成無上道。

vãng nghê thụ hạ hiện tọa thảo nhục. hàng phục chúng ma thành vô thượng đạo.

hiện trải cỏ làm tòa, ngồi nơi đạo tràng dưới cội Bồ-đề hàng phục chúng ma thành Vô thượng đạo.

於無數劫眾魔諸惱皆已降伏得甘露法。

ư vô số kiếp chúng ma chư não giai dĩ hàng phục đắc cam lộ Pháp

Nhưng trong vô số kiếp, Như Lai đã hàng phục chúng ma và các phiền não, được Pháp cam lộ.

現出入息大小便利。清淨法身無此諸患。

hiện xuất nhập tức Đại tiểu tiện lợi. thanh tịnh Pháp thân vô thử chư hoạn.

Như Lai lại thị hiện đại tiện, tiểu tiện, thở ra, thở vào. Kỳ thật, thân Như Lai là pháp thân thanh tịnh, không có những thứ bệnh này.

現於人法隨順世間。現受飲食為眾生故。

hiện ư nhân Pháp tùy thuận thế gian. hiện thọ ẩm thực vi chúng sanh cố. Vì tùy thuận pháp thế gian mà Như Lai thị hiện như vậy. Như Lai lại thị hiện nhận sự ăn uống của chúng sanh dâng cúng,

其實無有飢渴之想。為現飲食隨順世間。

kỳ thật vô hữu cơ khát chi tướng. vị hiện ẩm thực tùy thuận thế gian.

kỳ thật, không có tướng đói khát. Vì tùy thuận pháp thế gian mà Như Lai thị hiện sự ăn uống như vậy.

於無數劫常得甚深諸波羅蜜。不隨時節現居舍宅。

ư vô số kiếp thường đắc thậm thâm chư Ba-la-mật. bất tùy thời tiết hiện cư xá trạch.

Trong vô số kiếp, Như Lai đã được Ba-la-mật thậm thâm, chẳng theo thời tiết. Như Lai lại thị hiện ở trong nhà,

其實無有睡眠噉患欠呿頻申身諸苦痛。

kỳ thật vô hữu thụy miên uyết hoạn khiếm khư ân thân thân chu khổ thống. kỳ thật, không có ngủ nghỉ, nôn oẹ, miệng ngáp, duỗi thân và các bệnh khổ.

現依舍宅隨順世間。

hiện y xá trạch tùy thuận thể gian.

Vì tùy thuận pháp thể gian mà Như Lai thị hiện ở trong nhà.

示現坐臥經行瞻視顧眄屈伸俯仰。真實法身無此形類。

thị hiện tọa ngọa kinh hành chiêm thị cố miện khuất thân phủ nguống. chân thật Pháp thân vô thử hình loại.

Như Lai lại thị hiện ngồi, nằm, kinh hành, ngoái ngó, liếc mắt, cúi nguống. Nhưng thân của Như Lai là pháp thân chân thật, không một loại thân hình nào sánh được.

示現洗浴麻油塗身楊枝澡漱著明目藥。斯非清淨法身所須。

thị hiện tẩy dục ma du đồ thân dương chi táo sấu trước minh mục dục. tu phi thanh tịnh Pháp thân sở tu.

Như Lai lại thị hiện tắm rửa, dầu thoa thân, xia răng, súc miệng, thuốc chữa mắt sáng. Kỳ thật, thân Như Lai là pháp thân thanh tịnh nên chẳng cần đến những thứ ấy.

手足柔軟如蓮華葉。口氣香潔如優鉢羅。

thủ túc nhu nhuyễn như liên hoa diệp. khẩu khí hương khiết như Ưu-bát-la.

Tay chân mềm mại như lá hoa sen, hơi miệng thơm sạch như hoa Ưu-bát-la,

其目清淨猶如明月。示現此法隨順世間。

kỳ mục thanh tịnh do như minh nguyệt. thị hiện thử Pháp tùy thuận thể gian.

đôi mắt trong sạch như trăng sáng. Vì tùy thuận thể gian mà Như Lai thị hiện như vậy.

現行少欲乞食僦蹠著糞掃衣。

hiện hành thiểu dục khát thực thô sơ trước phần tảo y.

Như Lai lại thị hiện thực hành hạnh thiểu dục và khát thực, mặc y phần tảo thô sơ.

於無量劫沙門苦行悉已究竟。現處人間為羅睺羅父。

ư vô lượng kiếp Sa-môn khổ hạnh tất dĩ cứu cánh. hiện xử nhân gian vi La-hầu-la phụ.

Trong vô lượng kiếp Như Lai làm Sa-môn hành khổ hạnh đã rốt ráo. Như Lai lại thị hiện ở đời làm cha của La-hầu-la,

淨飯王子其母摩耶。眷屬成就能厭世樂。

Tịnh Phạn Vương tử kỳ mẫu Ma Da. quyến thuộc thành tựu năng yếm thể lạc. con trai vua Tịnh Phạn và mẹ là Hoàng hậu Ma Da, quyến thuộc đông đúc, thường nhàm chán các thú vui ở đời,

出家學道處林樹間。現欲之優劣樂之差降。

xuất gia học đạo xứ lâm thụ gian. hiện dục chi ưu liệt lạc chi sai hàng. xuất gia học đạo ở giữa rừng cây, hiện tướng lo buồn về sự ham muốn dục lạc là việc sai lầm hạ liệt,

捨王太子瞿曇大姓。現行出家度眾生故。

xả Vương Thái tử Cồ Đàm đại tính. hiện hành xuất gia độ chúng sanh cố.
bèn xả bỏ vương vị Thái tử dòng họ Cồ Đàm. Vì hóa độ chúng sanh nên thị
hiện đi xuất gia,

非為如來染著五欲為羅睺羅父。現有父母隨順世間。

phi vi Như Lai nhiễm trước ngũ dục vi La-hầu-la phụ. hiện hữu phụ mẫu tùy
thuận thế gian

chẳng phải Như Lai nhiễm trước năm món dục mà sanh La-hầu-la. Vì tùy thuận
pháp thế gian mà Như Lai thị hiện có cha mẹ.

其諸眾生謂為世人。其實如來非天非人。

kỳ chư chúng sanh vị vi thế nhân. kỳ thật Như Lai phi Thiên phi nhân.
Các chúng sanh thấy vậy cho Như Lai là nhân loại. Kỳ thật, Như Lai chẳng
phải Trời, chẳng phải người.

復於閻浮提現般泥洹而不畢竟入於泥洹。

phục ư Diêm-phù-đề hiện bát Nê-hoàn nhi bất tất cánh nhập ư Nê-hoàn.
Như Lai ở trong Diêm-phù-đề lại thị hiện nhập Nê-hoàn, mà thật, Như Lai
chẳng rớt ráo nhập Nê-hoàn.

眾生皆謂如來永滅。而今如來法身常住。

chúng sanh giai vị Như Lai vĩnh diệt. nhi kim Như Lai Pháp thân thường trụ
Chúng sanh đều cho rằng Như Lai diệt độ, mà nay Pháp thân của Như Lai vẫn
thường trụ.

非變易法非磨滅法。諸佛常法示現泥洹。

phi biến dịch Pháp phi ma diệt Pháp. chư Phật thường Pháp thị hiện Nê-hoàn
Pháp thân của Như Lai chẳng phải là pháp biến đổi, chẳng phải là pháp hoại
diệt. Pháp thường của chư Phật là thị hiện Nê-hoàn,

又為比丘犯四重法眾人悉見。其實不為懈怠之行。

hựu vị Tỳ-kheo phạm tứ trọng Pháp chúng nhân tất kiến. kỳ thật bất vi giải
đãi chi hành

lại vì các Tỳ-kheo mà thị hiện phạm bốn trọng tội, mọi người đều thấy. Kỳ
thật, Như Lai không làm hạnh giải đãi.

或復現為一闍提行或現破僧。

hoặc phục hiện vi Nhất-xiển-đề hành hoặc hiện phá Tăng.

Hoặc lại thị hiện làm Nhất-xiển-đề, hoặc thị hiện phá Tăng,

眾人悉見作無間業。其實無有壞僧之心。

chúng nhân tất kiến tác vô gián nghiệp. kỳ thật vô hữu hoại tăng chi tâm
mọi người đều thấy làm nghiệp vô gián. Kỳ thật, Như Lai không có tâm phá
hoại Tăng,

亦無有僧而可壞者。於閻浮提護持正法。眾生悉見護法大士。

diệc vô hữu tăng nhi khả hoại giả. ư Diêm-phù-đề hộ trì chánh Pháp. chúng
sanh tất kiến Hộ Pháp đại sĩ.

cũng không có Tăng để có thể phá hoại. Như Lai lại ở Diêm-phù-đề hộ trì
chánh Pháp, chúng sanh đều thấy Hộ Pháp đại sĩ.

此則諸佛菩薩常法。

thử tắc chư Phật Bồ-tát thường Pháp.

Đây là pháp thường của chư Phật và Bồ-tát.

於閻浮提現為天魔眾生悉見。其實不為眾魔之業。

ư Diêm-phù-đề hiện vi Thiên ma chúng sanh tất kiến. kỳ thật bất vi chúng ma chi nghiệp.

Như Lai ở trong Diêm-phù-đề lại thị hiện làm Thiên ma, mọi người đều thấy, kỳ thật chẳng làm nghiệp của chúng ma.

於閻浮提現為女像。眾生見已悉皆嘆曰。

ư Diêm-phù-đề hiện vi nữ tượng. chúng sanh kiến dĩ tất giai thán viết.

Như Lai ở trong Diêm-phù-đề lại thị hiện làm hình nữ, chúng sanh thấy rồi đều than rằng:

奇哉今日女人作佛。其實如來非為女身。稱彼所欲各隨因緣。

kì tai kim nhật nữ nhân tác Phật. kỳ thật Như Lai phi vi nữ thân. xung bí sở dục các tùy nhân duyên.

Kỳ lạ thay! Ngày nay người nữ làm Phật! Kỳ thật, Như Lai chẳng phải là thân nữ. Vì tùy nhân duyên muốn xung gọi của những chúng sanh kia

現男女像隨順世間。

và tùy thuận pháp thế gian mà Như Lai thị hiện làm hình nam hình nữ.

於閻浮提現生四種畜生趣中。眾生皆謂真實畜生。

ư Diêm-phù-đề hiện sanh tứ chủng súc sanh thú trung. chúng sanh giai vị chân thật súc sanh.

Như Lai ở trong Diêm-phù-đề thị hiện sanh làm súc sanh ở trong bốn loài.

Chúng sanh đều cho thật là súc sanh,

其實不為彼畜生行。現入畜生隨順世間。

kỳ thật bất vi bí súc sanh hành. hiện nhập súc sanh tùy thuận thế gian.

kỳ thật, chẳng làm thân súc sanh kia. Vì tùy thuận thế gian mà Như lai thị hiện vào loài súc sanh.

入梵天中現為梵天而作師長。其諸眾生事梵天者。

nhập Phạm Thiên trung hiện vi Phạm Thiên nhi tác sư trưởng. kỳ chu chúng sanh sự Phạm Thiên giả.

Như Lai lại vào trong Phạm Thiên thị hiện làm Phạm Thiên, mà làm Sư trưởng để

方便誘進使入正法不習彼業。現梵天像隨順世間。

phương tiện dụ tiến sử nhập chánh Pháp bất tập bỉ nghiệp. hiện Phạm Thiên tượng tùy thuận thế gian.

phương tiện dẫn dắt các chúng sanh thờ phụng Phạm Thiên kia vào trong chánh Pháp, không còn huân tập nghiệp kia nữa. Vì tùy thuận pháp thế gian mà Như Lai thị hiện hình tướng Phạm Thiên.

現入婬舍度諸婬種不興欲想。

hiện nhập dâm xá độ chư dâm chủng bất hưng dục tưởng.

Như Lai lại thị hiện vào nhà gái dâm để độ cho các dâm nữ nhưng không khởi niệm dục,

心如蓮華塵水不污。莊嚴其身遊諸四衢。

tâm như liên hoa trần thủy bất ô. trang nghiêm kỳ thân du chư tứ cù.

lòng trong sạch như hoa sen không bị nhuộm bùn nhơ, thân ấy trang nghiêm, dạo đi các ngã tư đường

方便誘化染心眾生。

phương tiện dụ hóa nhiễm tâm chúng sanh.

phương tiện giáo hóa những chúng sanh có tâm ô nhiễm.

入諸妓舍現為女人化以正法入學書堂現為師長化諸童蒙。或入酒會博弈戲處。

nhập chư kĩ xá hiện vị nữ nhân hóa dĩ chánh Pháp nhập học thư đường hiện vị sư trưởng hóa chư đồng môn. hoặc nhập tửu hội bác dịch hí xú.

Như Lai lại thị hiện vào nhà kỹ nữ, dùng chánh pháp để giáo hóa những người nữ, thị hiện vào học đường để dạy học, hoặc thị hiện vào quán rượu, chơi bài đánh bạc,

為教化故不同彼業。

vị giáo hóa cố bất đồng bỉ nghiệp.

vì giáo hóa chứ không phải cùng nghiệp với họ;

往詣塚間度諸鳥獸不取見想。入諸長者授以正法。

vãng nghê trung gian độ chư điều thú bất thủ kiến tướng. nhập chư Trưởng-Giả thụ dĩ chánh Pháp.

Thị hiện đến chỗ gò má để độ các các loài chim, muôn thú nhưng không chấp giữ quan điểm; Thị hiện làm Trưởng giả để trao truyền chánh Pháp;

入大臣中教令正治。入諸王子化令護法。

nhập Đại Thần trung giáo linh chánh trì. nhập chư Vương tử hóa linh hộ Pháp.

Thị hiện làm Đại thần để dìu dắt họ tu chánh pháp; Thị hiện làm vương tử để giáo hóa làm cho nhân dân ủng hộ Phật pháp;

入諸王者化以先王正法治國。現疾疫劫為之設藥。

nhập chư Vương giả hóa dĩ tiên Vương chánh Pháp trị quốc. hiện tật dịch kiếp vi chi thiết dược.

Thị hiện làm vua để giáo hóa, trước dùng chánh pháp trị nước; Thị hiện kiếp tật dịch để ban cho thuốc hay

令諸病者厭離身苦導以正法。眾生謂是真疾疫劫。

linh chư bệnh giả yếm ly thân khổ đạo dĩ chánh Pháp. chúng sanh vị thị chân tật dịch kiếp.

làm cho những người bệnh nhàm chán thân khổ mà dẫn dắt vào chánh Pháp, chúng sanh cho rằng đây là kiếp tật dịch thật;

現穀貴劫飢乏眾生施甘露食導以正法。

hiện cốc quý kiếp cơ phạp chúng sanh thí cam lộ thực đạo dĩ chánh Pháp.

Lại thị hiện cơ cần tai, trước bố thí cơm áo sau ban cho cam lồ chánh pháp,

眾生謂是真穀貴劫。現刀兵劫眾生各各共相傷害。

chúng sanh vị thị chân cốc quý kiếp. hiện đao binh kiếp chúng sanh các các cộng tương thương hại.

chúng sanh cho là kiếp cơ cần thật; Lại thị hiện kiếp đao binh, mỗi mỗi chúng sanh đều làm thương hại lẫn nhau,

化令和同導以正法。眾生謂是真刀兵劫。

hóa linh hòa đồng đạo dĩ chánh Pháp. chúng sanh vị thị chân đao binh kiếp sau giáo hóa làm cho hòa đồng nhau rồi dẫn dắt họ vào trong chánh pháp, chúng sanh cho rằng đây là kiếp đao binh thật;

現為劫燒計常眾生示無常相。

hiện vi kiếp thiêu kế thường chúng sanh thị vô thường tướng.

Lại thị hiện làm kiếp thiêu, chấp thường để chỉ bày cho chúng sanh tướng vô thường,

眾生謂是真實劫燒。於一切眾生各同其語。

chúng sanh vị thị chân thật kiếp thiêu. ư nhất thiết chúng sanh các đồng kỳ ngữ

chúng sanh cho rằng đây là kiếp thiêu thật. Đối với tất cả chúng sanh, Như Lai đều đồng ngôn ngữ với họ

音聲微妙勝彼彼類。樂音眾生因而得度。

âm thanh vi diệu thắng bỉ bỉ loại. nhạc âm chúng sanh nhân nhi đắc độ.

nhưng âm thanh thì vi diệu hơn hẳn các loài kia. Chúng sanh do thích âm thanh đó mà được độ.

現為四種地水火風。一一隨種染著眾生因斯得度。

hiện vi tứ chủng địa thủy hỏa phong. nhất nhất tùy chủng nhiễm trước chúng sanh nhân tu đắc độ.

Lại thị hiện làm bốn thứ đất nước lửa gió, tùy chúng sanh đắm trước mỗi mỗi loại, nhân đó mà được độ.

現為藥樹救療眾生因斯得度。入諸邪道而現出家。

hiện vi dược thụ cứu liệu chúng sanh nhân tu đắc độ. nhập chư tà đạo nhi hiện xuất gia.

Lại thị hiện làm cây thuốc chữa bệnh cho chúng sanh, nhân đó mà được độ; Lại vào các nhà tà đạo thị hiện làm người xuất gia,

各為彼眾而作導師。於無數劫已離外道。

các vị bỉ chúng nhi tác Đạo sư. ư vô số kiếp dĩ ly ngoại đạo

đều vì các nhà ngoại đạo kia mà làm đạo sư. Kỳ thật, Như Lai trong vô số kiếp đã lìa ngoại đạo,

示現出家導以正法。現為工巧醫方呪術。

thị hiện xuất gia đạo dĩ chánh Pháp. hiện vi công xảo y phương chú thuật

nhưng thị hiện xuất gia để dìu dắt chúng sanh vào chánh pháp; Lại thị hiện làm nghề hay, bác sĩ, chú thuật.

一切眾生及諸外道各懷憍慢。故於其中種種現化。

nhất thiết chúng sanh cập chư ngoại đạo các hoài kiêu mạn. cố ư kỳ trung chủng chủng hiện hóa.

Tất cả chúng sanh cùng các ngoại đạo đều ôm lòng kiêu mạn nên Như Lai ở trong đó tùy mỗi hạng người mà hiện hóa độ,

降伏眾邪憍慢貢高導以正法。

hàng phục chúng tà kiêu mạn cống cao đạo dĩ chánh Pháp.

hàng phục những người có tà kiến, kiêu mạn cống cao mà dìu dắt họ vào chánh Pháp.

眾生見已謂為世人。如來常住離世間法。

chúng sanh kiến dĩ vị vi thế nhân. Như Lai thường trụ ly thế gian Pháp.

Chúng sanh thấy rồi cho là người thế gian, kỳ thật, Như Lai là pháp thường trụ, xa lìa pháp thế gian;

乃至現為下賤僕使隨類度人。

nãi chí hiện vi hạ tiện bộc sử tùy loại độ nhân.

Cho đến thị hiện làm kẻ hạ tiện, tôi tớ, tùy mỗi chủng loại mà hóa độ họ.

於閻浮提種種異業無不現化。其實如來不與同事。現為其像隨順世間。

ư Diêm-phù-đề chúng chúng dị nghiệp vô bất hiện hóa。 kỳ thật Như Lai bất dữ đồng sự。 hiện vi kỳ tượng tùy thuận thể gian。

Ở cõi Diêm-phù-đề, có bao nhiêu nghiệp khác, không nghiệp nào mà Như Lai không thị hiện để giáo hóa. Kỳ thật, Như Lai chẳng cùng những nghiệp ấy với họ, vì tùy thuận pháp thể gian nên hiện các hình tướng như vậy.

北鬱單曰。

Bắc Uất-đơn-việt。

Bắc Uất-đơn-việt,

西拘耶尼東弗于建二十五處乃至三千大千世界。於中現化隨順世間。

Tây Câu-da-ni Đông Phát-vu-kiến nhị thập ngũ xứ nãi chí tam Thiên Đại

Thiên thể giới。 ư trung hiện hóa tùy thuận thể gian

Tây Câu-da-ni, Đông Phát-vu-kiến, hai mươi lăm cõi cho đến ba ngàn Đại thiên thể giới, Như Lai ở trong đó tùy thuận thể gian mà thị hiện hóa độ như首楞嚴三昧廣說。 如來成就大方便智。

như Thủ Lăng Nghiêm tam muội quảng thuyết。 Như Lai thành tựu Đại phương tiện trí。

như trong Thủ Lăng Nghiêm tam muội đã nói. Như Lai thành tựu đại trí tuệ phương tiện,

一切所為無不現化。是故名曰大般泥洹。

nhất thiết sở vi vô bất hiện hóa。 thị cố danh viết Đại Bát-nê-hoàn。 tất cả không gì không hóa hiện được, nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn。

菩薩摩訶薩住是功德。

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ thị công đức。

Đại Bồ-tát an trụ công đức như vậy

悉能隨類種種變化自在無畏。不應復疑羅睺羅父。當知如來於無數劫。

tất năng tùy loại chúng chúng biến hoá tự tại vô úy。 bất ứng phục nghi la hầu la phụ。 đương tri Như Lai ư vô số kiếp。

đều có thể tùy thuận mà thị hiện vô số thần thông biến hóa tự tại nhưng không chút e sợ; Lại chẳng nên nghi ngờ Như Lai là cha của La-hầu-la. Phải biết Như Lai trong vô số kiếp

已離生死愛欲大海。是故如來為常住法。

dĩ ly sanh tử ái dục đại hải。 thị cố Như Lai vi thường trụ Pháp

đã lìa biển lớn ái dục sanh tử. Vì vậy Như Lai là Pháp thường trụ,

非變易法非磨滅法。

phi biến dịch Pháp phi ma diệt Pháp。

chẳng phải pháp biến đổi, chẳng phải pháp hoại diệt.

迦葉菩薩白佛言若使如來是常住法非磨滅法非變易法者。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn nhược sử Như Lai thị thường trụ Pháp phi ma diệt Pháp phi biến dịch Pháp giả。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Giả sử Như Lai là Pháp thường trụ, chẳng phải pháp hoại diệt, chẳng phải pháp biến đổi,

何如來稱歎泥洹。譬如燈滅。其所至處莫能知者。

vân hà Như Lai xưng tán Nê-hoàn。 thí như đăng diệt。 kỳ sở chí xứ mạc năng tri giả。

sao Như Lai lại tán thán Nê-hoàn như ngọn đèn đã tắt, ngọn đèn ấy đi đến chỗ nào chẳng thể biết được?

佛告迦葉。我現此喻非如是說。善男子。

Phật cáo Ca-diếp. ngã hiện thử dụ phi như thị thuyết. thiện nam tử.

Phật bảo Ca-diếp: Ta làm dẫn dụ đây chẳng phải nói như vậy. Này thiện nam tử!

譬如器盛酥油燃燈。酥油既盡名為燈滅。

thí như khí thịnh tô du Nhiên Đăng. tô du ký tận danh vi đăng diệt.

Thí như thắp ngọn đèn dầu đầy, khi dầu còn thì ngọn đèn còn cháy, khi dầu hết thì ngọn đèn tắt

其器猶存。如來亦然。酥油煩惱熾燃悉滅。

kỳ khí do tồn. Như Lai diệt nhiên. tô du phiền não sí nhiên tất diệt.

nhưng bình đèn vẫn còn. Như Lai cũng vậy, đèn dầu phiền não thấy đều dứt, như đèn thường còn không tắt. Nếu dầu và bình đèn cả hai đều hết,

Như Lai đăng khí thường tồn bất diệt. nhược đương tô du dĩ khí câu tận giả bình đèn Như Lai vẫn thường còn chẳng tắt. Nếu dầu và bình đèn cả hai đều hết,

如來泥洹亦當俱盡。燈滅器存。是故如來。

Như Lai Nê-hoàn diệt đương câu tận. đăng diệt khí tồn. thị cố Như Lai.

Như Lai và Niết-bàn cũng đều phải hết. Nhưng ở đây ngọn đèn tắt, bình đèn còn nên Như Lai

不沒不生泥洹快樂。復次善男子。我說燈滅喻阿羅漢。

bất một bất sanh Nê-hoàn khoái lạc. phục thứ thiện nam tử. ngã thuyết đăng diệt dụ A-la-hán.

chẳng diệt, chẳng sanh, Nê-hoàn là an vui. Lại nữa, này thiện nam tử! Ta nói đèn tắt đó là dụ cho bậc A-la-hán,

非謂泥洹。阿羅漢者得增上果。

phi vị Nê-hoàn. A-la-hán giả đắc tăng thượng quả.

chẳng phải nói đèn tắt đồng với Niết-bàn. A-la-hán đã được tăng thượng quả,

世間穢食貪欲悉滅究竟欲食。譬如燈滅。

thế gian uế thực tham dục tất diệt cứu cánh dục thực. thí như đăng diệt.

sự tham muốn ăn uống uế tạp ở thế gian thấy đều rốt ráo không còn như đèn tắt.

阿那含者其義亦然。故我方便說微密教。非說泥洹。

A-na-hàm giả kỳ nghĩa diệt nhiên. cố ngã phương tiện thuyết vi Mật

Giáo. phi thuyết Nê-hoàn.

Nghĩa của A-na-hàm cũng vậy, nên Ta phương tiện nói vi mật giáo, chẳng phải nói Nê-hoàn.

迦葉菩薩白佛言。阿那含者有何等義。佛告迦葉。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. A-na-hàm giả hữu hà đẳng nghĩa. Phật cáo Ca-diếp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: A-na-hàm có những nghĩa thế nào? Phật bảo Ca-diếp:

不還受身名阿那含迦葉菩薩白佛言。

Bất hoàn thọ thân danh A-na-hàm Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn.
Bạch A-na-hàm chẳng thọ thân trở lại nên gọi là A-na-hàm. Bồ-tát Ca-diếp
bạch Phật rằng:

云何世尊。如來亦有隱祕之法如幻師耶。佛言不也。

vân hà Thế tôn. Như Lai diệc hữu ẩn bí chi Pháp như huyễn sư da. Phật ngôn
phát dã.

Thế nào, bạch Thế Tôn! Như Lai cũng có pháp bí ẩn như huyễn sư chẳng? Phật
dạy: Như Lai thật không có pháp bí mật.

我所說法譬如秋月盛滿之時。

ngã sở thuyết Pháp thí như thu nguyệt thịnh mãn chi thời

Pháp Ta nói như trăng tròn giữa đêm Thu,

離婬怒癡無諸障蔽亦無隱祕。又如長者錢財巨億。

ly dâm nộ si vô chư chương tế diệc vô ẩn bí. hựu như Trưởng-Già tiền tài
cự úc

lìa dâm dục, sân hận, ngu si, không có ngăn che, cũng không có gì bí ẩn.

Lại như Trưởng già giàu có nhiều của,

唯有一子情所愛重。將詣師門教學半字。

duy hữu nhất tử tình sở ái trọng. tương nghệ sư môn giáo học bán tự.

chỉ có một đứa con trai. Trưởng già rất cưng yêu con, dắt đến nhà trường
dạy học bán tự.

時節未久懼不速成。

thời tiết vị cửu cụ bất tốc thành.

Thời gian chưa bao lâu, sợ không được mau thành tài nên

父自追還晝夜慙懃教學半字。云何善男子。其父教子學半字時。

phụ tự truy hoàn trú dạ ân cần giáo học bán tự. vân hà thiện nam tử. kỳ phụ
giáo tử học bán tự thời.

người cha lại dắt về, ngày đêm lo lắng, ân cần dạy bán tự. Thế nào, này
thiện nam tử! Lúc người cha dạy con học bán tự,

寧能悉知一切記論不。若能悉知一切記論。

ninh năng tất tri nhất thiết kí luận phủ. nhược năng tất tri nhất thiết kí
luận,

người con có thể biết hết tất cả ký luận không? Nếu có thể biết hết tất cả
ký luận,

其父云何教學半字。

kỳ phụ vân hà giáo học bán tự.

vì sao người cha chỉ dạy bán tự thôi?

豈於愛子有所隱覆不教記論耶。迦葉答曰。不也世尊。

khởi ư ái tử hữu sở ẩn phúc bất giáo kí luận da. ca diếp đáp viết. bất dã
Thế tôn.

Phải chẳng Trưởng già có chỗ che dấu con yêu không dạy ký luận chẳng? Ca-
diếp bạch rằng: Thưa không, bạch Thế Tôn!

其子童蒙未能知論故不教學。若當祕悋名為隱覆。

kỳ tử đồng mông vị năng tri luận cố bất giáo học. nhược đương bí lận danh
vi ẩn phúc.

Vì đứa con còn thơ ấu, chưa thể biết ký luận nên chẳng dạy học. Nếu có lòng lẫn tiếc mới gọi là che dấu,

虛心勸勵隨力漸教不名隱覆。佛告迦葉。善哉善哉。

hu tâm khuyên lệ tùy lực tiệm giáo bất danh ẩn phúc. Phật cáo Ca-diếp. Thiện tai Thiện tai.

tâm rộng rang và khích lệ con tùy sức mà dạy dần dần nên không gọi là che dấu. Phật bảo Ca-diếp: Hay thay! Hay thay!

善男子。如汝所說。

thiện nam tử. như nhữ sở thuyết.

Này thiện nam tử! Như lời ông nói,

恚恨慳惜而祕恪者名為隱覆。我於一切眾生慈心愛念如一子想。

Nhuế hận khan tích nhi bí lậ giả danh vi ẩn phúc. ngã ư nhất thiết chúng sanh từ tâm ái niệm như nhất tử tưởng.

nếu có lòng tật đố, giận hờn, lẫn tiếc mới gọi là che dấu. Ta đối với tất cả chúng sanh có lòng thương xót tưởng như con một.

以其童蒙未堪深法故不為說。

dĩ kỳ đồng mông vị kham thâm Pháp cổ bất vi thuyết.

Vì những đứa trẻ ngu muội kia chưa kham nhận được Phật pháp nên chẳng nói, như dạy con học bán tự. 我亦如是說九部經。

như bí giáo tử sơ học bán tự. ngã diệc như thị thuyết cửu bộ Kinh.

như người cha ấy ban đầu dạy con bán tự. Ta cũng như vậy, nói chín bộ kinh,

十種智力四真諦法。八聖道分甚深記論。方等大乘悉不為說。

thập chủng trí lực tứ chân đế Pháp. bát Thánh đạo phần thâm thâm kí luận. phương đẳng Đại thừa tất bất vi thuyết.

mười thứ trí lực, bốn Chân đế, Bát Thánh đạo phần, luận ký thâm sâu, Đại Thừa Phương Đẳng, tất cả đều không vì đó mà nói.

復次善男子。譬如長者教其愛子。先學半字。

phục thứ thiện nam tử. thí như Trưởng giả giáo kỳ ái tử. tiên học bán tự
Lại nữa, này thiện nam tử! Thí như Trưởng giả, vì thương con trước dạy bán tự,

半字既正。次第教學甚深記論令子成就。

bán tự ký chánh. thứ đệ giáo học thâm thâm kí luận linh tử thành tựu.

học bán tự xong, thứ đến dạy học luận ký thâm sâu khiến cho con thành tựu.

我亦如是。但為弟子說九部經。

ngã diệc như thị. đản vị đệ tử thuyết cửu bộ Kinh.

Ta cũng như vậy, chỉ nói cho đệ tử chín bộ kinh,

知其堪受然後為說大乘記論。如來長存非變易法。

tri kỳ kham thọ nhiên hậu vi thuyết Đại thừa kí luận. Như Lai trường tồn phi biến dịch Pháp.

biết kia kham nổi, sau mới nói luận ký Đại thừa: Như Lai thường còn chẳng phải pháp biến đổi,

令諸眾生慧眼開廣。又善男子。

linh chư chúng sanh tuệ nhãn khai quảng. hựu thiện nam tử.

làm cho các chúng sanh mở rộng mắt tuệ. Lại nữa, này thiện nam tử!

譬如夏時興雲雷電必雨大雨。百穀草木悉蒙潤澤。

thí như hạ thời hung vân lôi điện tất vũ Đại vũ. bách cốc thảo mộc tất
mông nhuận trạch.

Thí như tháng mùa Hạ, kéo mây nổi sấm xối mưa lớn. Trăm thứ cỏ cây đều
được thấm nhuận.

如來今日亦復如是。興大泥洹微密法雲震大法音。

Nhu Lai kim nhật diệc phục như thị. hung Đại Nê-hoàn vi mật Pháp vân chấn
Đại Pháp âm.

Nhu Lai hôm nay cũng lại như vậy, xối mưa pháp lớn, nổi sấm lớn Đại Nê-
hoàn,

必雨甘露法雨安樂眾生。迦葉菩薩白佛言。

tất vũ cam lộ Pháp vũ an lạc chúng sanh. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn.
rưới mưa pháp cam lồ để an lạc chúng sanh. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:
如世尊說無所藏積曉了搏食。

như Thế tôn thuyết vô sở tạng tích hiều liễu đoàn thực.

Nhu Thế Tôn nói: "Không chỗ chứa nhóm, nơi ăn biết đủ,

如鳥飛空足跡難尋。此有何義。佛告迦葉。積者聚積義。

như điểu phi không túc tích nan tầm. thử hữu hà nghĩa. Phật cáo ca
diếp. tích giả tụ tích nghĩa.

như chim bay không, dấu không thể tìm", nghĩa này thế nào? Phật bảo Ca-
diếp: Chứa nhóm nghĩa là tích chứa,

受取增益義。藏者庫藏義。藏有所受。

thọ thủ tăng ích nghĩa. tạng giả khố tạng nghĩa. tạng hữu sở thọ.

nghĩa là nhận lấy thêm sự lợi ích. Tạng nghĩa là kho chứa, là kho có chỗ
dung nạp

故曰藏積。藏積有二種。有為藏積。無為藏積。

cố viết tạng tích. tạng tích hữu nhị chủng. hữu vi tạng tích. vô vi tạng
tích

nên gọi là chứa nhóm. Chứa nhóm có hai thứ: Chứa nhóm hữu vi và chứa nhóm
vô vi.

有為藏積者謂聲聞。無為藏積者謂如來。

hữu vi tạng tích giả vị thanh văn. vô vi tạng tích giả vị Như Lai.

Chứa nhóm hữu vi đó là Thanh văn. Chứa nhóm vô vi đó là Như Lai.

僧有二種。等僧無等僧。等僧者聲聞僧。聲聞僧者。

tăng hữu nhị chủng. đẳng tăng vô đẳng tăng. đẳng tăng giả thanh văn
tăng. thanh văn tăng giả.

Tăng có hai hạng: Đẳng Tăng và vô đẳng Tăng. Đẳng Tăng là Thanh văn Tăng.
Thanh văn Tăng

亦無藏積。而今云何受畜僮僕錢財倉庫。

diệc vô tạng tích. nhi kim vân hà thọ súc đồng bộc tiền tài thương khố.

cũng không có chứa nhóm, nhưng nay vì sao lại nuôi chứa tôi tớ, tiền của,
kho đụn

麻油鹽等尚不藏積。如來豈聽畜僮僕等。

ma du diêm đẳng thượng bất tạng tích. Như Lai khởi thỉnh súc đồng bộc đẳng

lúa gạo, muối, mè v.v.. mà nói là không chứa nhóm? Như Lai lẽ nào cho phép nuôi chứa tôi tớ v.v..

作是說言如來聽者。世世當墮拔舌地獄。

tác thị thuyết ngôn Như Lai thính giả. thể thể đương đọa bạt thiết Địa ngục.

Nếu có người nói Như Lai cho nuôi chứa tôi tớ như vậy, đời đời sẽ bị báo rút lưỡi, đọa ở địa ngục.

聲聞等僧無藏積者。能了搏食。

thanh văn đẳng tăng vô tạng tích giả. năng liễu đoàn thực.

Thanh văn đẳng Tăng là bậc không chứa nhóm, có thể biết rõ đoàn thực, không có lòng tham ăn uống. 斯等至處足跡難尋。

bất hoài đoàn thực tham vị chỉ tướng. tư đẳng chí xú túc tích nan tầm. chẳng nhớ nghĩ đến việc ăn uống, đi đến nơi nào dấu chân khó tìm, thành tựu đạo không có dấu vết. 足跡難尋故名如來。

tốc thành vô thượng đẳng chánh giác đạo. túc tích nan tầm cố danh Như Lai mau thành đạo Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Vì dấu chân khó tìm nên gọi là Như Lai.

若有為僧尚不藏積。況無為僧。無為僧者諸佛如來。

nhuộc hữu vi tăng thượng bất tạng tích. hưởng vô vi tăng. vô vi tăng giả chư Phật như lai.

Hữu vi Tăng còn không chứa nhóm hưởng là vô vi Tăng. Vô vi tăng ấy chính là chư Phật Như Lai.

諸佛如來豈有隱密。若有隱密便是藏積。

chư Phật như lai khởi hữu ẩn mật. nhược hữu ẩn mật tiện thị tạng tích. Chư Phật Như Lai lẽ nào có bí ẩn, nếu có bí ẩn bèn là chứa nhóm.

其難尋者謂是不動快樂泥洹。

kỳ nan tầm giả vị thị bất động khoái lạc Nê-hoàn.

Khó tìm ra dấu vết ấy chính Nê-hoàn an vui bất động,

無彼虛空日月雲雨地水火風生老病死煩惱諸相。

vô bỉ hư không nhật nguyệt vân vũ địa thủy hỏa phong sanh lão bệnh tử phiến não chư tướng.

không có các tướng như hư không, mặt trời, mặt trăng, mây, mưa, đất, nước, gió, lửa, sanh, già, bệnh, chết và các phiến não.

常住不變快樂不動。故名泥洹。因得泥洹故名如來大般泥洹。

thường trụ bất biến khoái lạc bất động. cố danh Nê-hoàn. nhân đắc Nê-hoàn cố danh Như Lai Đại Bát-nê-hoàn.

Vì là thường trụ, không biến đổi, an vui, bất động nên gọi là Nê-hoàn. Do được Nê-hoàn nên gọi Như Lai là Đại Bát-nê-hoàn.

其為大者辦大事故。所謂大者有為數名。

kỳ vi Đại giả bản Đại sự cố. sở vị Đại giả hữu vi số danh.

Chữ "đại" ấy là làm xong việc lớn. Lại "đại" là nói danh số hữu vi.

若有一人壽命無量。名為大人。

nhuộc hữu nhất nhân thọ mạng vô lượng. danh vi Đại nhân

Nếu có một người sống lâu vô lượng tuổi gọi là Đại nhân.

人能行法為人中大。若復成就八大人念。是名大人。

nhân năng hành Pháp vi nhân trung Đại. nhược phục thành tựu bát Đại nhân niệm. thị danh Đại nhân.

Người này nếu có thể thực hành chánh pháp thời gọi là bậc siêu thắng trong loài người. Nếu lại thành tựu tám điều giác ngộ của bậc đại nhân, đây gọi là Đại nhân.

是故大者有為數名。泥洹者離諸瘡疣。

thị cố Đại giả hữu vi số danh. Nê-hoàn giả ly chư sang vuu.

Vì vậy chữ đại ấy là danh số hữu vi. Nê-hoàn là xa lìa các bệnh ung nhọt故名泥洹。譬如有人身被毒箭遭大苦痛。

cố danh Nê-hoàn. thí như hữu nhân thân bị độc tiễn tao Đại khổ thống. nên gọi là Nê-hoàn. Thí như có người bị xương tên độc rất đau nhức, 得遇良醫為治瘡患苦痛悉除。其善男子。

đắc ngộ lương y vi trì sang hoạn khổ thống tất trừ. kỳ thiện nam tử. được gặp lương y chữa khỏi bệnh, hết đau đớn. Người thiện nam tử ấy 得離瘡疣。復遊諸國普為眾生療治瘡患。

đắc ly sang vuu. phục du chư quốc phổ vị chúng sanh liệu trì sang hoạn. trị người khỏi bệnh rồi lại đi đến các nước khác, khắp vì chúng sanh điều trị bệnh nhọt.

如來應供等正覺亦復如是。閻浮提中一切眾生。

Như Lai Ứng cúng đẳng chánh giác diệc phục như thị. Diêm-phù-đề trung nhất thiết chúng sanh.

Như Lai Ứng cúng đẳng chánh giác cũng lại như vậy. Thấy tất cả chúng sanh khổ não trong cõi Diêm-phù-đề,

於無量劫姪怒癡等煩惱毒痛。

ư vô lượng kiếp dâm nộ si đẳng phiền não độc thống.

từ vô lượng kiếp bị tên độc phiền não dâm, nộ, si làm đau nhức, 為說大乘甘露法藥療治瘡患。於此眾生離瘡患已。

vị thuyết Đại thừa cam lộ Pháp dược liệu trì sang hoạn. ư thử chúng sanh ly sang hoạn dĩ.

vì họ mà nói kinh Đại thừa cam lộ pháp dược. Điều trị lành bệnh cho chúng sanh nơi đây rồi,

復現餘國為諸眾生療治眾病。是故名為大般泥洹。

phục hiện du quốc vị chư chúng sanh liệu trị chúng bệnh. thị cố danh vi Đại Bát-nê-hoàn.

Như Lai lại thị hiện qua nước khác, vì các chúng sanh mà điều trị các bệnh, nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

真實之義及方便義。皆悉名曰大般泥洹。

chân thật chi nghĩa cập phương tiện nghĩa. giai tất danh viết Đại Bát-nê-hoàn

Vì nghĩa chân thật và nghĩa phương tiện nên tất cả đều gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

現入諸趣及入解脫。隨彼受化於處處現。

hiện nhập chư thú cập nhập giải thoát. tùy bị thọ hóa ư xứ xứ hiện.

Thị hiện vào các đường và thị hiện giải thoát, theo họ đến các nơi mà thị hiện giáo hóa,

此為要義。是故名曰大般泥洹。

thủ vi yếu nghĩa. thị cố danh viết Đại Bát-nê-hoàn.

đây là nghĩa chính yếu, vì vậy gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

迦葉菩薩白佛言。云何世尊。為良醫法能治一切瘡患。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. vân hà Thế tôn. vi lương y Pháp năng triek nhất thiết sang hoạn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Lương y trong đời có thể điều trị tất cả chứng bệnh,

差已復現餘方治諸病耶。佛言如是。善男子。

sai dĩ phục hiện dư phương trì chu bệnh da. Phật ngôn như thị. thiện nam tử.

điều trị cho người này xong lại thị hiện đến phương khác để trị bệnh chẳng? Phật dạy: Đúng như vậy. Này thiện nam tử!

能療一切悉令離病。唯除重病不可治者。

năng liệu nhất thiết tất lệnh ly bệnh. duy trừ trọng bệnh bất khả trì giả Lương y ấy có thể điều trị cho tất cả đều được lành bệnh, chỉ trừ người bệnh nặng không thể chữa trị được.

諸佛世尊亦復如是。除一闡提。

chư Phật Thế Tôn diệc phục như thị. trừ Nhất-xiển-đề.

Chư Phật Thế Tôn cũng lại như vậy, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề,

諸餘一切眾病悉治。迦葉復問。解脫者為何等類。佛告迦葉。

chư dư nhất thiết chúng bệnh tất trì. Ca-diếp phục vấn. giải thoát giả vi hà đẳng loại. Phật cáo Ca-diếp.

ngoài ra tất cả các thứ bệnh đều chữa trị được cả. Ca-diếp lại hỏi: Những gì gọi là giải thoát? Phật bảo Ca-diếp:

其解脫者色無色。無色者聲聞緣覺解脫。

kỳ giải thoát giả sắc vô sắc. vô sắc giả thanh văn duyên giác giải thoát Giải thoát ấy là sắc và vô sắc. Vô sắc là giải thoát của Thanh văn và Duyên giác.

色者如來解脫。解脫雖色不說是色。何以故。

sắc giả Như Lai giải thoát. giải thoát tuy sắc bất thuyết thị sắc Sắc là giải thoát của Như Lai. Giải thoát dầu là sắc nhưng không nói là sắc. Vì sao vậy?

如非想非非想行天色無色亦不是色有。

như phi tưởng phi phi tưởng hành Thiên sắc vô sắc diệc bất thị sắc hữu. Như cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng là sắc, cũng là vô sắc, cũng không phải là sắc.

問非想非非想天色無色亦不是色。

vấn phi tưởng phi phi tưởng Thiên sắc vô sắc diệc bất thị sắc. Như có người hỏi cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng là sắc, cũng là vô sắc, cũng không phải sắc,

云何住云何樂。此事應說。

vân hà trụ vân hà lạc. thủ sự ứng thuyết.

thời làm sao trụ ở, làm sao an vui? Việc này phải nói

是佛境界非諸聲聞緣覺所知。迦葉菩薩白佛言。唯願世尊。

thị Phật cảnh giới phi chu thanh văn duyên giác sở tri. Ca-diếp Bồ-tát
bạch Phật ngôn. duy nguyện Thế Tôn.
là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh văn và Duyên giác biết được.
Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Cúi xin Thế Tôn

重說如來大般泥洹解脫之義。佛告迦葉。其解脫者。
trọng thuyết Như Lai Đại Bát-nê-hoàn giải thoát chi nghĩa. Phật cáo Ca-
diếp. kỳ giải thoát giả.
nói lại những nghĩa hạnh Đại Bát-nê-hoàn giải thoát của Như Lai. Phật bảo
Ca-diếp: Giải thoát là

於一切縛和合悉離。離和合者不生之生。
ư nhất thiết phược hòa hợp tất ly. ly hòa hợp giả bất sanh chi sanh.
lìa tất cả sự trói buộc và hòa hợp, lìa hòa hợp là không sanh.
如因父母而生其子是名為生。
như nhân phụ mẫu nhi sanh kỳ tử thị danh vi sanh.
Nhu do cha mẹ mà sanh ra con, đây gọi là sanh.
其解脫者則不如是。猶如醍醐本性清淨。不因父母愛欲長養。
kỳ giải thoát giả tắc bất như thị. do như đề hồ bản tánh thanh tịnh. bất
nhân phụ mẫu ái dục trưởng dưỡng.
Giải thoát thời không phải như vậy. Như đề hồ, tánh vốn thanh tịnh. Như
Lai chẳng phải do ái dục của cha mẹ nuôi lớn,
度眾生故示現有生。是故解脫不生之生。
độ chúng sanh cố thị hiện hữu sanh. thị cố giải thoát bất sanh chi sanh.
vì hoá độ chúng sanh nên thị hiện có sanh, nên giải thoát ấy chẳng sanh.
又其生者。譬如種穀而生萌芽。
hựu kỳ sanh giả. thí như chủng cốc nhi sanh manh nha.
Lại sanh là như hạt lúa sanh mầm.
其解脫者則不如是。是故說曰解脫不生。
kỳ giải thoát giả tắc bất như thị. thị cố thuyết viết giải thoát bất sanh
Giải thoát không phải như vậy, nên nói rằng giải thoát chẳng sanh.
其解脫者即是如來。是故如來不生之生非作所作。
kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. thị cố Như Lai bất sanh chi sanh phi
tác sở tác.
Giải thoát như vậy chính là Như Lai, nên Như Lai chẳng sanh, chẳng phải
năng tác sở tác.
其實作者。如城郭樓觀有人造作。
kỳ thật tác giả. như thành quách lâu quán hữu nhân tạo tác.
Phàm là tác giả dường như thành quách, lâu nhà để xem coi người tạo tác.
其實解脫則不如是。是故解脫無有作者者。其解脫者即是如來。
kỳ thật giải thoát tắc bất như thị. thị cố giải thoát vô hữu tác giả giả
kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.
Chân giải thoát không như vậy, nên giải thoát không có tác giả. Giải thoát
như vậy chính là Như Lai.
是故當知如來非作。是名無為。其有為者。
thị cố đương tri Như Lai phi tác. thị danh vô vi. kỳ hữu vi giả.

Vì vậy nên biết Như Lai chẳng phải tạo tác, đây gọi là vô vi. Hữu vi là譬如陶家埴埴作器有作有壞。

thí như đào gia duyên thực tác khí hữu tác hữu hoại.
như thợ gốm làm đồ rồi lại bị bể.

其實解脫則不如是。亦無有作亦無有壞。

kỳ thật giải thoát tác bất như thị. diệc vô hữu tác diệc vô hữu hoại.
Chân giải thoát thời không như vậy, cũng không có tạo tác, cũng không có hư bể,

是故解脫無作無壞。其解脫者即是如來。

thị cố giải thoát vô tác vô hoại. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.
nên giải thoát không có tạo tác, không có hư hoại. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

當知如來不生不死。是故如來是無為法。

đương tri Như Lai bất sanh bất tử. thị cố Như Lai thị vô vi Pháp.
Nên biết Như Lai không sanh không chết, nên Như Lai là pháp vô vi.

故說如來入大泥洹無衰老相。形枯體瘦髮白齒落。是為老相。

cổ thuyết Như Lai nhập Đại Nê-hoàn vô suy lão tướng. hình khô thể sấu phát
bạch xỉ lạc. thị vi lão tướng.

Thế nên nói Như Lai nhập Đại Nê-hoàn, không có tướng già suy. Thân hình
khô gầy, tóc bạc, răng rụng, đây mới là tướng già suy.

其實解脫則不如是。永離一切老毀變故。

kỳ thật giải thoát tác bất như thị. vĩnh ly nhất thiết lão hủy biến cố.
Chân giải thoát thời không như vậy, vĩnh viễn xa lìa tất cả già yếu biến
đổi

名為解脫。其解脫者即是如來。

danh vi giải thoát. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.
nên gọi là giải thoát. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

是故如來無衰老相。故曰無病。其名病者。有四百四病。

thị cố Như Lai vô suy lão tướng. cổ viết vô bệnh. kỳ danh bệnh giả. hữu tứ
bách tứ bệnh.

Vì vậy Như Lai không có tướng già suy, không bệnh. Bệnh là có bốn trăm lẻ
bốn thứ bệnh,

其餘橫疾數不可稱。離此諸患。故名解脫。

kỳ dư hoành tật số bất khả xưng. ly thử chư hoạn. cổ danh giải thoát.
và các bệnh ngang trái không thể nói hết. Lìa các bệnh này gọi là giải
thoát.

其解脫者即是如來。法身清淨無病。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. Pháp thân thanh tịnh vô bệnh
Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Như Lai Pháp thân thanh tịnh không
bệnh,

是故說曰如來無病。以無病故無死。

thị cố thuyết viết Như Lai vô bệnh. dĩ vô bệnh cố vô tử
nên nói rằng Như Lai không bệnh, do không bệnh nên không chết.

眾生常死無解脫故有盡有死。永離死名故說解脫。

chúng sanh thường tử vô giải thoát cố hữu tận hữu tử. vĩnh ly tử danh cố thuyết giải thoát.

Chúng sanh thường chết vì không có giải thoát nên có hết thọ mạng, có chết; Vĩnh viễn xa lìa sự chết nên gọi là giải thoát.

其解脫者即是如來。如來成就如是無量上妙功德。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. Như Lai thành tựu như thị vô lượng thượng diệu công đức.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Như Lai thành tựu vô lượng công đức vi diệu như vậy

言有死者無有是處。金剛法身清淨不壞。

ngôn hữu tử giả vô hữu thị xứ. Kim cương Pháp thân thanh tịnh bất hoại. mà nói rằng có chết, là không đúng. Thân Như Lai là Pháp thân Kim cương thanh tịnh chẳng hoại diệt,

豈有無常變壞之相。是故不死。離諸垢穢。

khởi hữu vô thường biến hoại chi tướng. thị cố bất tử Ly chư cấu uế. lẽ nào lại là tướng vô thường biến hoại. Vì vậy, Như Lai không chết. Giải thoát là lìa các cấu uế.

譬如鮮好白疊蘇油所污。其實解脫則不如是。

thí như tiên hảo bạch điệp tô du sở ô. kỳ thật giải thoát tắc bất như thị. Thí như vải bông trắng đẹp bị dính dầu nhờn, chân giải thoát không như vậy.猶白蓮華清淨無垢。如來解脫亦復如是。

do bạch liên hoa thanh tịnh vô cấu. Như Lai giải thoát diệc phục như thị. Như hoa sen trắng thanh tịnh không có nhờn uế. Như Lai giải thoát cũng lại như vậy,

永離愛欲諸塵垢穢。是故如來名曰無垢。

vĩnh ly ái dục chư trần cấu uế. thị cố Như Lai danh viết vô cấu. vĩnh viễn xa lìa các bụi nhờn ái dục, nên Như Lai gọi là vô cấu.

離諸限礙。如有主制。謂之限礙。其實解脫無諸限礙。

ly chư hạn ngại như hữu chủ chế. vị chi hạn ngại. kỳ thật giải thoát vô chư hạn ngại.

Giải thoát là lìa các ngăn ngại. Như người bị chủ cầm chế, đó gọi là ngăn ngại, chân giải thoát không có sự ngăn ngại.

其解脫者即是如來。是故如來無礙。清涼。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. thị cố Như Lai vô ngại thanh lương. Giải thoát như vậy chính là Như Lai, nên Như Lai không có ngăn ngại. Giải thoát là thanh lương.

清涼處者。世俗天廟謂為清涼。是則妄說。

thanh lương xử giả. thế tục Thiên miếu vị vi thanh lương. thị tắc vọng thuyết

Thanh lương là như thế tục cho rằng miếu Trời là thanh lương, đây là lời hư dối.

唯解脫者真實清涼。其解脫者即是如來。

duy giải thoát giả chân thật thanh lương. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

Chỉ có giải thoát mới là chân thật thanh lương. Giải thoát như vậy chính là Như Lai

是故如來清涼。安隱。其安隱者。譬如道路無諸盜賊。

thị cố Như Lai thanh lương an ổn. kỳ an ổn giả. thí như đạo lộ vô chu đạo tặc

nên Như Lai là thanh lương. Giải thoát là an ổn. An ổn là như đường cái không có giặc cướp

謂之安隱。真解脫者則不如是。其性無畏。

vị chi an ổn. chân giải thoát giả tặc bắt như thị. kỳ tánh vô úy mới gọi là an ổn. Chân giải thoát thời không như vậy, tánh của nó là vô úy 謂之安隱。其解脫者即是如來。

vị chi an ổn. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

nên gọi là an ổn. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

是故如來安隱無畏。離諸恐畏。其恐畏者。譬如國王常畏怨敵。

thị cố Như Lai an ổn vô úy ly chư khủng úy. kỳ khủng úy giả. thí như Quốc Vương thường úy oán địch.

Vì vậy Như Lai là an ổn vô úy. Giải thoát là lìa sự sợ sệt. Sợ sệt là như Quốc Vương thường sợ oán địch.

真解脫者永無此畏。譬如轉輪聖王無諸恐畏。

chân giải thoát giả vĩnh vô thử úy. thí như Chuyển luân Thánh Vương vô chư khủng úy.

Chân giải thoát vĩnh viễn không còn sự sợ sệt này, như Chuyển Luân Thánh Vương không còn sợ gì.

真解脫者亦復如是。其解脫者即是如來。

chân giải thoát giả diệc phục như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai
Chân giải thoát cũng lại như vậy, giải thoát như vậy chính là Như Lai.

如來法王轉無上輪無諸怨敵。

Như Lai Pháp Vương chuyển vô thượng luân vô chư oán địch

Như Lai chuyển pháp luân vương Vô thượng, không có các oán địch.

是故如來無畏。無憂。其憂畏者。譬如國王有謀逆者。

thị cố Như Lai vô úy Vô ưu. kỳ ưu úy giả. thí như Quốc Vương hữu mưu nghịch giả.

Vì vậy, Như Lai không sợ sệt. Giải thoát là không lo sầu. Lo sầu là như Quốc Vương lo sầu kẻ mưu phản nghịch,

不能降伏常懷憂畏。真解脫者無此憂畏。

bất năng hàng phục thường hoài ưu úy. chân giải thoát giả vô thử ưu úy. vì không thể hàng phục được nên thường ôm lòng lo sầu. Chân giải thoát không có sự lo sầu này,

譬如國王降伏怨家無憂快樂。其解脫者即是如來。

thí như Quốc Vương hàng phục oán gia Vô ưu khoái lạc. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

như Quốc Vương hàng phục được oán địch thời vui mừng không còn lo sầu. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

如來無憂。離諸塵穢。

Như Lai Vô ưu ly chư trần uế。

Như Lai là không lo sầu. Giải thoát là lìa các bụi nhơ.

其塵穢者譬如春風起諸塵坌。真解脫者離諸塵坌。

kỳ trần uế giả thí như xuân phong khởi chu trần bộn. chân giải thoát giả ly chu trần bộn.

Bụi nhơ là như gió mùa Xuân nổi bụi mù. Chân giải thoát lìa các bụi nhơ, 如轉輪王髻中明珠無諸塵垢。其解脫者即是如來。

như chuyển luân Vương kế trung minh châu vô chu trần cấu. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

như viên minh châu trong búi tóc của Chuyển Luân Thánh Vương không có bụi nhơ. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

是故如來離諸塵穢。離諸虛偽。其虛偽者喻如坏瓶。

thị cố Như Lai ly chu trần uế ly chu hư ngụy. kỳ hư ngụy giả dụ như khôi bình.

Vì vậy Như Lai lìa các bụi nhơ. Giải thoát là lìa các hư ngụy. Hư ngụy là dụ như bình sành.

真解脫者則不如是。猶如金剛無有虛偽。

chân giải thoát giả tắc bất như thị. do như Kim cương vô hữu hư ngụy.

Chân giải thoát thời không như vậy, dụ như Kim cương không có hư ngụy.

其解脫者即是如來。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

是故如來無諸虛偽。離不自在。不自在者如貧窮人負他財物。

thị cố Như Lai vô chu hư ngụy ly bất tự tại. bất tự tại giả như bản cùng nhân phụ tha tài vật.

Vì vậy Như Lai không có các hư ngụy. Giải thoát là lìa sự không được tự tại. Không tự tại là như người nghèo bị thiếu nợ người khác,

財主制持不得自在。真解脫者則不如是。

tài chủ chế trì bất đắc tự tại. chân giải thoát giả tắc bất như thị.

bị chủ nợ trói nhốt không được tự tại. Chân giải thoát thời không như thế.

其解脫者即是如來。是故如來自在無礙。無諸侵患。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. thị cố Như Lai tự tại vô ngại vô chu xâm hoạn.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Vì vậy Như Lai tự tại không bị ngăn ngại. Giải thoát là không bị xâm hại.

諸侵患者如人春時涉熱夏時飲酒冬日涉寒。

chu xâm hoạn giả như nhân xuân thời thiệp nhiệt hạ thời ẩm tửu đông nhật thiệp hàn.

Người bị xâm hại là như vào mùa Xuân lần nóng, mùa Hạ oi bức, mùa Đông lạnh rét

則傷其身自生侵患。

tắc thương kỳ thân tự sanh xâm hoạn.

làm cho thân thể bị xâm hại thương tổn.

真解脫者則不如是無諸侵患。其解脫者即是如來。是故如來無諸侵患。

chân giải thoát giả tắc bất như thị vô chu xâm hoạn. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. thị cố Như Lai vô chu xâm hoạn.

Chân giải thoát thời không như vậy, không có các sự xâm hại. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Vì vậy Như Lai không có các sự xâm hại.

離諸滲濁。譬如虛空無諸滲濁。

ly chu tham trực. thí như hư không vô chu tham trực. Giải thoát là là các tham trực, thí như hư không không có tham trực.

真解脫者亦復如是無諸滲濁。其解脫者即是如來。

chân giải thoát giả diệc phục như thị vô chu tham trực. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

Chân giải thoát cũng lại như thế, không có các tham trực. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

是故如來無諸滲濁。無諸纏綿。

thị cố Như Lai vô chu tham trực vô chu triển miên.

Vì vậy Như Lai không có các tham trực. Giải thoát là không có các ràng buộc.

其纏綿者朋友眷屬。真解脫者無此纏綿。

kỳ triển miên giả bằng hữu quyến thuộc. chân giải thoát giả vô thử triển miên.

Ràng buộc là như bạn bè quyến thuộc ràng buộc. Chân giải thoát không có sự ràng buộc này,

如轉輪王獨善無侶。其解脫者即是如來。是故如來獨善奇特。

như chuyển luân Vương độc thiện vô lữ. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. thị cố Như Lai độc thiện kì đặc.

như Chuyển Luân Thánh Vương không có vị Thánh Vương khác làm bạn bè thân hữu. Giải thoát như vậy chính là Như Lai, vì vậy riêng chỉ có Như Lai là bậc kỳ đặc.

如水蓮華此非奇特。

như thủy liên hoa thử phi kì đặc.

Như hoa sen mọc trong nước chẳng phải là kỳ đặc.

火生蓮華乃為奇特眾人愛樂。真解脫者亦復如是眾人愛樂。

hỏa sanh liên hoa nãi vi kì đặc chúng nhân ái lạc. chân giải thoát giả diệc phục như thị chúng nhân ái lạc.

Hoa sen mọc trong lửa mới gọi là kỳ đặc, ai thấy đều ưa thích. Chân giải thoát cũng lại như vậy, mọi người đều ưa thích.

其解脫者即是如來。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

是故如來希有奇特無能為者。譬如嬰兒其齒未出不能令生。

thị cố Như Lai hi hữu kì đặc vô năng vi giả. thí như anh nhi kỳ xỉ vị xuất bất năng linh sanh.

Vì vậy Như Lai là bậc hi hữu kỳ đặc, không ai có thể sánh được. Như trẻ nít lúc chưa mọc răng chẳng thể làm cho nó mọc răng được.

真解脫者亦復如是。非時得者。無有是處。

chân giải thoát giả diệc phục như thị. phi thời đắc giả. vô hữu thị xứ.
Chân giải thoát cũng lại như vậy, chưa đúng thời mà được là chỗ không có.

如一闡提懈怠懶惰尸臥終日言當成佛。若成佛者。

như Nhất-xiển-đề giải đãi lại nọa thì nọa chung nhật ngôn đương thành
Phật. nhược thành Phật giả.

Như nhất-xiển-đề giải đãi lười biếng, nằm ngồi trọn ngày mà nói sẽ thành
Phật. Nếu thành Phật

無有是處。假使信法諸優婆塞。

vô hữu thị xứ. giả sử tín Pháp chư Ưu-bà-tắc.

là việc không có. Giả sử các Ưu-bà-tắc tín Pháp

欲求解脫度彼岸者。亦無是處。況彼尸臥。所以者何。

dục cầu giải thoát độ bỉ ngạn giả. diệc vô thị xứ. huống bỉ thi nọa. sở dĩ
giả hà.

muốn cầu giải thoát đến bờ bên kia, cũng là việc không có, huống là những
người nằm ngồi nhàn hạ kia. Vì sao vậy?

性非他成故。是故解脫無能為者。

tánh phi tha thành cố. thị cố giải thoát vô năng vi giả

Vì tánh tình của họ trái với người thành Phật vậy, nên giải thoát không ai
có thể sánh được.

其解脫者即是如來。是故如來無能為者。無量無數。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. thị cố Như Lai vô năng vi giả. vô lượng
vô số.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai, nên Như Lai không ai có thể sánh
được. Giải thoát là vô lượng vô số.

譬如大海尚可知量。真解脫者無數無量。

thí như Đại hải thượng khả tri lượng. chân giải thoát giả vô số vô lượng
Thí như biển lớn còn có thể đo lường để biết được, chân giải thoát là vô
số vô lượng.

其解脫者即是如來。是故如來無量。最勝。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. thị cố Như Lai vô lượng tối thắng.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai, nên Như Lai là vô lượng. Giải thoát
là tối thắng.

其最勝者莫能為比。譬如大海無以為比。

kỳ tối thắng giả mạc năng vi bỉ. thí như đại hải vô dĩ vi bỉ.

Tối thắng là không ai có thể sánh được, như biển lớn không thể đem vật gì
để sánh được.

其解脫者即是如來。是故如來最勝。高顯。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. thị cố Như Lai tối thắng cao hiển.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai, nên Như Lai là tối thắng. Giải thoát
là cao vợi vợi.

其高顯者譬如虛空無有過者。其解脫者即是如來。

kỳ cao hiển giả thí như hư không vô hữu quá giả. kỳ giải thoát giả tức thị
Như Lai.

Cao vợi vợi là như hư không, không ai có thể vượt qua được. Giải thoát như
vậy chính là Như Lai.

如來高顯眾聖中王。譬如師子為諸獸王。

Nhu Lai cao hiển chúng Thánh trung Vương. thí như Sư-tử vi chủ thú Vương
Nhu Lai là vị vua cao vời vời trong các Thánh chúng, như sư tử là vua
trong muôn thú.

真解脫者諸法之王。解脫光明照一切法。

chân giải thoát giả chủ Pháp chi Vương. giải thoát quang-minh chiếu nhất
thiết Pháp.

Chân giải thoát là vua của các pháp, ánh sáng của giải thoát chiếu khắp
tất cả các Pháp.

其解脫者即是如來。為最為上。譬如諸方以爵單曰為上。

kỳ giải thoát giả tức thị Nhu Lai. vi tối vi thượng. thí như chủ phương dĩ
Uất-đan-việt vi thượng.

Giải thoát như vậy chính là Nhu Lai. Giải thoát là tối thượng. Như trong
các phương, Uất-đan-việt là trên hết,

解脫最上亦復如是。其解脫者即是如來。

giải thoát tối thượng diệc phục như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Nhu Lai
giải thoát tối thượng cũng lại như thế. Giải thoát như vậy chính là Nhu
Lai.

是故如來最上。無上。

thị cố Nhu Lai tối thượng vô thượng.

Vì vậy Nhu Lai là bậc tối thượng. Giải thoát là Vô thượng.

譬如諸方爵單曰最為無上。解脫無上亦復如是。其解脫者即是如來。

thí như chủ phương Uất-đan-việt tối vi vô thượng. giải thoát vô thượng
diệc phục như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Nhu Lai.

Như trong các phương, Uất-đan-việt là trên hết, không gì trên nữa. Giải
thoát vô thượng cũng lại như thế. Giải thoát như vậy chính là Nhu Lai

是故如來無上。常法。如諸天人死為常法。

thị cố Nhu Lai vô thượng thường Pháp. như chủ Thiên nhân tử vi Pháp thường
nên Nhu Lai là vô thượng. Giải thoát là Pháp thường. Như thân của Trời,
người chết gọi là pháp thường.

解脫常法則不如是。其解脫者即是如來。

giải thoát thường Pháp tắc bất như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Nhu Lai
Pháp thường của giải thoát không như thế. Giải thoát như vậy chính là Nhu
Lai,

是故如來常住。堅固。芭蕉泡沫無有堅固。

thị cố Nhu Lai thường trụ kiên cố. ba tiêu phao bọt vô hữu kiên cố.

nên Nhu Lai là thường trụ. Giải thoát là cứng chắc. Như cây chuối, bọt
nước là không cứng chắc.

真解脫者則不如是。其解脫者即是如來。離諸弊漏。

chân giải thoát giả tắc bất như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Nhu Lai. ly
chủ tệ lậu.

Chân giải thoát thời không như vậy. Giải thoát như vậy chính là Nhu Lai.
Giải thoát là lìa các tệ lậu.

夫朽牆者蚊蚋所止。其解脫者則不如是。

phu hủ tường giả văn nhuế sở chi. kỳ giải thoát giả tắc bất như thị.
Phàm tậ lậu là chỗ vách tường hư mục muỗi mòng bu đậu. Giải thoát thời
không như vậy,

譬如畫牆無能止者。

thí như họa tường vô năng chỉ giả.
như bức tường tranh không gì có thể dừng ở.

解脫如是一切惡法所不能染。其解脫者即是如來。無有邊際。

giải thoát như thị nhất thiết ác Pháp sở bất năng nhiễm. kỳ giải thoát giả
túc thị Như Lai. vô hữu biên tế.

Giải thoát này không thể bị tất cả Pháp ác làm ô nhiễm được. Giải thoát
như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là không có bờ mé.

如聚落國土而有邊際。真解脫者則不如是。

như tụ lạc quốc độ nhi hữu biên tế. chân giải thoát giả tắc bất như thị
Như xóm làng, đất nước là có bờ mé. Chân giải thoát thì không như vậy,
譬如虛空無邊快樂。其解脫者即是如來。

thí như hư không vô biên khoáng lạc. kỳ giải thoát giả túc thị Như Lai.
thí như hư không, khoáng lạc vô cùng. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.
微妙不現。如鳥飛空足跡不現。解脫不現亦復如是。

vi diệu bất hiện như điều phi không túc tích bất hiện. giải thoát bất hiện
diệc phục như thị.

Giải thoát là vi diệu không hiện bày. Như chim bay trên hư không, không
hiện bày vết chân. Giải thoát chẳng hiện bày cũng lại như thế.

其解脫者即是如來。甚深難測。

kỳ giải thoát giả túc thị Như Lai. thậm thâm nan trắc.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là thậm thâm khó lường.

父母生養恩德甚深無能測者。真解脫者亦復如是。

phụ mẫu sanh dưỡng ân đức thậm thâm vô năng trắc giả. chân giải thoát giả
diệc phục như thị.

Ân đức sanh thành dưỡng dục thâm sâu của cha mẹ không thể đo lường được.
Chân giải thoát cũng lại như thế.

其解脫者即是如來。甚深難見。

kỳ giải thoát giả túc thị Như Lai. thậm thâm nan kiến.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là thậm thâm khó thấy.

如諸眾生各各自身有如來性微密難見。

như chư chúng sanh các các tự thân hữu Như Lai tánh vi mật nan kiến.

Như tự thân của mỗi mỗi chúng sanh đều có Như Lai tánh vi mật khó thấy.

真解脫者微密難見亦復如是。其解脫者即是如來。無能見者。

chân giải thoát giả vi mật nan kiến diệc phục như thị. kỳ giải thoát giả
túc thị Như Lai. vô năng kiến giả.

Chân giải thoát vi mật khó thấy cũng lại như thế. Giải thoát như vậy chính
là Như Lai. Giải thoát là không ai có thể thấy được.

猶如頂相無能見者。

do như đỉnh tướng vô năng kiến giả.

Như tướng đỉnh đầu không ai có thể thấy được.

解脫如是非諸聲聞緣覺所見。其解脫者即是如來。無有窟宅。

giải thoát như thị phi chu Thanh văn Duyên giác sở kiến。 kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai。 vô hữu quật trạch。

Giải thoát như vậy chẳng phải hàng Thanh văn và Duyên giác thấy được. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là không nhà cửa.

其窟宅者所居止處屋舍名稱。

kỳ quật trạch giả sở cư chỉ xứ ốc xá danh xưng。

Nhà cửa là nơi dừng ở gọi là nhà cửa.

真解脫者則不如是。譬如虛空。

chân giải thoát giả tắc bất như thị。 thí như hư không。

Chân giải thoát thời không như vậy, thí như hư không.

二十五處生死所居永不可得。其解脫者即是如來。無有所取。其名取者。

nhị thập ngũ xứ sanh tử sở cư vĩnh bất khả đắc。 kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai。 vô hữu sở thủ。 kỳ danh thủ giả。

Nhà ở là dụ cho hai mươi lăm cõi sanh tử, chẳng thể ở lâu. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là không có nắm lấy. Nắm lấy là

猶如手執阿摩勒果。真解脫者則不如是。

do như thủ chấp A-ma-lặc quả。 chân giải thoát giả tắc bất như thị。

như tay cầm lấy trái A-ma-lặc. Chân giải thoát thời không như thế,

猶如幻師所作變化無能取者。

do như huyễn sư sở tác biến hoá vô năng thủ giả。

như huyễn sư biến hóa ra, không ai có thể nắm lấy được.

其解脫者即是如來。離諸雜穢。其雜穢者。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai。 ly chu tạp uế。 kỳ tạp uế giả。

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là lìa các tạp uế. Tạp uế là

猶如雜色疥癩牛皮以為衣服。真解脫者則不如是。

do như tạp sắc giới lại ngu bì dĩ vi y phục。 chân giải thoát giả tắc bất như thị。

như da bò ghẻ hủi đủ màu dùng làm y phục. Chân giải thoát thời không như thế,

猶如時乳一色一味。真解脫者微妙一相亦復如是。

do như thời nhũ nhất sắc nhất vị。 chân giải thoát giả vi diệu nhất tướng diệc phục như thị。

như sữa chỉ một màu một vị. Chân giải thoát nhất tướng vi diệu cũng lại như thế.

其解脫者即是如來。其性清淨。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai。 kỳ tánh thanh tịnh。

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Tánh của giải thoát ấy là thanh tịnh.

淤泥濁水謂不清淨。真解脫者則不如是。

ứ nê trực thủy vị bất thanh tịnh。 chân giải thoát giả tắc bất như thị。

Như nước bùn đọng không gọi là thanh tịnh. Chân giải thoát thời không như thế,

如空中雨一味清淨。其解脫者即是如來。其性真妙。

như không trung vũ nhất vị thanh tịnh. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. kỳ tánh chân diệu.
như mưa giữa hư không, một vị thanh tịnh. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là tánh chân diệu,
猶如滿月無諸雲暈。解脫如是無垢真妙。
do như mãn nguyệt vô chư vân ê. giải thoát như thị vô cầu chân diệu.
như trăng tròn đầy không có mây che. Giải thoát chân diệu không có cầu uest cũng lại như thế.
其解脫者即是如來。真妙恬靜。如救頭然則不恬靜。
kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. chân diệu diêm tĩnh. như cứu đầu nhiên tắc bất diêm tĩnh.
Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là chân diệu diêm tĩnh. Như cứu lửa trên đầu là không diêm tĩnh.
其解脫者永滅熾燃煩惱災患。
kỳ giải thoát giả vĩnh diệt sí nhiên phiền não tai hoạn.
Giải thoát vĩnh viễn dập tắt lửa cháy phiền não và tai hoạn.
其解脫者即是如來。其性平等其不等者。
kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. kỳ tánh bình đẳng kỳ bất đẳng giả.
Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là tánh bình đẳng. Không bình đẳng là
如二狂夫其性不等。真解脫者則不如是。
như nhị cuồng phu kỳ tánh bất đẳng. chân giải thoát giả tắc bất như thị.
như hai người phạm phu ngu cuồng, tánh chẳng đồng nhau. Chân giải thoát thời không như thế,
其性平等猶如母子。其解脫者即是如來。其性寂滅。
kỳ tánh bình đẳng do như mẫu tử. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. kỳ tánh tịch diệt.
tánh nó bình đẳng như mẹ đối với con cái. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là tánh tịch diệt,
得最上處無餘求想。
đắc tối thượng xử vô dư cầu tưởng.
được chỗ tối thượng, không còn tưởng mong cầu gì khác.
猶如飢人得香美食飽足意滿無餘求想。真解脫者亦復如是。
do như cơ nhân đắc hương mỹ thực bão túc ý mãn vô dư cầu tưởng chân giải thoát giả diệt phục như thị.
Như người đói được ăn ngon, no đủ rồi không còn mong cầu gì khác. Chân giải thoát cũng lại như thế.
其解脫者即是如來。其性已斷。譬如鉤餌鉤繩已斷。
kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. kỳ tánh dĩ đoạn. thí như câu nhĩ câu thẳng dĩ đoạn.
Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là tánh dĩ đoạn. Như dây câu cá đã bị đứt,
真解脫者亦復如是。其解脫者即是如來。度於彼岸。

chân giải thoát giả diệc phục như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. độ u bi ngạn.

chân giải thoát cũng lại như thế. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là đến bờ kia.

譬如河流有彼此岸。無量生死名為此岸。

thí như hà lưu hữu bỉ thử ngạn. vô lượng sanh tử danh vi thử ngạn. Như dòng sông có bờ này bờ kia. Vô lượng sanh tử gọi là bờ này, 真解脫者名為彼岸。其解脫者即是如來。

chân giải thoát giả danh vi bỉ ngạn. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. chân giải thoát gọi là bờ kia. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

清淨淵淳。其淵淳者非諸河水猶如大海。

thanh tịnh uyên đình. kỳ uyên đình giả phi chu hà thủy do như Đại hải. Giải thoát là lắng đọng thanh tịnh. Lắng đọng ấy chẳng phải như nước trong sông, trong biển cả.

其解脫者亦復如是。其解脫者即是如來。其味淳美。

kỳ giải thoát giả diệc phục như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. kỳ vị thuần mỹ.

Giải thoát cũng lại như thế, giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là vị thuần mỹ.

如種居舍子其味轉苦。真解脫者則不如是。

như chủng cư xá tử kỳ vị chuyển khổ. chân giải thoát giả tắc bất như thị. Như gieo hạt cu-xá, vị nó thành đắng. Chân giải thoát thời không như thế. 其解脫者即是如來。離諸放逸。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. ly chu phóng dật.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là lìa các phóng dật.

其放逸者耽樂五欲。真解脫者則不如是。

kỳ phóng dật giả đam lạc ngũ dục. chân giải thoát giả tắc bất như thị. Người phóng dật thời đam mê ưa thích năm món dục. Chân giải thoát thời không như thế,

其性清淨離婬怒癡。其解脫者即是如來。伏諸渴愛。

kỳ tánh thanh tịnh ly dâm nộ si. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. phục chu khát ái.

tánh ấy thanh tịnh lìa dâm dật, sân giận, ngu si. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là hàng phục các khát ái.

愛有二種。有念愛有法愛。法愛者哀念眾生。

ái hữu nhị chủng. hữu niệm ái hữu Pháp ái. Pháp ái giả ai niệm chúng sanh. Ái có hai thứ: Niệm ái và pháp ái. Pháp ái là nghĩ nhớ chúng sanh.

真解脫者無有念愛離我我所。其解脫者即是如來。

chân giải thoát giả vô hữu niệm ái ly ngã ngã sở. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

Chân giải thoát không có niệm ái, lìa ngã và ngã sở. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

其性滅盡。一切生死習氣鉤鎖悉滅。

kỳ tánh diệt tận. nhất thiết sanh tử tập khí câu tỏa tất diệt

Giải thoát là tánh diệt tận. Tất cả những tập khí, xiềng xích của sanh tử đều diệt mất,

是名解脫。其解脫者即是如來。為世間舍。

thị danh giải thoát. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. vi thể gian xá. đây gọi là giải thoát. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là tòa nhà

度一切有為作覆蔭。其解脫者即是如來。

độ nhất thiết hữu vi tác phúc âm. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. làm bóng mát cho tất cả pháp hữu vi ở thế gian. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

為世間依。猶如國王遊諸國邑。真解脫者則不如是。

vi thể gian y do như Quốc Vương du chư quốc ấp. chân giải thoát giả tắc bất như thị。

Giải thoát là chỗ nương về của thế gian. Như Quốc Vương dạo chơi các quốc ấp. Chân giải thoát thời không như thế,

不動快樂是名解脫。其解脫者即是如來。

bất động khoái lạc thị danh giải thoát. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai bất động khoái lạc, đây gọi là giải thoát. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

其處常安。譬如曠野險難恐怖。

kỳ xử thường an. thí như khoáng dã hiểm nan khủng bố。

Giải thoát là nơi thường an. Như đồng trống thời là nơi hiểm nạn lo sợ。

真解脫者則不如是。猶師子王於諸獸類無諸恐怖。

chân giải thoát giả tắc bất như thị。do Su-tử Vương u chư thú loại vô chư khủng bố。

Chân giải thoát thời không như thế, như sư tử vương không sợ hãi các loài thú khác。

其解脫者即是如來。離諸逼迫。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. ly chư bức bách。

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là lìa các bức bách。

猶如有人為惡獸所迫。無諸救護令度厄難。真解脫者則不如是。

do như hữu nhân vi ác thú sở bách. vô chư cứu hộ linh độ ách nạn. chân giải thoát giả tắc bất như thị。

Như có người bị ác thú bức bách, không ai cứu giúp qua cơn ách nạn. Chân giải thoát thời không như thế,

猶如船師得牢堅船能度大海。

do như thuyền sư đắc lao kiên thuyền năng độ Đại hải。

như người thợ thuyền có thuyền bền chắc có thể vượt qua biển lớn。

其解脫者即是如來。離諸滓濁。譬如從乳出酪。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. ly chư chỉ trực. thí như tòng nhũ xuất lạc

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là lìa các cặn đục. Thí như từ sữa sanh ra lạc,

從酪出生蘇。從生蘇出熟蘇。從熟蘇出醍醐。

tòng lạc xuất sanh tô. tòng sanh tô xuất thực tô. tòng thực tô xuất đề hồ

từ lạc sanh ra sanh tô, từ sanh tô sanh ra thực tô, từ thực tô sanh ra đề hồ,

唯有醍醐自性清淨離諸滓穢。解脫如是。

duy hữu thể hồ tự tánh thanh tịnh ly chư chỉ uế. giải thoát như thị.
chỉ có đề hồ tự tánh thanh tịnh không có cặn đục. Giải thoát cũng như thế.

其解脫者即是如來。伏諸高慢。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. phục chư cao mạn.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là hàng phục cao mạn.

譬如國王高慢自大謂無與等。其解脫者則不如是。

thí như Quốc Vương cao mạn tự Đại vị vô du đẳng. kỳ giải thoát giả tắc bất như thị.

Thí như Quốc Vương ngã mạn công cao, tự đại cho rằng không ai bằng mình.

Giải thoát thời không như thế,

離諸高慢無我我所。其解脫者即是如來。滅除無明。

ly chư cao mạn vô ngã ngã sở. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. diệt trừ vô minh.

lìa các công cao ngã mạn, không có ngã và ngã sở. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là diệt trừ vô minh.

譬如乳酪展轉相生乃至醍醐。

thí như nhũ lạc triển chuyển tương sanh nãi chí đề hồ.

Thí như sữa tô lần lượt gạn lọc mới thành đề hồ.

其醍醐者離諸滓穢自性明淨。解脫如是。

kỳ đề hồ giả ly chư chỉ uế tự tánh minh tịnh. giải thoát như thị.

Đề hồ ấy không có các cặn nhơ, tánh nó sáng sạch, giải thoát cũng như thế.

其解脫者即是如來。離欲閑靜無有倫匹二法等者。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. ly dục nhàn tĩnh vô hữu luân thất nhị Pháp đẳng giả.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là ly dục, thuần một pháp nhàn tịnh không hai.

獨行獨步如空野象。解脫如是。其解脫者即是如來。

độc hành độc bộ như không dã tượng. giải thoát như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

Như voi nơi đồng hoang, riêng một mình không bạn bầy. Giải thoát cũng như thế, giải thoát như vậy chính là Như Lai.

離諸欺誑解脫我所入如來藏。

ly chư khi cuồng giải thoát ngã sở nhập Như Lai tạng.

Giải thoát là lìa luống dối, giải thoát ngã sở nhập Như Lai tạng.

其諸天人阿修羅身無有堅實。猶如伊蘭蘆葦芭蕉。

kỳ chư Thiên nhân A-tu-La thân vô hữu kiên thật. do như y lan lô vi ba tiêu.

Thân của trời, người, A-tu-La không có bền chắc, như cây y lan, cỏ lau, cây chuối;

無有堅實離如來藏。真解脫者入如來藏。

vô hữu kiên thật ly Như Lai tạng. chân giải thoát giả nhập Như Lai tạng.

Không có bền chắc là lìa Như Lai tạng, chân giải thoát thời vào Như Lai tạng,

離諸虛偽斷一切有。解脫如是。其解脫者即是如來。

ly chu hu ngụy đoạn nhất thiết hữu. giải thoát như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

lìa các hư ngụy, đoạn tất cả các cõi. Giải thoát cũng như thế, giải thoát như vậy chính là Như Lai.

入佛正法。非正法者如百葉華。

nhập Phật chánh Pháp. phi chánh Pháp giả như bách diệp hoa.

Giải thoát là vào trong chánh pháp; Chẳng phải chánh pháp là như trăm hoa lá.

真解脫者則不如是。其解脫者即是如來。

chân giải thoát giả tắc bất như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

Chân giải thoát thời không như thế, giải thoát như vậy chính là Như Lai.

入於一性種種性者。一切眾生性。種種壽者。一切眾生壽。

nhập ư nhất tánh chủng chủng tánh giả. nhất thiết chúng sanh tánh. chủng chủng thọ giả. nhất thiết chúng sanh thọ.

Giải thoát là vào trong một tánh. Nhiều loại tánh là như tánh của tất cả chúng sanh. Nhiều loại thọ mạng là như thọ mạng của tất cả chúng sanh.

真解脫者則不如是。其解脫者即是如來。

chân giải thoát giả tắc bất như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

Chân giải thoát thời không như thế, giải thoát như vậy chính là Như Lai.

入於一處。於諸入門無有所。解脫如是。

nhập ư nhất xứ. ư chu nhập môn vô hữu ngã sở. giải thoát như thị.

Giải thoát là vào một nơi. Như ở các cửa vào không có ngã sở, giải thoát cũng như thế.

其解脫者即是如來。是為善法。譬如孝子孝於父母。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. thị vi thiện Pháp. thí như hiếu tử hiếu ư phụ mẫu.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là pháp lành. Thí như con thảo, hiếu thuận với cha mẹ.

解脫如是。其解脫者即是如來。出於世間。

giải thoát như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. xuất ư thế gian.

Giải thoát cũng như thế, giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là ra khỏi thế gian,

於一切法出過其上。

ư nhất thiết Pháp xuất quá kỳ thượng.

vượt lên trên tất cả pháp.

一切味中真解脫味為最第一。其解脫者即是如來。湛然不動。

nhất thiết vị trung chân giải thoát vị vi tối đệ nhất. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. trạm nhiên bất động.

Trong tất cả các vị, vị chân giải thoát là cùng tột hơn cả. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là trạm nhiên bất động.

其名動者如海涌波。真解脫者則不如是。

kỳ danh động giả như hải dũng ba. chân giải thoát giả tắc bất như thị.
Động là như sóng dợn của biển. Chân giải thoát thời không như vậy,
如因陀羅幢四方風吹不能動搖。

như Nhân-đà-la tràng tứ phương phong xuy bất năng động dao.
như tràng Nhân-đà-la, gió bốn phương thổi đến chẳng thể dao động.
其解脫者即是如來。昇於法堂。世間堂者如王殿堂。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. thăng u Pháp đường. thế gian đường giả
như Vương điện đường.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là lên Pháp đường. Như
cung điện của nhà vua gọi là thế gian đường.

真解脫堂則不如是。其解脫者即是如來。

chân giải thoát đường tắc bất như thị. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai
Chân giải thoát đường thời không như thế, giải thoát như vậy chính là Như
Lai.

光明照耀如煉真金。解脫如是。

quang-minh chiếu diệu như luyện chân kim. giải thoát như thị.
Giải thoát là quang minh chiếu diệu, như luyện chân kim. Giải thoát cũng
như thế,

其解脫者即是如來。止息快樂。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. chỉ tức khoái lạc.
giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là đình chỉ khoái lạc.

譬如國王敵國新伏身心快樂。真解脫者捨諸苦陰泥洹快樂。

thí như Quốc Vương địch quốc tân phục thân tâm khoái lạc. chân giải thoát
giả xả chư khổ uẩn Nê-hoàn khoái lạc.

Thí như quốc vương hàng phục được nước địch, thân tâm khoái lạc. Chân giải
thoát xả bỏ các khổ uẩn, an vui Nê-hoàn,

其解脫者即是如來。無餘畢竟離諸結縛生死牢獄。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. vô dư tất cánh ly chư kết phục sanh tử
lao ngục.

giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là không còn dư tàn, rất
ráo lìa các kết sử trói buộc, lao ngục sanh tử.

譬如囚徒罪畢出獄。解脫如是。

thí như tù đồ tội tất xuất ngục. giải thoát như thị.

Thí như người tù phạm tội được ra khỏi ngục, giải thoát cũng như thế.

其解脫者即是如來。離諸結毒。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. ly chư kết độc.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là lìa các kiết sử xấu
độc,

無量煩惱毒蛇結患悉已解脫。息一切有離一切苦。得一切樂長息解脫。

vô lượng phiền não độc xà kết hoạn tất dĩ giải thoát. tức nhất thiết hữu
ly nhất thiết khổ. đắc nhất thiết lạc trường tức giải thoát.

vô lượng răn độc phiền não trói buộc đều được giải thoát, bít tất cả các
cõi, lìa tất cả khổ, được tất cả lạc, an nghỉ giải thoát lâu dài.

其解脫者即是如來。離婬怒癡。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. ly dâm nộ si.

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là lìa dâm dục, sân giận, ngu si,

一切煩惱永已除盡。拔三毒根無餘解脫。

nhất thiết phiền não vĩnh dĩ trừ tận. bạt tam độc căn vô dư giải thoát. tất cả phiền não vĩnh viễn được tận trừ, ba độc được nhổ tận gốc rễ, hoàn toàn giải thoát không còn dư tàn.

其解脫者即是如來。離一切有。一切諸有於斯永滅。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. ly nhất thiết hữu. nhất thiết chu hữu u tu vĩnh diệt

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là lìa tất cả các cõi. Tất cả các cõi vĩnh viễn diệt mất,

入於泥洹究竟解脫。其解脫者即是如來。超越諸陰。

nhập u Nê-hoàn cứu cánh giải thoát. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. siêu việt chu uẩn

nhập Nê-hoàn rốt ráo giải thoát. Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là siêu việt các uẩn,

超越一切諸不善法長處解脫。

siêu việt nhất thiết chu bất thiện Pháp trường xứ giải thoát.

siêu việt tất cả các Pháp bất thiện, giải thoát lâu dài.

其解脫者即是如來。離於自在。離諸我所世俗非我。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. ly u tự tại. ly chu ngã sở thể tục phi ngã

Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là lìa ở tự tại, lìa các ngã sở, thể tục chẳng phải ngã,

真實無我佛性顯現。其解脫者即是如來。

chân thật vô ngã Phật tánh hiển hiện. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.

chân thật vô ngã, Phật tánh hiển hiện. Giải thoát như vậy chính là Như Lai.

其性虛空。其虛空者。所有無所有皆不可得。

kỳ tánh hư không. kỳ hư không giả. sở hữu vô sở hữu giai bất khả đắc.

Giải thoát là tánh rỗng không. Rỗng không là sở hữu và vô sở hữu đều chẳng thể được.

尼揅等有無所有。真解脫者則不如是。

như Ni-kiền đẳng hữu vô sở hữu. chân giải thoát giả tắc bất như thị.

Như Ni-kiền-tử đều có vô sở hữu, chân giải thoát thời không như vậy.

又其空者如蘇蜜瓶。無蘇蜜故名為空瓶。其實不空。

hựu kỳ không giả như tô mật bình. vô tô mật cố danh vi không bình. kỳ thật bất không.

Lại rỗng không là như bình tô mật, vì không có tô mật nên gọi là bình rỗng không. Kỳ thật chẳng phải rỗng không,

因無物故。形色猶存當知非空。

nhân vô vật cố. hình sắc do tồn đương tri phi không.

do không có vật nhưng cái bình vẫn còn nên biết chẳng phải rỗng không.

解脫不空亦復如是。有形有色。故說不空。

giải thoát bất không diệt phục như thị. hữu hình hữu sắc. cố thuyết bất
Giải thoát chẳng phải rỗng không cũng lại như vậy, có hình có sắc, nên nói
rằng chẳng rỗng không.

無量煩惱二十五有生死輪轉。世界行處往來永絕。

vô lượng phiền não nhị thập ngũ hữu sanh tử luân chuyển. thế giới hành xứ
vãng lai vĩnh tuyệt.

Vô lượng phiền não, hai mươi lăm cõi, sanh tử luân chuyển, đi ở qua lại
các cõi vĩnh viễn không còn

如無蘇蜜名為空瓶。滅諸過患。故名為空。

như vô tô mật danh vi không bình. diệt chư quá hoạn. cố danh vi không.
như không có tô mật nên gọi là bình rỗng không. Vì diệt hết các lỗi lầm
nên gọi là rỗng không,

如瓶色像。離世間法周旋行處。不動快樂常住不變。

như bình ắc tượng. ly thế gian Pháp châu toàn hành xứ. bất động khoái lạc
thường trụ bất biến.

như hình tượng cái bình, lìa các pháp qua lại dừng ở của thế gian, bất
động khoái lạc, thường trụ chẳng biến đổi.

然彼瓶色是無常法。真解脫者常住不變。

nhiên bỉ bình sắc thị vô thường Pháp. chân giải thoát giả thường trụ bất
biến.

Nhưng cái bình kia là pháp vô thường, chân giải thoát là pháp thường trụ
chẳng biến đổi,

是故名曰不空之空。其解脫者即是如來。

thị cố danh viết bất không chi không. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai.
vì vậy gọi là không mà chẳng rỗng không. Giải thoát như vậy chính là Như
Lai.

離處所著。處所著者。

ly xứ sở trước. xứ sở trước giả.

Giải thoát là lìa chỗ đắm trước. Chỗ đắm trước là

樂為帝釋大力梵王覺慧成滿。是諸愛著皆悉解脫。其解脫者即是如來。

lạc vi Đế thích Đại lực Phạm Vương giác tuệ thành mãn. thị chư ái trước
giai tất giải thoát. kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai

như ham muốn làm Đế thích, đại lực Phạm vương, tuệ giác đầy đủ. Những sự
ham muốn ái nhiễm như vậy thầy đều giải thoát, giải thoát như vậy chính là
Như Lai.

無貪滅盡。一切有求貪欲永盡。

vô tham diệt tận. nhất thiết hữu cầu tham dục vĩnh tận.

Giải thoát là diệt tận lòng tham. Tất cả sự tham cầu ham muốn vĩnh viễn
không còn,

脫諸習著是名為滅。其滅盡者即是解脫。

thoát chư tập trước thị danh vi diệt. kỳ diệt tận giả tức thị giải thoát
thoát khỏi các tập quán chấp trước gọi là diệt, diệt tận ấy tức là giải
thoát,

其解脫者即是如來。泥洹快樂。其泥洹者。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. Nê-hoàn khoái lạc. kỳ Nê-hoàn giả.

giải thoát như vậy chính là Như Lai. Giải thoát là Nê-hoàn an vui. Nê-hoàn là

譬如群鹿遇諸獵師危怖殆死。逃走山野值仙人窟。

thí như quần lộc ngộ chư liệt sư nguy phổ đãi tử. đào tẩu sơn dã trị Tiên nhân quật.

như bầy nai gặp các thợ săn sợ hãi bỏ chạy, trốn vào trong hang núi bên gặp vị Tiên nhân,

便得蘇息安隱快樂。蘇息快樂是名泥洹。

tiện đắc tô tức an ổn khoái lạc. tô tức khoái lạc thị danh Nê-hoàn.

liền được an nghỉ yên ổn khoái lạc, yên nghỉ khoái lạc này gọi là Nê-hoàn.

其泥洹者非為盡滅。

kỳ Nê-hoàn giả phi vi tận diệt.

Nê-hoàn ấy chẳng phải là diệt tận

於一切有無量生死顛倒煩惱怨家解脫。方便逃避得入正法仙人窟宅。

ư nhất thiết hữu vô lượng sanh tử điên đảo phiền não oán gia giải

thoát. phương tiện đào tị đắc nhập chánh Pháp Tiên nhân quật trạch.

mà là giải thoát tất cả vô lượng sanh tử, điên đảo phiền não và oán gia, phương tiện lần tránh vào hang Tiên nhơn mà được chánh pháp

牟尼止處第三歸依。蘇息快樂無量眾生。

Mâu Ni chỉ xứ đệ tam quy y. tô tức khoái lạc vô lượng chúng sanh.

dùng ở tam quy y của Mâu Ni, an ổn khoái lạc cho vô lượng chúng sanh.

蘇息快樂名為泥洹。非為盡滅。

tô tức khoái lạc danh vi Nê-hoàn. phi vi tận diệt.

An ổn khoái lạc gọi là Nê-hoàn. Nê-hoàn chẳng phải là diệt tận.

若諸眾生得三歸依名為泥洹。豈況如來一切種智。

nhược chư chúng sanh đắc tam quy y danh vi Nê-hoàn. khởi hướng Như Lai nhất thiết chủng trí.

Nếu các chúng sanh được tam quy y mà gọi là Nê-hoàn, hướng Như Lai là bậc Nhất thiết chủng trí,

永捨此身而非泥洹安隱快樂。入泥洹者。如人迷醉。

vĩnh xả thử thân nhi phi Nê-hoàn an ổn khoái lạc. nhập Nê-hoàn giả. như nhân mê túy.

xả bỏ thân này mà chẳng phải là Nê-hoàn an ổn khoái lạc. Vào Nê-hoàn là như người say rượu,

有人來問為安樂不。彼醉解已答言安樂。

hữu nhân lai vấn vi an lạc phủ. bỉ túy giải dĩ đáp ngôn an lạc

có người đến hỏi rằng có an lạc chăng? Người say kia tỉnh rồi đáp rằng có an lạc.

如是眾生於無數劫迷醉生死二十五有。

như thị chúng sanh ư vô số kiếp mê túy sanh tử nhị thập ngũ hữu

Như vậy, chúng sanh vô số kiếp mê say trong hai mươi lăm cõi sanh tử,

得正覺時泥洹快樂。安隱常住不動解脫。非為滅盡。

đắc chánh giác thời Nê-hoàn khoái lạc. an ổn thường trụ bất động giải thoát. phi vi diệt tận.

lúc được Chánh giác Nê-hoàn an vui, thời được an ổn thường trụ, bất động giải thoát. Nê-hoàn chẳng phải là diệt tận.

其解脫者即是如來。爾時迦葉菩薩白佛言。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. nhĩ thời Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn Giải thoát như vậy chính là Như Lai. Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

世尊。不生不起即是解脫。是如來耶。佛告迦葉。

Thế Tôn. bất sanh bất khởi tức thị giải thoát. thị Như Lai da. Phật cáo Ca-diếp.

Bạch Thế Tôn! Chẳng sanh chẳng khởi tức là giải thoát, là Như Lai chăng? Phật bảo Ca-diếp:

如是如是。善男子。不生不起。即是解脫。

như thị như thị. thiện nam tử. bất sanh bất khởi. tức thị giải thoát.

Đúng vậy! Đúng vậy! Nay thiện nam tử! Chẳng sanh, chẳng khởi tức là giải thoát,

亦是如來。迦葉菩薩復白佛言。

diệc thị Như Lai. Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn.

cũng là Như Lai. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

彼虛空性不生不起。亦是如來耶。佛告迦葉。究竟解脫。

bỉ hư không tánh bất sanh bất khởi. diệc thị Như Lai da. Phật cáo Ca-diếp. cứu cánh giải thoát.

Hư không kia tánh nó chẳng sanh, chẳng khởi cũng là Như Lai chăng? Phật bảo Ca-diếp: Rất ráo giải thoát

非如虛空。復次善男子。如加陵毘伽及命命鳥。

phi như hư không. phục thứ thiện nam tử. như Ca-lăng-tì-già cập Mạng mạng điểu

chẳng phải như hư không. Lại nữa, nay thiện nam tử! Như tiếng hót rất thanh diệu của chim Ca-lăng-tần-già và chim Mạng mạng

其聲清徹寧同鴉鳥。迦葉白佛。不也世尊。

kỳ thanh thanh triệt ninh đồng si kiêu. Ca-diếp bạch Phật. bất dã Thế tôn có đồng với tiếng hót của chim quạ, chim kiêu chăng? Ca-diếp bạch Phật rằng: Thưa không, bạch Thế Tôn!

其聲各異不可為比。

kỳ thanh các dị bất khả vi bỉ.

Tiếng hót của chim quạ, chim kiêu đều khác, không thể sánh được.

有因緣故諸佛如來方便說喻。佛告迦葉。善哉善哉。善解音聲甚深之義。

hữu nhân duyên cố chư Phật như lai phương tiện thuyết dụ. Phật cáo ca diếp. Thiện tai Thiện tai. thiện giải âm thanh thậm thâm chi nghĩa.

Vì có nhân duyên nên chư Phật Như Lai phương tiện nói thí dụ thôi. Phật bảo Ca-diếp: Hay thay! Hay thay! Nay ông khéo hiểu được nghĩa rất sâu của tiếng.

是故解脫即是如來。其如來者即是解脫。

thị cố giải thoát tức thị Như Lai. kỳ Như Lai giả tức thị giải thoát.

Vì vậy giải thoát chính là Như Lai. Như Lai chính là giải thoát,

其解脫者無可為喻。

kỳ giải thoát giả vô khả vi dụ.

giải thoát ấy không thể dùng làm thí dụ được,

諸天世人阿修羅等一切無能非喻為喻。唯有如來。

chư Thiên thể nhân A-tu-la đẳng nhất thiết vô năng phi dụ vi dụ. duy hữu Như Lai.

tất cả trời, người, A-tu-la không ai có thể sánh ví được. Chẳng phải thí dụ mà dùng làm thí dụ, chỉ có Như Lai

為教化者能方便說。非喻為喻說解脫喻。所以者何。

vị giáo hóa giả năng phương tiện thuyết. phi dụ vi dụ thuyết giải thoát dụ. sở dĩ giả hà

vì giáo hóa chúng sanh hay dùng phương tiện để nói. Chẳng phải thí dụ mà dùng làm thí dụ là dụ cho giải thoát. Vì sao vậy?

其解脫者即是如來。其如來者即是解脫。無二無異。

kỳ giải thoát giả tức thị Như Lai. kỳ Như Lai giả tức thị giải thoát. vô nhị vô dị.

Vì giải thoát ấy chính là Như Lai. Như Lai chính là giải thoát, không hai, không khác,

所謂非喻為喻者。面如滿月。其大白象。

sở vị phi dụ vi dụ giả. diện như mãn nguyệt. kỳ Đại bạch tượng

Chẳng phải thí dụ mà dùng làm dẫn dụ là như nói: Diện mạo đoan chánh như mặt trăng tròn, voi trắng sạch

猶如雪山。諸佛世尊亦復如是。

do như tuyết sơn. chư Phật Thế Tôn diệc phục như thị.

như núi Tuyết. Chư Phật Thế Tôn cũng lại như vậy,

說諸非喻為解脫喻。化眾生故方便說法及說實法。

thuyết chư phi dụ vi dụ giải thoát dụ. hóa chúng sanh cố phương tiện thuyết Pháp cập thuyết thật Pháp.

vì giáo hóa chúng sanh nên chẳng phải thí dụ mà dùng làm thí dụ cho giải thoát để phương tiện thuyết pháp và thuyết thật pháp.

迦葉菩薩白佛言。以何等故。二種說法。佛告迦葉。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. dĩ hà đẳng cố. nhị chủng thuyết Pháp. Phật cáo Ca-diếp

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Vì sao lại có hai thứ thuyết Pháp? Phật bảo Ca-diếp:

善男子。譬如有人於如來所起瞋恚心。

thiện nam tử. thí như hữu nhân ư Như Lai sở khởi sân nhuế tâm

Này thiện nam tử! Thí như có người khởi tâm sân giận Như Lai,

便以刀劍加害如來。然其如來無有痛想。

tiện dĩ đao kiếm gia hại Như Lai. nhiên kỳ Như Lai vô hữu thống tưởng. bèn dùng dao kiếm để hại Như Lai, nhưng Như Lai không có quan niệm đau đớn.

云何善男子。彼人當成無間罪不。迦葉白佛。

vân hà thiện nam tử. bỉ nhân đương thành vô gián tội phủ. Ca-diếp bạch Phật.

Thế nào, này thiện nam tử! Người đó có thành tội vô gián chăng? Ca-diếp bạch Phật:

不也世尊。所以者何。於長養身不傷壞者無無間罪。

bất dã Thế Tôn. sở dĩ giả hà. u trưởng dưỡng thân bất thương hoại giả vô vô gián tội.

Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Vì thân trưởng dưỡng không bị thương hại nên không thành tội vô gián.

如來無有長養之身。名自在法身。云何傷害。

Như Lai vô hữu trưởng dưỡng chi thân. danh tự tại Pháp thân. vân hà thương hại

Như Lai không có thân trưởng dưỡng mà chỉ có pháp thân tự tại, làm sao bị thương hại?

以彼發心惡方便故得無間罪。

dĩ bi phát tâm ác phương tiện cố đắc vô gián tội.

Do người kia nổi tâm ác nên bị tội vô gián,

是名方便法性真實。

thị danh phương tiện Pháp tánh chân thật.

đây gọi là phương tiện Pháp tánh chân thật.

佛言。善哉善哉。善男子。我所說法亦復如是。

Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai. thiện nam tử. ngã sở thuyết Pháp diệc phục như thị.

Phật dạy: Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử! Pháp Ta nói cũng lại như vậy.

復次善男子。如有惡人欲害其母。

phục thứ thiện nam tử. như hữu ác nhân dục hại kỳ mẫu.

Lại nữa, này thiện nam tử! Như có đứa con ác muốn hại mẹ nó.

其母覺已遠離本處。其人不知來詣本處。

kỳ mẫu giác dĩ viễn li bản xứ. kỳ nhân bất tri lai nghê bản xứ

Mẹ nó biết ý nên lần tránh bản xứ, đứa con ác không biết nên đến bản xứ,

加其刀杖謂為已死。其實不死云何善男子。

gia kỳ đao trượng vị vi dĩ tử. kỳ thật bất tử vân hà thiện nam tử.

đem thêm dao gậy cho rằng mẹ nó đã chết, kỳ thật chưa chết. Thế nào, này thiện nam tử!

此人寧得無間罪不。迦葉白佛言。不也世尊。

thử nhân ninh đắc vô gián tội phủ. Ca-diếp bạch Phật ngôn. bất dã Thế Tôn. Người này có thành tội vô gián không? Ca-diếp bạch Phật rằng: Thưa không, bạch Thế Tôn!

若殺事滿足名無間罪。

nhược sát sự mãn túc danh vô gián tội.

Việc giết nếu đầy đủ mới gọi là tội vô gián.

而今其母陰界諸入無所傷損非無間罪。應得相似無間罪報亦名無間。

nhi kim kỳ mẫu âm giới chư nhập vô sở thương tổn phi vô gián tội. ứng đắc tương tự vô gián tội báo diệc danh vô gián.

Nhưng nay thân của mẹ nó không bị thương tổn nên không thành tội vô gián, nhưng cũng bị tương tự tội báo vô gián nên cũng gọi là vô gián.

是名方便法之真實。迦葉菩薩白佛言。

thị danh phương tiện Pháp chi chân thật. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn.
Đây gọi là Pháp phương tiện chân thật. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:
善哉善哉。世尊。善說方便應以不應。

Thiện tai Thiện tai。Thế Tôn。thiện thuyết phương tiện ứng dĩ bất ứng。
Hay thay! Hay thay! Thế Tôn khéo nói nên dùng phương tiện và không nên dùng phương tiện.

佛告迦葉。有因緣故宣說解脫。

Phật cáo Ca-diếp。hữu nhân duyên cố tuyên thuyết giải thoát。
Phật bảo Ca-diếp: Vì có nhân duyên nên tuyên thuyết giải thoát,
有因緣故廣說諸喻。如是無量功德成就。名為泥洹。

hữu nhân duyên cố quảng thuyết chư dụ。như thị vô lượng công đức thành tựu。danh vi Nê-hoàn。

vì có nhân duyên nên rộng nói các thí dụ, vì thành tựu vô lượng công đức như vậy nên gọi là Nê-hoàn,

亦名如來。是則趣彼大般泥洹。

diệc danh Như Lai。thị tắc thú bỉ Đại Bát-nê-hoàn。
cũng gọi là Như Lai, thẳng đến Đại Bát-nê-hoàn kia.

今日如來當入泥洹。以是義故。名大般泥洹。迦葉菩薩白佛言。

kim nhật Như Lai đương nhập Nê-hoàn。dĩ thị nghĩa cố。danh Đại Bát-nê-hoàn。ca diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。

Hôm nay Như Lai sẽ nhập Nê-hoàn, do nghĩa này nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

世尊。是為如來不趣滅盡。

Thế tôn。thị vi Như Lai bất thú diệt tận。
Bạch Thế Tôn! Chính vì Như Lai chẳng đến diệt tận
當知如來其壽無盡。

đương tri Như Lai kỳ thọ vô tận。

nên biết thọ mạng của Như Lai cũng không cùng tận.

佛告迦葉。善哉善哉。善男子。

Phật cáo Ca-diếp。Thiện tai Thiện tai。thiện nam tử。

Phật bảo Ca-diếp: Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam tử!

護持正法應當如是滅諸狐疑學決定智。善男子。

hộ trì chánh Pháp ứng đương như thị diệt chư hồ nghi học quyết định trí。thiện nam tử。

Người hộ trì chánh Pháp phải nên học trí tuệ quyết định và diệt trừ các hồ nghi như vậy. Nay thiện nam tử!

是為菩薩摩訶薩成就四法善說方等般泥洹經。

thị vi Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu tứ Pháp thiện thuyết phương đẳng bát Nê-hoàn Kinh。

Đây gọi là Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, khéo thuyết Kinh Phương Đẳng Bát Nê-hoàn.

大般泥洹經卷第三

Đại Bát-nê-hoàn Kinh quyển đệ tam

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN, QUYỂN THỨ BA

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Luợc
Dịch Sun Apr 30 22:28:21 2006

=====

ĐẠI BÁT NÊ HOÀN KINH QUYỂN THỨ TƯ

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 376

Hán dịch: Sa-môn Pháp Hiển
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền
Việt dịch: Thích Trí Thiện (08/2007)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation
PO Box 91748, Henderson, NV 89009
Website <http://www.daitangvietnam.com>
Email info@daitangvietnam.com

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:28:21 2006

Tỷ kheo Thích Trí Thiện hiệu đính lần 1. Ngô Tùng hiệu đính lần 2.

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 376 《佛說大般泥洹經》CBETA 電子佛典 V1.20 普及版

【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh độ thập nhị sách No. 376 《Phật thuyết Đại Bát-nê-hoàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.20 phổ cập bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 佛說大般泥洹經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 Phật thuyết Đại Bát-nê-hoàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 Phật nói Đại Bát-nê-hoàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version

Vol. 12, No. 376
Thích Trí Thiện hiệu đính
大般泥洹經卷第四

Đại Bát-nê-hoàn Kinh quyển đệ tứ

KINH ĐẠI BÁT-NÊ-HOÀN

QUYỂN THỨ TƯ

東晉平陽沙門法顯譯四依品第九

Đông Tấn bình dương Sa Môn Pháp Hiền dịch tứ y phẩm đệ cửu
Sa-môn Pháp Hiền người xứ Bình Dương dịch vào đời Đông Tấn
Phẩm thứ chín: Tứ Y.

佛復告迦葉。有四種人。於此大般泥洹經。

Phật phục cáo Ca-diếp. hữu tứ chủng nhân. ư thử Đại Bát-nê-hoàn Kinh.

Phật lại bảo Ca-diếp: Có bốn hạng người đối với kinh Đại Bát-nê-hoàn này mà
能趣正法護持正法能為四依多所度脫多所饒益出於世間。

năng thú chánh Pháp hộ trì chánh Pháp năng vi tứ y đa sở độ thoát đa sở nhiều
ích xuất ư thế gian.

có thể theo chánh pháp, hộ trì chánh pháp có thể làm bốn nơi nương tựa có nhiều
độ thoát có nhiều lợi ích vượt khỏi thế gian.

何等為四。一者凡夫未離煩惱出於世間。多所度脫多所饒益。

hà đẳng vi tứ. nhất giả phàm phu vị ly phiền não xuất ư thế gian. đa sở độ thoát
đa sở nhiều ích.

Những gì là bốn? Một là phàm phu chưa lìa phiền não vượt khỏi thế gian, có nhiều
độ thoát có nhiều lợi ích,

二者得須陀洹斯陀舍果。三者得阿那含。

nhị giả đắc Tu đà hoàn Tu đà hàm quả. tam giả đắc A-na-hàm.

hai là đắc quả Tu-đà-hoàn Tu-đà-hàm, ba là đắc A-na-hàm,

四者得阿羅漢。是四種人為真實依。

tứ giả đắc A La Hán. thị tứ chủng nhân vi chân thật y.

bốn là đắc A-la-hán. Đó là bốn hạng người làm nơi nương tựa chân thật,

多所度脫多所饒益。彼凡夫人者。

đa sở độ thoát đa sở nhiều ích. bi phàm phu nhân giả.

có nhiều độ thoát có nhiều lợi ích. Người phàm phu ấy

自持戒德威儀具足。為護法城於如來所聽受正法。

tự trì giới đức uy nghi cụ túc. vì hộ Pháp thành u Nhu-Lai sở thỉnh thọ chánh Pháp.

tự giữ gìn giới đức oai nghi đầy đủ, làm thành hộ trì Pháp, ở nơi Nhu Lai nghe nhận Chánh pháp,

誦持義味廣為人說能自少欲。復為人說大人八念。

tụng trì nghĩa vị quảng vi nhân thuyết năng tự thiếu dục. phục vi nhân thuyết Đại nhân bát niệm.

trì tụng nghĩa vị rộng vì người giảng nói, tự mình ít muốn, lại vì người nói tám điều tâm niệm của bậc Đại Nhân,

化諸犯戒悉令悔過。善知眾生種種語言。

hóa chư phạm giới tất lệnh hối quá. thiện tri chúng sanh chúng chúng ngữ ngôn.

giáo hóa những người phạm giới đều khiến cho hối cải lỗi lầm, khéo biết các ngôn ngữ của chúng sanh,

習行菩薩護法功德。是名第一凡夫菩薩。

tập hạnh Bồ Tát hộ Pháp công đức. thị danh đệ nhất phàm phu Bồ Tát.

tu tập hạnh Bồ-tát công đức hộ trì Pháp, gọi là Bồ-tát phàm phu thứ nhất.

此諸凡夫未為如來之所記別為菩薩位。

thử chư phàm phu vị vi Nhu-Lai chi sở kí biệt vi Bồ Tát vị.

Các phàm phu này chưa được Nhu Lai riêng thọ ký làm địa vị Bồ-tát.

彼須陀洹斯陀舍者。已得正法離諸疑惑。

bỉ Tu đà hoàn Tư đà hàm giả. dĩ đắc chánh Pháp ly chư nghi hoặc.

Các Tu-đà-hoàn Tư-đà-hàm kia đã được chánh Pháp lìa các nghi hoặc,

不為人說非法經書離佛契經世間歌頌文飾記論。

bất vi nhân thuyết phi Pháp Kinh thư ly Phật Khế Kinh thế gian ca tụng văn súc kí luận.

không vì người nói kinh sách phi Pháp xa lìa Khế Kinh Phật, ca tụng trang súc, luận ký của thế gian,

畜養奴婢非法等物。是名須陀洹菩薩。

súc dưỡng nô tì phi Pháp đẳng vật. thị danh Tu đà hoàn Bồ Tát.

nuôi dưỡng tỳ tá các vật phi Pháp. Đây gọi là Bồ-tát Tu-đà-hoàn.

雖未得第二第三菩薩住地。已為諸佛面前授記。

tuy vị đắc đệ nhị đệ tam Bồ Tát trụ địa. dĩ vi chư Phật diện tiền thọ kí.

Tuy chưa được trụ địa Bồ-tát thứ hai, thứ ba nhưng đã được chư Phật thọ ký trước mặt.

阿那舍者。已得正法離諸狐疑。

A-na-hàm giả. dĩ đắc chánh Pháp ly chư hồ nghi.

A-na-hàm là đã chứng đắc chánh Pháp, lìa các nghi ngờ,

不為人說非法典籍離佛契經世間歌頌文飾記論。受畜奴婢非法等物。

bất vi nhân thuyết phi Pháp điển tịch ly Phật Khế Kinh thế gian ca tụng văn súc kí luận. thọ súc nô tì phi Pháp đẳng vật.

không vì người nói sách vở phi Pháp xa rời Khế Kinh Phật, ca tụng trang súc luận ký của thế gian, nuôi dưỡng tỳ tá các vật phi Pháp,

未起諸結能即覺知。過去諸結永不復縛。

vị khởi chư kiết năng tức giác tri. quá khứ chư kết vĩnh bất phục phục.

các kiết phục chưa khởi thì có thể liền nhận biết, các kiết phục đã qua thì vĩnh viễn không trở lại,

有所說法不斷佛性。德行清淨身無外病。

hữu sở thuyết Pháp bất đoạn Phật tánh. đức hạnh thanh tịnh thân vô ngoại bệnh.

có nói Pháp gì thì cũng không mất Phật tánh, đức hạnh thanh tịnh thân không có bệnh ở ngoài,

四大毒蛇依起諸病所不能中。

tứ Đại độc xà y khởi chư bệnh sở bất năng trúng.

bốn rắn độc lớn các bệnh nương khởi không thể bị bệnh,

善說非我度我見者。離世間我而行方便隨順世間。

thiện thuyết phi ngã độ ngã kiến giả. ly thế gian ngã nhi hành phương tiện tùy thuận thế gian.

khéo nói phi ngã vượt khỏi ngã kiến, lìa ngã thế gian mà hành phương tiện tùy thuận thế gian,

常大乘化不說餘道。身中無有八萬戶虫無量災患。

thường Đại thừa hóa bất thuyết dư đạo. thân trung vô hữu bát vạn hộ trùng vô lượng tai hoạn.

thường giáo hóa Đại thừa không nói đạo khác, trong thân không có tám vạn vi trùng vô lượng tai hoạn,

心離愛欲無惡夢想。離一切有生死恐怖。

tâm ly ái dục không có tưởng mộng ác, ly nhất thiết hữu sanh tử khủng bố.

tâm lìa ái dục vô ác chiêm bao tưởng, lìa tất cả cảnh sanh tử sợ hãi.

行如是者。是為第三阿那含人。不復還有名阿那含。

hành như thị giả. thị vi đệ tam A-na-hàm nhân. bất phục hoàn hữu danh A-na-hàm. làm như vậy, người ấy là A-na-hàm thứ ba, không trở lại cảnh sanh tử thì gọi là A-na-hàm,

習諸德本久遠過惡所不能染。名阿那含。

tập chư đức bản cửu viễn quá ác sở bất năng nhiễm. danh A-na-hàm.

tu tập các cội gốc của đức thì tội ác không thể nhiễm thì gọi là A-na-hàm.

是名阿那含菩薩發心受決。發心受決者。

thị danh A-na-hàm Bồ Tát phát tâm thọ quyết. phát tâm thọ quyết giả.

Ấy gọi là Bồ-tát A-na-hàm phát tâm thọ quyết. Người đã phát tâm thọ quyết thì其人不久當成佛道。阿羅漢者。

kỳ nhân bất cửu đương thành Phật đạo. A La Hán giả.

người ấy không lâu sẽ thành Phật đạo. A-la-hán là người

煩惱已盡離諸重擔。所作已作具足十地。

phiền não dĩ tận ly chư trọng đàng. sở tác dĩ tác cụ túc thập địa.

đã hết phiền não, lìa các gánh nặng, việc làm đã làm xong, đầy đủ mười Địa, 已得記別甚深法忍。一切色像悉能化現。於諸方面隨意所欲。

dĩ đắc kí biệt thậm thâm Pháp nhẫn. nhất thiết sắc tượng tất năng hóa hiện. u chư phương diện tùy ý sở dục.

đã được riêng thọ ký Pháp nhẫn sâu xa, tất cả các hình sắc đều có thể hóa hiện, tùy ý muốn nơi các phương diện,

為如來應供等正覺。如是功德皆悉具足。名阿羅漢。

vi Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác. như thị công đức giai tất cụ túc. danh A La Hán.

là Như Lai Ứng Cúng chánh đẳng giác, công đức như vậy tất cả đều đầy đủ thì gọi là A-la-hán.

是為四種人於此大般泥洹經多所度脫多所饒益出於世間。為天人師。

thị vi tứ chủng nhân ư thử Đại Bát-nê-hoàn Kinh đa sở độ thoát đa sở nhiêu ích xuất ư thế gian. vi Thiên Nhơn Sư.

Ấy là bốn hạng người ở trong kinh Đại Bát-nê-hoàn này có nhiều độ thoát có nhiều lợi ích vượt khỏi thế gian, là thầy của trời người.

如諸如來。是四種人為真實依。迦葉菩薩白佛言。

như chư Như-Lai. thị tứ chủng nhân vi chân thật y. Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn.

Như các Như Lai, bốn hạng người ấy là nơi nương tựa chân thật. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

世尊。是四種人為真實依不可信也。

Thế tôn. thị tứ chủng nhân vi chân thật y bất khả tín dã.

Bạch Thế Tôn, bốn hạng người ấy là nơi nương tựa chân thật thì không thể tin vậy.

所以者何。如世尊為長者瞿師羅說。

sở dĩ giả hà. như Thế tôn vì Trường-Giả Cù su la thuyết.

Tại vì sao? Như Thế Tôn vì Trường giả Cù-su-la nói:

若天魔梵現身為佛。三十二相八十種好。圓光一尋現眉間相。

nhược Thiên ma phạm hiện thân vì Phật. tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo. Viên Quang nhất tâm hiện my gian tướng.

Nếu Trời Ma phạm hiện thân làm Phật, ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, Viên Quang một tâm hiện tướng lông trắng giữa chạng mày

來詣汝者。汝當覺知令彼降伏。

lai nghê nhữ giả. nhữ đương giác tri lệnh bị hàng phục.

đến chỗ ông, ông nên nhận biết rồi khiến người ấy hàng phục.

我今聽汝伏彼弊魔。所以然者。非阿羅漢而自稱羅漢故。

ngã kim thính nhữ phục bị tậ ma. sở dĩ nhiên giả. phi A La Hán nhi tự xưng la hán cố.

Nay Ta nghe ông hàng phục tậ ma kia, sở dĩ như vậy nên không phải A-la-hán mà tự xưng La-hán.

若使弊魔坐臥空中。左脇出火右脇出水。

nhược sử tậ ma tọa ngọa không trung. tả hiệp xuất hỏa hữu hiệp xuất thủy.

Giả sử tậ ma ngồi nằm trong không, hông bên trái ra lửa bên phải ra nước

或舉身炯然而出煙雲種種變化。

hoặc cử thân đồng nhiên nhi xuất yên vân chủng chủng biến hoá.

hoặc cử động thân đốt cháy để xuất khói, mây biến hoá các thứ,

又復能說九部契經猶不可信。

hựu phục năng thuyết cửu bộ Khế Kinh do bất khả tín.

lại có thể nói Chín Bộ Khế Kinh, do vậy không thể tin,

是故汝當伏彼弊魔莫生疑惑。譬如有人於夜冥中賊狗入舍。

thị cố nhữ đương phục bị tậ ma mạc sanh nghi hoặc. thí như hữu nhân ư dạ minh trung tặc cầu nhập xá.

vì vậy ông nên hàng phục tậ ma kia chớ sanh nghi hoặc. Thí như có người ở trong đêm tối có cướp vào nhà,

其人覺知賊狗入舍。便即罵言賊狗出去。

kỳ nhân giác tri tặc cầu nhập xá. tiện tức mạ ngôn tặc cầu xuất khứ.

người ấy nhận biết có cướp vào nhà, liền chửi rằng kẻ cướp đi ra,

莫令我今須臾殺汝。於是賊狗便疾走出不敢復還。

mạc lệnh ngã kim tu du sát nhữ. ư thị tặc cầu tiện tật tẩu xuất bất cảm phục hoàn.

chớ khiến ta giết người trong chốc lát, kẻ cướp ấy liền nhanh chóng chạy ra không giám trở lại.

弊魔波旬亦復如是。變化來者。

tậ Ma-ba-tuần diệc phục như thị. biến hoá lai giả.

Tậ ma ba-tuần cũng lại như vậy, biến hoá đến chỗ ông,

汝當以我五繫之法而繫縛之。被五繫已弊魔波旬馳走恐怖。

nhữ đương dĩ ngã ngũ hệ chi Pháp nhi hệ phục chi. bị ngũ hệ dĩ tậ Ma ba tuần trì tẩu khủng bố.

ông nên dùng năm Pháp trói buộc của Ta mà trói buộc, bị năm pháp trói rồi thì tậ ma ba-tuần sợ hãi dong ruổi bỏ chạy

譬如賊狗。如是佛為瞿師羅長者說。

thí như tặc cầu. như thế Phật vì Cù su la Trường-Giả thuyết.

giống như kẻ cướp đó vậy. Phật vì Trường giả Cù-su-la nói này:

汝今若能降弊魔者漸近泥洹。以何等故。

nhữ kim nhược năng hàng tậ ma giả tiệm cận Nê-hoàn. dĩ hà đẳng cố.

Nay ông nếu có thể hàng phục tậ ma thì dần dần đến gần Nê-hoàn. Vì sao vậy?

世尊。今日說四種人為真實依。

Thế tôn. kim nhật thuyết tứ chủng nhân vì chân thật y.

Thưa Thế Tôn, hôm nay nói bốn hạng người là nơi nương tựa chân thật,

是故我今不生信心。佛告迦葉。如是善男子。

thị cố ngã kim bất sanh tín tâm. Phật cáo Ca-diếp. như thị thiện nam tử.
vì vậy nay con không sanh lòng tin. Phật bảo Ca-diếp: Đúng vậy Thiện nam tử!

我說是法皆因聲聞諸肉眼輩說應降伏。非為受行摩訶衍者。

ngã thuyết thị Pháp giai nhân thanh văn chư nhục nhãn bối thuyết ứng hàng phục. phi vi thọ hành Ma-Ha diển giả.

Ta nói Pháp ấy đều nhân nơi Thanh văn, các bọn nhục nhãn mà ứng thuyết để hàng phục, không phải là nhận làm Ma-ha-diễn.

諸聲聞中雖有天眼。我說是等為肉眼數。

chư thanh văn trung tuy hữu Thiên nhãn. ngã thuyết thị đẳng vi nhục nhãn số.

Trong các Thanh văn tuy có Thiên nhãn, Ta nói hàng ấy là số nhục nhãn,

正使肉眼信摩訶衍者。我說是等為佛眼數。

chánh sử nhục nhãn tín Ma-Ha diển giả. ngã thuyết thị đẳng vi Phật nhãn số.

hạng người nhục nhãn tin Ma-ha-diễn, Ta nói hàng ấy là số Phật nhãn.

所以者何。是人能持摩訶衍經為佛乘故。

sở dĩ giả hà. thị nhân năng trì Ma-Ha diển Kinh vi Phật thừa cố.

Tại vì sao? Vì người ấy có thể trì kinh Ma-ha-diễn làm Phật thừa.

復次善男子。猶如大將善知兵法。

phục thứ thiện nam tử. do như Đại tướng thiện tri binh Pháp.

Lại nữa, Thiện nam tử! Giống như đại tướng khéo biết phép dùng binh,

教怯劣者學其武術語其人言汝。應如是執持刀劍鬪戰之具。

giáo khiếp liệt giả học kỳ vũ thuật ngữ kỳ nhân ngôn nhữ. ứng như thị chấp trì đao kiếm đấu chiến chi cụ.

dạy người yếu kém học võ thuật lời người ấy nói ông, nên phải cầm nắm đầy đủ đao kiếm đấu tranh như vậy,

當正其心如火熾然慎莫反顧。

đương chánh kỳ tâm như hỏa sí nhiên thận mạc phản cố.

phải vững tâm như lửa cháy mạnh cần thận chớ nhìn lại,

及至臨陣各執器仗攘臂大呼。猶如猛火賊兵必退。

cập chí lâm trận các chấp khí trượng nhưng tỳ Đại hô. do như mãnh hỏa tặc binh tất thối.

đến lúc lâm trận đều cầm khí trượng dong tay kêu lớn, giống như lửa mạnh lính giặc đều lui.

世雄導師為三界將。

thế hùng Đạo sư vi tam giới tướng.

Thế Hùng Đạo Sư làm tướng ba cõi,

教諸聲聞降伏眾魔亦復如是。復次善男子。譬如有人種性勇猛。

giáo chư thanh văn hàng phục chúng ma diệc phục như thị. phục thứ thiện nam tử. thí như hữu nhân chủng tánh dũng mãnh.

dạy các Thanh văn hàng phục chúng ma cũng lại như vậy. Lại nữa, Thiện nam tử!

Thí như có người chủng tánh mạnh mẽ,

承習戰法無有怯劣。於諸戰士最為先首。如是善男子。

thừa tập chiến Pháp vô hữu khiếp liệt. ư chư chiến sĩ tối vi tiên thủ. như thị thiện nam tử.

nhờ tập chiến Pháp không có yếu kém, đứng đầu trong các chiến sĩ, như vậy Thiện nam tử!

習學大乘聞摩訶衍甚深契經微密之教不生恐怖。當知是人已曾供養無量諸佛。

tập học Đại thừa văn Ma-Ha diển thậm thâm Khê Kinh vi mật chi giáo bất sanh sợ hãi, phải biết người ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật,

受學大乘信根堅固。

thọ học Đại thừa tín căn kiên cố.

thọ học Đại Thừa tín căn bền vững,

億百千魔種種現化終無恐怖。亦不於彼起豪髮想。

úc bách thiên ma chúng chúng hiện hóa chung vô khủng bố. diệc bất ư bi khởi hào phát tướng.

úc trăm ngàn ma hóa hiện các thứ hoàn toàn không sợ hãi, cũng không ở nơi ấy khởi một chút tướng muốn,

而彼魔眾見有人學摩訶衍者。則生恐怖如怯劣夫。

nhì bi ma chúng kiến hữu nhân học Ma-Ha diển giả. tắc sanh khủng bố như khiếp liệt phu.

mà chúng ma kia thấy có người học Ma-ha-diển, liền sanh sợ hãi như người đàn ông yếu kém,

譬如毒蛇見諸呪藥則生恐怖。天魔波旬亦復如是。

thí như độc xà kiến chư chú dược tắc sanh khủng bố. Thiên Ma ba tuần diệc phục như thị.

như rắn độc thấy các thuốc chú thuật liền sanh sợ hãi. Thiên ma ba-tuần cũng lại như vậy,

億百千魔得聞如是摩訶衍經音聲香氣

úc bách thiên ma đắc văn như thị Ma-Ha diển Kinh âm thanh hương khí

úc trăm ngàn ma được nghe kinh Ma-ha-diển thì hơi thơm của âm thanh,

光明所照離諸憍慢貢高自大。復次善男子。

quang-minh sở chiếu lý chư kiêu mạn cống cao tự Đại. phục thứ thiện nam tử.

ánh sáng chiếu soi liền lìa được các kiêu mạn cống cao tự đại. Lại nữa, Thiện nam tử!

猶如有人若見惡龍毒蛇師子虎豹豺狼

do như hữu nhân nhược kiến ác long độc xà Sư-tử hổ báo sài lang

Giống như có người nếu thấy rắn độc, rồng ác, sư tử, hổ, báo, chó sói

皆悉恐怖。或聞其聲亦生恐怖。

giai tất khủng bố. hoặc văn kỳ thanh diệc sanh khủng bố.

đều sợ hãi tất cả, hoặc nghe tiếng của nó cũng sanh sợ hãi,

或復有人能伏惡獸如彼丈夫。見彼惡獸生恐怖者。

hoặc phục hữu nhân năng phục ác thú như bi trượng phu. kiến bi ác thú sanh khủng bố giả.

hoặc lại có người có thể hàng phục ác như Trượng phu kia, thấy ác thú kia sanh sợ hãi,

當知一切聲聞緣覺亦復如是。若見諸魔便生恐懼。

đương tri nhất thiết thanh văn duyên giác diệc phục như thị. nhược kiến chư ma tiện sanh khủng úy.

nên biết tất cả Thanh văn, Duyên giác cũng lại như vậy, nếu thấy các ma liền sanh sợ sệt,

則為諸魔之所得便。如彼丈夫能伏惡獸。

tắc vi chư ma chi sở đắc tiện. như bi trượng phu năng phục ác thú.

tức là làm các ma được thuận lợi thêm. Như trượng phu kia có thể hàng phục thú ác,

當知是學摩訶衍者亦復如是。能伏眾魔。

đương tri thị học Ma-Ha diển giả diệc phục như thị. năng phục chúng ma.

nên biết học Ma-ha-diển ấy cũng lại như vậy, có thể hàng phục chúng ma,

既降伏已而為說法。如彼毒獸。

ký hàng phục dĩ nhi vi thuyết Pháp. như bi độc thú.

đã hàng phục xong còn vì chúng nói Pháp. Như thú độc kia,

魔波旬輩心已調伏便作是言。

Ma ba tuần bối tâm dĩ điều phục tiện tác thị ngôn.

lũ ma ba-tuần điều phục tâm xong liền nói rằng:

我從今日於佛正法生信樂心不復憍亂。當知聲聞故有煩惱習氣恐怖。

ngã tòng kim nhật ư Phật chánh Pháp sanh tín lạc tâm bất phục nhiều loạn. đương tri thanh văn cố hữu phiến não tập khí khủng bố.

Từ ngày hôm nay ở nơi chánh Pháp của Phật, ta sanh tâm tin vui, không quấy nhiễu trở lại, nên biết Thanh văn vốn có phiền não tập khí sợ hãi, 摩訶衍者恐怖永斷。摩訶衍者大精進力。

Ma-Ha diễn giả khủng bố vĩnh đoạn. Ma-Ha diễn giả Đại tinh tấn lực. tin Ma-ha-diễn thì vĩnh viễn đoạn trừ sợ hãi. Ma-ha-diễn là sức Tinh tấn lớn, 是故我說諸聲聞輩應當降伏莫生恐怖。如是善男子。

thị cố ngã thuyết chư thanh văn bối ứng đương hàng phục mạc sanh khủng bố. như thị thiện nam tử.

vì vậy Ta nói hàng Thanh văn phải nên hàng phục chớ sanh sợ hãi. Như vậy, Thiện nam tử!

此摩訶衍大般泥洹經甚為希有。

thử Ma-ha-diễn Đaị Bát-nê-hoàn kinh thậm vi hi hữu.

Kinh Ma-ha-diễn Đaị Bát-nê-hoàn này rất là hiếm có,

若聞是經如來長存。能信受者奇哉希有。

nhược văn thị Kinh Như-Lai trường tồn. năng tín thọ giả kì tai hi hữu.

nếu nghe kinh này thì Như Lai trường tồn. Ai thường tín thọ là trường hợp đặc biệt hiếm thay,

如優曇鉢花難得值遇。此大乘經亦復如是。奇哉希有。

như ưu đàm bát hoa nan đắc trị ngộ. thử Đaị thừa Kinh diệc phục như thị. kì tai hi hữu.

như hoa Ưu-bát-la khó được gặp. Kinh Đaị Thừa này cũng lại như vậy, đặc biệt hiếm thay!

我泥洹已遇此大乘經亦復如是。

ngã Nê-hoàn dĩ ngộ thử Đaị thừa Kinh diệc phục như thị.

Ta nhập diệt rồi mà gặp kinh Đaị Thừa này cũng lại như vậy,

奇哉希有我泥洹已。諸眾生等聞此經者。亦甚希有。

kì tai hi hữu ngã Nê-hoàn dĩ. chư chúng sanh đẳng văn thử Kinh giả. diệc thậm hi hữu.

đặc biệt hiếm thay! Ta nhập diệt rồi, tất cả các chúng sanh nghe Kinh này, cũng là điều rất hiếm có.

何其怪哉。善男子。當來之世。

hà kỳ quái tai. thiện nam tử. đương lai chi thế.

Sao lại kỳ lạ? Thiện nam tử! Vì đời đương lai,

當有眾生謗斯經者。迦葉菩薩白佛言。世尊。

đương hữu chúng sanh bàng tu Kinh giả. Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

sẽ có chúng sanh chê bai kinh này. Bồ- tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn,

久如當有諸眾生等謗斯經者。為何等人於當來世護持此法。

cừ như đương hữu chư chúng sanh đẳng bàng tu Kinh giả. vì hà đẳng nhân ư đương lai thế hộ trì thử Pháp.

về lâu sẽ có các chúng sanh chê bai kinh này, làm thế nào để mọi người ở đời đương lai hộ trì Pháp này?

佛告迦葉。我滅度後四十年中此法流布。

Phật cáo Ca-diếp. ngã diệt độ hậu tứ thập niên trung thử Pháp lưu bố.

Phật bảo Ca-diếp: Sau khi Ta diệt độ, trong bốn mươi năm, pháp này lưu bố, 然後便沒。善男子。

nhĩn hậu tiện một. thiện nam tử.

sau đó liền mất. Thiện nam tử!

譬如世間甘蔗粳米酥油乳酪以為飲食。有諸眾生服食此食而更生病。

thí như thế gian cam giá canh mẽ tô du nhũ lạc dĩ vi ẩm thực. hữu chư chúng sanh phục thực thử thực nhi canh sanh bệnh.

Thí như thế gian mía, gạo, tô, dầu, sữa, lạc dùng làm ăn uống, có các chúng sanh ăn uống thức ăn này liền sanh bệnh,

反食麤澁草木果實。如彼粳糧酥油美食等。

phản thực thô sáp thảo mộc quả thật. như bi canh lương tô du mỹ thực đẳng.

trở lại ăn các thức cây cỏ xơ cứng, như ăn các thức ăn ngon gạo, tô, dầu kia.

摩訶衍經不欲聽聞。反食麤澁草木果實。

Ma-Ha diển Kinh bắt dục thính văn. phản thực thô sấp thảo mộc quả thật.
Kinh Ma-ha-diển không muốn lắng nghe, trở lại ăn các thức cây cỏ xơ cứng,
諸聲聞乘永捨如是大般泥洹經法美食不欲聽聞。

chư thanh văn thừa vĩnh xả như thị Đại Bát-nê-hoàn Kinh Pháp mỹ thực bắt dục thính văn.

như vậy các Thanh văn thừa vĩnh viễn bỏ kinh Đại Bát-nê-hoàn, món ăn tuyệt diệu của Pháp không muốn lắng nghe.

復次善男子譬如有王居深山中。

phục thứ thiện nam tử thí như hữu Vương cư thâm sơn trung。

Lại nữa, Thiện nam tử! Thí như có vua ở trong núi sâu,

無有粳糧酥油等食。其諸人民有諸美食皆送奉王。

vô hữu canh lương tô du đẳng thực. kỳ chư nhân dân hữu chư mỹ thực giai tống phụng Vương。

không có các thức ăn gạo, tô, dầu, các người dân ở đó có các món ăn ngon đều dâng tặng vua,

自食麤澁草木果實。其有諸人親近王者。

tự thực thô sấp thảo mộc quả thật. kỳ hữu chư nhân thân cận Vương giả。

tự ăn các thức ăn xơ cứng cỏ cây trái, ở đó có các người gần gũi vua,

承王力故。初未曾見斯等食比而得食之。

thừa Vương lực cố. sơ vị tăng kiến tu đẳng thực bì nhi đắc thực chi。

nhờ sức vua, trước chưa từng thấy đối với các thức ăn này mà được ăn.

如是善男子。彼四種人於佛法中為勇猛將。

như thị thiện nam tử. bì tứ chủng nhân ư Phật Pháp trung vi dũng mãnh tướng。

Như vậy, Thiện nam tử! Bốn hạng người ấy ở trong Phật Pháp làm tướng khỏe mạnh.
彼諸菩薩摩訶薩中。

bì chư Bồ Tát Ma-Ha tát trung。

Trong các Đại Bồ-tát kia,

若有一人出興于世在所至處。以大般泥洹摩訶衍經教化眾生。

nhược hữu nhất nhân xuất hưng vu thế tại sở chí xứ. dĩ Đại Bát-nê-hoàn Ma-Ha diển Kinh giáo hóa chúng sanh。

nếu có một người hiện đến thế gian, ở nơi chỗ đến mà dùng kinh Đại Bát-nê-hoàn

Ma-ha-diển giáo hóa chúng sanh,

便自書持。若教人書。書其經卷施諸眾生。

tiện tự thư trì. nhược giáo nhân thư. thư kỳ Kinh quyển thí chư chúng sanh。

tự thọ trì ghi chép, hoặc dạy người ghi chép, ghi chép quyển kinh này thí cho các chúng sanh,

或有眾生於彼菩薩摩訶薩邊。聞般泥洹大乘法食。

hoặc hữu chúng sanh ư bì Bồ Tát Ma-Ha tát biên. văn Bát-nê-hoàn Đại thừa Pháp thực。

hoặc có chúng sanh ở bên Đại Bồ-tát ấy, nghe món ăn pháp Đại Thừa Bát-nê-hoàn,皆是菩薩光明神力故。

giai thị Bồ Tát quang-minh Thần lực cố。

đều là thần lực chiếu sáng của Bồ-tát,

使得聞此未曾有法文字句義乃至一字。

sử đắc văn thử vị tăng hữu Pháp văn tự cú nghĩa nãi chí nhất tự。

khiến được nghe pháp chưa từng có này; văn tự, cú nghĩa cho đến một chữ,

如彼眾生蒙王力故得諸美食。是故善男子。

như bì chúng sanh mông Vương lực cố đắc chư mỹ thực. thị cố thiện nam tử。

như chúng sanh kia nhờ sức vua được món ăn ngon. Vì vậy, Thiện nam tử!

大般泥洹摩訶衍經在所至處。當知此地悉為金剛。

Đại Bát-nê-hoàn Ma-Ha diển Kinh tại sở chí xứ. đương tri thử địa tất vi Kim cương。

Nơi kinh Đại Bát-nê-hoàn Ma-ha-diển này đến, phải biết nơi ấy đều là Kim cương,其有眾生聞此法者。書持誦說乃至一字。

kỳ hữu chúng sanh văn thử Pháp giả. thu trì tụng thuyết nãi chí nhất tự.
nơi ấy có chúng sanh nghe pháp này, thu trì, tụng nói cho đến một chữ thì
當知舉身亦是金剛。其諸眾生薄德少福。而此大乘摩訶衍經。

đương trì cử thân diệc thị Kim cang, kỳ chu chúng sanh bạc đức thiếu phúc. nhi
thử Đại thừa Ma-Ha diển Kinh.

nên biết thân cử động cũng là Kim cang, các chúng sanh ấy đức mỏng phước ít
nhưng kinh Đại Thừa Ma-ha-diển này,
於自國土正法流布而不聽受。

ư tự quốc thổ chánh Pháp lưu bố nhi bất thính thọ.

thì ở nơi cõi nước mình có lưu bố chánh Pháp nhưng không nghe nhận được,
如彼眾生自國土出種種上味而不得食。哀哉眾生。

như bỉ chúng sanh tự quốc thổ xuất chủng chủng thượng vị nhi bất đắc thực. ai
tai chúng sanh.

như chúng sanh kia nơi cõi nước mình xuất các mùi vị thượng hạng mà không được
ăn thì buồn thay cho những chúng sanh này vì
聞真實義而不聽受。迦葉菩薩復白佛言。

văn chân thật nghĩa nhi bất thính thọ. Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn.

nghe nghĩa chân thật mà không chịu nhận. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:
世尊。如來滅後四十年中此法興世。

Thế tôn. Như-Lai diệt hậu tứ thập niên trung thử Pháp hưng thế.

Bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai diệt độ trong bốn mươi năm Pháp này hưng thịnh ở
đời,

然後便沒其後久如復當流布。佛告迦葉。善男子。

hiên hậu tiện một kỳ hậu cừ như phục đương lưu bố. Phật cáo Ca-diếp. thiện nam
tử.

sau đó liền mất, sau đó bao lâu sẽ lưu bố lại? Phật bảo Ca-diếp: Thiện nam tử!
我後正法欲沒之餘八十年在。

ngã hậu chánh Pháp dục một chi dư bát thập niên tại.

sau Ta diệt độ chánh Pháp sẽ mất hơn tám mươi năm,

此大乘經當復流布於閻浮提。經四十年此經復沒。

thử Đại thừa Kinh đương phục lưu bố ư Diêm-phù-đề. Kinh tứ thập niên thử Kinh
phục một.

kinh Đại Thừa này sẽ lưu bố lại ở Diêm-phù-đề, trải qua bốn mươi năm, Kinh này
lại mất.

迦葉菩薩復白佛言。如世尊說。

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn. như Thế tôn thuyết.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Như Thế Tôn nói,

此大般泥洹經法欲滅時當復興世。當爾之時持戒者少犯戒者多。

thử Đại Bát-nê-hoàn Kinh Pháp dục diệt thời đương phục hưng thế. đương nhi chi
thời trì giới giả thiếu phạm giới giả đa.

kinh pháp Đại Bát-nê-hoàn này lúc sắp mất sẽ lại hưng thịnh ở đời. Lúc ấy ít
người trì giới, người phạm giới sẽ nhiều,

正法欲滅正趣損減。何等人能聽受此法。

chánh Pháp dục diệt chánh thú tôn giảm. hà đẳng nhân năng thính thọ thử Pháp.
chánh Pháp sắp mất hướng chánh giảm bớt, những người nào có thể nghe thọ Pháp
này,

能持能讀能誦能供養能解說能自書能教人書。

năng trì năng đọc năng tụng năng cúng dường năng giải thuyết năng tự thọ năng
giáo nhân thọ.

có thể trì, có thể đọc, có thể tụng, có thể cúng dường, có thể giải nói, có thể
tự ghi chép, có thể dạy người ghi chép,

唯願世尊分別解說。令一切眾生因此得度。

duy nguyện Thế tôn phân biệt giải thuyết. lệnh nhất thiết chúng sanh nhân thử
đắc độ.

cúi mong Thế Tôn phân biệt giải nói, khiến tất cả chúng sanh nhờ đó mà được độ.

有諸菩薩樂學深法。聞世尊說當隨其教。

hữu chư Bồ Tát lạc học thâm Pháp. văn Thế tôn thuyết đương tùy kỳ giáo.
có những Bồ-tát thích học pháp sâu xa, nghe Thế Tôn nói sẽ theo lời dạy ấy.

佛告迦葉。善哉善哉。善男子。

Phật cáo Ca-diếp. Thiện tai. Thiện tai. thiện nam tử.

Phật bảo Ca-diếp: Hay thay, hay thay! Thiện nam tử!

若有眾生於熙連河沙等數諸如來所發菩提心。

nhược hữu chúng sanh ư hi liên hà sa đẳng số chư Như-Lai sở phát bồ đề tâm.

Nếu có chúng sanh ở nơi vô số cát sông Ni-liên-chu Như-Lai mà phát tâm Bồ-đề,
是等眾生能於正法欲沒之時起菩薩心。

thị đẳng chúng sanh năng ư chánh Pháp dục một chi thời khởi Bồ Tát tâm.

những chúng sanh ấy có thể ở nơi chánh Pháp lúc sắp mất khởi tâm Bồ-tát,

雖未決定於無上道。能不誹謗此方等經。

tuy vị quyết định ư vô thượng đạo. năng bất phi báng thử phương đẳng Kinh.

tuy chưa quyết định ở nơi đạo Vô thượng, có thể không phi báng kinh Phương đẳng này.

一恒河沙諸如來所發菩提心。能於正法欲滅之時。

nhất hằng hà sa chư Như-Lai sở phát bồ đề tâm. năng ư chánh Pháp dục diệt chi thời.

Phát tâm Bồ-đề nơi một hằng-hà sa chư Như-Lai, có thể ở nơi chánh Pháp lúc sắp mất,

於此方等不起誹謗得信樂心。而未能為眾生廣說。

ư thử phương đẳng bất khởi phi báng đắc tín lạc tâm. nhi vị năng vi chúng sanh quảng thuyết.

ở Phương đẳng này không khởi phi báng mà được tâm tín lạc nhưng chưa có thể vì chúng sanh rộng nói.

二恒河沙諸如來所發菩提心。

nhị hằng hà sa chư Như-Lai sở phát bồ đề tâm.

Phát tâm Bồ-đề nơi hai hằng hà sa chư Như-Lai,

能於正法欲滅之時。於方等經不起誹謗身自受學。

năng ư chánh Pháp dục diệt chi thời. ư phương đẳng Kinh bất khởi phi báng thân tự thọ học.

có thể ở nơi chánh Pháp lúc sắp mất, ở Phương đẳng này không khởi phi báng tự thân thọ học,

亦復未能為人廣說。

diệc phục vị năng vi nhân quảng thuyết.

cũng lại chưa có thể vì người rộng nói.

三恒河沙諸如來所發菩提心。能於正法欲滅之時。於方等經不起誹謗。

tam hằng hà sa chư Như-Lai sở phát bồ đề tâm. năng ư chánh Pháp dục diệt chi thời. ư phương đẳng Kinh bất khởi phi báng.

Phát tâm Bồ-đề nơi ba hằng-hà sa chư Như-Lai, có thể ở nơi chánh Pháp lúc sắp mất, ở Phương đẳng này không khởi phi báng,

能受能說能書。而未能解義。

năng thọ năng thuyết năng thư. nhi vị năng giải nghĩa.

có thể thọ, có thể nói, có thể ghi chép, mà chưa có thể hiểu nghĩa.

四恒河沙諸如來所發菩提心。能於正法欲滅之時。於方等經不起誹謗。

tứ hằng hà sa chư Như-Lai sở phát bồ đề tâm. năng ư chánh Pháp dục diệt chi thời. ư phương đẳng Kinh bất khởi phi báng.

Phát tâm Bồ-đề nơi bốn hằng hà sa chư Như-Lai, có thể ở nơi chánh Pháp lúc sắp mất, đối với Kinh Phương đẳng này mà không khởi phi báng,

能受能說解深法義十六分之一。五恒河沙諸如來所發菩提心。

năng thọ năng thuyết giải thâm Pháp nghĩa thập lục phân chi nhất. ngũ hằng hà sa chư Như-Lai sở phát bồ đề tâm.

có thể thọ có thể hiểu nghĩa pháp sâu xa một trong mười tám phần. Phát tâm Bồ-đề nơi năm hằng-hà-sa chu Như Lai, 能於正法欲滅之時。

năng ư chánh Pháp dục diệt chi thời.

có thể ở nơi chánh Pháp lúc sắp mất,

於方等經不起誹謗能受能說能書能持。解深法義八分之一。

ư phương đẳng Kinh bất khởi phi báng năng thọ năng thuyết năng thu năng trì. giải thâm Pháp nghĩa bát phân chi nhất.

đối với Phương Đẳng này mà không khởi phi báng, có thể thọ, có thể nói, có thể ghi chép, có thể thọ trì, hiểu nghĩa pháp sâu xa một trong tám phần.

六恒河沙諸如來所發菩提心。

lục hằng hà sa chu Như-Lai sở phát bồ đề tâm.

Phát tâm Bồ-đề nơi sáu hằng-hà-sa chu Như Lai,

能於正法欲滅之時。於方等經不起誹謗。

năng ở chánh Pháp muốn mất thời. ở phương bực Kinh chẳng khởi/dậy phi báng.

có thể ở nơi chánh Pháp lúc sắp mất, đối với kinh Phương Đẳng này mà không khởi phi báng,

能受能說能書能持。解深法義四分之一。

năng thọ năng thuyết năng thu năng trì. giải thâm Pháp nghĩa tứ phân chi nhất.

có thể thọ, có thể nói, có thể ghi chép, có thể thọ trì, hiểu nghĩa pháp sâu xa một trong bốn phần.

七恒河沙諸如來所發菩提心。能於正法欲滅之時。

thất hằng hà sa chu Như-Lai sở phát bồ đề tâm. năng ư chánh Pháp dục diệt chi thời.

Phát tâm Bồ-đề nơi bảy hằng hà sa chu Như Lai, có thể ở nơi chánh Pháp lúc sắp mất,

於方等經不起誹謗。能受能說能書教人書能持。

ư phương đẳng Kinh bất khởi phi báng. năng thọ năng thuyết năng thu giáo nhân thu năng trì.

đối với Kinh Phương Đẳng này mà không khởi phi báng, có thể thọ, có thể nói, có thể ghi chép, dạy người chép, có thể trì,

解深法義二分之一。

giải thâm Pháp nghĩa nhị phân chi nhất.

hiểu nghĩa pháp sâu xa một trong hai phần.

八恒河沙諸如來所發菩提心。能於正法欲滅之時。

bát hằng hà sa chu Như-Lai sở phát bồ đề tâm. năng ư chánh Pháp dục diệt chi thời.

Phát tâm Bồ-đề nơi tám hằng hà sa chu Như Lai, có thể ở nơi chánh Pháp lúc sắp mất,

於方等經不起誹謗。能受能書教人書。能持能讀誦說能轉。

ư phương đẳng Kinh bất khởi phi báng. năng thọ năng thu giáo nhân thu. năng trì năng đọc tụng thuyết năng chuyển.

đối với Kinh Phương Đẳng này mà không khởi phi báng, có thể thọ, có thể nói, có thể ghi chép, dạy người chép, có thể trì, có thể đọc tụng, nói có thể chuyển,

能善隱密。亦能守護。亦能顯示。哀愍世間。

năng thiện ẩn mật. diệc năng thủ hộ. diệc năng hiển thị. ai mãn thế gian.

có thể khéo ẩn mật, cũng có thể gìn giữ, cũng có thể hiển thị, thương xót thế gian,

普令恭敬供養經卷。轉教他人令其供養。

phổ lệnh cung kính cúng dường Kinh quyển. chuyển giáo tha nhân lệnh kỳ cúng dường.

để sự cung kính cúng dường quyển Kinh một cách rộng khắp, chuyển dạy người khác khiến người ấy cúng dường,

智慧滿足解深要義。善知如來是常住法。

trí tuệ mãn túc giải thâm yếu nghĩa. thiện tri Như-Lai thị thường trụ Pháp.
trí tuệ đầy đủ hiểu yếu nghĩa sâu xa, khéo biết Như Lai là pháp thường trụ,
非變易法非磨滅法。

phi biến dị Pháp phi ma diệt Pháp.

không phải pháp biến dị, không phải pháp bào mòn,

安隱快樂善解眾生各各自分有如來性。普為開發。

an ổn khoái lạc thiện giải chúng sanh các các tự phân hữu Như-Lai tánh. phổ vi
khai phát.

an ổn, khoái lạc khéo hiểu chúng sanh tự mỗi người đều có tánh Như Lai, khai
phát rộng khắp.

是諸菩薩歷事過去無量諸佛。故能護持如來正法。

thị chư Bồ Tát lịch sự quá khứ vô lượng chư Phật. cố năng hộ trì Như-Lai chánh
Pháp.

Đó là các Bồ-tát trải qua vô lượng chư Phật trong quá khứ, nên có thể hộ trì
chánh Pháp của Như Lai,

若復今日發菩提心者。彼於來世亦當堪能護持正法。

nhược phục kim nhật phát bồ đề tâm giả. bi u lai thể diệc đương kham năng hộ trì
chánh Pháp.

nếu hôm nay lại phát tâm Bồ-đề thì người ấy ở vào đời kế tiếp cũng nên kham năng
hộ trì Chánh Pháp.

此等及餘諸眾生輩。汝善男子。當作是觀。

thử đẳng cập dư chư chúng sanh bối. nữ thiện nam tử. đương tác thị quán.

Những người này cùng với các chúng sanh, Thiện nam tử, các ông nên quán như thế
này:

於今現在及未來世。其有樂法發菩提心。

ư kim hiện tại cập vị lai thế. kỳ hữu lạc Pháp phát bồ đề tâm.

Hiện tại hôm nay cùng với đời vị lai, đều có lạc pháp phát tâm Bồ-đề

當知是人為護法者。又善男子。有諸外道。

đương tri thị nhân vi hộ Pháp giả. hựu thiện nam tử. hữu chư ngoại đạo.

thì nên biết người ấy là người hộ trì Pháp. Thiện nam tử! Có các ngoại đạo
為利養故。聞佛泥洹。

vi lợi dưỡng cố. văn Phật Nê-hoàn.

vì lợi dưỡng nên khi nghe đức Phật nhập Niết-bàn

呼謂長死而不憂感反更歡喜。有當來世假被袈裟。

hô vị trường tử nhi bất ưu thích phản canh hoan hỉ. hữu đương lai thế giả bị ca
sa.

liền kêu to rằng, Phật đã chết vĩnh viễn, không có buồn lo mà trái lại còn mừng
vui, người thế gian sau này giả mặc ca-sa,

於我法中出家學道懶惰懈怠。誹謗斯等方等契經。

ư ngã Pháp trung xuất gia học đạo lại nọa giải đãi. phi báng tu đẳng phương đẳng
Khế Kinh.

ở trong Pháp của Ta xuất gia học đạo giải đãi lười biếng, phi báng các Khế Kinh
Phương Đẳng ,

當知此等皆是今日諸異道輩。如是無量功德成就。

đương tri thử đẳng giai thị kim nhật chư dị đạo bối. như thị vô lượng công đức
thành tựu.

nên biết những người này hôm nay đều là những người thuộc ngoại đạo. Thành tựu
vô lượng công đức này là

信此方等大般泥洹樂深法者。正使是善男子。

tín thử phương đẳng Đại Bát-nê-hoàn lạc thâm Pháp giả. chánh sử thị thiện nam
tử.

đo tin pháp lạc sâu xa Phương Đẳng Đại Bát-nê-hoàn. Thiện nam tử,

過去曾作無量諸罪種種惡業。

quá khứ tăng tác vô lượng chư tội chủng chủng ác nghiệp.

hạng người này trong quá khứ đã từng tạo vô lượng tội, trồng các nghiệp xấu, là **諸罪報頭痛則除。或被輕易。或形狀醜陋。**

thị chu tội báo đầu thống tắc trừ. hoặc bị khinh dị. hoặc hình trạng xú lậu. các tội báo ấy đau đớn liền được tiêu trừ, hoặc bị xem thường, hoặc hình dáng xấu xí,

衣服不足飲食龜疎。求財不利。生貧賤家及邪見家。

y phục bất túc ẩm thực thô sơ. cầu tài bất lợi. sanh bản tiện gia cập tà kiến gia.

áo mặc không đầy đủ ăn uống thô sơ, cầu của cải không thuận lợi, sanh trong nhà bản tiện và nhà tà kiến,

或遭王難及餘種種人間苦報。現世輕受。

hoặc tao Vương nan cập dư chủng chủng nhân gian khổ báo. hiện thế khinh thọ. hoặc gặp nạn vua cùng với các khổ báo ở nhơn gian. Trong đời hiện tại thọ nhẹ như vậy

斯由護法功德力故。善男子。

tư do hộ Pháp công đức lực cố. thiện nam tử.

là nhờ sức công đức hộ trì Pháp ấy. Thiện nam tử!

譬如霜雪日未出時凝積不減。日光既出皆悉消盡。

thí như sương tuyết nhật vị xuất thời ngưng tích bất giảm. nhật quang ký xuất giai tất tiêu tận.

Thí như sương tuyết lúc mặt trời chưa mọc ngưng tụ không giảm bớt, lúc ánh mặt trời lộ hiện tất cả đều tan hết,

如是眾生造無量惡。此大般泥洹經日光未出。

như thị chúng sanh tạo vô lượng ác. thử Đại Bát-nê-hoàn Kinh nhật quang vị xuất.

như những chúng sanh này tạo vô lượng nghiệp ác lúc ánh kinh Đại Bát-nê-hoàn này chưa xuất hiện

無量惡報凝積不減。此大般泥洹日光出已。

vô lượng ác báo ngưng tích bất giảm. thử Đại Bát-nê-hoàn nhật quang xuất dĩ.

thì vô lượng ác báo ngưng tụ lại không giảm sút, lúc ánh mặt trời Kinh Đại Bát-nê-hoàn này đã xuất hiện

無量惡報皆悉消滅。復次善男子。譬如有人出家學道。

vô lượng ác báo giai tất tiêu diệt. phục thứ thiện nam tử. thí như hữu nhân xuất gia học đạo.

thì vô lượng ác báo tất cả đều tiêu diệt. Lại nữa, Thiện nam tử! Thí như có người xuất gia học đạo,

雖不持戒得與如來大眾共俱。

tuy bất trì giới đắc dĩ Như-Lai Đại chúng cộng câu.

tuy không trì giới được cùng câu hội với đại chúng của Như Lai,

在在處處假被袈裟受人供養。名字得入如來僧數。

tại tại xứ xứ giả bị ca sa thọ nhân cúng dường. danh tự đắc nhập Như-Lai tăng số.

ở mọi nơi mà giả mặc Ca-sa, nhận lấy sự cúng dường của người khác, danh tự được vào hàng Tăng của Như Lai.

如是善男子。若有菩薩摩訶薩十地成滿。

như thị thiện nam tử. nhưc hữu Bồ Tát Ma-Ha tát thập địa thành mãn.

Như vậy, Thiện nam tử! Nếu có Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ mười địa,

及諸外道能信受此摩訶衍經一言歷耳。

cập chư ngoại đạo năng tín thọ thử Ma-Ha diển Kinh nhất ngôn lịch nhĩ.

cùng với các ngoại đạo luôn tín thọ kinh Ma-ha-diển này một lời trải qua tai,

斯等皆入如來菩薩大眾之數。正使利養為名譽故。

tư đẳng giai nhập Như-Lai Bồ Tát Đại chúng chi số. chánh sử lợi dưỡng vi danh dự cố.

tất cả người ấy đều vào hàng đại chúng Bồ-tát của Như Lai. Phiền não chính sử của sự lợi dưỡng là tiếng khen.

讀誦此經但不誹謗。如是等輩。

đọc tụng thử Kinh dẫn bất phi báng. như thị đẳng bối.

Đọc tụng kinh này mà không phi báng, những người như vậy,

皆悉當成如來應供等正覺道。

giai tất đương thành Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác đạo.

tất cả sẽ thành đạo Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

是故我說彼四種人為真四依。彼四人中但使一人能自決定。

thị cố ngã thuyết bi tứ chủng nhân vi chân tứ y. bi tứ nhân trung dẫn sử nhất nhân năng tự quyết định.

Vì vậy Ta nói bốn loại người kia bốn chỗ nương tựa chân chính, trong bốn người kia chỉ cần một người có thể tự quyết định,

不以世俗外道記論名如來說。是故名為真實四依。

bất dĩ thế tục ngoại đạo kí luận danh Như-Lai thuyết. thị cố danh vi chân thật tứ y.

không lấy ký luận của thế tục ngoại đạo bảo đó là Như Lai nói. Cho nên gọi là bốn chỗ nương tựa chân thật,

當加供養受學護法。云何供養。

đương gia cúng dường thọ học hộ Pháp. vân hà cúng dường.

nên thêm sự cúng dường thọ học hộ trì pháp. Sao là cúng dường?

若有此人於摩訶衍經能受持者。

nhược hữu thử nhân u Ma-Ha diển Kinh năng thọ trì giả.

Nếu có người này đối với kinh điển Đại Thừa mà thường thọ trì thì

應隨是人盡其形壽受學護法。從其學已增加供養。是故我說此偈。

ứng tùy thị nhân tận kỳ hình thọ thọ học hộ Pháp. tùng kỳ học dĩ tăng gia cung dưỡng. thị cố ngã thuyết thử kệ.

nên theo người ấy hết mình thọ học hộ trì pháp, theo những điều đã học gia tăng sự cúng dường, cho nên Ta nói kệ này:

若知正法者

nhược tri chánh Pháp giả

Nếu người biết Chánh Pháp,

盡心加供養

tận tâm gia cúng dường

Hết lòng thêm cúng dường,

若人知法者

nhược nhân tri Pháp giả

Nếu có người biết Pháp,

盡心恭敬禮

tận tâm cung kính lễ

Hết lòng cung kính lễ,

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. như Phật sở thuyết.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, như chỗ Phật nói,

於諸師長應加恭敬禮事供養。假使長老從少者學。

ư chư sư trưởng ứng gia cung kính lễ sự cúng dường. giả sử Trưởng Lão tông thiểu giả học.

ở nơi các Sư trưởng nên thêm sự cung kính lễ bái cúng dường. Giả sử Trưởng lão theo kẻ ít học,

亦應恭敬為作禮不。

diệc ứng cung kính vi tác lễ phủ.

cũng nên cung kính mà làm lễ không?

若復長老雖知經法不持禁戒。年少弟子能持戒行。當敬禮不。

不問其長幼

bất vấn kỳ trưởng ấu

Không kẻ già hay trẻ.

如人事大發

như nhân sự đại phát

Như người phát việc lớn.

不問其長幼

bất vấn kỳ trưởng ấu

Không kẻ già hay trẻ.

如天奉帝釋

như Thiên phụng đế thích

Như Trời hầu Đế Thích.

nhược phục Trường Lão tuy trì Kinh Pháp bát trì cấm giới. niên thiếu đệ-tử năng trì giới hạnh. đương kính lễ phủ.

Hoặc nếu Trường lão tuy biết Kinh Pháp mà không giữ gìn Cấm giới, đệ tử trẻ tuổi năng trì Giới hạnh, nên kính lễ không?

又復白衣善知經法。出家之人從其受學。

hựu phục bạch y thiện tri Kinh Pháp. xuất gia chi nhân tòng kỳ thọ học.

Lại nữa, hạng người thế gian mà khéo biết Kinh Pháp thì người xuất gia theo họ thọ học,

恭敬承事法應云何。

cung kính thừa sự Pháp ứng vân hà.

cung kính hầu hạ pháp nên làm sao?

佛告迦葉其出家人於白衣所不應禮拜。非福田故。

Phật cáo Ca-diếp kỳ xuất gia nhân ư bạch y sở bất ứng lễ bái. phi phước điền cố.

Phật nói Ca-diếp, người xuất gia ấy đối với hàng bạch y không nên lễ bái vì đây không phải là ruộng phước.

其出家人凡是長老一切福田。應當敬禮。若犯戒者是所不應。

kỳ xuất gia nhân phạm thị Trường Lão nhất thiết phước điền. ứng đương kính lễ. nhược phạm giới giả thị sở bất ứng.

Người xuất gia ấy nếu là bậc Trường lão làm ruộng phước tất cả chúng sanh thì nên kính lễ, nếu người phạm giới thì không nên.

所以者何。長養草穢害穀苗故。迦葉菩薩復白佛言。

sở dĩ giả hà. trường dưỡng thảo uế hại cốc miêu cố. Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn.

Tạo sao như vậy? Vì nuôi lớn cỏ dại làm hại lúa non. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

如世尊說。盡心恭敬禮。如天奉帝釋。

như Thế tôn thuyết. tận tâm cung kính lễ. như Thiên phụng đế thích.

Như Thế Tôn nói, hết lòng cung kính lễ bái, như hàng trời phụng kính Đế Thích,如是二偈與義相違。若當一切禮敬長老者。

như thị nhị kệ dĩ nghĩa tương vi. nhược đương nhất thiết lễ kính Trường Lão giả.

vậy hai câu kệ này nghĩa tương trái nhau không? Nếu nhất thiết phải kính lễ bậc Trường lão,

諸持戒比丘多有犯罪。云何世尊。而說是偈。

chư trì giới Tỷ-kheo đa hữu phạm tội. vân hà Thế tôn. nhi thuyết thị kệ.

các Tỷ-kheo trì giới phần nhiều có phạm tội, tại sao Thế Tôn liền nói kệ ấy?

又復如來於此契經說犯戒者應當降伏。

hựu phục Như-Lai ư thử Khế Kinh thuyết phạm giới giả ứng đương hàng phục.

Lại nữa, Như Lai ở trong kinh này nói người phạm giới phải nên hàng phục?

佛告迦葉。我為當來菩薩故說。盡心恭敬禮。

Phật cáo Ca-diếp. ngã vi đương lai Bồ Tát cố thuyết. chí tâm cung kính lễ.

Phật nói Ca-diếp: Ta vì Bồ-tát đời lai nên nói, tận tâm cung kính lễ bái,如天奉帝釋。此二偈說為菩薩故非為聲聞。

như Thiên phụng đế thích. thử nhị kệ thuyết vi Bồ Tát cố phi vi thanh văn.

như loài trời phụng kính Đế Thích, nói hai kệ này vì Bồ-tát chứ không phải vì Thanh văn.

善男子。我般泥洹後。如來正法欲滅之時。

thiện nam tử. ngã Bát-nê-hoàn hậu. Như-Lai chánh Pháp dục diệt chi thời.

Thiện nam tử! Sau khi Ta nhập Niết-bàn, đến kỳ Chánh pháp của Như Lai lúc sắp diệt thì

持戒眾減犯戒眾增。

trì giới chúng giảm phạm giới chúng tăng.

chúng trì giới giảm dần, còn chúng phạm giới lại tăng,

其諸清淨得解脫者皆悉潛隱。諸出家者受非法財畜養奴婢。

kỳ chu thanh tịnh đắc giải thoát giả giai tất tiềm ẩn。chu xuất gia giả thọ phi Pháp tài súc dưỡng nô tì。

những người thanh tịnh được giải thoát thầy đều ẩn náu, những người xuất gia nhận lấy của phi Pháp nuôi dưỡng tôi tớ。

當爾之時四種人中。

đương nhĩ chi thời tứ chủng nhân trung。

Ngay lúc ấy trong bốn hạng người,

若有一人出興於世信家非家出家學道。亦現同彼受非法財畜養奴婢。

nhược hữu nhất nhân xuất hưng ư thế tín gia phi gia xuất gia học đạo。diệc hiện đồng bỉ thọ phi Pháp tài súc dưỡng nô tì。

nếu có một người sinh ra ở đời trong nhà có lòng tin hay không có niềm tin xuất gia học đạo, cũng thị hiện giống như kia (những người xuất gia trên) thọ của phi pháp nuôi dưỡng tôi tớ。

然是人者自能分別是法非法是律非律。

nhiên thị nhân giả tự năng phân biệt thị Pháp phi Pháp thị luật phi luật。

Tuy nhiên những người ấy lại có thể tự phân biệt đâu là pháp đâu là phi pháp, là luật và đâu là trái luật,

悉知他人不持戒行。亦知自己所犯輕重。

tất tri tha nhân bất trì giới hạnh。diệc tri tự kỳ sở phạm khinh trọng。

biết tất cả người khác không giữ gìn Giới hạnh, cũng tự biết chỗ phạm nặng nhẹ của mình,

能知如來所應行處。解知時節方土法用。

năng tri Như-Lai sở ứng hành xứ。giải tri thời tiết phương độ Pháp dụng。

có thể biết được việc nên làm của Như Lai, biết rõ thời tiết cách dùng của mọi nơi,

誦讀如來九部經典時。有誦習九部經典犯戒違律。

tụng đọc Như-Lai cửu bộ Kinh điển thời。hữu tụng tập cửu bộ Kinh điển phạm giới vi luật。

lúc tụng đọc Chín Bộ Kinh Điển của Như Lai, có người tụng tập Chín Bộ Kinh Điển phạm giới trái luật,

是人雖知彼犯重罪。

thị nhân tuy tri bỉ phạm trọng tội。

người ấy tuy biết người kia phạm tội nặng,

為護法故方便默然不說其過。而自謙卑從彼受學。

vi hộ Pháp cố phương tiện mặc nhiên bất thuyết kỳ quá。nhĩ tự khiêm ti tòng bỉ thọ học。

vì hộ trì Pháp nên phương tiện im lặng không nói lỗi của người ấy, mà tự khiêm tốn theo người ấy thọ học,

於護法心而無所壞。當知是人為護法故出現於世。善男子。

ư hộ Pháp tâm nhi vô sở hoại。đương tri thị nhân vi hộ Pháp cố xuất hiện ư thế。thiện nam tử。

nhưng tâm hộ trì Pháp không hoại mất, nên biết người ấy vì hộ trì Pháp mà xuất hiện ở đời. Thiện nam tử!

譬如有國其王命終。王子幼弱未能治國。

thí như hữu quốc kỳ Vương mạng chung。Vương tử ấu nhược vị năng trị quốc。

Thí như có nước, vua nước ấy băng hà, con Vua còn nhỏ chưa có thể trị vì nước, có một野人旃陀羅種。以強力故為彼國王。

hữu nhất dã nhân chiên đà la chủng。dĩ cường lực cố vi bỉ Quốc Vương。

có một người hoang dã dòng dõi chiên-đà-la, dùng sức mạnh nên làm vua nước ấy, 時諸長者婆羅門等而作是念。

thời chu Trưởng-Giả Bà-la-môn đẳng nhi tác thị niệm。

lúc ấy các Trưởng giả Bà-la-môn v.v.. liền nghĩ rằng:

今旃陀羅主領此國。我等何緣往返承順。便捨逃走外奔他國。

kim chiên đà la chủ lĩnh thù quốc. ngã đấng hà duyên vãng phàn thừa thuận. tiện xả đào tầu ngoại bốn tha quốc.

Nay Chiên-đà-la làm thù lĩnh nước này, chúng ta có gì trở lại thuận theo mệnh lệnh, liền bỏ nước trốn chạy sang nước khác.

彼旃陀羅王遣人追逐斷其徑路。

bỉ chiên đà la Vương khiến nhân truy trục đoạn kỳ kính lộ.

Vua Chiên-đà-la kia sai người đuổi theo chặn bít đường lối,

旃陀羅王擊鼓宣令。告諸長者婆羅門等。汝等莫去。

chiên đà la Vương kích cổ tuyên lệnh. cáo chư Trưởng-Già Bà-la-môn đấng. nhữ đấng mạc khứ.

Vua Chiên-đà-la đánh trống ra lệnh, nói với các Trưởng già Bà-la-môn v.v.. các ông chớ có đi,

我當與汝分國半治。國中人民有不走者。

ngã đương dữ nhữ phân quốc bán trị. quốc trung nhân dân hữu bất tầu già.

tôi sẽ cùng với các ông chia nửa nước cai trị, nhân dân trong nước không có người trốn chạy.

王復語言。諸婆羅門。汝等各各轉相告語言。

Vương phục ngữ ngôn. chư Bà-la-môn. nhữ đấng các các chuyển tướng cáo ngữ ngôn.

Vua lại nói rằng: Hờiit chư Bà-la-môn, các ông đều chuyển tướng nói lời rằng:

却後七日婆羅門等及諸士人。

khước hậu thất nhật Bà-la-môn đấng cập chư sĩ nhân.

Sau bảy ngày các Bà-la-môn cùng các sĩ nhân,

為旃陀羅王施設大會。當共相與往詣王所。

vì chiên đà la Vương thí thiết Đại hội. đương cộng tướng dữ vãng nghệ Vương sở.

vì vua Chiên-đà-la thiết lập hội lớn, nên cùng với nhau qua đến chỗ Vua,

與彼國王及其親族旃陀羅輩飲食宿止。

dữ bỉ Quốc Vương cập kỳ thân tộc chiên đà la bồi ẩm thực tú chí.

cùng với vua nước ấy và bọn thân tộc Chiên-đà-la ăn uống nghỉ ngơi.

若有一人不從教者我當苦治。又復語言。

nhược hữu nhất nhân bất tông giáo giả ngã đương khổ trị. hựu phục ngữ ngôn.

Nếu có một người không theo lời dạy ta sẽ khổ trị. Lại nói rằng:

我家中有三十三天甘露之藥。其服食者能令不死。

ngã gia trung hữu tam thập tam Thiên cam lộ chi dược. kỳ phục thực giả năng lệnh bất tử.

Trong nhà ta có thuốc cam lồ của cõi trời ba mươi ba, người uống thuốc ấy có thể làm cho không chết

并有方論當持相與。爾時有一縈髮梵志。專修淨行。

tịnh hữu phương luận đương trì tướng dữ. nhĩ thời hữu nhất oanh phát phạm chí.

chuyên tu tịnh hạnh.

và có phương luận nên cùng nhau nắm giữ. Lúc bấy giờ có Oanh Phát Phạm Chí,

chuyên tu Tịnh hạnh,

聞王教已來詣王所。頭面禮足而白王言。

văn Vương giáo dĩ lai nghệ Vương sở. đầu diện lễ túc nhi bạch Vương ngôn.

nghe vua dạy xong đi đến chỗ vua, đầu mặt lạy chân vua mà bạch vua rằng:

大王。當知能行不忍天下大惡則我是也。

Đại Vương. đương tri năng hành bất nhẫn Thiên hạ Đại ác tắc ngã thị dã.

Tâu Đại Vương, nên biết không nở làm cho thiên hạ đại ác tức là tôi đây vậy.

王當與我官爵俸祿。我能唱令。王即聽許。

Vương đương dữ ngã quan tước bổng lộc. ngã năng xướng lệnh. Vương túc thỉnh hứa.

Vua nên cùng với tôi hưởng tước quan bổng lộc, tôi có thể ra lệnh, Vua phải nghe theo.

時彼梵志。即受王命唱令國內。

thời bỉ phạm chí. tức thọ Vương mạng xướng lệnh quốc nội.

Bấy giờ Phạm Chí kia liền nhận lệnh Vua ra lệnh người trong nước,

是時國中諸婆羅門。皆悉瞋恚呵責罵之。

thị thời quốc trung chu Bà-la-môn. giai tất sân khuê ha trách mạ chi.
lúc ấy các Bà-la-môn trong nước, tất cả đều tức giận trách mắng.

然其梵志猶與彼王共知國事。至於後時。大臣梵志便白王言。

nhiên kỳ phạm chí do dữ bi Vương cộng tri quốc sự. chí ư hậu thời. Đại Thần phạm chí tiện bạch Vương ngôn.

Tuy nhiên Phạm Chí ấy cũng giống như vua kia cùng biết việc nước, đến thời gian sau, đại thần Phạm Chí tâu với Vua rằng:

我與大王共同國事至於今日。

ngã dữ Đại Vương cộng đồng quốc sự chí ư kim nhật.

Tôi với Đại Vương chung lo việc nước đến ngày hôm nay,
猶未體信而不見教學一術法。王告梵志。

do vị thể tín nhi bất kiên giáo học nhất thuật Pháp. Vương cáo phạm chí.

nhưng do chưa có tin tưởng nên không thấy dạy một phương pháp nào. Vua nói Phạm Chí:

我當徐徐教汝術法。今我家有先王之餘甘露味藥。

ngã đương từ từ giáo nhữ thuật Pháp. kim ngã gia hữu tiên Vương chi dư cam lộ vị dược.

Thùng thặng tôi sẽ dạy người phương pháp, nay nhà tôi có thừa vị thuốc cam lồ của Tiên Vương,

當共汝食。即便以此甘露味藥。并其方術與彼梵志。

đương cộng nhữ thực. tức tiện dĩ thừa cam lộ vị dược. tinh kỳ phương thuật dữ bi phạm chí.

sẽ cùng người uống. Ngày lúc đó vua liền lấy vị thuốc cam lồ ấy ra, và phương pháp ấy cho Phạm Chí kia.

梵志大臣得此甘露及方術已。

phạm chí Đại Thần đắc thừa cam lộ cập phương thuật dĩ.

Đại thần Phạm Chí được vị cam lồ cùng với phương pháp thuốc ấy xong,

為彼王合隨食之藥。王服彼藥即便命終。

vi bi Vương hợp tùy thực chi dược. Vương phục bi dược tức tiện mạng chung.

làm cho vua ấy nghe theo mà ngậm uống thuốc. Vua uống thuốc ấy liền chết.

時梵志大臣即立先王太子。還紹王位護持先王正法治化。

thời phạm chí Đại Thần tức lập tiên Vương Thái-Tử. hoàn thiệu Vương vị hộ trì tiên Vương chánh Pháp trì hóa.

Lúc ấy đại thần Phạm Chí liền lập Thái tử của Tiên Vương, trở lại nối Vương vị hộ trì Chánh Pháp, trị vì của Tiên Vương.

如是梵志大臣。非捨婆羅門法習施陀羅法。

như thị phạm chí Đại Thần. phi xả Bà-la-môn Pháp tập chiên đà la Pháp.

như vậy Đại thần Phạm Chí không xả bỏ phương pháp Bà-la-môn thông thạo phép Chiên-đà-la,

故是梵志修行菩薩拯濟之業。國土人民歎言。

cố thị phạm chí tu hành Bồ Tát chủng tế chi nghiệp. quốc thổ nhân dân tán ngôn.

vì vậy Phạm Chí tu hạnh nghiệp cứu giúp của Bồ-tát, nhân dân trong nước ca tán rằng:

善哉。此婆羅門護持王法。

Thiện tai. thừa Bà-la-môn hộ trì Vương Pháp.

Hay thay! Bà-la-môn ấy hộ trì phép Vua.

是時菩薩持正法故。為婆羅門作諸方便。

thị thời Bồ Tát trì chánh Pháp cố. vi à-la-môn tác chu phương tiện.

Lúc ấy Bồ-tát giữ gìn chánh Pháp, vì Bà-la-môn khỏi các phương tiện,

立彼王子以為國王。宮中內外及諸大臣皆受正法。

lập bi Vương tử dĩ vi Quốc Vương. cung trung nội ngoại cập chu Đại Thần giai thọ chánh Pháp.

lập Vương tử kia để làm Quốc Vương, thân tộc nội ngoại trong cung và các Đại thần đều nhận Chánh Pháp.

旃陀羅王妻子眷屬。皆與毒藥令其迷悶。然後驅出。

chiên đà la Vương thê tử quyền chúc. giai dữ độc dược lệnh kỳ mê muộn. nhiên hậu khu xuất.

Vợ con quyền thuộc của Vua Chiên-đà-la, đều cùng nhau uống thuốc độc khiến cho họ mê muội, sau đó đuổi đi.

菩薩摩訶薩亦復如是。

Bồ Tát Ma-Ha tát diệc phục như thị.

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy,

現犯戒相畜養奴婢受非法財。詣彼犯戒惡比丘所。

hiện phạm giới tướng súc dưỡng nô tì thọ phi Pháp tài. nghệ bi phạm giới ác Tỳ-kheo sở.

hiện tướng phạm giới nuôi dưỡng tỳ tó nhận của phi Pháp, đến chỗ ác Tỳ-kheo phạm giới kia,

承事受學書其經卷。書經卷已轉來教授持戒者故。

thừa sự thọ học thư kỳ Kinh quyển. thư Kinh quyển dĩ chuyển lai giáo thọ trì giới giả cố.

hầu hạ thọ học ghi chép kinh sách; ghi chép kinh sách xong chuyển đến thầy dạy người trì giới,

與彼惡人同其止宿。

dữ bi ác nhân đồng kỳ chỉ tú.

cùng ở chung với người ác kia,

周旋飲食自手作食人不授食。護正法故便作方便。

châu toàn ẩm thực tự thủ tác thực nhân bất thụ thực. hộ chánh Pháp cố tiện tác phương tiện.

tiếp đãi ăn uống, tự tay làm thức ăn người không trao cho thức ăn. Hộ trì chánh Pháp liền dùng phương tiện,

以諸八種非法之事而降伏之令其迷悶。

dĩ chư bát chủng phi Pháp chi sự nhi hàng phục chi lệnh kỳ mê muộn.

dùng tám việc phi pháp để hàng phục khiến cho người ấy mê muội,

不復與彼同其自恣布薩和合。降伏一切諸犯戒者。

bất phục dữ bi đồng kỳ tự tứ bồ tát hòa hợp. hàng phục nhất thiết chư phạm giới giả.

lại không cùng với người ấy hòa hợp Tự tứ, Bồ-tát, hàng phục tất cả các người phạm giới,

與諸清淨和合之眾布薩自恣。以摩訶衍方等術法。

dữ chư thanh tịnh hòa hợp chi chúng bồ tát tự tứ. dĩ Ma-Ha diễn phương đẳng thuật Pháp.

cùng các chúng thanh tịnh hòa hợp Bồ-tát, Tự tứ, dùng phương pháp Đại thừa Phương Đẳng,

廣為人說安隱濟度無量眾生。是為菩薩護持正法。

quảng vi nhân thuyết an ổn tế độ vô lượng chúng sanh. thị vi Bồ Tát hộ trì chánh Pháp.

rộng vì người nói độ giúp vô lượng chúng sanh được an ổn. Đó là Bồ-tát hộ trì chánh Pháp.

我為是等而說斯偈。

ngã vi thị đẳng nhi thuyết tu kệ.

Ta vì lý do đó mà nói kệ này,

若有比丘聞我所說無護法心。而欲方便效彼菩薩。

nhược hữu Tỳ-kheo văn ngã sở thuyết vô hộ Pháp tâm. nhi dục phương tiện hiệu bi Bồ Tát.

nếu có Tỳ-kheo nghe ta nói tâm không hộ trì pháp, mà muốn phương tiện học theo Bồ-tát kia,

起諸過者佛所不聽。自言菩薩而實寬縱作過惡者。

khởi chư quá giả Phật sở bất thính. tự ngôn Bồ Tát nhi thật khoan túng tác quá ác giả.

khởi các lỗi lầm Phật không chấp thuận, tự nói Bồ-tát mà thật sự nói lỏng thòa súc tạo các lỗi ác.

我說是等為懈怠輩。我此方便微密之教。

ngã thuyết thị đẳng vi giải đãi bối. ngã thử phương tiện vi mật chi giáo.

Ta nói như thế là vì bọn nhác nhóm, Ta phương tiện dạy vi mật này,

為護法菩薩故說此偈。

vi hộ Pháp Bồ Tát cố thuyết thử kệ.

vì các Bồ-tát hộ trì pháp nên nói kệ này:

若知正法者

nhược tri chánh Pháp giả

Nếu người biết chánh pháp,

盡心加供養

tận tâm gia cúng dường

Hết lòng thêm cúng dường,

若人知法者

nhược nhân tri Pháp giả

Nếu có người biết Pháp,

盡心恭敬禮

tận tâm cung kính lễ

Hết lòng cung kính lễ,

迦葉菩薩白佛言。世尊。如是菩薩慢縱懈怠。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. như thị Bồ Tát mạn túng giải đãi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như vậy Bồ-tát kiêu ngạo tha hồ biếng nhác,

於具足戒得清淨不。佛告迦葉。善男子。

ư cụ túc giới đắc thanh tịnh phủ. Phật cáo Ca-diếp. thiện nam tử.

ở nơi thọ giới Cụ Túc được thanh tịnh không? Phật nói Ca-diếp: Thiện nam tử!

彼具足戒若懺悔者當言清淨。

bỉ cụ túc giới nhược sám hối giả đương ngôn thanh tịnh.

Người giữ giới Cụ Túc kia nếu người sám hối thì nên nói rằng thanh tịnh.

善男子譬如坡塘破壞其水流出。所以者何。

thiện nam tử thí như pha đường phá hoại kỳ thủy lưu xuất. sở dĩ giả hà.

Thiện nam tử! Ví như đê bao bị vỡ nước sẽ chảy ra, vì sao như vậy?

不懃修故。然善男子。坡塘破壞更修治者。

bất cần tu cố. nhiên thiện nam tử. pha đường phá hoại canh tu trì giả.

Vì không siêng tu. Nhưng Thiện nam tử! Đê bao bị vỡ liền tu sửa lại

其水還復。彼懈怠者亦復如是。

kỳ thủy hoàn phục. bỉ giải đãi giả diệc phục như thị.

thì nước lại như cũ. Người kia biếng nhác cũng lại như vậy,

於具足戒布薩自恣所破壞處戒水流出。所以者何。

ư cụ túc giới bố tát tự tứ sở phá hoại xử giới thủy lưu xuất. sở dĩ giả hà.

đối với người thọ giới Cụ túc mà phá hoại Bồ-tát, Tự Tứ thì từ nơi Giới thủy chảy đi mất. Vì sao vậy?

精進損減懈怠增故。然是比丘戒行損減應更修治。

tinh tấn tổn giảm giải đãi tăng cố. nhiên thị Tỳ-kheo giới hạnh tổn giảm ứng cánh tu trì.

Vì siêng năng giảm bớt mà biếng nhác lại tăng, nhưng Tỳ-kheo này khi giới hạnh giảm sút thì nên trở lại tu trì,

從彼護法諸菩薩所。改勵懺悔令得清淨。

tòng bỉ hộ Pháp chư Bồ Tát sở. cải lệ sám hối lệnh đắc thanh tịnh.

theo các Bồ-tát mà hộ trì pháp kia, gắng sức sám hối cải đổi khiến được thanh tịnh.

不問其長幼

bất vấn kỳ trường ấu

Không kể già hay trẻ.

如人事大發

như nhân sự đại phát

Như người phát việc lớn.

不問其長幼

bất vấn kỳ trường ấu

Không kể già hay trẻ.

如天奉帝釋

như Thiên phụng đế thích

Như trời phụng Đế Thích.

迦葉菩薩白佛言。猶如世尊阿摩勒果喻經所說。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn. do như Thế tôn a ma lặc quả dụ Kinh sở thuyết. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như quả a-ma-lặc ví dụ cho những Kinh đã thuyết,

持戒犯戒其相難知。云何分別。佛告迦葉。善男子。

trì giới phạm giới kỳ tướng nan tri. vân hà phân biệt. Phật cáo Ca-diếp. thiện nam tử.

vậy tướng trì giới hay phạm giới thì khó biết, làm sao để phân biệt? Phật nói Ca-diếp: Thiện nam tử!

持戒犯戒欲知其相。

trì giới phạm giới dục tri kỳ tướng.

Muôn biết tướng trì giới hay phạm giới

依大般泥洹經能善分別。善男子。譬如田夫種植五穀。

y Đại Bát-nê-hoàn Kinh năng thiện phân biệt. thiện nam tử. thí như điền phu chủng thực ngũ cốc.

thì nương vào kinh Đại Bát-nê-hoàn mà có thể khéo phân biệt. Thiện nam tử! Ví như nhà nông gieo trồng ngũ cốc,

除庵草穢名為淨田。故有[禾秀]稗似善穀苗。

trừ thô thảo uế danh vi tịnh điền. cổ hữu đậu bại tự thiện cốc miêu.

trừ cỏ thô như bản gọi là ruộng sạch, cho nên có cỏ lộn tợ như mầm lúa tốt, 至其成實草穀各異。後後方知真偽有別。

chí kỳ thành thật thảo cốc các dị. hậu hậu phương tri chân ngụy hữu biệt.

đến lúc lớn thành cỏ lúa đều khác, dần dần sau mới biết thật giả có sai biệt.

護法菩薩亦復如是修田之法。先除八種庵惡罪行。

hộ Pháp Bồ Tát diệc phục như thị tu điền chi Pháp. tiên trừ bát chủng thô ác tội hành.

Bồ-tát hộ trì pháp cũng lại như vậy, tu ruộng Pháp, trước trừ tám thứ tội thô ác,

除庵過已名為肉眼清淨眾僧。良福田數乃至聖果。

trừ thô quá dĩ danh vi nhục nhãn thanh tịnh chúng tăng. lương phúc điền số nãi chí Thánh quả.

đã trừ lỗi thô gọi là Chúng Tăng nhục nhãn thanh tịnh, được coi là ruộng phước tốt cho đến quả Thánh.

肉眼之外名清淨僧。但除八種毒蛇大過。

nhục nhãn chi ngoại danh thanh tịnh tăng. đản trừ bát chủng độc xà Đại quá.

Ngoài nhục nhãn gọi là Thanh tịnh Tăng, chỉ trừ tám thứ rắn độc lỗi lớn, 名為眾僧良福田數。

danh vi chúng tăng lương phúc điền số.

gọi là Chúng Tăng được coi là ruộng phước tốt,

雖未都淨已為天人之所供養為良福田。

tuy vị đô tịnh dĩ vi Thiên Nhơn chi sở cúng dường vi lương phúc điền.

tuy chưa hoàn toàn thanh tịnh nhưng vẫn làm chỗ cúng dường của trời người, làm ruộng phước tốt,

況復終成賢聖妙果清淨福田。出彼肉眼所見之表。復次善男子。

huống phục chung thành hiền Thánh diệu quả thanh tịnh phúc điền. xuất bi nhục nhãn sở kiến chi biểu. phục thứ thiện nam tử.

huống nữa hoàn toàn thành bậc diệu quả Hiền Thánh thì ruộng phước thanh tịnh, vượt khỏi nhục nhãn kia thấy được rõ ràng. Lại nữa, Thiện nam tử!

譬如國中有二果樹。一名迦留。二名沾牟。

thí như quốc trung hữu nhị quả thụ. nhất danh ca lưu. nhị danh triêm mưu.

Ví như trong nước có hai trái cây; một là ca-lưu, hai là triêm-mưu.

迦留樹者是苦果樹。沾牟樹者是甜果樹。

ca lưu thụ giả thị khổ quả thụ. triêm mưu thụ giả thị diêm quả thụ.

Cây ca-lưu thì quả của nó đắng, còn cây triêm-mưu thì quả của nó ngọt,

華菓果實狀類相似。有人不識雜取其果。

hoa diệp quả thật trạng loại tương tự. hữu nhân bất thức tạp thủ kỳ quả.
mặc dù hoa, lá, quả hình dáng thật giống nhau nhưng có người không nhận biết lấy
lộn quả của nó,

詣市賣之食者多死。時有智人疑是毒果便往問之。

nghệ thị mại chi thực giả đa tử. thời hữu trí nhân nghi thị độc quả tiện vãng
vấn chi.

đến chợ bán, nhiều người ăn nó thì bị chết. Lúc ấy có người trí nghi là quả độc
liền đi hỏi rằng:

汝等何處取是果來。答言某方。

nhữ đẳng hà xứ thủ thị quả lai. đáp ngôn mỗ phương.

Các người lấy quả này nơi nào đến? Đáp rằng: Từ chỗ kia.

便語彼人此必雜毒。故多殺人宜速棄之。如是善男子。

tiện ngữ bỉ nhân thủ tất tạp độc. cố đa sát nhân nghi tốc khí chi. như thị thiện
nam tử.

Người trí liền nói người ấy rằng, đây tất là tạp độc làm giết hại nhiều người
nên nhanh chóng vứt đi. Như vậy, Thiện nam tử!

懈怠之僧成就八惡。時有持戒在其中者。

giải đãi chi tăng thành tựu bát ác. thời hữu trì giới tại kỳ trung giả.

Tăng biếng nhác thành tựu tám ác, lúc ấy có trì giới ở trong người

如彼甜果在毒樹林。護法菩薩教令棄捨。

như bỉ diễm quả tại độc thụ lâm. hộ Pháp Bồ Tát giáo lệnh khí xả.

như quả ngọt kia ở trong rừng cây độc. Bồ-tát hộ trì pháp dạy khiến xả bỏ,

不令信心諸弟子等。禮拜供養恭敬親近。

bất lệnh tín tâm chư đệ-tử đẳng. lễ bái cúng dường cung kính thân cận.

không để lòng tin các đệ tử, gần gũi cung kính lễ bái cúng dường,

斷慧命根墮地獄中。是故信心優婆塞等。

đoạn tuệ mạng căn đọa Địa-ngục trung. thị cố tín tâm Ưu bà tắc đẳng.

đoạn mất gốc tuệ mạng đọa trong địa ngục, vì vậy lòng tin các Ưu-bà-tắc v.v..

當善分別莫見形服便相習近。

đương thiện phân biệt mạc kiến hình phục tiện tương tập cận.

nên khéo phân biệt chớ thấy hình dáng quen liền gần gũi làm quen,

當悉問之彼為成就八種法不。自恣布薩為和合不。

đương tất vấn chi bỉ vi thành tựu bát chủng Pháp phủ. tự tứ bồ tát vi hòa hợp
phủ.

nên biết hỏi người kia được thành tựu tám loại pháp chưa? Tự Tứ, Bồ-tát được hòa
hợp chưa?

若彼已離八種惡法。如是等僧世尊亦受哀眾生故。

nhược bỉ dĩ ly bát chủng ác Pháp. như thị đẳng tăng Thế tôn diệc thọ ai chúng
sinh cố.

Nếu kia đã xa lìa tám thứ ác pháp, tất cả Tăng như vậy thì Thế Tôn cũng thương
cảm chúng sanh.

於祇桓林與共和合如真金聚。當知是等所應供養。

ư kì hoàn lâm dĩ cộng hòa hợp như chân kim tụ. đương tri thị đẳng sở ứng cúng
dường.

Họ cùng ở trong rừng Kỳ-hoàn mà cùng nhau hòa hợp như khối vàng ròng thì nên
biết những chỗ ấy phải nên cúng dường.

若言不受不共和合布薩自恣。

nhược ngôn bất thọ bất-cộng hòa hợp bồ tát tự tứ.

Nếu nói không chịu cùng nhau hòa hợp Bồ-tát, Tự Tứ thì

當知是等非是天人所應供養。

đương tri thị đẳng phi thị Thiên Nhơn sở ứng cúng dường.

nên biết những chỗ như vậy không phải là chỗ nên cúng dường của trời người.

是諸比丘不應與共布薩自恣。若其問訊猶不能知。

thị chu Tỳ-kheo bất ứng dữ cộng bố tát tụ tứ. nhược kỳ vẫn tấn do bất năng tri. Các Tỳ-kheo ấy không thích cùng nhau Bố-tát, Tụ Tứ nên nếu hỏi han thì họ không thể biết gì,

當依如來真實契經而分別之。若使愚夫不善分別而便恭敬。

đương y Như-Lai chân thật Khế Kinh nhi phân biệt chi. nhược sử ngu phu bất thiện phân biệt nhi tiện cung kính.

phải nương vào Khế Kinh chân thật của Như Lai mà phân biệt. Giả sử người ngu không khéo phân biệt mà liền cung kính,

供施所須與相習近。我說是等當墮惡道。

cúng thí sở tu dữ tướng tập cận. ngã thuyết thị đẳng đương đọa ác đạo

cúng thí chỗ cần gần gũi với nhau, Ta nói những hạng ấy sẽ đọa đường ác.

復次善男子。譬如雪山有好甜藥。

phục thứ thiện nam tử. thí như tuyết sơn hữu hảo điềm dược.

Lại nữa, Thiện nam tử! ví như núi tuyết có thuốc ngon ngọt,

時諸商人合持諸藥遊行而賣。時有一人不識諸藥。

thời chư thương nhân hợp trì chư dược du hành nhi mai. thời hữu nhất nhân bất thức chư dược.

lúc ấy các người buôn chung cầm các loại thuốc đi chơi để bán, lúc ấy có một người không nhận biết các loại thuốc,

問彼商人。汝有雪山甜藥草不。答言我有。

vấn bĩ thương nhân. nữ hữu tuyết sơn điềm dược thảo phủ. đáp ngôn ngã hữu.

hỏi người buôn kia: Ông có dược thảo ngọt của núi tuyết không? Đáp rằng ta có.

便從其買。而彼商人輒與苦藥。

tiện tòng kỳ mãi. nhi bĩ thương nhân triếp dữ khổ dược.

Liên đến người ấy mua, nhưng người buôn kia liền đưa thuốc đắng,

其買藥者求甜藥故反得苦藥。清淨眾者如雪山藥。

kỳ mãi dược giả cầu điềm dược cố phản đắc khổ dược. thanh tịnh chúng giả như tuyết sơn dược.

người mua thuốc ấy tìm thuốc ngọt mà ngược lại được thuốc đắng. Chúng Thanh tịnh như thuốc núi tuyết,

與彼懈怠犯戒比丘而共和合。其信心者供養禮事。

dữ bĩ giải đãi phạm giới Tỳ-kheo nhi cộng hòa hợp. kỳ tín tâm giả cúng dường lễ sự.

và Tỳ-kheo biếng nhác phạm giới kia mà cùng hòa hợp, lòng tin người ấy cúng dường lễ bái hầu hạ,

當知是等肉眼凡夫。猶如彼人不識甜藥。

đương tri thị đẳng nhục nhãn phạm phu. do như bĩ nhân bất thức điềm dược.

nên biết những người ấy là phạm phu mắt thịt, giống như người kia không nhận biết thuốc ngọt.

清淨犯戒其相難知。凡夫肉眼不能分別。

thanh tịnh phạm giới kỳ tướng nan tri. phạm phu nhục nhãn bất năng phân biệt.

Tướng thanh tịnh hay phạm giới thì khó biết, hàng phạm phu mắt thịt không thể phân biệt,

唯天眼者乃能別知。是故成就八種惡法。雖著法服。

duy Thiên nhãn giả nãi năng biệt tri. thị cố thành tựu bát chủng ác Pháp. tuy trú Pháp phục.

chỉ ai có Thiên nhãn mới có thể phân biệt. Vì vậy thành tựu tám thứ ác pháp, dẫu mặc pháp phục,

不應受人禮拜供養。

bất ứng thọ nhân lễ bái cúng dường.

không nên nhận sự lễ bái cúng dường của người.

若能改悔除八種過名清淨僧。迦葉菩薩白佛言善哉善哉。世尊。

nhược năng cải hối trừ bát chủng quá danh thanh tịnh tăng. Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn Thiện tai Thiện tai. Thế tôn.

Nếu có thể hồi cải trừ tám thứ lỗi gọi là Thanh tịnh Tăng. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Hay thay, hay thay Thế Tôn!

快說斯法。我當頂受是金剛寶。

khoái thuyết tu Pháp. ngã đương đỉnh thọ thị Kim cương bảo。

Khoái nói pháp này, con sẽ đỉnh thọ Kim Cang Bảo này.

爾時迦葉菩薩復白佛言。如世尊說。告諸比丘有四依法。

nhĩ thời Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn. như Thế tôn thuyết. cáo chư Tỳ-kheo hữu tứ y Pháp。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Như Thế Tôn nói, bảo với các Tỳ-kheo có bốn pháp nương tựa,

何等為四依。

hà đẳng vi tứ y。

Những gì là bốn?

於法不依人依決定說不依未定。依於智慧不依於識。依於義不依文字。

ư Pháp bất y nhân y quyết định thuyết bất y vị định. y u trí tuệ bất y u thức. y u nghĩa bất y văn tự。

Ở nơi pháp không nương người, nương vào lời nói quyết định không nương vào nơi chưa quyết định, nương nơi trí tuệ không nương nơi thức, nương nơi nghĩa không nương vào văn tự,

我等信此為四種依。不信四人為真實依。

ngã đẳng tín thử vi tứ chủng y. bất tín tứ nhân vi chân thật y。

chúng con tin đó là bốn chỗ nương tựa, không tin bốn người là nơi nương tựa chân thật.

佛告迦葉。其名法者。即是如來大般泥洹。

Phật cáo Ca-diếp. kỳ danh Pháp giả. tức thị Như-Lai Đại Bát-nê-hoàn。

Phật nói Ca-diếp: Ấy gọi là Pháp, tức là Như Lai Đại Bát-nê-hoàn,

一切諸佛皆同此法。諸佛如來得此法已。

nhất thiết chư Phật giai đồng thử Pháp. chư Phật như lai đắc thử Pháp dĩ。

hết thầy chư Phật đều cùng Pháp đó, chư Phật Như Lai đắc Pháp ấy xong,

常住不變非磨滅法。若於如來作無常想者。

thường trụ bất biến phi ma diệt Pháp. nhược u Như-Lai tác vô thường tưởng giả。

thường trụ không biến đổi pháp không hoại diệt. Nếu ở nơi Như Lai khởi tưởng vô thường,

我說斯等非知法人為不可信。如我所說四種人者。

ngã thuyết tu đẳng phi tri Pháp nhân vi bất khả tín. như ngã sở thuyết tứ chủng nhân giả。

Ta nói những người ấy không biết pháp nhân là không thể tin, như Ta đã nói bốn hạng người,

善解如來方便密教。

thiện giải Như-Lai phương tiện Mật Giáo。

khéo hiểu Như Lai phương tiện Mật giáo,

知諸如來是常住法非變易法非磨滅法。諸佛如來亦復在彼。

tri chư Như-Lai thị thường trụ Pháp phi biến dị Pháp phi ma diệt Pháp. chư Phật như lai diệc phục tại bỉ。

biết chư Như Lai là pháp thường trụ, pháp không biến dị, pháp không hoại diệt, chư Phật Như Lai cũng lại ở nơi ấy.

四種人數及餘眾生。

tứ chủng nhân số cập dư chúng sanh。

Trong số bốn hạng người cùng với chúng sanh,

於如來常住方便密教善解其義。我說斯等為根本依。當知可信。

ư Như-Lai thường trụ phương tiện Mật Giáo thiện giải kỳ nghĩa. ngã thuyết tu đẳng vi căn bản y. đương tri khả tín。

nơi Như Lai thường trụ phương tiện Mật giáo khéo hiểu nghĩa ấy, Ta nói những người ấy là nơi nương tựa căn bản, nên biết có thể tin.

以是義故。說四種人為真實依。依於法者。

dĩ thị nghĩa cố. thuyết tú chúng nhân vi chân thật y. y u Pháp giả.

Do nghĩa ấy, nói bốn hạng người là nơi nương tựa chân thật, nương nơi Pháp vậy. là諸聲聞大德智慧。於正法中心不失念。其正法者。

thị chư thanh văn Đại Đức trí tuệ. u chánh Pháp trung tâm bất thất niệm. kỳ chánh Pháp giả.

Chư Đại đức Thanh văn trí tuệ ở trong chánh pháp thì tâm không thất niệm. Chánh Pháp ấy,

如來常住於此正法精勤方便。名為依法。

Như-Lai thường trụ u thử chánh Pháp tinh tinh cần phương tiện. danh vi y Pháp.

chư Như Lai thường trụ nơi chánh pháp, siêng năng phương tiện, gọi là nương tựa Pháp mà

不依人者。若當此人犯戒貪濁。

bất y nhân giả. nhược đương thử nhân phạm giới tham trước.

không nương tựa người. Hoặc lúc người ấy phạm giới tham trước,

復說如來是無常法。彼非可信。

phục thuyết Như-Lai thị vô thường Pháp. bị phi khả tín.

lại nói Như Lai là pháp vô thường, người ấy không thể tin.

是故我說不依於人依決定義。決定義者。是菩薩也。

thị cố ngã thuyết bất y u nhân y quyết định nghĩa. quyết định nghĩa giả. thị Bồ Tát dã.

Vì vậy Ta nói không nương nơi người nương nơi nghĩa quyết định. Nghĩa quyết định chính là Bồ-tát vậy.

諸聲聞等於此如來方便密教疑惑不信。

chư thanh văn đẳng u thử Như-Lai phương tiện Mật Giáo nghi hoặc bất tín.

Các hàng Thanh văn đối với Như Lai phương tiện Mật giáo này nghi ngờ không tin, 大乘智海令其決定離諸疑惑。又決定者。是大乘智永離諸礙。

Đại thừa trí hải lệnh kỳ quyết định ly chư nghi hoặc. hựu quyết định giả. thị Đại thừa trí vĩnh ly chư ngại.

nhờ biên trí Đại thừa quyết định khiến kia xa lìa nghi ngờ. Lại quyết định ấy chính là Trí Đại thừa vĩnh viễn xa lìa các chướng ngại.

礙者是聲聞智。

ngại giả thị thanh văn trí.

Chướng ngại chính là Trí Thanh văn.

其諸菩薩能以決定大乘智慧。解諸如來是常住法。是故菩薩所言可信。

kỳ chư Bồ Tát năng dĩ quyết định Đại thừa trí tuệ. giải chư Như-Lai thị thường trụ Pháp. thị cố Bồ Tát sở ngôn khả tín.

Các Bồ-tát ấy có thể dùng trí tuệ Đại thừa quyết định, hiểu chư Như Lai là pháp thường trụ, vì vậy lời của Bồ-tát có thể tin.

未決定者。是聲聞智。

vị quyết định giả. thị thanh văn trí.

Chưa quyết định chính là trí Thanh văn,

言諸如來穢食之身泥洹滅盡。譬如火滅則不可信。

ngôn chư Như-Lai uế thực chi thân Nê-hoàn diệt tận. thí như hỏa diệt tắc bất khả tín.

nói thân thể chư Như Lai nhập Niết-bàn là mất hết do ăn thức ăn nhơ, thí như lửa tắt là không thể tin.

所以如來說斯等經方便教化如或二道諸眾生輩。

sở dĩ Như-Lai thuyết tu đẳng Kinh phương tiện giáo hóa như hoặc nhị đạo chư chúng sanh bối.

Sở dĩ Như Lai nói những Kinh này là vì phương tiện để giáo hóa hàng chúng sanh như có nghi ngờ giữa nhị đạo.

聲聞智者。是則有餘為非決定。

thanh văn trí giả. thị tắc hữu dư vi phi quyết định.

Trí Thanh văn trí chính là Hữu dư chứ không phải là quyết định.

是故諸聲聞名不決定數。以彼智慧不了如來大聖尊說。

thị cố chu thanh văn danh bất quyết định số. dĩ bi trí tuệ bất liễu Như-Lai Đại Thánh tôn thuyết.

Vì vậy chu Thanh văn gọi là hàng không quyết định, do trí tuệ kia không hiểu lời Như Lai Đại Thánh Tôn

是故說彼為不可信。是故佛說決定義者。

thị cố thuyết bi vi ất khả tín. thị cố Phật thuyết quyết định nghĩa giả.

cho nên nói những người kia là không thể tin. Vì vậy Phật nói nghĩa quyết định是真四依依於智慧。其智慧者。

thị chân tứ y y ư trí tuệ. kỳ trí tuệ giả.

chính là bốn chỗ nương tựa chân thật, nương nơi trí tuệ. Trí tuệ ấy

即是如來法身可信。方便身者則不可信。

tức thị Như-Lai Pháp thân khả tín. phương tiện thân giả tắc bất khả tín.

tức là pháp thân Như Lai có thể tin nhưng thân phương tiện thì không thể tin.

云何但見如來方便身已。而謂實有陰界諸入。

vân hà đãn kiến Như-Lai phương tiện thân dĩ. nhi vị thật hữu uẩn giới chu nhập.

Tại sao chỉ thấy thân phương tiện của Như Lai rồi mà bảo là có sự kết hợp của các uẩn giới?

若其無者為何處來。而今現有舍利積聚。以有舍利現於世故。

nhược kỳ vô giả vi hà xử lai. nhi kim hiện hữu Xá-lợi tích tụ. dĩ hữu Xá-lợi hiện ư thế cố.

Nếu điều ấy không có thì làm sao có chỗ đến mà hiện nay có tích tụ xá lợi, do có xá lợi hiện ở đời,

謂其法身是穢食身。妄作是想。

vị kỳ Pháp thân thị uế thực thân. vọng tác thị tưởng.

đó là Pháp thân là thân ăn thức ăn dơ. Tạo nên các vọng tác tưởng như thế

以是之故識不可信。識不可信故作識想者。

dĩ thị chi cố thức bất khả tín. thức bất khả tín cố tác thức tưởng giả.

cho nên Thức không thể tin; mà thức không thể tin nên khởi lên tưởng thức

當知其人亦不可信。依於義者。義者正義。正者滿義。

đương tri kỳ nhân diệc bất khả tín. y ư nghĩa giả. nghĩa giả chánh nghĩa. chánh giả mãn nghĩa.

nên biết người ấy cũng không thể tin. Nương tựa nơi nghĩa, nghĩa ấy là nghĩa chánh; Chánh tức là nghĩa đầy đủ;

滿者不消滅義。不消滅者如來常義。

mãn giả bất tiêu diệt nghĩa. bất tiêu diệt giả Như-Lai thường nghĩa.

Đầy đủ tức là nghĩa không tiêu diệt; Không tiêu diệt tức là nghĩa Như Lai thường;

如來常者是法常義。其法常者眾僧常義。

Như-Lai thường giả thị Pháp thường nghĩa. kỳ Pháp thường giả chúng tăng thường nghĩa.

Như Lai thường chính là nghĩa pháp thường; Pháp thường là nghĩa Chúng Tăng thường,

是則佛說名為依義。若有詔曲凡夫。

thị tắc Phật thuyết danh vi y nghĩa. nhược hữu siểm khúc phạm phu.

Đây chính là lời Phật thuyết, gọi là nghĩa nương tựa. Nếu có phạm phu dua nịnh,得蒙如來慈心蔭覆。出家學道而便懈怠放捨禁戒。

đắc môn Như-Lai từ tâm âm phúc. xuất gia học đạo nhi tiện giải đãi phóng xả cấm giới.

được từ tâm của Như Lai trùm che, xuất gia học đạo mà liền biếng nhác vứt bỏ cấm giới,

言佛聽我受畜奴婢諸非法財。

ngôn Phật thính ngã thọ súc nô tì chu phi Pháp tài.

nói Phật cho ta nhận nuôi tôi tớ các của phi pháp,
若飢儉時言我諸弟子莫自苦困。
nhược cơ kiệm thời ngôn ngã chư đệ-tử mạc tự khổ khổ.
hoặc lúc đói khát rằng các đệ tử ta chớ tự làm khổ khổ,
我聽受畜奴婢錢財金銀寶物牛馬穀米買賣生利。彼作如是種種文辭。
ngã thính thọ súc nô tì tiên tài kim ngân bảo vật ngư mã cốc mễ mễ mại sanh
lợi。bị tác như thị chủng chủng văn từ。
ta cho nhận nuôi tôi tớ tiền của vàng bạc vật báu trâu ngựa lúa gạo mua bán sanh
lợi, kê ấy tạo làm các văn từ như vậy,
說經律者皆不可信。
thuyết Kinh luật giả giai bất khả tín。
nói kinh luật đều không thể tin,
信是說者當知其人亦不可信。以是義故說名依義。其非義者。
tín thị thuyết giả đương tri kỳ nhân diệc bất khả tín。dĩ thị nghĩa cổ thuyết
danh y nghĩa。kỳ phi nghĩa giả。
tin lời nói ấy nên biết người ấy cũng không thể tin, do nghĩa ấy gọi là nghĩa
nuơng tựa, điều đó là phi nghĩa,
言此三法是皆無常變易磨滅。是名非義。是名文字。
ngôn thử tam Pháp thị giai vô thường biến dị ma diệt。thị danh phi nghĩa。thị
danh văn tự。
nói ba pháp ấy đều là vô thường biến dị hoại mất, gọi là phi nghĩa, gọi là văn
tự。
是故說言依義不依文字。
thị cố thuyết ngôn y nghĩa bất y văn tự。
Vì vậy nói rằng nuơng tựa nghĩa không nuơng tựa văn tự。
正使外道所說經義合摩訶衍者。是皆可信非為文字。
chánh sử ngoại đạo sở thuyết Kinh nghĩa hợp Ma-Ha diển giả。thị giai khả tín phi
vi văn tự。
Chúng sanh ngoại đạo nói nghĩa kinh hợp với Ma-ha-diển, là đều có thể tin, không
phải là văn tự。
是故四依乃至肉眼四種人數為真實依。善男子。
thị cố tứ y nãi chí nhục nhãn tứ chủng nhân số vi chân thật y。thiện nam tử。
Vì vậy Tứ y cho đến nhục nhãn bốn hạng người là nơi nuơng tựa chân thật。Thiện
nam tử!
是為四依。當作是學。
thị vi tứ y。đương tác thị học。
Ấy là Tứ y, phải nên học điều này。

大般泥洹經分別邪正品第十

Đại Bát-nê-hoàn Kinh
phân biệt tà chánh phẩm đệ thập

Kinh Đại Bát-nê-hoàn

Phẩm Thứ Mười: Phân Biệt Tà Chánh.

佛告迦葉。有四種法。有魔說經。有佛說經。

Phật cáo Ca-diếp。hữu tứ chủng Pháp。hữu ma thuyết Kinh。hữu Phật thuyết Kinh。
Phật nói với Ca-diếp rằng: Có bốn loại Pháp, có kinh do Ma nói, có kinh do Phật
nói,

有諸眾生隨魔教者。隨佛教者。

hữu chư chúng sanh tùy ma giáo giả。tùy Phật giáo giả。

có các chúng sanh tin theo lời dạy của ma, có chúng sanh tin theo lời dạy của
Phật。

迦葉菩薩白佛言。世尊。我當云何而分別知。願欲聞之。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. ngã đương vân hà nhi phân biệt tri. nguyện dục văn chi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, con phải làm sao để phân biệt biết, nguyện xin muốn nghe.

佛告迦葉。善男子。我般泥洹七百歲後。

Phật cáo Ca-diếp. thiện nam tử. ngã Bát-nê-hoàn thất bách tuế hậu.

Phật nói Ca-diếp: Thiện nam tử! Sau bảy trăm năm Ta nhập Niết-bàn, như-lai pháp từ đó dần dần.魔王作比丘壞亂正法。

Nhu-Lai giáo Pháp tông thù tiệt diệt. ma tác Tỳ-kheo hoại loạn chánh Pháp.

Giáo pháp Như Lai theo đó mà hoại diệt, lúc đó các ma giả làm Tỳ-kheo để phá loạn chánh Pháp,

為獵師相而自覆藏。作比丘像比丘尼像。

vi liệp sư tướng nhi tự phúc tạng. tác Tỳ-kheo tượng Tỳ-kheo ni tượng.

mang tướng thợ săn mà tự che đậy thân hình giả làm hình ảnh Tỳ-kheo, hình ảnh Tỳ-kheo-ni,

優婆塞像優婆夷像。須陀洹像斯陀含像。

Ưu bà tặc tượng Ưu bà di tượng. Tu đà hoàn tượng Tu đà hàm tượng.

hình ảnh Ưu-bà-tắc, hình ảnh Ưu-bà-di, hình ảnh Tu-đà-hoàn, hình ảnh Tu-đà-hàm, 阿那含像阿羅漢像。及作佛像。是魔波旬。

A-na-hàm tượng A La Hán tượng. cập tác Phật tượng. thị Ma ba tuần.

hình ảnh A-na-hàm, hình ảnh A-la-hán, và làm hình ảnh Phật, chính là ma ba-tuần, 作離俗相而行俗法壞亂我教。波旬說言。如來從兜率天沒。

tác ly tục tướng nhi hành tục Pháp hoại loạn ngã giáo. Ba-tuần thuyết ngôn. Nhu-Lai tông Đâu Suất Thiên một.

tạo tướng ly tục mà làm pháp thế tục, phá loạn lời dạy của Ta. Ba-tuần nói rằng: Như Lai không có từ Trời Đâu-suất,

降神來下淨飯王家。

giáng Thần lai hạ Tịnh Phạn Vương gia.

giáng thần xuống đến nhà Vua Tịnh Phạn,

摩耶夫人愛欲和合而從彼生。若言不從愛欲生者。無有是處。

ma da phu nhân ái dục hòa hợp nhi tông bi sanh. nhược ngôn bất tông ái dục sanh giả. vô hữu thị xứ.

Ma-da Phu nhân do ái dục hòa hợp mà sanh từ đó, nếu nói không từ ái dục sanh thì không có việc đó.

同人間法。而為諸天世人阿修羅等恭敬供養。

đồng nhân gian Pháp. nhi vi chư Thiên thế nhân A-tu-La đẳng cung kính cúng dường.

Giống như Pháp nhân gian, nhưng vì các chư Thiên người đời A-tu-la cung kính cúng dường,

所以者何。

sở dĩ giả hà.

vì sao vậy?

以其宿世殖眾德本自身妻子種種施與。故得為佛。如是相貌。

dĩ kỳ tú thế thực chúng đức bản tự thân thê tử chúng chúng thí dĩ. cố đắc vi Phật. như thị tướng mạo.

Vì do đời trước tự thân trồng nhiều công đức vợ con bố thí nhiều loại nên được làm Phật, có tướng mạo như vậy,

當知是為魔說經律。所以者何。如來應供等正覺。

đương tri thị vi ma thuyết Kinh luật. sở dĩ giả hà. Nhu-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác.

nên biết đó là Kinh Luật do ma nói, vì sao như vậy? Vì Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác,

化眾生故出現於世。非為如來從其父母習愛欲生。

hóa chúng sanh cố xuất hiện ư thế. phi vi Như-Lai tông kỳ phụ mẫu tập ái dục sanh.

giáo hóa chúng sanh mà xuất hiện ở đời chứ không phải Như Lai từ cha mẹ kia kết hợp thọ dục mà có,

現斯相行隨順世間。如是相貌。

hiện tư tướng hạnh tùy thuận thể gian. như thị tướng mạo.

hiện ra tướng hạnh này là tùy thuận thể gian mới có tướng mạo như vậy,

當知是為佛說經律。若有眾生於魔經律從而信者。

đương tri thị vi Phật thuyết Kinh luật. nhược hữu chúng sanh ư ma Kinh luật tông nhi tín giả.

nên biết đó là Kinh Luật nói như vậy là do Phật nói. Nếu có chúng sanh ở nơi Kinh Luật của ma mà tin theo thì

當知是輩為隨魔教。若於如來所說經律從而信者。

đương tri thị bối vi tùy ma giáo. nhược ư Như-Lai sở thuyết Kinh luật tông nhi tín giả.

nên biết bọn ấy là theo lời Ma dạy; nếu ở nơi Kinh Luật của Như Lai nói mà tin theo thì

當知菩薩。又說如來出生於世。

đương tri Bồ Tát. hựu thuyết Như-Lai xuất sanh ư thế.

nên biết là Bồ-tát. Lại nói Như Lai sanh ra ở đời,

周向十方各行七步。非為示現言示現者是不可信。

châu hướng thập phương các hành thất bộ. phi vi thị hiện ngôn thị hiện giả thị bất khả tín.

hướng về mười phương đều đi bảy bước vì không phải là thị hiện mà nói thị hiện là không thể tin,

是等經律當知魔說。

thị đẳng Kinh luật đương tri ma thuyết.

các Kinh Luật ấy nên biết là do Ma nói;

若言如來初生於世周向十方各行七步。是則如來方便示現。

nhược ngôn Như-Lai sơ sanh ư thế châu hướng thập phương các hành thất bộ. thị tắc Như-Lai phương tiện thị hiện.

nếu nói Như Lai mới sanh ở đời hướng khắp mười phương đều đi bảy bước như vậy là Như Lai vì phương tiện thị hiện,

是等經律當知佛說。魔說經律從而信者。

thị đẳng Kinh luật đương tri Phật thuyết. ma thuyết Kinh luật tông nhi tín giả.

các Kinh Luật ấy nên biết là do Phật nói. Kinh luật Ma nói mà tin theo,

當知是輩為隨魔教。佛說經律從而信者。當知菩薩。

đương tri thị bối vi tùy ma giáo. Phật thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương tri Bồ Tát.

nên biết hạng người ấy là theo lời dạy của ma. Kinh luật Phật nói mà tin theo, nên biết là Bồ-tát.

又說如來往詣天廟恭敬禮拜。

hựu thuyết Như-Lai vãng nghê Thiên miếu cung kính lễ bái.

Lại nói Như Lai đi đến Thiên miếu (cung) cung kính lễ bái,

非是天神禮拜菩薩。所以者何。天神在前如來在後故。

phi thị Thiên Thần lễ bái Bồ Tát. sở dĩ giả hà. Thiên Thần tại tiền Như-Lai tại hậu cố.

không phải là Thiên thần lễ bái Bồ-tát, vì sao vậy? vì Thiên thần ở trước Như Lai ở sau,

如是當知魔說經律。如來方便現入天廟。

như thị đương tri ma thuyết Kinh luật. Như-Lai phương tiện hiện nhập Thiên miếu như vậy nên biết là kinh luật ma nói, Như Lai phương tiện hiện vào Thiên miếu (cung),

諸天釋梵皆悉恭敬禮侍菩薩。如是相貌為如來說。

chư Thiên thích phạm giai tất cung kính lễ thị Bồ Tát. như thị tướng mạo vi Như-Lai thuyết.

các Trời Thích Phạm tất cả đều cung kính lễ bái hầu hạ Bồ-tát, tướng mạo như vậy là Như Lai nói.

魔說經律從而信者。當知是輩為隨魔教。

ma thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương tri thị bối vi tùy ma giáo.

Kinh luật ma nói mà tin theo, nên biết bọn ấy là theo lời dạy của ma,

佛說經律從而信者。當知菩薩。

Phật thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương tri Bồ Tát.

Kinh luật Phật nói mà tin theo, nên biết là Bồ-tát.

又說如來為王太子。宮人婁女五欲自娛。當知是為魔說經律。

hựu thuyết Như-Lai vi Vương Thái-Tử. cung nhân thể nữ ngũ dục tự ngu. đương tri thị vi ma thuyết Kinh luật.

Lại nói Như Lai làm Thái tử của Vua, các thể nữ trong cung tự vui đùa năm dục, nên biết đó là kinh luật Ma nói.

言彼如來現處深宮婁女娛樂。

ngôn bỉ Như-Lai hiện xử thâm cung thể nữ ngu lạc.

Nói Như Lai kia xem nơi thâm cung thể nữ vui đùa dục lạc,

如棄涕唾捨家學道。如是說者當知是為如來經律。

như khí thể thóa xả gia học đạo. như thị thuyết giả đương tri thị vi Như-Lai Kinh luật.

như xả nước miếng bỏ nhà học đạo, nói như vậy nên biết là Kinh Luật của Như Lai.

魔說經律從而信者。當知是輩為隨魔教。

ma thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương tri thị bối vi tùy ma giáo.

Kinh luật Ma nói mà tin theo, nên biết bọn ấy là theo lời dạy của ma,

佛說經律從而信者。當知菩薩。

Phật thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương tri Bồ Tát.

Kinh luật Phật nói mà tin theo, nên biết là Bồ-tát.

又說如來應供等正覺。在於祇樹給孤獨園。

hựu thuyết Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác. tại ư Kỳ-Thọ Cấp cô độc viên.

Lại nói Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, ở tại vườn Kỳ Thọ Cấp cô độc,

受畜錢財金銀寶物奴婢。象馬牛羊鷄狗猫狸狢鼠。

thọ súc tiền tài kim ngân bảo vật nô tì. tượng mã ngưu dương kê cẩu miêu li dừ thử.

nhận lấy tiền của vàng bạc vật báu nuôi dưỡng tôi tớ, voi, ngựa, trâu, dê, gà,

chó, mèo, chồn, khỉ, chuột,

銅鐵琉璃真珠珂貝。金銀寶玉珊瑚虎珀。

đồng thiết lưu ly chân châu kha bối. kim ngân bảo ngọc san hô hổ phách.

đồng, sắt, lưu ly, chân châu, kha bối, vàng bạc, ngọc báu, san hô, hổ phách,

種種雜物種種田宅。種種販賣。畜養男女積聚穀米。

chủng chủng tạp vật chủng chủng điền trạch. chủng chủng phiên mại. súc dưỡng nam nữ tích tụ cốc mễ.

các thứ tạp vật, các loại ruộng nhà, buôn bán các loại, nuôi dưỡng nam nữ tích chứa lúa gạo,

如此諸物哀愍世間故皆悉受之。

như thử chư vật ai mãn thế gian cố giai tất thọ chi.

các vật như vậy vì thương xót thế gian nên đều nhận tất cả.

如是像類當知魔說。如來應供等正覺。

như thị tượng loại đương tri ma thuyết. Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác.

các loại hình ảnh như vậy nên biết là Ma nói. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác,哀愍一切諸眾生類。住那羅林為彌羅耆羅婆羅門。

ai mãn nhất thiết chư chúng sanh loại. trụ na la lâm vi di la kì la Bà-la-môn.

thương xót tất cả các loài chúng sanh, trụ trong rừng Na-la vì Di-la Kỳ-la Bà-la-môn,

及波斯匿王說言。大王。我諸弟子受非法物。

cập Ba tu nặc Vương thuyết ngôn. Đại Vương. ngã chu đệ-tử thọ phi Pháp vật.

và Vua Ba-tu-nặc nói rằng: Đại Vương! Các đệ tử của Ta nhận lấy vật phi Pháp, 無有是處。若畜金銀奴婢象馬牛羊鷄狗猫狸狢鼠。

vô hữu thị xử. nhược súc kim ngân nô tì tượng mã ngưu dương kê cầu miêu li dứu thừ.

không có việc đó. Nếu nuôi vàng bạc tôi tớ, voi, ngựa, trâu, dê, gà, chó, mèo, chồn, khi, chuột,

銅鐵琉璃金銀真珠珂貝玉石珊瑚虎珀。

đồng thiết lưu ly kim ngân chân châu kha bồi ngọc thạch san hô hổ phách.

đồng, sắt, lưu ly, chân châu, kha bồi, ngọc thạch, san hô, hổ phách,

種種雜物種種田宅種種販賣。

chùng chùng tạp vật chùng chùng điền trạch chùng chùng phiến mại.

các thứ tạp vật các loại ruộng nhà, buôn bán các loại,

畜養男女積聚穀米。自熟教熟學相學呪學眾鳥語。

súc dưỡng nam nữ tích tụ cốc mễ. tự thực giáo thực học tướng học chú học chúng điều ngữ.

nuôi dưỡng nam nữ tích chứa lúa gạo, tự hiểu rõ dạy dỗ thành thạo học tướng học chú học mọi tiếng chim kêu,

推步盈虛日月薄蝕。仰觀歷數。

thôi bộ doanh hư nhật nguyệt bạc thực. ngưỡng quán lịch số.

tiên lên trình độ trồng rỗng ngày tháng hao mòn, ngưỡng nhìn tính toán,

學結華鬘工巧木作。學書占夢六十四術。服諸消食治腎齒藥。

học kết hoa man công xảo mộc tác. học thu chiêm mộng lục thập tứ thuật. phục chu tiêu thực trì Thần xi dược.

học kết hoa man làm mộc tinh xảo, học sách xem mộng sáu mươi bốn phương thuật, uống các thứ tiêu thực (thuốc trợ tiêu hóa) thuốc trị môi răng,

花鬘塗身諂曲徐步。現知足相而實無厭。

hoa man đồ thân siểm khúc từ bộ. hiện tri túc tướng nhi thật vô yếm.

hoa man bôi than, đua nịnh, bước đi thông thả, hiện tướng đầy đủ nhưng sự thực không đầy đủ.

戲笑談話。貪味飲食魚肉餽饋。

hí tiếu đàm thoại. tham vị ẩm thực ngư nhục hào thiện.

nói chuyện cười đùa, tham mùi vị ăn uống, các thức ăn cá thịt,

合諸毒藥合諸香油。作諸樂器革屣繖蓋。

hợp chư độc dược hợp chư hương du. tác chư nhạc khí cách ti tàn cái.

hợp các thuốc độc hợp các dầu thơm, làm các nhạc khí giày dép dù lộng,

竹作織作刻畫文繡。服種種藥合和諸香。

trúc tác chức tác khắc họa văn tú. phục chùng chùng dược hợp hòa chư hương.

làm trúc làm vải khắc họa thêu vẽ, uống thuốc hòa hợp các loại hương thơm,

學造王家談語坐起言笑宴默學作女人華嚴飾具。

học tạo Vương gia đàm ngữ tọa khởi ngôn tiếu yển mặc học tác nữ nhân hoa nghiêm súc cụ.

học làm Vương gia nói chuyện đứng ngồi nói cười yên lặng, nghỉ ngơi học làm người nữ trang sức đầy đủ các loại hoa,

調戲語言雜色衣服造金樓閣。入酒會處及姪女家。

điều hí ngữ ngôn tạp sắc y phục tạo kim lâu các. nhập tửu hội xử cập dâm nữ gia.

lời nói cười cợt mặc áo tạp sắc tạo lầu gác vàng, vào nơi hội rượu và nhà gái dâm,

如是種種非法之物。或作或受或持施人。

như thị chùng chùng phi Pháp chi vật. hoặc tác hoặc thọ hoặc trì thí nhân.

như vậy các loại vật phi pháp, hoặc làm hoặc thọ hoặc đem cho người,
如是大王。是諸像類我所不聽。所以者何。
như thị Đại Vương. thị chu tượng loại ngã sở bất thính. sở dĩ giả hà.
như vậy Đại Vương, là các loại hình ảnh Tôi không cho phép, vì sao vậy?
此等非法猶如草穢害善穀苗。

thử đặng phi Pháp do như thảo uest hại thiện cốc miêu.
Vì những điều ấy là phi pháp, giống như cỏ dại hại mầm lúa tốt.

我聽苦治驅擯令出。如是說者。當知是為如來經律。
ngã thính khổ trì khu bần lệnh xuất. như thị thuyết giả. đương trì thị vi Nhu-
Lai Kinh luật.
Tôi xử đoán khổ trị xua đuổi khiến ra khỏi, nói như vậy, nên biết là kinh luật
của Như Lai.

魔說經律從而信者。當知是輩為隨魔教。
ma thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương trì thị bồi vi tùy ma giáo.
Kinh luật Ma nói mà tin theo, nên biết bọn ấy là theo lời dạy của ma.

佛說經律從而信者。當知菩薩。
Phật thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương trì Bồ Tát.
Kinh luật Phật nói mà tin theo, nên biết là Bồ-tát.

又言如來不能示現入於天廟。亦復不能降伏於彼諸天人輩。
hựu ngôn Như-Lai bất năng thị hiện nhập ư Thiên miếu. diệc phục bất năng hàng
phục ư bi chư Thiên nhân bối.
Lại nói Như Lai không thể thị hiện vào nơi Thiên miếu, cũng lại không thể hàng
phục các bọn Trời người kia,
亦復不能於九十六種道中出家。不能現劫成敗。
diệc phục bất năng ư cừ thập lục chủng đạo trung xuất gia. bất năng hiện kiếp
thành bại.

cũng lại không thể xuất gia ở trong chín mươi sáu loài, không thể hiện kiếp
thành bại,
不學一切諸醫方術。

bất học nhất thiết chư y phương thuật.
không học tất cả các phương thuật chữa bệnh,
亦不能現為人僕使男女藥草國王大臣。若使如來為是事者。

diệc bất năng hiện vi nhân bộc sử nam nữ dược thảo Quốc Vương Đại Thần. nhược sử
Như-Lai vi thị sự giả.

cũng không thể hiện làm người tôi tớ sai khiến trai gái cô thuốc Quốc Vương Đại
thần. Giả sử Như Lai làm việc ấy
非為如來是邪見輩。如來平等塗割處中。

phi vi Như-Lai thị tà kiến bối. Như-Lai bình đẳng đồ cát xử trung.
thì không phải là Như Lai mà là bọn tà kiến, Như Lai bình đẳng phân chia khắp
nơi,

無怨無愛亦非有此。如是相貌當知是為魔說經律。

vô oán vô ái diệc phi hữu thử. như thị tướng mạo đương trì thị vi ma thuyết Kinh
luật.

không oán giận không yêu mến cũng chẳng phải tà hay chánh, tướng mạo như vậy nên
biết là kinh luật của ma nói.

現入一切諸天神廟。於九十六種而現出家。

hiện nhập nhất thiết chư Thiên Thần miếu. ư cừ thập lục chủng nhi hiện xuất
gia.

Hiện vào tất cả chư Thiên Thần miếu, ở nơi chín mươi sáu loài mà hiện xuất gia,
現劫成敗。入諸呪術學書之堂。

hiện kiếp thành bại. nhập chư chú thuật học thư chi đường.
hiện kiếp thành bại vào trường (nhà) học các sách chú thuật,
現為僕使為男為女。或為藥草國王大臣。現入姪舍。

hiện vi bộc sử vi nam vi nữ. hoặc vi dược thảo Quốc Vương Đại Thần. hiện nhập
dâm xá.

hiện làm tôi tớ làm trai làm gái, hoặc làm cỏ thuốc làm Quốc Vương Đại Thần,
hiện vào quán dâm,

或為長者居士梵志貧窮男女及諸不男。

hoặc vi Trưởng-Giả Cư-sĩ phạm chí bản cùng nam nữ cặp chụ bắt nam.

hoặc làm Trưởng giả Cư sĩ Phạm Chí nam nữ nghèo cùng và các người không phải
nam,

周遍一切二十五有種種現化。不為彼彼之所惑亂。

châu biền nhất thiết nhị thập ngũ hữu chủng chủng hiện hóa. bất vi bi bi chi sở
hoặc loạn.

biền khắp tất cả trong hai mươi lăm hữu, hóa hiện các loài, không bị những chỗ
ấy làm mê loạn,

猶如蓮華不著塵水。當知化度諸眾生故。

do như liên hoa bất trú trần thủy. đương tri hóa độ chư chúng sanh cố.

do như hoa sen không chấp vào nước bần, phải biết hóa độ các chúng sanh,

隨順世間。如是相貌。當知如來所說經律。

tùy thuận thế gian. như thị tướng mạo. đương tri Như-Lai sở thuyết Kinh luật.

tùy thuận thế gian, tướng mạo như vậy nên biết Kinh Luật do Như Lai nói.

魔說經律從而信者。當知是輩為隨魔教。

ma thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương tri thị bối vi tùy ma giáo.

Kinh Luật do ma nói mà tin theo, nên biết bọn ấy là theo lời dạy của ma,

佛說經律從而信者。當知菩薩。

Phật thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương tri Bồ Tát.

Kinh Luật Phật nói mà tin theo, nên biết là Bồ-tát.

言我經律世尊所說是罪是惡是輕是重。是名僇罪。是為性罪。

ngôn ngã Kinh luật Thế tôn sở thuyết thị tội thị ác thị khinh thị trọng. thị
danh thô tội. thị vi tánh tội.

Nói kinh luật của Ta rằng lời thuyết của đức Thế Tôn là tội là ác là khinh là
trọng, gọi là tội thô, đó là tội tánh vi tế,

是為制罪。我說戒律為是真實。汝說為實。

thị vi chế tội. ngã thuyết giới luật vi thị chân thật. nữ thuyết vi thật.

đó là chế tội, giới luật ta nói chính là chân thật, ông nói là thật,

寧捨我說取汝說乎。汝謂此律世俗論耶。

ninh xả ngã thuyết thù nữ thuyết hồ. nữ vị thù luật thế tục luận da.

thà bỏ lời Ta nói nhận lấy lời ông nói ư? Ông bảo Luật ấy là luận thế tục chẳng?

我此經律如來所說九部契經已印封竟。

ngã thử Kinh luật Như-Lai sở thuyết cửu bộ Khế Kinh dĩ ấn phong cánh.

Ta nói Kinh Luật này là Như Lai nói chín bộ Khế Kinh xong ấn phong cho,

九部印中我未曾聞有方等經一句一字片言之音。

cửu bộ ấn trung ngã vị tăng văn hữu phương đẳng Kinh nhất cú nhất tự phiến ngôn
chi âm.

trong chín bộ ta chưa từng nghe có kinh Phương đẳng một câu một chữ nửa tiếng
nửa lời.

如來說經有十部耶。方等經者其部無量。

Như Lai thuyết Kinh hữu thập bộ da. phương đẳng Kinh giả kỳ bộ vô lượng.

Như Lai nói kinh phải chẳng có mười bộ? Kinh Phương đẳng bộ ấy vô lượng,

當知皆是調達所作。壞一切義而作虛說。

đương tri giai thị điều đạt sở tác. hoại nhất thiết nghĩa nhi tác hư thuyết.

nên biết đều là do Điều đạt tạo, phá hoại tất cả nghĩa để xướng lời trống rỗng,

言方等經出意妄造我所不信。佛告迦葉。

ngôn phương đẳng Kinh xuất ý vọng tạo ngã sở bất tín. Phật cáo Ca-diếp.

nói kinh Phương Đẳng từ ý vọng tạo ta không tin. Phật nói Ca-diếp:

如是說者亂我法教。誹謗如來方等契經。如是說者。

như thị thuyết giả loạn ngã Pháp giáo. phi báng Nhu-Lai phương đẳng Khế Kinh. như thị thuyết giả.

Nói như vậy là làm loạn giáo pháp của Ta, phi báng Khế Kinh Phương đẳng của Nhu Lai,

當知是為魔說經律。當來之世有如是輩。

đương tri thị vi ma thuyết Kinh luật. đương lai chi thế hữu như thị bối.

nên biết đó là kinh luật của ma nói, về đời tương lai sẽ có những hạng người như vậy,

各各自言我有經律。邪說經律而共諍論。

các các tự ngôn ngã hữu Kinh luật. tà thuyết Kinh luật nhi cộng tranh luận.

mỗi một người đều tự nói Ta có kinh luật, kinh luật tà thuyết để cùng nhau tranh luận.

有諸比丘於九部經。

hữu chư Tỳ-kheo ư cửu bộ Kinh.

Có các Tỳ-kheo đối với Chín Bộ Kinh,

表知我別說此摩訶衍方等大經有信向心。不於戒律執著邪見。

biểu tri ngã biệt thuyết thử Ma-Ha diển phương đẳng Đại Nhật kinh hữu tín hướng tâm. bất ư giới luật chấp trú tà kiến.

tỏ rõ biết phân biệt lời Ta nói kinh vĩ đại Phương đẳng Đại Thừa này mà có lòng tin hướng đến,

不淨威儀悉能捨離。於我法律清淨具足。猶如滿月。

bất tịnh uy nghi tất năng xả ly. ư ngã Pháp luật thanh tịnh cụ túc. do như mãn nguyệt.

oai nghi không thanh tịnh tất có thể xả bỏ, ở nơi luật pháp của Ta đầy đủ Thanh tịnh, giống như mặt trăng đầy;

知一一經一一法律一一戒行。

tri nhất nhất Kinh nhất nhất Pháp luật nhất nhất giới hạnh.

biết tất cả Kinh, tất cả Pháp luật, tất cả Giới hạnh,

其數恒沙不可稱計。真實之義種種之義皆是佛說。

kỳ số hằng sa bất khả xưng kế. chân thật chi nghĩa chủng chủng chi nghĩa giai thị Phật thuyết.

số ấy hằng sa không thể tính đếm, nghĩa của nó chon thật nghĩa đủ các thứ đều là Phật nói,

若言我經律無有是戒。當知是戒非佛所說。

nhược ngôn ngã Kinh luật vô hữu thị giới. đương tri thị giới phi Phật sở thuyết.

nếu nói kinh luật của Ta không có giới ấy, nên biết giới ấy không phải Phật nói.

言我限數持是戒者。當知是等為犯戒人。

ngôn ngã hạn số trì thị giới giả. đương tri thị đẳng vi phạm giới nhân.

Nói Ta giới hạn giữ giới ấy, nên biết những người ấy là người phạm giới.

其有經說少欲清素合於佛語。

kỳ hữu Kinh thuyết thiểu dục thanh tố hợp ư Phật ngữ.

Có Kinh nói ít muốn, thanh sạch, hợp với lời Phật,

當知此義皆是摩訶衍經之所宣說。

đương tri thử nghĩa giai thị Ma-Ha diển Kinh chi sở tuyên thuyết.

nên biết nghĩa ấy đều là chỗ tuyên nói của Kinh Đại thừa;

若言如來安隱濟度一切眾生。故說如此大乘泥洹方等經者。

nhược ngôn Như-Lai an ổn tế độ nhất thiết chúng sanh. cố thuyết như thử Đại thừa Nê-hoàn phương đẳng Kinh giả.

nếu nói Như Lai an ổn độ giúp tất cả chúng sanh, nên nói kinh Phương đẳng Đại thừa Nê-hoàn này,

當知此等是我弟子。其有異者我非彼師。

đương tri thù đặng thị ngã đệ-tử. kỳ hữu dị giả ngã phi bi sư.
nên biết những người ấy là đệ tử của Ta, trong đó có người, Ta không phải là
thầy họ,

不於我所出家學道。皆是邪見外道弟子。

bất ư ngã sở xuất gia học đạo. giai thị tà kiến ngoại đạo đệ-tử.

không ở chỗ Ta xuất gia học đạo, đều là đệ tử của ngoại đạo tà kiến,

如是相貌當知是為佛說經律。魔說經律從而信者。

như thị tướng mạo đương tri thị vi Phật thuyết Kinh luật. ma thuyết Kinh luật
tòng nhi tín giả.

tướng mạo như vậy nên biết đó là Kinh Luật do Phật nói. Kinh luật do ma nói mà
tin theo,

當知是輩為隨魔教。若於如來所說經律從而信者。

đương tri thị bối vi tùy ma giáo. nhược ư Như-Lai sở thuyết Kinh luật tòng nhi
tín giả.

nên biết bọn ấy là theo lời dạy của ma; nếu ở nơi kinh luật Như Lai nói mà tin
theo,

當知菩薩。如來成就無量功德得空無慧。

đương tri Bồ Tát. Như-Lai thành tựu vô lượng công đức đắc không vô tuệ.

nên biết là Bồ-tát. Như Lai thành tựu vô lượng công đức, chứng đắc Không Vô Tuệ,

為眾生說苦空非我。今已無常入於泥洹。

vi chúng sanh thuyết khổ không phi ngã. kim dĩ vô thường nhập ư Nê-hoàn.

vì chúng sanh nói khổ, không, phi ngã, nay đã bị vô thường mà vào nơi Nê-hoàn,

亦不示現隨順世間。如是說者當知魔教。

diệc bất thị hiện tùy thuận thế gian. như thị thuyết giả đương tri ma giáo.

cũng không thị hiện tùy thuận thế gian. Nói như vậy, nên biết là lời dạy của ma.

當知如來不可思議。無量無數功德成就為佛世尊。

đương tri Như-Lai bất khả tư nghị. vô lượng vô số công đức thành tựu vi Phật Thế
tôn.

Nên biết Như Lai không thể nghĩ bàn, thành tựu vô lượng vô số công đức, làm Phật
Thế Tôn,

是常住法非變易法。非是一切如截多羅樹。

thị thường trụ Pháp phi biến dị Pháp. phi thị nhất thiết như tiết đa-la thụ.

là Pháp thường trụ, không phải pháp biến dị, tất cả không phải như chặt đứt cây
đa-la,

而世尊說四不度法如截多羅樹。

nhi Thế tôn thuyết tứ bất độ Pháp như tiết đa-la thụ.

mà Thế Tôn nói bốn pháp không độ như chặt đứt cây đa-la,

復說一一不度猶如析石。說過人法者無間等上。

phục thuyết nhất nhất bất độ do như tích thạch. thuyết quá nhân Pháp giả vô gián
đẳng thượng.

lại nói tất cả không độ giống như chẻ đá, nói quá nhân pháp không có cấp bậc.

是過人法未得言得故。

thị quá nhân Pháp vị đắc ngôn đắc cố.

Quá nhân pháp là chưa đắc nói đắc.

有一比丘少欲知足又多知識。若王大臣及餘世人。見皆恭敬。

hữu nhất Tỳ-kheo thiếu dục tri túc hựu đa tri thức. nhược Vương Đại Thần cập du
thế nhân. kiến giai cung kính.

Có một Tỳ-kheo ít muốn biết đủ, lại hiểu biết nhiều, nếu Vua Đại thần và người
đòi thầy đều cung kính,

而說偈頌讚彼比丘種種功德。言是尊者。

nhi thuyết kệ tụng tán bĩ Tỳ-kheo chủng chủng công đức. ngôn thị Tôn-Giả.

liên nói kệ tụng khen ngợi Tỳ-kheo kia đầy đủ công đức, nói rằng Tôn giả,

捨此身已當成佛道。比丘聞已便作是言。

xả thù thân dĩ đương thành Phật đạo. Tỳ-kheo văn dĩ tiện tác thị ngôn.

xả thân này xong sẽ thành Phật đạo, Tỳ-kheo nghe xong liền nói rằng:

汝等莫於未得果人以道果讚歎。是多欲名字佛所不許。

nhữ đẳng mặc ư vị đắc quả nhân dĩ đạo quả tán thán。 thị đa dục danh tự Phật sở bất hứa。

Các người chớ ở nơi người chưa đắc quả đem đạo quả khen ngợi, là nhiều tham muốn danh tự chỗ Phật không cho,

汝等默然莫盡形壽。

nhữ đẳng mặc nhiên mặc tận hình thọ。

các người im lặng chớ hết lòng hình dung chúc,

為我樂法之人作多欲名字。未得道果我自知之。

vì ngã lạc Pháp chỉ nhân tác đa dục danh tự。 vị đắc đạo quả ngã tự tri chi。

Ta là người thích pháp khởi nhiều tham muốn danh tự, chưa đắc đạo quả Ta tự biết,

而彼國王及諸大臣語比丘言。今汝尊者便為是佛舉世悉聞。

nhì bì Quốc Vương cập chư Đại Thần ngữ Tỳ-kheo ngôn。 kim nhữ Tôn-Giả tiện vi thị Phật cử thế tất văn。

mà Quốc Vương cùng với các Đại Thần nói Tỳ-kheo kia rằng: Nay Tôn giả liền làm Phật nói lên tiếng nói ở đời hết thầy đều nghe,

皆從汝學律經記論。當知彼王及諸大臣。

giai tông nhữ học luật Kinh kí luận。 đương tri bì Vương cập chư Đại Thần。

đều theo ông học luật kinh ký luận, nên biết vua kia với các Đại Thần,

偈頌讚歎功德無量。

kệ tụng tán thán công đức vô lượng。

tụng kệ tán thán công đức vô lượng,

然彼比丘修持梵行無所違犯。非為不度不犯自稱得過人法。

nhiên bì Tỳ-kheo tu trì phạm hạnh vô sở vi phạm。 phi vi bất độ bất phạm tự xưng đắc quả nhân Pháp。

nhưng Tỳ-kheo kia tu trì phạm hạnh không chỗ trái phạm, không vì không độ không phạm tự xưng đắc Quả nhân pháp。

復有比丘廣說如來藏經言一切眾生皆有佛性。

phục hữu Tỳ-kheo quảng thuyết Như Lai tạng Kinh ngôn nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh。

Lại có Tỳ-kheo rộng nói kinh tạng của Như Lai rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh,

在於身中無量煩惱悉除滅已。佛便明顯。

tại ư thân trung vô lượng phiền não tất trừ diệt dĩ。 Phật tiện minh hiển。

ở tại trong thân vô lượng phiền não đều trừ diệt xong, Phật liền hiện rõ rệt,除一闍提時有國王及諸大臣問比丘言。

trừ nhất xiển đề thời hữu Quốc Vương cập chư Đại Thần vấn Tỳ-kheo ngôn。

trừ Nhất-xiển-đề, lúc ấy có Quốc Vương và các Đại Thần hỏi Tỳ-kheo rằng:

汝當作佛不作佛耶。汝等身中皆有佛性。彼比丘言。

nhữ đương tác Phật bất tác Phật da。 nhữ đẳng thân trung giai hữu Phật tánh。 bì Tỳ-kheo ngôn。

phải chăng ông sẽ làm Phật hay không làm Phật? Trong thân các ông đều có Phật tánh? Tỳ-kheo kia nói:

不知我當得作佛不。然我身中實有佛性。

bất tri ngã đương đắc tác Phật phủ。 nhiên ngã thân trung thật hữu Phật tánh。

không biết Ta sẽ được làm Phật không! Nhưng trong thân Ta thật sự có Phật tánh,復語比丘。汝今莫作一闍提輩。

phục ngữ Tỳ-kheo。 nhữ kim mặc tác nhất xiển đề bối。

Lại nói Tỳ-kheo: Nay ông chớ làm bọn Nhất-xiển-đề,

而自計數我當作佛。比丘言爾。但我身中實有佛性。

nhì tự kế số ngã đương tác Phật。 Tỳ-kheo ngôn nhĩ。 đãn ngã thân trung thật hữu Phật tánh。

mà tự tính toán Ta sẽ làm Phật. Tỳ-kheo liền nói: Chỉ trong thân Ta thật sự có Phật tánh,

然彼比丘雖作是說。非為自稱得過人法。

nhiên bi Tỳ-kheo tuy tác thị thuyết. phi vi tự xưng đắc quá nhân Pháp. nhưng Tỳ-kheo kia tuy nói như vậy, không tự xưng đắc Quá nhân pháp.

實有佛性施戒生故。復有比丘作是思惟。

thật hữu Phật tánh thí giới sanh cố. phục hữu Tỳ-kheo tác thị tu duy.

thật sự có Phật tánh bồ thí giới sanh. Lại có Tỳ-kheo suy nghĩ như vậy:

我當成佛決定無疑。作是思惟。雖未得道果其福無量。

ngã đương thành Phật quyết định vô nghi. tác thị tu duy. tuy vị đắc đạo quả kỳ phúc vô lượng.

Ta sẽ thành Phật quyết định không nghi. Suy nghĩ như vậy, tuy chưa được đạo quả nhưng phước ấy vô lượng,

以是義故。一切比丘皆應修行是思惟法。

dĩ thị nghĩa cố. nhất thiết Tỳ-kheo giai ứng tu hành thị tu duy Pháp.

Do nghĩa ấy, tất cả Tỳ-kheo đều nên tu hành suy nghĩ pháp ấy.

所以者何。八十億種不清淨法從是得離。

sở dĩ giả hà. bát thập ức chủng bất thanh tịnh Pháp tòng thị đắc ly.

Vì sao vậy? Vì tám mươi ức loại pháp không thanh tịnh theo đó được xa lìa, thanh tịnh ít dục được thành tựu. Như-Lai chân tánh do tu hiển hiện.

Thanh tịnh ít muốn đều được thành tựu. Thật tánh Như-Lai do đó hiển hiện,

逮得百千諸法寶藏。大悲世尊而作是說。

đãi đắc bách thiên chư Pháp bảo tạng. Đại bi Thế tôn nhi tác thị thuyết.

kíp đắc trăm ngàn các Pháp bảo tạng. Thế Tôn đại bi mà nói điều ấy.

如是相貌當知如來所說經律。魔說經律從而信者。

như thị tướng mạo đương tri Như-Lai sở thuyết Kinh luật. ma thuyết Kinh luật tòng nhi tín giả.

tướng mạo như vậy nên biết là kinh luật của Như Lai nói, Kinh luật Ma nói mà tin theo,

當知是輩為隨魔教。佛說經律從而信者。

đương tri thị bối vi tùy ma giáo. Phật thuyết Kinh luật tòng nhi tín giả.

nên biết bọn ấy là theo lời dạy của ma. Kinh luật Phật nói mà tin theo,

當知菩薩。又復說言。

đương tri Bồ Tát. hựu phục thuyết ngôn.

nên biết là Bồ-tát. Lại nói rằng:

亦無四墮十三僧殘三十捨法九十一墮法。眾多學法四悔過法。

diệc vô tứ đọa thập tam tăng tàn tam thập xá Pháp cửu thập nhất đọa Pháp. chúng

đa học Pháp tứ hồi quá Pháp.

cũng không có Tứ đọa, Mười ba tăng tàn, Ba mươi xá pháp, Chín mươi một đọa pháp,

Chúng đa học pháp, Bốn hồi quá pháp,

二不定法七滅諍法。無越比尼亦無僇罪。

nhị bất định Pháp thất diệt tránh Pháp. vô việt bi ni diệc vô thô tội.

Hai bất định pháp, Bảy diệt tránh pháp, không có Việt Tỳ-ni cũng không có thô

tội,

亦無五逆無謗經法。無一闍提。

diệc vô ngũ nghịch vô báng Kinh Pháp. vô nhất xiển đề.

cũng không ngũ nghịch không có hủy báng kinh pháp, không có Nhất-xiển-đề,

亦無犯此諸戒果報墮泥犁中。其諸比丘及與外道皆當生天。

diệc vô phạm thủ chư giới quả báo đọa nê lê trung. kỳ chư Tỳ-kheo cập dữ ngoại

đạo giai đương sanh Thiên.

cũng không có phạm các giới này quả báo đọa trong nê-lê, các Tỳ-kheo ấy cùng với

ngoại đạo đều sẽ sanh Thiên.

然佛世尊恐怖人故說斯戒律。

nhiên Phật Thế tôn khùng bố nhân cố thuyết tu giới luật.
Nhưng Phật Thế Tôn làm người sợ hãi nên nói giới luật này.

若欲恣心極世樂者。當捨法服還受五欲。

nhược dục tứ tâm cực thế lạc giả. đương xả Pháp phục hoàn thọ ngũ dục.
Nếu muốn tâm phóng túng chọn thú lạc ở đời, nên xả bỏ pháp phục trở lại thọ ngũ dục,

厭五欲已悔過修善。如來在世亦有比丘。

yếm ngũ dục dĩ hối quá tu thiện. Như-Lai tại thế diệc hữu Tỳ-kheo.
chán ngũ dục xong hối lỗi tu thiện, Như Lai còn tại thế cũng có Tỳ-kheo,
受習五欲得生天上亦得解脫。古今有是。非我獨造。

thọ tập ngũ dục đắc sanh Thiên thượng diệc đắc giải thoát. cổ kim hữu thị. phi ngã độc tạo.

thọ học năm dục được sanh lên Trời cũng được giải thoát, xưa nay có vậy, không phải Ta tự tạo.

犯四墮法乃至五戒。及諸一切不淨律儀。

phạm tứ đọa Pháp nãi chí ngũ giới. cập chư nhất thiết bất tịnh luật nghi.
Phạm Bốn đọa pháp cho đến năm giới, và tất cả các luật nghi bất tịnh,

受非法物皆得解脫。若作是說越比尼罪。

thọ phi Pháp vật giai đắc giải thoát. nhược tác thị thuyết việt bi ni tội.
nhận vật phi Pháp đều được giải thoát, nếu nói như vậy là Việt Tỳ-ni tội,

如忉利天日月歲數。八萬四千歲墮泥犁中。

như đao lợi Thiên nhật nguyệt tuế số. bát vạn tứ thiên tuế đọa nê lê trung.
như số ngày tháng năm của Trời Đao-lợi, tám vạn bốn ngàn năm đọa trong nê-lê,
諸餘篇罪差降轉重。

chư dư Thiên tội sai hàng chuyển trùng.

ngoài các phần tội sai xuống chuyển lại,

是諸律師虛誑妄說假稱佛教是不可信。如是相貌。當知是為魔說經律。

thị chư luật sư hư vọng vọng thuyết giả xưng Phật giáo thị bất khả tín. như thị tướng mạo. đương tri thị vi ma thuyết Kinh luật.

các luật sư ấy nói dối không có cơ sở giả nói lời Phật dạy thì không thể tin, tướng mạo như vậy, nên biết là kinh luật do ma nói.

越比尼罪最為微細。若有比丘犯此一一微細律儀。

việt bi ni tội tối vi vi tế. nhược hữu Tỳ-kheo phạm thử nhất nhất vi tế luật nghi.

Việt Tỳ-ni tội rất là vi tế, nếu có Tỳ-kheo phạm tường luật nghi vi tế ấy, biết mà che giấu như龜藏六。當知是輩不可習近。

tri nhi tàng phúc như quy tàng lục. đương tri thị bồi bất khả tập cận.

biết mà che giấu như Quy tàng lục. Nên biết bọn ấy không thể gần gũi học tập.

如我說偈。

như ngã thuyết kệ.

Như kệ Ta nói:

若犯微細罪

nhược phạm vi tế tội

Nếu phạm tội vi tế,

不計於後世

bất kể ư hậu thế

Không tính ở đời sau,

斯等皆是如來教誡決定之說。況犯麤罪。

tu đẳng giai thị Như-Lai giáo thành quyết định chi thuyết. huống phạm thô tội.

Những điều ấy đều là Như Lai dạy thành quyết định nói, huống là phạm thô tội.

戒無麤細當堅固持。為佛性故。

giới vô thô tế đương kiên cố trì. vi Phật tánh cố.

Giới không có thô tế phải giữ gìn bền vững, là Phật tánh.

若言九部不說眾生皆有佛性。又方等經亦說非我。

默然妄語者

mặc nhiên vọng ngữ giả

Im lặng và nói dối.

無惡而不為

vô ác nhi bất vi

Không xấu để không làm.

nhược ngôn cửu bộ bất thuyết chúng sanh giai hữu Phật tánh. hựu phương đẳng Kinh diệc thuyết phi ngã.

Nếu nói chín bộ không nói chúng sanh đều có Phật tánh, lại kinh Phương đẳng cũng nói phi ngã.

是為誹謗九部契經。云何不起眾生見耶。

thị vi phi báng cửu bộ Khế Kinh. vân hà bất khởi chúng sanh kiến da.

ấy là phi báng chín bộ Khế Kinh, tại sao không khởi chúng sanh thấy u?

九部經中一切眾生皆有佛性。未所曾聞我當何取。

cửu bộ Kinh trung nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh. vị sở tăng văn ngã đương hà thù.

Trong chín bộ kinh tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chỗ chưa từng nghe Ta phải lấy gì?

或能自稱說過人法。

hoặc năng tự xưng thuyết quá nhân Pháp.

hoặc có thể tự xưng nói Quá nhân pháp.

當知是等如言大海無種種寶。彼雖受學九部契經。

đương tri thị đẳng như ngôn Đại hải vô chủng chủng bảo. bỉ tuy thọ học cửu bộ Khế Kinh.

Nên biết những điều ấy giống như nói biển lớn không có các thứ quý báu. Kia tuy thọ học chín bộ Khế Kinh,

方等要藏摩訶衍海種種法寶非彼境界。

phương đẳng yếu tạng Ma-Ha diển hải chủng chủng Pháp bảo phi bỉ cảnh giới.

Phương đẳng tạng quan trọng của ma-ha-diển các loại Pháp bảo trong biển không phải là cảnh giới của người kia.

然佛所說法非為一切聲聞緣覺。悉非其境界。

nhiên Phật sở thuyết Pháp phi vi nhất thiết thanh văn duyên giác. tất phi kỳ cảnh giới.

Nhưng chỗ Phật nói Pháp không phải là tất cả Thanh văn, Duyên giác tất không phải là cảnh giới của họ.

見佛所說因緣相貌。亦復能知一切眾生有如來性。

kiến Phật sở thuyết nhân duyên tướng mạo. diệc phục năng tri nhất thiết chúng sanh hữu Như-Lai tánh.

Thấy chỗ Phật nói nhân duyên các tướng mạo, cũng lại có thể biết tất cả chúng sanh có Như Lai tánh.

不壞吾我壽命之相。

bất hoại ngô ngã thọ mạng chi tướng.

Không phá hoại tướng thọ mạng của Ta,

心存中道言我身中皆有佛性我當得佛。我今但當盡諸煩惱。

tâm tồn trung đạo ngôn ngã thân trung giai hữu Phật tánh ngã đương đắc Phật. ngã kim dân đương tận chư phiền não.

tâm còn trung đạo, nói trong thân Ta đều Phật tánh Ta sẽ làm Phật. Nay Ta chỉ đang tận trừ các phiền não,

如是說者是我聲聞。若異此者名為自稱有過人法。

như thị thuyết giả thị ngã thanh văn. nhược dị thù giả danh vi tự xưng hữu quá nhân Pháp.

nói như vậy Ta chính là Thanh văn, nếu khác điều ấy gọi là tự xưng có Quá nhân Pháp.

又復說言。我已作佛我已見法住於佛地。

hựu phục thuyết ngôn. ngã dĩ tác Phật ngã dĩ kiến Pháp trụ ư Phật địa.

Lại nói rằng: Ta đã làm Phật Ta đã thấy Pháp ở nơi đất Phật,

是為自說得過人法。其不爾者。是等不久當成佛道。

thị vi tự thuyết đắc quá nhân Pháp. kỳ bất nhĩ giả. thị đẳng bất cửu đương thành Phật đạo.

ấy là tự nói được quá nhân pháp, điều ấy không như vậy. Những người ấy không lâu sẽ thành Phật đạo.

如是決定甚深佛教。

như thị quyết định thậm thâm Phật giáo。

Như vậy quyết định là lời Phật dạy rất sâu xa,

而諸比丘於中自說得過人法。為利養故諂曲徐步現行乞食。

nhi chư Tỳ-kheo ư trung tự thuyết đắc quá nhân Pháp。vi lợi dưỡng cố siểm khúc từ bộ hiện hành khát thực。

nhưng các Tỳ-kheo ở trong tự nói đắc quá nhân pháp, vì lợi dưỡng nên lòn cúi nịnh nọt bước đi thông thả hiện làm Khất thực。

愚癡犯戒未得道果。而言得果向人稱說。

ngu si phạm giới vị đắc đạo quả。nhi ngôn đắc quả hướng nhân xưng thuyết。

Ngu si phạm giới chưa được đạo quả, mà nói đắc quả hướng đến người xưng nói,

普共聞知恭敬承事。轉增貪著伺望供養。

Phổ cộng văn tri cung kính thừa sự。chuyển tăng tham trước tỳ vọng cúng dường。

cùng khắp nghe biết cung kính hầu hạ, dò xét trông ngóng cúng dường,

不修法念示現威儀取悅人意。

bất tu Pháp niệm thị hiện uy nghi thủ duyệt nhân ý。

không tu Pháp niệm thị hiện oai nghi làm vui lòng ý người,

我說是輩為自稱說得過人法。復有比丘。

ngã thuyết thị bối vi tự xưng thuyết đắc quá nhân Pháp。phục hữu Tỳ-kheo。

Ta nói bọn ấy là tự xưng nói được quá nhân pháp. Lại có Tỳ-kheo,

護持正法故現求利養貪著名聲。作是思惟。

hộ trì chánh Pháp cố hiện cầu lợi dưỡng tham trước danh thanh。tác thị tư duy。

hộ trì chánh Pháp nên hiện cầu lợi dưỡng tham trước danh tiếng, suy nghĩ thế này:

當令一切人所知識稱歎善哉恭敬承事。我當因是降伏外道諸犯戒者。

đương lệnh nhất thiết nhân sở tri thức xưng thán Thiện tai cung kính thừa

sự。ngã đương nhân thị hàng phục ngoại đạo chư phạm giới giả。

Sẽ khiến tất cả mọi người nhận biết khen ngợi hay thay cung kính hầu hạ, ta sẽ nhân đó hàng phục ngoại đạo các người phạm giới,

光揚如來天尊之德。

quang dương Như-Lai Thiên tôn chi đức。

nêu cao đức sáng của Như Lai Thiên Tôn,

廣宣方等般泥洹經開導眾生善解如來所說經律及律眷屬。

quảng tuyên phương đẳng Bát-nê-hoàn Kinh khai đạo chúng sanh thiện giải Như-Lai sở thuyết Kinh luật cập luật quyển thuộc。

rộng tuyên kinh Phương Đẳng Đại Nê-hoàn khai mở dẫn dắt chúng sanh khéo hiểu rõ kinh luật của Như Lai nói và kinh luật quyển thuộc,

長養自身如來種子。速令佛性開發顯現。

Trưởng dưỡng tự thân Như-Lai chủng tử。tốc lệnh Phật tánh khai phát hiển hiện。

tự thân nuôi lớn giống nòi Như Lai, khiến cho Phật tánh nhanh khai phát hiển

hiện,

無量結患一時除滅。

vô lượng kết hoạn nhất thời trừ diệt。

vô lượng oán kết tai hoạn một lúc trừ diệt,

告諸眾生汝等皆成如來之性滅諸煩惱。心在護法而作是說。

cáo chư chúng sanh nhữ đẳng giai thành Như-Lai chi tánh diệt chư phiền não。tâm tại hộ Pháp nhi tác thị thuyết。

nói các chúng sanh: Các người đều thành tánh của Như Lai diệt trừ các phiền não, tâm hộ trì pháp để nói như vậy。

我說斯等為菩薩也。

ngã thuyết tu đẳng vi Bồ Tát dã。

Ta nói những người ấy là Bồ-tát vậy。

以護法故無有自稱得過人法越比尼罪。如忉利天數八萬四千歲在泥犁中。

dĩ hộ Pháp cố vô hữu tự xưng đắc quá nhân Pháp việt bi ni tội. như đao lợi Thiên sở bát vạn tứ thiên tuế tại nê lê trung.

do hộ trì pháp nên không có tự xưng đắc Quá nhân pháp Việt Tỳ-ni tội, như Trời Đao-lợi dù số tám vạn bốn ngàn năm đọa ở nê-lê,

何況僇罪。其摩訶衍有僇罪者皆當驅出。

hà huống thô tội. kỳ Ma-Ha diễn hữu thô tội giả giai đương khu xuất.

huống nữa là thô tội, trong Ma-ha-diễn người có thô tội đều phải đuổi ra, 有所取者便是僇罪。人所守護塔物取如芥子。

hữu sở thủ giả tiện thị thô tội. nhân sở thủ hộ tháp vật thủ như giới tử.

có chấp lấy thì chính là thô tội, người thủ hộ tháp vật lấy như hạt cải, 及不問主而取經卷者皆是僇罪。賊心壞塔。

cập bất vấn chủ nhi thủ Kinh quyền giả giai thị thô tội. tặc tâm hoại tháp.

và không hỏi chủ mà lấy kinh quyền đều là thô tội, tâm kẻ phá hoại tháp, 亦犯僇罪。悉應驅出。若王大臣有故塔寺。

diệc phạm thô tội. tất ứng khu xuất. nhược Vương Đại Thần hữu cố tháp tự.

cũng phạm thô tội, tất phải đuổi ra. Nếu Vua Đại Thần cố ý làm chùa tháp, 欲作供養為舍利故。

dục tác cung dưỡng vi Xá-lợi cố.

muôn làm cúng dường vì Xá-lợi,

或恭敬故立一比丘為經營王付其錢物。而彼比丘輒取自用令主呵責。

hoặc cung kính cố lập nhất Tỳ-kheo vi Kinh doanh Vương phó kỳ tiền vật. nhi bi Tỳ-kheo triếp thủ tự dụng lệnh chủ ha trách.

hoặc cung kính nên lập một Tỳ-kheo làm kinh doanh tiền vật Vua giao phó, mà Tỳ-kheo kia liền lấy tự dùng khiến chủ quả trách,

是等比丘亦應驅出正使不男及二根者皆應驅出。

thị đẳng Tỳ-kheo diệc ứng khu xuất chánh sử bất nam cập nhị căn giả giai ứng khu xuất.

Tỳ-kheo ấy cũng phải đuổi ra chánh-sử bất nam và hai căn đều phải đuổi ra.

所以者何。越五戒故。

sở dĩ giả hà. việt ngũ giới cố.

Vì sao vậy? Vì vượt ra ngoài năm giới,

乃至蟻子皆當慈心施以無畏。是沙門法。設有酒香亦隨遠離。

nãi chí nghĩ tử giai đương từ tâm thí dĩ vô úy. thị Sa Môn Pháp. thiết hữu từ hương diệc tùy viễn li.

cho đến con kiến đều phải từ tâm bố thí cho vô úy, là pháp Sa-môn, giả sử có

ruợu thơm cũng tùy đó mà rời xa,

是沙門法。正使夢中猶不妄語。是沙門法。

thị Sa Môn Pháp. chánh sử mộng trung do bất vọng ngữ. thị Sa Môn Pháp.

là pháp Sa-môn, chánh-sử trong mộng không còn vọng ngữ, là pháp Sa-môn,

夢中不與女人同處。是沙門法。

mộng trung bất dữ nữ nhân đồng xử. thị Sa Môn Pháp.

trong mộng không cùng chỗ với người nữ, là pháp Sa-môn,

若於夢中與共同處。雖不犯戒。如香華等令人寬縱。

nhược ư mộng trung dữ cộng đồng xử. tuy bất phạm giới. như hương hoa đẳng lệnh nhân khoan túng.

nếu ở trong mộng cùng chỗ với nhau, tuy không phạm giới, như hương hoa v.v..

khiến người buông thả,

心起放逸。皆由晝見心隨生故則有夢想。

tâm khởi phóng dật. giai do trú kiến tâm tùy sanh cố tắc hữu mộng tưởng.

tâm khởi phóng dật, đều do ban ngày thấy tâm theo đó mà sanh liền có mộng tưởng,

彼夢覺已亦增亂念。以食子想而行乞食。

bi mộng giác dĩ diệc tăng loạn niệm. dĩ thực tử tưởng nhi hành khát thực.

người tỉnh mộng xong cũng tăng loại niệm, do tưởng ăn mà hành khát thực,

云何而令恣心得生。夢中生心應速除滅。

vân hà nhi lệnh tứ tâm đắc sanh. mộng trung sanh tâm ứng tốc trừ diệt.
làm sao mà khiến tâm phóng túng được sanh, trong mộng tâm sanh phải nhanh chóng
trừ diệt.

如是相貌當知是為如來經律。魔說經律從而信者。

như thị tướng mạo đương tri thị vi Như-Lai Kinh luật. ma thuyết Kinh luật tông
nhi tín giả.

tướng mạo như vậy nên biết là kinh luật của Như Lai nói. Kinh luật Ma nói mà tin
theo,

當知是輩為隨魔教。佛說經律從而信者。當知菩薩。

đương tri thị bối vi tùy ma giáo. Phật thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương
tri Bồ Tát.

nên biết bọn ấy là theo lời dạy của ma. Kinh luật Phật nói mà tin theo, nên biết
là Bồ-tát.

言如來聽受大人坐法。行止威儀受不言法。

ngôn Như-Lai thính thọ Đại nhân tọa Pháp. hành chi uy nghi thọ bất ngôn Pháp.

Nói Như Lai cho nhận Đại nhân tọa pháp, oai nghi đi đứng nhận pháp không nói,

投巖飲毒斷食殺生。繫縛眾生自治身體。

đầu nham ẩm độc đoạn thực sát sanh. hệ phược chúng sanh tự trị thân thể.

**nhảy núi cao uống độc đoạn thực sát sanh, trói buộc chúng sanh tự trị thân thể,
作茂羅業呪術蠱道。**

tác mậu la nghiệp chú thuật cô đạo.

làm thịnh vượng lưới nghiệp chú thuật mê hoặc đạo,

旃陀羅等不男二根支節不具皆聽出家。愍眾生故。

chiên đà la đẳng bất nam nhị căn chi tiết bất cụ giai thính xuất gia. mẫn chúng
sanh cố.

**bọn Chiên-đà-la bất nam, hai căn các chi không đầy đủ đều cho xuất gia, xót
thương chúng sanh,**

乳蜜綿繒珂貝皮革諸穀米等悉不服食。

nhũ mật miên tăng kha bối bì cách chư cốc mễ đẳng tất bất phục thực.

Sữa mật tơ lụa kha kha bối vật bằng da các thứ lúa gạo v.v.. đều không ăn mặc,

於諸草木作壽命想。慈悲心故。泥洹長滅。如是相貌。

ư chư thảo mộc tác thọ mạng tưởng. từ bi tâm cố. Nê-hoàn trường diệt. như thị
tướng mạo.

**nơi các loài cỏ cây khởi tưởng thọ mạng, tâm từ bi nên, Nê-hoàn vĩnh viễn, tướng
mạo như vậy,**

當知是為魔說經律。除大人坐四種威儀。

đương tri thị vi ma thuyết Kinh luật. trừ Đại nhân tọa tứ chủng uy nghi.

nên biết là kinh luật do Ma nói, ngoài Đại nhân tọa bốn loại oai nghi,

若言我聽飲毒入火斷食投巖殘殺眾生。

nhược ngôn ngã thính ẩm độc nhập hỏa đoạn thực đầu nham tàn sát chúng sanh.

nếu nói Ta cho uống độc vào lửa đoạn thực nhảy núi cao tàn sát chúng sanh,

作茂羅業呪術蠱道。乳蜜綿繒珂貝穀米作熟肉想。

tác mậu la nghiệp chú thuật cô đạo. nhũ mật miên tăng kha bối cốc mễ tác thực
nhục tưởng.

**làm thịnh vượng lưới nghiệp chú thuật mê hoặc đạo, sữa mật tơ lụa kha bối vật
bằng da các thứ lúa gạo v.v.. khởi tưởng thịt chín,**

一切草木作壽命想。如是說者我所不聽。作是說者。

nhất thiết thảo mộc tác thọ mạng tưởng. như thị thuyết giả ngã sở bất thính. tác
thị thuyết giả.

**tất cả cỏ cây khởi tưởng thọ mạng, nói như vậy chỗ Ta không cho, nói điều như
vậy,**

當知是輩外道弟子。隨我所聽而能行者。

đương tri thị bối ngoại đạo đệ-tử. tùy ngã sở thính nhi năng hành giả.

nên biết bọn ấy là đệ tử của ma. Theo chỗ Ta cho mà có thể thực hành,

是我弟子。不說四大有壽命想。如是說者。

thị ngã đê-tử. bất thuyết tứ Đại hữu thọ mạng tướng. như thị thuyết giả.
là đê tử của Ta , không nói tứ đại tướng có thọ mạng, nói như vậy,

當知是為佛說經律。如是比說眾多無量。

đương tri thị vi Phật thuyết Kinh luật. như thị bi thuyết chúng đa vô lượng.
nên biết là kinh luật do Phật nói, nói theo như vậy chúng nhiều vô lượng,

魔說經律從而信者。當知是輩為隨魔教。

ma thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương tri thị bôi vi tùy ma giáo.
Kinh luật ma nói mà tin theo, nên biết bọn ấy là theo lời dạy của ma,

佛說經律從而信者。當知菩薩。善男子。

Phật thuyết Kinh luật tông nhi tín giả. đương tri Bồ Tát. thiện nam tử.
Kinh luật Phật nói mà tin theo, nên biết là Bồ-tát. Thiện nam tử!

如是所說是為魔所說經。佛所說經差別之相。當分別知。

như thị sở thuyết thị vi ma sở thuyết Kinh. Phật sở thuyết Kinh sai biệt chi
tướng. đương phân biệt tri.

Nói như vậy đó là tướng sai khác giữa kinh ma nói, kinh Phật nói, nên phân biệt
biết,

迦葉菩薩白佛言。善哉世尊。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn. Thiện tai Thế tôn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Hay thay Thế Tôn,

我等今日始解如來甚深之說。佛告迦葉。善哉善哉。善男子。

ngã đẳng kim nhật thùy giải Như-Lai thậm thâm chi thuyết. Phật cáo Ca-
diếp. Thiện tai Thiện tai. thiện nam tử.

chúng con hôm nay mới hiểu lời nói của Như Lai rất sâu xa. Phật nói Ca-diếp: Hay
thay! Hay thay, Thiện nam tử!

當作是學。是為點慧。

đương tác thị học. thị vi hiệt tuệ.

Nên học như vậy, đó là trí tuệ sáng tỏ.

大般泥洹經卷第四

Đại Bát-nê-hoàn Kinh quyển đê tứ

Kinh Đại Bát-nê-hoàn

Quyển Thứ Tư.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:28:41 2006

Tỷ kheo Thích Trí Thiện hiệu đính lần 1, Ngô Tùng lần 2.

ĐẠI BÁT NÊ HOÀN KINH

Quyển Thứ Năm

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 376

Hán dịch: Sa-môn Pháp Hiền
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền
Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (10-2007)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 376 《佛說大般泥洹經》CBETA 電子佛典 V1.20 普及版
【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 376 《Phật thuyết Đại bát nê hoàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.20 phổ cập bản
【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 376 《Phật nói Đại bát nê hoàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.20 khắp cùng bản
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 佛說大般泥洹經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 Phật thuyết Đại bát nê hoàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 Phật nói Đại bát nê hoàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version

=====

大般泥洹經卷第五

Đại bát nê hoàn Kinh quyển đệ ngũ

Đại Bát-Nê-hoàn Kinh

Quyển Thứ Năm

東晉平陽沙門法顯譯

Đông Tấn bình dương Sa-môn Pháp Hiền dịch

Sa-môn Pháp Hiền, người xứ Bình Dương, dịch vào đời Đông Tấn

四諦品第十一

tứ đế phẩm đệ thập nhất

Phẩm thứ mười một: Tứ Đế

爾時佛告迦葉。善男子。若使是苦名苦諦者。

nhĩ thời Phật cáo ca diệp. thiện nam tử. nhược sử thị khổ danh khổ đế giả. Lúc bấy giờ Phật bảo Ca-diệp: Thiện nam tử, nếu là khổ thì gọi là khổ đế, địa ngục畜生皆有苦諦。名苦諦者。

Địa-ngục súc sanh giai hữu khổ đế. danh khổ đế giả.

địa ngục súc sanh đều có khổ đế. Gọi là khổ đế

謂知如來常住法身非穢食身。

vị tri Như-Lai thường trụ Pháp thân phi uế thực thân.

nghĩa là biết Như Lai có pháp thân thường trụ, chẳng phải thân ăn uống dơ uế, 眾生不得如來尊智知苦故以非法為法。久遠癡愛煩惱結縛。

chúng sanh bất đắc Như-Lai tôn trí tri khổ cố dĩ phi Pháp vi Pháp. cừ viễn si ái phiền não kết phược.

chúng sanh không có trí tuệ Như Lai biết khổ nên lấy phi pháp cho là pháp, lâu ngày bị si ái phiền não trói buộc

彌劫生死苦輪常轉。假使如來常住二字暫經耳者。

di kiếp sanh tử khổ luân thường chuyển. giả sử Như-Lai thường trụ nhị tự tạm Kinh nhĩ giả.

nhiều kiếp luân chuyển trong sanh tử, giả sử được nghe hai chữ Như Lai thường trụ qua tai,

欲生天上及求解脫。必得聖果自然快樂。

dục sanh Thiên thượng cập cầu giải thoát. tất đắc Thánh quả tự nhiên khoái lạc. mà muốn sanh lên cõi trời và cầu giải thoát, chắc chắn đắc quả thánh, tự tại an vui.

智者自知。

trí giả tự tri.

Người trí tuệ biết rõ

皆由如來常住之音暫經耳故得此妙果。久遠以來不知如來常住法故。

giai do Như-Lai thường trụ chi âm tạm Kinh nhĩ cổ đắc thủ diệu quả. cửu viễn dĩ lai bất tri Như-Lai thường trụ Pháp cố.

đều do âm thanh Như Lai thường trụ qua tai mà được diệu quả này, từ xưa đến nay không biết Như Lai là pháp thường trụ,

往返無量生死苦惑。如是知苦為知苦諦。

vãng phản vô lượng sanh tử khổ hoặc. như thị tri khổ vi tri khổ đế.

nên qua lại trong vô lượng sanh tử khổ não, biết khổ như vậy gọi là tri khổ đế
若異此者非知苦諦。苦集諦者。諸法之實。

nhược dị thủ giả phi tri khổ đế. khổ tập đế giả. chu Pháp chi thật.

nếu sai khác tức chẳng phải biết khổ đế. Khổ tập đế là sự thật của các pháp,
不知實故增其愛集。畜養奴婢諸非法物。

bất tri thật cố tăng kỳ ái tập. súc dưỡng nô tì chu phi Pháp vật.

do không biết sự thật nên tăng thêm ái tập, nuôi dưỡng nô tỳ, chứa các vật phi pháp,

非法為法而生妄取。正法則滅。

phi Pháp vi Pháp nhi sanh vọng thủ. chánh Pháp tắc diệt.

lấy phi pháp làm pháp mà sanh vọng thủ, Chánh pháp thì hoại diệt,

以無智故長處生死輪轉苦惑。當知是等為壞正法。

dĩ vô trí cố trường xử sanh tử luân chuyển khổ hoặc. đương tri thị đẳng vi hoại chánh Pháp.

do không có trí nên ở lâu trong luân hồi sanh tử khổ não, phải biết hạng này là phá hoại Chánh pháp,

終不得果生天解脫。不知苦集真實相故為壞正法。

chung bất đắc quả sanh Thiên giải thoát. bất tri khổ tập chân thật tướng cố vi hoại chánh Pháp.

trọn không thể đắc quả giải thoát, do không biết tướng chân thật của khổ tập nên làm hư hoại Chánh pháp

妄說之報亦復長夜生死苦惱。

vọng thuyết chi báo diệc phục trường dạ sanh tử khổ não.

quả báo của vọng thuyết cũng ở lâu trong đêm dài sanh tử khổ não,

如是知者為知集諦。若異此者不名知集。苦滅諦者。

như thị tri giả vi tri tập đế. nhược dị thủ giả bất danh tri tập. khổ diệt đế giả.

biết như vậy gọi là tri tập đế, nếu sai khác thì không gọi là tri tập. Khổ diệt đế

若修行空一切盡滅壞如來性。若修行空名滅諦者。

nhược tu hành không nhất thiết tận diệt hoại Như-Lai tánh. nhược tu hành không danh diệt đế giả.

như tu hành pháp không mà tất cả đều diệt tận tức hoại Như Lai tánh, nếu tu hành pháp không mà gọi là diệt đế,

彼諸外道相違義者。亦修行空得滅諦耶。

bỉ chư ngoại đạo tương vi nghĩa giả. diệc tu hành không đắc diệt đế da.

thì các ngoại đạo nghĩa lý trái nghịch cũng tu hành pháp không mà đắc diệt đế sao?

當知一切皆有如來常住之性。

đương tri nhất thiết giai hữu Như-Lai thường trụ chi tánh.

phải biết tất cả đều có tánh Như Lai thường trụ

滅諸結縛煩惱永盡。顯現如來常住之性。起於一心便得妙果。

diệt chư kết phục phiền não vĩnh tận. hiển hiện Như-Lai thường trụ chi tánh. khởi ư nhất tâm tiện đắc diệu quả.

nếu diệt hết các kiết sử phiền não thì tánh Như Lai thường trụ được hiển hiện, khởi nhất tâm liền đắc diệu quả,

常樂自在名法自在王。是為修行苦滅聖諦。

thường lạc tự-tại danh Pháp tự tại Vương. thị vi tu hành khổ diệt Thánh đế.
thường lạc tự tại, gọi là pháp tự tại vương, đó là tu hành khổ diệt thánh đế.
若復修行於如來性作空無我相。

nhược phục tu hành ư Như-Lai tánh tác không vô ngã tướng。

Nếu tu hành tánh Như Lai thì khởi tướng không, vô ngã,

當知是輩如蛾投火。名滅諦者。是如來性。是如來實。

đương tri thị bối như nga đầu hỏa. danh diệt đế giả. thị Như-Lai tánh. thị Như-Lai thật。

phải biết hạng này như con thiêu thân đâm đầu vào lửa. Gọi là diệt đế tức là tánh Như Lai, tánh Như Lai chân thật này

滅除一切無量煩惱。所以者何。

diệt trừ nhất thiết vô lượng phiền não. sở dĩ giả hà。

diệt trừ vô lượng tất cả phiền não, tại vì sao,

是如來性因故。如是知者為知如來平等滅諦。

thị Như-Lai tánh nhân cố. như thị tri giả vi tri Như-Lai bình đẳng diệt đế。

bởi đó là nhân của Như Lai tánh. Biết như vậy gọi là tri Như Lai bình đẳng diệt đế,

若異此者不名知滅。苦滅道者。如來法僧解脫之性。

nhược dị thử giả bất danh tri diệt. khổ diệt đạo giả. Như-Lai Pháp tăng giải thoát chi tánh。

nếu sai khác thì không gọi là tri diệt. Khổ diệt đạo là tánh của Phật, Pháp, Tăng, giải thoát,

此四種法名為道諦。於四種法不知實故。

thử tứ chủng Pháp danh vi đạo đế. ư tứ chủng Pháp bất tri thật cố。

bốn thứ pháp này gọi là đạo đế, đối với bốn pháp này mà không biết sự thật

長處生死無量苦惑。於生死中能勤修行。

trường xử sanh tử vô lượng khổ hoặc. ư sanh tử trung năng tinh cần tu hành。

thì sẽ ở mãi trong sanh tử chịu vô lượng khổ não. Ở trong sanh tử mà có thể siêng năng tu tập,

了知如來法僧解脫。是常住法。非變易法。

liễu tri Như-Lai Pháp tăng giải thoát. thị thường trụ Pháp. phi biến dịch Pháp。

hiểu rõ Như Lai, Pháp, Tăng, giải thoát là pháp thường trụ, chẳng phải pháp biến đổi,

非磨滅法。不盡不壞。起於一心得微妙果快樂自在。

phi ma diệt Pháp. bất tận bất hoại. khởi ư nhất tâm đắc vi diệu quả khoái lạc tự-tại。

chẳng phải pháp ma diệt, không diệt tận không hư hoại, nếu khởi ở nhất tâm tức đắc quả vi diệu, an lạc tự tại.

於此常住不空四法作非法想者。

ư thử thường trụ bất không tứ Pháp tác phi Pháp tưởng giả。

Nếu đối với pháp thường trụ mà khởi ý tưởng phi pháp,

當知是輩得邪見果報。苦滅道者。

đương tri thị bối đắc tà kiến quả báo. khổ diệt đạo giả。

phải biết hạng này có quả báo tà kiến. Khổ diệt đạo,

於此三法作常住修者。是則名為知苦滅道諦。

ư thử tam Pháp tác thường trụ tu giả. thị tắc danh vi tri khổ diệt đạo đế。

đối với ba pháp này khởi pháp tu thường trụ, đó gọi là tri khổ diệt đạo đế。

如是修行常住想者。當知是等是我弟子知四真諦。

như thị tu hành thường trụ tưởng giả. đương tri thị đẳng thị ngã đệ-tử tri tứ chân đế。

Như vậy tu pháp quán tưởng thường trụ, phải biết hạng này là đệ tử của Ta, hiểu rõ bốn chơn đế,

是為菩薩知四真諦。迦葉菩薩白佛言。世尊。

thị vi Bồ-tát tri tú chân đế. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.
Đó là Bồ-tát biết rõ bốn chơn đế. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,
我今始知修四真諦。
ngã kim thủy tri tu tú chân đế.
nay con mới biết tu Bốn chơn đế.

大般泥洹經四倒品第十二

Đại bát nê hoàn Kinh tứ đảo phẩm đệ thập nhị
Kinh Đại Bát-niết-bàn
Phẩm thứ mười hai: Tứ đảo

佛復告迦葉。所謂顛倒。苦有樂想。

Phật phục cáo ca diệp. sở vị điên đảo. khổ hữu lạc tưởng.

Phật lại bảo Ca-diếp: gọi là điên đảo, như khổ mà khởi ý tưởng vui,

如來無常滅盡泥洹。如薪盡火滅則為大苦。而作是想。

Nhu-Lai vô thường diệt tận nê hoàn. như tân tận hỏa diệt tắc vi Đại khổ. nhi tác thị tưởng.

Nhu Lai vô thường diệt tận Niết-bàn, như củi hết lửa tắt đó là khổ lớn, mà khởi ý tưởng

如來無常。是為顛倒。樂有苦想。

Nhu-Lai vô thường. thị vi điên đảo. lạc hữu khổ tưởng.

Nhu Lai là thường, đó là điên đảo. Vui mà khởi ý tưởng khổ,

於如來長存作眾生見。是為顛倒。於三有苦而作樂想。

ư Nhu-Lai trường tồn tác chúng sanh kiến. thị vi điên đảo. ư tam hữu khổ nhi tác lạc tưởng.

đối với Nhu Lai là trường tồn mà khởi tri kiến chúng sanh, đó là điên đảo. Đối với ba cõi khổ mà khởi ý tưởng vui

是亦顛倒。是為第一顛倒。無常常想顛倒。

thị diệc điên đảo. thị vi đệ nhất điên đảo. vô thường thường tưởng điên đảo.

đó cũng là điên đảo, đây là điên đảo thứ nhất. Vô thường mà khởi điên đảo là thường,

常無常想顛倒。常無常想者。

thường vô thường tưởng điên đảo. thường vô thường tưởng giả.

thường mà khởi điên đảo là vô thường, thường mà khởi ý tưởng vô thường,

如來泥洹修極空想。是為顛倒。修極空已。

Nhu-Lai nê hoàn tu cực không tưởng. thị vi điên đảo. tu cực không dĩ.

Nhu Lai Niết-bàn tu pháp tưởng cực không, đó là điên đảo, tu cực không rồi

短壽眾生便得長壽。於是修果謂常存法。名為顛倒。

đoản thọ chúng sanh tiện đắc trường thọ. ư thị tu quả vị thường tồn Pháp. danh vi điên đảo.

chúng sanh đoản thọ liền được trường thọ, như vậy tu quả cho đó là pháp trường tồn, gọi là điên đảo,

是名第二顛倒。非我想顛倒。我非我想顛倒。

thị danh đệ nhị điên đảo. phi ngã ngã tưởng điên đảo. ngã phi ngã tưởng điên đảo.

đây là điên đảo thứ hai. Chẳng phải ngã mà khởi điên đảo là ngã, ngã mà khởi điên đảo là phi ngã,

言一切世間有我。是為顛倒。

ngôn nhất thiết thế gian hữu ngã. thị vi điên đảo.

nói tất cả thế gian có ngã, đó là điên đảo,

佛說如來性是真實我。而於此義作非我修。是名第三顛倒。

Phật thuyết Nhu-Lai tánh thị chân thật ngã. nhi ư thử nghĩa tác phi ngã tu. thị danh đệ tam điên đảo.

Phật dạy tánh Nhu Lai là chân thật ngã, đối với nghĩa này lại khởi pháp tu phi ngã, đó là điên đảo thứ ba.

淨不淨想顛倒。不淨淨想顛倒。

tịnh bất tịnh tương điên đảo. bất tịnh tịnh tương điên đảo.
tịnh mà khởi điên đảo là bất tịnh, bất tịnh mà khởi điên đảo là tịnh,
如來常住非穢食身。而肉眼者言穢食身非清淨法。

Như-Lai thường trụ phi uế thực thân. nhi nhục nhãn giả ngôn uế thực thân phi thanh tịnh Pháp.

Như Lai là thường trụ chẳng phải thân sống bằng thức ăn dơ uế, mà chúng sanh nhìn bằng nhục nhãn nói đó là thân sống bằng thức ăn, chẳng phải pháp thanh tịnh,

法僧解脫亦當滅盡。是名顛倒。諸不淨身無一淨想。

Pháp tăng giải thoát diệt đương diệt tận. thị danh điên đảo. chư bất tịnh thân vô nhất tịnh tưởng.

Cho rằng Pháp, Tăng, giải thoát cũng sẽ diệt tận, đó gọi là điên đảo. Các thân bất tịnh không có một ý tưởng tịnh,

愚癡倒惑而起淨想。是名第四顛倒。

ngu si đảo hoặc nhi khởi tịnh tưởng. thị danh đệ tứ điên đảo.

vì ngu si điên đảo mà khởi ý tưởng tịnh, đó là điên đảo thứ bốn.

如是善男子。是名四顛倒。迦葉菩薩白佛言。

như thị thiện nam tử. thị danh tứ điên đảo. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn.

Như vậy Thiện nam tử, đó là bốn điên đảo. Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng:

善哉世尊。我從本來常著顛倒。

Thiện tai Thế tôn. ngã tòng bản lai thường trú điên đảo.

Hay thay! Thế Tôn, từ xưa đến nay con thường đắm trong điên đảo,而今始知如來正見。

nhi kim thủy tri Như-Lai chánh kiến.

mà nay mới biết Như Lai chánh kiến.

大般泥洹經如來性品第十三

Đại bát nê hoàn Kinh Như-Lai tánh phẩm đệ thập tam

Kinh Đại Bát-nê-hoàn

Phẩm thứ mười ba: Như Lai Tánh

迦葉菩薩復白佛言。世尊。如來有我。

ca diệp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. Thế tôn. Như-Lai hữu ngã.

Bồ-tát Ca-diệp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Như Lai có ngã

二十五有。為有為無。佛告迦葉。

nhị thập ngũ hữu. vi hữu vi vô. Phật cáo ca diệp.

nơi hai mươi lăm cõi, là có hay là không? Phật dạy: Ca-diệp,

真實我者是如來性。當知一切眾生悉有。

chân thật ngã giả thị Như-Lai tánh. đương tri nhất thiết chúng sanh tất hữu.

chân thật ngã là tánh Như Lai, phải biết tất cả chúng sanh đều có,

但彼眾生無量煩惱覆蔽不現。

đãn bỉ chúng sanh vô lượng phiền não phúc tế bất hiện.

nhưng các chúng sanh bị phiền não che lấp nên không hiển hiện.

譬如貧家舍內有珍寶藏而不能知。時有一人善知賣相語貧子言。

thí như bần gia xá nội hữu trân bảo tạng nhi bất năng tri. thời hữu nhất nhân

thiện tri Bảo-Tướng ngữ bần tử ngôn.

Thí như trong nhà người nghèo có kho châu báu mà không biết được, bây giờ có

thiện tri thức nói với người nghèo rằng:

汝為我作我當與汝錢財寶物。貧子答言。我不能去。

nhữ vi ngã tác ngã đương dĩ nhữ tiền tài bảo vật. bần tử đáp ngôn. ngã bất năng

khứ.

Ông làm việc cho ta, ta sẽ cho ông tiền tài báu vật. Người nghèo đáp: Tôi không

thể đi

所以者何。我先家中有珍寶藏不能捨去。

sở dĩ giả hà. ngã tiên gia trung hữu trân bảo tạng bất năng xả khứ.
tại vì sao, vì trong nhà tôi trước đây có kho báu nên không thể bỏ đi.
被人復言。汝愚癡人不知寶處。
bỉ nhân phục ngôn. nhữ ngu si nhân bất tri bảo xứ.
Người kia nói: Ông là người ngu si không biết được kho báu,
且與我作給汝珍寶。用之無盡。便從其語。
thả dữ ngã tác cấp nhữ trân bảo. dụng chi vô tận. tiện tòng kỳ ngữ.
hãy tạm làm việc rồi tôi sẽ cho ông châu báu dùng không bao giờ hết. Người nghèo
nghe theo,
然後彼人出其宅中珍寶與之。貧人歡喜起奇特想。
nhiên hậu bỉ nhân xuất kỳ trạch trung trân bảo dữ chi. bần nhân hoan hỉ khởi kì
đặc tưởng.
rồi người kia lấy châu báu trong nhà ấy và trao cho người nghèo, người nghèo vui
mừng khởi ý tưởng kỳ diệu,
知彼士夫實可依怙。一切眾生亦復如是。
tri bỉ sĩ phu thực khả y hử. nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị.
biết rằng người kia thật đáng nương dựa. Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,
各各皆有如來之性。無量煩惱覆蔽隱沒不能自知。
các các giai hữu Như-Lai chi tánh. vô lượng phiền não phúc tế ẩn một bất năng tự
tri.
mỗi người đều có Như Lai tánh, nhưng do vô lượng phiền não che lấp nên không thể
tự biết,
如來方便誘進開化。令知自身有如來性歡喜信受。
Như-Lai phương tiện dụ tiến khai hóa. lệnh tri tự thân hữu Như-Lai tánh hoan hỉ
tín thọ.
Như Lai đã dùng phương tiện dẫn dụ khai hóa, khiến chúng sanh tự biết thân mình
có Như Lai tánh mà hoan hỷ tín thọ.
復次善男子。譬如母人生子尚小而便得病。
phục thứ thiện nam tử. thí như mẫu nhân sanh tử thượng tiểu nhi tiện đắc bệnh.
Lại nữa Thiện nam tử, thí như người mẹ sanh con còn nhỏ mà đã bị bệnh,
藥師方便為合良藥蘇乳石蜜令子服之。
Dược sư phương tiện vi hợp lương dược tô nhữ thạch mật lệnh tử phục chi.
thầy thuốc dùng phương tiện hòa hợp thuốc cùng với sữa và mật rồi cho đứa trẻ
uống,
語其母言。慎莫與乳。令子藥消然後與之。
ngữ kỳ mẫu ngôn. 慎 mạc dữ nhữ. lệnh tử dược tiêu nhiên hậu dữ chi.
lại dặn người mẹ rằng: Cẩn thận chớ cho trẻ bú sữa, phải để đứa trẻ uống thuốc
tiêu hết sau đó mới cho bú sữa.
復合苦藥塗其乳上。
phục hợp khổ dược đồ kỳ nhữ thượng.
Thầy thuốc lại dùng thuốc đắng bôi lên vú người mẹ,
子欲飲乳聞苦藥氣即便捨去。知其藥消然後洗乳令子乳之。
tử dục ẩm nhữ văn khổ dược khí tức tiện xả khứ. tri kỳ dược tiêu nhiên hậu tẩy
nhữ lệnh tử nhữ chi.
đứa trẻ muốn bú sữa nhưng thấy thuốc đắng liền bỏ đi, người mẹ biết thuốc đã
tiêu rồi bèn rửa vú cho sạch rồi cho trẻ bú sữa.
如是善男子。如來誘進化眾生故。
như thị thiện nam tử. Như-Lai dụ tiến hóa chúng sanh cố.
Như vậy Thiện nam tử, Như Lai dẫn dụ giáo hóa chúng sanh,
初為眾生說一切法修無我行。修無我時滅除我見。
sơ vi chúng sanh thuyết nhất thiết Pháp tu vô ngã hành. tu vô ngã thời diệt trừ
ngã kiến.
ban đầu vì chúng sanh mà thuyết tất cả pháp là tu pháp vô ngã, lúc tu vô ngã tức
diệt trừ ngã kiến,

滅我見已入於泥洹。除世俗我故說非我方便密教。

diệt ngã kiến dĩ nhập u nê hoàn. trừ thế tục ngã cố thuyết phi ngã phương tiện Mật Giáo.

chúng sanh diệt ngã kiến rồi thì Ta nhập Niết-bàn, vì muốn trừ ngã kiến cho thế tục, đó chẳng phải là phương tiện mật giáo của Ta,

然後為說如來之性。是名離世真實之我。

nhiên hậu vi thuyết Như-Lai chi tánh. thị danh ly thế chân thật chi ngã.

sau đó lại vì chúng sanh mà thuyết Như Lai tánh, đó gọi là ngã chân thật xa lìa thế tục.

迦葉菩薩白佛言。世尊。人初生時智慧尚少。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. nhân sơ sanh thời trí tuệ thượng thiếu. Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, con người lúc mới sanh ra thì trí tuệ còn ít

漸漸長大智亦隨明。若有我者始終應一。

tiệm tiệm trường Đại trí diệt tùy minh. nhược hữu ngã giả thủy chung ứng nhất. dần lớn thì trí tuệ cũng theo đó mà phát triển, nếu có ngã thì trước sau phải như nhau,

以彼智慧漸漸增故。當知無我。

dĩ bí trí tuệ tiệm tiệm tăng cố. đương tri vô ngã.

mà trí tuệ thì dần tăng nên biết là vô ngã.

又復我者應無生死。而有生死當知無我。

hựu phục ngã giả ứng vô sanh tử. nhi hữu sanh tử đương tri vô ngã.

Lại nữa, có ngã thì phải không có sanh tử, có sanh tử nên biết là vô ngã.

若使一切皆有如來性者應無有異。

nhược sử nhất thiết giai hữu Như-Lai tánh giả ứng vô hữu dị.

Giả sử tất cả đều có tánh Như Lai thì phải như nhau,

而今現有長者梵志刹利居士旃陀羅等。諸眾生類種種異業受身不同。

nhi kim hiện hữu Trưởng-Già phạm chí sát lợi Cư-sĩ chiên đà la đẵng. chư chúng sanh loại chủng chủng dị nghiệp thọ thân bất đồng.

mà nay có phân biệt hàng trưởng giả, phạm chí, sát-lợi, cư sĩ, chiên-đà-la v.v. các loại chúng sanh có nghiệp khác nhau nên thọ thân không đồng nhau,

若使眾生有如來性者應當同等。而今不同。

nhược sử chúng sanh hữu Như-Lai tánh giả ứng đương đồng đẵng. nhi kim bất đồng.

nếu chúng sanh đều có tánh Như Lai thì phải đồng nhau, mà nay không đồng

故知無有如來之性。若復真實有如來性。

cố tri vô hữu Như-Lai chi tánh. nhược phục chân thật hữu Như-Lai tánh.

nên biết không có tánh Như Lai. Nếu chân thật có tánh Như Lai,

不應殺盜作諸種種不善惡業。

bất ứng sát đạo tác chư chủng chủng bất thiện ác nghiệp.

thì không nên sát sanh, trộm cắp, tạo các nghiệp ác bất thiện,

若當眾生有如來性。聾者應聽盲者應視啞者應言。

nhược đương chúng sanh hữu Như-Lai tánh. lung giả ứng thính minh giả ứng thị ách giả ứng ngôn.

nếu chúng sanh có Như Lai tánh thì người điếc phải nghe, người mù phải thấy, người câm phải nói.

若使各有如來性者為住何所。

nhược sử các hữu Như-Lai tánh giả vi trụ hà sở.

Nếu mỗi người đều có Như Lai tánh thì tánh ở chỗ nào,

彼和合身青黃赤白於種種色。為住一處為遍身中。佛告迦葉。

bỉ hòa hợp thân thanh hoàng xích bạch u chủng chủng sắc. vi trụ nhất xứ vi biến thân trung. Phật cáo ca diệp.

thân kia hòa hợp các màu sắc xanh vàng đỏ trắng, tánh Như Lai là ở một chỗ hay biến khắp trong thân. Phật dạy: Ca-diệp,

譬如國王有大力士摩尼寶珠能除毒痛。

thí như Quốc Vương hữu Đại lực sĩ ma-ni bảo châu năng trừ độc thống。
thí như quốc vương có vị dũng sĩ có hạt châu ma-ni có thể trừ độc hại,
繫著頭上與敵國共鬪。
hệ trứ đầu thượng dữ địch quốc cộng đấu。
dũng sĩ buộc hạt châu trên đầu rồi đánh nhau với nước địch,
為彼所繫摩尼寶珠陷入身中。血肉皮覆遂失寶珠。
vi bỉ sở hệ ma-ni bảo châu hãm nhập thân trung。 huyết nhục bì phúc toại thất bảo châu。
hạt châu ma-ni rơi vào trong thân rồi bị máu thịt che lấp không thấy,
求覓不得便作失想。時有良醫。來為治病。因語醫言。
求覓不得便作失想。時有良醫。來為治病。因語醫言。
cầu mịch bất đắc tiện tác thất tưởng。 thời hữu lương y。 lai vi trị bệnh。 nhân ngữ y ngôn。
người này tìm không được bèn khởi ý tưởng mất hạt châu。 Bấy giờ có vị lương y đến trị bệnh, người này nói:
我有寶珠遂便忘失。處處求覓不知所在。
ngã hữu bảo châu toại tiện vong thất。 xú xú cầu mịch bất tri sở tại。
Tôi có hạt châu nhưng bị mất, tìm khắp nơi vẫn không biết ở chỗ nào,
當知財寶非常之物如水上泡。速生速滅虛誑如幻。
đương tri tài bảo phi thường chi vật như thủy thượng phao。 tốc sanh tốc diệt hư quàng như ảo。
đương tri tài bảo phi thường chi vật như thủy thượng phao。 tốc sanh tốc diệt hư quàng như ảo。
nên biết tài bảo là những thứ vật chất không thường, như bọt nước, lát sanh lát diệt, hư quàng không thật。
如是永作失寶珠想。良醫答言。
như thị vĩnh tác thất bảo châu tưởng。 lương y đáp ngôn。
Như vậy người khởi ý tưởng châu báu đã mất。 Lương y đáp:
寶珠不失莫作失想。汝因鬪時珠入身中。
bảo châu bất thất mạc tác thất tưởng。 nữ nhân đấu thời châu nhập thân trung。
Châu báu không mất chớ nghĩ như vậy, ông do lúc chiến đấu nên châu báu rơi vào trong thân,
血肉皮覆是故不現彼人不信而謂醫言。血肉之中何處有珠。
huyết nhục bì phúc thị cố bất hiện bỉ nhân bất tín nhi vị y ngôn。 huyết nhục chi trung hà xử hữu châu。
máu thịt che lấp nên không thấy。 Người này không tin nên nói: Trong máu thịt chỗ nào có hạt châu,
是虛言耳。時彼良醫即為出珠。
thị hư ngôn nhĩ。 thời bỉ lương y tức vi xuất châu。
đó là lời hư dối。 Bấy giờ vị lương y liền lấy hạt châu ra,
彼得珠已方信良醫所知奇特。一切眾生亦復如是。
bỉ đắc châu dĩ phương tín lương y sở tri kì đặc。 nhất thiết chúng sanh diệt phục như thị。
người kia được châu báu rồi mới tin lương y có sự hiểu biết kỳ diệu。 Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,
各各皆有如來之性。
các các giai hữu Như-Lai chi tánh。
mỗi người đều có tánh Như Lai,
習惡知識起姪怒癡墮三惡道。乃至周遍二十五有種種受身。
tập ác tri thức khởi thâm nộ si đọa tam ác đạo。 nãi chí châu biến nhị thập ngũ hữu chủng chủng thọ thân。
do gần gũi bạn ác mà khởi tham sân si nên đọa vào ba đường ác, cho đến đi khắp hai mươi lăm cõi thọ nhận các loại thân,
如來之性摩尼寶珠。沒在煩惱姪怒癡瘡。不知所在。
Như-Lai chi tánh ma-ni bảo châu。 một tại phiền não thâm nộ si sang。 bất tri sở tại。

hạt châu Như Lai tánh bị chìm trong bọt nhọt tham dục sân hận ngu si, không biết ở nơi nào,

於世俗我修無我想。不解如來良醫方便密教。

ư thể tục ngã tu vô ngã tướng. bất giải Như-Lai lương y phương tiện Mật Giáo. đối với ngã của thể tục mà khởi tướng vô ngã, không hiểu phương tiện mật giáo của Như Lai,

作無我想而不能知真實之我。

tác vô ngã tướng nhi bất năng tri chân thật chi ngã.

khởi tướng vô ngã nên không thể biết có ngã chân thật,

於是如來復為方便。令滅無量煩惱熾然。

ư thị Như-Lai phục vi phương tiện. lệnh diệt vô lượng phiền não sí nhiên.

thể nên Như Lai lại dùng phương tiện, khiến chúng sanh diệt trừ vô lượng phiền não dữ dội,

開示顯現如來之性。復次善男子。

khai kì hiển hiện Như-Lai chi tánh. phục thứ thiện nam tử.

khai thị mở bày tánh Như Lai cho chúng sanh. Lại nữa Thiện nam tử,

譬如雪山有好甜藥名為上味。轉輪聖王未出世時隱沒不現。

thí như tuyết sơn hữu hảo điềm dược danh vi thượng vị. Chuyển luân Thánh Vương vị xuất thể thời ẩn một bất hiện.

thí như trên núi Tuyết có cây thuốc quý tên là Thượng vị, khi vua Chuyển luân thánh vương chưa ra đời thì cây thuốc ẩn mất không hiện,

其諸病者皆詣藥所。掘地埋筒以承藥汁。

kỳ chư bệnh giả giai nghê dược sở. quật địa mai đồng dĩ thừa dược trấp.

nhưng người có bệnh đều đến chỗ cây thuốc, đào đất chôn ống tre để hứng lấy nước cây thuốc,

或得甜味或得苦味。或得辛味或得酢味。

hoặc đắc điềm vị hoặc đắc khổ vị. hoặc đắc tân vị hoặc đắc tạc vị.

hoặc có người hứng được vị ngọt, hoặc vị đắng, hoặc vị chua, hoặc vị chát,

或得鹹味或得淡味。而諸病者得此諸味。

hoặc đắc 鹹 vị hoặc đắc đạm vị. nhi chư bệnh giả đắc thử chư vị.

hoặc vị mặn, hoặc vị lạt. Những người bệnh ấy được mùi vị này

不得真實上味之藥。掘地不深薄福德故。

bất đắc chân thật thượng vị chi dược. quật địa bất thâm bạc phúc đức cố.

mà không thể được mùi chân thật của cây thuốc, do đào đất không sâu và phước đức ít vậy,

轉輪聖王福德力故。出於世時便得真實上味之藥。

Chuyển luân Thánh Vương phúc đức lực cố. xuất ư thể thời tiện đắc chân thật thượng vị chi dược.

nhờ lực phước đức Chuyển Luân Thánh Vương nên khi ra đời liền có được mùi vị chân thật của cây thuốc.

如是善男子。如來性者多種之味。

như thị thiện nam tử. Như-Lai tánh giả đa chủng chi vị.

Như vậy Thiện nam tử, tánh Như Lai có nhiều mùi vị,

無量煩惱愚癡覆蔽。是故眾生不得上味如來之性。

vô lượng phiền não ngu si phúc tế. thị cố chúng sanh bất đắc thượng vị Như-Lai chi tánh.

do vô lượng phiền não ngu si che lấp, nên chúng sanh không thấy được tánh Như Lai thượng vị,

種種行業處處受身。彼如來性無可殺害。

chủng chủng hành nghiệp xứ xứ thọ thân. bị Như-Lai tánh vô khả sát hại.

chúng sanh tạo các hành nghiệp thọ thân các nơi, mà tánh Như Lai kia không thể sát hại

其諸死者名為壽短。如來之性名為真壽。

kỳ chư tử giả danh vi thọ đoản. Như-Lai chi tánh danh vi chân thọ.

chúng sanh bị chết thì gọi là đoản thọ, tánh Như Lai thì gọi là chơn thọ,

不斷不壞乃至成佛。如來之性無害無殺唯長養身。

bất đoạn bất hoại nãi chí thành Phật. Như-Lai chi tánh vô hại vô sát duy trường dưỡng thân.

tánh này không diệt không hoại cho đến khi thành Phật, tánh Như Lai là không sát không hại chỉ nuôi dưỡng thân

有害有殺如諸病人作眾邪業。

hữu hại hữu sát như chư bệnh nhân tác chúng tà nghiệp.

chúng sanh có giết có hại như các người bịnh tạo các tà nghiệp,

種種報應剎利梵志。乃至生死二十五有。不得真實如來性故。

chủng chủng báo ứng sát lợi phạm chí. nãi chí sanh tử nhị thập ngũ hữu. bất đắc chân thật Như-Lai tánh cố.

có các báo ứng sanh vào hàng sát-lợi, phạm chí, cho đến sanh tử trong hai mươi lăm cõi, do không chúng đắc tánh Như Lai chân thật vậy.

復次善男子。如人穿地求金剛寶。

phục thứ thiện nam tử. như nhân xuyên địa cầu Kim cương bảo.

Lại nữa Thiện nam tử, như người đào đất tìm báu vật kim cương,

手執利鑿鑿堅土石悉能令碎。唯有金剛莫能斷截。

thủ chấp lợi tạc tạc kiên độ thạch tất năng lệnh toái. duy hữu Kim cương mạc năng đoạn tiệt.

tay cầm búa búa sắc bén, đất đá đều bị vỡ vụn, chỉ có kim cương là không thể chặt phá.

如來之性亦復如是。天魔利劍所不能傷。

Như-Lai chi tánh diệc phục như thị. Thiên ma lợi kiếm sở bất năng thương.

Tánh Như Lai cũng lại như vậy, thiên ma kiếm bén không thể làm hại,

唯長養身受其傷壞非如來性。

duy trường dưỡng thân thọ kỳ thương hoại phi Như-Lai tánh.

chỉ có nuôi dưỡng thân, nếu có sự tổn hại tức chẳng phải tánh Như Lai,

是故當知如來之性無害無殺。

thị cố đương tri Như-Lai chi tánh vô hại vô sát.

cho nên biết tánh Như Lai là không sát hại,

是為如來決定之教方等契經甘露毒藥。迦葉菩薩白佛言。世尊。

thị vi Như-Lai quyết định chi giáo phương đẳng khế Kinh cam lộ độc dược. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

đó là cam lộ độc dược giáo pháp khế kinh Phương đẳng quyết định của Như Lai. Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

方等契經甘露毒藥義何所趣。佛告迦葉。善男子。

phương đẳng khế Kinh cam lộ độc dược nghĩa hà sở thú. Phật cáo ca diệp. thiện nam tử.

cam lộ độc dược của khế kinh Phương đẳng có ý nghĩa như thế nào? Phật dạy Ca-diệp:

汝今諦聽當為汝說。爾時世尊。即說偈言。

nhữ kim đế thính đương vi nhữ. nhĩ thời Thế tôn. tức thuyết kệ ngôn.

Nay ông lắng nghe, Ta sẽ vì ông nói. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

或有食甘露 而得長仙壽

hoặc hữu thực cam lộ nhi đắc trường tiên thọ

Có người uống cam lộ mà được sống trường thọ,

有人服甘露 傷壽而早夭

hữu nhân phục cam lộ thương thọ nhi tảo yêu

có người uống cam lộ tổn hại mà chết sớm,

或因飲毒死 或緣飲毒生

hoặc nhân ẩm độc tử hoặc duyên ẩm độc sanh

hoặc do độc mà chết hoặc do độc mà sống.

其甘露者。是摩訶衍無礙之智。其毒藥者。

kỳ cam lộ giả. thị Ma-Ha diển vô ngại chi trí. kỳ độc dược giả.

Cam lộ đó là trí vô ngại của Ma-ha-diển; độc dược đó

亦是摩訶衍無礙之智。猶如醍醐蘇油石蜜。

diệc thị Ma-Ha diển vô ngại chi trí. do như thể hồ tô du thạch mật.

cũng là trí vô ngại của Ma-ha-diển, giống như đề-hồ, tô-du, thạch mật,

食之不消名為毒藥。食之消者名為甘露。

thực chi bất tiêu danh vi độc dược. thực chi tiêu giả danh vi cam lộ.

ăn vào không tiêu thì gọi là độc dược, ăn vào được tiêu thì gọi là cam lộ,
無智眾生不解方等大乘密教。

vô trí chúng sanh bất giải phương đẳng Đại thừa Mật Giáo.

chúng sanh vô trí không hiểu biết giáo pháp bí mật của Đại thừa Phương đẳng

則於是人名為毒藥。聲聞緣覺住大乘法。

tắc u thị nhân danh vi độc dược. thanh văn duyên giác trụ Đại thừa Pháp.

đối với người này thì gọi là độc dược, hàng Thanh văn, Duyên giác trụ nơi pháp
Đại thừa

及諸菩薩人中之雄名為甘露。譬如乳牛雖色不同其乳一味。

cập chư Bồ-tát nhân trung chi hùng danh vi cam lộ. thí như nữ ngưu tuy sắc bất
đồng kỳ nữ nhất vị.

và các Bồ-tát là bậc vĩ đại trong đại chúng thì gọi đó là cam lộ. Thí như các
con bò tuy màu sắc không đồng mà sữa của nó chỉ một mùi vị.

如是迦葉。

như thị ca diệp.

Như vậy Ca-diệp,

當知菩薩成無畏者之所歸依如來法性。彼性我性皆同一味。於是迦葉菩薩。

đương tri Bồ-tát thành vô úy giả chi sở quy y Như-Lai Pháp tánh. bi tánh ngã
tánh giai đồng nhất vị. u thị ca diệp Bồ-tát.

phải biết Bồ-tát đã thành tựu pháp vô úy, mà chỗ quy y pháp tánh Như Lai cùng
với tánh của Ta đều đồng một vị. Rồi Bồ-tát Ca-diệp

即說偈言。

tức thuyết kệ ngôn.

liền nói bài kệ rằng:

我今歸三寶

Ngã kim quy Tam Bảo

Nay con theo Tam bảo

自身如來藏

Tự thân Như Lai tạng

Tự thân Như Lai tạng

如是歸依者

Như thị quy y giả

Quy y những vị này

爾時世尊復為迦葉。而說偈言。

nhĩ thời Thế tôn phục vi ca diệp. nhi thuyết kệ ngôn.

Lúc bấy giờ Thế Tôn lại vì Ca-diệp mà nói kệ rằng:

不知三寶者

Bất tri Tam Bảo giả

Người không biết Tam bảo

依義尚不了

Y nghĩa thượng bất liễu

Ý nghĩa còn không rõ

若以歸依佛

Nhược dĩ quy y Phật

Nêu nghĩ quy y Phật

復有何因緣

Phục hữu hà nhân duyên

Lại có nhân duyên gì

甚深如來性

Thậm thâm Như-Lai tánh

Như Lai tánh thâm sâu

佛法僧是三

Phật Pháp tăng thị tam

Phật Pháp Tăng ba ngôi

是名最上依

Thị danh tối thượng y

Nên gọi Tối thượng y

何名知歸依

Hà danh tri quy y

Sao nói biết quy y

云何知佛性

Vân hà tri Phật tánh

Làm sao biết Phật tánh

是為最吉安

Thị vi tối cát an

Đó là an ổn nhất

而復歸依法

Nhi phục quy y Pháp

Mà lại quy y Pháp

歸依於法者
Quy y ư Pháp giả
Người quy y nơi Pháp
復有何因緣
Phục hữu hà nhân duyên
Lại có nhân duyên gì
不信歸依佛
Bất tín quy y Phật
Không tin quy y Phật
三寶如來性
Tam Bảo Như-Lai tánh
Tánh Tam bảo Như Lai
云何未知義
Vân hà vị tri nghĩa
Tại sao chưa hiểu nghĩa
佛法比丘僧
Phật Pháp Tỳ-kheo tăng
Phật pháp Tỳ-kheo Tăng
猶如不懷妊
Do như bất hoài nhâm
Cũng như không mang thai
如是思惟者
Như thị tư duy giả
Nếu suy nghĩ như vậy
如人尋空響
Như nhân tâm không hưởng
Như đi tìm tiếng vang
當勤求方便
Đương tinh cần cầu phương tiện
Phải siêng cầu phương tiện
如來隨順說
Như-Lai tùy thuận thuyết
Như Lai tùy thuận thuyết
迦葉菩薩復說偈言。
Ca diệp Bồ-tát phục thuyết kệ ngôn。
Bồ-tát Ca-diệp lại nói bài kệ rằng:
為優婆塞法
Vi Ưu bà tắc Pháp
Đúng pháp Ưu-bà-tắc
一切諸天神
Nhất thiết chư Thiên Thần
Đối với các thiên thần
為優婆塞法
Vi Ưu bà tắc Pháp
Đúng pháp Ưu-bà-tắc
不以害生法
Bất dĩ hại sanh Pháp
Không hại các sanh mạng
為優婆塞法
Vi Ưu bà tắc Pháp
Đúng pháp Ưu-bà-tắc
不於眾邪道
Bất ư chúng tà đạo
Không ở nơi tà đạo
是故歸三寶
Thị cố quy Tam Bảo

是為自心想
Thị vi tự tâm tưởng
Đó là tự tâm nghĩ
而歸於眾僧
Nhi quy ư chúng tăng
Mà quy y chúng Tăng
決定真實者
Quyết định chân thật giả
Là chắc chắn chân thật
何由能悉知
Hà do năng tất tri
Làm sao mà biết hết
而生豫計想
Nhi sanh dự kế tưởng
Đã sanh ý tính toán
三寶之梯橙
Tam Bảo chi thê chanh
Là thêm thang Tam bảo
而作生子想
Nhi tác sanh tử tưởng
Mà nghĩ sẽ sanh con
但增其惑亂
Đãn tăng kỳ hoặc loạn
Sẽ tăng thêm mê hoặc
離真優婆塞
Ly chân Ưu bà tắc
Xa chơn Ưu-bà-tắc
大乘決定義
Đại thừa quyết định nghĩa
Hiểu ý nghĩa Đại thừa
令汝除疑網
Lệnh nhữ trừ nghi võng
Khiến ông trừ lưới nghi

歸依於佛者
Quy y ư Phật giả
Xin quy y nơi Phật
不生歸依想
Bất sanh quy y tưởng
Không sanh tâm quy y
歸依於法者
Quy y ư Pháp giả
Xin quy y nơi Pháp
而為非法祠
Nhi vi phi Pháp từ
Để cúng tế phi pháp
歸依於僧者
Quy y ư tăng giả
Xin quy y nơi Tăng
請求良福田
Thỉnh cầu lương phúc điền
Mà thỉnh cầu ruộng phước
除俗三非法
Trừ tục tam phi Pháp

Nếu quy y Tam bảo
此三歸法者
Thử tam quy Pháp giá
Ba pháp quy y này
我昔由此法
Ngã tích do thử Pháp
Xưa con do pháp này
汝等亦當行
Nhữ đẳng diệc đương hành
Các ông nên thực hành
如是平等路
Nhu thị bình đẳng lộ
Nhu vậy đạo bình đẳng
疾得免眾苦
Tật đắc miễn chúng
Mau được thoát các khổ
如來之性者
Nhu-Lai chi tánh giá
Bản tánh Như Lai ấy
我及諸眾生
Ngã cập chư chúng sanh
Con và các chúng sanh
諸佛隨順道
Chư Phật tùy thuận đạo
Đạo chư Phật tùy thuận
乃至諸魔天
Nãi chí chư Ma Thiên
Co đến các thiên ma
終歸同諸佛
Chung quy đồng chư Phật
Trọn quy y chư Phật
爾時世尊復為迦葉重說偈言。
Nhĩ thời Thế tôn phục vi ca diệp trọng thuyết kệ ngôn。
Lúc bấy giờ Thế Tôn lại vì Ca-diếp mà nói bài kệ rằng:
汝莫如聲聞
Nhữ mạc như thanh văn
Ông chớ như Thanh văn
唯是一歸依
Duy thị nhất quy y
Chỉ một pháp quy y
如是平等道
Nhu thị bình đẳng đạo
Nhu vậy đạo bình đẳng
為滅癡邪見
Vi diệt si tà kiến
Vì diệt trừ tà kiến
汝今欲示現
Nhữ kim dục thị hiện
Nay ông muốn thị hiện
應當從此教
Ứng đương tòng thử giáo
Phải từ giáo pháp này
若人歸依佛
Nhuộc nhân quy y Phật
Nếu người quy y Phật
歸依等正覺

Trừ được ba phi pháp
亦是如來說
Diệc thị Như-Lai thuyết
Cũng là Như Lai thuyết
今得安隱處
Kim đắc an ổn xứ
Nay được chỗ an lạc
終歸至我所
Chung quy chí ngã sở
Quay về đến chỗ ta
汝等隨行者
Nhữ đẳng tùy hành giá
Các ông tùy thuận hành
輪迴生死惑
Khổ Luân-hồi sanh tử hoặc
sanh tử và luân hồi
亦從世尊說
Diệc tòng Thế tôn thuyết
Cũng từ Thế Tôn dạy
同此如來性
Đồng thử Như-Lai tánh
Đều có tánh Như Lai
我等悉由之
Ngã đẳng tất do chi
Chúng con đều do đây
亦有此甘露
Diệc hữu thử cam lộ
Cũng có cam lồ này
離有牟尼尊
Ly hữu Mâu Ni tôn
Đức Mâu Ni Thế Tôn
童蒙之智慧
Đồng mông chi trí tuệ
Có trí tuệ cạn cợt
當知非有三
Đương tri phi hữu tam
Phải biết chẳng có ba
佛法僧一味
Phật Pháp Tăng nhất vị
Phật Pháp Tăng một vị
故立此三法
Cố lập thử tam Pháp
Nên lập ba pháp này
隨順世間者
Tùy thuận thế gian giá
Tùy thuận theo thế gian
歸依於三寶
Quy y ư Tam Bảo
Mà quy y Tam bảo
便為歸依我
Tiện vi quy y ngã
Tức là quy y Ta
正覺我已得

Quy y đấng chánh giác
Quy y Đấng Chánh Giác
分別歸依者
Phân biệt quy y giả
Nếu phân biệt quy y
當於如來所
Đương ư Như-Lai sở
Phải ở chỗ Như Lai
合掌恭敬禮
Hợp chưởng cung kính lễ
Chấp tay cung kính lễ
我與諸眾生
Ngã dữ chư chúng sanh
Ta cùng các chúng sanh
清淨妙法身
Thanh tịnh diệu Pháp thân
Thân thanh tịnh vi diệu
若禮舍利塔
Nhược lễ Xá-lợi tháp
Nếu lễ tháp Xá-lợi
我與諸眾生
Ngã dữ chư chúng sanh
Ta và các chúng sanh
亦是真舍利
Diệc thị chân Xá-lợi
Cũng là chơn Xá-lợi
若歸依法者
Nhược quy y Pháp giả
Nếu quy y nơi Pháp
清淨妙法身
Thanh tịnh diệu Pháp thân
Thân thanh tịnh vi diệu
我與諸眾生
Ngã dữ chư chúng sanh
Ta cùng các chúng sanh
若歸依眾僧
Nhược quy y chúng tăng
Nếu quy y chúng tăng
諸餘一切眾
Chư dư nhất thiết chúng
Tất cả các đại chúng
我與諸眾生
Ngã dữ chư chúng sanh
Ta cùng các chúng sanh
無目眾生類
Vô mục chúng sanh loại
Ta vì các chúng sanh
是故聲聞眾
Thị cố thanh văn chúng
Cho nên chúng Thanh văn
如來僧悉攝
Như-Lai tăng tất nhiếp
Như Lai đều nhiếp thọ
佛告迦葉。如是善男子。
Phật cáo ca diệp. như thị thiện nam tử.
Phật dạy: Ca-diệp, như vậy Thiện nam tử,

Chánh giác ngã dĩ đắc
Chánh Giác Ta đã đắc
則亂如來性
Tắc loạn Như-Lai tánh
Tức loạn Như Lai tánh
而作平等心
Nhi tác bình đẳng tâm
Mà khởi tâm bình đẳng
則禮一切佛
Tắc lễ nhất thiết Phật
Tức lễ tất cả Phật
為最真實依
Vi tối chân thật y
Là chân thật quy y
我已具足故
Ngã dĩ cụ túc cố
Ta đã có đầy đủ
應當敬禮我
Ứng đương kính lễ ngã
Phải nên cung kính Ta
為最真實塔
Vi tối chân thật tháp
Là tháp tối chân thật
是故應敬禮
Thị cố ứng kính lễ
Cho nên phải kính lễ
應當歸依我
Ứng đương quy y ngã
Nên quy y nơi Ta
我已具足故
Ngã dĩ cụ túc cố
Ta đã có đầy đủ
為最真實法
Vi tối chân thật Pháp
Là pháp tối chân thật
亦當歸依我
Diệc đương quy y ngã
Cũng nên quy y Ta
皆佛僧所攝
Giai Phật tăng sở nhiếp
Phật Tăng đều nhiếp thọ
為最正覺僧
Vi tối chánh giác tăng
Là Tăng tối chánh giác
為之生道眼
Vi chi sanh đạo nhãn
Mà làm con mắt sáng
及諸緣覺僧
Cập chư duyên giác tăng
Và các Duyên giác Tăng
歸依最真實
Quy y tối chân thật
Quy y tối chân thật.

菩薩摩訶薩當作是念。正使不善無知積聚。

Bồ-tát Ma-Ha tát đương tác thị niệm。chánh sử bất thiện vô tri tích tụ。

Bồ-tát Ma-ha-tát phải khởi suy nghĩ rằng, khiến bất thiện không biết tích chứa điều chân chánh,

應作是知我有佛性。如彼健士鬪戰之時。當知我為軍中之將。

ứng tác thị tri ngã hữu Phật tánh。như bị kiện sĩ đầu chiến chi thời。đương tri ngã vi quân trung chi tướng。

thì nên biết rằng Ta có Phật tánh, như kẻ sĩ lúc chiến đấu phải biết mình là tướng trong quân lính,

為一切眾所依怙者。譬如王子為太子時。

vi nhất thiết chúng sở y hỗ giả。thí như Vương tử vi Thái-Tử thời。

là chỗ nương dựa của tất cả chúng sanh。Thí như vua lúc còn làm Thái tử, 應當自知我為一切王子之上。

ứng đương tự tri ngã vi nhất thiết Vương tử chi thượng。

phải tự biết mình là đứng đầu tất cả vương tử,

當紹王位為諸王子作真實依。終不生心作下劣想。善男子。

đương thiệu Vương vị vi chư Vương tử tác chân thật y。chung bất sanh tâm tác hạ liệt tướng。thiện nam tử。

sẽ nối tiếp ngôi vua, là chỗ dựa chân thật cho các vương tử, trọn không hề sanh ý tưởng hạ liệt。Thiện nam tử,

菩薩摩訶薩亦復如是。立金剛志超彼三法。

Bồ-tát Ma-Ha tát diệp phục như thị。lập Kim cương chí siêu bị tam Pháp。

Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, lập chí kim cương siêu việt cả ba pháp kia, 如彼王子成就無畏。於三法中離種種想。

như bị Vương tử thành tựu vô úy。ư tam Pháp trung ly chủng chủng tướng。

như vương tử kia thành tựu pháp vô úy, đối với ba pháp đã xa lìa ý các tướng 如來最上猶如頂相最為第一。

Như-Lai tối thượng do như đỉnh tướng tối vi đệ nhất。

Như Lai tối thượng giống như đánh tướng đệ nhất tối thượng,

非佛非法非比丘僧。種種差別如梯橙也。

phi Phật phi Pháp phi Tỳ-kheo tăng。chủng chủng sai biệt như thê chanh đã。

chẳng phải Phật, chẳng phải Pháp, chẳng phải Tỳ-kheo Tăng, mỗi mỗi sai biệt, như thêm thang vậy,

為世間依度世間故。於真實法示現種種。

vi thế gian y độ thế gian cố。ư chân thật Pháp thị hiện chủng chủng。

làm chỗ nương dựa cho thế gian để độ thoát thế gian, đối với chân thật thì thị hiện các thứ

而為三法誘化童蒙無知眾生。令入大乘深利智慧。迦葉菩薩。

nhi vi tam Pháp dụ hóa đồng môn vô tri chúng sanh。lệnh nhập Đại thừa thâm lợi trí tuệ。ca diệp Bồ-tát。

làm thành ba pháp để giáo hóa chúng sanh ngu muội vô trí, khiến chúng sanh tham nhập đại thừa có trí huệ thâm sâu。Bồ-tát Ca-diệp

復說偈言。

phục thuyết kệ ngôn。

lại nói bài kệ rằng:

知此真實義

Tri thù chân thật nghĩa

Biết nghĩa chân thật này

欲顯發菩薩

Dục hiển phát Bồ-tát

Muôn hiển phát Bồ-tát

善哉世尊說

Thiện tai Thế tôn thuyết

Hay thay Thế Tôn dạy

大乘深利智

而問於如來

nhi vấn ư Như-Lai

Mà hỏi nơi Như Lai

勇猛離垢故

dũng mãnh ly cấu cố

Đồng mãnh lìa cấu uế

菩薩之所行

Bồ-tát chi sở hạnh

Việc làm của Bồ-tát

如練金剛慧

Đại thừa thâm lợi trí
Trí Đại thừa thâm sâu
善哉世尊說
Thiện tai Thế tôn thuyết
Hay thay Thế Tôn dạy
如來善顯示
Nhu-Lai thiện hiển thị
Nhu Lai khéo hiển bày
一切眾生類
Nhất thiết chúng sanh loại
Tất cả loài chúng sanh
自身如來藏
Tự thân Như Lai tạng
Nhu Lai tạng nơi thân
一切眾生類
Nhất thiết chúng sanh loại
Tất cả loại chúng sanh
若已離煩惱
Nhuộc dĩ ly phiền não
Nếu đã lìa phiền não
皆當歸自身
Giai đương quy tự thân
Nên quy y tự thân
唯是正歸依
Duy thị chánh quy y
Chỉ là chánh quy y
所以然者何
Sở dĩ nhiên giả hà
Tại sao lại như vậy
各各自身有
Các các tự thân hữu
Nơi mỗi người đều có
以知此義故
Dĩ tri thử nghĩa cố
Do biết ý nghĩa này
我已為一切
Ngã dĩ vi nhất thiết
Con làm chỗ nương dựa
法及比丘僧
Pháp cập Tỳ-kheo tăng
Pháp và Tỳ-kheo tăng
聲聞辟支佛
Thanh văn Bích-chi-phật
Thanh văn, Bích-chi-phật
以是諸菩薩
Dĩ thị chư Bồ-tát
Nhờ chư Bồ-tát này
如是如來性
Nhu thị Như-Lai tánh
Nhu vậy Như Lai tánh
具三十二相
Cụ tam thập nhị tướng
Do đủ ba mươi hai tướng
佛告迦葉。善哉善哉。善男子。
Phật cáo ca diệp。Thiện tai Thiện tai。thiện nam tử。
Phật dạy: Ca-diếp, Hay thay hay thay! Thiện nam tử,

như luyện Kim cương tuệ
Rèn luyện tuệ Kim cương
安立諸菩薩
an lập chư Bồ-tát
An lập các Bồ-tát
我今亦當然
ngã kim diệc đương nhiên
Nay con cũng như vậy
悉應自觀察
tất ứng tự quan sát
tất ứng tự quán sát
Đều nên tự quán sát
皆是三歸依
giai thị tam quy y
Là ba pháp quy y
信受此經者
tín thọ thử Kinh giả
Tín thọ kinh điển này
及諸未離欲
cập chư vị ly dục
Và các dục chưa lìa
如來微妙藏
Nhu-Lai vi diệu tạng
Nhu Lai tạng vi diệu
無二亦無三
vô nhị diệc vô tam
Không hai cũng không ba
世尊廣分別
Thế tôn quảng phân biệt
Thế Tôn rộng phân biệt
如來微妙藏
Nhu-Lai vi diệu tạng
Nhu Lai tạng vi diệu
不復歸於三
bất phục quy ư tam
Nên quy y một nơi
世間真實依
thế gian chân thật y
Chân thật cho thế gian
一切攝受故
nhất thiết nhiếp thọ cố
Tất cả đều nhiếp thọ
皆悉當敬禮
giai tất đương kính lễ
Đều phải nên kính lễ
正向大乘道
chánh hướng Đại thừa đạo
Dẫn đến đạo Đại thừa
為不可思議
vi ất khả tư nghị
Là không thể nghĩ bàn
八十種好故
bát thập chủng hảo cố
Cùng tám mươi vẻ đẹp.

其諸菩薩應如是學甚深利智。復次善男子。

kỳ chư Bồ-tát ứng như thị học thậm thâm lợi trí. phục thứ thiện nam tử.
các Bồ-tát nên như vậy mà tu học các trí tuệ thâm sâu. Lại nữa Thiện nam tử,
我當更說入如來藏。即說偈言。

ngã đương canh thuyết nhập Như Lai tạng. tức thuyết kệ ngôn.

Ta lại nói về thâm nhập Như Lai tạng, Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

有我長存者

Hữu ngã trường tồn giả

Có Ta ở đời lâu

若使無我者

Nhuộc sử vô ngã giả

Hoặc khiến vô ngã vậy

一切法無我

Nhất thiết Pháp vô ngã

Tất cả pháp vô ngã

言我長存者

Ngôn ngã trường tồn giả

Nếu nghĩ Ta trường tồn

一切法無常

Nhất thiết Pháp vô thường

Tất cả pháp vô thường

一切法常者

Nhất thiết Pháp thường giả

Tất cả pháp là thường

一切法是苦

Nhất thiết Pháp thị khổ

Tất cả pháp là khổ

一切法是樂

Nhất thiết Pháp thị lạc

Tất cả pháp là vui

一切修常想

Nhất thiết tu thường tưởng

Tất cả tu pháp thường

一切修無常

Nhất thiết tu vô thường

Tất cả tu vô thường

譬如拆樓蟲

Thí như sách lâu trùng

Thí như giết sâu bọ

如是修常者

Như thị tu thường giả

Như vậy tu pháp thường

若修斷滅者

Nhuộc tu đoạn diệt giả

Nếu tu pháp đoạn diệt

如是所說喻

Như thị sở thuyết dụ

Lời thí dụ như vậy

異法修苦者

Dị Pháp tu khổ giả

Người tu pháp khổ khác

異法修樂者

Dị Pháp tu lạc giả

Người tu pháp lạc khác

異法修無我

終不經苦患

chung bất Kinh khổ hoạn

Không trải qua các khổ

空為修梵行

không vì tu phạm hạnh

Không là tu Phạm hạnh

是名斷滅教

thị danh đoạn diệt giáo

Gọi là pháp đoạn diệt

為計常說

ác vi kế thường thuyết

Ất không tin vô thường

是則為斷說

thị tắc vi đoạn thuyết

Đó là pháp đoạn diệt

是則為常說

thị tắc vi thường thuyết

Đó là thuyết thường còn

是則斷滅說

thị tắc đoạn diệt thuyết

Đó là thuyết đoạn diệt

是則計常說

thị tắc kế thường thuyết

Đó là thuyết pháp thường

是疾得斷說

thị tật đắc đoạn thuyết

Mau đắc thuyết đoạn diệt

是疾得常想

thị tật đắc thường tưởng

Mau đắc thuyết thường còn

得一速望二

đắc nhất tốc vọng nhị

Được một mong được hai

是速得斷滅

thị tốc đắc đoạn diệt

Mau đắc thuyết đoạn diệt

亦疾得常想

diệc tật đắc thường tưởng

Cũng mau đắc pháp thường

得一更求餘

đắc nhất canh cầu dư

Được một lại cầu thêm

則說不善分

tắc thuyết bất thiện phân

Thì thuyết phần bất thiện

是則說善分

thị tắc thuyết thiện phân

Thì thuyết về phần thiện

無量諸煩惱

Dị Pháp tu vô ngã
Pháp khác tu vô ngã
異法修常存
Dị Pháp tu thường tồn
Pháp khác tu thường còn
異法修無常
Dị Pháp tu vô thường
Pháp khác tu vô thường
異法修常者
Dị Pháp tu thường giả
Pháp khác tu thường còn
及平等解脫
Cập bình đẳng giải thoát
Bình đẳng và giải thoát
如來之所說
Nhu-Lai chi sở thuyết
Chỗ Như Lai thuyết giảng
當知除二邊
Đương tri trừ nhị biên
Phá trừ cả nhị biên
計常及斷滅
Kế thường cập đoạn diệt
Thường còn và đoạn diệt
世間凡愚輩
Thế gian phàm ngu bối
Hạng phàm phu thế gian
喻如羸病人
Dụ như luy bệnh nhân
Nhu người bệnh gầy yếu
有無增其患
Hữu vô tăng kỳ hoạn
Tăng thêm sự khổ hoạn
四大互增損
Tứ Đại hỗ tăng tổn
Bốn đại cùng tăng tổn
痰癰增不息
Đàm âm tăng bất tức
Bệnh đàm tăng không thỏ
風癰已違諍
Phong âm dĩ vi tranh
Bệnh gió đã chống nhau
如是不和合
Nhu thị bất hòa hợp
Nhu vậy không hòa hợp
良醫善方療
Lương y thiện phương liệu
Lương y khéo trị liệu
除滅一切病
Trừ diệt nhất thiết bệnh
Trừ diệt tất cả bệnh
如四大毒蛇
Nhu tứ Đại độc xà
Nhu rắn độc bốn đại
良醫善方療
Lương y thiện phương liệu

vô lượng chư phiền não
Vô lượng các phiền não
佛性及涅槃
Phật tánh cập Niết-Bàn
Phật tánh và Niết-bàn
則身不堅固
tắc thân bất kiên cố
Túc thân không kiên cố
如來等三寶
Như-Lai đẳng Tam Bảo
Nhu Lai và Tam bảo
是諸法真實
thị chư Pháp chân thật
Là các pháp chân thật
不同於彼喻
bất đồng ư bỉ dụ
Không như thí dụ kia
處中而說法
xử trung nhi thuyết Pháp
Mà thuyết pháp trung đạo
是見二俱離
thị kiến nhị câu ly
Xa lìa hai kiến này
於佛說迷惑
ư Phật thuyết mê hoặc
Mê loạn lời Phật dạy
頓服蘇迷亂
đốn phục tô mê loạn
Uống sữa tô, mê loạn
譬如重病人
thí như trọng bệnh nhân
Thí như người bệnh nặng
而平等和合
nhi bất đẳng hòa hợp
Mà không hòa hợp nhau
風種起燒然
phong chủng khởi thiêu nhiên
Gió nhiều sanh nóng bức
涎唾亦復增
tiên thóa diệc phục tăng
Đàm giải cũng tăng thêm
舉體發狂亂
cử thể phát cuồng loạn
Thân thể phát cuồng loạn
隨順安四種
tùy thuận an tứ chủng
Tùy thuận yên bốn đại
悅樂全身強
duyệt lạc toàn thân cường
An ổn toàn thân mạnh
無量煩惱患
vô lượng phiền não hoạn
Là vô lượng phiền não
平等性安隱
bình đẳng tánh an ổn

Lương y khéo trị liệu
其平等性者
Kỳ bình đẳng tánh giả
Tánh bình đẳng như thể
得聞如來性
Đắc văn Như-Lai tánh
Được nghe Như Lai tánh
常住不變易
Thường trụ bất biến dịch
Thường nghe không biến đổi
凡愚而妄說
Phàm ngu nhi vọng thuyết
Kẻ phàm ngu vọng nói
如來為眾生
Như-Lai vì chúng sanh
Như Lai vì chúng sanh
凡愚不能了
Phàm ngu bất năng liễu
Kẻ phàm phu không hiểu
慧者了真諦
Tuệ giả liễu chân đế
Người trí rõ chọn đế
能知我身中
Năng tri ngã thân trung
Khéo biết trong thân Ta
聞我為眾生
Văn ngã vì chúng sanh
Nghe Ta vì chúng sanh
凡愚謂我身
Phàm ngu vị ngã thân
Người ngu nói thân Ta
慧者能諦了
Tuệ giả năng đế liễu
Người trí rõ chọn đế
能知我身有
Năng tri ngã thân hữu
Biết rằng thân Ta có
聞我為眾生
Văn ngã vì chúng sanh
Nghe Ta vì chúng sanh
凡愚謂佛法
Phàm ngu vị Phật Pháp
Người ngu nói Phật pháp
智者能諦了
Trí giả năng đế liễu
Người trí rõ chọn đế
不惑於清淨
Bất hoặc ư thanh tịnh
Không mê nơi thanh tịnh
聞佛為眾生
Văn Phật vì chúng sanh
Nghe Phật vì chúng sanh
愚夫不能知
Ngu phu bất năng tri
Người ngu không thể biết

Tánh bình đẳng an vui
是名如來藏
thị danh Như Lai tạng
Gọi là Như Lai tạng
離於一切界
ly ư nhất thiết giới
Xa lìa các cảnh giới
有無等不著
hữu vô đẳng bất trú
Có và không như nhau
不了微密教
bất liễu vi Mật Giáo
Không rõ bí mật giáo
方便說身苦
phương tiện thuyết thân khổ
Phương tiện nói thân khổ
謂我身斷滅
vị ngã thân đoạn diệt
Nói thân Ta đoạn diệt
不總一切受
bất tổng nhất thiết thọ
Không thọ tất cả pháp
有安樂種子
hữu an lạc chủng tử
Có hạt giống an lạc
方便說無常
phương tiện thuyết vô thường
Phương tiện thuyết vô thường
如陶家坏器
như đào gia hôi khí
Như đồ vật thợ gốm
不總一切受
bất tổng nhất thiết thọ
Không thọ tất cả pháp
微妙法身種
vi diệu Pháp thân chủng
Là pháp thân vi diệu
方便說非我
phương tiện thuyết phi ngã
Phương tiện thuyết vô ngã
一切無我所
nhất thiết vô ngã sở
Tất cả không ngã sở
非盡假名說
phi tận giả danh thuyết
Tất cả là giả danh
如來真法性
Như-Lai chân Pháp tánh
Như Lai chọn pháp tánh
方便說空教
phương tiện thuyết không giáo
Phương tiện thuyết pháp không
謂悉言語斷
vị tất ngôn ngữ đoạn
Cho rằng ngôn ngữ đoạn

慧者能諦了

Tuệ giả năng đế liễu

Người trí rõ chơn đế

知如來法身

Tri Như-Lai Pháp thân

Biết pháp thân Như Lai

聞我為眾生

Văn ngã vì chúng sanh

Nghe Ta vì chúng sanh

愚夫謂佛身

Ngu phu vị Phật thân

Người ngu nói pháp thân

慧者能諦了

Tuệ giả năng đế liễu

Người trí có chơn đế

如來人師子

Như-Lai nhân Sư tử

Như Lai đấng sư tử

我為眾生說

Ngã vì chúng sanh thuyết vô

Ta vì chúng sanh nói

凡愚不能知

Phàm ngu bất năng tri

Phàm phu không thể biết

慧者能諦了

Tuệ giả năng đế liễu

Người trí rõ chơn đế

解脫真實法

Giải thoát chân thật Pháp

Pháp giải thoát chân thật

緣諸行生識

Duyên chư hành sanh thức

Duyên các hành sanh thức

慧者知行緣

Tuệ giả tri hành duyên

Người trí biết do hành

十善及十惡

Thập thiện cập thập ác

Thập thiện và thập ác

慧者能諦了

Tuệ giả năng đế liễu

Người trí rõ chơn đế

有罪及無罪

Hữu tội cập vô tội

Có tội và không tội

慧者能諦了

Tuệ giả năng đế liễu

Người trí rõ chơn đế

清淨不淨相

Thanh tịnh bất tịnh tướng

Tướng thanh tịnh, bất tịnh

慧者能諦了

Tuệ giả năng đế liễu

Người trí rõ chơn đế

作者及不作

不總一切受

bất tổng nhất thiết thọ

Không thọ tất cả pháp

長存不變易

trường tồn bất biến dịch

Trường tồn không biến đổi

方便說解脫

phương tiện thuyết giải thoát

Phương tiện thuyết giải thoát

解脫悉磨滅

giải thoát tất ma diệt

Giải thoát đều diệt tận

不悉往來斷

bất tất vãng lai đoạn

Không qua lại đoạn diệt

自在獨遊步

tự-tại độc du bộ

Đi thông thả tự tại

無明緣諸行

minh duyên chư hành

Vô minh duyên các hành

謂是為二法

vị thị vi nhị Pháp

Cho đó là hai pháp

明非明雖異

minh phi minh tuy dị

Minh, vô minh tuy khác

則無有二相

tắc vô hữu nhị tướng

Tức không có hai tướng

凡愚謂為二

phàm ngu vị vi nhị

Phàm ngu nói là hai

雖二而不二

tuy nhị nhi bất nhị

Tuy hai chẳng phải hai

凡愚隨二相

phàm ngu tùy nhị tướng

Phàm ngu nói hai tướng

雖二而不二

tuy nhị nhi bất nhị

Tuy hai mà chẳng hai

凡愚謂為二

phàm ngu vị vi nhị

Phàm ngu nói là hai

自性則不二

tự tánh tắc bất nhị

Tự tánh không có hai

凡愚謂為二

phàm ngu vị vi nhị

Phàm ngu nói là hai

自性則不二

tự tánh tắc bất nhị

Tự tánh không có hai

說一切諸法

Tác giả cập bất tác
Có làm và không làm
凡愚不能知
Phàm ngu bất năng tri
Phàm ngu không thể biết
慧者能諦了
Tuệ giả năng đế liễu
Người trí rõ chơn đế
說一切諸法
Thuyết nhất thiết chư Pháp
Giảng thuyết tất cả pháp
凡愚不能知
Phàm ngu bất năng tri
Phàm ngu không thể biết
慧者能諦了
Tuệ giả năng đế liễu
Người trí rõ chơn đế
我為眾生說
Ngã vì chúng sanh thuyết
Ta vì chúng sanh nói
凡愚不能知
Phàm ngu bất năng tri
Phàm ngu không thể biết
慧者能諦了
Tuệ giả năng đế liễu
Người trí rõ chơn đế
我為眾生說
Ngã vì chúng sanh thuyết
Ta vì chúng sanh nói
凡愚不能知
Phàm ngu bất năng tri
Phàm ngu không thể biết
慧者了自性
Tuệ giả liễu tự tánh
Người trí rõ tự tánh
無量無數佛
Vô lượng vô số Phật
Vô lượng vô số Phật
我亦說一切
Ngã diệc thuyết nhất thiết
Ta cũng thuyết tất cả
我非我不二
Ngã phi ngã bất nhị
Ngã vô ngã chẳng hai
善男子。當憶念一切功德聚經。
thiện nam tử。 đương ức niệm nhất thiết công đức tụ Kinh。
Thiện nam tử, phải nhớ nghĩ nhất thiết công đức tụ Kinh,
我說般若波羅蜜大經不二。彼如是說我非我不二。
ngã thuyết bát nhã ba la mật Đại Nhật kinh bất nhị。 bi như thị thuyết ngã phi
ngã bất nhị。
Ta nói kinh Bát Nhã Ba-la-mật Đại Nhật không hai。 Như vậy thuyết ngã và vô ngã
cũng không hai,
譬如從乳出酪從酪出生蘇從生蘇出熟蘇從熟蘇
thí như tòng nhũ xuất lạc tòng lạc xuất sanh tô tòng sanh tô xuất thực tô tòng
thực tô

Thuyết nhất thiết chư Pháp
Giảng thuyết tất cả pháp
謂為是二法
vị vi thị nhị Pháp
Cho đó là hai pháp
自性則不二
tự tánh tắc bất nhị
Tự tánh không có hai
為苦及樂分
vì khổ cập lạc phân
Có khổ và có vui
謂為是二法
vị vi thị nhị Pháp
Cho đó là hai pháp
自性則不二
tự tánh tắc bất nhị
Tự tánh không có hai
一切行無常
nhất thiết hành vô thường
Tất cả hành vô thường
總修如來性
tổng tu Như-Lai tánh
Tổng tu Như Lai tánh
自性則不二
tự tánh tắc bất nhị
Tự tánh không có hai
一切法無我
nhất thiết Pháp vô ngã
Tất cả pháp vô ngã
謂佛說無我
vị Phật thuyết vô ngã
Nói Phật thuyết vô ngã
我非我無二
ngã phi ngã vô nhị
Ngã, vô ngã chẳng hai
說是如來藏
thuyết thị Như Lai tạng
Nói là Như Lai tạng
功德積聚經
công đức tích tụ Kinh
Kinh công đức tích tụ
等善受持
hữ đẳng thiện thọ trì
Các ông khéo thọ trì

thí như từ sữa làm ra lạc, từ lạc ra tô, từ tô sanh ra thực tô, từ thực tô
出醍醐。為始終是一。為從餘處來。

xuất thể hồ. vi thủy chung thị nhất. vi tòng dư xử lai.
sanh ra đề hồ, trước sau là một, hay là từ chỗ khác đến

若即是一者即作本事。若乳即為酪者。

nhược tức thị nhất giả tức tác bốn sự. nhược nữ tức vi lạc giả.
nếu là một tức là như cũ, nếu sữa là lạc

然今乳時而無酪相。如是因緣展轉相生。

nhiên kim nữ thời nhi vô lạc tướng. như thị nhân duyên triển chuyển tướng
sanh.

thì khi là sữa cao không tướng của lạc, như nhân duyên lần lượt sanh ra,
非已有故而言展轉。若餘處來者。彼在何處住。

phi dĩ hữu cố nhi ngôn triển chuyển. nhược dư xử lai giả. bi tại hà xử trụ.
chẳng phải đã có nên nói lần lượt. Nếu là từ chỗ khác đến thì các thứ ấy ở nơi
nào,

當於乳時不見酪等從餘處來。

đương ư nữ thời bất kiến lạc đẳng tòng dư xử lai.

khi đang là sữa thì không thấy lạc, tô...từ nơi khác đến,

彼一切分皆有醍醐自性。但諸過覆故異分現。

bi nhất thiết phân giai hữu thể hồ tự tánh. đăn chu quá phúc cố dị phân hiện.
tất cả phần kia đều có tự tánh đề hồ, do các thứ che nên hiện phần khác.

牛食過故乳則血氣。牛食甘草乳則甜香。牛食苦草乳有苦味。

ngưu thực quá cố nữ tắc huyết khí. ngưu thực cam thảo nữ tắc điềm hương. ngưu
thực khổ thảo nữ hữu khổ vị.

Như bò ăn thức ăn qua thì sữa là máu, bò ăn cỏ ngọt thì sữa là vị ngọt, bò ăn cỏ
đắng thì sữa có vị đắng,

於雪山下有甘澤草。

ư tuyết sơn hạ hữu cam trạch thảo.

ở dưới núi Tuyết có cây cỏ ngọt,

牛食是草出成醍醐不作餘色。當如牛食種種味草。

ngưu thực thị thảo xuất thành thể hồ bất tác dư sắc. đương như ngưu thực chủng
chủng vị thảo.

bò ăn cỏ cay thì thành đề hồ không có các sắc khác, phải biết bò ăn các thứ có
thì có chủng dị sắc. 明及無明不二之法。亦復如是。

tắc hữu chủng chủng dị sắc. minh cập vô minh bất nhị chi Pháp. diệc phục như
thị.

thì có các thứ sắc khác nhau. Pháp vô minh và minh không hai cũng lại như vậy,
行業過故明非明轉。一切善法及不善法皆無有二。

hành nghiệp quá cố minh phi minh chuyển. nhất thiết thiện Pháp cập bất thiện
Pháp giai vô hữu nhị.

do hành nghiệp đi qua nên minh và vô minh chuyển, tất cả pháp thiện và thiện đều
không có hai,

是故當知。如來之性如彼醍醐。

thị cố đương tri. Như-Lai chi tánh như bi thể hồ.

cho nên phải biết tánh của Như Lai là như đề hồ kia,

自性清淨煩惱過故。有異相現。

tự tánh thanh tịnh phiền não quá cố. hữu dị tướng hiện.

tự tánh là thanh tịnh, do phiền não đi qua nên có các tướng sai khác hiện.

譬如人言大海水鹹非為一切其水悉鹹。其中亦有八味之水。

thí như nhân ngôn Đại hải thủy hàm phi vi nhất thiết kỳ thủy tất hàm. kỳ trung
diệc hữu bát vị chi thủy.

Thí như nói nước biển lớn mặn mà chẳng phải tất cả nước đều mặn, trong ấy cũng
có nước tám mùi vị,

譬如雪山多諸毒草。而彼雪山先有良藥。

thí như tuyết sơn đa chu độc thảo. nhi bi tuyết sơn tiên hữu lương dược.
thí như trên núi Tuyết có nhiều cỏ độc, mà núi Tuyết kia trước đây từng có thuốc
hay.

一切眾生身亦如是。四大和合譬如毒蛇。

nhất thiết chúng sanh thân diệp như thị. tứ Đại hòa hợp thí như độc xà.
Thân tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, bốn đại hòa hợp giống như rắn độc
然此身中先有佛性。

nhiên thù thân trung tiên hữu Phật tánh.

nhưng trong thân này trước đây đã có Phật tánh

如彼良藥其如來性始終常有非作所作。但無量煩惱中間競起。

như bí lương dược kỳ Như-Lai tánh thủy chung thường hữu phi tác sở tác. đăn vô
lượng phiền não trung gian cạnh khởi.

cũng như thuốc kia, tánh Như Lai xưa nay thường có, chẳng phải tạo tác, nhưng
trong ấy có vô lượng phiền não tranh nhau khởi

凡諸眾生欲求佛者。當除無量煩惱結患。

phàm chu chúng sanh dục cầu Phật giả. đương trừ vô lượng phiền não kết hoạn.

các chúng sanh muốn tìm cầu Phật tánh thì phải diệt trừ vô lượng phiền não.

譬如春月興大雲雷而未降雨。草木華果皆未萌芽。

thí như xuân nguyệt hưng Đại vân lôi nhi vị hàng vũ. thảo mộc hoa quả giai vị
manh nha.

Thí như tháng mùa xuân có mây lớn, sấm sét mà chưa đổ mưa, cỏ cây hoa trái đều
chưa nảy mầm,

夏時大雨一切扶疏。如來之性亦復如是。

hạ thời Đại vũ nhất thiết phù sơ. Như-Lai chi tánh diệp phục như thị.

đến mùa hạ có mưa thì tất cả đều được tăng trưởng, tánh Như Lai cũng lại như
vậy,

無量煩惱結患所覆。雖聞契經及諸三昧。

vô lượng phiền não kết hoạn sở phục. tuy văn khế Kinh cập chu Tam-muội.

có vô lượng phiền não che lấp, tuy nghe Khế Kinh và các Tam-muội

猶故不知如來之性。

do cố bất tri Như-Lai chi tánh.

mà vẫn như cũ không thể biết được tánh Như Lai,

以不知故而起於我及非我想。大般泥洹方等契經。

dĩ bất tri cố nhi khởi ư ngã cập phi ngã tưởng. Đại bát nê hoàn phương đẳng khế
Kinh.

do không biết nên khởi ý tưởng ngã và phi ngã, Khế kinh Đại Niết-bàn Phương
Đẳng,

密教法藏聞于世間。眾生聞已如來之性皆悉。

Mật Giáo Pháp tạng văn vu thế gian. chúng sanh văn dĩ Như-Lai chi tánh giai
tất.

Tạng Giáo Bí Mật lưu hành nơi thế gian, chúng sanh nghe rồi thì tánh Như Lai đều
hiển bày,

萌芽能長養大義。是故名為大般泥洹。如是善男子。

manh nha năng trường dưỡng Đại nghĩa. thị cố danh vi Đại bát nê hoàn. như thị
thiện nam tử.

như mầm non được lớn mạnh, cho nên gọi là Bát-niết-bàn. Như vậy Thiện nam tử,
其有眾生學此方等般泥洹者。

kỳ hữu chúng sanh học thù phương đẳng bát nê hoàn giả.

nếu có chúng sanh tu học kinh Phương đẳng Bát-niết-bàn này

名為畢報如來之恩。迦葉菩薩白佛言。善哉世尊。

danh vi tất báo Như-Lai chi ân. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thiện tai Thế
tôn.

thì gọi là rất ráo báo ân Như Lai vậy. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Hay thay
Thế Tôn,

如來之性於諸聲聞及辟支佛。甚為難見難得之寶。

Nhu-Lai chi tánh u chu thanh văn cập Bích-chi-phật. thậm vi nan kiến nan đắc chi bảo.

Tánh Như Lai đối với hàng Thanh văn và Bích-chi-phật, là thứ báu khó thấy khó được.

佛告迦葉。如是如是。善男子。我亦常說甚為難見。

Phật cáo ca diệp. như thị như thị. thiện nam tử. ngã diệc thường thuyết thậm vi nan kiến.

Phật dạy: Ca-diệp, đúng vậy đúng vậy Thiện nam tử, Ta cũng thường nói rất là khó thấy.

譬如有人膚翳覆眼不見五色。

thí như hữu nhân phu ế phúc nhãn bất kiến ngũ sắc.

Thí như có người bị che đôi mắt không thấy năm sắc

就彼良醫為治其目翳。便為除少分膚肉。

tụ bì lương y vi trị kỳ mục ế. tiện vi trừ thiểu phân phu nhục.

rồi đến lương y để chữa trị, lương y bèn cắt bớt lớp thịt phủ con mắt

而以一物示之令見。彼視惑亂謂二謂三。

nhĩ dĩ nhất vật kì chi lệnh kiến. bì thị hoặc loạn vị nhị vị tam.

rồi đưa một vật cho người kia nhìn, người kia nhìn cho là hai vật, ba vật,

久久諦視髣髴見之。如是善男子。

cửu cửu đề thị phảng phất kiến chi. như thị thiện nam tử.

chú tâm nhìn mãi nhìn mãi mà chỉ thấy phảng phất, không rõ ràng. Như vậy Thiện nam tử,

菩薩摩訶薩淨治道地成就十住。於自身中觀察如來真實之性。

Bồ-tát Ma-Ha tát tịnh trì đạo địa thành tựu thập trụ. u tự thân trung quan sát Như-Lai chân thật chi tánh.

Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu được địa vị Thập trụ, rồi quán sát tánh Như Lai chân thật trong thân,

猶為無我輪之所惑。

do vi vô ngã luân chi sở hoặc.

còn bị vòng vô ngã làm mê hoặc,

況復聲聞及辟支佛而能知之。當知善男子。如來之性難見如是。

huống phục thanh văn cập Bích-chi-phật nhi năng tri chi. đương tri thiện nam tử. Như-Lai chi tánh nan kiến như thị.

huống là hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mà có thể biết được sao? Thiện nam tử, phải biết, tánh Như Lai là khó thấy như vậy.

又如有人仰觀飛鳥。遠則不識為是為非。

hựu như hữu nhân ngưỡng quán phi điều. viễn tắc bất thức vi thị vi phi.

Lại như có người ngược mặt lên nhìn chim bay, xa thì không biết là đúng hay sai, cực minh kỳ mục phảng phất thức chi. thập trụ Bồ-tát diệc phục như thị.

ráng mờ to mắt mà cũng nhận thấy lơ mờ. Hàng thập trụ Bồ-tát cũng lại như vậy, tại自身中觀如來性。猶生惑想久乃髣髴。

u tự thân trung quán Như-Lai tánh. do sanh hoặc tưởng cửu nãi phảng phất.

đối với tu thân mà quán tánh Như lai thì do sinh hoặc tưởng ngày nên chỉ biết lơ mờ,

況復聲聞及辟支佛。又復如人痰癢增故。

huống phục thanh văn cập Bích-chi-phật. hựu phục như nhân đàm âm tăng cố.

huống nữa là hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Lại nữa, như có người do bệnh đàm tăng

迷於諸方欲有所至。心心相續專念記識猶失徑路。

mê u chu phương dục hữu sở chí. tâm tâm tương tục chuyên niệm kí thức do thất kính lộ.

mà mê loạn phương hướng muốn có chỗ hướng đến, tâm liên tục chuyên lòng nhớ nghĩ mà còn quên mất.

十住菩薩亦復如是。於自身中觀如來性。

thập trụ Bồ-tát diệc phục như thị. ư tự thân trung quán Như-Lai tánh.
Hàng Bồ-tát Thập trụ cũng lại như vậy, quán sát Như Lai tánh trong tự thân
專心方便猶有感亂。況復聲聞及辟支佛。

chuyên tâm phương tiện do hữu hoặc loạn. huống phục thanh văn cập Bích-chi-
phật.

dùng phương tiện chuyên tâm mà còn mê loạn, huống là hàng Thanh văn, Bích-chi-
phật.

復次如人遠行曠野熱渴所亂。

phục thứ như nhân viễn hành khoáng dã nhiệt khát sở loạn.

lại như người đi xa giữa đồng trống bị nóng khát làm hoảng loạn,

遠見野馬或謂為水。或謂林樹或言聚落。十住菩薩亦復如是。

viễn kiến dã mã hoặc vị vi thủy. hoặc vị lâm thụ hoặc ngôn tụ lạc. thập trụ Bồ-
tát diệc phục như thị.

từ xa nhìn thấy ngựa hoang hoặc cho đó là có nước, hoặc nói rừng cây, hoặc nói
thôn xóm. Hàng Thập trụ Bồ-tát cũng lại như vậy,

於自身中觀如來性亦生感想。

ư tự thân trung quán Như-Lai tánh diệc sanh hoặc tưởng.

quán sát Như Lai tánh trong tự thân cũng sanh hoặc tưởng.

復次譬如有人登高臨下遠觀佛塔。

phục thứ thí như hữu nhân đăng cao lâm hạ viễn quán Phật tháp.

Lại nữa, thí như có người lên cao nhìn xuống từ xa nhìn Phật tháp,

或作水想或謂虛空或謂屋舍。或謂野馬山石草樹。

hoặc tác thủy tưởng hoặc vị hư không hoặc vị ốc xá. hoặc vị dã mã sơn thạch thảo
thụ.

hoặc nghĩ đó là nước, hoặc nói hư không, hoặc nói nhà cửa, hoặc nói ngựa hoang,
núi đá, cỏ cây,

方便諦觀乃知是塔。十住菩薩亦復如是。

phương tiện đế quán nãi tri thị tháp. thập trụ Bồ-tát diệc phục như thị.

sau dùng phương tiện quán sát kỹ mới biết là tháp. Hàng Thập trụ Bồ-tát cũng lại
như vậy,

於自身中觀如來性猶生感想。方便極視乃知真實。

ư tự thân trung quán Như-Lai tánh do sanh hoặc tưởng. phương tiện cực thị nãi
tri chân thật.

quán sát Như Lai tánh trong tự thân còn sanh mê hoặc, sau dùng phương tiện quán
sát kỹ mới biết chân thật.

復次如人船行大海。遠見城郭而生感想。

phục thứ như nhân thuyền hành Đại hải. viễn kiến thành quách nhi sanh hoặc
tưởng.

Lại nữa, như người đi thuyền giữa biển lớn, từ xa nhìn thành quách mà sanh mê
hoặc,

或謂虛空或言物像。十住菩薩亦復如是。

hoặc vị hư không hoặc ngôn vật tượng. thập trụ Bồ-tát diệc phục như thị.

hoặc cho đó là hư không, hoặc nói là đồ vật. Hàng Thập trụ Bồ-tát cũng lại như
vậy,

於自身中觀如來性。亦生感想。

ư tự thân trung quán Như-Lai tánh. diệc sanh hoặc tưởng.

quán sát Như Lai tánh trong tự thân cũng sanh mê hoặc;

復次譬如王子竟夜觀伎。至日光現見人生惑親作他想。

phục thứ thí như Vương tử cánh dạ quán kỹ. chí nhật quang hiện kiến nhân sanh
hoặc thân tác tha tưởng.

Lại nữa, thí như vương tử cuối đêm xem kỹ nhạc, đến lúc trời sáng thấy người
thân mà sanh mê hoặc nghĩ là người khác

十住菩薩亦復如是。於自身中觀如來性。

thập trụ Bồ-tát diệc phục như thị. ư tự thân trung quán Như-Lai tánh.

hàng Bồ-tát Thập trụ cũng lại như vậy, quán sát tánh Như Lai trong tự thân
亦生感想。復次譬如大臣往詣王所諮詳王事。

diệc sanh hoặc tưởng。phục thứ thí như Đại Thần vãng nghệ Vương sở ti tưởng
Vương sự。

cũng sanh mê hoặc。Lại nữa, thí như đại thần đi đến chỗ vua hỏi việc nước,
夜闍還家於電光中。若見白牛而生感想。

dạ ám hoàn gia ư điện quang trung。nhược kiến bạch ngưu nhi sanh hoặc tưởng。
đêm tối trở về nhà ngang qua ánh chớp, hoặc thấy bò trắng mà sanh hoặc tưởng,
或謂屋舍或謂丘塚。十住菩薩亦復如是。

hoặc vị ốc xá hoặc vị khâu trùng。thập trụ Bồ-tát diệc phục như thị。

cho đó là phòng nhà, hoặc nói là nghĩa địa, hàng Bồ-tát Thập trụ cũng lại như
vậy,

於自身中觀如來性。亦生感想。

ư tự thân trung quán Như-Lai tánh。diệc sanh hoặc tưởng。

quán sát tánh Như Lai trong tự thân cũng sanh hoặc tưởng。

復次譬如持戒比丘自漉淨水。復重諦視若見微毫。

phục thứ thí như trì giới Tỳ-kheo tự lọc tịnh thủy。phục trọng để thị nhược kiến
vi hào。

Lại nữa, thí như Tỳ-kheo trì giới tự mình lọc nước sạch, rồi nhìn kỹ hoặc thấy
chút bụi nhỏ,

或謂為虫或謂塵末。十住菩薩亦復如是。

hoặc vị vi trùng hoặc vị trần mạt。thập trụ Bồ-tát diệc phục như thị。

hoặc cho đó là vi trùng, hoặc nói là hạt bụi, hàng Bồ-tát Thập trụ cũng lại như
vậy,

於自身中觀如來性。亦生感想。復次如人觀高山頂。

ư tự thân trung quán Như-Lai tánh。diệc sanh hoặc tưởng。phục thứ như nhân quán
cao sơn đỉnh。

quán sát tánh Như Lai trong tự thân cũng sanh hoặc tưởng。Lại nữa, như người
quán sát đỉnh núi cao,

若有行人或謂禽獸。十住菩薩亦復如是。

nhược hữu hành nhân hoặc vị cầm thú。thập trụ Bồ-tát diệc phục như thị。

thấy có người đi mà cho đó là loài thú, hàng Bồ-tát Thập trụ cũng lại như vậy,

於自身中觀如來性。亦生感想。

ư tự thân trung quán Như-Lai tánh。diệc sanh hoặc tưởng。

quán sát tánh Như Lai trong tự thân cũng sanh hoặc tưởng。

如人目患夜闍觀畫。或謂人像或謂神像。

như nhân mục hoạn dạ ám quán họa。hoặc vị nhân tượng hoặc vị Thần tượng。

Thí như người mắt bị bệnh đêm tối nhìn tranh vẽ, hoặc cho là hình người, hoặc là
tượng thần,

或謂佛像或謂釋梵諸菩薩像。十住菩薩亦復如是。

hoặc vị Phật tượng hoặc vị thích phạm chư Bồ-tát tượng。thập trụ Bồ-tát diệc
phục như thị。

hoặc nói tượng Phật, Đế thích, Phạm thiên, hoặc tượng các Bồ-tát; hàng Thập trụ
Bồ-tát cũng lại như vậy,

於自身中觀如來性。亦生感想。如是善男子。

ư tự thân trung quán Như-Lai tánh。diệc sanh hoặc tưởng。như thị thiện nam tử。

quán sát tánh Như Lai trong tự thân cũng sanh mê hoặc。Như vậy Thiện nam tử,

如來之性甚深難見唯佛境界。

Như-Lai chi tánh thậm thâm nan kiến duy Phật cảnh giới。

Tánh Như Lai là thâm sâu khó thấy, đó chính là cảnh giới của Phật,

非諸聲聞及辟支佛所能知見。如是善男子。如來教法。

phi chư thanh văn cập Bích-chi-phật sở năng tri kiến。như thị thiện nam tử。Như-
Lai giáo pháp。

chẳng phải hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mà có thể thấy biết。Như vậy Thiện nam
tử, giáo pháp của Như Lai

慧者所知應當信受。迦葉菩薩白佛言。如世尊說。

tuệ giả sở tri ứng đương tín thọ. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. như Thế tôn thuyết.

người trí hiểu biết thì phải nên tín thọ. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Như lời Thế Tôn dạy,

如來之性甚深微妙。諸肉眼者云何得見。佛告迦葉。

Nhu-Lai chí tánh thậm thâm vi diệu. chư nhục nhãn giả vân hà đắc kiến. Phật cáo ca diệp

Tánh Như Lai là thâm sâu vi diệu, vậy các chúng sanh chỉ có nhục nhãn làm sao được thấy. Phật dạy: Ca-diếp,

譬如非想非非想天。

thí như phi tưởng phi phi tưởng Thiên.

thí như cõi trời Phi tưởng, Phi phi tưởng,

唯佛境界一切聲聞及辟支佛云何能見。但彼隨順如來契經。

duy Phật cảnh giới nhất thiết thanh văn cập Bích-chi-phật vân hà năng kiến. đản bỉ tùy thuận Như-Lai khế Kinh.

chỉ là cảnh giới của Phật, tất cả hàng Thanh văn và Bích-chi-phật làm sao có thể thấy, nhưng nếu tùy thuận theo Khế kinh của Như Lai,

信心方便然後等觀。如是善男子。

tín tâm phương tiện nhiên hậu đẳng quán. như thị thiện nam tử.

có phương tiện tín tâm thì sau sẽ thấy. Như vậy Thiện nam tử,

一切聲聞及辟支佛。

nhất thiết thanh văn cập Bích-chi-phật.

tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật

當於方等般泥洹經而生信心知其自身有如來性。是故當知如來之性唯佛境界。

đương ư phương đẳng bát nê hoàn Kinh nhi sanh tín tâm tri kỳ tự thân hữu Như-Lai tánh. thị cố đương tri Như-Lai chí tánh duy Phật cảnh giới.

phải sanh tín tâm đối với kinh Phương đẳng Đại Niết-bàn, biết tự thân mình có Như Lai tánh, cho nên phải biết tánh Như Lai chính là cảnh giới của Phật,

非諸聲聞及辟支佛。迦葉菩薩白佛言。世尊。

phi chư thanh văn cập Bích-chi-phật. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

chẳng phải của hàng Thanh văn và Bích-chi-phật. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

世間眾生皆言有我。比義云何。佛告迦葉。

thế gian chúng sanh giai ngôn hữu ngã. bỉ nghĩa vân hà. Phật cáo ca diệp.

chúng sanh nơi thế gian đều có nói ngã, so với nghĩa này thì như thế nào? Phật dạy: Ca-diếp,

譬如一時二人為友。一是王子。一貧窮人。

thí như nhất thời nhị nhân vi hữu. nhất thị Vương tử. nhất bản cùng nhân.

thí như thuở trước có hai người làm bạn, một người là vương tử, một người là bản cùng,

結好往來。其王子者有調伏咒。貧人見之。

kết hảo vãng lai. kỳ Vương tử giả hữu điều phục hù. bản nhân kiến chí.

cùng kết thân qua lại, vương tử ấy có điều phục tê giác, người bản cùng thấy được,

彼於後時共至他國。於一客舍暮共止宿。

bỉ ư hậu thời cộng chí tha quốc. ư nhất khách xá mộ cộng chí tú.

sau đó họ cùng đến nước khác, cùng ở chung trong một quán trọ

而彼貧者於夢中言。咒來咒來聲徹于外。

nhi bỉ bản giả ư mộng trung ngôn. hù lai hù lai thanh triệt vu ngoại.

người bản cùng kia ở trong mộng mà nói: Tê giác đến, tê giác đến, tiếng kêu vang ra ngoài.

時有人聞將至王所。以其所聞具白國王。

thời hữu nhân văn tương chí Vương sở. dĩ kỳ sở văn cụ bạch Quốc Vương.

Lúc đó có người nghe liền đi đến chỗ vua, nói lại những điều mình đã nghe

王即問言。何處有咒。時彼貧人便白王言。我無咒也。

Vương tức vấn ngôn. hà xử hữu hủ. thời bi bản nhân tiện bạch Vương ngôn. ngã vô hủ dã.

Vua hỏi rằng: Chỗ nào có tê giác? Người bản cùng kia liền thưa: Tôi không có tê giác,

善知識有我曾見之。王即復問其狀云何。

thiện tri thức hữu ngã tăng kiến chi. Vương tức phục vấn kỳ trạng vân hà.

thiện tri thức có và tôi đã từng thấy. Vua hỏi: Hình trạng như thế nào?

復白王言。其角似羊。作是語已王語貧人。

phục bạch Vương ngôn. kỳ giác tự dương. tác thị ngữ dĩ Vương ngữ bản nhân.

Người kia nói: Sừng của nó tựa như con dê. Nói xong vua bảo:

汝自還去何處有咒。彼亦無有為虛說耳。

nhữ tự hoàn khứ hà xử hữu hủ. bi diệc vô hữu vi hư thuyết nhĩ.

Ông hãy trở về đi đến chỗ nào có tê giác, người kia tìm không có, chỉ là lời nói suông vậy,

而咒似羊傳於天下。如是不久其王命終。

nhĩ hủ tự dương truyện ư Thiên hạ. như thị bất cử kỳ Vương mạng chung.

nhưng việc tê giác tựa như con dê được truyền trong thiên hạ. Như vậy không lâu thì vua mạng chung,

太子即位亦訪求咒而不能得。次後其子續立為王。

Thái-Tử tức vị diệc phóng cầu hủ nhi bất năng đắc. thứ hậu kỳ tử tục lập vi Vương.

Thái tử lên ngôi cũng hỏi thăm tê giác mà không được, sau đó con của Thái tử lại tiếp tục lên ngôi vua,

亦復如是求咒不得。

diệc phục như thị cầu hủ bất đắc.

cũng tìm tê giác như vậy mà không được,

展轉相傳恒於咒上而作羊想。如是菩薩摩訶薩出於世時。

triển chuyển tương truyện hằng ư hủ thượng nhi tác dương tưởng. như thị Bồ-tát Ma-Ha tát xuất ư thế thời.

lần lượt truyền nhau chuyện tê giác mà khởi ý tưởng là dê. Như Bồ-tát Ma-ha-tát lúc xuất hiện ở đời,

為眾生說真實之我。

vi chúng sanh thuyết chân thật chi ngã.

vì chúng sanh mà thuyết vô ngã chân thật,

其無知者聞一切眾生皆有佛性。不知其真便妄想說。

kỳ vô tri giả văn nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh. bất tri kỳ chân tiện vọng tưởng thuyết.

không biết rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, không biết chân thật liền nói vọng tưởng,

我如寸燈在於心中。種種眾生我人壽命。

ngã như thốn đăng tại ư tâm trung. chủng chủng chúng sanh ngã nhân thọ mạng.

ngã như đốm sáng ở trong tâm, các loại chúng sanh có ngã, nhân, thọ mạng,

如彼夢說展轉相承皆起邪見。計有吾我求吾我性。

như bi mộng thuyết triển chuyển tương thừa giai khởi tà kiến. kế hữu ngô ngã cầu ngô ngã tánh.

như người kia nằm mộng nói rồi lần lượt nhau khởi tà kiến, chấp có ngã rồi tìm tánh ngã,

不得實我作無我說。

bất đắc thật ngã tác vô ngã thuyết.

nhưng không được cái ngã chân thật thì nói là vô ngã,

而諸世間一切眾生常作妄想計有吾我及無我想。如是善男子。

nhĩ chu thế gian nhất thiết chúng sanh thường tác vọng tưởng kế hữu ngô ngã cập vô ngã tướng. như thị thiện nam tử.

mà tất cả chúng sanh nơi thế gian thường khởi vọng tưởng chấp có ngã và vô ngã.

Như vậy Thiện nam tử,

我說如來之性最為真實。若世間說我隨順法者。

ngã thuyết Như-Lai chi tánh tối vi chân thật. nhược thế gian thuyết ngã tùy thuận Pháp giả.

Ta nói Như Lai tánh đó là chân thật, nếu thế gian nói Ta tùy thuận pháp,

當知是則為離世俗。當知皆是菩薩變化現同俗說。

đương tri thị tắc vi ly thế tục. đương tri giai thị Bồ-tát biến hoá hiện đồng tục thuyết.

phải biết đây tức là lìa xa thế tục, phải biết đều là Bồ-tát biến hóa giống như thế tục mà thuyết giảng.

大般泥洹經文字品第十四

Đại bát nê hoàn Kinh văn tự phẩm đệ thập tứ

Kinh Đại Bát-nê-hoàn

Phẩm thứ mười bốn: Văn Tự

佛復告迦葉。一切言說呪術記論。

Phật phục cáo ca diệp. nhất thiết ngôn thuyết chú thuật kí luận.

Phật lại bảo Ca-diếp: Tất cả ngôn ngữ, chú thuật, luận lý

如來所說為一切本。迦葉菩薩白佛言。世尊。其義云何。

Như-Lai sở thuyết vi nhất thiết bản. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. kỳ nghĩa vân hà.

do Như Lai thuyết là căn bản của tất cả. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, nghĩa ấy như thế nào?

佛告迦葉。初現半字為一切本。

Phật cáo ca diệp. sơ hiện bán tự vi nhất thiết bản.

Phật dạy: Ca-diếp, ban đầu xuất hiện Bán Tự (kí âm chưa trọn một chữ) là căn bản của tất cả

一切呪術言語所持真實法聚。

nhất thiết chú thuật ngôn ngữ sở trì chân thật Pháp tụ.

tất cả chú thuật ngôn ngữ nắm giữ pháp chân thật,

童蒙眾生從此字本學通諸法。是法非法知其差別。

đồng môn chúng sanh tòng thử tự bản học thông chư Pháp. thị Pháp phi Pháp tri kỳ sai biệt.

chúng sanh chưa hiểu biết thì từ nơi chữ căn bản này mà học thông các pháp, pháp đúng pháp sai biết có sự phân biệt

是故如來化現字本不為非法。迦葉菩薩白佛言。世尊。

thị cố Như-Lai hóa hiện tự bản bất vi phi Pháp. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

cho nên Như Lai hóa hiện chữ căn bản không là phi pháp. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

云何字本。佛告迦葉。初十四音名為字本。

vân hà tự bản. Phật cáo ca diệp. sơ thập tứ âm danh vi tự bản.

Thế nào là chữ căn bản? Phật dạy: Ca-diếp, mười bốn âm đầu thì gọi là chữ căn bản,

是十四音常為一切不盡之本不盡有何義。

thị thập tứ âm thường vi nhất thiết bất tận chi bản bất tận hữu hà nghĩa.

mười bốn âm này thường là căn bản của tất cả sự bất tận. Bất tận có nghĩa gì,不破壞義不漏義如來義名不盡義。

bất phá hoại nghĩa bất lậu nghĩa Như-Lai nghĩa danh bất tận nghĩa.

đó là nghĩa bất hoại, bất lậu. Như Lai gọi là bất tận,

如來法身金剛不壞。故名不壞。如來無有九道諸漏。

Như-Lai Pháp thân Kim cương bất hoại. cố danh bất hoại. Như-Lai vô hữu cửu đạo chư lậu.

Pháp thân Như Lai là Kim cang bất hoại nên gọi là bất hoại. Như Lai không có các lậu nơi chín đường

故名不漏。如來常住故說不盡無作之義。

cổ danh bất lậu. Như-Lai thường trụ cổ thuyết bất tận vô tác chi nghĩa.

nên gọi là bất lậu, Như Lai là thường trụ nên nói nghĩa bất tận không tạo tác.

初短阿者吉義。吉者三寶義。次長阿者現聖智義。

sơ đoán a giả cát nghĩa. cát giả Tam Bảo nghĩa. thứ trường a giả hiện Thánh trí nghĩa.

Chữ A ngắn có nghĩa là tốt lành, tốt lành nghĩa là Tam bảo, chữ Ā dài nghĩa là hiện Thánh trí,

其名聖者離世間數。

kỳ danh Thánh giả ly thế gian số.

gọi là Thánh tức là xa lìa thế gian,

清淨少欲能度一切三有之海。故名為聖。聖者正也。

thanh tịnh thiểu dục năng độ nhất thiết tam hữu chi hải. cổ danh vi Thánh. Thánh giả chánh dã.

thanh tịnh thiểu dục, có thể vượt qua biển khổ ba cõi, cho nên gọi là Thánh.

Thánh nghĩa là chánh vậy,

能正法度行處律儀及世間法度。是其義也。復次阿者。

năng Chánh pháp độ hành xứ luật nghi cập thế gian Pháp độ. thị kỳ nghĩa dã. phục thứ a giả.

có thể dùng Chánh pháp độ để hành xứ luật nghi và Thế gian pháp độ. Lại nữa chữ Ā là

有所長養皆依於聖。一切真實正行之本。

hữu sở trường dưỡng giai y u Thánh. nhất thiết chân thật chánh hành chi bản.

chỗ có trường dưỡng đều y nơi Thánh, là căn bản của tất cả chánh hạnh chơn chánh,

孝養二親皆依是知。曉了正法住摩訶衍。

hiếu dưỡng nhị thân giai y thị tri. hiểu liễu Chánh pháp trụ Ma-Ha diển.

hiếu dưỡng cha mẹ đều y nơi sự biết này, hiểu rõ Chánh pháp trụ nơi Ma-ha-diển.

善男子善女人持戒比丘及菩薩。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân trì giới Tỳ-kheo cập Bồ-tát.

Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, trì giới Tỳ-kheo và Bồ-tát,

如是所行皆名依聖。又復阿者。世界言語法之所依。

như thị sở hạnh giai danh y Thánh. hựu phục a giả. thế giới ngôn ngữ Pháp chi sở y.

những hạnh này đều y nơi Thánh. Lại nữa chữ Ā là chỗ nương tựa của pháp ngôn ngữ thế giới.

如言善男子阿伽車。如言男子莫作阿那遮邏。

như ngôn thiện nam tử a đà xa. như ngôn nam tử mạc tác a na già lã.

Như nói, Thiện nam tử phải làm A-dà-xa (phổ khú tức là giải trừ các thứ độc hại), hay nói nam tử chớ làm A-na-giá-la (abhicāra, tên loài quỷ),

是故阿者亦是世間言語所依。短伊者此也。

thị cố a giả diệc thị thế gian ngôn ngữ sở y. đoản y giả thử dã.

cho nên chữ Ā cũng là chỗ dựa của ngôn ngữ thế gian. Chữ Ī ngắn là cái này vậy,言此法者是如來法。梵行離垢清淨。

ngôn thử Pháp giả thị Như-Lai Pháp. phạm hành ly cấu thanh tịnh.

nói pháp này là pháp Như Lai, phạm hạnh thanh tịnh ly cấu,

猶如滿月顯此法故。諸佛世尊而現此名。又復伊者。

do như mãn nguyệt hiển thử Pháp cố. chư Phật Thế tôn nhi hiện thử danh. hựu phục y giả.

giống như mặt trăng đầy, do hiển bày pháp này nên chư Phật Thế Tôn hiện danh tự này. Lại nữa chữ Y,

言此是義此非義。此是魔說此是佛說。

ngôn thù thị nghĩa thù phi nghĩa. thù thị ma thuyết thù thị Phật thuyết.
nói cái này là đúng nghĩa, cái này sai nghĩa, cái này là ma thuyết, cái này là Phật thuyết,

依是分別故名為此。其長伊者。名為自在名大自在。

y thị phân biệt cố danh vi thù. kỳ trường y giả. danh vi tự-tại danh Đại tự-tại.
y nơi sự phân biệt nên nói chữ THỮ. Chữ Ī dài, gọi là tự tại, đại tự tại,
自在梵王能於如來難得之教以自在力護持

tự tại Phạm Vương năng u Như-Lai nan đắc chi giáo dĩ tự-tại lực hộ trì
phạm vương tự tại, có thể ở nơi giáo pháp khó đắc của Như Lai, dùng lực tự tại
mà hộ trì

正法。以是之故名為自在。又復伊者。

Chánh pháp. dĩ thị chi cố danh vi tự-tại. hựu phục y giả.

Chánh pháp, do đó nên gọi là tự tại. Lại nữa chữ Ī là

於此自在大乘方等般泥洹經。自在攝持。

ư thù tự-tại Đại thừa phương đẳng bát nê hoàn Kinh. tự-tại nhiếp trì.

đối với kinh Đại thừa Phương đẳng Bát-niết-bàn này có thể tự tại giữ gìn,

令此教法自在熾然。令餘眾生自在受學此方等經。

lệnh thù giáo Pháp tự-tại sí nhiên. lệnh dư chúng sanh tự-tại thọ học thù phương
đẳng Kinh.

khiến giáo pháp này được hưng thịnh tự tại, khiến các chúng sanh tự tại thọ học
kinh Phương Đẳng này.

又復伊者。自在。方等能除伊者嫉妬邪見。

hựu phục y giả. tự-tại. phương đẳng năng trừ y giả tật đồ tà kiến.

Lại nữa chữ Ī là tự tại, có thể trừ diệt tà kiến tật đồ,

如治田苗去諸穢草。如是等比。

như trì điền miêu khử chu ế thảo. như thị đẳng bỉ.

như làm ruộng mà trừ bỏ cỏ xấu, so sánh như vậy,

是故如來說伊自在。短憂者。上也。於此契經說最上義。

thị cố Như-Lai thuyết y tự-tại. đoản ưu giả. thượng dã. ư thù khế Kinh thuyết tối
thượng nghĩa.

nên biết Như Lai thuyết chữ Ī là tự tại. Chữ đoản ƯU là trên hết, đối với khế
kinh này là nghĩa Tối thượng,

其諸聲聞及辟支佛。

kỳ chu thanh văn cập Bích-chi-phật.

các hàng Thanh văn và Bích-chi-phật

所未曾聞一句一字片言歷耳。譬如諸方鬱單越為福德之上。

sở vị tăng văn nhất cú nhất tự phiến ngôn lịch nhĩ. thí như chu phương uất đan
việt vi phúc đức chi thượng.

chưa từng nghe một câu một chữ một lời qua tai, thí như các phương thì phương
Đông Thắng Thân Châu là phúc đức tối thượng.

大乘方等亦復如是。一言歷耳。

Đại thừa phương đẳng diệc phục như thị. nhất ngôn lịch nhĩ.

Đại thừa Phương Đẳng cũng lại như vậy, một lần nghe qua tai,

當知是等人中之上為菩薩也。是故如來說此憂字。

đương tri thị đẳng nhân trung chi thượng vi Bồ-tát dã. thị cố Như-Lai thuyết thù
ưu tự.

những hạng người này là Bồ-tát ở trên tất cả mọi người, cho nên Như Lai thuyết
chữ ƯU này.

長憂者如香牛乳。其乳香味是大乘經最為上味。

trường ưu giả như hương ngưu nhũ. kỳ nhũ hương vị thị Đại thừa Kinh tối vi
thượng vị.

Chữ trường ƯU cũng như sữa của hương ngưu, mùi vị và hương thơm của sữa ấy là
tối ưu thượng vị của kinh Đại thừa,

廣說如來真實之性。非法憍慢皆悉消滅。又復憂者。

quảng thuyết Như-Lai chân thật chi tánh. phi Pháp kiêu mạn giai tất tiêu diệt. hựu phục ưu giả.

rộng nói về tánh chân thật của Như Lai, diệt trừ hết những phi pháp, kiêu mạn. Lại nữa chữ UU,

名為大憂。於如來藏慧命根斷著無我說。

danh vi Đại ưu. u Như Lai tạng tuệ mạng căn đoạn trừ vô ngã thuyết.

được gọi là Đại UU, đối với tạng Như Lai dùng huệ mạng mà đoạn trừ chấp trước vô ngã

當知是等名為大憂。是故說憂。咽者是也。

đương tri thị đẳng danh vi Đại ưu. thị cố thuyết ưu. yết giả thị dã.

phải biết đây gọi là Đại UU, cho nên nói là Ưu. Nói chữ YẾT là đúng vậy, 言是佛法。如來泥洹。亦說是法。咽者如來也。

ngôn thị Phật Pháp. Như-Lai nê hoàn. diệc thuyết thị Pháp. yết giả Như-Lai dã. đó là Phật pháp, Như Lai Niết-bàn cũng nói pháp này. Chữ YẾT là Như Lai vậy, 有來去義。以是故說如來如去。烏者下也。

hữu lai khứ nghĩa. dĩ thị cố thuyết Như-Lai như khứ. ô giả hạ dã.

có ý nghĩa là khứ lai, cho nên nói Như Lai như khứ. Chữ Ô là bên dưới, 下賤煩惱悉除滅已名為如來。是故說烏。

hạ tiện phiền não tất trừ diệt dĩ danh vi Như-Lai. thị cố thuyết ô.

phiền não hạ tiện đều trừ hết rồi nên gọi là Như Lai, cho nên nói là Ô. 炮者是摩訶衍。於十四音炮為究竟。

pháo giả thị Ma-Ha diễ. u thập tứ âm pháo vi cứu cánh.

chữ PHÁO là Ma-ha-diễ, trong mười bốn âm thì chữ PHÁO là rốt ráo,

是故說名為摩訶衍。於一切論為究竟論。是故說炮。

thị cố thuyết danh vi Ma-Ha diễ. u nhất thiết luận vi cứu cánh luận. thị cố thuyết pháo.

cho nên nói là Ma-ha-diễ, đối với tất cả luận thì đó là luận rốt ráo, cho nên gọi là PHÁO.

安者一切也。如來教法離於一切錢財寶物。

an giả nhất thiết dã. Như-Lai giáo Pháp ly u nhất thiết tiền tài bảo vật.

Chữ AN là tất cả, giáo pháp Như Lai xa lìa tất cả tiền tài báu vật.

安者遮義。一闡提義。最後阿者。盡也。

an giả giả nghĩa. nhất xiển đề nghĩa. tối hậu a giả. tận dã.

AN nghĩa là ngăn lại, nghĩa nhất xiển đề. Chữ A sau cùng nghĩa là hết,

一切契經摩訶衍者。最為窮盡。迦者一切眾生如一子想。

nhất thiết khế Kinh Ma-Ha diễ giả. tối vi cùng tận. ca giả nhất thiết chúng sanh như nhất tử tưởng.

tất cả khế kinh Ma-ha-diễ rất là cùng tận. Chữ CA là đối với tất cả chúng sanh đều khởi tưởng như con một,

於諸一切皆起悲心。是故說迦。呿者掘也。

u chư nhất thiết giai khởi bi tâm. thị cố thuyết ca. 呿 giả quật dã.

đối với tất cả đều khởi tâm thương xót, cho nên nói là ca. Chữ KHU nghĩa là đào xới,

發掘如來甚深法藏。智慧深入無有堅固。

phát quật Như-Lai thậm thâm Pháp tạng. trí tuệ thâm nhập vô hữu kiên cố.

đào xới tạng pháp thâm sâu của Như Lai, trí huệ thâm nhập không có kiên cố,

是故說呿。迦者藏也。

thị cố thuyết khu. ca giả tạng dã.

cho nên gọi là KHU. Chữ CA nghĩa là tạng,

一切眾生有如來藏是故說伽。重音伽者吼也。

nhất thiết chúng sanh hữu Như Lai tạng thị cố thuyết dà. trọng âm dà giả hồng dã.

tất cả chúng sanh đều có Như Lai tạng nên gọi là DÀ, trùng âm chữ CA nghĩa là rống to,

常師子吼說如來常住。俄者脆也。一切諸行速起速滅。

thường Su-tử hồng thuyết Như-Lai thường trụ. nga giả thúy dã. nhất thiết chu hành tốc khởi tốc diệt.

su tử hồng thuyết Như Lai thường trụ. Chử Nga là nguy hiểm, tất cả các hành mau khởi chóng diệt

故說為俄。遮者行也。成就眾生故名為遮。

cổ thuyết vi nga. già giả hành dã. thành tựu chúng sanh cố danh vi già.

cho nên nói là NGA. Chử GIÁ nghĩa là đi, do thành tựu chúng sanh nên gọi là GIÁ.

車者照耀。如來常住之性。是故說車。闇者生也。

xa giả chiếu diệu. Như-Lai thường trụ chi tánh. thị cố thuyết xa. đồ giả sanh dã.

Chử XA lia rực rỡ, là tánh thường trụ của Như Lai nên gọi là XA. Chử ĐỒ nghĩa là sanh,

生諸解脫非如生死危脆之生。是故說闇。

sanh chư giải thoát phi như sanh tử nguy thúy chi sanh. thị cố thuyết đồ.

sanh các giải thoát, chẳng phải sanh khởi sanh tử nguy hiểm, nên gọi là ĐỒ.

重音闇者燒也一切煩惱燒令速滅。故說為闇。

trọng âm đồ giả thiêu dã nhất thiết phiền não thiêu lệnh tốc diệt. cố thuyết vi đồ.

Trọng âm chử ĐỒ nghĩa là thiêu đốt, đốt tất cả phiền não khiến mau diệt nên gọi là ĐỒ.

若者智也。知法真實是故說若。吒者示也。

nhược giả trí dã. tri Pháp chân thật thị cố thuyết nhược. tra giả kì dã.

Chử NHƯỢC nghĩa là trí, biết rõ pháp chân thật nên gọi là NHƯỢC. Chử TRA là hiển bày,

於閻浮提現不具足。而彼如來法身常住。

ư Diêm-phù-đề hiện bất cụ túc. nhi bỉ Như-Lai Pháp thân thường trụ.

ở nơi cõi Diêm-phù-đề không hiển bày đầy đủ pháp thân thường trụ của Như Lai

是故說吒。吒者示滿足也。平等滿足是故說佗。

thị cố thuyết tra. tra giả kì mãn túc dã. bình đẳng mãn túc thị cố thuyết sá.

cho nên gọi là TRA. Chử TRA là hiển bày đầy đủ; bình đẳng đầy đủ nên gọi là SÁ.

茶者輕仙不沒。是故說茶。重音茶者。

trà giả khinh tiên bất mạt. thị cố thuyết trà. trọng âm trà giả.

Chử TRÀ là nhẹ nhàng không chìm, cho nên gọi là TRÀ. Trọng âm chử TRÀ

不知慚恥。重恩不報是故說茶。

bất tri tâm si. trọng ân bất báo thị cố thuyết trà.

là không biết xấu hổ, không biết báo đáp trọng ân nên gọi là TRA.

挈者不正可如諸外道。是故說挈。

noa giả bất chánh khả như chư ngoại đạo. thị cố thuyết noa.

Chử NOA là không chánh, như các hàng ngoại đạo nên gọi là NOA.

多者遮一切有令不相續是故說多。他者無知也。如蠶虫作繭。

đa giả giả nhất thiết hữu lệnh bất tương tục thị cố thuyết đa. tha giả vô tri dã. như tầm trùng tác kiến.

Chử ĐA là ngăn chặn tất cả khiến không tương tục, nên gọi là ĐA. Chử THA là vô tri, như con tằm làm kén tự buộc mình,

是故說他。陀者於摩訶衍歡喜方便。是故說陀。

thị cố thuyết tha. đa giả ư Ma-Ha diển hoan hi phương tiện. thị cố thuyết đa.

cho nên gọi là THA. Chử ĐÀ là đối với kinh Ma-ha-diển có phương tiện hoan hỷ, nên gọi là ĐÀ.

重音陀者持也。護持三寶如須彌山不令沈沒。

trọng âm đa giả trì dã. hộ trì Tam Bảo như Tu-Di sơn bất lệnh trầm mạt.

Trọng âm chử ĐÀ nghĩa là giữ gìn, hộ trì Tam bảo như núi Tu-di không để sụp đổ

是故說陀。那者如城門側因陀羅幢。

thị cố thuyết đà. na giả như thành môn trặc nhân đà la tràng.
nên gọi là ĐÀ. Chữ NA là chữ bên cổng thành có tràng phan trặc-nhân-đà-la, 豎立三寶。是故說那。波者起顛倒想。
 thọ lập Tam Bảo. thị cố thuyết na. ba giả khởi điên đảo tướng.
đây là kiến lập Tam bảo nên gọi là NA. Chữ BA là khởi vọng tướng điên đảo, 三寶沈沒而自迷亂。是故說波。
 Tam Bảo trầm một nhi tự mê loạn. thị cố thuyết ba.
Tam bảo suy yếu mà tự mê loạn, cho nên gọi là BA.
願者世界成敗持戒成敗自己成敗。是故說願。婆者力也。
 pha giả thế giới thành bại trì giới thành bại tự kỷ thành bại. thị cố thuyết pha. bà giả lực dã.
Chữ PHA là thế giới thành bại, trì giới thành bại, tự mình thành bại, nên gọi là PHA. Chữ BÀ là sức lực, 如諸如來無量神力非但十力。是故說婆。重音婆者。
 như chư Như-Lai vô lượng Thần lực phi đãn thập lực. thị cố thuyết bà. trọng âm bà giả.
nư chư Phật có vô lượng thần lực, chẳng phải chỉ có mười lực, nên gọi là BÀ. Trọng âm chữ BÀ
能擔正法為菩薩道。是故說婆。摩者限也。
 năng diêm Chánh pháp vi Bồ-tát đạo. thị cố thuyết bà. ma giả hạn dã.
là có thể đảm đương Chánh pháp, thực hành đạo Bồ-tát. Cho nên gọi là BÀ. Chữ MA là hạn lượng, 入菩薩法限自強其志為眾重擔。是故說摩。
 nhập Bồ-tát Pháp hạn tự cường kỳ chí vi chúng trọng diêm. thị cố thuyết ma.
thâm nhập đạo Bồ-tát, tự mình hạn lượng phải dốc chí vi chúng sanh, cho nên gọi là MA.
耶者習行菩薩四種功德。是故說耶。
 da giả tập hành Bồ-tát tứ chủng công đức. thị cố thuyết da.
Chữ DA là thực hành bốn thứ công đức của Bồ-tát nên gọi là DA.
羅者滅婬怒癡入真實法。是故說羅。輕音羅者。
 la giả diệt dâm nộ si nhập chân thật Pháp. thị cố thuyết la. khinh âm la giả.
Chữ LA là diệt tham sân si, thâm nhập pháp chân thật nên gọi là LA. Khinh âm của chữ LA
不受聲聞辟支佛乘受學大乘。是故說羅。
 bất thọ thanh văn Bích-chi-phật thừa thọ học Đại thừa. thị cố thuyết la.
là không học Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa, chỉ thọ học Đại thừa nên gọi là LA.
和者一切世間呪術制作。菩薩悉說。是故說知。
 hòa giả nhất thiết thế gian chú thuật chế tác. Bồ-tát tất thuyết. thị cố thuyết tri.
Chữ HÒA là tất cả chú thuật chế tác của thế gian, Bồ-tát đều giảng hết, cho nên gọi là biết.
除者三種毒刺皆悉已拔。是故說除。沙者滿義。
 xa giả tam chủng độc thứ giai tất dĩ bạt. thị cố thuyết xa. sa giả mãn nghĩa.
Chữ XA là ba thứ độc tham sân si đều đã nhổ sạch, cho nên gọi là XA. Chữ SA là đầy đủ nghĩa, 悉能聞受方等契經。是故說沙。
 tất năng văn thọ phương đẳng khế Kinh. thị cố thuyết sa.
có thể nghe và thọ trì khế kinh Phương Đẳng, nên gọi là SA.
娑者豎立正法。是故說娑。呵者驚聲也。
 sa giả thọ lập Chánh pháp. thị cố thuyết sa. ha giả kinh thanh dã.
Chữ BÀ là kiến lập Chánh pháp, cho nên gọi là BÀ. Chữ HA là tiếng kinh động, 怪哉諸行悉皆究竟。怪哉如來而般泥洹離諸喜樂。

quái tai chu hành tất giai cứu cánh. quái tai Như-Lai nhi bát nê hoàn ly chu thiện lạc.

lạ thay các hạnh đều rất ráo, lạ thay Như Lai nhập Niết-bàn xa lìa các hỷ lạc, 是故說呵。羅(來雅反)者魔也。

thị cổ thuyết ha. la (lai nhã phân) giả ma dã.

cho nên gọi là HA. Chữ La (theo chiều ngược của Nhã) là ma vậy,

天魔億千無能破壞如來正僧。隨順世間而現有壞。

Thiên ma úc thiên vô năng phá hoại Như-Lai chánh tăng. tùy thuận thế gian nhi hiện hữu hoại.

Ngàn úc thiên ma không thể phá hoại Như Lai, Pháp, Tăng, tùy thuận thế gian mà thị hiện có hoại diệt,

又復隨順世間現為父母諸宗親等。是故說羅(來雅反)。

hựu phục tùy thuận thế gian hiện vi phụ mẫu chu tông thân đẳng. thị cổ thuyết la (lai nhã phân)。

lại tùy thuận thế gian nên thị hiện làm cha mẹ, bà con quyến thuộc, cho nên gọi là La.

釐釐樓樓。此四字者。長養四義佛及法僧。

ly ly lâu lâu. thử tứ tự giả. trường dưỡng tứ nghĩa Phật cập Pháp tăng.

Bốn chữ LY LY LÂU LÂU là nuôi lớn bốn ý nghĩa của Phật, Pháp và Tăng

示現有對隨順世間。示現有對如調達壞僧。

thị hiện hữu đối tùy thuận thế gian. thị hiện hữu đối như Điều-đạt hoại tăng.

thị hiện có sự tùy thuận thế gian, thị hiện có đối đãi như Điều-đạt phá hoại Tăng

僧實不壞如來方便示現壞僧。

tăng thật bất hoại Như-Lai phương tiện thị hiện hoại tăng.

nhưng Tăng thật chất không bị hoại mà Như Lai dùng phương tiện thị hiện có Tăng hoại,

化作是像為結戒故。若知如來方便義者。不應恐怖。

hóa tác thị tượng vi kết giới cố. nhược tri Như-Lai phương tiện nghĩa giả. bất ứng khủng phổ.

hóa hiện hiện tượng này để kết giới. Nếu biết đó là phương tiện của Như Lai thì không nên lo sợ,

當知是名隨順世間。是故說此最後四字。

đương tri thị danh tùy thuận thế gian. thị cổ thuyết thử tối hậu tứ tự.

phải biết đây gọi là tùy thuận thế gian, cho nên thuyết bốn chữ sau cùng này.

吸氣之聲舌根之聲隨鼻之聲。超聲長聲。

hấp khí chi thanh thiệt căn chi thanh tùy ty chi thanh. siêu thanh trường thanh.

Âm vòm lưỡi, âm lưỡi, âm mũi, âm cao, âm dài,

以斯等義和合此字。如此諸字和順諸聲入眾言音。

dĩ tu đẳng nghĩa hòa hợp thử tự. như thử chu tự hòa thuận chu thanh nhập chúng ngôn âm.

do nghĩa những âm này mà hòa hợp thành chữ. Những chữ này là hòa thuận các âm thanh hợp lại tạo thành tiếng nói,

皆因舌齒而有差別。因斯字故。

giai nhân thiệt xỉ nhi hữu sai biệt. nhân tu tự cố.

đều do nơi răng, lưỡi mà có sai khác. Nhân nơi chữ này

無量諸患積聚之身。陰界諸入因緣和合。

vô lượng chu hoạn tích tụ chi thân. uẩn giới chu nhập nhân duyên hòa hợp.

mà có vô lượng tai hoạn tích tụ nơi thân. Năm âm, Mười tám giới, Mười hai nhập nhân duyên hòa hợp,

休息寂滅入如來性。佛性顯現究竟成就。

hưu tức tịch diệt nhập Như-Lai tánh. Phật tánh hiển hiện cứu cánh thành tựu.

bặt dứt vắng lặng, thâm nhập Như Lai tánh, Phật tánh hiển bày rất ráo thành tựu,

是故半字名為一切諸字之本。若觀法實及如來解脫。

thị cố bán tự danh vi nhất thiết chư tự chi bản。nhược quán Pháp thật cập Nhu-Lai giải thoát。

cho nên Bán Tự (chưa đầy đủ một chữ) gọi là căn bản của tất cả chữ, nếu quán sát thật pháp và Nhu Lai giải thoát

亦無文字言語之相。字相味相皆悉遠離。

diệc vô văn tự ngôn ngữ chi tướng。tự tướng vị tướng giai tất viễn li。

thì cũng không có tướng của văn tự ngữ ngôn vì tướng văn tự, tướng mùi vị đều xa lìa

是故一切遠離名為解脫。其解脫者即是如來。

thị cố nhất thiết viễn li danh vi giải thoát。kỳ giải thoát giả tức thị Nhu-Lai。

cho nên tất cả xa lìa thì gọi là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Nhu Lai。

因是半字能起諸法。而無諸法因字之想。

nhân thị bán tự năng khởi chư Pháp。nhi vô chư Pháp nhân tự chi tướng。

Nhân nơi Bán Tự (ký âm chưa trọn một chữ) này mà có thể khởi các pháp, mà không có ý tưởng các pháp nhân nơi chữ mà có,

是名善解文字之義。

thị danh thiện giải văn tự chi nghĩa。

cho nên gọi là khéo hiểu ý nghĩa của văn tự

若異是者不解文字分別諸法是法非法。如來之性三寶解脫。

nhược dị thị giả bất giải văn tự phân biệt chư Pháp thị Pháp phi Pháp。Nhu-Lai chi tánh Tam Bảo giải thoát。

nếu khác điều này tức là không hiểu văn tự để phân biệt các pháp là pháp đúng pháp sai, tánh Nhu Lai, Tam bảo, Giải thoát

而不能知是經非經是律非律魔說佛說。悉不能知我說。

nhi bất năng tri thị Kinh phi Kinh thị luật phi luật ma thuyết Phật thuyết。tất bất năng tri ngã thuyết。

mà không thể biết kinh đúng, kinh sai, luật đúng, luật sai, ma thuyết hay Phật thuyết, đều không thể biết rõ những gì Ta thuyết,

是等不知字故。是故善男子。

thị đẳng bất tri tự cố。thị cố thiện nam tử。

đây là do không biết văn tự。Cho nên Thiện nam tử,

汝等應當善學半字。亦當入彼解文字數。迦葉菩薩白佛言。

nhữ đẳng ứng đương thiện học bán tự。diệc đương nhập bỉ giải văn tự số。ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn。

các ông phải khéo học Bán Tự, cũng phải thâm nhập để hiểu văn tự。Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng:

世尊。我當善學斯等半字。今我世尊。

Thế tôn。ngã đương thiện học tu đẳng bán tự。kim ngã Thế tôn。

Bạch Thế Tôn, con sẽ khéo học Bán Tự này。Thế Tôn, nay con

始為佛子得最上師。我今始入學書之堂。

thùy vi Phật-Tử đắc tối thượng sư。ngã kim thùy nhập học thư chi đường。

bắt đầu làm Phật tử, có được bậc thầy tối thượng, nay con mới bước vào nơi học。

佛告迦葉。善哉善哉。善男子。

Phật cáo ca diệp。Thiện tai Thiện tai。thiện nam tử。

Phật dạy: Ca-diệp, Hay thay hay thay! Thiện nam tử,

樂修正法應當如是。

lạc tu Chánh pháp ứng đương như thị。

thích tu Chánh pháp nên làm như vậy。

大般泥洹經鳥喻品第十五

Đại bát nê hoàn Kinh điều dụ phẩm đệ thập ngũ

Kinh Đại Bát-nê-hoàn

佛復告迦葉。鴈鶴舍利鳥者。

Phật phục cáo ca diệp. nhận hạc Xá-lợi điều giả.

Phật lại bảo Ca-diếp: Các loài Nhận, Hạc, Xá-lợi là
所謂種種無常苦空非我等法。如眾鴈鶴舍利之鳥。

sở vị chúng chúng vô thường khổ không phi ngã đẳng Pháp. như chúng nhận hạc Xá-lợi chi điều.

chỗ gọi các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, cũng như các loài chim Nhận, Hạc, Xá lợi.

迦葉白佛。此義云何。佛告迦葉。有法無常有法是常。

ca diệp bạch Phật. thử nghĩa vân hà. Phật cáo ca diệp. hữu Pháp vô thường hữu Pháp thị thường.

Ca-diếp bạch Phật: Nghĩa ấy như thế nào? Phật dạy: Ca-diếp, có pháp vô thường, có pháp là thường,

有法是苦有法是樂。有法是我有法非我。

hữu Pháp thị khổ hữu Pháp thị lạc. hữu Pháp thị ngã hữu Pháp phi ngã.

có pháp là khổ, có pháp là vui, có pháp là ngã, có pháp là vô ngã,

譬如田夫種殖五穀及諸果樹。

thí như điền phu chúng thực ngũ cốc cập chư quả thụ.

thí như nông dân trồng năm thứ lúa và các cây trái,

從其萌芽乃至華葉。其人恒作非常之想。

tòng kỳ manh nha nãi chí hoa diệp. kỳ nhân hằng tác phi thường chi tưởng.

từ lúc nảy mầm cho đến ra lá đơm hoa, người này thường khởi ý nghĩ là vô thường, 至其成熟收其果實。得受用時而生常想。所以者何。真實現故。

chí kỳ thành thực thu kỳ quả thật. đắc thọ dụng thời nhi sanh thường tưởng. sở dĩ giả hà. chân thật hiện cố.

đến khi thành tựu thu hoạch được quả, lúc thọ dụng mới sanh ý tưởng là thường.

Tại vì sao? Vì đã hiển bày chân thật.

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何五穀之常。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. vân hà ngũ cốc chi thường.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, tại sao ngũ cốc là thường, 與如來同不磨滅耶。佛告迦葉。

dữ Như-Lai đồng bất ma diệt da. Phật cáo ca diệp.

như vậy cũng đồng với Như Lai không hoại diệt sao? Phật dạy: Ca-diếp,

猶以如來喻須彌山。其須彌山世界敗時豈不壞耶。善男子。

do dĩ Như-Lai dụ Tu-Di sơn. kỳ Tu-Di sơn thế giới bại thời khởi bất hoại da. thiện nam tử.

Như Lai được dụ như núi Tu-di, lúc thế giới hoại thì núi Tu-di há không hoại diệt sao? Thiện nam tử,

莫於譬喻而生是問。一切諸法悉歸磨滅。

mạc ư thí dụ nhi sanh thị vấn. nhất thiết chư Pháp tất quy ma diệt.

chớ ở nơi thí dụ này mà khởi câu hỏi, tất cả pháp đều quay về hoại diệt,

唯有泥洹是常法耳。隨世言說以彼為喻。

duy hữu nê hoàn thị thường Pháp nhi. tùy thế ngôn thuyết dĩ bi vi dụ.

chỉ có Niết-bàn là pháp thường mà thôi, đây là tùy thuận ngôn ngữ thế gian nên nói thí dụ trên.

迦葉菩薩白佛言。唯然世尊。善哉斯說。佛告迦葉。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. duy nhiên Thế tôn. Thiện tai tu thuyết. Phật cáo ca diệp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Đúng vậy Thế Tôn, Hay thay lời dạy ấy. Phật dạy: Ca-diếp,

如是善男子。一切契經修諸三昧。

như thị thiện nam tử. nhất thiết khế Kinh tu chư Tam-muội.

như vậy Thiện nam tử, tất cả Khế Kinh, các pháp tu thiền định Tam-muội,

乃至未聞大般泥洹方等契經。諸眾生等修無常想。

nãi chí vị văn Đại bát nê hoàn phương đẳng khế Kinh. chu chúng sanh đẳng tu vô thường tưởng.

cho đến người chưa nghe kinh Đại Bát-niết-bàn Phương Đẳng, hoặc các chúng sanh tu pháp vô thường,

聞此經已。若善男子善女人。

văn thử Kinh dĩ. nhưc thiện nam tử Thiện Nữ Nhân.

khí nghe Kinh này rồi thì các Thiện nam tử thiện nữ nhơn ấy

所懷煩惱疑結永離。曉了常法。所以者何。

sở hoài phiền não nghi kết vĩnh ly. hiểu liễu thường Pháp. sở dĩ giả hà.

được xa lìa các phiền não tích tụ, hiểu rõ pháp thường. Tại vì sao?

各於自身如來之性。得顯現故。復次善男子。

các u tỳ thân Như-Lai chí tánh. đắc hiển hiện cố. phục thứ thiện nam tử.

do tánh Như Lai tỳ thân mà được hiển bày. Lại nữa Thiện nam tử,

譬如金師銷鎔其金。至器未成作非常想。

thí như kim sư tiêu dung kỳ kim. chí khí vị thành tác phi thường tưởng.

thí như người thợ vàng nấu các kim loại, khi chưa thành thì khởi tưởng là vô thường

寶器成已常得受用。如是善男子。一切契經修諸三昧。

bảo khí thành dĩ thường đắc thọ dụng. như thị thiện nam tử. nhất thiết khế Kinh tu chư Tam-muội.

đến khi vàng đã thành tựu thì thường được thọ dụng. Như vậy Thiện nam tử, tất cả Khế kinh và các pháp thiền định Tam-muội,

乃至未聞大般泥洹方等契經。其諸眾生修無常想。

nãi chí vị văn Đại bát nê hoàn phương đẳng khế Kinh. kỳ chu chúng sanh tu vô thường tưởng.

cho đến chưa nghe khế kinh Đại Bát-niết-bàn Phương Đẳng, thì các chúng sanh liền khởi tưởng vô thường,

聞此經已。所懷煩惱疑結永離。曉了常法。

văn thử Kinh dĩ. sở hoài phiền não nghi kết vĩnh ly. hiểu liễu thường Pháp.

khí nghe kinh này rồi thì được xa lìa các phiền não tích tụ, hiểu rõ pháp thường.

所以者何。各於自身如來之性。得顯現故。

sở dĩ giả hà. các u tỳ thân Như-Lai chí tánh. đắc hiển hiện cố.

Tại vì sao? Do tánh Như Lai nơi mỗi người đều được hiển bày.

復次善男子。譬如有人種甘蔗胡麻乃至未熟。

phục thứ thiện nam tử. thí như hữu nhân chủng cam giá hồ ma nãi chí vị thực.

Lại nữa Thiện nam tử, thí như có người trồng mía, hồ ma, khi chưa thu hoạch
常作種種諸味之想。

thường tác chủng chủng chư vị chi tưởng.

thì khi ý tưởng các mùi vị,

麻油石蜜成已乃知真味。如是善男子。一切契經修諸三昧。

ma du thạch mật thành dĩ nãi tri chân vị. như thị thiện nam tử. nhất thiết khế Kinh tu chư Tam-muội.

đến khi hồ ma ép dầu thành mật mới biết được mùi vị chân thật. Như vậy Thiện nam tử, tất cả Khế kinh và các pháp thiền định Tam-muội,

乃至未聞大般泥洹方等契經。其諸眾生修無常想。

nãi chí vị văn Đại bát nê hoàn phương đẳng khế Kinh. kỳ chu chúng sanh tu vô thường tưởng.

cho đến chưa nghe Khế kinh Đại Bát-niết-bàn Phương Đẳng, thì các chúng sanh ấy khởi tưởng vô thường,

聞此經已。所懷煩惱疑結永離。曉了常法。

văn thử Kinh dĩ. sở hoài phiền não nghi kết vĩnh ly. hiểu liễu thường Pháp.

khí nghe kinh này rồi thì được xa lìa các phiền não tích tụ, hiểu rõ pháp thường.

所以者何。各於自身如來之性。得顯現故。

sở dĩ giả hà. các ư tự thân Như-Lai chi tánh. đặc hiển hiện cố.

Tại vì sao, do tánh Như Lai nơi tự thân mỗi người đều được hiển bày.

譬如百川皆歸于海。如是一切契經及諸三昧。

thí như bách xuyên giai quy vu hải. như thị nhất thiết khế Kinh cập chư Tam-muội.

thí như trăm sông đều đổ về biển, cũng vậy tất cả khế kinh và các pháp thiền định Tam-muội

悉歸方等般泥洹經。所以者何。

tất quy phương đẳng bát nê hoàn Kinh. sở dĩ giả hà.

đều quay về kinh Phương đẳng Bát-niết-bàn. Tại vì sao?

如來之性究竟說故。是故我說有法無常有法是常。

Như-Lai chi tánh cứu cánh thuyết cố. thị cố ngã thuyết hữu Pháp vô thường hữu Pháp thị thường.

Vì kinh này nói về tánh Như Lai rất ráo, cho nên Ta nói có pháp thường và có pháp vô thường.

如舍利鳥。憂悲劍刺如來已斷。

như Xá-lợi điều. ưu bi kiếm thứ Như-Lai dĩ đoạn.

Như chim Xá-lợi, ưu não buồn khổ Như Lai đã đoạn,

而於此論多有疑者。然其如來現有憂悲。

nhĩ ư thử luận đa hữu nghi giả. nhiên kỳ Như-Lai hiện hữu ưu bi.

mà đối với luận này còn có nhiều nghi ngờ, nhưng Như Lai hiện có sầu bi ấy

非如人天及餘眾生之憂悲也。如非想處云何有想。

phi như nhân Thiên cập dư chúng sanh chi ưu bi dã. như phi tưởng xử vân hà hữu tưởng.

chẳng phải sầu bi như trời, người và các chúng sanh khác. Như cõi Phi tưởng làm sao có tưởng,

若無有想不應有壽。有壽無想。何有想陰界入之名。

nhược vô hữu tưởng bất ứng hữu thọ. hữu thọ vô tưởng. hà hữu tưởng uẩn giới nhập chi danh.

nếu không có tưởng thì không nên có thọ, có thọ thì không tưởng, sao có tên Tưởng, Âm, Giới.

又如林樹皆有神依。若神依樹。

hựu như lâm thụ giai hữu Thần y. nhược Thần y thụ.

Lại như rừng cây đều có thần nương ở, nếu thần nương ở cây

為依根莖為依枝條。如是諸處悉皆不現。為依何住。

vi y căn hành vi y chi điều. như thị chu xử tất giai bất hiện. vi y hà trụ.

là nương nơi gốc, thân, hay nương nơi cành lá, như vậy các chỗ đều không có thì nương nơi nào?

如是如來教法甚深。當知如來現有憂悲。

như thị Như-Lai giáo Pháp thậm thâm. đương tri Như-Lai hiện hữu ưu bi.

Cũng vậy giáo pháp thâm sâu của Như Lai, phải biết Như Lai cũng có hiện hữu sầu bi

於羅睺羅而起慈心。乃至非想非非想處亦復如是。

ư la hâu la nhi khởi từ tâm. nãi chí phi tưởng phi phi tưởng xử diệc phục như thị.

là đối với La-hầu-la mà khởi tâm từ, cho đến cõi Phi tưởng, Phi phi tưởng cũng lại như vậy,

唯佛與佛乃知此義。斯等皆是諸佛之法。

duy Phật dữ Phật nãi tri thử nghĩa. tu đẳng giai thị chư Phật chi Pháp.

chỉ có Phật và Phật mới biết nghĩa này, đây đều là pháp của chư Phật.

尚無心意何有憂悲。憂悲若無教法相違。

thượng vô tâm ý hà hữu ưu bi. ưu bi nhược vô giáo Pháp tương vi.

Tâm ý còn không có làm sao có sầu bi, nếu không sầu bi thì giáo pháp trái nhau,

如一子想是則空言。說一切法皆不可信。

như nhất tử tưởng thị tắc không ngôn. thuyết nhất thiết Pháp giai bất khả tín.
như nói xem tất cả như con một là lời nói suông, tất cả pháp đều không thể tin,
but như lai so nói không thể nghĩ bàn. 諸佛教法亦不可思議。

đến Như-Lai sở thuyết bất khả tư nghị. chư Phật giáo Pháp diệc bất khả tư nghị.
nhưng chỗ thuyết giảng của Như Lai là không thể nghĩ bàn, giáo pháp của chư Phật
cũng không thể nghĩ bàn,
như lai pháp không thể nghĩ bàn. 是為真實。

Như-Lai Phật Pháp bất khả tư nghị. thị vi chân thật.
Như Lai, Phật pháp cũng không thể nghĩ bàn, đó là chân thật.

譬如虛空不可於中造立宮室。而諸幻士能於中造。

thí như hư không bất khả ư trung tạo lập cung thất. nhi chư huyễn sĩ năng ư
trung tạo。

Thí như hư không không thể tạo lập cung điện trong ấy, mà các nhà ảo thuật có
thể tạo ra.

凡愚見已而作是念。云何空中而得安立如心意轉。

phàm ngu kiến dĩ nhi tác thị niệm. vân hà không trung nhi đắc an lập như tâm ý
chuyển。

Kẻ phàm ngu thấy vậy nên nghĩ rằng: Tại sao nơi hư không mà tạo lập được như tâm
ý chuyển,

如是所說尚無心意何有憂悲。憂悲若無。

như thị sở thuyết thượng vô tâm ý hà hữu ưu bi. ưu bi nhược vô。

như vậy lời nói còn không có thì tâm ý sao có sầu bi. Nếu không có sầu bi

羅睺羅喻是則不實。如虛空中如來憂悲則不可得。

la hầu la dụ thị tắc bất thật. như hư không trung Như-Lai ưu bi tắc bất khả
đắc。

thì ví dụ La-hầu-la là không thật, như trong hư không, Như Lai thì không thể sầu
bi,

如其幻化隨心意轉。如來則有憂悲之想。

như kỳ huyễn hóa tùy tâm ý chuyển. Như-Lai tắc hữu ưu bi chi tưởng。

như sự huyễn hóa là tùy tâm ý chuyển, Như Lai có sầu bi,

聞般泥洹而作是念。何有憂悲。

văn bát nê hoàn nhi tác thị niệm. hà hữu ưu bi。

nghe Bát-niết-bàn liền khởi suy nghĩ: Sao có sầu bi,

聞其轉者常有憂悲。是故如來常住。若無常者無有憂悲。

văn kỳ chuyển giả thường hữu ưu bi. thị cố Như-Lai thường trụ. nhược vô thường
giả vô hữu ưu bi。

nghe tùy tâm ý chuyển tức thường có sầu bi, cho nên Như Lai là thường trụ, nếu
không thường thì không có sầu bi,

而今如來非是無常。

nhi kim Như-Lai phi thị vô thường。

mà nay Như Lai chẳng phải là không thường,

如來憂悲及無憂悲悉不能知。下者知下不知中上。

Như-Lai ưu bi cập Vô ưu bi tất bất năng tri. hạ giả tri hạ bất tri trung
thượng。

Như Lai có sầu bi và không sầu bi đều không thể biết, như bậc hạ thì chỉ biết
bậc hạ, không thể biết bậc trung và bậc thượng,

中者知中下不知其上。唯有上者一切悉知。

trung giả tri trung hạ bất tri kỳ thượng. duy hữu thượng giả nhất thiết tất
tri。

bậc trung thì biết bậc trung và bậc hạ, không thể biết bậc thượng, chỉ có bậc
thượng là biết hết tất cả,

其諸聲聞及辟支佛各各自知。而不能知如來境界。

kỳ chu thanh văn cập Bích-chi-phật các các tự tri. nhi bất năng tri Như-Lai cảnh giới.

như hàng Thanh văn và Bích-chi-phật chỉ tự biết cảnh giới của mình, mà không thể biết cảnh giới của Như Lai,

如來悉知是故名為離諸障礙。譬如幻士種種現化。

Như-Lai tất tri thị cố danh vi lý chu chương ngại. thí như huyền sĩ chủng chủng hiện hóa.

Như Lai thì biết hết nên gọi là xa lìa các chương ngại. Thí như nhà ảo thuật hiện hóa các thú,

如來亦然。種種示現隨順世間。

Như-Lai diệc nhiên. chủng chủng thị hiện tùy thuận thế gian.

Như Lai cũng vậy, tùy thuận thế gian mà thị hiện các thú,

能知是者名為點慧。肉眼凡夫無想之想非其境界。

năng tri thị giả danh vi hiệt tuệ. nhục nhãn phàm phu vô tưởng chi tưởng phi kỳ cảnh giới.

có thể biết điều này thì gọi là trí tuệ lanh lợi, hàng phàm phu chỉ có nhục nhãn không thể biết cảnh giới ấy

而於如來作憂無憂想。是故我說。

nhi ư Như-Lai tác ưu Vô ưu tưởng. thị cố ngã thuyết.

mà đối với Như Lai lại khởi ý tưởng có sâu bi và không sâu bi, cho nên ta nói

有法是我有法非我如舍利鳥。復次善男子。

hữu Pháp thị ngã hữu Pháp phi ngã như Xá-lợi điều. phục thứ thiện nam tử.

có pháp là ngã, có pháp là vô ngã như chim Xá-lợi. Lại nữa Thiện nam tử,

譬如鴈鶴及舍利鳥。於夏月雨時江河漫溢。

thí như nhạn hạc cập Xá-lợi điều. ư hạ nguyệt vũ thời giang hà mạn dật.

thí như chim Nhạn, Hạc và Xá lợi, tháng hạ trời mưa thì các sông hồ đều đầy ngập nước,

選擇高處而安其子然後遊行。如是如來出興于世。

tuyển trạch cao xứ nhi an kỳ tử nhiên hậu du hành. như thị Như-Lai xuất hưng vu thế.

chúng chọn chỗ đất cao đặt con lên trên rồi sau đó bay đi. Cũng vậy Như Lai xuất hiện ở đời,

化無量眾令入正法。為受化者方便說法。

hóa vô lượng chúng lệnh nhập Chánh pháp. vi thọ hóa giả phương tiện thuyết Pháp.

giáo hóa vô lượng chúng sanh khiến thâm nhập Chánh pháp, vì muốn chúng sanh thọ nhận sự giáo hóa nên dùng phương tiện thuyết pháp,

或說苦法或說樂法。有為諸行是名為苦。

hoặc thuyết khổ Pháp hoặc thuyết lạc Pháp. hữu vi chu hành thị danh vi khổ.

hoặc nói pháp khổ, hoặc nói pháp vui, pháp hữu vi và các hành thì gọi là khổ

泥洹極樂離有為行說名為樂。迦葉白佛。其義云何。

nê hoàn Cực-Lạc ly hữu vi hành thuyết danh vi lạc. ca diệp bạch Phật. kỳ nghĩa vân hà.

Niết-bàn rất vui, xa lìa hữu vi, các hành nên gọi là vui. Ca-diệp bạch Phật:

Nghĩa ấy như thế nào?

佛告迦葉。所謂如如。迦葉白佛。

Phật cáo ca diệp. sở vị như như. ca diệp bạch Phật.

Phật dạy Ca-diệp, đó là Như như. Ca-diệp bạch Phật,

云何眾生得泥洹樂。佛言。迦葉。

vân hà chúng sanh đắc nê hoàn lạc. Phật ngôn. ca diệp.

chúng sanh làm sao đắc Niết-bàn vui? Phật dạy: Ca-diệp,

如我先說一切諸行無生老死。所謂。

như ngã tiên thuyết nhất thiết chu hành vô sanh lão tử. sở vị.

như trước đây Ta nói tất cả các hành không có sanh, già, chết, nghĩa là

若無放逸 是處不死 若其放逸

nhược vô phóng dật thị xử bất tử nhược kỳ phóng dật
nếu không phóng dật chỗ này không chết, nếu có phóng dật

是為死徑 無放逸者 得不死處

thị vi tử kính vô phóng dật giả đắc bất tử xử
thì khi trải qua chỗ chết, còn người không phóng dật không đến chỗ chết,
若放逸者 常處生死

nhược phóng dật giả thường xử sanh tử

nếu hay phóng dật Thường ở sanh tử,

若放逸者是有為行。彼有為行則為苦法。

nhược phóng dật giả thị hữu vi hành. bi hữu vi hành tắc vi khổ Pháp.

nếu phóng dật là hữu vi hành, hữu vi hành tức là pháp khổ

非泥洹者是為死處。若作放逸是名作行。

phi nê hoàn giả thị vi tử xử. nhược tác phóng dật thị danh tác hành.

chẳng phải Niết-bàn mà đó là chỗ chết, nếu khởi phóng dật thì gọi là tác hành,
當知是行則為大苦。不趣泥洹是為死徑。

đương tri thị hành tắc vi Đại khổ. bất thú nê hoàn thị vi tử kính.

phải biết hành này tức là đại khổ, không hướng đến Niết-bàn đó là con đường
chết,

無放逸者是不作行。雖復作行亦不生死。

vô phóng dật giả thị bất tác hành. tuy phục tác hành diệc bất sanh tử.

người không phóng dật tức là không tác hành, tuy tác hành mà cũng không sanh tử,
是名金剛不壞之身。其世俗者是名放逸。

thị danh Kim cương bất hoại chi thân. kỳ thể tục giả thị danh phóng dật.

đó gọi là thân kim cương bất hoại, thuận theo thể tục thì gọi là phóng dật,

離世俗者是無放逸。離生死泥洹快樂。

ly thế tục giả thị vô phóng dật. ly sanh lão tử nê hoàn khoái lạc.

xa lìa thế tục gọi là không phóng dật, xa lìa sanh tử chết đến Niết-bàn an vui,
是故如來有說苦法有說樂法有說非我有說是我。

thị cố Như-Lai hữu thuyết khổ Pháp hữu thuyết lạc Pháp hữu thuyết phi ngã hữu
thuyết thị ngã.

cho nên Như Lai có nói khổ, có nói pháp vui, có nói vô ngã, có nói ngã,

如鳥飛空不見其跡。無有天眼煩惱未斷。

như điều phi không bắt kiến kỳ tích. vô hữu Thiên nhãn phiền não vị đoạn.

như chim bay giữa không trung không có dấu vết, không có thiên nhãn, phiền não
cũng chưa đoạn,

不自見身如來之性。是故我說有法無我。

bất tự kiến thân Như-Lai chi tánh. thị cố ngã thuyết hữu Pháp vô ngã.

không thể thấy tánh Như Lai nơi tự thân, cho nên Ta nói có pháp vô ngã

為煩惱故說微密教。其諸眾生無有天眼而計吾我。

vi phiền não cố thuyết vi Mật Giáo. kỳ chư chúng sanh vô hữu Thiên nhãn nhi kế
ngô ngã.

vì phiền não nên thuyết giáo pháp bí mật vi diệu, các chúng sanh kia không có
thiên nhãn nên suy tính rằng có ngã,

無量煩惱造有為行。故為彼說諸法無常。

vô lượng phiền não tạo hữu vi hành. cố vi bi thuyết chư Pháp vô thường.

khởi vô lượng phiền não, tạo hữu vi hành, cho nên Ta vì chúng sanh kia mà thuyết
các pháp vô thường,

是故我說有法無常。

thị cố ngã thuyết hữu Pháp vô thường.

vì vậy Ta nói có pháp vô thường.

猶如明目住山頂 諦了其地愚夫等

do như minh mục trụ sơn đỉnh để liễu kỳ địa ngu phu đẳng

Giống như mắt sáng đứng trên đỉnh núi, nhìn thấy rõ tất cả phía dưới,

如來道眼昇慧臺 無憂憂念群生類

Nhu-Lai đạo nhãn thăng tuệ đài Vô ưu ưu niệm quần sanh loại

Nhu Lai có đạo nhãn trí tuệ cao vời, không có ưu sầu mà vì thương mến các loại chúng sanh,

如是無量煩惱悉滅。名住山頂。

như thị vô lượng phiền não tất diệt. danh trụ sơn đỉnh.

như vậy vô lượng phiền não đều được diệt trừ, gọi là trụ sơn đỉnh.

觀其無量煩惱熾然。下劣眾生誰為登慧臺。何名為無憂。

quán kỳ vô lượng phiền não sí nhiên. hạ liệt chúng sanh thù vi đặng tuệ đài. hà danh vi Vô ưu.

quán xét vô lượng phiền não mãnh liệt, mà hàng chúng sanh thấp kém không ai có được trí tuệ cao vời. Sao gọi là không ưu sầu,

若無憂者。云何名為憂念世間。若泥洹滅盡。

nhược Vô ưu giả. vân hà danh vi ưu niệm thế gian. nhược nê hoàn diệt tận.

nếu không ưu sầu tại sao gọi là thương mến thế gian? Nếu Niết-bàn diệt tận,

何有觀患者。若使如來泥洹滅盡。

hà hữu quán ngu giả. nhược sử Nhu-Lai nê hoàn diệt tận.

sao có quán xét hạng phàm ngu. Giả sử Nhu Lai nhập Niết-bàn diệt tận,

云何能昇智慧高臺。若當泥洹。云何山頂能觀其下。

vân hà năng thăng trí tuệ cao đài. nhược đương nê hoàn. vân hà sơn đỉnh năng quán kỳ hạ.

thì làm sao có thể chiếu sáng trí tuệ cao vời, nếu phải Niết-bàn, làm sao đứng trên đỉnh núi quán sát phía dưới.

智慧臺者。謂滅盡泥洹無憂憂念者。

trí tuệ đài giả. vị diệt tận nê hoàn Vô ưu ưu niệm giả.

Trí tuệ cao vời, gọi là diệt tận, Niết-bàn không có ưu sầu nhớ nghĩ,

謂是如來憂念世間無量群生。山頂者謂解脫。

vị thị Nhu-Lai ưu niệm thế gian vô lượng quần sanh. sơn đỉnh giả vị giải thoát.

là Nhu Lai nhớ nghĩ vô lượng chúng sanh nơi thế gian. Đỉnh núi tức là giải thoát

住者行人。地者有為行。患者無巧方便說。

trụ giả hành nhân. địa giả hữu vi hành. ngu giả vô xảo phương tiện thuyết.

trụ tức là hành nhân, địa tức là hữu vi hành, phàm ngu tức là không có phương tiện khéo léo,

諦了者正覺也。如來者。憂苦永離是常法故。

đề liễu giả chánh giác dã. Nhu-Lai giả. ưu khổ vĩnh ly thị thường Pháp cố.

quán xét rõ tức là Chánh giác, Nhu Lai tức là pháp thường, đã xa lìa ưu khổ,

以自離憂見被利刺。憂惱眾生為之生憂。

dĩ tự ly ưu kiến bị lợi thứ. ưu não chúng sanh vi chi sanh ưu.

do tự xa lìa ưu khổ nên thương xót chúng sanh, vì chúng sanh mà khởi ưu sầu,

若使如來永離憂者不名正覺。隨彼眾生應受化者。

nhược sử Nhu-Lai vĩnh ly ưu giả bất danh chánh giác. tùy bị chúng sanh ứng thọ hóa giả.

giả sử Nhu Lai xa lìa ưu sầu thì không gọi là Chánh giác, tùy theo chúng sanh đáng thọ nhận sự giáo hóa

如來等正覺即為彼現。是故當知如來常住。

Nhu-Lai đẳng chánh giác tức vi bị hiện. thị cố đương tri Nhu-Lai thường trụ.

thì Nhu Lai Đẳng Chánh Giác tức là vì chúng sanh mà thị hiện, cho nên phải biết Nhu Lai là thường trụ,

種種示現猶如鴈鶴舍利之鳥。

chủng chủng thị hiện do như nhận hạc Xá-lợi chi điểu.

mà thị hiện các thứ cũng như các loài chim Nhận, Hạc, Xá-lợi mà thôi.

大般泥洹經月喻品第十六

Đại bát nê hoàn Kinh nguyệt dụ phẩm đệ thập lục

Kinh Đại Bát-nê-hoàn
phẩm thứ mười sáu: Nguyệt Dụ.

佛復告迦葉。善男子。如月不現人謂為沒。

Phật phục cáo ca diệp. thiện nam tử. như nguyệt bất hiện nhân vị vi một.

Phật lại bảo Ca-diệp: Thiện nam tử, như mặt trăng không hiện thì mọi người cho là trăng lặn,

一切人民皆作沒想。

nhất thiết nhân dân giai tác một tướng.

tất cả mọi người đều khởi ý tưởng trăng lặn,

於餘方現餘方人民皆謂月出。然其彼月不沒不出。

ư dư phương hiện dư phương nhân dân giai vị nguyệt xuất. nhiên kỳ bi nguyệt bất một bất xuất.

mà mặt trăng hiện ở phương khác thì nhân dân ở phương khác đều cho rằng trăng mọc, nhưng mặt trăng kia vốn không lặn không mọc,

因須彌山故現有出沒。如是如來應供等正覺。

nhân Tu-Di sơn cố hiện hữu xuất một. như thị Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác.

do núi Tu-di che nên có thấy mọc và lặn. Cũng vậy đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác,

於大千世界或閻浮提。依因父母現生為子。

ư Đại-Thiên thế giới hoặc Diêm-phù-đề. y nhân phụ mẫu hiện sanh vi tử.

ở nơi đại thiên thế giới hoặc cõi Diêm-phù-đề, y vào cha mẹ mà thị hiện sanh làm con,

閻浮提人皆作生想。又閻浮提現般泥洹。

Diêm-phù-đề nhân giai tác sanh tướng. hựu Diêm-phù-đề hiện bát nê hoàn.

người Diêm-phù-đề đều khởi ý tưởng sanh ra, lại ở nơi Diêm-phù-đề mà thị hiện nhập Niết-bàn,

而此眾生皆作滅想。其實如來不生不滅。復次善男子。

nhĩ thử chúng sanh giai tác diệt tướng. kỳ thật Như-Lai bất sanh bất diệt. phục thứ thiện nam tử.

chúng sanh cõi này đều khởi ý tưởng là diệt độ, mà thật ra Như Lai là không sanh không diệt. Lại nữa Thiện nam tử,

如月餘方現滿。彼方眾生皆作滿想。

như nguyệt dư phương hiện mãn. bi phương chúng sanh giai tác mãn tướng.

như mặt trăng tròn đầy nơi phương khác, chúng sanh nơi ấy đều khởi ý tưởng mặt trăng đầy,

此閻浮提現有初生。此方人民作初生想。

thử Diêm-phù-đề hiện hữu sơ sanh. thử phương nhân dân tác sơ sanh tướng.

Như Lai thị hiện sơ sanh nơi cõi Diêm-phù-đề, chúng sanh cõi này đều khởi ý tưởng sơ sanh,

漸漸增長乃至月滿便作滿想。然其彼月不增不減。

tiệm tiệm tăng trưởng nãi chí nguyệt mãn tiệm tác mãn tướng. nhiên kỳ bi nguyệt bất tăng bất giảm.

mặt trăng dần tăng trưởng đến khi tròn đầy, chúng sanh liền khởi ý tưởng trăng tròn đầy, nhưng mặt trăng kia là không tăng không giảm,

因須彌山現有增減。如來應供等正覺亦復如是。

nhân Tu-Di sơn hiện hữu tăng giảm. Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác diệc phục như thị.

do núi Tu-di che nên thị hiện có tăng giảm. Bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác cũng lại như vậy,

或於閻浮提現有泥洹。而諸眾生皆作滅想。

hoặc ư Diêm-phù-đề hiện hữu nê hoàn. nhi chư chúng sanh giai tác diệt tướng.

hoặc ở nơi cõi Diêm-phù-đề hiện có Niết-bàn, các chúng sanh đều khởi ý tưởng có diệt độ

或於閻浮提示現出生。猶如初月。

hoặc ư Diêm-phù-đề thị hiện xuất sanh. do như sơ nguyệt.

hoặc ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện đàn sanh, cũng như mặt trăng mới mọc,
閻浮提人作嬰兒想如月三日。

Diêm-phù-đề nhân tác anh nhi tướng như nguyệt tam nhật。

Người nơi Diêm-phù-đề khởi ý tưởng là trẻ con như trăng ngày thứ ba,

現行遊步如月四日。現行學書如月八日。現行出家乃至月滿。

hiện hành du bộ như nguyệt tứ nhật。hiện hành học thư như nguyệt bát nhật。hiện hành xuất gia nãi chí nguyệt mãn。

rồi thị hiện bước đi như trăng ngày thứ tư, thị hiện học kinh sách như trăng ngày thứ tám, thị hiện xuất gia như trăng dần lớn cho đến khi tròn đầy,
現大光明破壞無量眾魔。閻冥現般泥洹。

hiện Đại quang-minh phá hoại vô lượng chúng ma。ám minh hiện bát nê hoàn。

thị hiện phóng ánh sáng lớn phá tan vô lượng chúng ma, rồi thị hiện u tối mà nhập Niết-bàn,

三十二相八十種好莊嚴其身。

tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo trang nghiêm kỳ thân。

có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân thể

猶如明月列宿圍遶沒而不現。

do như minh nguyệt liệt tú vi nhiều một nhi bất hiện。

giống như mặt trăng sáng thì các tinh tú xung quanh không hiện,

閻浮提人或作生想或作滅想。其實如來不增不減常如滿月。

Diêm-phù-đề nhân hoặc tác sanh tướng hoặc tác diệt tướng。kỳ thật Như-Lai bất tăng bất giảm thường như mãn nguyệt。

người Diêm-phù-đề khởi ý tưởng sanh hoặc khởi ý tưởng diệt, mà thật ra Như Lai là không tăng không giảm, luôn thường có như mặt trăng tròn đầy,

是故當知如來常住。復次善男子。

thị cố đương tri Như-Lai thường trụ。phục thứ thiện nam tử。

cho nên phải biết Như Lai là thường trụ。Lại nữa Thiện nam tử,

猶如明月一切皆見處處城邑聚落山澤。

do như minh nguyệt nhất thiết giai kiến xứ xứ thành ấp tụ lạc sơn trạch。

giống như mặt trăng sáng thì tất cả chỗ đều thấy, nơi thành ấp thôn xóm núi sông,

隨器大小是諸水中一切悉現。

tùy khí Đại tiểu thị chư thủy trung nhất thiết tất hiện。

tùy theo các chỗ có nước mà tất cả đều hiện mặt trăng,

若人遊行百千由旬而月常隨。彼諸人等而作是想。

nhược nhân du hành bách thiên do-tuần nhi nguyệt thường tùy。bỉ chư nhân đẳng nhi tác thị tướng。

nếu người bước đi dù trăm ngàn do tuần mà mặt trăng vẫn thường đi theo, người kia khởi ý tưởng rằng:

為是本月隨我而來為是異月。愚人見月猶如鏡面。

vi thị bản nguyệt tùy ngã nhi lai vi thị dị nguyệt。ngu nhân kiến nguyệt do như kính diện。

đây là mặt trăng cũ theo ta đến đây hay là mặt trăng khác? Người ngu thấy mặt trăng giống như chiếc gương,

中人見月猶如車輪。上人見月圓五由旬。

trung nhân kiến nguyệt do như xa luân。thượng nhân kiến nguyệt viên ngũ do-tuần。

người trung bình thấy mặt trăng giống như bánh xe, người bậc thượng thấy mặt trăng tròn lớn cả năm do tuần,

及餘眾生隨力所見。如來明月亦復如是。一切悉見。

cập dư chúng sanh tùy lực sở kiến。Như-Lai minh nguyệt diệc phục như thị。nhất thiết tất kiến。

các chúng sanh khác cũng tùy theo sức lực mà được thấy。Mặt trăng sáng Như Lai cũng lại như vậy, tất cả chúng sanh đều thấy,

而諸眾生各作是念。

nhi chu chúng sanh các tác thị niệm。

mà các chúng sanh mỗi người nghĩ rằng:

謂佛世尊哀愍我故在我舍住。及畜生道亦復如是。

vị Phật Thế tôn ai mẫn ngã cố tại ngã xá trụ。cập súc sanh đạo diệc phục như thị。

Chư Phật Thế Tôn vì thương xót ta nên đang ở nhà ta, loài súc sanh cũng lại như vậy,

聾盲瘖瘂及諸癱殘。

lung manh ám á cập chư lung tàn。

hay đui điếc câm ngọng và tàn tật

各謂如來為己像類種種語種種書種種身。

các vị Như-Lai vi kỹ tượng loại chúng chúng ngữ chúng chúng thư chúng chúng thân。

mỗi người đều cho rằng Như Lai là cùng các thứ ngôn ngữ, chữ viết, thân hình như ta,

皆作是念諸佛如來唯作我語我書我身我食。又作異想或謂聲聞或謂緣覺。

giai tác thị niệm chư Phật như lai duy tác ngã ngữ ngã thư ngã thân ngã

thực。hựu tác dị tưởng hoặc vị thanh văn hoặc vị duyên giác。

đều nghĩ rằng chư Phật Như Lai chỉ nói ngôn ngữ của ta, viết chữ như ta, thân như ta, thức ăn như ta, hoặc khởi suy nghĩ khác, hoặc cho rằng Thanh văn, hoặc cho rằng Duyên giác,

或謂種種異道出家。或謂如來為我興世。

hoặc vị chúng chúng dị đạo xuất gia。hoặc vị Như-Lai vi ngã hưng thế。

hoặc cho rằng khác đạo xuất gia, hoặc cho rằng Như Lai vì ta mà xuất hiện ở đời,然其如來法身真實無有變異。

nhiên kỳ Như-Lai Pháp thân chân thật vô hữu biến dị。

nhưng pháp thân Như Lai là chân thật không có biến đổi。

為眾生故以方便身。現種種相如良藥樹。如來亦然。

vi chúng sanh cố dĩ phương tiện thân。hiện chúng chúng tướng như lương dược thụ。Như-Lai diệc nhiên。

Vì chúng sanh nên dùng thân phương tiện mà hiện các tướng như cây thuốc hay, Như Lai cũng vậy,

為眾生故現百千變隨順世間。是故如來是常住法。

vi chúng sanh cố hiện bách thiên biến tùy thuận thế gian。thị cố Như-Lai thị thường trụ Pháp。

vì tất cả chúng sanh nên hiện trăm ngàn thân để tùy thuận thế gian, nên biết Như Lai là pháp thường trụ。

復次善男子。如羅睺阿修羅捉日月時。

phục thứ thiện nam tử。như la hầu A-tu-La tróc nhật nguyệt thời。

Lại nữa Thiện nam tử, như La-hầu a-tu-la lúc nắm lấy mặt trời mặt trăng,

其諸眾生謂彼蝕月。彼捨月已謂為吐月。

kỳ chư chúng sanh vị bi thực nguyệt。bi xả nguyệt dĩ vị vi thổ nguyệt。

các chúng sanh cho rằng A-tu-la ăn mặt trăng, khi A-tu-la thả mặt trăng ra thì chúng sanh cho rằng nhả mặt trăng,

彼障月光世間不現便作蝕想。

bi chướng nguyệt quang thế gian bất hiện tiện tác thực tưởng。

khi A-tu-la che ánh sáng mặt trăng thì chúng sanh liền khởi ý tưởng A-tu-la ăn,彼捨月已世間還現謂為吐月。然其彼月若隱若顯實無增損。

bi xả nguyệt dĩ thế gian hoàn hiện vị vi thổ nguyệt。nhiên kỳ bi nguyệt nhược ẩn nhược hiển thật vô tăng tổn。

A-tu-la thả mặt trăng ra rồi chúng sanh thấy mặt trăng hiện ra liền cho rằng A-tu-la nhả mặt trăng, nhưng mặt trăng kia hoặc ẩn hoặc hiện thật không có tăng giảm

如來應供等正覺亦復如是。

Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác diệc phục như thị。

bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cũng lại như vậy

如彼調達傷壞佛身。作無間業等乃至一闍提輩。

như bị Điều-đạt thương hoại Phật thân. tác vô gián nghiệp đẳng nãi chí nhất xiển đề bối.

như Điều-đạt làm thân Phật bị thương, khởi nghiệp vô gián cho đến nhất-xiển-đề, 皆為當來諸眾生故。現傷佛身壞法破僧。

giai vi đương lai chư chúng sanh cố. hiện thương Phật thân hoại Pháp phá tăng. mà đức Phật là vì các chúng sanh trong đời sau nên thị hiện thân bị tổn hại và Điều-đạt phá pháp hoại Tăng, 如來法身實無傷壞。正使天魔億百千數。

Như-Lai Pháp thân thật vô thương hoại. chánh sử Thiên ma ức bách thiên số. thật ra pháp thân Như Lai là không có tổn hại. Giả sử trăm ngàn ức Thiên ma 亦不能得斷法壞僧。是故如來法身真實無有損壞。

diệc bất năng đắc đoạn Pháp hoại tăng. thị cố Như-Lai Pháp thân chân thật vô hữu tổn hoại.

cũng không thể làm hại Pháp phá Tăng, cho nên pháp thân Như Lai là chân thật không có tổn hại,

現損壞相隨順世間。

hiện tổn hoại tướng tùy thuận thế gian.

mà thị hiện tướng tổn hại là vì tùy thuận thế gian.

譬如二人共闍隨其傷壞量罪輕重。諸佛如來亦復如是。

thí như nhị nhân cộng đầu tùy kỳ thương hoại lượng tội khinh trọng. chư Phật như lai diệc phục như thị.

Thí như hai người cùng đánh nhau, tùy theo sự tổn hại mà định tội nặng nhẹ, chư Phật Như Lai cũng lại như vậy,

現傷壞相表無間罪為制法律以戒將來。復次善男子。

hiện thương hoại tướng biểu vô gián tội vi chế Pháp luật dĩ giới tương lai. phục thứ thiện nam tử.

thị hiện tướng tổn hại, nêu tội vô gián, chế giới luật, là để răn dạy đời vị lai. Lại nữa Thiện nam tử,

譬如良醫善教其子令學醫方。

thí như lương y thiện giáo kỳ tử lệnh học y phương.

thí như lương y khéo dạy con mình học các thuật chữa bệnh,

識諸藥草根莖華葉香味色像悉令曉了。

thức chư dược thảo căn hành hoa diệp hương vị sắc tượng tất lệnh hiểu liễu.

Khiến hiểu rõ các rễ, cành, hoa, lá, hương vị, màu sắc của cây thuốc,

命終之後其子續立善知醫法。諸佛如來亦復如是。

mạng chung chí hậu kỳ tử tục lập thiện tri y Pháp. chư Phật như lai diệc phục như thị.

sau khi chết thì người con ấy kế thừa nghiệp cha khéo biết pháp chữa bệnh. Chư Phật Như Lai cũng lại như vậy,

種種變化療治眾生。現五逆罪謗毀經法。

chủng chủng biến hoá liệu trị chúng sanh. hiện ngũ nghịch tội báng hủy Kinh Pháp.

biến hóa các thứ là để chữa trị cho chúng sanh, thị hiện có người phạm tội ngũ nghịch, phi báng Kinh Pháp,

乃至一闍提輩皆悉化現。為當來故。

nãi chí nhất xiển đề bối giai tất hóa hiện. vi đương lai cố.

cho đến hạng nhất-xiển-đề, đều vì chúng sanh đời sau mà hóa hiện

般泥洹後令諸比丘隨順經律。如如來說。知罪輕重以自戒慎。

bát nê hoàn hậu lệnh chư Tỷ-kheo tùy thuận Kinh luật. như Như-Lai thuyết. tri tội khinh trọng dĩ tự giới thận.

sau khi Như Lai nhập Niết-bàn khiến các Tỷ-kheo tùy thuận kinh luật, như lời Phật dạy khéo biết tội nặng nhẹ để tự răn mình.

復次善男子。如人間月六月一食。

phục thứ thiên nam tử. như nhân gian nguyệt lục nguyệt nhất thực.

Lại nữa Thiên nam tử, như người ở nhơn gian thấy mặt trăng tháng sáu bị nhật thực một lần,

而上諸天日見月食。或復見月須臾而食。所以者何。

nhĩ thượng chu Thiên nhật kiến nguyệt thực. hoặc phục kiến nguyệt tu du nhi thực. sở dĩ giả hà.

mà trong các ngày bị nhật thực, hoặc có lúc thấy mặt trăng rồi trong giây lát bị nhật thực. Tại vì sao?

天日月長人間短故。諸佛如來亦復如是。

Thiên nhật nguyệt trường nhân gian đoản cố. chư Phật như lai diệc phục như thị.

Vì mặt trăng, mặt trời thì dài mà con người ở nhơn gian thì ngắn. Chư Phật Như Lai cũng lại như vậy,

或謂長壽如六月食者。及至須臾般泥洹者。

hoặc vị trường thọ như lục nguyệt thực giả. cập chí tu du bát nê hoàn giả.

hoặc cho rằng trường thọ như mặt trăng tháng sáu, cho đến trong chốc lát thì nhập Niết-bàn

為煩惱魔陰魔死魔自在天魔。

vì phiền não ma uẩn ma tử ma Tụ Tại Thiên ma.

dù phiền não ma, âm ma, tử ma, tụ tại thiên ma,

億百千種所不能壞現無量生隨順世間。如來之壽實無有量。

ức bách thiên chủng sở bất năng hoại hiện vô lượng sanh tùy thuận thế gian. Như-Lai chí thọ thật vô hữu lượng.

trăm ngàn ức thứ ma cũng không thể phá hoại, Như Lai hiện vô lượng lần đản sanh

là vì tùy thuận thế gian, thật ra thọ mạng của Như Lai là không có hạn lượng

是故如來是常住法。復次善男子。

thị cố Như-Lai thị thường trụ Pháp. phục thứ thiên nam tử.

cho nên Như Lai là pháp thường trụ. Lại nữa Thiên nam tử,

譬如明月一切眾生皆悉愛樂。

thí như minh nguyệt nhất thiết chúng sanh giai tất ái lạc.

thí như mặt trăng sáng, tất cả chúng sanh thấy đều ưa thích,

如來應供等正覺亦復如是。樂法眾生悉皆愛樂。復次善男子。

Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác diệc phục như thị. lạc Pháp chúng sanh tất giai ái lạc. phục thứ thiên nam tử.

bậc Như Lai Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác cũng lại như vậy, chúng sanh ưa thích pháp thấy Như Lai đều ưa thích. Lại nữa Thiên nam tử,

譬如日出有三時變春夏冬異。

thí như nhật xuất hữu tam thời biến xuân hạ đông dị.

thí như mặt trời xuất hiện có ba mùa xuân, hạ, đông biến đổi khác nhau,

冬日則短春日處中夏日極長。如來應供等正覺日亦復如是。

đông nhật tắc đoản xuân nhật xử trung hạ nhật cực trường. Như-Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác nhật diệc phục như thị.

ngày mùa đông ngắn, ngày mùa xuân trung bình, ngày mùa hạ dài. Bậc Như Lai Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác cũng lại như vậy,

現三種壽。為諸眾生聲聞緣覺現短壽相。

hiện tam chủng thọ. vì chư chúng sanh thanh văn duyên giác hiện đoản thọ tướng.

thị hiện ba loại thọ mạng, vì các chúng sanh, Thanh văn, Duyên giác mà thị hiện thọ mạng ngắn ngủi

斯等見已心則悲歎。一何怪哉如來短壽。

tu đẳng kiến dĩ tâm tắc bi thán. nhất hà quái tai Như-Lai đoản thọ.

những hạng này thấy vậy tâm liền buồn bã, đều thấy kỳ lạ sao Như Lai có thọ mạng ngắn.

為諸菩薩現其中壽。若至一劫若過一劫。

vì chư Bồ-tát hiện kỳ trung thọ. nhược chí nhất kiếp nhược quá nhất kiếp.

Như Lai vì hàng Bồ-tát mà thị hiện thọ mạng trung bình, hoặc một kiếp hoặc hơn một kiếp,

唯佛觀佛其壽無量。復次善男子。

duy Phật quán Phật kỳ thọ vô lượng. phục thứ thiện nam tử.

chỉ có Phật và Phật mới thấy thọ mạng vô lượng. Lại nữa Thiện nam tử,

如來所說方等大乘微密之教。示現世間兩大法雨。

Như-Lai sở thuyết phương đẳng Đại thừa vi mật chi giáo. thị hiện thế gian vũ Đại Pháp vũ.

Như Lai thuyết giảng giáo pháp Đại thừa Phương đẳng bí mật vi diệu, thị hiện ở thế gian, rưới trận mưa Pháp lớn,

於當來世其有眾生。

ư đương lai thế kỳ hữu chúng sanh.

vào đời sau nếu có chúng sanh nào

以此正法摩訶衍品開示世間。當知是等為真菩薩猶如夏雨。

dĩ thừa Chánh pháp Ma-Ha diển phẩm khai kì thế gian. đương tri thị đẳng vi chân Bồ-tát do như hạ vũ.

đem Chánh pháp Đại Thừa này mà tuyên thuyết ở thế gian, phải biết những người này là chơn Bồ-tát, như trận mưa mùa hạ,

猶如冬日多有冷患令人損壽。

do như đông nhật đa hữu lãnh hoạn lệnh nhân tổn thọ.

như ngày mùa đông nhiều lạnh lẽo khiến con người rút ngắn tuổi thọ

聲聞緣覺聞佛方便微密之教。為其示現短壽之報。猶如冬日。

thanh văn duyên giác văn Phật phương tiện vi mật chi giáo. vi kỳ thị hiện đoản thọ chi báo. do như đông nhật.

hàng Thanh văn, Duyên giác nghe giáo pháp phương tiện bí mật của Phật, Phật vì họ mà thị hiện thọ mạng ngắn ngủi như ngày mùa đông.

諸菩薩等成微妙慧。而為彼現如來常法。

chư Bồ-tát đẳng thành vi diệu tuệ. nhi vi thị hiện Như-Lai thường Pháp.

Các hàng Bồ-tát thành tựu trí huệ vi diệu, Phật vì họ mà thị hiện pháp thường của Như Lai

喻如春日。如是如來隨順世間現三時壽。

dụ như xuân nhật. như thị Như-Lai tùy thuận thế gian hiện tam thời thọ.

giống như ngày mùa xuân. Như vậy Như Lai tùy thuận thế gian mà thị hiện ba loại thọ mạng

譬如眾星晝日不現其實不沒。

thí như chúng tinh trú nhật bất hiện kỳ thật bất một.

thí như các vì sao ban ngày không hiện, thật ra không phải biến mất

如是如來與諸聲聞及辟支佛。俱出於世俱現泥洹。

như thị Như-Lai dĩ chư thanh văn cập Bích-chi-phật. câu xuất ư thế câu hiện nê hoàn.

như vậy Như Lai và các Thanh văn, Bích-chi-phật đều xuất hiện ở đời, đều thị hiện Niết-bàn

非獨一切聲聞緣覺有無常也。

phi độc nhất thiết thanh văn duyên giác hữu vô thường dã.

phải chăng riêng tất cả Thanh văn, Duyên giác có vô thường,

當知亦是常住之法如晝星也。復次善男子。猶如天陰日月不現。

đương tri diệc thị thường trụ chi Pháp như trú tinh dã. phục thứ thiện nam tử. do như Thiên uẩn nhật nguyệt bất hiện.

mà tất cả đều là pháp thường trụ như các vì sao ở ban ngày. Lại nữa Thiện nam tử, giống như trời âm u thì mặt trời mặt trăng không hiện ra,

愚夫謂言日月沒失。

ngu phu vị ngôn nhật nguyệt một thất.

kẻ phàm ngu cho rằng mặt trời mặt trăng biến mất,

如來正法滅盡之時三寶現亦復如是。非為永滅。當知如來是常存法。

Nhu-Lai Chánh pháp diệt tận chi thời Tam Bảo hiện một diệt phục như thị. phi vi
vĩnh diệt. đương tri Nhu-Lai thị thường tồn Pháp.

Lúc Chánh pháp Nhu Lai diệt tận, Tam bảo hoại diệt cũng lại như vậy, chẳng phải
là vĩnh viễn diệt, phải biết Nhu Lai là pháp thường còn,

亦不變易亦不磨滅。非彼諸過所能染汚。

diệt bất biến dịch diệt bất ma diệt. phi bi chu quá sở năng nhiễm ô.

không có biến đổi cũng không hoại diệt, chẳng phải chỗ mà các tội lỗi có thể làm
nhiễm ô.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử.

Lại nữa Thiện nam tử,

只如斗星月盡後夜明闇中間暫現光明。眾人見已尋即還滅。

chỉ như đầu tinh nguyệt tận hậu dạ minh ám trung gian tạm hiện quang-minh. chúng
nhân kiến dĩ tầm tức hoàn diệt.

như sao Bắc đẩu lúc trăng lặn, giữa đêm tối tạm hiện ra ánh sáng, mọi người vừa
thấy thì sao bỗng diệt mất,

人謂其滅而實不滅。如是善男子。如來正法滅盡之時。

nhân vị kỳ diệt nhi thật bất diệt. như thị thiện nam tử. Nhu-Lai Chánh pháp diệt
tận chi thời.

mọi người cho rằng diệt mà thật chẳng phải diệt. Như vậy Thiện nam tử, lúc Chánh
pháp của Nhu Lai diệt tận,

諸辟支佛出興于世。開示教化無量眾生。

chư Bích-chi-phật xuất hưng vu thế. khai kì giáo hóa vô lượng chúng sanh.

các Bích-chi-phật xuất hiện ở đời để khai thị giáo hóa vô lượng chúng sanh,

立於正法尋即滅度。其實長存而不永滅。

lập ư Chánh pháp tầm tức diệt độ. kỳ thật trường tồn nhi bất vĩnh diệt.

kiến lập Chánh pháp rồi lại diệt độ, thật ra là trường tồn không phải diệt mất.

但諸眾生不能悉見。復次善男子。

đãn chư chúng sanh bất năng tất kiến. phục thứ thiện nam tử.

nhưng các chúng sanh không thể thấy hết. Lại nữa Thiện nam tử,

譬如日出眾冥悉除。如是善男子。

thí như nhật xuất chúng minh tất trừ. như thị thiện nam tử.

thí như mặt trời mọc các tối tăm đều trừ diệt, như vậy Thiện nam tử,

此摩訶衍般泥洹經出興于世。其有聞者。

thử Ma-Ha diễn bát nê hoàn Kinh xuất hưng vu thế. kỳ hữu văn giả.

kinh Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn này xuất hiện ở đời, nếu có ai nghe được

無間罪業無量積聚皆悉消滅。如是善男子。

vô gián tội nghiệp vô lượng tích tụ giai tất tiêu diệt. như thị thiện nam tử.

thì vô lượng tội nghiệp vô gián tích tụ đều được tiêu trừ. Như vậy Thiện nam tử,

此摩訶衍大般泥洹甚深境界不可思議。善說如來微妙之性。

thử Ma-Ha diễn Đại bát nê hoàn thậm thâm cảnh giới bất khả tư nghị. thiện thuyết

Nhu-Lai vi diệu chi tánh.

cảnh giới của Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn này là thâm sâu không thể nghĩ bàn, khéo

nói về tánh vi diệu của Nhu Lai

若善男子善女人。欲知如來是常住法。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. dục tri Nhu-Lai thị thường trụ Pháp.

nếu có Thiện nam tử thiện nữ nhân muốn biết Nhu Lai là pháp thường trụ,

正法無盡僧寶不滅。當勤方便修學此經。

Chánh pháp vô tận tăng bảo bất diệt. đương tinh cần phương tiện tu học thử

Kinh.

Chánh pháp không diệt, Tăng bảo không diệt, thì phải siêng cần cầu phương tiện
tu học Kinh này,

我說此人為近佛地。

ngã thuyết thử nhân vi cận Phật địa.

Ta nói người này là gần quả vị Phật

大般泥洹經卷第五

Đại bát nê hoàn Kinh quyển đệ ngũ

Kinh Đại Bát-nê-hoàn

Quyển Thứ Năm

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:29:05 2006

=====

ĐẠI BÁT NÊ HOÀN KINH

Quyển Thứ Sáu

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 376

Hán dịch: Sa-môn Pháp Hiển
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền
Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (11-2007)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 376 《佛說大般泥洹經》CBETA 電子佛典 V1.20 普及版
【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 376 《Phật thuyết Đại bát nê hoàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.20 phổ cập bản
【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 376 《Phật nói Đại bát nê hoàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.20 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 佛說大般泥洹經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 Phật thuyết Đại bát nê hoàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 376 Phật nói Đại bát nê hoàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.20, Normalized Version

=====

=====

=====

大般泥洹經卷第六
Đại bát nê hoàn Kinh quyển đệ lục
Kinh Đại Bát-nê-hoàn
Quyển Thứ Sáu
東晉平陽沙門法顯譯
Đông Tấn bình dương Sa Môn Pháp Hiền dịch
Sa môn Pháp Hiền, người xứ Bình Dương, dịch vào đời Đông Tấn
問菩薩品第十七
vấn Bồ-tát phẩm đệ thập thất
Phẩm thứ mười bảy: Vấn Bồ-tát

迦葉菩薩白佛言。何等為菩薩摩訶薩。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. hà đẳng vi Bồ-tát Ma-Ha tát.

Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Thế nào là Đại Bồ-tát

佛告迦葉。已發意者及未發意。

Phật cáo ca diệp. dĩ phát ý giả cập vị phát ý.

Phật dạy Ca-diệp, người phát tâm và chưa phát tâm,

是等一切悉為菩薩。善男子。

thị đẳng nhất thiết tất vi Bồ-tát. thiện nam tử.

như vậy tất cả đều là Bồ-tát. Thiện nam tử,

譬如冬日蘇油凝結無有津澤。如是修習一切契經諸餘三昧。

thí như đông nhật tô du ngưng kết vô hữu tân trạch. như thị tu tập nhất thiết khế Kinh chư dư Tam-muội.

thí như ngày mùa đông, dầu đông cứng không có thấm ướt, như vậy tu tập tất cả khế kinh và các định Tam-muội,

發心望果而求菩提。是輩名為未發道意。

phát tâm vọng quả nhi cầu Bồ-đề. thị bồi danh vi vị phát đạo ý.

phát tâm mong quả báo mà cầu Bồ-đề, hạng này gọi là chưa phát tâm với đạo.

不能速成菩薩之道。所以者何。無勤方便如冬日故。

bất năng tốc thành Bồ-tát chi đạo. sở dĩ giả hà. vô tinh cần phương tiện như đông nhật cố.

không thể mau chóng thành đạo Bồ-tát: Tại vì sao? Vì không có phương tiện siêng năng chỉ như ngày mùa đông.

又善男子。如春時日其熱猛烈。

hựu thiện nam tử. như xuân thời nhật kỳ nhiệt mãnh liệt.

Lại nữa Thiện nam tử, như ngày mùa xuân có sức nóng mạnh,
 一切蘇油悉皆津澤。其餘水結一切鎔銷。
 nhất thiết tô du tất giai tân trạch. kỳ du thủy kết nhất thiết dong tiêu.
 tất cả dầu mỡ đều chảy ra, những thứ nước đông chảy đều tan chảy,
 湖池諸水亦復消竭。如是迦葉。
 hồ trì chư thủy diệc phục tiêu kiệt. như thị ca diệp.
 nước ở hồ ao cũng khô cạn. Như vậy Ca-diếp,
 若善男子善女人內道外道。若有至心及名聞利養。
 nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân nội đạo ngoại đạo. nhược hữu chí tâm cập Danh-
 Văn lợi dưỡng.
 thiện nam tử thiện nữ nhơn trong đạo hay ngoài đạo, nếu có chí tâm và danh tiếng
 lợi dưỡng,
 聽此方等大般泥洹戢心歷耳。有發菩提未發心者。
 thính thử Phương Đẳng Đại bát nê hoàn tập tâm lịch nhĩ. hữu phát Bồ-đề vị phát
 tâm giả.
 nghe kinh Phương Đẳng Đại Niết-bàn qua tai rồi vào tâm,
 如斯之等一切身中悉皆津澤為菩提因是故我說。
 như tư chi đẵng nhất thiết thân trung tất giai tân trạch vi bồ-đề nhân thị cố
 ngã thuyết.
 những hạng như đây trong thân đều thấm nhuần nhân Bồ-đề, cho nên Ta nói
 是善男子善女人悉為菩薩。
 thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tất vi Bồ-tát.
 thiện nam tử thiện nữ nhơn này đều là Bồ-tát.
 如是方等般泥洹經。功德積聚覺慧無盡。
 như thị Phương Đẳng bát nê hoàn Kinh. công đức tích tụ giác tuệ vô tận.
 Kinh Phương Đẳng Đại Niết-bàn có công đức tụ hội, giác tuệ vô tận,
 是故我說名為春澤。所以者何。開發如來常住法故。
 thị cố ngã thuyết danh vi xuân trạch. sở dĩ giả hà. khai phát Như-Lai thường trụ
 Pháp cố.
 cho nên Ta gọi là mùa xuân thấm nhuần. Tại vì sao, do khai mở pháp thường trụ
 của Như Lai vậy.
 復次善男子。譬如日月光明照曜。
 phục thứ thiện nam tử. thí như nhật nguyệt quang-minh chiếu diệu.
 Lại nữa Thiện nam tử, thí như ánh sáng rực rỡ của mặt trời mặt trăng chiếu soi
 諸餘光明悉不復現。如是大乘般泥洹經光明照曜。
 chư dư quang-minh tất bất phục hiện. như thị Đại thừa bát nê hoàn Kinh quang-
 minh chiếu diệu.
 thì các ánh sáng khác không hiện rõ, cũng vậy khi ánh sáng kinh Đại thừa Bát-
 niết-bàn chiếu rực rỡ
 諸餘契經及諸三昧。功德光明悉不復現。
 chư dư khế Kinh cập chư Tam-muội. công đức quang-minh tất bất phục hiện.
 thì ánh sáng của các khế kinh và các định Tam-muội cũng không hiện ra,
 是故善男子善女人。聞是方等大般泥洹。
 thị cố thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. văn thị Phương Đẳng Đại bát nê hoàn.
 cho nên thiện nam tử thiện nữ nhơn nghe kinh Phương Đẳng Đại Bát-niết-bàn,
 雖未能發無上道心。泥洹日光已入身中為菩提因。
 tuy vị năng phát vô thượng Đạo tâm. nê hoàn nhật quang dĩ nhập thân trung vi bồ-
 đề nhân.
 tuy chưa có thể phát tâm đạo vô thượng, nhưng ánh sáng của kinh đã thấm nhập vào
 thân làm nhân Bồ-đề,
 是故名為大般泥洹。迦葉菩薩白佛言。世尊。
 thị cố danh vi Đại bát nê hoàn. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.
 cho nên gọi là Đại Bát-niết-bàn. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,
 一切眾生必有菩提因緣入身中者。以何等故。

nhất thiết chúng sanh tất hữu Bồ-đề nhân duyên nhập thân trung giả. dĩ hà đẳng cố.

tất cả chúng sanh ắt có nhân duyên Bồ-đề thân nhập vào thân, vậy tại vì sao thế尊。

Thế tôn。

Thế Tôn

說犯四墮法作無間罪誹謗經法及一闍提。於正法中作毒刺耶。

thuyết phạm tứ đọa Pháp tác vô gián tội phi báng Kinh Pháp cập nhất-xiển-đề. u Chánh pháp trung tác độc thứ da.

nói người phạm bốn tội nặng, phi báng kinh điển tạo tội vô gián hạng nhất-xiển-đề ở trong Chánh pháp là mũi tên độc.

如佛所言。若未發意有菩提因者有何差別。

như Phật sở ngôn. nhưc vị phát ý hữu Bồ-đề nhân giả hữu hà sai biệt.

như lời Phật dạy, người chưa phát tâm mà có nhân Bồ-đề cũng những hạng trên có gì khác nhau,

彼四種人應無惡罪。佛告迦葉。

bì tứ chủng nhân ứng vô ác tội. Phật cáo ca diệp.

bốn hạng người trên phải là không có tội ác. Phật dạy: Ca-diếp,

除一闍提諸餘眾生其有聞此大般泥洹方等契經。

trừ nhất-xiển-đề chư dư chúng sanh kỳ hữu văn thử Đại bát nê hoàn Phương Đẳng khế Kinh.

trừ hạng nhất-xiển-đề, còn các chúng sanh nếu nghe kinh Đại Bát-niết-bàn, các kinh Phương Đẳng,

為菩提因者。當知是等已曾供養無量諸佛故。

vi bồ-đề nhân giả. đương tri thị đẳng dĩ tăng cung dưỡng vô lượng chư Phật cố.

mà làm nhân Bồ-đề, phải biết những hạng này đã từng cúng dường vô lượng chư Phật đặng nghe kinh này. 其餘諸罪無能為也。所以者何。

đắc văn thử Kinh. kỳ dư chư tội vô năng vi dã. sở dĩ giả hà.

nên được nghe kinh này, ngoài ra các tội khác đều không thể làm. Tại vì sao?

此摩訶衍大方便力。開發一切如來性故。

thử Ma-Ha diễn Đại phương tiện lực. khai phát nhất thiết Như-Lai tánh cố.

sức lực phương tiện lớn của kinh này có thể khai phát tất cả tánh Như Lai.

迦葉菩薩白佛言。世尊。未發心者。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. vị phát tâm giả.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, người chưa phát tâm,

無有樂向聞則背捨。何由得為菩提之因。佛告迦葉。

vô hữu lạc hướng văn tắc bối xả. hà do đắc vi bồ-đề chi nhân. Phật cáo ca diệp.

thì không muốn hướng đến, nghe liền xả bỏ, vậy do đâu mà được làm nhân Bồ-đề.

Phật dạy: Ca-diếp,

未發意者。雖不樂向而背捨去。

vị phát ý giả. tuy bất lạc hướng nhi bối xả khứ.

người chưa phát tâm tuy không muốn hướng đến mà bỏ đi,

猶憶此經心不忘失臥則夢中見大鬼神現恐怖相。咄善男子。

do ức thử Kinh tâm bất vong thất ngọa tắc mộng trung kiến Đại quỷ Thần hiện

khủng phổ tướng. đột thiện nam tử.

nhưng vẫn nhớ kinh này tâm không bỏ quên, ngủ thì trong mộng thấy đại quỷ thần hiện tướng đe dọa rằng: Nay Thiện nam tử,

當念菩提。若不樂向我當殺汝。

đương niệm Bồ-đề. nhưc bất lạc hướng ngã đương sát nữ.

phải nghĩ nhớ Bồ-đề, nếu không muốn hướng đến ta sẽ giết người,

彼即驚怖便念菩提。乃至覺已心猶續念。

bì tức kinh phổ tiện niệm Bồ-đề. nãi chí giác dĩ tâm do tục niệm.

người kia khiến sợ hãi mà nhớ nghĩ Bồ-đề, cho đến khi tỉnh rồi tâm vẫn còn nhớ tiếp tục.

又復彼人命終之後墮泥犁中。見其罪報亦復憶念。

hựu phục bi nhân mạng chung chi hậu đọa nê lê trung. kiến kỳ tội báo diệc phục úc niệm.

Lại nữa, người kia sau khi mạng chung đọa vào trong ngục Nê-lê, thấy tội báo ấy cũng lại nhớ nghĩ Bồ-đề

墮餓鬼中及生天上亦皆憶念。於彼能發菩提之心。

đọa ngạ quỷ trung cập sanh Thiên thượng diệc giai úc niệm. ư bi năng phát Bồ-đề chi tâm.

hoặc đọa vào ngạ quỷ hay sanh lên cõi trời cũng đều nhớ nghĩ, đối với các cảnh này có thể phát tâm Bồ-đề,

於此大乘般泥洹經。不樂之心從是永滅。

ư thử Đại thừa bát nê hoàn Kinh. bất lạc chi tâm tòng thị vĩnh diệt.

thì đối với kinh Đại thừa Bát-niết-bàn, tâm không ưa thích liền diệt mất, 如是則為菩提之因。

như thị tắc vi bồ-đề chi nhân.

như vậy tức làm nhân Bồ-đề,

如是為因如是為緣即立菩提。復次善男子。如虛空中興大雲雨。

như thị vi nhân như thị vi duyên tức lập Bồ-đề. phục thứ thiện nam tử. như hư không trung hưng Đại vân vũ.

làm nhân như vậy, làm duyên như vậy tức lập Bồ-đề. Lại nữa Thiện nam tử, như trong hư không nổi mây mưa lớn,

雨於大地枯木山石及諸高原。

vũ ư Đại địa khô mộc sơn thạch cập chư cao nguyên.

mưa xuống đại địa thì cây khô, núi đá, cao nguyên,

其水不住流澍下田陂池悉滿。

kỳ thủy bất trụ lưu chú hạ điền pha trì tất mãn.

nước không giữ lại mà chảy xuống ruộng ao khiến được đầy khắp.

眾生受用此摩訶衍大乘法雨。雨一闍提如雨木石高原之地。

chúng sanh thọ dụng thử Ma-Ha diến Đại thừa Pháp vũ. vũ nhất-xiển-đề như vũ mộc thạch cao nguyên chi địa.

chúng sanh thọ dụng mưa pháp Đại thừa Ma-ha-diến này cũng vậy, mưa đến hạng nhất-xiển-đề như mưa nơi núi đá, cao nguyên,

不受菩提因緣津澤。復次善男子。譬如種子熬令乾焦。

bất thọ Bồ-đề nhân duyên tân trạch. phục thứ thiện nam tử. thí như chủng tử ngao lệnh kiên tiêu.

hạng này không được thấm nhuận nhân duyên Bồ-đề. Lại nữa Thiện nam tử, thí như hạt giống đem rang khiến khô cháy,

雖復時雨百千萬劫不能令生。

tuy phục thời vũ bách thiên vạn kiếp bất năng lệnh sanh.

tuy gặp trời mưa đến trăm ngàn vạn kiếp mà vẫn không thể sanh trưởng.

一闍提輩亦復如是。於此方等般泥洹經。雖百千劫聞。

nhất-xiển-đề bối diệc phục như thị. ư thử Phương Đẳng bát nê hoàn Kinh. tuy bách thiên kiếp văn.

Hạng nhất-xiển-đề cũng lại như vậy, đối với kinh Phương Đẳng Đại Niết-bàn tuy nghe đến trăm ngàn kiếp

終不能發菩提萌芽。所以者何。

chung bất năng phát Bồ-đề manh nha. sở dĩ giả hà.

mà vẫn không thể phát mầm Bồ-đề, tại vì sao,

如焦穀種善根滅故。復次善男子。

như tiêu cốc chủng thiện căn diệt cố. phục thứ thiện nam tử.

do căn lành bị diệt như hạt giống rang khô vậy. Lại nữa Thiện nam tử,

譬如明珠著濁水中水即澄清。投之淤泥不能令清。

thí như minh châu trú trực thủy trung thủy tức trùng thanh. đầu chi ú nê bất năng lệnh thanh.

thí như hạt minh châu bỏ trong nước đục thì nước liền trong xanh, nếu ném vào bùn thì không thể khiến bùn được trong,
此摩訶衍般泥洹經亦復如是。

thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh diệc phục như thị。

kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn cũng lại như vậy,

著諸眾生五無間罪犯四墮法濁水之中。猶可澄清發菩提心。

trú chư chúng sanh ngũ vô gián tội phạm tứ đọa Pháp trược thủy chi trung。do khả trùng thanh phát Bồ-đề tâm。

đem vào trong chúng sanh tạo tội vô gián, phạm bốn tội nặng, phi báng Chánh pháp, vẫn có thể làm chúng sanh trong sạch mà phát tâm Bồ-đề,

投一闍提淤泥之中。百千萬歲不能令清起菩提因。

đầu nhất-xiên-đề ú nê chi trung。bách thiên vạn tuế bất năng lệnh thanh khởi Bồ-đề nhân。

nếu ném vào trong bùn dơ của hạng nhất-xiên-đề, dù trải qua trăm ngàn vạn năm mà vẫn không thể khiến trong sạch để khởi nhân Bồ-đề,

所以者何。無善根故。復次善男子。

sở dĩ giả hà。vô thiện căn cố。phục thứ thiện nam tử。

tại vì sao, do không có căn lành vậy。Lại nữa Thiện nam tử,

譬如藥樹名曰藥王無所不治。根莖華葉若汁若香。

thí như dược thụ danh viết dược Vương vô sở bất trị。căn hành hoa diệp nhược trấp nhược hương。

thí như cây thuốc tên là Dược vương không bệnh gì là không trị, cây, rễ, hoa, lá, hoặc nước, hoặc mùi hương,

或有人服或復塗身或但聞香。

hoặc hữu nhân phục hoặc phục đồ thân hoặc dẫn văn hương。

nếu người uống vào, hoặc thoa nơi thân, hoặc chỉ nghe mùi hương,

意樂不樂其病悉除。唯除必死之病不能令差。

ý lạc bất lạc kỳ bệnh tất trừ。duy trừ tất tử chi bệnh bất năng lệnh sai。

ý thích hay không thích mà bệnh đều trừ diệt, chỉ trừ bệnh chắc chắn chết thì không thể lành。

如是善男子。此摩訶衍般泥洹經。

như thị thiện nam tử。thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh。

Như vậy Thiện nam tử, kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này,

一切眾生惡業重病悉能療治。若四墮法無間罪業。

nhất thiết chúng sanh ác nghiệp trọng bệnh tất năng liệu trị。nhược tứ đọa Pháp vô gián tội nghiệp。

có thể chữa trị bệnh nặng ác nghiệp của tất cả chung sanh。Nếu người phạm bốn tội nặng tạo nghiệp vô gián,

及諸外道不樂菩提。聞斯方等一經耳者為菩提因。

cập chư ngoại đạo bất lạc Bồ-đề。văn tu Phương Đẳng nhất Kinh nhĩ giả vi Bồ-đề nhân。

và hàng ngoại đạo không thích Bồ-đề, nhưng nếu nghe kinh Phương Đẳng một lần qua tai cũng được làm nhân Bồ-đề。

所以者何。

sở dĩ giả hà。

Tại vì sao?

此摩訶衍般泥洹經一切諸惡無不治故。唯除一闍提。所以者何。無菩提因故。

thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh nhất thiết chư ác vô bất trị cố。duy trừ nhất-xiên-đề。sở dĩ giả hà。vô Bồ-đề nhân cố。

kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này trị được tất cả nghiệp ác, chỉ trừ hạng nhất-xiên-đề。Tại vì sao? Do không có nhân Bồ-đề vậy,

猶如人身有傷壞處。訥藥得行除眾疾病。

do như thân hữu thương hoại xử。sái dược đắc hành trừ chúng tật bệnh。

giống như thân người có chỗ bị thương tổn, nếu đắp thuốc vào thì trừ được các bệnh。

若不傷壞訥藥不行。一闍提輩亦復如是。

nhược bắt thương hoại sái dược bắt hành. nhất-xiển-đề bồi diệp phục như thị.
Nếu thân không bị thương tổn thì thuốc không có tác dụng, hạng nhất-xiển-đề cũng
lại như vậy,

不可傷壞受菩提因。復次善男子。

bất khả thương hoại thọ Bồ-đề nhân. phục thứ thiện nam tử.

không bị thương tổn nên không thọ nhận nhân Bồ-đề. Lại nữa Thiện nam tử,

譬如金剛能壞眾寶。而力不能壞白羊角。

thí như Kim cương năng hoại chúng bảo. nhi lực bất năng hoại bạch dương giác.

thí như kim cương có thể phá tất cả loại báu, mà không thể phá hoại sừng dê
trắng,

是摩訶衍般泥洹經。成就一切諸惡之法。皆能破壞立菩提因。

thị Ma-Ha diễn bát nê hoàn Kinh. thành tựu nhất thiết chư ác chi Pháp. giai năng

phá hoại lập Bồ-đề nhân.

kinh Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn này có thể phá hoại tất cả pháp ác mà lập nhân Bồ-
đề.

唯不能破一闍提惡起菩提因。復次善男子。

duy bất năng phá nhất-xiển-đề ác khởi Bồ-đề nhân. phục thứ thiện nam tử.

nhưng không thể phá hạng nhất-xiển-đề xấu ác mà khởi nhân Bồ-đề. Lại nữa Thiện
nam tử,

譬如諸樹斷其枝幹尋生如故。

thí như chư thụ đoạn kỳ chi cán tầm sanh như cố.

thí như các cây khi chặt cành lá thì lại sanh ra như cũ,

如是眾生作諸罪業。聞摩訶衍般泥洹經生菩提因。

như thị chúng sanh tác chư tội nghiệp. văn Ma-Ha diễn bát nê hoàn Kinh sanh Bồ-
đề nhân.

như vậy chúng sanh tạo các tội nghiệp mà nhờ nghe kinh Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn
này nên sanh khởi nhân Bồ-đề,

如多羅樹斷則不生。一闍提輩亦復如是。

như đa-la thụ đoạn tắc bất sanh. nhất-xiển-đề bồi diệp phục như thị.

như cây Đa-la bị chặt lia thì không sống, hạng nhất-xiển-đề cũng lại như vậy,
終不能生菩提柯葉。復次善男子。

chung bất năng sanh Bồ-đề kha diệp. phục thứ thiện nam tử.

trọn không thể sanh cành lá Bồ-đề. Lại nữa Thiện nam tử,

譬如空中興大雲雨。而彼雨滯不住空中。

thí như không trung hưng Đại vân vũ. nhi bị vũ để bất trụ không trung.

thí như hư không nổi mây mưa lớn, mà nước mưa ấy không trụ giữa hư không,

此摩訶衍般泥洹經普雨法雨。於一闍提雨則不住。

thử Ma-Ha diễn bát nê hoàn Kinh phổ vũ Pháp vũ. ư nhất-xiển-đề vũ tắc bất trụ.

kinh Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn này rưới trận mưa pháp, nhưng đối với hạng nhất-
xiển-đề thì mưa pháp không trụ lại.

不修真實亦不來 彼究竟處莫能見

bất tu chân thật diệp Bất lai bị cứu cánh xử mạc năng kiến

Người không tu chân thật và Bất lai thì kẻ đó rốt ráo cũng không thể thấy,

謂彼諸惡不善業 則為世間大鄙陋

vị bị chư ác bất thiện nghiệp tắc vi thế gian Đại bỉ lậu

nghĩa kẻ đó tạo ra các nghiệp ác, bất thiện thì làm cho thế gian càng thêm xấu
xí thô bỉ.

其善修者謂修菩提。不來者。

kỳ thiện tu giả vị tu Bồ-đề. Bất-lai giả.

Người khéo tu thiện nghĩa là tu đạo Bồ-đề. Người tu Bất lai là

若自不修終不自得。真實者微密勝業。

nhược tự bất tu chung bất tự đắc. chân thật giả vi mật thắng nghiệp.

tự mình không tu thì không tự đắc. Người tu Chân thật là nghiệp vi tế, bí mật và
thù thắng.

如是勝業於誰不來謂一闍提。

như thị thắng nghiệp ư thùỳ Bất-lai vị nhất-xiển-đề.

ngiệp thù thắng như vậy mà đối với ai không tự mình tu tức là nhất-xiển-đề,
永離善心名一闍提諸增上慢一闍提輩以何為本。

vĩnh ly thiện tâm danh nhất-xiển-đề chu tăng thượng mạn nhất-xiển-đề bồi dĩ hà
vi bốn.

xa lìa tâm thiện gọi là nhất-xiển-đề. Hạng nhất-xiển-đề tăng thượng mạn lấy gì
làm gốc?

誹謗經法不善之業以是為本。誹謗經法凶逆暴害。

phỉ báng Kinh Pháp bất thiện chi nghiệp dĩ thị vi bốn. phỉ báng Kinh Pháp hung
nghịch bạo hại.

Đó là lấy nghiệp bất thiện hủy báng Kinh Pháp làm gốc. Hủy báng Kinh Pháp, ngộ
nghịch hung bạo,

當知是等智者所畏。譬如險道多諸盜賊。

đương tri thị đẳng trí giả sở úy. thí như hiểm đạo đa chu đạo tặc.

phải biết những hạng như vậy thì người trí sợ hãi. Thí như đường hiểm có nhiều
giặc cướp,

暴慢愚夫不知恐懼。肆意直往為賊所害。

bạo mạn ngu phu bất tri khủng úy. tứ ý trực vãng vi tặc sở hại.

người ngu si ngạo mạn không biết lo sợ, nên ngang nhiên đi vào và bị bọn giặc
làm hại,

大力法王遊行此路無有恐懼。不見究竟處者。

Đại lực Pháp Vương du hành thử lộ vô hữu khủng úy. bất kiến cứu cánh xử giả.

nhưng đấng Pháp vương có sức lực lớn thì đi qua đường này mà không lo sợ. Nói
không thấy chỗ rất ráo,

永不見彼一闍提輩究竟惡業。亦不見彼無量生死究竟之處。

vĩnh bất kiến bỉ nhất-xiển-đề bồi cứu cánh ác nghiệp. diệc bất kiến bỉ vô lượng
sinh tử cứu cánh chi xử.

là mãi mãi không thấy rất ráo nghiệp ác của hạng nhất-xiển-đề, cũng không thấy
chỗ rất ráo vô lượng sinh tử của họ.

我略說彼諸惡積聚。若具聞者甚可怖畏。

ngã lược thuyết bỉ chư ác tích tụ. nhược cụ văn giả thậm khả bố úy.

Ta lược thuyết về sự tích tụ nghiệp ác của hạng nhất-xiển-đề, nếu nghe đầy đủ
thì rất đáng sợ

假令一切眾生一時發意成無上道。

giả lệnh nhất thiết chúng sanh nhất thời phát ý thành vô thượng đạo.

giả sử tất cả chúng sanh đồng thời phát tâm thành đạo Vô thượng,

此諸正覺猶不見彼一闍提輩諸惡究竟。

thử chư chánh giác do bất kiến bỉ nhất-xiển-đề bồi chư ác cứu cánh.

bậc Chánh giác này vẫn không thấy hạng nhất-xiển-đề, người này sạch hết nghiệp
ác,

成正覺時復於何等不見究竟。

一切眾生破壞生死皆成佛道。不見諸佛無餘泥洹。

nhất thiết chúng sanh phá hoại sinh tử giai thành Phật đạo. bất kiến chư Phật vô
du nê hoàn.

tất cả chúng sanh phá hết sinh tử đều thành Phật đạo, không thấy chư Phật nhập
vô du Niết-bàn

無常滅盡如燈火滅。謂彼諸惡業世間大鄙陋者。

vô thường diệt tận như đăng hỏa diệt. vị bỉ chư ác nghiệp thế gian Đại bỉ lậu
giả.

diệt hết vô thường, như đèn đóm diệt. Nghĩa là người tạo ra các ác bất thiện
ngiệp làm cho thế gian vô cùng xấu xí thô kệch,

一闍提輩永離菩提因緣功德。斯等名為世間鄙陋。

nhất-xiên-đề bồi vĩnh ly Bồ-đề nhân duyên công đức. tu đặng danh vi thể gian bi lậu

hạng nhất-xiên-đề này mãi mãi xa lìa nhân duyên công đức Bồ-đề, nên gọi là thể gian bi lậu

於此大乘最後覺悟得為佛。名是亦鄙陋。

ư thử Đại thừa tối hậu giác ngộ đắc vi Phật. danh thị diệc bi lậu.

đôi với Đại thừa sau cùng mới được giác ngộ làm Phật, cũng gọi tên là bi lậu. 諸佛法爾。

chư Phật Pháp nhĩ.

pháp chư Phật dạy cũng vậy,

已作惡業者 如薩闍乳酪

dĩ tác ác nghiệp giả như tát đồ nhũ lạc

đã tạo nghiệp ác như sữa đặc tát-đồ (có thể là loại sữa được đem đi hoả táng)

患者輕被燒 如灰覆火上

ngũ giả khinh bị thiêu như hôi phúc hỏa thượng

người ngu bị thiêu đốt như tro phủ trên lửa

有似阿羅漢一闍提而行惡業。

hữu tự A La Hán nhất-xiên-đề nhi hành ác nghiệp.

cũng tựa như A-la-hán nhất-xiên-đề mà tạo nghiệp ác,

似一闍提阿羅漢而行慈心。有似阿羅漢一闍提者。

tự nhất-xiên-đề A La Hán nhi hành từ tâm. hữu tự A La Hán nhất-xiên-đề giả.

Như nhất-xiên-đề A-la-hán mà thực hành tâm từ. Như loài A-la-hán nhất-xiên-đề, 是諸眾生誹謗方等。似一闍提阿羅漢者。

thị chư chúng sanh phi báng Phương Đẳng. tự nhất-xiên-đề A La Hán giả.

là các chúng sanh này phi báng kinh Phương Đẳng. Như hạng nhất-xiên-đề A-la-hán 毀訾聲聞廣說方等。語眾生言。我與汝等俱是菩薩。

hủy tả thanh văn quảng thuyết Phương Đẳng. ngữ chúng sanh ngôn. ngã dữ nhữ đặng câu thị Bồ-tát.

chê bai Thanh văn, rộng thuyết Phương Đẳng, nói chúng sanh rằng: Ta cùng các ông đều là Bồ-tát

所以者何。一切皆有如來性故。

sở dĩ giả hà. nhất thiết giai hữu Như Lai tánh cố.

tại vì sao, bởi vì tất cả đều có Như Lai tánh

然彼眾生謂一闍提。而言如來授我等決。汝亦如是。

nhiên bỉ chúng sanh vị nhất-xiên-đề. nhi ngôn Như Lai thụ ngã đặng quyết. nhữ diệc như thị.

nhưng chúng sanh kia là hạng nhất-xiên-đề mà nói Như Lai thọ ký cho chúng ta.

Ông cũng như vậy,

我與汝等皆當俱離無量煩惱眾魔惡業如壞水

ngã dữ nhữ đặng giai đương câu ly vô lượng phiền não chúng ma ác nghiệp như hoại thủy

ta cùng các ông đều xa lìa vô lượng phiền não, các ma, nghiệp ác, như đổ bình nước,

瓶。於此契經必成菩提勿復生疑。

ngõa. ư thử khế Kinh tất thành Bồ-đề vật phục sanh nghi.

ở nơi Khế Kinh này chắc chắn thành đạo Bồ-đề, chớ sanh nghi ngờ,

譬如烈士奉王使令。至他國中稱歎王德。

thí như liệt sĩ phụng Vương sử lệnh. chí tha quốc trung xưng tán Vương đức.

thí như tráng sĩ làm sứ giả cho vua rồi đi đến nước khác, thường khen ngợi ân đức của vua,

寧失身命要不移易。我等今日亦復如是。

ninh thất thân mạng yếu bất di dịch. ngã đặng kim nhật diệc phục như thị.

thà mất thân mạng chớ không hề đổi dời. Ngày nay chúng ta cũng lại như vậy,

如來記說一切眾生皆有佛性。我等要當不惜身命。

Như Lai kí thuyết nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh. ngã đẳng yếu đương bất tích thân mạng.

Như Lai nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chúng ta cần phải dừng cảm, không tiếc thân mạng

於凡愚中廣說此經。是名似一闍提摩訶薩也。

ư phạm ngu trung quảng thuyết thử Kinh. thị danh tự nhất-xiển-đề Ma-Ha tát dã. mà rộng thuyết Kinh này cho hàng phàm phu, đó gọi là tợ như hạng nhất-xiển-đề ma ha tát.

若阿練若愚癡無智。狀似阿羅漢而誹謗方等。

nhược a-luyện-nhã ngu si vô trí. trạng tợ A La Hán nhi phi báng Phương Đẳng.

Như hàng ngu si vô trí ở nơi A-lan-nhã, hình trạng tợ như A-la-hán mà phi báng kinh Phương Đẳng,

愚駭凡夫謂真阿羅漢謂是大士。

ngu ngãi phàm phu vị chân A La Hán vị thị Đại sĩ.

phàm phu ngu dốt cho là chơn A-la-hán mà gọi là Đại sĩ

是惡比丘示現空閑阿練若處。

thị ác Tỷ-kheo thị hiện không nhàn a-luyện-nhã xứ.

Tỷ-kheo ác này hiện tướng ở nơi A-lan-nhã,

而自處置似真阿羅漢。於阿練若行永不隨順。

nhi tự xử trí tự chân A La Hán. ư a-luyện-nhã hành vĩnh bất tùy thuận.

tự mình đối xử tợ như chơn A-la-hán mà ở chốn A-lan-nhã thì trọn không tùy thuận

而作異說起四因緣。言方等經皆是魔說。

nhi tác dị thuyết khởi tứ nhân duyên. ngôn Phương Đẳng Kinh giai thị ma thuyết.

nói những lời kỳ lạ, khởi bốn nhân duyên, nói rằng kinh Phương Đẳng đều là ma thuyết,

言摩訶衍者是諸點慧正法刺劍。諸佛世尊皆當無常而說常住。

ngôn Ma-Ha diển giả thị chư hiệt tuệ Chánh pháp thứ kiếm. chư Phật Thế tôn giai đương vô thường nhi thuyết thường trụ.

nói Ma-ha-diển là gươm nhọn của Chánh pháp, chư Phật Thế Tôn là vô thường sao nói thường trụ,

當知是為毀滅正法破僧之相。

đương tri thị vi hủy diệt Chánh pháp phá tăng chi tướng.

phải biết đây là tướng hủy diệt Chánh pháp, phá hoại tăng chúng

作是說者名一闍提。是故說言。

tác thị thuyết giả danh nhất-xiển-đề. thị cố thuyết ngôn.

người như vậy gọi là nhất-xiển-đề, cho nên nói rằng:

已作惡業者 如薩闍乳酪

dĩ tác ác nghiệp giả như tát đồ nhũ lạc

người đã tạo nghiệp ác thì như sữa đặc tát-đồ

愚者輕被燒 如灰覆火上

ngu giả khinh bị thiêu như hôi phúc hỏa thượng

người ngu bị thiêu dốt như tro phủ trên lửa.

如是善男子。當知方等般泥洹經。

như thị thiện nam tử. đương tri Phương Đẳng bát nê hoàn Kinh.

Như vậy Thiện nam tử, phải biết kinh Phương Đẳng Bát-niết-bàn

諸佛如來決定之說。摩訶衍者。

chư Phật như lai quyết định chi thuyết. Ma-Ha diển giả.

là lời quyết định của chư Phật Như Lai. Ma-ha-diển là

最為無上如摩尼珠明淨離垢。復次善男子。

tối vi vô thượng như ma-ni châu minh tịnh ly cấu. phục thứ thiện nam tử.

vô thượng vi diệu như hạt châu ma-ni trong sáng không dơ ố. Lại nữa, Thiện nam tử,

譬如蓮華日光照已無不開敷。一切眾生亦復如是。

thí như liên hoa nhật quang chiếu dĩ vô bất khai phụ. nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị.

thí như hoa sen khi mặt trời chiếu sáng nở ra, tất cả chúng sanh cũng lại như vậy.

此摩訶衍般泥洹經。一聞經耳。若未發意不樂菩提。

thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh. nhất văn Kinh nhi. nhược vị phát ý bất lạc Bồ-đề.

Kinh Ma-ha-diển Bát-nê-hoàn này, một lần qua tai, nếu ai chưa phát tâm, không thích Bồ-đề,

是等必為菩提之因。彼一聞提於如來性所以永絕。

thị đẳng tất vi bbồ-đề chi nhân. bi nhất-xiển-đề ư Như Lai tánh sở dĩ vĩnh tuyệt.

thì chắc chắn làm nhân Bồ-đề. Hạng nhất-xiển-đề kia sở dĩ dứt tuyệt tánh Như Lai,

斯由誹謗作大惡業。

tư do phi báng tác Đại ác nghiệp.

đây là do phi báng, tạo nghiệp ác lớn

如彼蠶虫綿網自纏而無出處。一聞提輩亦復如是。

như bỉ tầm trùng miên võng tự triển nhi vô xuất xứ. nhất-xiển-đề bồi diệc phục như thị.

như con tằm làm kén tự ràng buộc mình mà không thoát khỏi. Hạng nhất-xiển-đề cũng lại như vậy,

於如來性不能開發起菩提因。乃至一切極生死際。

ư Như Lai tánh bất năng khai phát khởi Bồ-đề nhân. nãi chí nhất thiết cực sanh tử tế.

đối với tánh Như Lai không thể khai phát để khởi nhân Bồ-đề, cho đến tận bờ mé sanh tử,

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử.

Lại nữa, Thiện nam tử,

如優鉢羅鉢曇摩拘牟頭分陀利生淤泥中。而不為彼淤泥所汚。

như Ưu bát la bát đàm ma câu mưu đầu phân đà lợi sanh ứ nê trung. nhi bất vi bi ứ nê sở ô.

như hoa Ưu-bát-la, Bát-dàm-ma, Câu-mâu-đầu và Phân-đà-lợi sống ở trong bùn nhưng không hề bị bùn làm ô nhiễm,

若有眾生修摩訶衍般泥洹經亦復如是。不為煩惱之所污染。

nhược hữu chúng sanh tu Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh diệc phục như thị. bất vi phiền não chi sở 汚 nhiễm.

nếu có chúng sanh tu tập kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn thì cũng như vậy, không hề bị phiền não nhiễm ô.

所以者何。如來之性不受染故。復次善男子。

sở dĩ giả hà. Như Lai chi tánh bất thọ nhiễm cố. phục thứ thiện nam tử.

Tại vì sao, vì tánh Như Lai là không thọ ô nhiễm. Lại nữa Thiện nam tử,

譬如國土清涼風起。一切眾生身諸毛孔。

thí như quốc độ thanh lương phong khởi. nhất thiết chúng sanh thân chư mao khổng.

thí như ở quốc độ có gió mát thổi qua, các lỗ chân lông trên thân tất cả chúng sanh

遇斯風者熱惱悉除。如是善男子。

ngộ tu phong giả nhiệt não tất trừ. như thị thiện nam tử.

nếu gặp được gió này thì trừ hết các nóng bức. Như vậy Thiện nam tử,

此摩訶衍般泥洹經甘露法味。

thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh cam lộ Pháp vị.

pháp vị Cam lộ của kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này

一切眾生無不蒙潤發菩提因。除一闍提。復次善男子。

nhất thiết chúng sanh vô bất mộng nhuận phát Bồ-đề nhân. trừ nhất-xiển-đề. phục thứ thiện nam tử.

làm tất cả chúng sanh đều được thấm nhuận mà phát khởi nhân Bồ-đề, trừ hạng nhất-xiển-đề. Lại nữa Thiện nam tử,

譬如良醫解八種術。一切諸病皆悉能治。唯除阿薩闍病。

thí như lương y giải bát chủng thuật. nhất thiết chư bệnh giai tất năng trị. duy trừ a tát đồ bệnh.

thí như vị lương y hiểu rõ tám thứ pháp thuật có thể trị được tất cả bệnh tật, chỉ trừ bệnh A-tát-đồ.

如是善男子。一切契經及諸三昧。

như thị thiện nam tử. nhất thiết khê Kinh cập chư Tam-muội.

Như vậy Thiện nam tử, tất cả khê kinh và các định Tam-muội,

能治一切婬怒癡等諸煩惱病。

năng trị nhất thiết dâm nộ si đăng chư phiền não bệnh.

có thể trị các bệnh phiền não dâm dục, sân giận, ngu si,

而不能治犯四重禁無間罪業。善男子。復有良醫過八種術。

nhì bất năng trị phạm tứ trọng cấm vô gián tội nghiệp. thiện nam tử. phục hữu lương y quá bát chủng thuật.

nhưng không thể trị bệnh phạm bốn giới trọng tạo tội vô gián. Thiện nam tử, lại có vị lương y thông thạo hơn tám pháp thuật,

一切眾生諸有疾病。命行未盡悉能療治。

nhất thiết chúng sanh chư hữu tật bệnh. mạng hành vị tận tất năng liệu trị.

tất cả chúng sanh có các tật bệnh nếu số mạng chưa hết thì có thể chữa trị,

唯命行盡不能令差。此摩訶衍般泥洹經亦復如是。

duy mạng hành tận bất năng lệnh sai. thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh diệc phục như thị.

chỉ trừ người số mạng hết thì không thể chữa trị. Kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này cũng lại như vậy,

一切眾生諸煩惱患。乃至不樂菩提未發心者。

nhất thiết chúng sanh chư phiền não hoạn. nãi chí bất lạc Bồ-đề vị phát tâm giả.

tất cả chúng sanh có các phiền não, cho đến người không ưa Bồ-đề, người chưa phát tâm,

悉皆能治令發菩提。唯除一闍提輩。

tất giai năng trị lệnh phát Bồ-đề. duy trừ nhất-xiển-đề bối.

kinh này có thể chữa trị phiền não khiến phát tâm Bồ-đề, chỉ trừ hạng nhất-xiển-đề .

復次善男子。譬如盲人不見五色。

phục thứ thiện nam tử. thí như manh nhân bất kiến ngũ sắc.

Lại nữa Thiện nam tử, thí như người mù không thấy các màu sắc,

良醫能治令目開明。唯不能療彼生盲者。

lương y năng trị lệnh mục khai minh. duy bất năng liệu bị sanh manh giả.

thầy thuốc có thể chữa trị khiến cho mắt sáng, nhưng không thể trị cho người bị mù bẩm sinh,

此摩訶衍般泥洹經亦復如是。一切眾生聲聞緣覺。

thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh diệc phục như thị. nhất thiết chúng sanh Thanh văn, Duyên giác.

kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn cũng lại như vậy, tất cả chúng sanh, Thanh văn, Duyên giác,

不樂菩提未發心者。悉皆療治令開慧眼發菩提心。

bất lạc Bồ-đề vị phát tâm giả. tất giai liệu trị lệnh khai tuệ nhãn phát Bồ-đề tâm.

người không ưa Bồ-đề, người chưa phát tâm, kinh này có thể chữa trị, khiến khai
phát tuệ nhãn, phát tâm Bồ-đề,
唯除生盲一闍提輩。復次善男子。
duy trừ sanh manh nhất-xiên-đề bối. phục thứ thiện nam tử.
chỉ trừ hạng nhất-xiên-đề như người mù bẩm sinh. Lại nữa Thiện nam tử,
譬如良醫過八種術。一切眾生有疾病者。
thí như lương y quá bát chủng thuật. nhất thiết chúng sanh hữu tật bệnh giả.
thí như vị lương y thông thạo hơn tám pháp thuật, tất cả chúng sanh có tật bệnh
書其呪術著於身上。能令諸病悉得除愈。
thư kỳ chú thuật trú u thân thượng. năng lệnh chư bệnh tất đắc trừ dữ.
nếu viết chú thuật ấy rồi đeo trên thân, thì các tật bệnh đều được tiêu trừ.
此摩訶衍般泥洹經亦復如是。一切眾生諸煩惱患。
thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh diệc phục như thị. nhất thiết chúng sanh chư
phiền não hoạn.
kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này cũng lại như vậy, tất cả chúng sanh có các
phiền não,
不樂菩提未發意者。及四重禁無間罪業。
bất lạc Bồ-đề vị phát ý giả. cập tứ trọng cấm vô gián tội nghiệp.
người không ưa Bồ-đề, người chưa phát tâm, phạm bốn tội nặng tạo nghiệp vô gián,
皆能除滅安立菩提。迦葉菩薩白佛言。世尊。
giai năng trừ diệt an lập Bồ-đề. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.
kinh này có thể trừ diệt tội khiến họ an lập nơi Bồ-đề. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật
rằng: Bạch Thế Tôn,
犯四重禁及無間罪。如截多羅樹。及不樂菩提未發心者。
phạm tứ trọng cấm cập vô gián tội. như tiết đa-la thụ. cập bất lạc Bồ-đề vị phát
tâm giả.
người phạm bốn giới nặng và tạo tội vô gián cũng như cây Đa-la bị chặt đứt,
người không ưa Bồ-đề, người chưa phát tâm,
云何能令發菩提因。佛告迦葉。
vân hà năng lệnh phát Bồ-đề nhân. Phật cáo ca diệp.
làm sao có thể khiến họ phát khởi nhân Bồ-đề. Phật dạy: Ca-diếp,
是諸眾生若於夢中若命終時。墮泥犁中而生悔心。
thị chư chúng sanh nhược u mộng trung nhược mạng chung thời. đọa nê lê trung nhi
sanh hồi tâm.
các chúng sanh này hoặc trong giấc mộng, hoặc lúc mạng chung thấy đọa trong ngục
Nê-lê mà sanh tâm hồi hận rằng:
哀哉我等毀犯正法自招此罪。而生誓心。
ai tai ngã đẳng hủy phạm Chánh pháp tự chiêu thử tội. nhi sanh thệ tâm.
Than ôi! Ta hủy phạm Chánh pháp tự rước tội này mà sinh tâm thệ nguyện
於此得免生餘處者。在在處處要當發心為菩薩道。
u thử đắc miễn sanh dư xử giả. tại tại xử xử yếu đương phát tâm vi Bồ-tát đạo.
được thoát khỏi ngục Nê-lê mà sanh vào nơi khác, nơi nơi chỗ chỗ đều phát tâm
thực hành đạo Bồ-tát,
是摩訶衍般泥洹威神力故。
thị Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh uy Thần lực cố.
đó là do sức oai thần của kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này,
是等眾生天人中。必得發心為菩提因。
thị đẳng chúng sanh thiên Nhơn trung. tất đắc phát tâm vi bồ-đề nhân.
các chúng sanh này sanh vào cõi trời cõi người, ắt được phát tâm tạo nhân Bồ-đề,
是故我說犯四重禁及無間業。皆得發心為菩提因。
thị cố ngã thuyết phạm tứ trọng cấm cập vô gián nghiệp. giai đắc phát tâm vi Bồ-
đề nhân.
cho nên Ta nói người phạm bốn giới nặng và người tạo nghiệp vô gián, đều được
phát tâm mà làm nhân Bồ-đề.
復次善男子。譬如良醫合和諸藥名阿伽陀。

phục thứ thiện nam tử. thí như lương y hợp hòa chu dược danh a dà đà.
Lại nữa Thiện nam tử, thí như lương y hòa hợp các thuốc tên là A-già-đà,
如此良藥。在所著處。一切諸毒皆悉消歇。
như thử lương dược. tại sở trú xứ. nhất thiết chu độc giai tất tiêu hiết.
vị thuốc hay này để chỗ nào thì các độc hại đều tiêu trừ hết,
唯除一種增上毒蛇。不能消伏。
duy trừ nhất chủng tăng thượng độc xà. bất năng tiêu phục.
chỉ trừ một thứ rắn độc tăng thượng là không thể hàng phục.
此摩訶衍般泥洹經亦復如是。一切憍慢四種毒蛇。
thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh diệc phục như thị. nhất thiết kiêu mạn tứ chủng
độc xà.
Kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này cũng lại như vậy, tất cả bốn thứ rắn độc kiêu
mạn,
犯四重禁及無間業。不樂菩提未發意者。
phạm tứ trọng cấm cập vô gián nghiệp. bất lạc Bồ-đề vị phát ý giả.
phạm bốn giới nặng, tạo tội vô gián, không ưa Bồ-đề, chưa phát tâm Bồ-đề
皆悉安立於菩提道。所以者何。此摩訶衍般泥洹經。
giai tất an lập u Bồ-đề đạo. sở dĩ giả hà. thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh.
thầy đều được an trụ nơi đạo Bồ-đề. Tại vì sao? Kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này
最為無上第一良藥故。唯除增上毒蛇一闍提輩。
tối vi vô thượng đệ nhất lương dược cố. duy trừ tăng thượng độc xà nhất-xiển-đề
bối.
là vị thuốc hay vô thượng đệ nhất, chỉ trừ hạng nhất-xiển-đề rắn độc tăng
thượng.
復次善男子。譬如良醫合和諸藥以塗其鼓。
phục thứ thiện nam tử. thí như lương y hợp hòa chu dược dĩ đồ kỳ cổ.
Lại nữa Thiện nam tử, thí như lương y hòa hợp các thứ thuốc rồi thoa lên mặt
trống,
若有眾生鬪戰被瘡。聞彼鼓聲一切悉愈。
nhược hữu chúng sanh đấu chiến bị sang. văn bị cổ thanh nhất thiết tất dĩ.
nếu có chúng sanh nào chiến đấu bị thương, mà nghe được tiếng trống kia thì được
lành bệnh,
唯除命盡必應死者。此摩訶衍般泥洹經。
duy trừ mạng tận tất ứng tử giả. thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh.
chỉ trừ người hết mạng chắc chắn phải chết. Kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này,
法鼓音聲亦復如是。一切眾生聞其音聲。
Pháp cổ âm thanh diệc phục như thị. nhất thiết chúng sanh văn kỳ âm thanh.
cũng như âm thanh của trống Pháp, tất cả chúng sanh nghe âm thanh này,
姪怒癡箭不樂菩提未發意者。
dâm nộ si tiến bất lạc Bồ-đề vị phát ý giả.
thì người có tên độc tham sân si, người không ưa Bồ-đề, người chưa phát tâm,
犯四墮法及無間罪一切除愈。唯除一闍提輩。復次善男子。
phạm tứ đọa Pháp cập vô gián tội nhất thiết trừ dĩ. duy trừ nhất-xiển-đề
bối. phục thứ thiện nam tử.
người phạm bốn tội nặng, người tạo tội vô gián, tất cả đều được trừ diệt chỉ trừ
hạng nhất-xiển-đề. Lại nữa Thiện nam tử,
譬如夜闍闍浮提人一切家業皆悉休廢。
thí như dạ ám Diêm-phù-đề nhân nhất thiết gia nghiệp giai tất hưu phế.
thí như đêm xuống tất cả người nơi cõi Diêm-phù-đề đều nghỉ ngơi không làm việc,
日光出已其諸人民得修家事。
nhật quang xuất dĩ kỳ chư nhân dân đắc tu gia sự.
khi mặt trời lên thì mọi người mới làm công việc,
如是眾生聞諸契經及諸三昧。
như thị chúng sanh văn chư khế Kinh cập chư Tam-muội.
chúng sanh này nghe các Khế Kinh và các định Tam-muội

猶如夜闇聞此大乘般泥洹經微密之教。猶如日出見諸正法。

do như dạ ám văn thử Đại thừa bát nê hoàn Kinh vi mật chi giáo. do như nhật xuất kiến chu Chánh pháp.

như lúc trời tối không làm việc, nếu nghe Giáo pháp bí mật vi diệu của kinh Đại thừa Bát-niết-bàn thì cũng như mặt trời mọc được thấy Chánh pháp,

如彼田夫遇夏時雨。摩訶衍經無量眾生皆悉受決現如來性。

như bĩ điền phu ngộ hạ thời vũ. Ma-Ha diển Kinh vô lượng chúng sanh giai tất thọ quyết hiện Như Lai tánh.

như người làm ruộng mùa hè gặp mưa, kinh Ma-ha-diển này vô lượng chúng sanh đều được hiện Như Lai tánh,

八千聲聞於法華經得受記別。

bát thiên thanh văn ư Pháp hoa Kinh đắc thọ kí biệt.

tám ngàn Thanh văn được thọ ký riêng nơi kinh Pháp Hoa,

唯除冬水一闍提輩。復次善男子。猶如有人為非人所持。

duy trừ đông băng nhất-xiển-đề bô. phục thứ thiện nam tử. do như hữu nhân vi phi nhân sở trì.

chỉ trừ hạng nhất-xiển-đề. Lại nữa Thiện nam tử, thí như có người bị loài phi nhơn bắt lấy,

若被惡毒。而得良醫。

nhược bị ác độc. nhi đắc lương y.

hoặc bị trùng độc, mà gặp lương y giỏi

或遭呪術或遭呪藥彼患即消。如是善男子。此摩訶衍般泥洹經。

hoặc khiến chú thuật hoặc khiến chú dược bị hoạn tức tiêu. như thị thiện nam tử. thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh.

hoặc cho chú thuật, hoặc cho thuốc hay thì bệnh được tiêu trừ. Như vậy Thiện nam tử, kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này,

若比丘比丘尼乃至外道。

nhược Tỷ-kheo Tỷ-kheo ni nãi chí ngoại đạo.

nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cho đến hàng ngoại đạo,

在在處處若書經卷為人演說。其有眾生若讀若聞。

tại tại xứ xứ nhược thư Kinh quyển vi nhân diển thuyết. kỳ hữu chúng sanh nhược độc nhược văn.

nơi nơi chỗ chỗ hoặc biên chép Kinh, vì người khác rộng nói, có chúng sanh nào hoặc đọc tụng hoặc nghe,

斯等皆為菩提之因。不樂菩提未發道意。

tu đẳng giai vi bồ-đề chi nhân. bất lạc Bồ-đề vị phát đạo ý.

tất cả đều làm nhân đạo cho Bồ-đề, người không ưa Bồ-đề, người chưa phát tâm, và tứ trọng cấm ngũ vô gián tội. 諸邪惡毒皆悉消滅。

cập tứ trọng cấm ngũ vô gián tội. chu tà ác độc giai tất tiêu diệt.

và người phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián, các tà ác độc, tất cả đều được tiêu diệt,

唯除一闍提輩。復次善男子。

duy trừ nhất-xiển-đề bô. phục thứ thiện nam tử.

chỉ trừ hạng nhất-xiển-đề. Lại nữa Thiện nam tử,

猶如大王身中有虫密食其肉而王未覺。時有良醫知其病相。

do như Đại Vương thân trung hữu trùng mật thực kỳ nhục nhi Vương vị giác. thời hữu lương y tri kỳ bệnh tướng.

thí như trong thân đại vương có vi trùng âm thầm ăn thịt mà đại vương chưa biết, bấy giờ có vị lương y biết được bệnh trạng

語彼王言。身中有患應疾治之。時王不信不欲令治。

ngữ bĩ Vương ngôn. thân trung hữu hoạn ứng tật trì chi. thời Vương bất tín bất dục lệnh trì.

liền nói với vua rằng: Trong thân vua có bệnh cần phải chữa trị. Bấy giờ vua không tin nên không muốn chữa,

其師畏怖不敢與藥。密加呪術令虫自落。

kỳ sư úy phổ bất cảm dữ dược. mật gia chú thuật lệnh trùng tự lạc.
luong y vì sợ nên cũng không dám đưa thuốc, chỉ âm thầm tăng thêm chú thuật
khiến vi trùng kia tự rơi ra,
王見病已乃信師語厚相待遇。

Vương kiến bệnh dĩ nãi tín sư ngữ hậu tương đãi ngộ.

Vua thấy bệnh rồi mới tin lời lương y nói và đãi ngộ rất hậu.

諸眾生等亦復如是。聞摩訶衍般泥洹經。

chư chúng sanh đẳng diệc phục như thị. văn Ma-Ha diễn bát nê hoàn Kinh.

các chúng sanh cũng lại như vậy, kinh Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn

不樂菩提及未發意。諸佛菩薩方。便為說。雖不即受。

bất lạc Bồ-đề cập vị phát ý. chư Phật Bồ-tát phương. tiện vi thuyết. tuy bất tức
thọ.

mà không ưa Bồ-đề, cũng chưa phát tâm, chư Phật Bồ-tát liền tuyên thuyết, tuy
chúng sanh không thọ nhận

而於夢中若命終時。便自覺悟發菩提因。除一闍提。

nhĩ ư mộng trung nhược mạng chung thời. tiện tự giác ngộ phát Bồ-đề nhân. trừ
nhất-xiên-đề.

mà ở trong giấc mộng hoặc lúc mạng chung liền tự giác ngộ mà phát nhân Bồ-đề,
trừ hạng nhất-xiên-đề.

復次善男子。譬如良醫善教其子學八種術。

phục thứ thiện nam tử. thí như lương y thiện giáo kỳ tử học bát chủng thuật.

Lại nữa Thiện nam tử, thí như lương y khéo dạy con mình tám phương cách chữa
bệnh

上要祕方隱而未授。知八種術善通達已。

thượng yếu bí phương ẩn nhi vị thụ. tri bát chủng thuật thiện thông đạt dĩ.

còn phương thuốc bí mật tối thượng thì giữ lại chưa truyền, khi người con hông
thạo tám phương cách rồi

然後悉教上要祕方。

nhĩ nhiên hậu tất giáo thượng yếu bí phương.

sau đó mới trao cho phương thuốc bí mật tối thượng.

如來應供等正覺亦復如是。教法王子比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

Như Lai Ứng-Cúng đẳng chánh giác diệc phục như thị. giáo Pháp-Vương-Tử Tỷ-kheo
Tỷ-kheo ni Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di.

Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Giác cũng lại như vậy, dạy các Tỷ-kheo, Tỷ-
kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di

先學滅除無量煩惱。於身修習不堅固想。

tiên học diệt trừ vô lượng phiền não. ư thân tu tập bất kiên cố tưởng.

trước tiên phải trừ diệt vô lượng phiền não, đối với thân phải khởi ý tưởng là
không kiên cố,

眾苦積聚無常變壞空無我所。

chúng khổ tích tụ vô thường biến hoại không vô ngã sở.

các khổ tu tập nơi thân, là vô thường biến đổi, hoại diệt, khôn có sở hữu.

又復教學九部契經令善通利。

hựu phục giáo học cửu bộ khế Kinh lệnh thiện thông lợi.

Lại dạy các đệ tử học Chín Bộ Kinh được thông thạo,

然後教學此摩訶衍般泥洹經。令知眾生有如來性是常住法。

nhĩ nhiên hậu giáo học thử Ma-Ha diễn bát nê hoàn Kinh. lệnh tri chúng sanh hữu Như
Lai tánh thị thường trụ Pháp.

sau đó mới cho học kinh kinh Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn này, khiến biết rõ chúng
sanh có Như Lai tánh, là pháp thường trụ,

悉發無上菩提之因。除一闍提。如是善男子。

tất phát vô thượng Bồ-đề chi nhân. trừ nhất-xiên-đề. như thị thiện nam tử.

khiến tất cả đều phát khởi nhân Bồ-đề vô thượng, trừ hạng nhất-xiên-đề. Như vậy
Thiện nam tử,

此摩訶衍般泥洹經。無量無數不可思議。

thừ Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh. vô lượng vô số bất khả tu nghị.

kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này là vô lượng vô số không thể nghĩ bàn,

當知此經無上之術良醫祕要。復次善男子。

đương tri thừ Kinh vô thượng chi thuật lương y bí yếu. phục thứ thiện nam tử.

phải biết Kinh này chính là phương thuốc bí mật tối thượng của vị lương y. Lại nữa Thiện nam tử,

譬如船師乘船度人。到彼岸已還度餘人。

thí như thuyền sư thừa thuyền độ nhân. đáo bỉ ngạn dĩ hoàn độ dư nhân.

thí như người chèo thuyền đưa người sang sông, đến bờ kia rồi lại trở về đưa người khác sang,

諸佛如來亦復如是。乘摩訶衍般泥洹船。

chư Phật như lai diệc phục như thị. thừa Ma-Ha diển bát nê hoàn thuyền.

chư Phật Như Lai cũng lại như vậy, lái con thuyền kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn, 隨彼眾生應受化者而濟度之。般泥洹已復於餘處度諸眾生。

tùy bỉ chúng sanh ứng thọ hóa giả nhi tế độ chi. bát nê hoàn dĩ phục ư dư xứ độ chư chúng sanh.

tùy thuận chúng sanh đáng hóa độ mà hóa độ, đến Niết-bàn rồi lại trở về chỗ khác để độ các chúng sanh,

是故如來名大船師。是故如來為常住法。

thị cố Như Lai danh Đại thuyền sư. thị cố Như Lai vi thường trụ Pháp.

cho nên Như Lai được gọi là Đại thuyền sư, cho nên Như Lai là pháp thường trụ, 為度人故現有出沒。復次善男子。

vi độ nhân cố hiện hữu xuất một. phục thứ thiện nam tử.

vì độ người mà thị hiện có xuất hiện và biến mất. Lại nữa Thiện nam tử,

如人乘船欲度大海。若得利風速到彼岸。若不得風。

như nhân thừa thuyền dực độ Đại hải. nhược đắc lợi phong tốc đáo bỉ ngạn. nhược bất đắc phong.

như người nương thuyền muốn vượt qua biển lớn, nếu gặp gió thuận thì mau đến bờ kia, nếu không gặp gió

或經年歲。或能溺死。

hoặc Kinh niên tuế. hoặc năng nịch tử.

thì trải qua năm tháng dài hoặc có thể chết chìm,

如是眾生得摩訶衍般泥洹風。速度生死到菩提岸。

như thị chúng sanh đắc Ma-Ha diển bát nê hoàn phong. tốc độ sanh tử đáo Bồ-đề ngạn.

cũng vậy nếu chúng sanh được ngọn gió Ma-ha-diển Bát-niết-bàn, thì mau chóng vượt qua sông sanh tử mà đến bờ Niết-bàn,

若不得者永溺生死輪迴苦海。復次善男子。

nhược bất đắc giả vĩnh nịch sanh tử Luân-hồi khổ hải. phục thứ thiện nam tử.

nếu không gặp được thì mãi chìm trong bể khổ sanh tử luân hồi. Lại nữa Thiện nam tử,

如人入海遇值波浪。計無濟理端坐待死。

như nhân nhập hải ngộ trị ba lãng. kế vô tế lý đoan tọa đãi tử.

như người đi biển gặp phải bão tố, kêu cứu mà không ai giúp liền ngồi yên chờ chết,

忽遇風王吹到一國不覺聞至。欣慶無量生奇特想。

hốt ngộ phong Vương xuy đáo nhất quốc bất giác ám chí. hân khánh vô lượng sanh kì đặc tướng.

bỗng gặp gió lành thổi đến một cõi nước, người này vui mừng vô lượng và khởi y tướng kỳ diệu.

如是此摩訶衍般泥洹經為大風王。

như thị thừ Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh vi Đại phong Vương.

Cũng vậy kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này là ngọn gió lành lớn,

眾生不知而不樂向發菩提心。般泥洹風密吹令至菩提境界。

chúng sanh bắt tri nhi bắt lạc hướng phát Bồ-đề tâm. bát nê hoàn phong mật xuy lệnh chí Bồ-đề cảnh giới.

chúng sanh biết mà cũng không ưa Bồ-đề, không phát tâm Bồ-đề, gió Bát-niết-bàn âm thầm thổi đưa chúng sanh đến cảnh giới Bồ-đề,

方知真實生奇特想。復次善男子。

phương tri chân thật sanh kì đặc tướng. phục thứ thiện nam tử.

lúc này chúng sanh mới khởi ý tưởng thật kỳ diệu. Lại nữa Thiện nam tử,

如蛇脫皮更遊餘處而實不死。如是善男子。

như xà thoát bì canh du dư xử nhi thật bất tử. như thị thiện nam tử.

như rắn lột da rồi đi đến chỗ khác, thật ra rắn không chết, cũng vậy Thiện nam tử,

如來泥洹捨彼故身如脫皮去。是故如來名為善逝。

Như Lai nê hoàn xả bì cố thân như thoát bì khứ. thị cố Như Lai danh vi thiện thệ.

Như Lai nhập Niết-bàn, xả bỏ thân như lột da, cho nên Như Lai được xưng là Thiện thệ,

捨毒藥樹方便之身。或復於餘閻浮提方便現化。

xả độc dược thụ phương tiện chi thân. hoặc phục ư du Diêm-phù-đề phương tiện hiện hóa.

xả bỏ thân phương tiện như cây thuốc độc rồi dùng phương tiện hiện hóa nơi cõi Diêm-phù-đề,

是故善男子。當知如來是常住法。

thị cố thiện nam tử. đương tri Như Lai thị thường trụ Pháp.

cho nên thiện nam tử phải biết Như Lai là pháp thường trụ.

復次善男子。譬如金師得好真金。

phục thứ thiện nam tử. thí như kim sư đắc hảo chân kim.

Lại nữa Thiện nam tử, thí như người thợ vàng có được vàng tốt,

隨意能造諸莊嚴具種種器服。諸佛如來亦復如是。

tùy ý năng tạo chu trang nghiêm cụ chủng chủng khí phục. chu Phật như lai diệp phục như thị.

rồi tùy ý mà làm các thứ trang sức, chu Phật Như Lai cũng lại như vậy,

隨彼受化於二十五有。悉能現身而度脫之。

tùy bỉ thọ hóa ư nhị thập ngũ hữu. tất năng hiện thân nhi độ thoát chi.

tùy thuận chúng sanh mà hóa hiện trong hai mươi lăm cõi, tùy ý hiện thân mà độ thoát chúng sanh,

是故如來名無量身。亦名常住。復次善男子。

thị cố Như Lai danh vô lượng thân. diệp danh thường trụ. phục thứ thiện nam tử.

cho nên Như Lai gọi là vô lượng thân, cũng gọi là thường trụ. Lại nữa Thiện nam tử,

如菴羅樹及閻浮樹於三時變。

như am la thụ cập diêm phù thụ ư tam thời biến.

như cây Am-la và cây Diêm-phù biến đổi ba thời,

有時茂葉有時華果有時衰落。非為彼樹枯而更生。如是善男子。

hữu thời mậu diệp hữu thời hoa quả hữu thời suy lạc. phi vi bỉ thụ khô nhi canh sanh. như thị thiện nam tử.

có lúc cành lá sum xuê, có lúc ra hoa trái, có lúc rơi rụng, chẳng phải cây khô héo rồi tự nhiên sanh. Cũng vậy Thiện nam tử,

如來應供等正覺方便之身。

Như Lai Ứng-Cúng đấng chánh giác phương tiện chi thân.

đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác dùng thân phương tiện,

為教化故亦三時現。示有出生成佛現般泥洹。

vi giáo hóa cố diệp tam thời hiện. kì hữu xuất sanh thành Phật hiện bát nê hoàn.

vì giáo hóa nên cũng ứng hiện ba thời, thị hiện đản sanh, thành Phật và Niết-bàn,

其實常存而不滅盡。善男子。如來密身其如此也。

kỳ thật thường tồn nhi bất diệt tận. thiện nam tử. Như Lai mật thân kỳ như thú dã.

nhưng thật ra thân ấy là thường tồn không diệt tận, Thiện nam tử, thân bí mật của Như Lai là như vậy,

如來密口方便密教亦復難知。方便密教者。善男子。

Như Lai mật khẩu phương tiện Mật Giáo diệc phục nan tri. phương tiện Mật Giáo giả. thiện nam tử.

khẩu bí mật của Như Lai và phương tiện giáo hóa bí mật cũng rất khó biết. Thiện nam tử, nói về phương tiện giáo hóa bí mật,

譬如大王命諸群臣。亦有如是隱密之教。

thí như Đại Vương mạng chư quần thần. diệc hữu như thị ẩn mật chi giáo.

cũng như đại vương ra lệnh cho các quần thần cũng có lời bí mật như vậy,

如有時言持先陀婆來。而先陀婆一名四寶。

như hữu thời ngôn trì tiên đà bà lai. nhi tiên đà bà nhất danh tứ thật.

có lúc nói đem Tiên-đà-bà đến, mà Tiên-đà-bà là một tên gồm có bốn thứ báu, 一者鹽。二者澡槃。三者馬。四者劍。

nhất giả diêm. nhị giả táo bàn. tam giả mã. tứ giả kiếm.

một là muối, hai là chậu rửa, ba là ngựa, bốn là kiếm,

是四種物皆名先陀婆。若王食時命其左右索先陀婆。

thị tứ chủng vật giai danh tiên đà bà. nhược Vương thực thời mạng kỳ tả hữu tác tiên đà bà.

bốn vật này đều có tên là Tiên-đà-bà, như lúc vua ăn mà sai đại thần lấy Tiên-đà-bà

諸臣應知王必索鹽。若王食已索先陀婆。

chư thần ứng tri Vương tất tác diêm. nhược Vương thực dĩ tác tiên đà bà.

thì các đại thần biết vua cần muối, lúc vua ăn rồi sai lấy Tiên-đà-bà

諸臣應知必索澡槃。欲詣林園索先陀婆。

chư thần ứng tri tất tác táo bàn. dục nghệ lâm viên tác tiên đà bà.

thì các đại thần biết vua cần chậu rửa, lúc vua dạo chơi vườn rừng mà sai lấy Tiên-đà-bà

諸臣應知王必索馬。臨陣鬪時索先陀婆。

chư thần ứng tri Vương tất tác mã. lâm trận đấu thời tác tiên đà bà.

thì các đại thần biết vua cần ngựa, lúc vua lâm trận sai lấy Tiên-đà-bà

諸臣應知必索利劍。王有如是隱覆之言。

chư thần ứng tri tất tác lợi kiếm. Vương hữu như thị ẩn phúc chi ngôn.

thì các đại thần biết vua cần kiếm bén, vua có các lời nói ẩn ý như vậy

諸臣亦應知其旨趣。如是善男子。

chư thần diệc ứng tri kỳ chỉ thú. như thị thiện nam tử.

các đại thần phải biết ý chỉ của vua. Như vậy Thiện nam tử,

此摩訶衍隱密之教。亦有四種如說無常。其諸善男子。

thử Ma-Ha diển ẩn mật chi giáo. diệc hữu tứ chủng như thuyết vô thường. kỳ chư thiện nam tử.

giáo pháp Ma-ha-diển bí mật này cũng có bốn thứ vô thường. Các Thiện nam tử, 應知如來生闍浮提。

ứng tri Như Lai sanh Diêm-phù-đề.

phải biết Như Lai sanh nơi cõi Diêm-phù-đề

當現泥洹是摩訶衍修無常想。若當如來說正法滅。

đương hiện nê hoàn thị Ma-Ha diển tu vô thường tưởng. nhược đương Như Lai thuyết Chánh pháp diệt.

rồi thị hiện Niết-bàn, thì Ma-ha-diển này là tu pháp tưởng vô thương. Nếu Như Lai thuyết thì Chánh pháp diệt

其諸弟子應作是知。如來說苦此摩訶衍修行苦想。

kỳ chu đệ-tử ứng tác thị tri. Như Lai thuyết khổ thử Ma-Ha diển tu hành khổ tưởng.

các đệ tử phải biết Như Lai thuyết giảng về khổ, thì Ma-ha-diển này là tu pháp tưởng về khổ,

如來說身為眾患器。又言僧寶亦當歸滅。

Như Lai thuyết thân vi chúng hoạn khí. hựu ngôn tăng bảo diệc đương quy diệt.

Như Lai thuyết giảng thân là đồ đựng các hoạn nạn, lại nói Tăng bảo cũng quay về chỗ diệt,

其諸弟子應作是知。佛說無我此摩訶衍修無我想。

kỳ chu đệ-tử ứng tác thị tri. Phật thuyết vô ngã thử Ma-Ha diển tu vô ngã tưởng.

thì các đệ tử phải biết Phật nói về vô ngã, Ma-ha-diển này là tu pháp tưởng về vô ngã.

若說無想空無所有及解脫者。

nhược thuyết vô tưởng không vô sở hữu cập giải thoát giả.

Nếu nói về không tưởng, vô sở hữu, giải thoát,

其諸弟子應作是知。此摩訶衍說二十五有而得解脫。

kỳ chu đệ-tử ứng tác thị tri. thử Ma-Ha diển thuyết nhị thập ngũ hữu nhi đắc giải thoát.

thì các đệ tử phải biết Ma-ha-diển này nói về hai mươi lăm hữu mà được giải thoát,

是故說空。眾苦悉滅說無所有。

thị cố thuyết không. chúng khổ tất diệt thuyết vô sở hữu.

cho nên nói là không, các khổ đều diệt nên nói là vô sở hữu,

極樂無想無常變易所不能壞。是故名為常住非變易法。

Cực-Lạc vô tưởng vô thường biến dịch sở bất năng hoại. thị cố danh vi thường trụ phi biến dịch Pháp.

Cực lạc là không có tưởng, không thường biến đổi, không thể hoại diệt, nên gọi là pháp thường trụ chẳng biến đổi

當知解脫即是如來。其如來者即如來性。

đương tri giải thoát tức thị Như Lai. kỳ Như Lai giả tức Như Lai tánh.

phải biết giải thoát tức là Như Lai; Như Lai tức là tánh Như Lai

一切眾生身中悉有。如是知者是我弟子。

nhất thiết chúng sanh thân trung tất hữu. như thị tri giả thị ngã đệ-tử.

mà trong tất cả chúng sanh đều có người biết như vậy tức là đệ tử ta,

善解如來微密之教。復次善男子。譬如天旱。

thiện giải Như Lai vi mật chi giáo. phục thứ thiện nam tử. thí như Thiên hạn.

khéo hiểu giáo pháp bí mật của Như Lai. Lại nữa Thiện nam tử, thí như trời khô hạn,

藥草香華甘果樹木。皆悉萎悴不成果實。

duy thảo hương hoa cam quả thụ mộc. giai tất nuy tụy bất thành quả thật.

thì cây cỏ hương hoa trái ngọt đều khô héo không thấy kết quả,

諸餘一切水陸草木。亦皆枯乾而無光澤。

chư dư nhất thiết thủy lục thảo mộc. diệc giai khô kiển nhi vô quang trạch.

những cây trên đất, các dòng nước, cũng đều khô cạn không có thấm ướt,

又於來年復難生長。如是善男子。此摩訶衍般泥洹經。

hựu ư lai niên phục nan sanh trường. như thị thiện nam tử. thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh.

qua năm sau cũng khó sanh trưởng. Như vậy Thiện nam tử, kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này,

我滅度後。其諸弟子。如旱天華果不能成實。

ngã diệt độ hậu. kỳ chu đệ-tử. như hạn Thiên hoa quả bất năng thành thật.

sau khi Ta diệt độ, các đệ tử đó như gặp trời khô hạn hoa quả không kết trái,

如被賊城亡失真實守糠[禾*會]聚。

như bị tặc thành vong thất chân bảo thủ kang [hòa *hội] tụ.

như bị giặc cướp thành mất hết của báu và lương thực,

眾惡比丘既失寶已。抄略撰集不善解義寬縱慢墮。

chúng ác Tỷ-kheo ký thất bảo dĩ. sao lược soạn tập bất thiện giải nghĩa khoan tủng mạn đọa.

chúng Tỷ-kheo ác này đã mất trân bảo, liền sao chép biên soạn, không khéo giải thích ý nghĩa, buông lung kiêu mạn,

哀哉大險。當來之世甚可怖畏。快哉大利。

ai tai Đại hiểm. đương lai chi thể thậm khả bố úy. khoái tai Đại lợi.

buồn thay nguy hiểm lớn, đời sau thật đáng sợ hãi. Vui sướng thay lợi ích lớn,

當來眾生此摩訶衍般泥洹經得聞其耳。

đương lai chúng sanh thù Ma-Ha diễn bát nê hoàn Kinh đắc văn kỳ nhĩ.

chúng sanh đời sau được nghe kinh Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn này, một lần qua tai, 隨所聞經受持諷誦。

tùy sở văn Kinh thọ trì phúng tụng.

tùy theo chỗ nghe mà thọ trì đọc tụng

解其義趣廣為人說因斯當得真實菩提。復次善男子。

giải kỳ nghĩa thú quảng vi nhân thuyết nhân tu đương đắc chân thật Bồ-đề. phục thú thiện nam tử.

giải thích ý nghĩa rộng vì người giảng nói do đây mà đắc Bồ-đề chân thật. Lại nữa Thiện nam tử,

如有國土城邑聚落有賣乳者。或持水雜欺誑他人而求財物。

như hữu quốc thổ thành ấp tụ lạc hữu mại nhũ giả. hoặc trì thủy tạp khi cưỡng tha nhân nhi cầu tài vật.

như trong quốc độ thành ấp thôn xóm có người bán sữa. Người này pha nước vào rồi lừa dối người khác mà bán kiếm tiền,

其販乳者亦復如是。以水雜賣展轉相欺。

kỳ phiến nhũ giả diệc phục như thị. dĩ thủy tạp mại triển chuyển tương khi.

người mua sữa cũng như vậy, lấy nước pha thêm rồi lần lượt lừa dối nhau,

人買食之無有乳味。如是善男子。

nhân mại thực chi vô hữu nhũ vị. như thị thiện nam tử.

người mua sữa uống cuối cùng không có mùi vị của sữa. Như vậy Thiện nam tử,

我泥洹後正法未滅八十餘年。

ngã nê hoàn hậu Chánh pháp vị diệt bát thập dư niên.

sau khi Ta Niết-bàn trong tám mươi năm khi Chánh pháp chưa diệt,

此摩訶衍般泥洹經於閻浮提流行於世。諸惡比丘寬縱懈怠。

thử Ma-Ha diễn bát nê hoàn Kinh ư Diêm-phù-đề lưu hành ư thế. chư ác Tỷ-kheo

khoan tủng giải đãi.

kinh Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn này, được lưu hành nơi cõi Diêm-phù-đề, các Tỷ-kheo ác buông lung biến khác,

眾魔伴黨壞亂正法。自造經論偈讚頌歎。以非為是。

chúng ma bạn đảng hoại loạn Chánh pháp. tự tạo Kinh luận kệ tán tụng thán. dĩ phi vi thị.

làm bạn với ma, hoại loạn Chánh pháp, tự tạo Kinh Luận, làm kệ khen ngợi, lấy trái làm phải,

以是為非。抄略增損。

dĩ thị vi phi. sao lược tăng tởn.

lấy phải làm trái, tóm lược bớt rồi tu bổ thêm,

為利養故欲多畜積非法財物。壞亂正味令法薄淡。

vi lợi dưỡng cố dục đa súc tích phi Pháp tài vật. hoại loạn chánh vị lệnh Pháp bạc đạm.

vì lợi dưỡng nên muốn cất chứa nhiều tài vật phi pháp, làm hoại loạn Chánh pháp khiến hương vị Pháp phai nhạt,

加復邪說文字不正。誤受學者。亦不尊重供養恭敬。

gia phục tà thuyết văn tự bất chánh. ngộ thọ học giả. diệc bất tôn trọng cung dưỡng cung kính.

lại thêm vào các tà thuyết, lời lẽ không chánh, làm người thọ học bị lầm lẫn, cũng không tôn trọng cung kính cúng dường,

內懷邪諂。為利養故現樂法相。

nội hoài tà siểm. vì lợi dưỡng cố hiện lạc Pháp tướng.

bên trong đầy dẫy tà vọng, vì lợi dưỡng nên hiện tướng các pháp ưa thích.

此摩訶衍般泥洹經。當於爾時為斯等輩之所毀辱。復次迦葉。

thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh. đương ư nhĩ thời vi tu đẳng bối chi sở hủy nhục. phục thứ ca diệp.

Lúc đó kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này bị hạng người như vậy hủy nhục. Lại nữa Ca-diếp,

以斯義故。

dĩ tu nghĩa cố.

do nghĩa này

善男子善女人於摩訶衍般泥洹經當勤方便立丈夫志。所以者何。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân ư Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh đương tinh cần phương tiện lập trượng phu chí. sở dĩ giả hà.

nên thiện nam tử thiện nữ nhơn đối với kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn phải chuyên cần lập vững chí trượng phu. Tại vì sao,

如來性者丈夫法故。女人志者於一切法多生染著。

Như Lai tánh giả trượng phu Pháp cố. nữ nhân chí giả ư nhất thiết Pháp đa sanh nhiễm trú.

vì tánh Như Lai là pháp trượng phu vậy. Người nữ đối với các pháp phần nhiều hay sanh tham đắm,

力不堪任發摩訶衍深經妙味。善男子。

lực bất kham nhâm phát Ma-Ha diển thâm Kinh diệu vị. thiện nam tử.

sức lực không thể đảm nhận ý vị vi diệu của kinh Ma-ha-diển thâm sâu. Thiện nam tử,

譬如蚊蚋身出津澤。不能令此大地潤洽。

thí như văn nhuế thân xuất tân trạch. bất năng lệnh thử Đại địa nhuận hiệp.

thí như nước trong thân con muỗi, con ve, không thể thấm ướt đại địa,

其女人法猶如大地多諸渴愛。

kỳ nữ nhân Pháp do như Đại địa đa chư khát ái.

pháp người nữ cũng như đại địa có nhiều khát ái.

譬如大海一切天雨百川眾流皆歸于海。而彼大海未曾滿足。

thí như Đại hải nhất thiết Thiên vũ bách xuyên chúng lưu giai quy vu hải. nhi bi Đại hải vị tăng mãn túc.

Thí như biển lớn, trời mưa xuống thì trăm sông ngàn suối đều đổ về biển, mà nước biển kia chưa từng thấy đầy,

女人之法亦復如是。貪受五欲而無厭足。

nữ nhân chi Pháp diệc phục như thị. tham thọ ngũ dục nhi Vô yếm túc.

pháp của người nữ cũng lại như vậy, tham đắm năm dục mà không nhàm chán biết đủ. 是故迦葉。若善男子善女人欲得方便離女人法。

thị cố ca diệp. nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dục đắc phương tiện ly nữ nhân Pháp.

Cho nên Ca-diếp, nếu thiện nam tử thiện nữ nhơn muốn được phương tiện xa lìa người nữ

當勤修習此摩訶衍般泥洹經。所以者何。

đương tinh cần tu tập thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh. sở dĩ giả hà.

thì phải chuyên cần tu tập kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này. Tại vì sao,

此摩訶衍般泥洹經說如來性丈夫法故。

thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh thuyết Như Lai tánh trượng phu Pháp cố.

vì kinh Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn này là nói về pháp trượng phu tánh Như Lai vậy.
若有眾生不知自身有如來性。

nhược hữu chúng sanh bất tri tự thân hữu Như Lai tánh。

Nếu có chúng sanh không biết thân mình có tánh Như Lai,

世間雖稱名為男子。我說此輩是女人也。

thế gian tuy xưng danh vi nam tử. ngã thuyết thử bối thị nữ nhân dã。

tuy ở thế gian xưng danh là nam tử, mà Ta nói hạng này chính là người nữ.

若有女人能知自身有如來性。世間雖稱名曰女人。

nhược hữu nữ nhân năng tri tự thân hữu Như Lai tánh. thế gian tuy xưng danh viết nữ nhân。

Nếu có người nữ mà có thể biết tự thân mình có tánh Như Lai, tuy ở thế gian xưng danh là người nữ,

我說此等為男子也。如是善男子。此摩訶衍般泥洹經。

ngã thuyết thử đẳng vi nam tử dã. như thị thiện nam tử. thử Ma-Ha diễn bát nê hoàn Kinh。

mà Ta nói những người này chính là nam tử. Như vậy Thiện nam tử, kinh Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn này

無量無邊功德積聚。廣說眾生有如來性。

vô lượng vô biên công đức tích tụ. quảng thuyết chúng sanh hữu Như Lai tánh。

là chứa nhóm vô lượng vô biên công đức, rộng nói chúng sanh có tánh Như Lai.

若善男子善女人欲得疾成如來性者。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dục đắc tật thành Như Lai tánh giả。

Nếu thiện nam tử thiện nữ nhen muốn mau chóng thành tựu tánh Như Lai,

當勤方便修習此經。迦葉菩薩白佛言。善哉世尊。

đương tinh cần phương tiện tu tập thử Kinh. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thiện tai Thế tôn。

thì phải chuyên cần tu tập Kinh này. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Lành thay Thế Tôn,

我今修習般泥洹經。始知自身有如來性。

ngã kim tu tập bát nê hoàn Kinh. thủy tri tự thân hữu Như Lai tánh。

nay con tu tập kinh Bát-niết-bàn, mới biết tự thân mình có tánh Như Lai,

今乃決定是男子也。佛告迦葉。善哉善哉。善男子。

kim nãi quyết định thị nam tử dã. Phật cáo ca diệp. Thiện tai Thiện tai. thiện nam tử。

nay mới quyết định chính là nam tử. Phật dạy: Ca-diếp, lành thay lành thay Thiện nam tử,

當勤方便學此深法。如蜂採華盡深法味。

đương tinh cần phương tiện học thử thâm Pháp. như phong thái hoa tận thâm Pháp vị。

phải chuyên cần dùng phương tiện học pháp thâm sâu này, như con ong hút mật, phải lấy hết mùi vị Pháp thâm sâu này.

譬如迦葉。蚊蟲津澤不能令此大地沾洽。

thí như ca diệp. văn trùng tân trạch bất năng lệnh thử Đại địa triêm hiệp。

Này Ca-diếp, thí như nước trong thân con muỗi không thể thấm ướt đại địa,

如是善男子。當來之世眾惡比丘壞亂經法。

như thị thiện nam tử. đương lai chi thể chúng ác Tỷ-kheo hoại loạn Kinh Pháp。

như vậy Thiện nam tử, vào đời sau có Tỷ-kheo ác phá hoại Kinh Pháp,

無數無量如高旱地。

vô số vô lượng như cao hạn địa。

có vô số vô lượng như đất khô cần nơi cao nguyên,

非此大乘般泥洹經所能津潤。所以者何。當知正法滅盡衰相現故。

phi thử Đại thừa bát nê hoàn Kinh sở năng tân nhuận. sở dĩ giả hà. đương tri

Chánh pháp diệt tận suy tướng hiện cố。

mà kinh Đại thừa Bát-niết-bàn này không thể thấm nhuần hết. Tại vì sao, phải biết Chánh pháp diệt tận nên tướng suy hiện.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa Thiện nam tử,

譬如夏末冬初秋雨連澍濶澤潛伏。如是善男子。此摩訶衍般泥洹經。

thí như hạ mạt đông sơ thu vũ liên chú ôn trạch tiềm phục. như thị thiện nam tử. thử Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh.

thí như cuối mùa hạ đầu mùa đông mưa liên tục xuống làm thấm ướt đất, như vậy thiện nam tử, kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này,

我般泥洹後正法衰滅。于時此經流布南方。

ngã bát nê hoàn hậu Chánh pháp suy diệt. vu thời thử Kinh lưu bố Nam phương.

sau khi Ta Niết-bàn rồi Chánh pháp sẽ yếu, lúc bấy giờ kinh này lưu hành ở phương Nam,

為彼眾邪異說非法雲雨之所漂沒。

vi bỉ chúng tà dị thuyết phi Pháp vân vũ chi sở phiêu mọt.

bị trận mưa của tà thuyết phi pháp nhận chìm,

時彼南方護法菩薩。當持此契經來詣闕寶潛伏地中。

thời bỉ Nam phương hộ Pháp Bồ-tát. đương trì thử khế Kinh lai nghê kế tân tiềm phục địa trung.

bấy giờ Bồ-tát Hộ Pháp ở phương Nam phải đem Khế Kinh này đến nước Kế Tân và cất dấu trong đất,

及諸一切摩訶衍方等契經於此而沒。

cập chư nhất thiết Ma-Ha diển Phương Đẳng khế Kinh ư thử nhi mọt.

tất cả kinh Ma-ha-diển Phương Đẳng đều không có ở phương này,

哀哉是時法滅盡相。非法雲雨盈滿世間。

ai tai thị thời Pháp diệt tận tướng. phi Pháp vân vũ doanh mãn thế gian.

buồn thay lúc ấy Chánh pháp diệt nên tướng diệt tận hiện, mưa phi pháp tràn đầy nơi thế gian,

修習如來恩澤法雨。護法菩薩人中之雄皆悉潛隱。

tu tập Như Lai ân trạch Pháp vũ. hộ Pháp Bồ-tát nhân trung chi hùng giai tất tiềm ẩn.

những bậc Bồ-tát Hộ pháp tu tập Chánh pháp của Như Lai đều ẩn cư.

爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。

nhĩ thời ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

諸佛如來聲聞緣覺性無差別。唯願廣說令一切眾生皆得開解。

chư Phật như lai Thanh văn, Duyên giác tánh vô sai biệt. duy nguyện quảng thuyết lệnh nhất thiết chúng sanh giai đắc khai giải.

chư Phật Như Lai, Thanh văn, Duyên giác bản tánh không sai biệt, xin Ngài giảng nói khiến tất cả chúng sanh đều được hiểu rõ,

佛告迦葉。譬如有人多養乳牛。

Phật cáo ca diệp. thí như hữu nhân đa dưỡng nhũ ngưu.

Phật dạy: Ca-diệp, thí như có người nuôi dưỡng nhiều bò sữa,

青黃赤白各別為群。欲祠天時集一切牛。

thanh hoàng xích bạch các biệt vi quần. dục từ Thiên thời tập nhất thiết ngưu.

có nhiều màu sắc xanh vàng đỏ trắng phân ra nhiều bầy, đến lúc cần cúng tế thì tập trung đàn bò lại,

盡[穀-禾+牛]其乳著一器中同一珂色。如是善男子。

tận [cốc -hòa +ngưu] kỳ nhũ trú nhất khí trung đồng nhất kha sắc. như thị thiện nam tử.

vắt hết sữa của chúng vào trong một cái bồn thì sữa cùng một màu sắc. Như vậy

Thiện nam tử,

諸佛如來聲聞緣覺。其性清淨皆同一色。所以者何。

chư Phật như lai Thanh văn, Duyên giác. kỳ tánh thanh tịnh giai đồng nhất sắc. sở dĩ giả hà.

chư Phật Như Lai, Thanh văn, Duyên giác, bản tánh thanh tịnh đồng một màu sắc. Tại vì sao vậy?

同漏盡故。譬如金師取其金鑛種種異色。

đồng lậu tận cố. thí như kim sư thủ kỳ kim khoáng chủng chủng dị sắc.

do đồng diệt tận các lậu vậy, thí như người thợ vàng lấy các khoáng sản đủ các màu sắc,

銷鎔精煉純一金色。所以者何。

tiêu dung tinh luyện thuần nhất kim sắc. sở dĩ giả hà.

rồi đem nấu chảy tôi luyện thành một sắc vàng. Tại vì sao?

無量無數塵鑛煩惱皆消滅故。是故當信此摩訶衍般泥洹經。

vô lượng vô số thô khoáng phiền não giai tiêu diệt cố. thị cố đương tín thủ Ma-Ha diển bát nê hoàn Kinh.

Vì vô lượng vô số phiền não khoáng sản đã tiêu cháy hết. Cho nên phải tin kinh Ma-ha-diển Bát-niết-bàn này,

一切眾生皆有真實如來之性悉同一色。

nhất thiết chúng sanh giai hữu chân thật Như Lai chi tánh tất đồng nhất sắc.

tất cả chúng sanh đều có tánh Như Lai chân thật, đều đồng một màu sắc.

迦葉菩薩白佛言。如世尊說。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. như Thế tôn thuyết.

Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, như lời Thế Tôn dạy

一切眾生皆有佛性而無差別。於此未了。且置眾生。如世尊說。

nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh nhi vô sai biệt. ư thủ vị liễu. thả trí chúng sanh. như Thế tôn thuyết.

tất cả chúng sanh đều có Phật tánh không sai khác. Và lại, đang làm chúng sanh thì đối với điều này chưa hiểu được. Như lời Thế Tôn dạy,

聲聞緣覺及諸菩薩不得大般泥洹。

Thanh văn, Duyên giác cập chư Bồ-tát bất đắc Đại bát nê hoàn.

Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát không đắc Đại Niết-bàn này,

唯有如來得此大般泥洹。

duy hữu Như Lai đắc thủ Đại bát nê hoàn.

chỉ có Như Lai đắc Đại Bát-niết-bàn này,

是故當知非聲聞緣覺及諸菩薩同如來也。若無差別。

thị cố đương tri phi Thanh văn, Duyên giác cập chư Bồ-tát đồng Như Lai dã. nhược vô sai biệt.

cho nên biết không phải Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát nào cũng đồng với Như Lai. Nếu không sai khác

云何世尊獨於無量阿僧祇劫。修行方便積累功德。

vân hà Thế tôn độc ư vô lượng a tăng kỳ kiếp. tu hành phương tiện tích luy công đức.

thì tại sao chỉ có Thế Tôn ở nơi vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu hành tích chứa công đức.

佛告迦葉。我先所說。是則如來方便密教。

Phật cáo ca diệp. ngã tiên sở thuyết. thị tắc Như Lai phương tiện Mật Giáo.

Phật dạy: Ca-diệp, trước kia Ta nói thì đó là giáo pháp bí mật phương tiện của Như Lai.

言諸聲聞不得泥洹。

ngôn chư thanh văn bất đắc nê hoàn.

Nếu nói chư Thanh văn không đắc Niết-bàn,

是故當知一切皆以此大般泥洹經。而般泥洹唯佛境界。

thị cố đương tri nhất thiết giai dĩ thủ Đại bát nê hoàn Kinh. nhi bát nê hoàn duy Phật cảnh giới.

cho nên phải biết tất cả đều do kinh Đại Niết-bàn này, mà Bát-niết-bàn chỉ có cảnh giới của Phật,

是故此經名大般泥洹。迦葉菩薩白佛言。世尊。是則為異。

thị cố thù Kinh danh Đại bát nê hoàn. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. thị tặc vi dị.

cho nên kinh này tên là Đại Bát-niết-bàn. Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, đây tức là sai khác,

如佛所說聲聞緣覺及諸菩薩。

như Phật sở thuyết Thanh văn, Duyên giác cập chư Bồ-tát.

như Phật dạy Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát

皆當悉歸如來泥洹。猶如百川歸於大海常住之法。

giai đương tất quy Như Lai nê hoàn. do như bách xuyên quy ư Đại hải thường trụ chi Pháp.

đều phải quay về Niết-bàn Như Lai, như trăm sông đổ về biển lớn, là pháp thường trụ.

佛告迦葉。我最常也。迦葉白佛。云何世尊。

Phật cáo ca diệp. ngã tối thường dã. ca diệp bạch Phật. vân hà Thế tôn.

Phật dạy: Ca-diệp, Ta là thường hằng. Ca-diệp bạch Phật rằng: Tại sao tánh Như Lai

如來之性不異異耶。佛言。有異。迦葉白佛。云何為異。

Như Lai chi tánh bất dị dị da. Phật ngôn. hữu dị. ca diệp bạch Phật. vân hà vi dị.

của Thế Tôn là không sai khác? Phật dạy: Có khác. Ca-diệp bạch Phật: Thế nào là khác?

佛告迦葉。譬如牛乳。

Phật cáo ca diệp. thí như ngưu nhũ.

Phật dạy: Ca-diệp, thí như sữa bò

一切聲聞如來之性亦復如是。猶如成酪。

nhất thiết thanh văn Như Lai chi tánh diệc phục như thị. do như thành lạc.

tánh Như Lai của tất cả Thanh văn cũng lại như vậy. Thí như váng sữa,

一切緣覺如來之性亦復如是。猶如成蘇。

nhất thiết duyên giác Như Lai chi tánh diệc phục như thị. do như thành tô.

tánh Như Lai của tất cả Duyên giác cũng lại như vậy. Thí như thành bơ,

菩薩摩訶薩如來之性亦復如是。猶如醍醐。諸佛如來其性亦然。

Bồ-tát Ma-Ha tát Như Lai chi tánh diệc phục như thị. do như thể hồ. chư Phật như lai kỳ tánh diệc nhiên.

tánh Như Lai của Đại Bồ-tát cũng lại như vậy. Thí như đề hồ, tánh Như Lai của chư Phật cũng lại như vậy.

如是善男子。此摩訶衍般泥洹經四種差別。

như thị thiện nam tử. thử Ma-Ha diễn bát nê hoàn Kinh tứ chủng sai biệt.

Này Thiện nam tử, kinh Ma-ha-diễn Bát-niết-bàn có bốn loại sai khác.

迦葉菩薩白佛言。世尊。一切眾生其性云何。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. nhất thiết chúng sanh kỳ tánh vân hà.

Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, tánh của tất cả chúng sanh như thế nào?

佛告迦葉。如乳未成與水血合。

Phật cáo ca diệp. như nhũ vị thành dữ thủy huyết hợp.

Phật dạy: Ca-diệp, thí như sữa chưa thành thì trước hết nó là một hợp chất hòa chung với nước và máu trong cơ thể.

無量煩惱覆蔽如來真實之性。迦葉菩薩白佛言。如世尊說。

vô lượng phiền não phược tế Như Lai chân thật chi tánh. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. như Thế tôn thuyết.

Vô lượng phiền não che lấp tánh Như Lai Chân thật. Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Như lời Thế Tôn dạy,

拘夷城有旃陀羅。名曰歡喜。

câu di thành hữu chiên đà la. danh viết hoan hỷ.
thành Câu-di có người Chiên-đà-la tên là Hoan Hỷ,
當成佛道於此世界千佛之數。

đương thành Phật đạo ư thử thế giới thiên Phật chi số.
sẽ có một đức Phật thành đạo nơi thế giới này,
世尊記別一發念頃便成佛道。以何等故。

Thế tôn kí biệt nhất phát niệm khoảnh tiện thành Phật đạo. dĩ hà đẳng cố.
Đức Thế Tôn biệt ký, vừa phát tâm liền thành Phật đạo. Tại sao?

世尊不記尊者舍利弗目犍連等速成佛道。佛告迦葉。

Thế tôn bất kí Tôn-Giá Xá lợi Phát mục kiên liên đẳng tốc thành Phật đạo. Phật cáo ca diếp.

Thế Tôn không thọ ký cho Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiên-liên... mau thành Phật đạo. Phật dạy Ca-diếp,

或有聲聞及辟支佛諸菩薩等不發速願。護持正法有速願者。

hoặc hữu thanh văn cập Bích-chi-phật chư Bồ-tát đẳng bất phát tốc nguyện. hộ trì Chánh pháp hữu tốc nguyện giả.

hoặc có Thanh văn và Bích-chi-phật, Bồ-tát không phát nguyện mau thành Phật đạo, mà chỉ phát nguyện hộ trì Chánh pháp, 斯等發願有差降故。

tu đẳng phát nguyện hữu sai hàng cố.

cho nên sự phát nguyện có sai khác,

因菩提力世尊記別速成佛道。復次善男子。譬如商人載摩尼寶。

nhân Bồ-đề lực Thế tôn kí biệt tốc thành Phật đạo. phục thứ thiện nam tử. thí như thương nhân tải ma-ni bảo.

do nơi lực Bồ-đề mà Thế Tôn riêng thọ ký mau thành Phật đạo. Lại nữa Thiện nam tử, thí như người buôn chở châu báu ma-ni,

道路經由野人聚落唱賣珍寶。諸野人輩。

đạo lộ Kinh do dã nhân tụ lạc xướng mại trân bảo. chư dã nhân bối.

đi ngang qua thôn xóm hoan dã mà rao bán trân bảo, những người này

聞聲來看見寶不識。即便大笑謂為磚石。

văn thanh lai khán kiến bảo bất thức. tức tiện Đại tiểu vị vi chuyên thạch. nghe tiếng liền đến xem nhưng không biết trân bảo, họ cười lớn cho đó là đá gạch.

如是善男子。如來記別諸聲聞等。

như thị thiện nam tử. Như Lai kí biệt chư thanh văn đẳng.

Như vậy Thiện nam tử, Như Lai thọ ký cho các Thanh văn

當成佛道得最勝處。當來之世有諸比丘。

đương thành Phật đạo đắc tối thắng xứ. đương lai chi thế hữu chư Tỷ-kheo.

sẽ thành Phật đạo được chỗ tối thắng, mà các Tỷ-kheo đời sau

寬縱懈怠不識真寶猶如野人。疾病困苦貧窮出家。

khoan túng giải đãi bất thức chân bảo do như dã nhân. tật bệnh khốn khổ bản cùng xuất gia.

buông lung biến nhạc không biết chân thật như những người nơi hoan dã kia, vì bịnh tật khốn khổ bản cùng mà xuất gia,

信心淺薄邪命諂曲。

tín tâm thiển bạc tà mạng siểm khúc.

tín tâm cạn cợt, tà vọng luống dối,

若聞如來授聲聞決即便大笑。當知是輩為沙門像非真沙門。

nhược văn Như Lai thụ thanh văn quyết tức tiện Đại tiểu. đương tri thị bối vị Sa Môn tượng phi chân Sa Môn.

nếu nghe Như Lai thọ ký cho hàng Thanh văn liền chê cười, phải biết hạng này là giống như Sa môn chẳng phải chơn chánh Sa môn.

是故善男子。或有發願速持正法。又復不發速持願者。

thị cố thiện nam tử. hoặc hữu phát nguyện tốc trì Chánh pháp. hựu phục bất phát tốc trì nguyện giả.

Cho nên Thiện nam tử, có người phát nguyện nhanh chóng hộ trì Chánh pháp, có người không phát nguyện nhanh chóng thành Phật đạo,

是故如來隨其遲速而授彼記。

thị cố Như Lai tùy kỳ trì tốc nhi thụ bi kí.

vì thế Như Lai tùy theo nguyện nhanh chậm của họ mà riêng thọ ký.

迦葉菩薩白佛言。世尊。菩薩摩訶薩云何當得不壞眷屬。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. Bồ-tát Ma-Ha tát vân hà đương đắc bất hoại quyến chúc.

Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát làm thế nào mà được quyến thuộc bất hoại?

佛告迦葉。勤修方便護持正法。

Phật cáo ca diệp. tinh cần tu phương tiện hộ trì Chánh pháp.

Phật dạy: Ca-diệp, phải chuyên cần tu phương tiện hộ trì Chánh pháp,

是為菩薩摩訶薩人中之雄不壞眷屬。迦葉菩薩白佛言。

thị vi Bồ-tát Ma-Ha tát nhân trung chi hùng bất hoại quyến chúc. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn.

đó là Đại Bồ-tát mạnh mẽ trong loài người được quyến thuộc bất hoại. Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng:

世尊。何等眾生不知六味。佛告迦葉。

Thế tôn. hà đẳng chúng sanh bất tri lục vị. Phật cáo ca diệp.

Bạch Thế Tôn, những chúng sanh nào không biết sáu mùi vị? Phật dạy: Ca-diệp,

不知三寶始終長存。是等眾生不知六味。

bất tri Tam Bảo thủy chung trường tồn. thị đẳng chúng sanh bất tri lục vị.

những người không biết Tam bảo là thường còn mãi, chúng sanh này không biết sáu mùi vị,

如人口爽不知甜苦辛酢鹹淡六味差別。

như nhân khẩu sảng bất tri điềm khổ tân tạc hàm đạm lục vị sai biệt.

như người lờ miệng không biết sáu vị khác nhau của chua cay mặn đắng ngọt lạt,

一切眾生亦復如是。愚癡無智不知三寶是長存法。

nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị. ngu si vô trí bất tri Tam Bảo thị trường tồn Pháp.

tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, ngu si vô trí không biết Tam bảo là pháp thường còn,

是故名為不知味者。復次善男子。

thị cố danh vi bất tri vị giả. phục thứ thiện nam tử.

cho nên gọi là không biết mùi vị. Lại nữa Thiện nam tử,

其諸眾生不知如來是常住法。我說斯等名為生盲。

kỳ chư chúng sanh bất tri Như Lai thị thường trụ Pháp. ngã thuyết tu đẳng danh vi sanh manh.

những chúng sanh không biết Như Lai là pháp thường trụ, Ta gọi hạng này như

người bị mù bẩm sinh,

肉眼眾生知如來性是常住者。我說是等名為天眼。

nhục nhãn chúng sanh tri Như Lai tánh thị thường trụ giả. ngã thuyết thị đẳng danh vi Thiên nhãn.

chúng sanh có nhục nhãn mà biết tánh Như Lai là thường trụ, ta nói hạng này là có thiên nhãn.

若有眾生聞摩訶衍能信樂者。

nhược hữu chúng sanh văn Ma-Ha diển năng tín lạc giả.

Nếu có chúng sanh nghe pháp Ma-ha-diển này mà có thể tin ưa,

我說是等亦名天眼。正使眾生有天眼者。

ngã thuyết thị đẳng diệc danh Thiên nhãn. chánh sử chúng sanh hữu Thiên nhãn giả.

Ta nói hạng này cũng có thiên nhãn. Nếu chúng sanh có thiên nhãn
 不知如來是常住法。我說斯等名為肉眼。所以者何。
 bắt tri Như Lai thị thường trụ Pháp. ngã thuyết tu đẳng danh vi nhục nhãn. sở dĩ
 giả hà.
 mà không biết Như Lai có pháp thường trụ, Ta nói hạng này chỉ là nhục nhãn. Tại
 vì sao?
 如來之性常住真實。而彼不能勤修習故。
 Như Lai chi tánh thường trụ chân thật. nhi bi bất năng tinh cần tu tập cố.
 Vì tánh của Như Lai là thường trụ chân thật, mà họ không thể chuyên cần tu tập.
 復次善男子。當知如來為一切眾生而作父母。
 phục thứ thiện nam tử. đương tri Như Lai vi nhất thiết chúng sanh nhi tác phụ
 mẫu.
 Lại nữa Thiện nam tử, phải biết Như Lai vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ.
 所以者何。一切眾生種種形類悉能化現。
 sở dĩ giả hà. nhất thiết chúng sanh chủng chủng hình loại tất năng hóa hiện.
 Tại vì sao? vì tất cả chúng sanh có nhiều hình loại mà Như Lai đều có thể hiện
 hóa,
 同其境界而為說法。一音說法彼彼異類各自得解。
 đồng kỳ cảnh giới nhi vi thuyết Pháp. nhất âm thuyết Pháp bi bi dị loại các tự
 đắc giải.
 đồng cảnh giới với chúng sanh mà thuyết pháp. Như Lai dùng một âm thanh thuyết
 pháp mà các loài đều được hiểu rõ mà nghĩ rằng:
 歎言善哉。如來以我音聲說法。復次善男子。
 tán ngôn Thiện tai. Như Lai dĩ ngã âm thanh thuyết Pháp. phục thứ thiện nam tử.
 Hay thay hay thay! Như Lai dùng âm thanh của ta mà thuyết pháp. Lại nữa Thiện
 nam tử,
 如人生子始十六月言語不正。
 như nhân sanh tử thủy thập lục nguyệt ngôn ngữ bất chánh.
 như trẻ mới sinh được mười sáu tháng thì lời nói chưa rõ ràng,
 而彼父母欲教其語。先同其音漸漸教學。
 nhi bi phụ mẫu dục giáo kỳ ngữ. tiên đồng kỳ âm tiệm tiệm giáo học.
 cha mẹ đứa trẻ muốn dạy con nói thì trước phải đồng âm thanh như trẻ, sau mới
 dần dần dạy con học,
 當知父母非實不正。諸佛如來亦復如是。
 đương tri phụ mẫu phi thật bất chánh. chư Phật như lai diệc phục như thị.
 mà cha mẹ chẳng phải có lời nói không rõ ràng. Chư Phật Như Lai cũng lại như
 vậy,
 為教化故同彼形類音聲語言。然其如來不實同彼。
 vi giáo hóa cố đồng bi hình loại âm thanh ngữ ngôn. nhiên kỳ Như Lai bất thật
 đồng bi.
 vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện có âm thanh thân hình như chúng sanh, nhưng
 Như Lai thật chẳng như chúng sanh,
 方便示現隨順世間。
 phương tiện thị hiện tùy thuận thế gian.
 đó là dùng phương tiện thị hiện nên tùy thuận theo thế gian.

大般泥洹經隨喜品第十八

Đại bát nê hoàn Kinh tùy hỷ phẩm đệ thập bát

Kinh Đại Bát-nê-hoàn

Phẩm thứ mười tám: Tùy Hỷ.

爾時世尊。從其面門放種種色光普照四眾。
 nhĩ thời Thế tôn. tông kỳ diện môn phóng chủng chủng sắc quang phổ chiếu Tứ
 Chúng.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn từ nơi mặt phóng ra các thứ hào quang chiếu khắp Đại chúng,
光明照已。

quang-minh chiếu dĩa.

hào quang chiếu rọi,

純陀長者便疾奉施如來大眾最後供養。

Thuần-đà Trưởng-Già tiện tậ phụng thí Như Lai Đại chúng tối hậu cung dưỡng.

trưởng giả Thuần-đà liền dâng thức ăn lên cúng dường Như Lai và Đại chúng buổi sau cùng.

爾時純陀與諸眷屬得大歡喜舉聲歎曰。哀哉希有。供養如來難復再遇。

nhĩ thời Thuần-đà dữ chư quyến chúc đắ Đại hoan hi cử thanh thán viết. ai tai hi hữu. cung dưỡng Như Lai nan phục tái ngộ.

Lúc bấy giờ Thuần-đà cùng các quyến thuộc rất vui mừng liền nói rằng: Buồn thay! hiếm có thay! Khó được cúng dường Như Lai thêm lần nữa,

即以種種眾寶之鉢。盛上味飯持來向佛。

túc dĩ chùng chùng chúng bảo chi bát. thịnh thượng vị phạn trì lai hướng Phật.

rồi họ lấy bát bằng các thứ báu đựng đầy thức ăn mà dâng lên Phật.

當於爾時有大威神天而遮其前。謂純陀言。

đương ư nhĩ thời hữu Đại uy Thần Thiên nhi giả kỳ tiền. vị Thuần-đà ngôn.

Lúc ấy có Thiên tử dùng oai thần lớn đứng chặn trước mặt nói với Thuần-đà rằng: Đừng tiện cúng dường. nguyện lệnh ngã đắ phục đắ tu du chiêm đồ Như Lai.

Chớ cúng dường, hãy cho chúng tôi chiêm ngưỡng Như Lai trong giây lát.

爾時世尊復放光明照彼天子。

nhĩ thời Thế tôn phục phóng quang-minh chiếu bỉ Thiên tử.

Lúc bấy giờ Thế Tôn lại phóng hào quang chiếu đến nơi Thiên tử kia,

時彼天神承佛聖旨聽純陀前。爾時天人及諸眾生種種雜類。

thời bỉ Thiên Thần thừa Phật Thánh chỉ thỉnh Thuần-đà tiền. nhĩ thời Thiên Nhơn cập chư chúng sanh chùng chùng tạp loại.

rồi Thiên tử vâng theo lời Phật mà đắ Thuần-đà hiến cúng. Bấy giờ trời, người, các loại chúng sanh

各異音聲內懷悲感哀聲動地。

các dị âm thanh nội hoài bi cảm ai thanh động địa.

tất cả đều cất tiếng buồn thảm kêu khóc vang dội,

與純陀俱供佛及僧。奉施最後檀波羅蜜。

dữ Thuần-đà câu cung Phật cập tăng. phụng thí tối hậu đản ba la mật.

rồi cùng Thuần-đà cúng dường Phật và chúng tăng buổi bố thí Ba-la-mật sau cùng.

爾時世尊欲令比丘比丘尼及諸眾會知時到故。

nhĩ thời Thế tôn dục lệnh Tỷ-kheo Tỷ-kheo ni cập chư chúng hội tri thời đáo cố.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni và Đại chúng biết thời đắ đến,

復放光明悉照眾會。時諸比丘知時已至。

phục phóng quang-minh tất chiếu chúng hội. thời chư Tỷ-kheo tri thời dĩ chí.

liền phóng hào quang chiếu khắp Đại chúng. Lúc ấy các Tỷ-kheo biết thời đắ đến, các chỉnh nghi chấp trì ứng khí như thọ thí Pháp.

các chỉnh uy nghi chấp trì ứng khí như thọ thí Pháp.

mỗi người đều sửa sang y phục tể chỉnh, tay bưng bình bát mà thọ sự cúng dường như pháp.

純陀長者為佛及僧布置種種眾寶床座。懸繪幡蓋香華瓔珞。

Thuần-đà Trưởng-Già vì Phật cập tăng bố trí chùng chùng chúng bảo sàng

tọa. huyền tăng phiên cái hương hoa anh lạc.

Trưởng giả Thuần-đà lại vì Phật và chúng Tăng mà sắp đắ giường tòa bằng các thứ báu, treo các tràng phan, hương hoa anh lạc.

爾時三千大千世界莊嚴殊妙。猶如西方極樂國土。

nhĩ thời tam Thiên Đại Thiên thế giới trang nghiêm thù diệu. do nhu Tây phương Cực-Lạc quốc thổ.

Bấy giờ ba ngàn đại thiên thế giới được trang nghiêm thù thắng vi diệu như cõi nước Cực lạc ở phương Tây.

純陀長者住於佛前憂悲悵快重白佛言。

Thuần-đà Trưởng-Giả trụ ư Phật tiền ưu bi trưởng ưởng trọng bạch Phật ngôn.

Trưởng giả Thuần-đà đứng trước Phật buồn bã mà bạch Phật rằng:

唯願世尊猶可哀愍住壽一劫若過一劫。佛告純陀。

duy nguyện Thế tôn do khả ai mẫn trụ thọ nhất kiếp nhược quá nhất kiếp. Phật cáo Thuần-đà.

Xin Thế Tôn thương xót chúng sanh mà ở lại đời một kiếp hoặc hơn một kiếp. Phật dạy: Thuần-đà,

汝欲令我久住世者。

nhữ dục lệnh ngã cữu trụ thế giả.

Ông muốn Ta ở lại đời lâu

宜知是時當疾伏設最後檀波羅蜜。純陀白佛。唯然世尊。

nghi tri thị thời đương tật cung thiết tối hậu đàn ba la mật. Thuần-đà bạch Phật. duy nhiên Thế tôn.

thì nên biết đúng lúc, hãy mau sắp bày buổi bố thí Ba-la-mật sau cùng. Thuần-đà bạch Phật rằng: Xin vâng thưa Thế Tôn,

爾時一切眾生異類。天人菩薩同聲唱言。奇哉純陀。

nhĩ thời nhất thiết chúng sanh dị loại. Thiên Nhơn Bồ-tát đồng thanh xướng ngôn. kì tai Thuần-đà.

lúc bấy giờ tất cả các loài chúng sanh cùng trời, người, Bồ-tát đồng cất tiếng nói rằng: Kỳ lạ thay Thuần-đà,

為最後施。奇哉純陀。為極大施。

vi tối hậu thí. kì tai Thuần-đà. vi cực Đại thí.

cúng dường buổi sau cùng. Kỳ lạ thay Thuần-đà, sự bố thí rất lớn

然今我等所設供具。於茲便成無用之物。

nhiên kim ngã đẳng sở thiết cung cụ. ư tu tiện thành vô dụng chi vật.

nhưng nay chúng tôi sửa soạn đồ cúng dường đã thành vật vô dụng,

各各歎恨愁憂苦惱。

các các thán hận sâu ưu khổ não.

rồi ai nấy đều than thở ưu sâu khổ não.

爾時世尊。自身毛孔一一皆出無量化佛。

nhĩ thời Thế tôn. tự thân mao khổng nhất nhất giai xuất vô lượng hóa Phật.

Lúc bấy giờ từ các lỗ chân lông trên thân Thế Tôn đều phát xuất ra vô lượng hóa Phật,

一一皆有比丘眷屬。應彼一切令得供養。

nhất nhất giai hữu Tỷ-kheo quyến chúc. ứng bi nhất thiết lệnh đắc cung dưỡng.

mỗi vị Phật đều có Tỷ-kheo làm quyến thuộc, khiến tất cả đều được cúng dường Phật,

時諸眾生皆大歡喜。

thời chư chúng sanh giai Đại hoan hỷ.

và các chúng sanh, trời, người, Bồ-tát đều được hoan hỷ lớn.

爾時純陀所設供具承佛威神。諸來大會皆得充足。

nhĩ thời Thuần-đà sở thiết cung cụ thừa Phật uy Thần. chư lai Đại hội giai đắc sung túc.

Lúc bấy giờ nhờ oai thần của Phật mà vật thực cúng dường của Thuần-đà được đầy đủ cho tất cả những người trong hội chúng.

純陀歡喜而自念言。今日如來一切大眾。

Thuần-đà hoan hỷ nhi tự niệm ngôn. kim nhật Như Lai nhất thiết Đại chúng.

Thuần-đà hoan hỷ mà tự nghĩ rằng: Hôm nay Như Lai và tất cả Đại chúng

皆悉受我最後供養。然後如來當般泥洹。

giai tất thọ ngã tối hậu cung dưỡng. nhiên hậu Như Lai đương bát nê hoàn.

đều thọ nhận buổi cúng dường sau cùng của Ta, rồi sau đó Như Lai sẽ vào Niết-bàn.

其餘眾生亦作是念。今日如來與諸大眾。受我最後飯食供養。

kỳ dư chúng sanh diệc tác thị niệm. kim nhật Như Lai dĩ chư Đại chúng. thọ ngã tối hậu phạn thực cung dưỡng.

Các chúng sanh khác cũng khởi suy nghĩ rằng: Hôm nay Như Lai và các Đại chúng đã thọ nhận thức ăn cúng dường sau cùng của Ta,

然後泥洹不受餘請。

nhiên hậu nê hoàn bất thọ dư thỉnh.

sau đó sẽ vào Niết-bàn, không còn thọ nhận sự cúng dường khác nữa.

是時堅固林側其地狹小。以佛神力故。如針鋒處皆有無量諸佛。

thị thời kiên cố lâm trắc kỳ địa hiệp tiểu. dĩ Phật Thần lực cố. như châm phong xử giai hữu vô lượng chư Phật.

Lúc ấy đất trong rừng kiên cố nhỏ hẹp, nhưng nhờ thần lực của Phật mà mỗi chỗ nhỏ như mũi kim đều có vô lượng chư Phật

及其眷屬於中坐食。爾時天人阿修羅眾。

cập kỳ quyến chúc u trung tọa thực. nhĩ thời Thiên Nhơn A-tu-La chúng.

và các quyến thuộc ngồi trong ấy mà thọ thực. Lúc bấy giờ trời, người và chúng A-tu-la

皆大悲歎而作是言。

giai Đại bi thán nhi tác thị ngôn.

đều buồn thương mà nói rằng:

今日如來受我最後飯食供養當般泥洹。我等復當何所奉事。

kim nhật Như Lai thọ ngã tối hậu phạn thực cung dưỡng đương bát nê hoàn. ngã đẳng phục đương hà sở phụng sự.

Hôm nay Như Lai thọ nhận thức ăn cúng dường cuối cùng của Ta rồi vào Niết-bàn, sau này chúng ta đâu còn chỗ để dâng cúng,

哀哉我等孤無蔭護。爾時世尊。即為一切而說偈言。

ai tai ngã đẳng cô vô âm hộ. nhĩ thời Thế tôn. tức vi nhất thiết nhi thuyết kệ ngôn.

đau đớn thay chúng ta đã mồ côi không người che chở. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn liền vì tất cả mà nói bài kệ rằng:

汝等莫悲歎

Nhữ đẳng mạc bi thán

Các ông chớ đau buồn

雖曰為泥洹

Tuy viết vi nê hoàn

Tuy là vào Niết-bàn

如來常住法

Như Lai thường trụ Pháp

Pháp Như Lai thường trụ

諸有狐疑者

Chư hữu hồ nghi giả đế

Nếu có sự nghi ngờ

我已離食想

Ngã dĩ ly thực tướng

Ta đã lìa ăn uống

我今當為汝

Ngã kim đương vi nhữ

Nay Ta vì các ông

令一切眾生

Lệnh nhất thiết chúng sanh

Khiến tất cả chúng sanh

諸佛如來性

Chư Phật như lai tánh

諸佛法應爾

Chư Phật Pháp ứng nhĩ

Pháp chư Phật là vậy

亦未究竟盡

Diệc vị cứu cánh tận

Mà không rốt ráo diệt

永處最安隱

Vĩnh xử tối an ổn

Mãi ở nơi an ổn

諦聽我今說

Thính ngã kim thuyết

Hãy lắng nghe Ta nói

身無飢渴患

Thân vô cơ khát hoạn

Thân không có đói khát,

說其隨喜法

Thuyết kỳ tùy hỷ Pháp

Mà nói pháp tùy hỷ

得安隱快樂

Đắc an ổn khoái lạc

Được an ổn khoái lạc

真實常住法

Chân thật thường trụ Pháp

Tánh chu Phật Như Lai
今汝等聞已
Kim nhữ đẳng văn dĩ
Nay các ông nghe rồi
如鳥及鷄鳥
Nhu ô cập 鷄 鷄 鷄
Nếu quạ và xí điểu
能令同群遊
Năng lệnh đồng quần du
Có thể cùng dạo chơi
如來視一切
Nhu Lai thị nhất thiết
Nhu Lai xem tất cả
應當捨慈悲
úng đương xả từ bi
Phật mới bỏ từ bi
能令盛毒蛇
Năng lệnh thịnh độc
Nếu loài rắn ác độc
如來捨慈悲
Nhu Lai xả từ bi
Phật mới bỏ từ bi
能令伊蘭樹
Năng lệnh y lan thụ
Nếu khiến cây Y-lan
如來捨慈悲
Nhu Lai xả từ bi
Phật mới bỏ từ bi
能令迦留果
Năng lệnh ca lưu quả
Nếu khiến quả Ca-lưu
如來捨慈悲
Nhu Lai xả từ bi
Phật mới bỏ từ bi
能令一闍提
Năng lệnh nhất-xiên-đề
Nếu hạng nhất-xiên-đề
如來捨慈悲
Nhu Lai xả từ bi
Phật mới bỏ từ bi
若一切眾生
Nhuộc nhất thiết chúng sanh
Nếu tất cả chúng sanh
如來捨慈悲
Nhu Lai xả từ bi
Phật mới bỏ từ bi
假使蚊蚋水
Giả sử văn nhuế thủy
Giả sử độc ong muỗi
百川皆流溢
Bách xuyên giai lưu dật
Trăm sông đều tràn đầy
如來捨慈悲
Nhu Lai xả từ bi
Phật mới bỏ từ bi
汝等諸眾生

Là chân thật thường trụ
當勤方便修
Đương tinh cần phương tiện tu
Phải siêng tu phương tiện
其性甚相違
Kỳ tánh thậm tương vi
Tánh rất trái nghịch nhau
止宿相娛樂
Chỉ tú tương ngu lạc
Cùng ở rất vui vẻ
猶若羅睺羅
Do nhuộc la hầu la
Không như La-hầu-la
永入於泥洹
Vĩnh nhập ư nê hoàn
Mà mãi vào Niết-bàn
兔羅同其穴
Xà thỏ la đồng kỳ huyệt
Ở chung hang với thỏ
永入於泥洹
Vĩnh nhập ư nê hoàn
Mà mãi vào Niết-bàn
同百葉華香
Đồng bách diệp hoa hương
Có trăm lá hương hoa
永入於泥洹
Vĩnh nhập ư nê hoàn
Mà mãi vào Niết-bàn
味同耽摩羅
vị đồng đàm ma la
Nhu trái đàm-ma-la
永入於泥洹
Vĩnh nhập ư nê hoàn
Mà mãi vào Niết-bàn
悉成平等覺
Tất thành bình đẳng giác
Đều thành Đẳng Chánh Giác
永入於泥洹
Vĩnh nhập ư nê hoàn
Mà mãi vào Niết-bàn
一時成佛道
Nhất thời thành Phật đạo
Đồng thời thành Phật đạo
永入於泥洹
Vĩnh nhập ư nê hoàn
Mà mãi vào Niết-bàn
浸壞此大地
Tâm hoại thử Đại địa
Nhiễm hại cả đại địa
大海悉盈滿
Đại hải tất doanh mãn
Biển lớn cũng tràn đầy
永入於泥洹
Vĩnh nhập ư nê hoàn
Mà mãi vào Niết-bàn
深樂正法故

Nhữ đẳng chư chúng sanh
Các ông cùng chúng sanh

謂如來永滅

Vị Như Lai vĩnh diệt
Cho rằng Như Lai diệt
從今於如來

Tòng kim ư Như Lai
Nay đối với Như Lai

當知如來性

Đương tri Như Lai tánh
Phải biết tánh Như Lai

法僧亦復然

Pháp tăng diệc phục nhiên
Pháp và Tăng cũng vậy

如是善男子。此三法者常住不變真諦之言。

như thị thiện nam tử. thử tam Pháp giả thường trụ bất biến chân đế chi ngôn.
Như vậy Thiện nam tử, ba Pháp này là Chơn đế thường trụ không đổi, ngôn ngữ của chân đế.

一切眾生遭諸恐怖。此真諦說能令安隱。

nhất thiết chúng sanh tao chư khủng phố. thử chân đế thuyết năng lệnh an ổn.

Tất cả chúng sanh khi gặp sự sợ hãi nghe chơn đế này thì có sự an ổn,

欲度一切險難曠野。此真諦說能令得度。

dục độ nhất thiết hiểm nan khoáng dã. thử chân đế thuyết năng lệnh đắc độ.

muôn vượt qua tất cả sự hoan vắng hiểm nạn, thì chơn đế này có khiến được qua,

此真諦說能令枯樹更生華葉。

thử chân đế thuyết năng lệnh khô thụ canh sanh hoa diệp.

chơn đế này có thể khiến cây khô sanh hao trái.

若此四眾聞是三法常住隨喜說者。設未發意不樂向者。

nhược thử Tứ Chúng văn thị tam Pháp thường trụ tùy hỷ thuyết giả. thiết vị phát ý bất lạc hướng giả.

Nếu bốn chúng nghe được ba pháp thường trụ này rồi tùy hỷ thuyết giảng, giả sử người chưa phát tâm và không ưa hướng đến Bồ-đề,

斯等皆為菩提之因。三法常住。

tư đẳng giai vi bồ-đề chi nhân. tam Pháp thường trụ.

mà đều được làm nhân Bồ-đề. Ba pháp thường trụ

是為如來最妙隨喜誠諦之說。

thị vi Như Lai tối diệu tùy hỷ thành đế chi thuyết.

là thuyết chơn đế tùy hỷ tối diệu của Như Lai,

若比丘比丘尼能為一切眾生解說三法常住。

nhược Tỷ-kheo Tỷ-kheo ni năng vi nhất thiết chúng sanh giải thuyết tam Pháp thường trụ.

nếu Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni có thể vì tất cả vì chúng sanh mà giải nói ba pháp thường trụ,

當知是等堪受一切羅漢供養。若異此者則不堪受。

đương tri thị đẳng kham thọ nhất thiết la hán cung dưỡng. nhược dị thử giả tắc bất kham thọ.

phải biết người này có thể lãnh thọ sự cúng dường của tất cả La-hán, nếu người khác thì không có sự lãnh thọ

乃至一切旃陀羅等。樂聞如來隨喜說者。

nãi chí nhất thiết chiên đà la đẳng. lạc văn Như Lai tùy hỷ thuyết giả.

cho đến tất cả hạng chiên-đà-la, ưa thích nghe pháp Như Lai thường trụ rồi tùy hỷ thuyết giảng thì

亦復得離諸憂恐怖。爾時天人阿修羅等。聞說如來為常住法。

Thâm lạc Chánh pháp cố
Vị ưa thích Chánh pháp

憂悲而愁歎

Ưu bi nhi sầu thán
Mà ưu buồn than thở
莫念非常想

Mạc niệm phi thường tưởng
Chớ nghĩ là chẳng thường

長存不變易

Trường tồn bất biến dịch
Là thường tồn không đổi

皆非磨滅法

Giai phi ma diệt Pháp
Chẳng phải pháp hoại diệt.

diệp phục đắc ly chu ưu khủng phổ. nhĩ thời Thiên Nhơn A-tu-La đặng. văn thuyết
Nhu Lai vi thường trụ Pháp.
cũng được xa lìa sự lo buồn sợ hãi. Lúc bấy giờ trời, người, a-tu-la... nghe nói
Nhu Lai là pháp thường trụ
心得歡喜。心得柔軟。心得真實。心離陰蓋。
tâm đắc hoan hỷ. tâm đắc nhu nhuyễn. tâm đắc chân thật. tâm ly uẩn cái.
thì tâm được hoan hỷ, tâm được nhẹ nhàng, tâm được chân thật, tâm lìa xa sự che
lấp,
心得清淨。顏貌怡悅如蓮華敷。
tâm đắc thanh tịnh. nhan mạo di duyệt như liên hoa phu.
tâm được thanh tịnh, nhan sắc vui vẻ như hoa sen nở,
散諸天華燒眾名香。鼓天伎樂供養如來及比丘僧。
tán chư Thiên hoa thiêu chúng danh hương. cổ Thiên kĩ nhạc cung dưỡng Như Lai
cập Tỳ-kheo tăng.
liền rải các thứ hoa trời, đốt các hương thơm, trỗi nhạc trời mà cúng dường Như
Lai và Tỳ-kheo Tăng.
爾時世尊告迦葉言。善男子。汝見何等希有之事。
nhĩ thời Thế tôn cáo ca diệp ngôn. thiện nam tử. nhữ kiến hà đẳng hi hữu chi sự.
Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Ca-diệp rằng: Thiện nam tử, ông thấy các việc hy hữu
chăng?
迦葉菩薩白佛言。唯然世尊。
ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. duy nhiên Thế tôn.
Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Xin vâng thưa Thế Tôn,
我見奇特未曾有事。見一切諸天人民阿修羅等設供具者。
ngã kiến kì đặc vị tăng hữu sự. kiến nhất thiết chư Thiên nhân dân A-tu-La đặng
thiết cung cụ giả.
con thấy việc kỳ diệu chưa từng có, thấy tất cả trời, người, giáo dục a-tu-la...
dâng các thứ cúng dường,
各得如來與諸大眾受其飲食。
các đắc Như Lai dĩ chư Đại chúng thọ kỳ ẩm thực.
ai cũng được Như Lai và Đại chúng thọ nhận thức ăn,
又見是中其地狹小容諸如來大眾床座。
hựu kiến thị trung kỳ địa hiệp tiểu dung chư Như Lai Đại chúng sàng tọa.
lại thấy đất trong rừng nhỏ hẹp mà dung chứa hết sàng tòa của Như Lai và Đại
chúng
一針鋒處乃有無量諸佛眷屬。而受供食說隨喜偈。
nhất châm phong xử nãi hữu vô lượng chư Phật quyến chúc. nhi thọ cung thực
thuyết tùy hỉ kệ.
chỗ nhỏ bằng mũi nhọn mà có vô lượng chư Phật và quyến thuộc, thọ nhận sự cúng
dường của họ rồi tùy hỷ thuyết kệ,
彼諸眾生各不相知。而謂如來獨受我請。
bỉ chư chúng sanh các bất tương tri. nhi vị Như Lai độc thọ ngã thỉnh.
các chúng sanh kia không biết được nhau, ai cũng cho rằng Như Lai riêng thọ sự
cúng dường của Ta,
而今世尊與諸大眾哀愍純陀。受彼最後檀波羅蜜。
nhi kim Thế tôn dĩ chư Đại chúng ai mãn Thuần-đà. thọ bỉ tối hậu đàn ba la mật.
mà nay Thế Tôn cùng Đại chúng thương xót Thuần-đà nên thọ sự bố thí Ba-la-mật
sau cùng của ông,
佛神力故令此大眾皆得滿足。
Phật Thần lực cố lệnh thử Đại chúng giai đắc mãn túc.
do thần lực của Phật khiến Đại chúng đều được đầy đủ,
然其世尊實不揣食。唯諸菩薩摩訶薩。
nhiên kỳ Thế tôn thật bất sùy thực. duy chư Bồ-đề tát-đà.
nhưng đức Thế Tôn thật ra không thọ thức ăn, chỉ có chư Đại Bồ-đề tát-đà.
文殊師利法王子等人中之雄。能知如來方便現化。

Văn-thù-su-lợi Pháp-Vương-Tử đẳng nhân trung chi hùng. năng tri Như Lai phương tiện hiện hóa.

Ngài Văn-thù-su-lợi Pháp vương tử là bậc vĩ đại trong Đại chúng, Ngài có thể biết là Như Lai dùng phương tiện hiện hóa

為此奇特未曾有事。聲聞緣覺所不能知。甚奇世尊。

vi thử kì đặc vị tăng hữu sự. Thanh văn, Duyên giác sở bất năng tri. thậm kì Thế tôn.

làm việc kỳ diệu chưa từng có này, còn Thanh văn, Duyên giác thì không thể biết, thật kỳ diệu đức Thế Tôn,

無數無量如來常法。爾時世尊告純陀言。

vô số vô lượng Như Lai thường Pháp. nhĩ thời Thế tôn cáo Thuần-đà ngôn.

vô lượng vô số pháp thường Như Lai. Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Thuần-đà rằng:

汝見奇特未曾有不。純陀白佛。唯然已見。

nhữ kiến kì đặc vị tăng hữu bất. Thuần-đà bạch Phật. duy nhiên dĩ kiến.

Ông thấy việc kỳ diệu chưa từng có chẳng? Thuần-đà thưa: Vâng, con đã thấy,

向見如來三十二相八十種好莊嚴其身。

hướng kiến Như Lai tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo trang nghiêm kỳ thân.

trước con thấy thân Như Lai với ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm

如是如來無量無數。與諸菩薩眷屬圍繞。

như thị Như Lai vô lượng vô số. dĩ chư Bồ-tát quyến chúc vây quanh.

như vậy có vô lượng vô số Như Lai các Bồ-tát quyến thuộc vây quanh,

今見世尊真實之身。獨處大眾猶如藥樹。

kim kiến Thế tôn chân thật chi thân. độc xứ Đại chúng do như dược thụ.

nay con thấy thân chân thật của Thế Tôn một mình giữa Đại chúng như cây thuốc,

與諸菩薩前後圍繞。佛告純陀。向者諸佛皆是現化。

dĩ chư Bồ-tát tiền hậu vây quanh. Phật cáo Thuần-đà. hướng giả chư Phật giai thị hiện hóa.

có các Bồ-tát quyến thuộc vây quanh. Phật dạy: Thuần-đà, chư Phật mà ông thấy trước đây đều là hiện hóa,

哀愍安樂一切眾生開其意故。

ai mẫn an lạc nhất thiết chúng sanh khai kỳ ý cố.

vì thương xót muốn an lạc cho tất cả chúng sanh khai phát tâm ý,

令彼功德不可得盡作此現化。而諸眾生悉不能知。

lệnh bỉ công đức bất khả đắc tận tác thử hiện hóa. nhi chư chúng sanh tất bất năng tri.

muốn chúng sanh có công đức vô lượng nên hiện hóa như vậy, nhưng các chúng sanh đều không thể biết,

唯諸菩薩成就無量菩薩功德。人中之雄。

duy chư Bồ-tát thành tựu vô lượng Bồ-tát công đức. nhân trung chi hùng.

chỉ có các Bồ-tát thành tựu vô lượng công đức, là bậc vĩ đại trong Đại chúng

能知如來方便現化。汝今純陀。

năng tri Như Lai phương tiện hiện hóa. nhữ kim Thuần-đà.

mới có thể biết Như Lai dùng phương tiện hiện hóa. Nay Thuần-đà

亦復成就菩薩功德十地之行。純陀白佛。如是世尊。

diệc phục thành tựu Bồ-tát công đức thập địa chi hành. Thuần-đà bạch Phật. như thị Thế tôn.

cũng được thành tựu hạnh Thập địa có công đức Bồ-tát. Thuần-đà bạch Phật: Như vậy Thế Tôn,

我等皆當修習菩薩一切隨喜。佛告純陀。

ngã đẳng giai đương tu tập Bồ-tát nhất thiết tùy hỷ. Phật cáo Thuần-đà.

chúng con đều nên tu tập tất cả hạnh tùy hỷ của Đại Bồ-tát. Phật dạy: Thuần-đà,

莫隨貪果如餘契經。純陀白佛。諸餘契經為非經耶。

mạc tùy tham quả như dư khế Kinh. Thuần-đà bạch Phật. chư dư khế Kinh vi phi Kinh da.

chớ tùy ý tham quả như các Khế Kinh. Thuần-đà bạch Phật: Các Khế Kinh khác chẳng phải là Kinh sao?

佛告純陀。彼說有餘。純陀白佛言。其義云何。

Phật cáo Thuần-đà. bi thuyết hữu dư. Thuần-đà bạch Phật ngôn. kỳ nghĩa vân hà.

Phật dạy: Thuần-đà, thuyết kia có ngoại lệ. Thuần-đà bạch Phật: Nghĩa ấy như thế nào?

佛告純陀。如我所說。

Phật cáo Thuần-đà. như ngã sở thuyết.

Phật dạy: Thuần-đà, như lời Ta dạy:

一切歎布施

無有呵施者

Nhất thiết tán bố thí

Vô hữu ha thí giả

Tất cả khen bố thí

Không chê trách bố thí

施犯戒福少

施持戒福增

Thí phạm giới phúc thiếu

Thí trì giới phúc tăng

Nếu phạm giới phước ít

Bố thí trì giới tăng,

我說是契經。雖歎一切施而施有差降。

ngã thuyết thị khế Kinh. tuy tán nhất thiết thí nhi thí hữu sai hàng.

Ta nói Khế Kinh này, tuy khen ngợi tất cả sự bố thí mà sự bố thí có cao thấp, 施犯戒者無毫釐福。

thí phạm giới giả vô hào ly phúc.

người bố thí mà phạm giới thì không có chút ít phước đức,

布施持戒獲其大果不必悉同。純陀白佛。云何世尊。

bố thí trì giới hoạch kỳ Đại quả bất tất tất đồng. Thuần-đà bạch Phật. vân hà Thế tôn.

nếu bố thí mà trì giới thì được quả báo lớn. Thuần-đà bạch Phật: Tại sao Thế Tôn,

而說斯偈一切讚歎布施功德。佛告純陀。除一種人歎一切施。

nhi thuyết tu kệ nhất thiết tán tán bố thí công đức. Phật cáo Thuần-đà. trừ nhất chủng nhân tán nhất thiết thí.

nói bài kệ tất cả đều khen ngợi công đức bố thí. Phật dạy: Thuần-đà, trừ một hạng người còn tất cả đều khen ngợi sự bố thí

純陀白佛。除何等人歎一切施。佛告純陀。

Thuần-đà bạch Phật. trừ hà đẳng nhân tán nhất thiết thí. Phật cáo Thuần-đà.

Thuần-đà bạch Phật: Trừ hạng người nào mà không khen ngợi sự bố thí. Phật dạy: Thuần-đà,

除一闍提犯戒謗法。歎一切施。純陀白佛。

trừ nhất-xiển-đề phạm giới báng Pháp. tán nhất thiết thí. Thuần-đà bạch Phật.

trừ hạng nhất-xiển-đề phạm giới hủy báng Chánh pháp, còn tất cả đều được khen ngợi sự bố thí. Thuần-đà bạch Phật:

何等名為一闍提。佛告純陀。

hà đẳng danh vi nhất-xiển-đề. Phật cáo Thuần-đà.

Thế nào gọi là nhất-xiển-đề. Phật dạy: Thuần-đà,

若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。誹謗經法口說惡言永不改悔。

nhược Tỷ-kheo Tỷ-kheo ni Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di. phi báng Kinh Pháp khẩu thuyết ác ngôn vĩnh bất cải hối.

nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, phi báng Kinh Pháp, miệng nói lời ác, mãi mãi không sửa đổi sám hối,

於諸經法心無歸依。如是等人向一闍提道。

ư chư Kinh Pháp tâm vô quy y. như thị đẳng nhân hướng nhất-xiển-đề đạo.

đối với Kinh Pháp tâm không quy y, những hạng như vậy hướng đến con đường nhất-xiển-đề.

若復眾生犯四重禁作無間罪。

nhược phục chúng sanh phạm tứ trọng cấm tác vô gián tội.

Nếu có chúng sanh phạm bốn giới nặng, tạo tội vô gián,不自改悔而無慚恥。彼於正法永無護惜。

bất tự cải hối nhi vô tàm si. bi u Chánh pháp vĩnh vô hộ tích.

không tự sửa đổi, không biết xấu hổ, đối với Chánh pháp không có tâm ủng hộ mến tiếc,

不與護法之人以為知識。於諸善事未曾讚歎。

bất dữ hộ Pháp chi nhân dĩ vi tri thức. u chu thiện sự vị tăng tán thán.

không làm bạn với người ủng hộ Chánh pháp, đối với các việc lành chưa từng khen ngợi,

若復邪見無佛法僧。我說斯等向一闡提道。

nhược phục tà kiến vô Phật Pháp tăng. ngã thuyết tu đặng hướng nhất-xiên-đề đạo.

tà kiến cho rằng không có Phật Pháp Tăng, Ta nói những hạng người này là hướng đến con đường nhất-xiên-đề,

除斯等類歎一切施。純陀白佛。何名犯戒。佛告純陀。

trừ tu đặng loại thán nhất thiết thí. Thuần-đà bạch Phật. hà danh phạm giới. Phật cáo Thuần-đà.

ngoài ra tất cả đều được khen ngợi công đức bố thí. Thuần-đà bạch Phật: Thế nào gọi là phạm giới? Phật dạy: Thuần-đà,

犯四重禁五無間業誹謗正法。純陀白佛言。

phạm tứ trọng cấm ngũ vô gián nghiệp phi báng Chánh pháp. Thuần-đà bạch Phật ngôn.

người phạm bốn giới nặng, tạo nghiệp vô gián và phi báng Chánh pháp. Thuần-đà bạch Phật rằng:

如此重罪有差降耶。佛言。有差降。

như thử trọng tội hữu sai hàng hạ. Phật ngôn. hữu sai hàng.

như phạm tội nặng có cao thấp không? Phật dạy: Có cao thấp,

彼雖犯戒尚服法衣而生慚愧。咄哉我今犯斯重罪。

bi tuy phạm giới thượng phục Pháp y nhi sanh tàm quý. đốt tai ngã kim phạm tu trọng tội.

người kia tuy phạm giới mà còn mặc Pháp y, sanh lòng hổ thẹn nghĩ rằng: Than ôi! Nay ta phạm tội nặng,

何其怪哉造斯大苦。而懷恐怖生護法心。

hà kỳ quái tai tạo tu Đại khổ. nhi hoài khủng phổ sanh hộ Pháp tâm.

sao lại tạo ra nỗi khổ lớn này, nghĩ rồi ôm lòng sợ hãi mà khởi tâm ủng hộ Chánh pháp,

我當讚歎護諸法者。當復降伏諸非法者。

ngã đương tán thán hộ chu Pháp giả. đương phục hàng phục chu phi Pháp giả.

nói rằng Ta sẽ khen ngợi người ủng hộ pháp, sẽ hàng phục những điều phi pháp,

於方等經諸禪三昧方便勤修。

u Phương Đẳng Kinh chu Thiền Tam-muội phương tiện tinh cần tu.

đối với kinh Phương Đẳng, các thiền Tam-muội thì dùng phương tiện siêng tu.

若如是者我說斯等為不犯戒。所以者何。

nhược như thị giả ngã thuyết tu đặng vi bất phạm giới. sở dĩ giả hà.

Nếu như vậy thì Ta nói hạng người này là phạm giới. Tại vì sao?

如日光出微塵障翳皆悉不現。如是修習此摩訶衍契經日光。

như nhật quang xuất vi trần chướng ế giai tất bất hiện. như thị tu tập thử Ma-Ha diển khê Kinh nhật quang.

Như mặt trời lên thì các bụi bặm ngăn che đều không hiện, cũng vậy nếu tu tập kinh Ma-ha-diển là mặt trời sáng

無數無量眾罪積聚皆悉消滅。

vô số vô lượng chúng tội tích tụ giai tất tiêu diệt.

thì vô lượng vô số tội lỗi tích tụ của chúng sanh đều tiêu diệt hết,

是故此經說護法者得大果報。若不爾者。是則名為最大犯戒。

thị cố thù Kinh thuyết hộ Pháp giả đắc Đại quả báo。nhược bất nhĩ giả。thị tắc danh vi tối Đại phạm giới。

cho nên kinh này nói người ủng hộ Phật pháp thì được quả báo lớn. Nếu không làm được như vậy thì gọi là đại phạm giới,

若施此等無毫釐福。復次善男子。

nhược thí thù đẳng vô hào lý phúc。phục thứ thiện nam tử。

nếu bố thí cho hạng này thì không có chút phúc nào. Lại nữa Thiện nam tử, phạm tứ trọng cấm năng tri chân thật Như Lai chi tánh hưng hộ Pháp tâm。

người phạm bốn giới nặng có thể biết tánh Như Lai chân thật mà phát khởi tâm ủng hộ Phật pháp,

若施此等所以得大果報者何。譬如有女人國土荒亂。

nhược thí thù đẳng sở dĩ đắc Đại quả báo giả hà。thí như hữu nữ nhân quốc thổ hoang loạn。

nếu bố thí cho hạng người này thì được quả báo lớn, tại vì sao? Thí như có người nữ vì cỗi nước bị loạn lạc

將一嬰兒欲至他國。

tuong nhất anh nhi dục chí tha quốc。

nên đem con nhỏ muốn đi đến nước khác,

道遇大水汎漲流漫携兒而度水流漂急。不捨其兒母子俱溺。

đạo ngộ Đại thủy phiếm 漲 lưu mạn huê nhi nhi độ thủy lưu phiêu cấp。bất xả kỳ nhi mẫu tử câu nịch。

giữa đường gặp dòng sông lớn nước chảy xiết, người mẹ ôm con vượt sông dù nguy hiểm vẫn không bỏ con, cuối cùng mẹ con đều chết đuối,

然彼女人曾作大惡。以護子功德命終生天。

nhiên bỉ nữ nhân tăng tác Đại ác。dĩ hộ tử công đức mạng chung sanh Thiên。

nhưng người nữ kia từng tạo việc ác, do công đức che chở con mà khi mạng chung được sanh cõi trời。

如是善男子。犯四重禁五無間業。

như thị thiện nam tử。phạm tứ trọng cấm ngũ vô gián nghiệp。

Như vậy Thiện nam tử, người phạm bốn giới nặng tạo nghiệp vô gián

深自悔責興護法心。本作不善獲惡之業。

thâm tự hồi trách hưng hộ Pháp tâm。bản tác bất thiện hoạch ác chi nghiệp。

nhưng tự hồi hận trách móc và khởi tâm ủng hộ Phật pháp, người này vốn tạo nghiệp bất thiện có quả báo xấu,

以護法故得為福田堪受信施。護法功德亦得大果。純陀白佛言。

dĩ hộ Pháp cố đắc vi phúc điền kham thọ tín thí。hộ Pháp công đức diệc đắc Đại

quả。Thuần-đà bạch Phật ngôn。

do tâm ủng hộ Phật Pháp nên được làm ruộng phước, có thể nhận lãnh sự cúng dường, do công đức ủng hộ pháp nên được quả báo lớn. Thuần-đà bạch Phật:

世尊。若一闍提還生信心悔過三尊。

thế tôn。nhược nhất-xiển-đề hoàn sanh tín tâm hồi quá tam tôn。

Bạch Thế Tôn, nếu hạng nhất-xiển-đề trở lại sanh tín tâm, sám hối Tam bảo。

若人施與得大果不。佛告純陀。莫作是語。

nhược nhân thí dĩ đắc Đại quả bất。Phật cáo Thuần-đà。mạc tác thí ngữ。

Nếu bố thí người này thì có quả báo lớn không? Phật dạy: Thuần-đà, chớ nói lời này,

譬如有人食菴羅果。并取其核壞而食之。

thí như hữu nhân thực am la quả。tinh thủ kỳ hạch hoại nhi thực chi。

thí như có người ăn quả Am-la và lấy hạt của nó làm cho hư hoại,

持彼空核種著地中。雖復溉灌終不得生。

trì bỉ không hạch chủng trú địa trung。tuy phục khái quán chung bất đắc sanh。

rồi đem trồng trong đất, tuy có tưới nước mà không thể sanh trưởng。

彼一闍提亦復如是。壞善種子欲令改悔生其善心。

bì nhất-xiển-đề diệc phục như thị. hoại thiện chủng tử dục lệnh cải hối sanh kỳ thiện tâm.

Hạng nhất-xiển-đề cũng lại như vậy, đã làm hu hoại chủng tử thiện mà muốn họ sửa đổi hối hận phát khởi tâm thiện,

無有是處。是故名為一闍提也。

vô hữu thị xử. thị cố danh vi nhất-xiển-đề dã.

thì không có việc này, cho nên gọi là nhất-xiển-đề.

布施持戒得大果者果亦不同。所以者何。布施聲聞及辟支佛。

bồ thí trì giới đắc Đại quả giả quả diệc bất đồng. sở dĩ giả hà. bồ thí thanh văn cập Bích-chi-phật.

Bồ thí cho người trì giới được quả báo lớn cũng không đồng nhau. tại vì sao? Nếu bồ thí cho Thanh văn, Bích-chi-phật

所得果報皆有差別。唯施如來獲最上果。

sở đắc quả báo giai hữu sai biệt. duy thí Như Lai hoạch tối thượng quả.

thì quả báo có sai khác, chỉ có bồ thí cho Như Lai là được quả báo tối thượng,

是故說言。非一切施得大果報。純陀白佛言。

thị cố thuyết ngôn. phi nhất thiết thí đắc Đại quả báo. Thuần-đà bạch Phật ngôn.

cho nên nói chẳng phải tất cả sự bồ thí đều có quả báo lớn. Thuần-đà bạch Phật:

何故世尊而說此偈。佛告純陀有因有緣。

hà cố Thế tôn nhi thuyết thử kệ. Phật cáo Thuần-đà hữu nhân hữu duyên.

Tại sao Thế Tôn nói bài kệ trên? Phật dạy: Thuần-đà, đây là có nhân có duyên,

時王舍城有不信優婆塞奉事尼健。

thời Vương xá thành hữu bất tín Ưu-bà-tắc phụng sự ni kiên.

lúc ấy ở thành Vương xá có Ưu-bà-tắc không tin pháp nên phụng sự đạo Ni-khiến-từ,

而來問我布施之義。我攝彼故為說斯偈。

nhi lai vấn ngã bồ thí chi nghĩa. ngã nhiếp bị cố vi thuyết tu kệ.

người ấy đến hỏi Ta về ý nghĩa bồ thí, Ta vì muốn hàng phục nên nói bài kệ ấy.

當知如來方便密說為菩薩故。非是一切。悉能了知。

đương tri Như Lai phương tiện mật thuyết vi Bồ-tát cố. phi thị nhất thiết. tất năng liễu tri.

Phải biết phương tiện mật thuyết của Như Lai là vì hàng Bồ-tát, chẳng phải tất cả đều có thể hiểu rõ,

是故菩薩人中之雄。

thị cố Bồ-tát nhân trung chi hùng.

cho nên nói Bồ-tát là bậc vĩ đại trong Đại chúng,

當於如來有餘說中分別其義。降伏一切諸犯戒人。如除稊稗害善苗者。

đương ư Như Lai hữu dư thuyết trung phân biệt kỳ nghĩa. hàng phục nhất thiết chu phạm giới nhân. như trừ đề bại hại thiện miêu giả.

trong sự phân biệt giải thích nghĩa thì Như Lai có thuyết phần ngoại lệ, để hàng phục những người phạm giới, như trừ cỏ xấu không cho làm hại giống lúa.

復次善男子。如我所說偈。

phục thứ thiện nam tử. như ngã sở thuyết kệ.

Lại nữa Thiện nam tử, như bài kệ Ta thuyết,

一切江河必迴曲

Nhất thiết giang hà tất hồi khúc

Tất cả sông ngòi có quanh co

一切女人必諂偽

Nhất thiết nữ nhân tất siểm ngụy

Những người nữ ắt có dua nịnh

爾時文殊師利。即從坐起整衣服為佛作禮。

nhi thời Văn-thù-su-lợi. tức tùng tọa khởi chỉnh y phục vi Phật tác lễ.

Lúc bấy giờ ngài Văn-thù-su-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa sang y phục rồi làm lễ Phật

一切叢林必樹木

Nhất thiết tùng lâm tất thụ mộc

Tất cả rừng rậm có cây cỏ

一切大力必安樂

Nhất thiết Đại lực tất an lạc

Có thể lực ắt có an vui.

而說偈言。

nhi thuyết kệ ngôn.

mà nói bài kệ rằng:

非一切河必迴曲

Phi nhất thiết hà tất hồi khúc

Không phải các sông đều quanh co

非悉女人心諂偽

Phi tất nữ nhân tâm siểm ngụy

Không phải nữ nhân đều dua nịnh

如是世尊略說法門非決定說。所以者何。

nư thị Thế tôn lược thuyết Pháp môn phi quyết định thuyết. sở dĩ giả hà.

Như vậy Thế Tôn lược thuyết pháp môn này chẳng phải là nhất định, tại vì sao?

此三千世界中閻浮提外餘閻浮提。有正直河。

thử tam thiên thế giới trung Diêm-phù-đề ngoại dư Diêm-phù-đề. hữu chánh trực hà.

Vì trong cói Diêm-phù-đề và bên ngoài Diêm-phù-đề nơi ba ngàn thế giới có dòng sông thẳng tắp

其直如繩。從其西海直至東海。

kỳ trực như thừng. tông kỳ Tây hải trực chí Đông hải.

như dây mực, chẳng từ biển phía Tây đến biển phía Đông,

如方等阿含中說。是則如來有餘之說。

nư phương Đẳng a hàm trung thuyết. thị tắc Nư Lai hữu dư chi thuyết.

như trong kinh Phương Đẳng A-hàm có nói, như vậy lời Nư Lai nói là có ngoại lệ.

一切叢林必樹木亦有餘說。所以者何。林有二種。

nhất thiết tùng lâm tất thụ mộc diệc hữu dư thuyết. sở dĩ giả hà. lâm hữu nhị chủng.

Tất cả rừng ất có cây cỏ cũng có ngoại lệ, tại vì sao, rừng có hai loại,

亦有金銀琉璃寶樹之林。一切女人必諂偽者亦有餘說。

diệc hữu kim ngân lưu ly bảo thụ chi lâm. nhất thiết nữ nhân tất siểm 偽 giả diệc hữu dư thuyết.

cũng có rừng có các thứ cây báu như vàng, bạc, lưu ly. Tất cả người nữ ất có dua nịnh cũng có ngoại lệ,

有諸女人持戒清淨其心質直。

hữu chư nữ nhân trì giới thanh tịnh kỳ tâm chất trực.

bởi có các người nữ trì giới tâm thanh tịnh chất trực.

一切大力必安樂亦有餘說。如來法王最為大力名為安樂。

nhất thiết Đại lực tất an lạc diệc hữu dư thuyết. Nư Lai Pháp Vương tối vi Đại lực danh vi an lạc.

Tất cả thế lực ất có an vui cũng có ngoại lệ, Nư Lai là đấng pháp vương có thế lực lớn gọi là an lạc,

轉輪聖王及諸天神。亦名大力而不安樂。

Chuyển luân Thánh Vương cập chư Thiên Thần. diệc danh Đại lực nhi bất an lạc.

Còn Chuyển-luân-thánh-vương và các thiên thần cũng có thế lực mà không an lạc, là故當知非一切大力皆為安樂。

thị cố đương tri phi nhất thiết Đại lực giai vi an lạc.

cho nên biết chẳng phải tất thế lực đều có an lạc,

唯有常住非變易法大力泥洹安隱快樂。

duy hữu thường trụ phi biến dịch Pháp Đại lực nê hoàn an ổn khoái lạc.

chỉ có thế lực của pháp thường trụ không biến đổi là Niết-bàn an ổn khoái lạc

譬如良醫與彼病者醍醐令服。時彼病者請良醫言。

thí nư lương y dĩ bì bệnh giả thế hồ lệnh phục. thời bì bệnh giả thỉnh lương y ngôn.

thí nư lương y đưa đề hồ cho người bệnh uống, người bệnh kia nói với lương y rằng:

非一切林必樹木

Phi nhất thiết lâm tất thụ mộc

Không phải mọi rừng nhiều cây cỏ

非為大力悉安樂

Phi vi Đại lực tất an lạc

Không phải thế lực đều an vui.

更與我藥我堪食之。良師答言。

canh dữ ngã được ngã kham thực chi. lương sư đáp ngôn.
Cho tôi thêm thuốc, tôi có thể uống được. Lương y đáp:

但食爾許消已更食。若頓食不消或能殺人。

đãn thực nhĩ hứa tiêu dĩ canh thực. nhược đốn thực bất tiêu hoặc năng sát nhân.
Thuốc uống tiêu rồi nếu lại uống mà không tiêu thì có thể giết người.

時彼良師實哀病者恐其死故。如是如來慈哀愍傷。

thời bỉ lương sư thật ai bệnh giả khủng kỳ tử cố. như thị Như Lai từ ai mẫn thương.

Lúc ấy vị lương y thật sự là thương xót người bệnh vì lo sợ họ chết. Cũng vậy, Như Lai có lòng từ bi thương xót,

欲滅波斯匿王大臣夫人高慢心故。說此偈言。

dục diệt Ba tu nặc Vương Đại Thần phu nhân cao mạn tâm cố. thuyết thử kệ ngôn.
vì muốn diệt trừ tâm kiêu mạn các phu nhân, đại thần của vua Ba-tu-nặc nên nói bài kệ này:

一切江河必迴曲

Nhất thiết giang hà tất hồi khúc

Tất cả sông ngòi đều quanh co

一切女人必諂偽

Nhất thiết nữ nhân tất siểm ngụy

Hết thầy nữ nhân đều dua nịnh

當知世尊言無漏失。如此大地可令反覆。

đương tri Thế tôn ngôn vô lậu thất. như thử Đại địa khả lệnh phản phúc.

phải biết lời Thế Tôn dạy là không sai sót, giả sử đại địa này có thể khiến lật ngược lại,

如來之言終無有失。是故一切有餘無餘。

Như Lai chi ngôn chung vô hữu thất. thị cố nhất thiết hữu dư vô dư.

lời Thế Tôn trọn không thể sai sót, cho nên tất cả đều có ngoại lệ và không ngoại lệ.

皆是如來攝眾生故。佛言。善哉善哉。文殊師利。

giai thị Như Lai nhiếp chúng sanh cố. Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai. Văn-thù-sư-lợi.

đều là Như Lai muốn nhiếp phục chúng sanh nên như vậy. Phật dạy: Hay thay hay thay! Văn-thù-sư-lợi,

哀愍一切諸眾生故。廣說如來有餘無餘。

ai mẫn nhất thiết chư chúng sanh cố. quảng thuyết Như Lai hữu dư vô dư.

ông vì thương xót tất cả chúng sanh nên rộng nói việc Như Lai thuyết có ngoại lệ và không ngoại lệ.

爾時文殊師利復於佛前。而說偈言。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi phục ư Phật tiền. nhi thuyết kệ ngôn.

Lúc bấy giờ ngài Văn-thù-sư-lợi lại đến trước Phật mà nói bài kệ rằng:

於他善隨順

不觀作不作

ư tha thiện tùy thuận

bất quán tác bất tác

Khéo tùy thuận người khác

Không quán làm hay không

但自觀身行

諦視善不善

đãn tự quán thân hành

để thị thiện bất thiện

Chỉ quán sát thân mình

Là thiện hay bất thiện.

如是世尊。說此正法亦復非為究竟之說。

như thị Thế tôn. thuyết thử Chánh pháp diệt phục phi vi cứu cánh chi thuyết.

Như vậy Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp này cũng chẳng phải lời rốt ráo,

所以者何。眾邪外道皆向泥犁。

sở dĩ giả hà. chúng tà ngoại đạo giai hướng nê lê.

tại vì sao, các ngoại đạo tà giáo đều hướng đến ngục Nê-lê,

然佛世尊教諸弟子皆向泥洹。

nhiên Phật Thế tôn giáo chư đệ-tử giai hướng nê hoàn.

nhưng Phật Thế Tôn thì dạy các đệ tử hướng đến Niết-bàn,
若生天上此則名為毀譽之說。如是種種不隨順說。云何世尊。偈中說言。
nhược sanh Thiên thượng thù tặc danh vi hủy dự chi thuyết。 như thị chúng chúng
bất tùy thuận thuyết。 vân hà Thế tôn。 kệ trung thuyết ngôn。
nếu sanh lên cõi trời thì gọi là lời khen chê, như vậy các loại là không tùy
thuận, tại sao trong bài kệ Thế Tôn dạy
於他善隨順。爾時佛告文殊師利。
ư tha thiện tùy thuận。 nhi thời Phật cáo Văn-thù-su-lợi。
là tùy thuận người khác。 Lúc bấy giờ Phật bảo ngài Văn-thù-su-lợi:
我所以說善隨順者。有因有緣。時阿闍世王害父王已。
ngã sở dĩ thuyết thiện tùy thuận giả。 hữu nhân hữu duyên。 thời A đồ thế Vương
hại phụ Vương dĩ。
Sở dĩ Ta nói khéo tùy thuận là có nhân duyên thế này, có lần ấy vua A-xà-thế hại
vua cha rồi
來詣我所而問我言。云何世尊。
lai nghê ngã sở nhi vấn ngã ngôn。 vân hà Thế tôn。
đi đến chỗ Ta mà hỏi rằng: Thế Tôn
為一切智非一切智耶。若一切智者。
vi nhất thiết trí phi nhất thiết trí da。 nhược nhất thiết trí giả。
là vì tất cả người trí hay chẳng phải tất cả người trí, nếu vì tất cả người trí
提婆達多於百千生中於如來所常懷惡心。云何聽使而得出家。
đề bà đạt đa ư bách thiên sanh trung ư Như Lai sở thường hoài ác tâm。 vân hà
thính sử nhi đắc xuất gia。
thì Đề-bà-đạt-đa trong trăm ngàn đời thường có tâm ác đối với Như Lai, sao Như
Lai cho phép xuất gia?
我即為彼而說此偈。於他善隨順。
ngã tức vi bỉ nhi thuyết thù kệ。 ư tha thiện tùy thuận。
ta liền vì A-xà-thế mà nói bài kệ này để khéo tùy thuận người khác。
彼阿闍世王。有害父罪而不自覺。
bỉ A đồ thế Vương。 hữu hại phụ tội nhi bất tự giác。
Vua A-xà-thế kia có tội hại cha mà không tự giác ngộ,
如來欲使自省己過令其罪輕。是故說言。但自觀身行。
Như Lai dục sử tự tỉnh kỷ quá lệnh kỷ tội khinh。 thị cổ thuyết ngôn。 đản tự quán
thân hành。
nên Như Lai muốn vua tự xét lỗi mình để tội được nhẹ nên nói rằng: Chỉ quán sát
thân mình
諦視善不善。汝今云何見不隨順。
đế thị thiện bất thiện。 nữ kim vân hà kiến bất tùy thuận。
là thiện hay bất thiện。 Nay ông tại sao lại thấy không tùy thuận,
若有持戒修行慈心而觀彼過。是則諸佛如來之法。
nhược hữu trì giới tu hành từ tâm nhi quán bỉ quá。 thị tắc chư Phật như lai chi
Pháp。
nếu có người trì giới tu tập tâm từ mà nhìn lỗi người khác, đó là pháp của chư
Phật Như Lai
欲令己身及諸眾生悉皆安樂。
dục lệnh kỷ thân cập chư chúng sanh tất giai an lạc。
muốn khiến thân mình và các chúng sanh đều được an lạc,
是以應觀他作不作己身亦然。常作是觀是我弟子。爾時世尊。
thị dĩ ứng quán tha tác bất tác kỷ thân diệc nhiên。 thường tác thị quán thị ngã
đệ-tử。 nhi thời Thế tôn。
cho nên phải quán sát người khác làm hay không làm, chính mình cũng như vậy, nếu
thường quán sát như vậy đó là đệ tử Ta。 Lúc bấy giờ đức Thế Tôn
復語文殊師利言。如我說偈。
phục ngữ Văn-thù-su-lợi ngôn。 như ngã thuyết kệ。

nói với Văn-thù-su-lợi bài kệ rằng:

一切皆懼死

Nhất thiết giai cụ tử

Tất cả đều sợ chết

恕己可為譬

Thứ kỷ khả vi thí

Tha họ như tha mình

爾時文殊師利復於佛前。而說偈言。

nhĩ thời Văn-thù-su-lợi phục ư Phật tiền. nhi thuyết kệ ngôn.

Lúc bấy giờ ngài Văn-thù-su-lợi lại đến trước Phật mà nói kệ rằng:

非一切懼死

Phi nhất thiết cụ tử

Chẳng phải đều sợ chết

亦不悉喻己

Diệc bất tất dụ kỷ

Cũng không ví dụ mình

如是世尊。略說法門亦非究竟。所以者何。

như thị Thế tôn. lược thuyết Pháp môn diệc phi cứu cánh. sở dĩ giả hà.

Như vậy thì Thế Tôn lược thuyết pháp môn chẳng phải cứu cánh, tại vì sao?

如阿羅漢轉輪聖王玉女象馬大臣之寶。

như A La Hán Chuyển luân Thánh Vương ngọc nữ tượng mã Đại Thần chi bảo.

như A-la-hán, Chuyển-luân-thánh-vương, ngọc nữ, voi ngựa, đại thần, là các thứ báu,

若諸天人及餘眾生能加害者無有是處。

nhược chư Thiên nhân cập dư chúng sanh năng gia hại giả vô hữu thị xứ.

nếu chư thiên, người và các chúng sanh khác có thể làm hại thì không có chỗ đó

勇士烈女野馬獸王持戒比丘。雖有對至而不恐怖。

dũng sĩ liệt nữ dã mã thú Vương trì giới Tỷ-kheo. tuy hữu đối chí nhi bất khủng phổ.

Dũng sĩ, liệt nữ, ngựa chiến, vua loài thú, Tỷ-kheo trì giới, tuy có đối diện sự việc mà không có sợ hãi.

一切皆懼死莫不畏杖痛。是則有餘說。

nhất thiết giai cụ tử mạc bất úy trượng thống. thị tắc hữu dư thuyết.

Phật dạy tất cả đều sợ chết, ai cũng sợ roi gậy, thuyết này tức có ngoại lệ.

又復不可以己喻彼。所以者何。

hựu phục bất khả dĩ kỷ dụ bỉ. sở dĩ giả hà.

Lại nói không cần đem thân mình làm ví dụ, tại vì sao?

若阿羅漢以己喻彼則為命想。若命想者此非上士。

nhược A La Hán dĩ kỷ dụ bỉ tắc vi mạng tưởng. nhược mạng tưởng giả thử phi thượng sĩ.

Nếu A-la-hán đem thân mình làm ví dụ thì đó là mạng tưởng, nếu có mạng tưởng thì đây chẳng phải là bậc đại sĩ,

計命想者愚夫邪見向惡趣門。

kế mạng tưởng giả ngu phu tà kiến hướng ác thú môn.

suy tính mạng tưởng tức là kẻ phạm phu tà kiến đi đến đường ác.

又復羅漢我及眾生空無所有。誰死誰殺。起害想者。無有是處。

hựu phục la hán ngã cập chúng sanh không vô sở hữu. thù tử thù sát. khởi hại tưởng giả. vô hữu thị xứ.

Lại nữa, bậc A-la-hán, ta và chúng sanh đều sở hữu vậy ai chết, ai giết, há lại khởi ý tưởng làm hại thì không có chuyệ đó.

而彼所說我為喻者。為有我喻。為無我喻。

nhĩ bỉ sở thuyết ngã vi dụ giả. vi hữu ngã dụ. vi vô ngã dụ.

Bài kệ nói lấy thân mình làm ví dụ, đó là có ngã làm ví dụ hay vô ngã làm ví dụ,

若是我喻則為下劣。

莫不畏杖痛

Mạc bất úy trượng thống

Ai cũng sợ roi gậy

勿殺勿行杖

Vật sát vật hành trượng

Chớ giết chớ đánh đập.

一切畏杖痛

Nhất thiết úy trượng thống

Và thầy sợ roi gậy

而恕彼眾生

Nhi thứ bỉ chúng sanh

Mà tha cho chúng sanh.

nhược thị ngã dụ tặc vi hạ liệt.

nếu có ngã làm ví dụ đó là hạ liệt,

若無我喻是阿羅漢無有譬喻。然佛世尊。不以無因而妄說法。

nhược vô ngã dụ thị A La Hán vô hữu thí dụ. nhiên Phật Thế tôn. bất dĩ vô nhân nhi vọng thuyết Pháp.

nếu vô ngã làm ví dụ thì A-la-hán không có ví dụ, nhưng đức Phật Thế Tôn không phải không có nhân duyên mà vọng thuyết pháp.

有王舍城大獵師主殺生。供施請佛及僧唯願哀受。

hữu Vương xá thành Đại liệt sư chủ sát sanh. cung thí thỉnh Phật cập tăng duy nguyện ai thọ.

Tại thành Vương xá có người thợ săn dâng cúng thức ăn, thỉnh Phật và chúng tăng thương xót nhận lãnh,

然佛世尊未曾食肉。等視一切如羅睺羅。

nhiên Phật Thế tôn vị tăng thực nhục. đẳng thị nhất thiết như la hầu la.

nhưng Phật Thế Tôn chưa từng ăn thịt, xem tất cả chúng sanh đều như La-hầu-la,

即為獵師。而說此偈。

túc vi liệt sư. nhi thuyết thù kệ.

nên Phật vì người thợ săn mà nói bài kệ rằng:

當觀長壽者

Đương quán trường thọ giả

Phải biết người sống lâu

一切皆懼死

Nhất thiết giai cụ tử

Tất cả đều sợ chết

恕己可為喻

thứ kỷ khả vi dụ

Tha người như tha mình

佛言。善哉善哉。文殊師利。

Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai. Văn-thù-su-lợi.

Phật dạy: Hay thay hay thay! Văn-thù-su-lợi,

人中之仙安慰眾生。善說如來方便密教。爾時文殊師利。

nhân trung chi tiên an úy chúng sanh. thiện thuyết Như Lai phương tiện Mật

Giáo. nhĩ thời Văn-thù-su-lợi.

Ông là bậc tiên trong loài người, vì an ủi chúng sanh mà khéo nói phương tiện bí mật của Như Lai. Lúc bấy giờ ngài Văn-thù-su-lợi

復說偈言。

Phục thuyết kệ ngôn.

liên nói bài kệ rằng:

恭敬於父母

Cung kính ư phụ mẫu

Cung kính với cha mẹ

緣斯孝道故

Duyên tu hiếu đạo cố

Do sự hiếu đạo này

世尊。此偈說無明恩愛以為父母。

Thế tôn. thù kệ thuyết vô minh ân ái dĩ vi phụ mẫu.

Bạch Thế Tôn, bài kệ này nói chúng sanh lấy vô minh ân ái làm cha mẹ,

眾生隨順令其增長造諸惡業。死即當墮無擇地獄。

chúng sanh tùy thuận lệnh kỳ tăng trưởng tạo chư ác nghiệp. tử tức đương đọa vô trạch Địa-ngục.

chúng sanh tùy thuận theo khiến tăng trưởng tạo các nghiệp ác, lúc chết sẽ đọa vào các ngục không thể lựa chọn.

爾時世尊復告文殊師利。如我所說偈。

nhĩ thời Thế tôn phục cáo Văn-thù-su-lợi. như ngã sở thuyết kệ.

不害眾生故

Bất hại chúng sanh cố

Do không hại chúng sanh

莫不畏杖痛

mạc Bất úy trượng thống

Ai cũng sợ roi gậy

勿殺勿行杖

vật sát vật hành trượng

Chớ giết chớ đánh đập.

增加其供養

Tăng gia kỳ cung dưỡng

Tăng thêm sự cúng dường

死墮無擇獄

Tử đọa vô trạch ngục

Chết đọa vô trạch ngục.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn lại bảo Văn-thù-su-lợi, như bài kệ Ta nói:

一切因他勢力苦

Nhất thiết nhân tha thế lực khổ

Mọi khổ thế lực từ tha nhân

一切憍慢勢暴害

Nhất thiết kiêu mạn thế bạo hại

Ái hay kêu mạn ắt bị hại

文殊師利。復說偈言。

Văn-thù-su-lợi. phục thuyết kệ ngôn.

Ngài Văn-thù-su-lợi lại nói kệ rằng:

非一切因他力苦 亦非己力自在樂

phi nhất thiết nhân tha lực khổ diệc phi kỷ lực tự-tại lạc

chẳng phải dựa người khác thì khổ cũng chẳng phải nhờ sức mình mà được vui,

非一切慢勢暴害 非一切賢人所愛

phi nhất thiết mạn thế bạo hại phi nhất thiết hiền nhân sở ái

chẳng phải kiêu mạn đều bị hại cũng chẳng phải nhân từ đều được yên.

此是世尊。略現法門非究竟說。所以者何。

thử thị Thế tôn. lược hiện Pháp môn phi cứu cánh thuyết. sở dĩ giả hà.

Đức Thế Tôn lược thuyết pháp môn này chẳng phải là rốt ráo, tại vì sao?

如庶民子從師而學。俯仰進止悉由於師。

như thứ dân tử tòng sư nhi học. phủ ngưỡng tiến chỉ tất do ư sư.

Như người dân thường theo thầy học nghề, lên xuống qua lại đều do ở thầy,

道藝既成永得安樂。如王者子己力自在。

đạo nghệ ký thành vĩnh đắc an lạc. như Vương giả tử kỷ lực tự-tại.

khi nghề nghiệp thành tựu thì mãi được an lạc. Như con vua thì ngay bản thân mình được tự tại,

不隨他教愚闇常苦。所以如來說此偈者。

bất tùy tha giáo ngu ám thường khổ. sở dĩ Như Lai thuyết thử kệ giả.

nhưng không theo sự dạy dỗ của người khác thì ngu muội thường chịu khổ. Sở dĩ

Như Lai thuyết bài kệ này

其諸眾生為魔所持不得自在。如來為彼而說此偈。

kỳ chư chúng sanh vi ma sở trì bất đắc tự-tại. Như Lai vi bị nhi thuyết thử kệ.

bởi các chúng sanh bị ma trói buộc không tự tại, nên Như Lai vì họ mà thuyết bài

kệ này,

是故當知非為一切他力故苦。

thị cố đương tri phi vi nhất thiết tha lực cố khổ.

thế nên biết chẳng phải dựa vào sức người khác mà đều có khổ,

亦非一切己力故樂。一切憍慢勢暴害者。此亦有餘說。

diệc phi nhất thiết kỷ lực cố lạc. nhất thiết kiêu mạn thế bạo hại giả. thử diệc

hữu dư thuyết.

chẳng phải tất cả dựa vào sức mình mà được vui. Nói kêu mạn hung dữ ắt bị hại,

đây cũng có ngoại lệ,

非一切慢為盡暴害。猶如有人憍慢傲俗。

phi nhất thiết mạn vi tận bạo hại. do như hữu nhân kiêu mạn ngạo tục.

bởi chẳng phải tất cả người kiêu mạn đều bị hại, thí như có người hình dáng kiêu mạn ngạo nghệ,

出家學道或計福德持戒清淨。

xuất gia học đạo hoặc kế phúc đức trì giới thanh tịnh.

nhưng xuất gia học đạo, làm việc phước đức, trì giới thanh tịnh,

當知是等雖為憍慢非為暴害。一切賢善人所愛者。亦有餘說。

đương tri thị đẳng tuy vi kiêu mạn phi vi bạo hại. nhất thiết hiền thiện nhân sở ái giả. diệc hữu dư thuyết.

phải biết người này tuy vi kiêu mạn mà chẳng phải bị hại. Nói nhân từ hiền lành

được người yêu mến cũng có ngoại lệ,

如內法中犯四重禁。

như nội Pháp trung phạm tứ trọng cấm。

như có người ở trong giáo pháp mà phạm bốn giới nặng,
能自剋勵執持威儀雖修賢行。以破正業人所不愛。

năng tự khắc lệ chấp trì uy nghi tuy tu hiền hành. dĩ phá chánh nghiệp nhân sở
bất ái。

rồi tự mình khắc khổ gắng sức giữ gìn oai nghi, tuy có tu hạnh nhân từ mà do phá
chánh nghiệp nên không được người yêu mến.

何因世尊而說此偈。爾時佛告文殊師利。

hà nhân Thế tôn nhi thuyết thừ kệ. nhĩ thời Phật cáo Văn-thù-su-lợi。

Nhưng tại sao đức Thế Tôn thuyết bài kệ này, lúc ấy Phật có bảo Văn-thù-su-lợi:
諸佛如來不以無因而妄說法。

chư Phật như lai bất dĩ vô nhân nhi vọng thuyết Pháp。

Chư Phật Như Lai không phải không có nhân duyên mà vọng thuyết pháp,

時王舍城有拘隣女名須跋陀羅。惡厭世俗。來詣佛所欲求出家。

thời Vương xá thành hữu câu lân nữ danh tu bạt ðà-la. ác yếm thế tục. lai nghệ
Phật sở dục cầu xuất gia。

thời bấy giờ tại Thành Vương-xá có người nữ tên là Tu-bạt-ðà-la, vì nhân chán
thế tục xấu ác nên đến chỗ Phật cầu xin xuất gia,

女人之法不得自在制由男子。自歸三寶。佛知其意。

nữ nhân chi Pháp bất đắc tự-tại chế do nam tử. tự quy Tam Bảo. Phật tri kỳ ý。

bởi cuộc sống người nữ là không được tự tại phải lệ thuộc người nam, Tu-bạt-ðà-
la tự quy y Tam bảo, Phật biết ý ấy

亦知是時而說此偈。一切由他勢力苦。

diệc tri thị thời nhi thuyết thừ kệ. nhất thiết do tha thế lực khổ。

và cũng biết đúng thời nên thuyết bài kệ: Dựa vào sức người khác ắt có khổ。

善哉善哉。文殊師利人中之仙。能問如來方便密教。

Thiện tai Thiện tai. Văn-thù-su-lợi nhân trung chi tiên. năng vấn Như Lai phương
tiện Mật Giáo。

Hay thay hay thay! Văn-thù-su-lợi là bậc tiên giữa loài người, có thể hỏi Như
Lai về phương tiện mật giáo như vậy。

文殊師利。復說偈言。

Văn-thù-su-lợi. phục thuyết kệ ngôn。

Ngài Văn-thù-su-lợi lại nói bài kệ rằng:

一切眾生類

Nhất thiết chúng sanh loại

Tất cả loại chúng sanh

一切諸嬰兒

Nhất thiết chư anh nhi

tất cả những trẻ con

一切諸世間

Nhất thiết chư thế gian

Tất cả người thế gian

一切行法者

Nhất thiết hành Pháp giả

Thực hành tất cả pháp

如是世尊。今受純陀飯食供養將無增患。

như thị Thế tôn. kim thọ Thuần-ðà phạn thực cung dưỡng tương vô tăng hoạn。

Như vậy Thế Tôn, nay Ngài thọ nhận thức ăn cúng dường của Thuần-ðà sẽ không tăng
thêm bệnh hoạn sao?

爾時世尊復為文殊師利。而說偈言。

nhĩ thời Thế tôn phục vi Văn-thù-su-lợi. nhi thuyết kệ ngôn。

Lúc bấy giờ Thế Tôn lại vì Văn-thù-su-lợi mà nói bài kệ rằng:

非一切眾生

皆依飲食存

giai y ẩm thực tồn

Nhờ ăn mà tồn tại

悉無憍惜心

tất vô lận tích tâm

Không có tâm hà tiện

揣食增其病

sù thực tăng kỳ bệnh

Ăn nhiều tăng thêm bệnh

同止得安樂

đồng chỉ đắc an lạc

Cùng ngưng, được an lạc。

Phi nhất thiết chúng sanh
Chẳng phải các chúng sanh
非一切嬰兒

Phi nhất thiết anh nhi
Chẳng phải các trẻ con
非一切世間

Phi nhất thiết thế gian
Chẳng phải các người đời
非一切行法

Phi nhất thiết hành Pháp
Chẳng phải hành các pháp
汝文殊師利。所得病者我當得病。

nhữ Văn-thù-su-lợi. sở đắc bệnh giả ngã đương đắc bệnh.

Này Văn-thù-su-lợi, nếu có bệnh Ta sẽ có bệnh,

諸阿羅漢及辟支佛菩薩如來悉不揣食此則諸佛如

chư A La Hán cập Bích-chi-phật Bồ-tát Như Lai tất bất sùy thực thử tắc chư Phật như

Các A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Như Lai đều không ăn uống, đây là pháp
來定法。

lai định Pháp。

quyết định của chư Phật Như Lai.

若言羅漢及辟支佛菩薩如來曾揣食者。壞大士義。而受眾生百千布施。

nhược ngôn la hán cập Bích-chi-phật Bồ-tát Như Lai tăng sùy thực giả. hoại Đại
sĩ nghĩa. nhi thọ chúng sanh bách thiên bố thí。

Nếu có A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Như Lai từng ăn uống tức là làm hoại
nghĩa của Đại sĩ. Các ngài thọ nhận trăm ngàn sự bố thí của chúng sanh,
讚歎一切布施功德。

tán thán nhất thiết bố thí công đức。

và khen ngợi tất cả công đức của sự bố thí,

欲濟眾生度三惡道無邊苦海。雖不揣食而常歎施。

dục tế chúng sanh độ tam ác đạo vô biên khổ hải. tuy bất sùy thực nhi thường
thán thí。

đó là muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi vô biên biển khổ trong ba đường ác, tuy
không ăn uống mà thường khen ngợi sự bố thí,

欲令眾生成檀波羅蜜。端坐樹下六年苦行。

dục lệnh chúng sanh thành đàn ba la mật. đoan tọa thụ hạ lục niên khổ hành。

vì muốn chúng sanh thành tựu bố thí Ba-la-mật vậy. Như Lai ngồi dưới gốc cây tu
khổ hạnh sáu năm

豈謂不食而形瘦耶。勿謂如來眾生同數。如來已度愛欲諸流。

khởi vị bất thực nhi hình sấu da. vật vị Như Lai chúng sanh đồng số. Như Lai dĩ
độ ái dục chư lưu。

há cho rằng vì không ăn uống mà thân thể tiêu tụy sao, chớ cho rằng Như Lai là
như các chúng sanh, Như Lai đã vượt qua các dòng nước ái dục

不同世人境界行處。如來境界不可思議。

bất đồng thế nhân cảnh giới hành xứ. Như Lai cảnh giới bất khả tư nghị。

không như cảnh giới của người thế gian, cảnh giới của Như Lai là không thể nghĩ
bàn,

聲聞弟子亦復如是。言揣食者是有餘說。

thanh văn đệ-tử diệc phục như thị. ngôn sùy thực giả thị hữu du thuyết。

các đệ tử Thanh văn cũng lại như vậy. Nói ăn uống là có ngoại lệ,

一切嬰兒離慳惜者。亦有餘說。

nhất thiết anh nhi ly khan tích giả. diệc hữu du thuyết。

nói tất cả trẻ con không có tâm mến tiếc cũng có ngoại lệ

乃有無量永離慳心無動快樂。一切揣食增其病者。

Giai y ẩm thực tồn

Đều nhờ ăn tồn tại

悉無憍惜心

Tất vô lận tích tâm

Không có tâm hà tiện

揣食增其病

Sùy thực tăng kỳ bệnh

Ăn nhiều tăng thêm bệnh

同止得安樂

Đồng chí đắc an lạc

Cùng ngưng, được an lạc

nãi hữu vô lượng vĩnh ly khan tâm vô động khoái lạc. nhất thiết sù thực tăng kỳ bệnh giả.

bởi có vô lượng người xa lìa tâm hà tiện mà không an lạc. Ăn nhiều tăng thêm bệnh

亦有餘說。外來之病劍刺瘡疔其數無量。

diệc hữu dư thuyết. ngoại lai chi bệnh kiếm thứ sang vuu kỳ số vô lượng.

cũng có ngoại lệ, bởi bệnh từ bên ngoài đến như đao kiếm, mụn nhọt có đến vô lượng,

一切行法同止安樂者。亦是如來有餘之說。其法多種。

nhất thiết hành Pháp đồng chỉ an lạc giả. diệc thị Như Lai hữu dư chi thuyết. kỳ Pháp đa chủng.

thực hành tất cả pháp, đều ngưng (sự ăn uống, tạo tác) được an lạc cũng có ngoại lệ, pháp ấy có nhiều loại,

亦有修習世俗善法。

diệc hữu tu tập thế tục thiện Pháp.

cũng có người tu tập pháp lành thế tục,

身口意業種種淨法種種信心。而共同止不相隨順。

thân khẩu ý nghiệp chủng chủng tịnh Pháp chủng chủng tín tâm. nhi cộng đồng chỉ bất tương tùy thuận.

ba nghiệp thân khẩu ý các pháp thanh tịnh, các thứ tín tâm, cùng ở chung mà không tùy thuận nhau,

是故當知諸佛如來。不以無因緣故違義而說。

thị cố đương tri chư Phật như lai. bất dĩ vô nhân duyên cố vi nghĩa nhi thuyết.

cho nên biết chư Phật Như Lai không phải không có nhân duyên mà nói lời trái nghĩa,

以教化故方便說法。時有半頭梵志。

dĩ giáo hóa cố phương tiện thuyết Pháp. thời hữu bán đầu phạm chí.

vì giáo hóa nên dùng phương tiện thuyết pháp. Lúc ấy có Phạm chí

與諸同止修天祠齋法。來詣佛所。為降伏彼令捨異見。

dữ chư đồng chỉ tu Thiên từ trai Pháp. lai nghê Phật sở. vi hàng phục bi lệnh xả dị kiến.

cùng các bạn đồng ở chung tu pháp cúng tế trời và đi đến chỗ Phật, Phật muốn hàng phục họ để họ xả bỏ sự sai lầm,

而說此偈。爾時迦葉菩薩白佛言。云何世尊。

nhi thuyết thử kệ. nhĩ thời ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. vân hà Thế tôn.

nên nói bài kệ này. Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

諸餘契經皆是如來有餘說耶。佛言不也。善男子。

chư dư khế Kinh giai thị Như Lai hữu dư thuyết da. Phật ngôn bất dã. thiện nam tử.

các Khế Kinh khác Như Lai thuyết đều có ngoại lệ chẳng? Phật dạy: Không có, này Thiện nam tử,

若有眾生功德成就善解深法。

nhược hữu chúng sanh công đức thành tựu thiện giải thâm Pháp.

nếu có chúng sanh được thành tựu công đức, khéo hiểu pháp thâm sâu,

如來為說常住安樂無餘之法。諸餘眾生樂聞法者。

Như Lai vì thuyết thường trụ an lạc vô dư chi Pháp. chư dư chúng sanh lạc văn Pháp giả.

Như Lai vì họ mà thuyết pháp thường trụ an lạc không có ngoại lệ, các chúng sanh khác ưa nghe pháp

如來為彼或有餘說或無餘說。

Như Lai vì bị hoặc hữu dư thuyết hoặc vô dư thuyết.

thì Như Lai vì họ mà thuyết hoặc có ngoại lệ hoặc không ngoại lệ.

迦葉菩薩即大歡喜白佛言。奇哉世尊。等視眾生猶如一子。

ca diệp Bồ-tát tức Đại hoan hỷ bạch Phật ngôn. kì tai Thế tôn. đấng thị chúng sanh do như nhất từ.

Bồ-tát Ca-diếp liền hoan hỷ mà bạch Phật rằng: Kỳ lạ thay Thế Tôn, ngài xem các chúng sanh như con một.

佛告迦葉。善哉。善男子。應當如是諦解深法。

Phật cáo ca diệp. Thiện tai. thiện nam tử. ứng đương như thị để giải thâm Pháp.

Phật dạy: Ca-diếp, hay thay Thiện nam tử, nên quán sát rõ ràng các pháp thâm sâu như vậy

迦葉菩薩白佛言。世尊。唯願如來。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. duy nguyện Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, xin Ngài

說此方等般泥洹經所得功德。佛告迦葉。

thuyết thử Phương Đẳng bát nê hoàn Kinh sở đắc công đức. Phật cáo ca diệp.

nói về công đức của kinh Phương Đẳng Bát-niết-bàn này. Phật dạy: Ca-diếp,

此摩訶衍般泥洹經。聞其名者所得功德。

thử Ma-Ha diên bát nê hoàn Kinh. văn kỳ danh giả sở đắc công đức.

kinh Ma-ha-diên Bát-niết-bàn này nếu ai nghe được tên kinh thì có được công đức, 非是聲聞及辟支佛能究竟說。

phi thị thanh văn cập Bích-chi-phật năng cứu cánh thuyết.

chẳng phải Thanh văn hay Bích-chi-phật có thể nói đến.

此摩訶衍般泥洹經所生功德不可思議。唯是諸佛如來境界。

thử Ma-Ha diên bát nê hoàn Kinh sở sanh công đức bất khả tư nghị. duy thị chư Phật như lai cảnh giới.

Kinh Ma-ha-diên Bát-niết-bàn này có công đức không thể nghĩ bàn, chính là cảnh giới của chư Phật Như Lai.

爾時諸天世人及阿修羅。即於佛前一心同聲。

nhĩ thời chư Thiên thế nhân cập A-tu-La. tức ư Phật tiền nhất tâm đồng thanh.

Lúc bấy giờ các hàng trời, người, a-tu-la, liền đến trước Phật đồng thanh 以偈頌曰。

dĩ kệ tụng viết.

nói bài kệ rằng:

如來天中天

Như Lai Thiên trung Thiên

Như Lai bậc tối thượng

如來之所說

Như Lai chi sở thuyết

Như Lai thuyết giảng kinh

出生諸功德

Xuất sanh chư công đức

Phát sanh các công đức

正法難思議

Chánh pháp nan tư nghị

Chánh pháp khó nghĩ bàn

唯願天中天

Duy nguyện Thiên trung Thiên

Cúi xin đức Như Lai

上座尊迦葉

Thượng Toạ tôn ca diệp

Bậc Thượng tọa Ca-diếp

尊者阿難陀

Tôn-Giả A-nan Đà

Tôn giả A-nan-đà

及摩竭提王

Cập ma kiệt đề Vương

Vua nước Ma-kiệt-đà

甚深難思議

Thâm thâm nan tư nghị

Thâm sâu khó nghĩ bàn

方等泥洹經

Phương Đẳng nê hoàn Kinh

Phương Đẳng Bát-niết-bàn

亦不可思議

Diệc bất khả tư nghị

Cũng không thể nghĩ bàn

僧寶亦復然

Tăng bảo diệc phục nhiên

Tăng bảo cũng như vậy

哀愍小留住

Ai mẫn tiểu lưu trụ

Thương xót mà ở lại

眷屬須臾至

Quyển chúc tu du chí

Giây lát nữa sẽ đến

多聞大仙士

Đa văn Đại tiên sĩ

Là bậc đại đa văn

國王阿闍世

Quốc Vương A đồ thế

Quốc vương A-xà-thế

斯等於如來
Tư đẳng ư Như Lai
Những vị đệ tử ấy
彼諸正士等
Bí chú chánh sĩ đẳng
Mà những vị như vậy
如來為泥洹
Như Lai vi nê hoàn
Như Lai sẽ Niết-bàn
此等心懷疑
Thử đẳng tâm hoài nghi
Các tâm nghi hoặc ấy
願哀須臾住
Nguyện ai tu du trụ
Xin Ngài ở chốc lát

爾時世尊為諸大眾。而說偈言。

Nhĩ thời Thế tôn vi chư Đại chúng. Nhi thuyết kệ ngôn.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn vì Đại chúng mà nói bài kệ rằng:

諸懷疑惑者
Chư hoài nghi hoặc giả
Những người đang nghi hoặc
我法生長子
Ngã Pháp sanh trưởng tử
Trưởng tử trong pháp Ta
阿難多聞士
A-nan đa văn sĩ
A-nan bậc đa văn
要令彼見我
Yêu lệnh bí kiến ngã
Các vị ấy gặp Ta
如斯智慧士
Như tư trí tuệ sĩ
Các bậc trí tuệ ấy
彼自知我身
Bỉ tự tri ngã thân
Ắt tự biết thân Ta

爾時一切大眾眷屬。供養如來天繒華蓋。

nhĩ thời nhất thiết Đại chúng quyến chúc. cung dưỡng Như Lai Thiên tăng hoa cái.

Lúc bấy giờ tất cả Đại chúng cùng các quyến thuộc rải các thứ hoa trời mà cúng dường Như Lai,

燒眾名香作天伎樂。

thiêu chúng danh hương tác Thiên kĩ nhạc.

lại đốt các hương thơm, trỗi các nhạc trời,

其數無量不可為喻供養佛已。

kỳ số vô lượng bất khả vi dụ cung dưỡng Phật dĩ.

số ấy đến vô lượng không thể đếm hết. Cúng dường Phật xong

萬恒河沙諸眾生等發阿耨多羅三藐三菩提心。住於菩薩最初住地。

vạn hằng hà sa chú chúng sanh đẳng phát a nậu Đa-la tam miểu tam Bồ-đề tâm. trụ ư Bồ-tát tối sơ trụ địa.

thì có vạn hằng-hà-sa chúng sanh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trụ vào địa vị Sơ địa của Bồ-tát,

純陀長者歡喜踊躍。菩提甘露以灌其頂。

Thuần-đà Trưởng-Già hoan hỷ dũng dục. Bồ-đề cam lộ dĩ quán kỳ đỉnh.

trưởng giả Thuần-đà hoan hỷ nhảy nhót, bởi cam lồ Bồ-đề được rưới trên đỉnh.

最親密弟子
Tối thân mật đệ-tử
Thân thiết với Như Lai
必懷疑惑想
Tất hoài nghi hoặc tưởng
Ắt ôm lòng nghi hoặc
為當長存世
Vi đương trường tồn thế
Hay sẽ ở đời lâu
於何而取定
Ư hà nhi thủ định
Làm sao được giải tỏa
待至為決疑
Đãi chí vi quyết nghi
Để giải quyết các nghi

汝等勿憂慮
Nhữ đẳng vật ưu lự
Các ông chớ lo nghĩ
上座大迦葉
Thượng Toạ Đại ca diệp
Là Thượng tọa Ca-diếp
是等須臾至
Thị đẳng tu du chí
Giây lát nữa sẽ đến
我當般泥洹
Ngã đương bát nê hoàn
Ta sẽ vào Niết-bàn
觀如來雙足
Quán Như Lai song túc
Nhìn đôi chân Như Lai
常無常真實
Thường vô thường chân thật
Chân thật thường, vô thường.

爾時世尊告文殊師利法王子迦葉菩薩純陀菩薩。

nhĩ thời Thế tôn cáo Văn-thù-su-lợi Pháp-Vương-Tử ca diệp Bồ-tát Thuần-đà Bồ-tát.

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Văn-thù-su-lợi pháp vương tử, Bồ-tát Ca-diếp và Bồ-tát Thuần-đà rằng:

汝善男子。自修其心慎莫放逸。

nhữ thiện nam tử. tự tu kỳ tâm thận mạc phóng dật.

Thiện nam tử các ông nên tự tu tâm, cẩn thận chớ có buông lung,

我今背疾舉身皆痛欲須燕臥。汝文殊師利。

ngã kim bối tật cử thân giai thống dục tu yển ngọa. nhữ Văn-thù-su-lợi.

nay Ta đau lưng muốn nằm nghỉ, Văn-thù-su-lợi

當為一切四眾說法。

đương vì nhất thiết Tứ Chúng thuyết Pháp.

sẽ vì bốn chúng mà thuyết pháp

如來正法今付囑汝乃至上座摩訶迦葉及阿難到。汝當廣說。於是世尊。

Như Lai Chánh pháp kim phó chúc nhữ nãi chí Thượng Toạ Ma ha Ca-diếp cập A-nan đáo. nhữ đương quảng thuyết. ư thị Thế tôn.

Nay Như Lai đem Chánh pháp phó chúc cho ông, đến khi Thượng tọa Ma-ha Ca-diếp và A-nan đến ông phải rộng tuyên thuyết. Lúc ấy Thế Tôn

化眾生故現身有疾。右脇著地係念明想。

hóa chúng sanh cố hiện thân hữu tật. hữu hiệp trú địa hệ niệm minh tưởng.

vì giáo hóa chúng sanh nên hiện thân có bệnh, nằm nghiêng bên phải rồi đi vào thiền định.

大般泥洹經卷第六

Đại bát nê hoàn Kinh quyển đệ lục

Đại Bát-nê-hoàn Kinh

Quyển Thứ Sáu.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:29:29 2006

=====